

S. MAUGHAM

NHỮNG TÁC PHẨM
KINH ĐIỂN THẾ GIỚI

Ưa



NHA XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

NHỮNG TÁC PHẨM KINH ĐIỂN THẾ GIỚI

S. Maugham



MƯA

Người dịch

NGUYỄN VIỆT LONG

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Giên

Tôi nhớ rất rõ cái dịp đầu tiên tôi gặp Giên Phaulơ. Sở dĩ như thế chỉ vì những chi tiết của cái cảm tưởng thoáng qua của tôi về bà rõ rệt đến mức tôi hoàn toàn tin tưởng ở trí nhớ của mình, cho nên khi ngẫm lại tôi phải thú nhận là thật khó mà tin rằng nó lại không chơi khăm tôi một vố tài tình nào đó. Đạo ấy tôi mới từ Trung Quốc về lại Luân Đôn và đến nhấp trà ở nhà bà Tausơ. Bà Tausơ đã bị hút vào cái đam mê bài trí đang phát triển và với cái cung cách thẳng tay của phái nữ, bà đã hy sinh bộ ghế bà đã ngự tọa hàng bao năm, hy sinh những bàn, những tủ, những đồ trang biện mà cặp mắt bà vẫn dừng lại một cách tỉnh tại trên chúng kể từ thuở bà bước chân đi lấy chồng, hy sinh những bức tranh quen thuộc với bà gần cả một đời và phó mặc cho bàn tay của một chuyên gia bài trí. Chẳng còn lại một tí gì thuở trước trong gian phòng khách mà bà có biết bao kỷ niệm, căn phòng gắn với bao nhiêu tình cảm. Hôm ấy bà mời tôi đến để chiêm ngưỡng cái cảnh hào hoa đúng mốt mà giờ đây bà đang tẩm mình

trong đó. Những gì có thể bắt chước được theo lối tranh cổ thì đã được bắt chước, còn những gì không bắt chước được thì được tô vẽ lên. Chẳng có gì là tương xứng với nhau, nhưng được cái mọi thứ đều hòa hợp.

- Ông còn nhớ những đồ đạc quê kệch trong phòng khách này trước kia không? - Bà Tauơ hỏi.

Rèm che lộng lẫy mà nhũ, ghế đi văng phủ lớp vải thêu kim tuyến Ý, cái ghế mà tôi đang ngồi cũng có kiểu thêu *petit point*⁽¹⁾. Căn phòng đẹp, phong phú mà không lòe loẹt, độc đáo mà không màu mè, ấy vậy mà tôi vẫn thấy thiếu thiếu một cái gì. Trong lúc ngoài miệng thì khen còn trong thâm tâm tôi tự hỏi tại sao tôi lại ưa cái thứ vải hoa khá cũ sồn phủ trên bộ đồ đạc mềng mềng ưa những bức tranh thuốc nước thời Victoria⁽²⁾ mà tôi đã quen mắt từ lâu lắm rồi, và cái đồ sứ Drexden ngộ ngộ vẫn từng trang điểm cho cái bộ lò sưởi hơn nhiều. Tôi không rõ cái gì là cái tôi thấy thiếu thiếu trong tất cả những gian buồng này, nơi mà những đồ trang hoàng được trưng bày qua một kỹ nghệ ăn tiền như vậy. Có phải là cái hồn không? Thế nhưng bà Tauơ nhìn quanh rất mãn nguyện.

- Ông có thích chùm đèn bằng thạch cao Alébat kia không? - Bà nói. - Nó tỏa ánh sáng dịu dàng ghê!

- Tôi vốn ưa cái sáng trông rõ mặt hơn, - tôi mỉm cười đáp.

⁽¹⁾ Petit point (tiếng Pháp): mũi nhỏ.

⁽²⁾ Victoria: Nữ hoàng Anh (1819 - 1901) trị vì từ 1837 đến 1901.

- Thế thì khó gắn cái ưa ấy với thứ ánh sáng trông không rõ mặt cho lắm như thế này, - bà Taou cười.

Tôi không có khái niệm về tuổi tác của bà. Khi tôi còn bé thì bà đã là một phụ nữ có chồng hơn tuổi tôi khá nhiều, nhưng bây giờ thì bà đối xử với tôi như đối với người cùng lứa. Bà vẫn thường bảo rằng bà chẳng phải giấu giếm gì cái tuổi tứ tuần của bà, rồi bà mỉm cười mà thêm rằng đàn bà ai cũng nói giảm đi đến năm tuổi. Bà chẳng bao giờ tìm cách lảng tránh việc bà nhuộm tóc (nó màu nâu khá hay, có điểm xuyết ít sắc đỏ) bà bảo bà làm thế là vì khi đang bắt đầu hoa râm tóc trông gớm lắm, hễ khi nào tóc bà ngả bạc hẳn bà sẽ thôi nhuộm.

- Lúc ấy người ta sẽ bảo tôi có khuôn mặt trông trẻ lắm ấy chứ!

Tuy nhiên bây giờ nó được nhuộm khá cẩn thận, còn đôi mắt bà tinh anh thế kia cũng nhờ không ít ở mỹ trang. Bà thuộc loại đàn bà đẹp, ăn mặc diêm dúa, và trong ánh đèn thạch cao Alêbat mờ mờ kia trông bà không già hơn cái tuổi bốn mươi mà bà tự nhận lấy một ngày.

- Chỉ có ở bên cái bàn trang điểm tôi mới phải hứng chịu ánh sáng trần trụi của ngọn đèn điện ba mươi hai nến⁽¹⁾ - Bà cười cay đắng mà chua thêm: - Đấy, tôi cần nó để nói cho tôi biết cái sự thật ghê gớm để rồi tôi có thể áp dụng những bước cần thiết sửa sang lại hình dáng.

⁽¹⁾ Nến: đơn vị đo cường độ ánh sáng.

Chúng tôi vui vẻ nói chuyện tào lao về bạn bè chung, và bà Taos đưa tôi vào cuộc với những chuyện xáo động nóng hổi kỳ này. Sau khi đã lặn dận đây đó, thật là khoan khoái khi tĩnh tọa trên ghế êm ấm, lửa cháy sáng rực trong lò sưởi, bộ đồ pha trà tuyệt mỹ đặt trên cái bàn cũng tuyệt mỹ và chuyện trò với người đàn bà hóm hỉnh, hấp dẫn này. Bà ta đối đãi với tôi như với một đứa con hoang toàng đã phải nuốt cả vỏ trấu nay đã trở về⁽¹⁾ và tỏ ra rất bao dung với tôi. Bà vẫn hãnh diện về những bữa tiệc vui vẻ của mình, bà lo cho khách khứa ngồi đúng ngôi thứ cũng không kém phần bận rộn so với việc cung cấp các món cao lương mỹ vị cho họ, và chẳng có mấy ai lại không xem đó như là cái cách đối đãi tương xứng với họ. Lần này bà đã hẹn dịp và hỏi xem tôi thích gặp gỡ với ai.

- À mà có một điều tôi phải nói để ông rõ. Nếu Giên Phaulơ còn ở đây thì tôi sẽ phải hoãn lại.

- Giên Phaulơ là ai thế? - Tôi hỏi.

Bà Taos nở nụ cười buồn bã.

- Giên Phaulơ là cái nợ cho tôi.

- Ồ!

- Ông có nhớ cái tấm ảnh tôi vẫn để trên chiếc pianô hồi trước khi sửa sang lại căn buồng không?

⁽¹⁾ Mượn tích trong Kinh thánh (Luke 15.11.32) nói về một đứa con hoang toàng sau khi phung phí tài sản và chịu nhiều đau khổ, lặn dận, kể cả việc phải ăn trấu, đã hối hận quay trở về căn nhà của cha mẹ.

Tấm ảnh người đàn bà mặc bộ váy áo chặt chẽ, ống tay cũng chặt chẽ, cổ đeo hình trái tim vàng mà tóc xõa từ trên cái trán rộng xuống, tai chia ra, lại có cặp kính trên mũi ấy. Đây chính là Giên Phaulơ.

- Trong phòng này, hồi chưa sửa, có nhiều ảnh lắm, - tôi nói một cách mơ hồ.

- Cứ nghĩ đến mà rung mình. Tôi đã xếp chúng thành một bó to tướng gác lên mái rồi.

- Được, thế Giên Phaulơ là ai thế? - Tôi vừa cười vừa hỏi.

- Cô ấy là em chồng tôi. Cô ấy lấy một chủ xưởng ở miền Bắc. Cô ấy góa chồng đã lâu và sống rất sung túc.

- Thế thì sao bà ấy lại là cái nợ cho bà?

- Cô ấy bệ vệ, cô ấy ăn mặc lếch tha lếch thếch, lại quê mùa nữa. Cô ấy trông già hơn tôi đến hai mươi tuổi mà lại cứ bô bô với bất kỳ ai cô ấy gặp là chúng tôi cùng học với nhau. Cô ấy thiết tha với thân thích ruột rà lắm, mà vì tôi là chỗ ruột thịt nhất còn sống nên cô ấy rất quý tôi. Mỗi khi về Luân Đôn thì không bao giờ cô ấy nghĩ đến chuyện ở nơi nào khác ngoài ở đây - Cô ấy cho rằng nếu làm thế thì sẽ xúc phạm đến tình cảm của tôi - và cô ấy thường ở chơi chỗ tôi độ ba bốn tuần. Chúng tôi ngồi đây này, cô ấy thì đan và đọc sách. Đôi khi cô ấy cố nèo tôi đi ăn ở khách sạn Claritgier cho bằng được. Trông cô ấy cứ như bà ở ấy, mà những người tôi không muốn để họ trông thấy thì lại ngồi ngay gần bên cạnh. Về nhà cô ấy nói là cô ấy thích tặng tôi món quà nho nhỏ. Cô ấy

tự tay làm cho tôi những ẩm giở mà tôi buộc lòng phải dùng khi cô ấy còn ở đây và những cái khăn lót cùng vật trang trí đặt giữa bàn ở phòng ăn.

Bà Tươ ngừng lại để thở.

- Tôi cứ nghĩ một người phụ nữ lịch duyệt như bà chắc sẽ tìm được cách xử sự trong trường hợp như thế.

- Ấy ông chưa hiểu đấy, tôi không có được một cơ hội nào cả. Cô ấy quá đổi là tốt. Cô ấy có một tấm lòng vàng. Cô ấy làm tôi ngán chết đi được, nhưng tôi không được hé ra tí gì khiến cô ấy sinh nghi.

- Khi nào bà ấy lại đến?

- Ngày mai.

Nhưng câu trả lời chỉ vừa mới ra khỏi miệng bà Tươ thì tiếng chuông đã vang lên. Có tiếng chân thình thịch trong phòng, và trong khoảnh khắc người quản gia đã mở cửa cho một bà luống tuổi bước vào.

- Bà Phaulơ, - anh quản gia loan báo.

- Giêng! - Bà Tươ kêu lên và đứng phắt dậy - Nào có ai ngờ cô lại tới hôm nay!

- Anh quản gia của chị vừa mới nói cho em biết. Em đã nói rõ trong thư là hôm nay mà!

Bà Tươ lấy lại trí khôn.

- Ô! Mà chẳng hề gì. Tôi lúc nào cũng sung sướng được cô tới chơi. May quá, tối nay tôi không phải bận gì cả.

- Chị đừng để vì em mà phải phiền hà. Em chỉ cần một quả trứng luộc để ăn tối là xong thôi mà.

Một cái nhãn mặt nhè nhẹ trong giây lát đã làm méo xệch những đường nét đẹp đẽ của bà Taơ. Một quả trứng luộc!

- Ồ, tôi nghĩ là ta có thể làm được món gì hơn thế chứ!

Tôi thầm bật cười khi nhớ ra là hai bà bằng tuổi nhau. Bà Phaulơ trông mềng ra cũng năm mươi lăm. Bà có thân hình khá to, bà đội cái mũ rơm đen vành rộng, có cái quai màu đen treo vắt phía trên vai, cái áo khoác là sự kết hợp kỳ cục giữa vẻ nghiêm túc và sự nhăng nhít, áo váy đen và dài, dày bình bịch như thể bà mặc mấy lớp áo lót bên trong và đôi ủng chắc mạp. Chắc chắn là bà bị cận thị, bởi vì bà nhìn qua cái kính gọng vàng to khổ.

- Cô làm một chén trà nhé? - Bà Taơ mời.

- Nếu không phiền chị nhiều lắm. Để em cởi cái áo khoác ra đã.

Bà lột tất tay ra trước tiên, rồi mới cởi áo khoác. Quanh cổ bà là một dây chuyền vàng nặng, dưới lủng lẳng một hình trái tim vàng to bản trong đó có tấm hình mà tôi cảm chắc là ảnh của người chồng đã quá cố của bà. Sau đó bà bỏ mũ ra và đặt nó gọn gàng vào góc ghế đi vắng cùng với tất tay và áo khoác. Bà Taơ bặm môi. Dĩ nhiên chỗ quần áo kia không được hòa hợp lắm với cái vẻ đẹp chân phương mà lộng lẫy của phòng khách đã được trang hoàng lại của bà Taơ. Tôi bản khoăn không biết bà Phaulơ kiếm đâu ra trên đời này bộ trang phục lạ thường kia. Thật phải kinh ngạc khi thấy cánh thợ may bày

giờ vẫn còn tạo ra những thứ mà người ta không mặc đến đã một phần tư thế kỷ nay. Mái tóc hoa râm của bà Phaulơ được chải bằng, để hở ra cả bộ trán và đôi tai của bà với một đường ngôi ở chính giữa. Chắc chắn là nó chưa bao giờ biết đến cái kẹp tóc của ông Macxen⁽¹⁾. Lúc này mắt bà đang hướng xuống cái bàn pha trà với cái ấm bằng bạc thời Gioocgiơ⁽²⁾ và những cái tách sứ Uttxơ⁽³⁾.

- Thế chị làm gì với cái ấm giở em cho chị cái dạo đến đây lần cuối ấy, chị Mariôn? - Bà hỏi - Chị không dùng nó à?

- Có đấy, tôi dùng nó hàng ngày, cô Giên ạ. - Bà Taosơ đáp liền lấu. - Rủi quá hôm nọ tôi làm cháy mất.

- Cái cuối cùng em cho chị lại cháy nốt rồi à?

- Tôi e là cô lại nghĩ chúng tôi chẳng cần thận gì cả.

- Cũng chả thành vấn đề - bà Phaulơ mỉm cười - Em sẵn lòng làm cho chị cái khác thôi mà. Ngày mai em sẽ đi cửa hàng Tự do⁽⁴⁾ mua lựa.

Bà Taosơ giữ bộ mặt can đảm.

- Tôi chẳng xứng đáng đâu, cô biết đấy. Bà vợ cha sở chỗ cô có cần một chiếc không?

⁽¹⁾ Macxen Gratô (1852 - 1936): thợ làm dầu nổi tiếng người Pháp.

⁽²⁾ Thời Gioocgiơ: thời đại trị vì của bốn ông vua Anh: Gioocgiơ I (1714-1727), Gioocgiơ II (1727-1760), Gioocgiơ III (1760-1820) và Gioocgiơ IV (1820-1830).

⁽³⁾ Uttxơ (Woorcestér): một thành phố nhỏ miền trung du phía Tây nước Anh, nổi tiếng về đồ sứ.

⁽⁴⁾ Cửa hàng Tự do chuyên bán đồ lạ phương Đông, ở phố Nhiếp chính, phía đông công viên Haidơ.

- Ô, em mới làm cho bà ấy một chiếc rồi, - bà Phaulơ hồ hởi đáp.

Tôi nhận thấy khi cười, bà phô hàm răng trắng, nhỏ và đều. Chúng quả thực là đẹp. Nụ cười của bà cũng rất ngọt ngào. Nhưng tôi cảm thấy đã đến lúc phải rút lui để cho hai bà hàn huyên với nhau, thế là tôi cáo từ.

Sáng sớm hôm sau bà Taơ gọi điện cho tôi, và qua giọng nói của bà, tôi thấy ngay là bà đang phấn chấn.

- Tôi có một tin cực kỳ lý thú cho ông đấy, - bà nói. - Giên sắp sửa đi lấy chồng!

- Vô lý!

- Vị hôn phu của cô ấy sẽ tới ăn tối ở đây để ra mắt tôi, nên tôi muốn ông cũng đến.

- Ấy chết, thế tôi lại đâm quấy quả các vị.

- Không đâu. Chính cô Giên cũng bảo tôi mời ông. Ông đến nhé!

Bà ta cười khúc khích.

- Anh ta là ai?

- Tôi không rõ. Cô ấy nói anh ta là một nhà kiến trúc. Ông có tưởng tượng được là Giên lấy loại người như thế không?

Tôi chẳng bận việc gì cả và có thể phó cho bà Taơ đãi tôi một bữa ngon lành.

Khi tôi đến thì bà Taơ rất lộng lẫy trong chiếc áo dài hơi trẻ quá so với tuổi bà, đang ngồi một mình.

- Giên đang trang điểm một tý tẹo nữa là xong.

Tôi đang mong ông đến mà xem cô ấy. Cô ấy cứ xốn xang cả lên. Cô ấy bảo anh kia say cô lắm. Anh ta tên là Ginbót và khi kể về anh ta thì giọng Giên cứ run run buồn cười lắm. Thật tôi chỉ muốn phá lên cười.

- Không hiểu anh ta nom thế nào nhỉ?

- Chao, tôi chắc là hình dung ra thôi. Rất to, nặng bình bịch này, đầu hói và có dây xích vàng to tổ bố quanh cái bụng vĩ đại này. Mặt thì đỏ, to, mập, mày râu nhẵn nhụi này, giọng nói thì oang oang này.

Bà Phaulo đi vào. Bà mặc cái áo dài lụa màu đen cứng đơ với cái váy rộng, đuôi dài lê thê. Ở chỗ cổ nó xẻ thành cái hình chữ V bẽn lẽn, còn ống tay thì xuôi xuống đến khuỷu. Bà đeo cái dây kim cương bọc bạc. Tay bà đi đôi găng đen, dài, cầm cái quạt bằng lông đà điểu màu đen. Bà đã thành công (như khá ít người làm được như vậy) trong việc làm cho bà có sao thì trông ra vậy. Bạn không bao giờ có thể nghĩ bà là cái gì khác trên đời này ngoài một bà quả phụ đáng kính của một chủ xưởng dư dật xứ nông thôn miền Bắc.

- Cô có cái cổ đẹp quá, cô Giên ạ, - bà Tauro cười xởi lởi.

Cái cổ quả thật nom trẻ đến kinh ngạc khi bạn so nó với khuôn mặt phôi pha sương gió của bà. Nó mịn, không đường nếp mà da thì trắng. Tôi lại còn nhận thấy lúc đó là đầu bà được đặt rất khợp trên đôi vai.

- Chị Mariôn đã nói cho ông biết tin vui của tôi chưa? - Bà vừa nói vừa quay sang tôi với nụ cười thực duyên dáng như thể chúng tôi là bạn tri kỷ của nhau.

- Tôi xin chúc mừng bà, - tôi nói.

- Hãy đợi đến lúc ông trông thấy người yêu của tôi đã.

- Nghe cô nói về người yêu của mình, tôi thấy sướng cái tai quá, - bà Taos mỉm cười.

Cặp mắt bà Phaulơ ánh lên rõ ràng sau cái mực kính trái khoáy của bà.

- Đừng tưởng anh ấy già quá. Chị chả không muốn cho em vợ phải một đức ông chồng già lụ khụ gần kề miệng lỗ là cái gì, phải không chị?

Đó là lời báo trước duy nhất mà chúng tôi nhận được. Chẳng còn thì giờ nào mà bàn luận nữa, bởi vì người quản gia đã mở toang cửa ra và đóng dặc cất giọng.

- Ông Ginbot Napiê.

Rồi một thanh niên trong bộ áo vét buổi tối rất khéo cắt tiến vào! Anh ta mảnh người, không cao lắm, tóc màu sáng có một chút lượn sóng tự nhiên, râu ria cạo nhẵn và có đôi mắt màu xanh. Anh ta không điển trai lắm nhưng có khuôn mặt dễ chịu, đáng yêu. Độ mười năm nữa chắc da anh ta sẽ nhăn và tái đi, nhưng bây giờ còn đang thì trai trẻ, anh ta tươi tắn, vừa mượt mà vừa xuân sắc. Bởi anh ta chắc chắn không thể quá cái tuổi hăm tư. Ý nghĩ đầu tiên trong tôi là đây hẳn là con trai vị hôn phu của Giên Phaulơ (tôi không biết anh ta đã góa vợ) đến để báo rằng cha anh ta không tới dự bữa được vì một cơn thống phong bất thần. Nhưng mắt anh ta hướng

ngay vào bà Phaulơ, mắt sáng lên và anh ta tiến lại phía bà hai tay dang rộng. Bà Phaulơ cũng dang vòng tay ra với anh ta, một nụ cười e ấp hiện trên môi và bà quay sang bà chị dâu.

- Đây là người yêu của em, chị Mariôn ạ, - bà nói.

Anh ta đưa tay ra.

- Em hy vọng chị sẽ hài lòng với em, thưa chị Taos - anh ta nói. - Giên có bảo với em rằng chị là người thân thích duy nhất còn lại.

Nom mặt bà Taos thật là kỳ diệu. Phải nói tôi phục lẫn sao mà một nền nếp giáo dục tốt và thói quen xã giao có thể giao tranh một cách dững cộm như thế với bản năng tự nhiên của một người đàn bà. Sự sững sờ và tiếp theo là sự thảng thốt trong giây lát mà bà không thể giấu được đã nhanh chóng biến đi, mặt bà biến thành một biểu hiện niềm nở ân cần. Nhưng rõ ràng là bà bị cấm khẩu. Thật không có gì khó hiểu nếu Ginbot có cảm thấy ít nhiều hoang mang, còn tôi thì quá mãi giữ cho mình khỏi bật cười nên không góp được lời nào. Chỉ mỗi mình bà Phaulơ là hoàn toàn giữ vẻ thản nhiên.

- Em biết chị sẽ hài lòng với anh ấy, chị Mariôn ạ. Không có ai biết thưởng thức món ăn ngon hơn anh ấy. - Bà quay sang người yêu. - Các bữa ăn của chị Mariôn có tiếng lắm.

- Tôi biết, - anh ta tươi cười.

Bà Taos đáp dăm lời liên thoáng rồi chúng tôi xuống dưới nhà. Tôi thật khó quên tán hài kịch vô song của

bữa ăn hôm ấy. Bà Tauơ bản khoản không biết cặp tình nhân đang muốn đùa dai với bà hay là Giên cố ý giấu tuổi vị hôn phu của mình để hòng làm bà đâm ngơ nghê. Nhưng Giên không biết trêu ai bao giờ và không thể bày trò chơi khăm được. Bà Tauơ bị kinh ngạc, phát bực và bối rối. Nhưng bà đã lấy lại được tự chủ và không gì làm bà quên được rằng bà là chủ nhân tuyệt hảo có bốn phận chủ trì bữa liên hoan. Bà chuyện trò sôi nổi, nhưng tôi tự hỏi không biết Ginbot Napiê có trông thấy ánh mắt khó đăm đăm và hân hận đằng sau cái mặt nạ thân thiện mà bà hướng vào anh ta hay không. Bà đang xét nét anh. Bà đang tìm cách lặn vào trong tận đáy lòng anh. Tôi nhận thấy bà đang bị phấn khích vì dưới lớp phấn hồng, má bà rục lên màu đỏ tức tối.

- Mặt chị hồng hào quá, chị Mariôn ạ, - Giên nói, mắt âu yếm nhìn bà chị; qua cặp kính tròn to.

- Tôi trang điểm vội quá. Chắc tôi thoa quá nhiều phấn hồng.

- Ô, phấn hồng đấy à? Em cứ tưởng là màu tự nhiên. Chị không nói thì em không tài nào nhận ra. - Bà tặng Ginbot nụ cười mỉm rụt rè. - Mình có biết không, tôi và chị Mariôn cùng học phổ thông với nhau đấy. Chắc trông hai chị em bây giờ mình chẳng đời nào nghĩ thế, mình nhỉ? Tất nhiên vì tôi đã sống một cuộc đời êm lặng quá.

Tôi không biết bà nói thế là ngụ ý gì, thật gần như không thể tin nổi là bà nói điều ấy ra với một sự chân

chất hoàn toàn, nhưng dù sao chẳng nữa những lời ấy chọc đúng bà Taos, làm cơn thịnh nộ vỡ ra và bà Taos trút nốt sự hờn hĩnh đi. Bà cười rạng rỡ.

- Nhìn chị em mình, chẳng ai nghĩ đến cái tuổi năm mươi, cô Giên nhỉ, - bà nói.

Nếu cái nhận xét ấy nhằm quất vào bà quả phụ kia thì nó đã toi công.

- Ginbót bảo là vì anh ấy, em không được nói quá bốn mươi chín tuổi, - bà đáp dịu dàng.

Tay bà Taos khẽ run lên, nhưng bà đã tìm được lời trả miếng.

- Thế ra cô chú lệch tuổi nhau cũng kha khá đấy nhỉ, - bà mỉm cười.

- Hai mươi bảy tuổi, - Giên nói. - Chị có nghĩ là quá nhiều không? Ginbót nói là em rất trẻ so với tuổi. Em đã bảo với chị là em đời nào chịu lấy một ông chồng gần kề miệng lỗ mà.

Tôi phát phì cười, Ginbót cũng cười. Cái cười của anh ta cởi mở và trẻ con. Cứ như thể cái gì mà Giên nói ra cũng làm anh ta buồn cười. Bà Taos gần như hết chịu nổi, và tôi lo là nếu không làm nhẹ bớt thì chỉ tích tắc nữa bà sẽ quên phắt ngay mình thuộc giới phụ nữ thượng lưu. Tôi dồn hết sức ra cứu vãn tình thế.

- Chắc ông bà bạn sấm sửa đồ cười lắm nhỉ? - Tôi góp vào.

- Không. Tôi thì muốn may sấm ở ngay cái hiệu may ở Livơpun chỗ tôi vẫn sống kể từ khi lấy chồng

lần đầu đến giờ. Nhưng Ginbot không cho. Anh ấy tài ba lắm, tất nhiên là anh ấy có cái gu tuyệt diệu.

Bà nhìn anh với cái cười nụ đầm thắm, e ấp, như một thiếu nữ mười bảy. Mặt bà Tauơ trắng bệch dưới lớp son phấn.

- Chúng tôi sửa soạn cho tuần trăng mật ở Italia. Ginbot chưa có dịp nghiên cứu kiến trúc thời Phục Hưng, cho nên xem xét tận mắt là điều quan trọng đối với một nhà kiến trúc. Chúng tôi sẽ dừng chân ở Pari và sẽ may sắm tại đấy.

- Ông bà đi có lâu không?

- Ginbot đã thỏa thuận với cơ quan là nghỉ sáu tháng. Anh ấy thích lắm, phải không nào? Trước kia anh ấy chưa bao giờ nghỉ lấy hơn nửa tháng.

- Sao lại chưa? - Bà Tauơ hỏi bằng cái giọng băng giá mà không nỗ lực nào của ý chí kìm nổi.

- Anh ấy chưa bao giờ có điều kiện, thật tội!

- À! - Bà Tauơ dồn âm lượng vào thốt ra.

Cà phê được dọn ra và hai bà đi lên gác. Tôi và Ginbot bắt chuyện với nhau một cách đông dài hết như những người chẳng biết nói gì với nhau vẫn thường chuyện trò, nhưng mới được hai phút thì người quản gia đã đưa lại cho tôi một mảnh giấy của bà Tauơ. Lời lẽ như thế này:

"Ông lên gác mau và rồi về ngay càng sớm càng tốt. Rủ anh ta theo. Nếu tôi không làm cho ra nhẽ với Giên ngay bây giờ thì tôi phát điên lên mất".

Tôi chọn một lời nói dối dễ chấp nhận.

- Bà Taosơ đau đầu muốn đi nằm. Nếu ông không phản đối thì tốt hơn hết là ta nên cáo từ.

- Hửn thế, - anh ta đáp.

Chúng tôi lên gác và năm phút sau đã ở ngoài cửa.

Tôi gọi một chiếc tắcxi và mời anh ta lên.

- Ấy không, xin cảm ơn ông, - anh ta đáp, - tôi đi bộ ra góc kia nhảy xe buýt thôi mà.



Bà Taosơ mở màn cho cuộc xung đột khi chỉ vừa nghe thấy tiếng cửa trước đóng lại sau lưng chúng tôi.

- Cô điên đấy à, cô Giên? - Bà gào lên.

- Không điên hơn đa số những người không quen sống trong nhà thương tâm thần, em tin vậy. - Giên trả lời mềm mỏng.

- Tôi có thể hỏi cô là tại sao cô lại định đi lấy cái anh chàng thanh niên ấy được không? - Bà Taosơ hỏi với vẻ lịch duyệt dễ sợ.

- Một phần vì anh ấy không muốn nghe câu trả lời *không*! Anh ấy dạm hỏi em đã năm lần. Em đến phát ớn lên về việc từ chối.

- Thế cô nghĩ tại sao anh ta lại sốt sắng muốn lấy cô làm vậy?

- Em làm anh ấy buồn cười.

Bà Taosơ thở ra sự chán chường.

- Anh ta là đồ ba que xỏ lá. Tôi chỉ trông mặt là coi như bắt được hình dong rồi.

- Chị có thể lắm, và lại nói thế chẳng lịch sự gì cho lắm.

- Anh ta không một xu dính túi, còn cô thì giàu. Cô không thể ngu ngốc đến mức không nhận ra anh ta lấy cô là vì tiền của cô.

Giên vẫn bình tĩnh như không. Bà điềm nhiên quan sát sự kích động của bà chị dâu.

- Em không nghĩ thế, chị ạ - bà đáp, - em nghĩ là anh ấy rất thích em.

- Cô đã nhiều tuổi rồi, cô Giên!

- Cũng đúng bằng tuổi chị, chị Mariôn ạ, - bà mỉm cười.

- Tôi không bao giờ lại thả mình như thế. Tôi rất trẻ so với tuổi. Không ai nghĩ là tôi ngoài bốn mươi. Ấy thế mà tôi còn không mơ lấy một anh chàng trẻ hơn mình hai mươi tuổi nữa là.

- Hai mươi bảy tuổi, - Giên sửa lại.

- Có phải cô định bảo với tôi là cô dám cả tin rằng một thằng trai tơ để ý đến một người đàn bà đáng tuổi mẹ mình là chuyện có thể xảy ra không?

- Em sống rất nhiều năm ở nông thôn. Em dám khẳng định là còn rất nhiều cái về bản chất con người mà em chưa biết. Người ta bảo có một ông tên là Phrốt⁽¹⁾ người Áo, em tin rằng...

Nhưng bà Tausơ đã cắt ngang không một chút lịch sự nào cả.

⁽¹⁾ Xichmun Phrốt (1856 - 1939): nhà tâm lý học và thần kinh học người Áo, đã lập ra phân tâm học rất thịnh hành ở phương Tây.

- Đừng dớ dẩn, cô Giên, chẳng còn ra thể thống gì nữa. Thật là vô duyên. Tôi cứ nghĩ cô là người biết phải trái. Thật có đời thuở nào tôi lại có thể nghĩ là cô đi mê một thằng trẻ ranh đến thế.

- Nhưng em không mê anh ta. Em đã nói với Ginbot điều đó. Tất nhiên, em rất thích anh ấy, nếu không em đã không nghĩ đến chuyện cưới xin. Em nghĩ cứ nói thẳng những tình cảm của mình đối với anh ấy thì chỉ có tốt thôi.

Bà Tauơ dờ ra. Máu chạy rần rạt lên đầu và hơi thở đè nặng lên bà. Bà không có cái quạt nào cả, bà bên vớ lấy tờ báo buổi tối quạt phành phạch.

- Nếu cô không mê anh ta thì tại sao cô lại muốn lấy anh ta?

- Em góa chồng đã lâu và em đã sống một cuộc đời rất tẻ lạng. Có lẽ em muốn thay đổi.

- Nếu cô muốn lấy chồng chỉ để mà có chồng thì tại sao cô lại không lấy người cỡ tuổi cô?

- Chẳng có người đàn ông nào cỡ tuổi em hỏi dám em đến năm lần. Quả thật không có người đàn ông nào cỡ tuổi em hỏi em hết cả.

Giên cười khúc khích khi trả lời. Điều ấy đẩy bà Tauơ lên đến tột cùng của cơn khùng.

- Đừng cười, cô Giên. Tôi không chịu được. Chắc đầu óc cô không còn biết suy xét gì nữa. Khiếp thật.

Toàn bộ sự việc vượt quá sức chịu đựng của bà Tauơ và bà òa lên khóc. Bà biết ở tuổi bà khóc là tai

hại lắm, mắt bà sẽ sưng húp lên cả một ngày đêm nom gớm chết được. Nhưng nào có dừng được. Bà khóc. Còn Giên vẫn bình lặng như không. Bà nhìn bà chị Mariôn qua cặp kính to và theo phản xạ, tay bà ve vuốt vạt áo dài bằng lụa đen.

- Cô rồi sẽ khổ sở vô chừng cho mà xem - Bà Tauơ sùi sụt tay chấm lên mặt cẩn thận để lớp tô màu đen trên lông mày khỏi bị nhòe.

- Em không nghĩ thế đâu, chị ạ - Giên trả lời bằng cái giọng bằng phẳng, ôn hòa của mình, dường như có tiếng cười nụ đằng sau lời nói. - Chúng em đã bàn đi tính lại rất kỹ rồi. Em luôn nghĩ em là người rất dễ tính, ai sống với em cũng được. Em nghĩ mình sẽ làm cho Ginbớt rất hạnh phúc và thoải mái. Anh ấy chưa có ai để sẵn sóc đến nơi đến chốn. Chúng em chỉ lấy nhau sau khi suy ngẫm đã chín. Với lại chúng em đã quyết định là nếu một người muốn được tự do thì người kia không được cản đường.

Bà Tauơ lúc này đã đủ tỉnh táo trở lại để đưa ra một nhận định sắc sảo.

- Thế anh ta xui cô trích cho anh ta một khoản tiền bao nhiêu?

- Em muốn đưa cho anh ấy một ngàn mỗi năm, nhưng anh ấy không chịu. Anh ấy rất bức khi em đề xuất điều đó. Anh ấy bảo có thể tự kiếm đủ sống.

- Anh ta ma lanh hơn tôi tưởng, - bà Tauơ nói ác.

Giên ngừng lại một chút rồi nhìn chị dâu bằng cặp mắt tử tế nhưng kiên quyết.

- Chị thân yêu ạ, đây chị xem, với chị lại là chuyện khác, - bà nói, - chị có phải ở góa quá lâu thế này đâu?

Bà Taos nhìn Giên. Bà hơi đỏ mặt. Bà còn cảm thấy ít nhiều khó xử nữa là khác. Lẽ dĩ nhiên Giên quá chất phác, đâu biết nói càn. Bà Taos dồn sức lấy lại vẻ đường hoàng.

- Tôi thấy khó chịu trong người quá. Có lẽ phải đi nằm thôi, - bà nói, - sáng mai ta lại tiếp tục câu chuyện.

- Em sợ thế thì không được tiện dịp cho lắm, chị Mariôn thân mến ạ. Em và Ginbot định sáng mai đi đăng ký...

Bà Taos vung hai tay lên tỏ cử chỉ chán nản, nhưng bà cũng không tìm ra được lời nào để nói thêm.



Lễ thành hôn diễn ra ở phòng đăng ký kết hôn. Bà Taos và tôi là những người chứng kiến. Ginbot trong bộ com-plê xanh lơ thanh nhã nom trẻ quá đỗi, anh lộ rõ sự hồi hộp. Đây là giây phút thử thách đối với bất cứ người đàn ông nào. Chỉ có Giên là vẫn giữ vẻ điềm tĩnh đáng phục của bà. Chắc bà đã quen với việc lấy chồng như các bà các cô thời thượng đài các. Chỉ mỗi một thoáng phớt hồng trên má bà ta là gọi lên dưới sự bình lặng kia có chút xiu xao xuyến. Đây là giây phút rộn ràng đối với bất cứ phụ nữ nào. Bà

vận chiếc áo dài tha thướt bằng nhung màu xám bạc, mà qua đường may cắt, tôi đã nhận ra bàn tay của anh thợ may Livơpun (trông rõ ra một quả phụ đúng mực nét na), người đã lo y phục cho bà bao năm nay. Nhưng bà đã không cưỡng lại được cái cảm dỗ phù phiếm của dịp này và chịu đội cái mũ lông chim đà điểu màu xanh. Lại thêm cái mực kính gọng vàng nên trông ngộ lạ thường. Khi thủ tục đã xong, người nhân viên giá thú, (theo tôi, có phần nào ngỗ ngược vì sự chênh lệch tuổi tác của cặp vợ chồng) đã bắt tay cô dâu, chuyển lời chúc mừng đúng phép xã giao và chú rể, hơi đỏ mặt, đã hôn cô. Bà Tauơ, chịu nhún tụy vẫn không chịu khuất, cũng hôn cô. Rồi cô dâu nhìn tôi chờ đợi. Cố nhiên là tôi cũng sẽ phải hôn cô mới phải lẽ. Tôi hôn. Phải thú nhận là tôi có hơi ngượng ngập khi chúng tôi ra khỏi phòng đăng ký ngang qua lũ người vô công rồi nghề đang trơ tráo đứng đợi để xem các cặp cô dâu chú rể, cho đến khi bước lên xe của bà Tauơ tôi mới thấy nhẹ người. Chúng tôi cho xe đến ga Victoria, vì đôi vợ chồng hạnh phúc kia phải đi Pari trên chuyến tàu hai giờ và Giên cứ nhất quyết bữa tiệc cưới phải được ăn ở tiệm ăn của nhà ga. Bà nói không ra sân ga sớm thì cứ bốn chồn làm sao ấy. Bà Tauơ có mặt chỉ vì cái ý thức sâu nặng về bốn phận của gia quyến, đã chẳng làm được mấy tý cho bữa ăn vui vẻ, bà không ăn gì cả (tôi chẳng dám trách bà khoản ấy, vì đồ ăn thức uống dở quá, với lại tôi cũng ghét uống sâm banh vào bữa trưa) và nói

chuyện một cách gượng gạo. Còn Giên thì rất tận lực với cái thực đơn.

- Tôi nghĩ phải làm một bữa thịnh soạn trước khi bắt đầu một chuyến đi - Bà nói.

Chúng tôi đưa tiễn họ, rồi tôi lái xe đưa bà Tươ về nhà.

- Ông tính thọ được bao lâu nào? - Bà nói. - Sáu tháng?

- Thì ta cứ mong cho sự việc tốt đẹp nhất, - tôi mỉm cười.

- Ông đừng có ngờ ngẩn. Làm sao mà tốt đẹp được? Thế ông không nghĩ là già lấy cô Giên chỉ vì tiền chứ chẳng vì cái gì khác à? Tất nhiên nó không thể kéo dài được. Cái hy vọng duy nhất của tôi là cô ấy sẽ không phải nếm trải nhiều đau khổ mà cô ấy đáng phải gánh chịu.

Tôi cười. Những lời nói nhân đức trên được thốt ra bằng giọng ít làm tôi bán tín bán nghi về cái ngụ ý của bà Tươ.

- Phải, nếu nó không kéo dài, bà sẽ khoan khoái mà nói rằng: "Tôi đã bảo cô mà". - Tôi nói.

- Tôi thể là không bao giờ làm thế.

- Thế thì bà sẽ mãn nguyện tự chúc mừng mình là đã tự chủ để không thốt ra câu "Tôi đã bảo cô mà".

- Cô ấy đã già thì chớ, lại lời thôi lếch thếch và dần nữa.

- Bà tin chắc là bà ấy dần à? - Tôi nói. - Đúng là

bà ấy nói không nhiều lắm nhưng mỗi khi nói điều gì thì rất đúng chỗ.

- Tôi cả đời chưa bao giờ nghe thấy cô ấy đùa một câu nào.



Tôi lại sang Viên Đông một lần khác nữa khi Ginbót và Giên kết thúc kỳ trăng mật trở về, và lần này tôi ở lại đây mất gần hai năm. Bà Tauơ rất lười thư từ nên dù tôi đã gửi cho bà một bưu ảnh nhân một dịp lễ tôi vẫn chẳng nhận được tin tức của bà. Nhưng tôi gặp bà ngay trong tuần lễ đầu sau khi về lại Luôn Đôn, tôi đi ăn tiệc và bỗng nhận ra mình ngồi cạnh bà. Đây là một hội tiệc khá đông, tôi có cảm tưởng cứ như hăm tư chú chim đen ních thành một lò trong cái bánh⁽¹⁾ và vì đến hơi muộn, tôi bị ngỡ ngàng trước cái đám người mà tôi vào thành ra không nhận ra ai. Nhưng rồi khi mọi người đã ngồi xuống, nhìn quanh cái bàn dài tôi đã nhận ra có khá

⁽¹⁾ Mượn lời một điệu ru:

*Hát bài hát ba xu
Mạch đen đầy túi nào
Hăm tư chú chim đen
Nướng trong bánh một lò
Khi mở cái bánh ra
Lũ chim cất tiếng ca
Phải món ngon đó mà
Dâng lên biểu vua cha?...*

nhiều người quen kẻ thuộc mà công chúng vẫn biết tiếng qua các tấm ảnh của họ trên họa báo. Bà chủ tiệc vốn mộ những người được gọi là các danh nhân, cho nên đây là một cuộc quần anh tụ hội nổi bật một cách khác thường. Khi bà Taosơ và tôi đã trao đi đổi lại dăm câu thông thường mà người ta vẫn nói với nhau khi không gặp mặt đã một vài năm, tôi mới hỏi thăm Giên.

- Cô ấy rất khỏe, - bà Taosơ nói với ít nhiều vẻ khô khan.

- Thế chuyện hôn nhân ra sao rồi?

Bà Taosơ ngừng lại giây lát, xúc một quả hạnh đào ở cái đĩa trước mặt bà.

- Xem ra có chiều rất mỹ mãn.

- Nghĩa là bà đoán lầm?

- Tôi đã nói là nó không thọ lâu và tôi vẫn nói là nó sẽ không thọ lâu. Vì nó trái với bản chất con người.

- Bà ấy hạnh phúc chứ?

- Cả hai vợ chồng đều hạnh phúc.

- Tôi đoán có lẽ bà không hay gặp họ thường xuyên cho lắm.

- Hồi đầu tôi gặp họ luôn. Còn bây giờ - bà Taosơ hơi bậm môi lại - Giên đang nổi đình nổi đám lắm.

- Bà *ngụ ý* gì vậy? - Tôi cười.

- Tôi xin nói ông rõ là cô ấy cũng có mặt ở đây hôm nay.

- Ở đây?

Tôi sùng sốt. Tôi nhìn quanh khắp bàn một lần nữa. Bà chủ tiệc của chúng tôi là người tinh tế và ý nhị, nên tôi không thể hình dung ra nổi là bà sẽ thích mời một người kiểu như cái bà đã xế tuổi và ăn mặc luộm thuộm, vợ một anh kiến trúc vô danh nọ tới dự tiệc. Bà Taunơ thấy sự lúng túng của tôi và đủ sắc sảo để hiểu tôi đang nghĩ gì trong đầu. Bà cười yếu ớt.

- Ông nhìn phía bên trái chủ nhân ấy.

Tôi nhìn. Khá là kỳ lạ, người đàn bà ngồi đó qua diện mạo kỳ khôi đã lôi cuốn sự chú ý của tôi ngay từ lúc tôi mở cửa bước vào phòng khách đông nghịt. Có lẽ tôi đã nhận thấy cái ánh mắt quen quen của bà, nhưng tôi chẳng tài nào tin được là đã gặp bà đâu đó trước kia. Bà không còn trẻ, vì tóc đã ngả màu muối tiêu, nó được cắt rất ngắn và kết chùm dày loăn xoăn bó lấy cái đầu cân đối. Bà không cố tình làm trẻ, điều này dễ nhận thấy ở chỗ bà không dùng son phấn gì cả. Mặt bà không phải đẹp để gì cho lắm, lại đỏ hồng và trải sương gió, nhưng vì nó không cầu viện đến sự điểm trang nào nên có một vẻ tự nhiên rất dễ ưa. Nó tương phản lạ lùng với sự nồn nà của đôi vai. Đôi vai quả thực là đẹp. Một phụ nữ ở tuổi ba mươi cũng phải hãnh diện khi có chúng. Áo dài của bà rất khác thường. Tôi chưa thấy cái nào táo tợn hơn. Nó được xẻ rất thấp, với cái váy ngắn dạo ấy đang mốt, màu đen xen vàng, nó gợi ấn tượng về trang phục mặc trong hội hóa trang và hợp với bà đến nỗi giá như ở người khác thì trông thật gớm ghiếc, nhưng ở bà nó

toát ra cái vẻ hồn nhiên bản hữu của tâm tính. Và để cho trọn vẹn cái cảm tưởng lập dị mà không màu mè và kỳ quặc mà không vây vo, bà còn đeo dính vào một dải băng đen to, một mắt kính độc nhất.

- Thế mà bà không cho tôi hay rằng đây là bà em chồng của bà, - tôi ngỡ người ra.

- Đây là Giên Napiê - bà Tauơ lạnh lùng nói.

Đúng lúc ấy bà Napiê lên tiếng. Chủ nhân quay lại phía bà với nụ cười ướm sẵn. Một người đàn ông tóc bạc, đầu hói, có khuôn mặt sắc nét và thông minh, ngồi phía bên trái bà cũng háo hức rướn người về phía trước, còn một đôi ngồi đối diện cũng ngừng nhỏ to với nhau để chăm chú lắng nghe. Bà nói cái điều cần nói. Thế là tất cả mọi người đột nhiên ngả người ra ghế phá lên cười rữ rượi. Phía bên kia bàn một ông hướng lại phía bà Tauơ, tôi nhận ra một chính khách nổi tiếng.

- Bà em chồng của bà lại làm một câu đùa nữa đấy, thưa bà Tauơ, - ông ta nói.

Bà Tauơ mỉm cười.

- Cô ấy nhận lầm phải không?

- Xin phép bà, tôi làm một chầu sâm banh dài rồi bà làm phúc kể cho tôi nghe đầu đuôi câu chuyện nhé, - tôi nói.

Và đây là câu chuyện tôi thu thập được. Đầu tuần trăng mật Ginbót đưa Giên đến đủ các hiệu may ở Pari. Anh không phản đối việc bà chọn một số "áo dài hợp với lòng bà", nhưng anh thuyết phục bà may

một hai "bộ cánh" theo kiểu anh tự vẽ. Dường như anh cũng có sở trường về khoản này. Anh thuê một cô đầy tớ người Pháp duyên dáng. Giên trước kia chưa bao giờ được biết cánh ấy. Bà chăm chút cho mình và mỗi khi bà muốn "làm ngay tức khắc", bà đã học được thói quen bấm chuông gọi người hầu. Trang phục Ginbot chế ra rất khác với những thứ bà vẫn vận trước kia, nhưng anh cẩn thận không tiến quá xa vợ, và thế là để làm vừa lòng anh, tuy không khỏi có thắc mắc, bà tự nhủ phải mặc một bộ đồ chồng thích hơn là mình thích. Dĩ nhiên không thể kèm những bộ áo dài ấy với bộ đồ lót dày bình bịch quen dùng trước kia, vậy là bà bỏ chúng đi tuy có mất những giây lát bản khoản.

- Giờ thì, ông thử nghĩ mà xem, - bà Tauơ nói, vẻ rất giống như tiếng phì phì dè bửu, - cô ấy chẳng mặc gì hết ngoài bộ đồ lụa chặt khít mỏng tang. Không rõ tại sao cô ấy không chết cồng ở cái tuổi ngần ấy.

Ginbot và cô đầy tớ người Pháp dạy bà cách ăn mặc và thật không ngờ, bà rất chóng lãnh hội. Cô đầy tớ cứ xuýt xoa tấm tắc hoài về cánh tay và đôi vai của bà chủ. Không phò bày vẻ đẹp ấy ra thì thật hoài của.

- Gượm chút nào, Anphôngxin - Ginbot bảo - Lớ quần áo sau tôi sẽ vẽ kiểu làm sao tận dụng được cái ấy.

Mục kính nom cũng dở quá. Không ai đeo kính gọng vàng trông thực đẹp được. Ginbot đã cho thử gọng bằng mai rùa. Anh lắc đầu.

- Một cô gái đeo thì đẹp, - anh nói, - mình đã quá cái tuổi để đeo nó rồi, Giên ạ.

Bắt thần anh nầy ý hay.

- Ổi chà chà, thôi được rồi. Mình sẽ mang một mắt kính.

- Ô, Ginbot, tôi không mang được đâu.

Bà nhìn anh và cơn hứng khởi của anh, cơn hứng khởi của một nghệ sĩ, làm bà mỉm cười. Anh yêu chiều bà quá, khiến bà muốn làm những gì vừa ý anh.

- Tôi sẽ cố, - bà nói.

Họ đến cửa hàng kính chọn đúng cỡ, rồi khi bà đặt mắt kính một cách vui nhộn lên mắt thì Ginbot vỗ tay. Ngay lúc ấy, trước mặt người bán hàng đang ngây ra, anh hôn lên cả hai má bà.

- Mình nom tuyệt lắm, - anh thốt lên.

Rồi họ sang Italia và dùng những tháng ngày hạnh phúc để nghiên cứu kiến trúc Phục hưng và Barốc. Giên không những quen dần với diện mạo mới của mình mà còn đam thích. Hồi đầu bà còn hơi rụt rè khi đi vào phòng ăn của một khách sạn và dân tình quay lại tròn mắt nhìn bà - trước kia chẳng ai nhướn lấy một cái lông mi lên nhìn bà - nhưng nay bà đã nhận ra sự xáo động ấy không phải thuộc chiều hướng xấu. Các bà đã tiến lại phía Giên và hỏi xem bà may quần áo ở đâu.

- Bà thích nó à? - Bà đáp e ấp. - Chồng tôi vẽ kiểu cho tôi đấy.

- Nếu bà không phản đối tôi xin được sao lại kiểu.

Tuy đã sống một cuộc đời bình lặng nhiều năm, nhưng bà cũng không hề thiếu cái bản năng bình thường của phái nữ chút nào. Bà đã sẵn câu đáp.

- Xin lỗi bà, chồng tôi rất khó tính, ông ấy không muốn cho ai sao lại quần áo tôi đâu. Ông nhà tôi muốn tôi độc nhất vô nhị mà...

Bà cứ tưởng mọi người sẽ cười khi bà nói ra điều ấy nhưng không, họ chỉ đáp:

- Ô, dĩ nhiên tôi hiểu. Bà quả là độc nhất vô nhị.

Rồi bà thấy người ta bàn về cách ăn mặc của bà, và có ít nhiều lý do đủ làm bà phẫn khởi. Bởi trong đời bà một khi bà không mặc cái mà mọi người vẫn mặc; bà suy ngẫm, thì không hiểu tại sao mọi người lại cứ thích mặc những thứ của bà...

- Ginbot này - bà nói, sắc sảo không ngờ, - lần sau mình vẽ kiểu quần áo cho tôi thì mình làm sao cho người ta *không thể* sao chép được ấy.

- Cái cách duy nhất là vẽ những kiểu mà chỉ mình mình mặc được thôi.

- Thế mình có làm được không?

- Được nếu mình chịu nghe theo tôi.

- Cái gì thế?

- Cắt mớ tóc của mình đi.

Tôi nghĩ đây là lần đầu tiên Giên chứng lại. Tóc bà vừa dài vừa dày, hồi còn con gái bà vẫn hãnh diện về nó lắm, cắt đi là một sự xáo trộn quá triệt để. Có khác nào qua sông đốt thuyền. Trong trường hợp của bà đây không phải cái bước đầu tiên, mà chính là bước quan trọng cuối cùng, nhưng bà đã chấp nhận.

- Tôi biết thế nào chị Mariôn cũng chê tôi ngốc

hết chỗ nói, và tôi *chẳng* bao giờ có thể quay về lại Livopun nữa, - bà nói.

Khi ghé qua Pari, trên đường về, Ginbot dẫn bà đến hiệu uốn tóc nổi tiếng nhất thế giới. Bà thấy trong mình rất khó ở, tim bà đập dữ quá. Bà bước ra khỏi hiệu với một mái đầu vui nhộn, bảnh chọe, toan hoản với những món tóc hoa râm xoắn tít. Pigmalion đã hoàn thành kiệt tác kỳ diệu của mình: Galatêa đã ra đời⁽¹⁾.

- Vâng - tôi nói - nhưng chừng ấy cũng chưa đủ để lý giải tại sao Giên lại có mặt ở đây hôm nay giữa đám các bà công tước, các bộ trưởng trong nội các và những người đại loại như vậy, và tại sao bà ấy lại ngồi giữa ông chủ tiệc và một ông Đô đốc hạm đội?

- Giên có khiếu khôi hài, - bà Tươ nói - Ông không thấy mọi người đều cười mỗi khi cô ấy nói à?

Giờ thì chẳng hồ nghi gì nữa về sự cay đắng trong lòng bà Tươ.

- Khi cô Giên viết thư bảo tôi về đây sau kỳ trăng mật, tôi nghĩ chắc phải mời cả hai lại ăn cơm. Tôi không thú cái ý định ấy lắm, nhưng thấy cần phải làm. Tôi biết bữa tiệc thế nào cũng tẻ nhạt và tôi không muốn hy sinh bất cứ người khách nào đáng giá. Mặt khác tôi không muốn Giên tưởng là tôi chẳng có bạn bè nào ra mẽ. Ông biết đấy, tôi có không quá tám người, nhưng nhân dịp này, tôi nghĩ giá có tới mười

⁽¹⁾ Theo thần thoại Hy Lạp, Pigmalion là vua Síp đã làm bức tượng trình nữ Galatêa bằng ngà voi, Pigmalion đã phải lòng bức tượng và xin cho nữ thần tình yêu và sắc đẹp Aphrôdit (thần vệ nữ) thổi hồn sống vào.

Giên

hai người thì càng tốt. Tôi bận quá không gặp lại Giên được cho mãi đến cái buổi tối tiệc tùng ấy. Cô ấy bắt chúng tôi đợi mất một ít - đấy là bởi sự thông minh của Ginbot - rồi rốt cuộc cô ấy bước vào. Tôi ngây người ra như trời trồng. Cô ấy làm tắt cả các bà trở nên quê mùa cục mịch. Tôi cũng cảm thấy mình như con mẹ quê kệch son phấn lòe loẹt.

Bà Tươ nháp một ít sâm banh.

- Ước gì tôi tả được cái bộ cánh ấy cho ông nghe. Giá bất kỳ người nào khác thì không tài nào trông nổi, nhưng ở cô ấy thì nó hoàn mỹ quá. Lại còn cái mắt kính! Tôi biết cô ấy đã ba mươi lăm năm nay mà chưa bao giờ trông thấy cô ấy không đeo kính cả.

- Nhưng bà đã biết là Giên có một thân hình đẹp.

- Nào tôi có biết. Tôi vẫn chỉ thấy cô ấy trong cái bộ quần áo mà ông trông thấy trong lần gặp đầu tiên ấy. Ông có nghĩ ra rằng cô ấy có thân hình đẹp không? Cô ấy hình như không biết đến sự trầm trồ mà cứ xem đấy như chuyện tất nhiên. Nghĩ đến buổi tiệc tôi thở phào nhẹ nhõm. Cho dù cô ấy có hơi vụng ăn vụng nói một chút nhưng với cái diện mạo thế kia, nó cũng chẳng thành vấn đề lắm. Giên ngồi ở đầu bàn đằng kia, và tôi nghe thấy tiếng cười nói khá nhiều, tôi khoan khoái nghĩ rằng những người kia có tài pha trò, nhưng sau bữa ăn tôi mới dờ ra khi có không dưới ba ông khách tiến đến và bảo tôi rằng bà em tôi nhộn lắm và hỏi tôi không rõ Giên có cho phép họ tới thăm chơi nhà cô ấy hay không. Thật chịu không hiểu là lúc ấy

tôi đứng bằng chân hay bằng đầu nữa. Hăm bốn tiếng sau bà chủ tiệc của chúng ta hôm nay đây đã gọi điện cho tôi, và nói bà ấy có nghe là Giên đã về Luân Đôn, và là người rất nhộn, bà dặn tôi mời cô ấy đến dự bữa với bà. Bà ta có một linh tính chính xác: chỉ trong một tháng ai ai cũng nhắc đến Giên. Tôi hôm nay ngồi đây không phải vì quen bà chủ đã hai mươi năm nay và đã mời bà ấy đến ăn quăng trăm lần, mà bởi vì là chị dâu của Giên.

Tội nghiệp bà Taos. Địa vị ấy thật trở trêu và dẫu rằng tôi không khỏi lấy làm buồn cười, nhưng vì tình thế nay đã đảo ngược đối với bà, nên tôi cảm thấy bà đáng được sự thông cảm của tôi.

- Người ta bao giờ chẳng mềm lòng trước những người làm họ bật cười - tôi nói cốt để an ủi bà.

- Cô ấy không bao giờ làm tôi bật cười cả.

Lại một lần nữa từ phía đầu bàn vang tới trận cười ran, khiến tôi đoán rằng chắc Giên lại nói một điều gì đó hóm hỉnh.

- Bà nói rằng bà là người duy nhất không thấy buồn cười vì Giên sao? - Tôi vừa mỉm cười vừa hỏi.

- Ông có ngạc nhiên về chuyện cô ấy tài khôi hài không?

- Phải nói là tôi không ngạc nhiên.

- Cô ấy vẫn nói những điều cô ấy đã nói ba mươi lăm năm qua. Tôi cười khi tôi thấy mọi người khác cùng cười, vì tôi không muốn bị cho là dần, nhưng tôi chẳng thấy buồn cười gì cả.

- Giống như nữ hoàng Victoria⁽¹⁾ - tôi nói.

Đó là một câu nói giỡn ngốc nghịch và bà Taow có hoàn toàn quyền đập lại tôi. Tôi đối chiến thuật.

- Gimbót ở đây không nhĩ? - Tôi hỏi, mắt lướt dọc bàn.

- Gimbót cũng được mời vì Giên không thể đi đâu thiếu anh ta được, nhưng hôm nay anh ta dự bữa ở Viện Kiến trúc hay là cái chỗ nào đó có cái tên gọi đại loại như thế.

- Tôi mong được nối lại sự quen biết với bà ấy.

- Ông cứ đến nói chuyện với cô ấy sau bữa ăn. Cô ấy sẽ mời ông các ngày thứ ba của cô ấy.

- Các ngày thứ ba của bà ấy?

- Tối thứ ba nào cô ấy cũng ở nhà. Ở đó ông sẽ gặp tất cả những người mà ông đã nghe tên. Đây là những bữa liên hoan tuyệt nhất Luân Đôn. Trong một năm cô ấy đã làm được cái điều mà suốt hai mươi năm nay tôi không làm nổi.

- Cái chuyện bà vừa kể quả thực là thần diệu. Nó được thực hiện như thế nào vậy?

Bà Taow nhún cặp vai mỹ miều nhưng quá mập của mình.

- Tôi sẽ lấy làm sung sướng nếu được ông kể giùm cho nghe, - bà đáp.

Sau bữa ăn, tôi đã cố lần tới chiếc ghế xô-pha mà

⁽¹⁾ Ngụ ý đến câu nói nổi tiếng của Nữ hoàng Victoria (1819 - 1901) "Chúng tôi không thấy buồn cười gì cả". Nữ hoàng không lấy chồng.

bà Giên đang ngồi, nhưng đã bị chặn lại và phải mất một lát, bà chủ mới tiến lại tôi và nói:

- Tôi phải giới thiệu với ông ngôi sao của buổi hôm nay. Ông có biết bà Giên Napiê không? Bà ấy rất nhộn. Bà ấy còn thú vị hơn những hài kịch của ông nhiều.

Tôi được dẫn đến chỗ chiếc ghế xô-pha ấy. Viên đô đốc lúc này ngồi cạnh bà trong bữa ăn vẫn còn nán lại đây. Ông không nhúc nhích gì cả, còn Giên bắt tay tôi và giới thiệu vị đô đốc với tôi.

- Ông có biết Ngài Rêginơ Phrôbisơ không?

Chúng tôi bắt đầu nói chuyện phiếm. Vẫn là Giên mà tôi biết trước kia, hoàn toàn chân tình, giản dị và tự nhiên, nhưng cái diện mạo lạ thường của bà chắc đã đem lại ý vị đặc biệt cho những điều bà nói ra. Bất thần tôi cũng thấy mình rũ ra cười. Bà đã có một câu nhận xét khôn ngoan và đúng chỗ, tuy không dí dỏm chút nào, nhưng phong cách nói lẫn cái nhìn chờ đợi qua mắt kính của bà đã khiến câu nói trở nên buồn cười không cưỡng nổi. Tôi cảm thấy lảng lảng sôi nổi. Khi tôi ra về, bà còn nói:

- Nếu ông không có việc gì lý thú hơn để làm thì tối thứ ba mời ông đến chơi với chúng tôi. Ông Ginbớt nhà tôi sẽ rất vui mừng được gặp ông.

- Khi ông ấy đã ở Luân Đôn được một tháng, ông ấy sẽ biết là *không thể* có việc gì lý thú hơn được nữa, - vị đô đốc nói.

Thế là vào tối thứ ba, quăng khá muộn, tôi đến chỗ Giên. Phải thú nhận là tôi hơi ngạc nhiên khi

nhìn khách khứa ở đó. Đây là một cuộc tụ họp đáng chú ý của các nhà văn, họa sĩ và các chính trị gia, các diễn viên, các bà lớn và các hoa khôi có tiếng. Bà Tausơ nói đúng, đó là một cuộc vui lớn, tôi chưa hề thấy cái nào tương tự ở Luân Đôn kể từ khi Lâu đài Xtapphot được bán⁽¹⁾. Không có sự vờ vời gì đặc biệt. Các món ăn tương xứng mà không xa xỉ. Giên tỏ ra khoan khoái qua cái cách trầm tĩnh của bà, tôi không thấy bà phải vất vả với khách; mà hình như họ vẫn cứ thích ở đấy, nên cuộc liên hoan vui vẻ, dễ chịu kéo dài mãi đến hai giờ sáng. Sau đấy tôi gặp bà nhiều lần. Tôi không chỉ hay đến nhà bà, không những thế, ít khi đi dự tiệc ở đâu mà lại không gặp bà. Tôi là một tay hài hước nghiệp dư, nên tôi đã cất công tìm xem cái tài năng đặc biệt của bà nằm ở đâu. Không thể lặp lại bất cứ điều gì bà đã nói để gây cười cho được, cũng giống như một số loại rượu vang không thể chuyên chở đi xa mà không mất vị ngon. Bà không có tài trào phúng. Bà chưa hề có câu ứng đối xuất sắc bao giờ. Chẳng có sự láu lỉnh trong nhận xét cũng như không có sự thâm thúy trong lời đáp của bà. Có những người cho rằng việc dùng từ không chính còn hơn sự khúc chiết, là cốt lõi của trí óc sắc sảo, nhưng bà không dùng một lời nào khả dĩ có thể làm đỏ mặt một đôi má thời Victoria⁽¹⁾. Tôi nghĩ tính

⁽¹⁾ Lâu đài Xtapphot: Một dinh thự ở công viên Xanh Giêm, khu Oetxơ Endơ của Luân Đôn, cho đến đầu thế kỷ XX vẫn còn là nơi ở của Công tước miền Nam.

⁽²⁾ Âm chỉ kỷ cương, lễ giáo khắt khe thời đại nữ hoàng Victoria.

hài hước của bà ở ngoài ý thức bà, và tôi chắc chắn là nó không được sắp đặt trước trong đầu. Nó lượn như con bướm từ đóa hoa này sang đóa hoa khác, chỉ tuân theo tính đồng đẳng đánh riêng của nó và vào cách bà nhìn. Sự tài tình của nó có được là nhờ ở cái hình thức diêm dúa và phóng túng mà Gimbót đã tạo cho bà, nhưng dung mạo bà chỉ là một yếu tố trong đó. Dĩ nhiên bây giờ bà đang thời thượng nên người ta cười mỗi khi bà vừa mở mồm. Họ không còn thắc mắc chuyện Gimbót đã lấy người vợ hơn tuổi quá nhiều đến thế. Họ thấy rằng Giên là người đàn bà mà tuổi tác không thành vấn đề. Họ cho rằng Gimbót là một anh chàng may mắn ghê gớm. Vị đồ đốc trích dẫn Sếchxpiơ ra với tôi: "Tuổi tác không làm tàn héo được nàng, lẽ thói không cướp được tính da dẻ khôn cùng của nàng". Gimbót sung sướng với thành công của bà. Khi đã quen biết anh kỹ hơn tôi cũng đâm mến anh. Điều hoàn toàn chắc chắn là anh chẳng là đồ xỏ lá cũng không phải kẻ đào mỏ. Anh không chỉ vô cùng hãnh diện về Giên mà còn thực sự hết lòng vì bà. Lòng tốt của anh đối với bà thật cảm động. Anh là một thanh niên rất hào hiệp và tính nết dịu dàng.

- Này, giờ thì ông nghĩ sao về Giên? - Có lần anh hỏi tôi với vẻ đắc thắng như trẻ nhỏ.

- Tôi không rõ trong hai người ai tuyệt vời hơn, - tôi nói, - ông hay là bà nhà?

- Ô, tôi chả là cái gì cả.

- Vô lý, ông cho tôi là thằng ngốc không hiểu được việc ông, chỉ mình ông, đã tạo ra Giên như ngày nay hay sao?

- Cái công lao duy nhất của tôi là đã thấy được cái điều kia khi nó còn chưa sờ sờ trước những con mắt trần thịt, - anh trả lời.

- Tôi có thể hiểu việc ông nhận thấy cái dung mạo đáng chú ý còn tiềm ẩn trong bà, nhưng làm thế nào mà ông biến bà thành một người đàn bà hóm hỉnh được.

- Tôi thì lúc nào cũng thấy những điều Giên nói hết sức cười. Bà ấy lúc nào chả hóm hỉnh.

- Ông là người duy nhất nghĩ như thế đấy.

Bà Taos, không phải là không có tính cao thượng, đã thừa nhận là bà đã đoán nhầm về Ginbót. Bà ngày càng quyến luyến với anh. Nhưng ngoài mặt thì thế, trong ý nghĩ bà vẫn khẳng khẳng là cuộc hôn nhân không thể thọ lâu được. Tôi đành phải cười giễu bà.

- Sao vậy được nhỉ, tôi chưa hề thấy một cặp vợ chồng nào chung thủy với nhau như thế, - tôi nói.

- Ginbót giờ mới hăm bảy. Vậy là đúng lúc cho một cô gái kháu khỉnh cặp bồ. Ông có nhận thấy cái cô cháu nhỏ xinh xắn của ngài Reginon buổi tối hôm nọ ở nhà Giên không? Giên nhìn cả hai người khá là chăm chú, nên tôi cứ thắc mắc trong lòng mãi.

- Tôi không tin là Giên lại sợ một cô gái địch thủ nào dưới gầm trời này.

- Ông cứ đợi đấy rồi xem, - bà Taosơ nói.
- Bà đã định hạn sáu tháng rồi cơ mà.
- Được, giờ thì tôi định hạn ba năm.



Khi có người nào rất bảo thủ với một ý kiến nào đó thì lẽ tự nhiên là người ta muốn cho anh ta sai. Bà Taosơ quả thực cứ cố sống cố chết tin như vậy. Nhưng sự đặc chí không phải thuộc về phần tôi, vì cuối cùng cái điều mà bà luôn luôn đoán trước một cách chắc chắn về cái chuyện không xứng đôi vừa lứa kia quả nhiên đã xảy ra. Ấy thế nhưng số mệnh hiểm khi cho chúng ta cái điều mong muốn bằng cái cách chúng ta mong muốn, nên mặc dầu bà Taosơ có thể khoan khoái rằng mình đã nói đúng, rốt cuộc tôi vẫn nghĩ là bà đã lầm thì đúng hơn. Vì sự việc không xảy ra hoàn toàn theo cái cách dự đoán của bà.

Một hôm tôi nhận được tin khẩn của bà và tôi nhanh nhẩu lại chỗ bà ngay. Khi tôi hiện ra, bà Taosơ đang ngồi bật đứng dậy và tiến lại tôi với sự rón rén lạ lùng của một con báo đang săn mồi. Tôi thấy bà đang phấn khích.

- Giên và Ginbớt đã bỏ nhau rồi, - bà nói.
- Thật thế à?Ồ, hóa ra bà nói đúng.
- Bà Taosơ nhìn tôi bằng vẻ mặt tôi không sao hiểu.
- Tội nghiệp Giên, - tôi lầm bầm.

- Tội nghiệp Giên! - Bà nhắc lại với cái giọng nhạo báng đến nỗi tôi lặng cảm như hén.

Bà có vẻ khó khăn trong việc kể cho tôi nghe chính xác chuyện gì đã xảy ra.

Ginbót vừa ở đây ra về được một lát thì bà đã chồm đến máy điện thoại triệu tôi đến ngay. Lúc Ginbót tới đây, mặt anh tái nhợt và đờ đẫn nên bà Taosr biết ngay là có chuyện chẳng lành xảy ra. Bà hiểu ngay điều anh định nói trước khi anh nói ra.

- Chị Mariôn, Giên bỏ em rồi.

Bà cười nhẹ với anh và nắm lấy tay anh.

- Tôi biết chú đã cư xử như bậc quân tử. Thật khủng khiếp cho Giên vì người ta sẽ nghĩ rằng chú đã bỏ cô ấy.

- Em đến với chị vì em biết em có thể trông cậy vào cảm tình của chị.

- Ô, nào tôi có trách chú đâu, Ginbót, - bà Taosr nói rất tử tế, - chuyện ấy thế nào cũng xảy ra mà.

Ginbót thở dài.

- Em cũng cảm thấy thế. Em không dám hy vọng sẽ giữ Giên mãi được. Giên tuyệt diệu quá, mà em thì hoàn toàn tầm thường.

Bà Taosr vỗ nhẹ vào tay anh. Anh đã cư xử thực là cao đẹp.

- Thế chuyện gì sẽ xảy ra bây giờ?

- Chị ạ, cô ấy sắp ly dị em!

- Giên vẫn luôn nói rằng cô ấy sẽ không cản trở chú, nếu chú muốn lấy một cô gái khác.

- Chị không rõ à, em còn muốn lấy ai nữa sau khi đã làm chồng của Giên? - Anh trả lời.

Bà Tawơ dăm chiêu.

- Chú định nói là *chú đã bỏ* Giên chứ gì?

- Em? Đời nào em lại làm thế.

- Thế thì tại sao cô ấy lại ly dị chú?

- Hễ tòa án chấp thuận ly hôn là Giên sẽ lấy ngài Rêginơ Phrôbisơ.

Bà Tawơ rú lên. Rồi bà thấy chóng mặt đến nỗi phải vớ lấy ống ngửi.

- Sau tất cả những cái chú đã cất công làm cho cô ấy.

- Em chẳng làm được gì cho Giên cả.

- Ý chú muốn nói là chú chịu để cho mình bị lợi dụng như vậy à?

- Chúng em đã thỏa thuận từ trước là nếu một người muốn tự do thì người kia không được cản đường!

- Chuyện thỏa thuận ấy là bởi phía chú. Vì chú trẻ hơn cô ấy những hăm bảy tuổi.

- Điều ấy chỉ càng có lợi cho Giên mà thôi, - anh cay đắng trả lời.

Bà Tawơ phê phán, tranh cãi và biện luận, nhưng Ginhốt cứ một mực cho rằng không quy tắc nào áp dụng cho Giên được, anh phải làm đúng điều Giên muốn. Ở nhà bà Tawơ ra về, anh mệt lử. Cho tới biết tường tận về cuộc gặp mặt ấy, bà thấy nhẹ lòng đi nhiều. Bà thích thú được thấy tôi cũng ngạc nhiên như bà, còn như tôi, không phần nộ với Giên như bà đã

phần nộ thì bà quy đó là do sự thiếu đạo đức đến mức tội ác vốn là bản hữu của giới đàn ông. Bà vẫn còn ở trạng thái phấn khích tột độ khi cửa mở và người quản gia đưa chính Giên vào. Giên mặc bộ đồ đen trắng rõ ràng rất hợp với tư thế hơi lập lờ của bà, nhưng trong chiếc áo dài độc đáo và lạ thường, trong cái mũ nổi bật đến nỗi tôi chỉ biết há hốc miệng ra trước bà, bà vẫn mềm mỏng và bình tĩnh như không. Bà tiến lại hôn bà Taos, nhưng bà Taos lại lùi với vẻ tự trọng lạnh lùng.

- Gimbót vừa ở đây về, - bà Taos nói.

- Vâng, em biết chứ, - Giên mỉm cười, - em đã bảo Gimbót lại chơi chỗ chị. Em đi Pari tối nay và mong chị đối xử hết mực với anh ấy trong khi em đi vắng. Em chỉ sợ mỗi tội là anh ấy rất cô đơn. Nhờ cậy chị để mắt đến Gimbót thì em được yên lòng hơn.

Bà Taos đan tay vào nhau.

- Gimbót vừa mới nói chuyện với tôi mà tôi không tài nào tin được. Chú ấy bảo là cô định ly dị chú ấy để lấy Rêginơ Phrôbisơ.

- Thế chị không nhớ là hồi trước khi em lấy Gimbót, chị đã khuyên em lấy một người cùng cỡ tuổi à? Vị đồ đốc năm nay năm mươi ba.

- Nhưng cô mang ơn Gimbót, Giên ạ. - Bà Taos phần nộ nói. - Cô không thể tồn tại được như thế này nếu không có chú ấy. Nếu không có chú ấy về kiểu quần áo cho, thì cô là cái thá gì?

- Ô, anh ấy đã hứa là vẫn sẽ vẽ kiểu quần áo cho em, - Giên dịu dàng đáp.

- Không người đàn bà nào có thể ước được một anh chồng tốt hơn. Chú ấy lúc nào cũng tử tế với cô.

- Ô, em biết anh ấy tốt lắm chứ.

- Sao cô lại có thể nhẫn tâm làm vậy?

- Nhưng em có yêu Ginbớt bao giờ đâu, - Giên nói - Em vẫn bảo anh ấy như vậy. Em bắt đầu cảm thấy cần một người bạn đời cỡ tuổi em. Theo em nghĩ có lẽ em đã chung sống với Ginbớt quá lâu rồi. Những người còn trẻ chẳng có chuyện gì để nói cả, - bà ngừng lại một ít và tặng cả hai chúng tôi một nụ cười duyên dáng. - Tất nhiên em không bỏ rơi Ginbớt. Em đã thỏa thuận với Rêginơ. Ông đồ đốc có cô cháu rất hợp với anh ấy. Hễ chúng em cưới nhau xong là em sẽ bảo họ cùng ghé chơi Manta⁽¹⁾ với chúng em. Chả là ông đồ đốc làm tư lệnh ở Địa Trung Hải mà, cho nên em sẽ chẳng ngạc nhiên tý nào nếu hai người yêu thương nhau.

Bà Tauơ thở phì phì.

- Thế cô có thỏa thuận với ông đồ đốc là nếu một người muốn tự do thì không ai được cản ai nữa chứ?

- Em đã đề ra như thế, - Giên khoan thai trả lời. Nhưng ông đồ đốc bảo là nhìn cái gì là biết cái ấy tốt xấu liền, nên ông ấy không muốn lấy ai khác nữa,

⁽¹⁾ Hòn đảo ở Địa Trung Hải, trước là thuộc địa Anh, độc lập năm 1964 và nằm trong khối Liên hiệp Anh.

còn nếu có ai muốn lấy em thì ông ấy đã có sẵn tám khẩu đại bác ba trăm ly trên chiếc kỳ hạm của mình và sẽ bàn chuyện ở tám gôn.

Bà đưa mắt nhìn chúng tôi qua cái mắt kính khiến cho ngay cả nỗi sợ bà Tauơ nổi cơn tam bành lên cũng không làm tôi kìm cơn cười được.

- Em nghĩ ông Đô đốc là người tình cảm lắm.

Quả nhiên bà Tauơ cau mày giận dữ nhìn tôi.

- Tôi không bao giờ thấy cô buồn cười cả, cô Giên ạ - bà nói. - Không hiểu tại sao thiên hạ lại cứ cười những điều cô nói.

- Em cũng không bao giờ thấy mình buồn cười, chị Mariôn ạ.

Giên mỉm cười, phô hàm răng trắng đều.

- Em vui sướng đi khỏi Luân Đôn trước khi có quá nhiều người đi đến ý kiến như chị em mình.

- Mong bà nói cho tôi biết bí quyết thành công đáng ngạc nhiên của bà, - tôi nói.

Bà quay sang tôi với cái nhìn dịu dàng, chân tình mà tôi đã biết rất rõ.

- Ông biết đấy, khi tôi lấy Ginbớt, về ngụ tại Luân Đôn và thấy người ta cứ cười những gì tôi hỏi thì tôi ngạc nhiên hơn ai hết. Tôi vẫn nói những điều ấy đã hai mươi năm nay mà chẳng ai thấy buồn cười gì cả. Tôi nghĩ hay là tại quần áo tôi mặc, tại cái đầu bông hay mắt kính của tôi. Rồi tôi phát hiện ra là tại tôi nói sự thật. Sự thật nó khác thường đến nỗi người ta nghĩ

là hóm hỉnh. Thế nào rồi cũng có ngày có người phát hiện ra bí quyết ấy, và khi người ta quen nói sự thật rồi thì chẳng còn gì đáng cười trong đấy nữa.

- Thế tại sao tôi lại là người duy nhất không thấy buồn cười? - Bà Taosơ hỏi.

Giên do dự một chút như thể bà đang tìm kiếm một cách trung thực lời giải thích thỏa đáng.

- Chắc là chị không biết nhận ra sự thật khi chị nhìn thấy nó, chị Mariôn thân mến ạ, - bà trả lời một cách hiền hậu.

Dĩ nhiên sự thật nó đã ban cho bà lời nói tối hậu. Tôi cảm thấy bao giờ Giê-n cũng có lời nói tối hậu. Bà quả là rất nhận.

Chàng Đỏ

Viên thuyền trưởng thọc tay vào một bên túi quần với vẻ khó khăn, vì nó không nằm ở bên sườn mà lại ở đằng trước, đã thế gã lại to béo; gã rút ra chiếc đồng hồ to bằng bạc. Gã nhìn đồng hồ rồi lại nhìn lên mặt trời đang xế. Anh chàng người Kanaka ở mạn lái đưa mắt nhìn viên thuyền trưởng, nhưng không nói gì. Mắt viên thuyền trưởng dừng lại ở hòn đảo mà họ đang tiến lại gần. Một vệt bọt trắng ghi dấu đá ngầm. Đã biết rằng chỗ này có một khe nước đủ rộng cho con tàu đi qua, khi họ tới gần hơn, gã tính sẽ trông thấy. Họ còn có gần một tiếng nữa trước khi mặt trời lặn. Trong vịnh nước sâu, họ sẽ có thể thả neo thoải mái. Hương trưởng làng mà gã nhìn thấy giữa đám cây dừa kia là bạn của viên thuyền phó, lên bờ một đêm cũng dễ chịu. Viên thuyền phó tiến về phía trước và đúng lúc ấy viên thuyền trưởng quay về phía anh ta.

- Ta sẽ làm một chai rượu và rủ dăm cô gái lên nhảy, - gã nói.

- Tôi chẳng thấy khe nước đâu, - viên thuyền phó đáp.

Anh ta người Kanaka, đẹp trai, da ngăm đen, nom phần nào tựa tựa như một Hoàng đế La Mã hậu sinh, đang đà chắc mập; nhưng khuôn mặt mịn màng và nhẵn nhụi.

- Tôi cảm chắc là nó ở ngay đây thôi, - viên thuyền trưởng vừa nói vừa nhìn qua cặp kính. - Tôi không hiểu tại sao ta lại không nom thấy. Thử cho một đứa trèo lên cột buồm ngó xem sao.

Thuyền phó gọi một thủy thủ đến và ra lệnh. Viên thuyền trưởng dõi theo anh chàng thủy thủ người Kanaka leo lên và chờ anh ta báo. Nhưng anh ta nói vọng xuống là anh ta không trông thấy gì ngoài cái vệt bọt kia. Viên thuyền trưởng nói tiếng Xamoa như một thổ dân, gã chửi tục một cách thoải mái.

- Cho nó ở trên ấy nữa hay không? - Viên thuyền phó hỏi.

- Ở trên ấy làm mẹ gì nữa? - Viên thuyền trưởng đáp. - Cái đồ ngốc chết tiệt ấy làm sao mà thấy được cái gì. Đánh cuộc với ông là thế nào tôi cũng tìm thấy khe nước nếu tôi lên trên ấy.

Gã tức giận nhìn cái cột buồm thanh mảnh. Thật rất hợp với một đứa thổ dân vốn vẫn quen trèo dừa suốt đời. Còn gã thì béo và nặng nề.

- Xuống đi, - gã kêu to. - Mà chẳng tích sự gì hơn đồ chó chết. Ta đành phải đi dọc dãy đá ngầm đến bao giờ tìm được khe nước mới thôi.

Đó là một chiếc tàu buồm bảy mươi tấn có động cơ chạy bằng paraffin. Khi không có gió ngược, nó

chạy quãng bốn năm dặm một giờ. Chiếc tàu đã cũ được sơn trắng từ dạo lâu lắm rồi, nay nó vừa bẩn, vừa dơ, lốm đốm những vết. Nó sặc mùi paraffin và mùi dừa khô là thứ hàng chở thường xuyên. Họ chỉ còn cách đẩy đá ngầm một trăm bộ và viên thuyền trưởng bảo người lái chạy men theo đá ngầm cho đến khi tới khe nước. Nhưng khi đã đi được một vài dặm, anh ta mới nhận ra là mất dấu. Anh ta trở buồm và từ từ cho lui lại. Bọt trắng của đá ngầm tiếp nổi không hề bị đứt đoạn, và lúc này mặt trời đang lặn. Chử sự ngu ngốc của kíp thủy thủ một câu, viên thuyền trưởng đành chịu đợi cho đến sáng hôm sau.

- Xoay buồm lại, - gã nói. - Làm sao bỏ neo ở đây được.

Họ lại quay ra khơi chút ít, và giờ trời đã tối hẳn. Họ bỏ neo. Khi buồm đã cuộn, con tàu bắt đầu lắc lư mạnh. Ở Apia người ta nói rằng một ngày kia thể nào nó cũng lắc lư đến lật thì thôi; còn người chủ, một người Mỹ gốc Đức cai quản một trong những cửa hiệu lớn nhất thì bảo rằng có các bao nhiêu tiền, anh ta cũng không chui vào cái tàu này. Anh bếp, một người Trung Quốc mặc cái quần trắng, rất bẩn và tã, và cái áo chèn trắng, chạy ra nói là bữa ăn đã sẵn sàng; và khi viên thuyền trưởng bước vào ca bin, gã đã thấy người thợ máy ngồi ở bàn. Anh thợ máy người dài, gầy với cái cổ ngắc. Anh ta mặc bộ quần áo làm việc màu xanh lơ và cái áo len cộc tay để lộ ra cái cẳng tay khẳng khiu xăm từ khuỷu đến cổ tay.

- Bố sư khi, phải ngủ đêm ngoài biển mất thôi, - viên thuyền trưởng nói.

Người thợ máy không trả lời, và họ ăn trong sự im lặng. Cabin được soi sáng bởi một ngọn đèn dầu tù mù. Khi họ ăn hết món mớ hộp cuối mỗi bữa ăn, thì anh bếp bưng một tách trà vào. Viên thuyền trưởng đốt điếu xì gà và bước lên boong trên. Hòn đảo bây giờ chỉ là một khối đen sẫm trong đêm. Những vì sao rất sáng. Âm thanh duy nhất là tiếng sóng còn vỗ không dứt. Viên thuyền trưởng thả người xuống một chiếc ghế và uể oải hút thuốc. Rồi có ba bốn thủy thủ tiến đến và ngồi xuống. Một người có cây đàn băng-giô và một người khác có một chiếc côngxétina⁽¹⁾. Họ dạo nhạc, và một người cất tiếng hát. Bài hát thổ dân vang lên một cách lạ lùng trong âm hưởng của những nhạc cụ kia. Rồi một cặp bắt đầu nhảy theo tiếng hát. Một điệu nhảy dã man, nguyên thủy và hoang sơ, dòn dập, với những động tác mau lẹ của tay chân và sự uốn éo của thân hình: một điệu nhảy nhục cảm, thậm chí còn xác thịt, xác thịt mà thiếu dục vọng. Nó rất thú vật, rạch ròi, kỳ quặc mà không thần bí, tóm lại là tự nhiên gần như có thể gọi là trẻ con. Cuối cùng họ thấm mệt. Họ nằm ngả trên boong và ngủ, mọi vật đều yên lặng. Viên thuyền trưởng nặng nề nhấc thân mình khỏi ghế ngồi và lồm cồm bò qua một bạn đồng hành. Gã đi vào

⁽¹⁾ Côngxétina: một loại nhạc cụ nhỏ kiểu acocdông, có nút ấn và dải xếp nếp.

cabin và cởi quần áo ra, lên giường nằm. Gã thở hổn hển trong cái nóng của đêm.

Sáng hôm sau, khi hừng đông bò lên trên mặt biển êm lặng, khe nước giữa đá ngấm lẩn khỏi mắt họ đêm trước giờ đã hiện ra chênh lệch một chút về phía đông của nơi họ đậu. Chiếc tàu buồm tiến vào vịnh. Không có lấy một gợn sóng trên mặt nước. Sâu dưới những tảng đá san hô người ta thấy cá con đủ các màu bơi lượn. Khi đã thả neo đậu vào đấy, viên thuyền trưởng ăn bữa sáng và đi lên boong. Mặt trời tỏa chiếu trên bầu trời không mây, nhưng vào buổi sáng sớm thế này, không khí mát mẻ và dễ chịu. Hôm đó là ngày chủ nhật nên có một cảm giác tĩnh tại, yên ắng, như thể thiên nhiên đã đi nghỉ, điều ấy tạo cho gã một vẻ khoan khoái đặc biệt. Gã ngồi nhìn bờ cây um tùm, cảm thấy biếng nhác và thư thái trong lòng. Ngay sau đó một nụ cười chậm rãi làm động đôi môi gã, gã ném mẩu xì gà xuống nước.

- Ta phải lên bờ mới được, - gã lên tiếng. - Cho thuyền ra nào!

Gã vụng về trèo xuống thang và chiếc thuyền chèo vào một ngách vịnh con con. Những cây dừa tiến sát xuống tận mép nước, không thành hàng, mà dàn ra với một nghi thức định sẵn. Nom chúng giống một điệu vũ ba-lê của các bà cô không chồng, tuổi đã luống nhưng vẫn lả lơi, làm điệu làm bộ với vẻ duyên dáng màu mè của một thời đã trôi qua. Gã khệnh khạng đi qua đám dừa, dọc theo con đường

trông rõ nét uốn lượn quanh co, chẳng mấy chốc nó dẫn gã tới một con lạch rộng. Một cái cầu bắc qua, làm bằng những thân cây dừa có khoảng một tá thân cây thành hàng một, đặt nối đầu với nhau và ở những chỗ nối được đỡ bằng một chạc cây cắm xuống lòng lạch. Bạn phải bước trên một bề mặt tròn, nhẵn, lại hẹp và trơn, mà không có tay vịn. Để qua cái cầu như thế đòi hỏi phải có một đôi chân chắc chắn và một con tim vững vàng. Viên thuyền trưởng ngập ngừng. Nhưng gã trông thấy bên bờ bên kia, nép dưới bóng cây là một ngôi nhà của người da trắng; gã quả quyết, và khá là rón rén, gã bắt đầu bước đi. Gã quan sát đôi chân cẩn thận, và mỗi khi gặp một chỗ nối thân cây mấp mô, gã hơi loạng choạng. Với tiếng thở phào nhẹ nhõm, gã đã đi tới cái cây cuối cùng và sau đó đặt được chân lên nền đất cứng của bờ bên kia. Gã để tâm chăm chú vào việc qua cầu khó khăn này, nên không nhận thấy có người quan sát gã, và thật là ngạc nhiên khi gã nghe tiếng người nói với mình.

- Qua những cái cầu như thế này khi chưa quen cũng tốn chút ít thần kinh đấy chứ.

Gã ngẩng lên nhìn và thấy một người đàn ông đang đứng trước mặt. Ất hẳn ông ta từ cái nhà mà gã trông thấy đi ra.

- Tôi thấy ông ngập ngừng, - người đàn ông tiếp tục nói với nụ cười trên môi, - và tôi chỉ rình được thấy ông ngã.

- Có mà đến mục thất nhà ông, - viên thuyền trưởng nói, lúc này đã lấy được về tự tin.

- Chính tôi trước kia cũng đã từng ngã. Tôi nhớ là có một buổi tối đi săn về, tôi đã ngã, đánh rơi cả súng. Giờ thì tôi cho một cậu bé mang súng cho tôi.

Người đàn ông không còn trẻ nữa, có một bộ râu nhỏ giờ đã điểm bạc, và một khuôn mặt thôn gầy. Ông ta mặc áo lót không tay và cái quần vải bông. Ông ta chẳng đi giày, tất gì cả. Ông ta nói tiếng Anh bằng một giọng hơi lơ lớ.

- Ông là Ninxon? - Viên thuyền trưởng hỏi.

- Tôi đây.

- Tôi có nghe nói về ông. Tôi đoán là ông sống quanh quanh đâu đây.

Viên thuyền trưởng theo chủ nhân đi vào căn nhà một tầng và nặng nề ngồi xuống cái ghế mà người kia chỉ cho. Trong lúc Ninxon đi ra ngoài kiếm rượu uytki và cốc, gã nhìn quanh gian nhà một lượt. Nó làm gã đầy sững sốt. Chưa bao giờ gã thấy lắm sách đến vậy. Các giá đặt từ sàn lên đến trần ở cả bốn phía tường mà cái nào cũng chứa chật cả. Một cây đàn pianô lớn bày bừa các bản nhạc, và một cái bàn rộng trên đó sách vở tạp chí để bừa bộn. Gian buồng làm gã thấy bối rối. Gã nhớ rằng Ninxon là một tay kỳ quặc. Không ai biết về ông ta nhiều lắm, tuy ông ta đã ở đảo lâu, nhưng những ai biết ông ta đều đồng ý rằng ông ta kỳ quặc. Ông ta người Thụy Điển.

- Ông có một tủ sách to quá nhỉ, - gã nói, khi Ninxon quay vào.

- Chúng cũng chẳng hại gì, - Ninxon đáp với một nụ cười.

- Ông đã đọc tất cả số sách ấy rồi sao? - Viên thuyền trưởng hỏi.

- Cũng gần tất cả.

- Tôi cũng có đọc chút ít. Tôi vẫn đặt mua báo "Bưu điện tối thứ bảy".

Ninxon rót cho khách một cốc rượu uytki khá mạnh và đưa cho gã một điếu xì-gà. Viên thuyền trưởng hỏi dạ thông báo đôi điều tin tức:

- Tôi đến hôm qua, mà không tài nào tìm ra khe nước, nên phải bỏ neo phía ngoài. Tôi chưa chạy đường này bao giờ, nhưng mấy cha bên tôi chở mấy thứ qua đây. Ông có biết Grây không?

- Vâng, anh ta có cái cửa hàng cách đây một đoạn đường.

- Phải, ở đấy có rất nhiều đồ hộp anh ta muốn được chở đến, với lại anh ta cần cả ít cùi dừa khô nữa. Họ cho là tối cứ nên qua đây, nằm ườn ở Apia thì cũng thế. Tôi vẫn chạy đường Apia và Pago-Pago đấy chứ, nhưng vừa mới phát dịch đậu mùa ở đấy, nên chẳng có cóc khò gì để làm cả.

Gã uống một hớp rượu uytki và châm điếu xì gà. Gã vốn lắm lì, nhưng có cái gì đó trong con người Ninxon khiến gã bị kích động làm gã cất tiếng. Người

đàn ông Thụy Điển ngắm gã bằng cặp mắt to, đen, trong đó hơi thể hiện vẻ giễu cợt thích thú.

- Ông có cái chỗ xinh đáo để.

- Tôi cũng phải bỏ ra nhiều công sức đấy,

- Với chỗ cây này ông cũng khăm khá đấy nhỉ. Trông hay thật. Cùi dừa khô bây giờ đang được giá đấy. Tôi cũng đã có thời có ít đồn điền ở Upôlu⁽¹⁾, nhưng tôi đã phải bán đi rồi.

Gã nhìn quanh gian nhà một lần nữa, tất cả những quyển sách kia gợi cho gã một cảm giác khó hiểu và thù địch nào đó.

- Chắc ở đây ông thấy hơi buồn nhỉ? - Gã nói.

- Tôi đã quen rồi. Tôi ở đây đã hai mươi lăm năm.

Lúc này viên thuyền trưởng chẳng còn nghĩ ra chuyện gì để nói nữa, nên gã im lặng hút thuốc. Nin-xơn hiển nhiên không tỏ ý muốn phá vỡ sự yên lặng. Ông nhìn khách bằng con mắt nghĩ ngợi. Gã có vóc người cao hơn sáu bộ, và rất mập. Mặt gã đỏ và đầy vết bẩn, với một mạng mao mạch màu tía trên má, những đường nét bị chìm vào trong sự phì nộn. Mắt gã vẫn tia máu. Cổ bị vùi trong những ngón mỡ. Nếu không có một món tóc quăn và dài, gần như màu trắng ở phía gáy, thì đầu gã hoàn toàn hói; và cái bề mặt trán thênh thang, bóng láng kia đáng lẽ phải tạo cái dáng uyên bác giả tạo, thì nó lại tạo cho gã một vẻ

⁽¹⁾ Upôlu: Một trong chín hòn đảo ở Tây Xamoa, có trung tâm hành chính là Apia.

đàn độn đặc biệt. Gã mặc sơ mi xanh lơ bằng vải phlanen, phanh cổ và phở bày bộ ngực béo phủ một mảng lông đỏ đỏ. Chiếc quần xanh rất cũ bằng vải xéc. Gã ngồi trên ghế trong một tư thế vụng về, nặng nề, cái bụng vĩ đại chìa ra phía trước và đôi bắp chân mập không bắt chéo. Mọi đặc tính đàn hồi đã thoát ra khỏi chân tay gã. Ninxon trầm ngâm tự hỏi không hiểu thời trẻ gã thuộc loại người nào. Hình như không thể hình dung ra nổi cái tấm thân đồ sộ kia đã từng là một cậu bé chạy tung tăng. Viên thuyền trưởng đã uống hết cốc uytki và Ninxon đẩy cái chai về phía gã.

- Xin mời ông.

Viên thuyền trưởng rướn người về phía trước và lấy tay tóm lấy chai rượu.

- Thế sao ông lại tới cái xứ này? - Gã hỏi.

- Ô tôi đến các đảo nơi đây là vì chuyện sức khỏe. Phổi tôi hồi đó rất tồi, và người ta bảo tôi sẽ không sống nổi một năm nữa. Ông thấy đấy, người ta đã nhầm.

- Tôi muốn hỏi làm sao ông lại an cư ở chính nơi đây?

- Tôi là một người đa cảm.

- Chà!

Ninxon biết viên thuyền trưởng chẳng hiểu gì điều ông nói, và ông nhìn gã với một ánh mắt mai trong đôi mắt đen của ông. Có lẽ chính vì viên thuyền trưởng là một kẻ quá thô phàm và đàn độn nên ông thấy hăng muốn nói nữa.

- Ông phải lo giữ thăng bằng thái quá lúc qua cầu nên không nhận ra rằng chỗ này nói chung là khá đẹp đấy.

- Ông có căn nhà nho nhỏ đáng yêu thật.

- À, đây không phải nơi tôi đến ở lúc đầu. Nơi đây có một túp lều của thổ dân, mái tổ ong và kèo cột, núp bóng một cây to hoa đỏ, còn những bụi cây ba đậu, lá vàng, lá đỏ ánh lên làm thành một hàng rào xung quanh. Rồi chung quanh lại toàn những cây dừa, lạ lùng như đàn bà, và cũng kiêu kỳ như thế. Chúng đứng bên mép nước và cả ngày soi bóng mình xuống đó. Hồi ấy tôi còn thanh niên. Trời, cái thuở một phần tư thế kỷ về trước - tôi đã muốn hưởng trọn vẹn vẻ đáng yêu của thế gian trong khoảng thời gian ngắn ngủi còn lại trước khi bước vào cõi hư vô. Tôi nghĩ đấy là chỗ đẹp nhất mà tôi từng gặp. Lúc đầu trông thấy, tôi đã sững sờ, e rằng mình sắp phát khóc lên. Bấy giờ chưa quá hăm lăm, và cho dù tôi đã lấy hết can đảm nhìn thẳng vào số mệnh, tôi vẫn không muốn chết. Thế rồi hình như chính cái vẻ đẹp nơi này đã làm tôi dễ dàng chấp nhận số mệnh của mình hơn. Tôi cảm thấy là khi tôi đến đây, tất cả quãng đời quá khứ đã rơi tuột đi mất. Xót không với Trường đại học tổng hợp của nó, rồi thì Bon; tất cả cứ như cuộc đời của một người nào khác, như thể lúc này rốt cuộc tôi đã đạt đến cái hiện thực mà các vị tiến sĩ triết học - tôi cũng là một tiến sĩ triết, - đã từng tranh cãi khá nhiều. "Một năm" - tôi thốt lên với chính

minh, - "Ta có một năm. Ta sẽ dùng nó ở nơi đây và rồi ta sẽ bằng lòng nhắm mắt xuôi tay". Chúng ta đều ngốc nghếch, đa cảm và hay quá xúc động ở cái tuổi hăm lăm, nhưng giả chúng ta không như vậy thì có lẽ chúng ta sẽ kém sáng suốt hơn ở cái tuổi năm mươi. Nào uống đi, ông bạn. Đừng để những chuyện dăm dớ xen vào. Ông vẩy bàn tay về phía cái chai, và viên thuyền trưởng uống cạn nốt phần rượu trong cốc.

- Ông chẳng uống tí nào cả, - gã nói, tay với chai uytki.

- Tôi không nghiện, người đàn ông Thụy Điển mỉm cười - Tôi tự đầu độc mình bằng những cách tôi tưởng là còn tinh tế hơn. Nhưng có lẽ nó chỉ là chuyện huyền hoặc. Dầu sao, tác động có kéo dài hơn và kết quả cũng độc hại hơn.

- Người ta bảo bên Mỹ bây giờ có nhiều côcain lắm. - Viên thuyền trưởng nói.

Ninxơn cười thành tiếng.

- Nhưng tôi có hay gặp người da trắng đầu nhĩ, - ông nói tiếp, mà chỉ một lần thì tôi nghĩ mấy giọt uytki cũng chẳng gây hại gì cho tôi.

Ông bèn rót cho mình một ít, cho thêm chút xô-đa rồi làm một hớp.

- Thế rồi chẳng bao lâu tôi mới vỡ lẽ ra tại sao cái nơi này lại có một vẻ đáng yêu thần tiên làm vậy. Ở đây tình yêu đã lưu lại trong khoảnh khắc như con chim di cư tình cờ gặp một con tàu giữa đại dương,

và trong chốc lát nó cụp đôi cánh rã rời lại. Cái đam mê đẹp dễ hiện rành rành ra và hương vị của một mối tình đắm thắm còn phảng phất quanh đây giống như hương sơn trà tháng năm trên đồng cỏ quê tôi. Tôi thấy hình như những nơi mà người ta đã từng yêu thương hay đau khổ đều để lại ít hương vị man mác nào đó không bao giờ tan đi hoàn toàn. Như thế chúng đã giành được một ý nghĩa tinh thần mà nó tác động một cách bí ẩn lên những kẻ đã trải qua. Ước gì tôi có thể làm sáng tỏ ý mình được nhỉ. - Ông hơi mỉm cười - Dầu tôi không dám nghĩ nếu tôi có nói được hết ý mình thì chắc gì ông đã hiểu.

Ông ngừng lời.

- Tôi nghĩ chỗ này đẹp, bởi vì ở đây tôi đã được yêu một cách đẹp dễ. - Nói rồi ông nhún vai. - Nhưng có lẽ chỉ là tại cái cảm quan mỹ học của tôi được sự kết hợp may mắn của tình yêu tươi trẻ và một khung cảnh thích hợp ban thưởng cho.

Ngay một kẻ không đến nỗi ù lỳ như gã thuyền trưởng chắc cũng được tha thứ, nếu như anh ta có hoang mang trước những lời nói của Ninxon. Vì hình như ông có hơi cười nhẹ những điều mình nói. Dường như lời ông nói xuất phát từ cái cảm xúc mà lý trí ông thấy nực cười. Ông tự nhận mình là một người đa cảm, mà khi tính đa cảm gắn với sự hoài nghi thì chỉ để ra lăm chuyện oái oăm.

Ông yên lặng một lát và nhìn viên thuyền trưởng bằng cặp mắt trong đó toát ra sự ngờ ngàng đột ngột.

- Ông này, tôi không thể không nghĩ là đã trông thấy ông ở đâu đó trước kia, - ông nói.

- Tôi không thể nói là tôi có nhớ gặp ông hồi nào, - viên thuyền trưởng đáp lại.

- Tôi có cảm giác ngổ ngỗ là hình như khuôn mặt ông rất quen đối với tôi. Nó làm tôi bồn chồn mất một lúc. Nhưng tôi không tài nào lục được trong trí nhớ ra là gặp ở chỗ nào hay là vào lúc nào.

Viên thuyền trưởng nhún đôi vai nặng nề.

- Đã ba mươi năm rồi kể từ khi tôi lần đầu tiên bước lên những hòn đảo này. Người ta không tài nào ghi nhớ hết những người đã gặp gỡ trong giây lát thế này.

Người đàn ông Thụy Điển lắc đầu.

- Ông có biết đôi khi người ta có cảm tưởng là một nơi anh ta chưa hề đến lần nào trước kia lại quen thuộc đến lạ lùng không? Cũng như tôi có cảm tưởng nhìn thấy ông đây, - ông nở một nụ cười kỳ dị. - Có lẽ tôi biết ông từ vài kiếp trước. Có lẽ, có lẽ ông là chủ một chiếc thuyền galê⁽¹⁾ thời La Mã cổ đại, còn tôi là cái anh nọ lệ chèo thuyền. Ông ở đây đã ba mươi năm?

- Lác đác suốt ba mươi năm.

- Thế ông có biết một người đàn ông tên là Chàng Đỏ không?

⁽¹⁾ Thuyền galê: một loại thuyền buồm dài, thấp có dây mái chèo thường do nô lệ chèo thời cổ.

- Chàng Đỏ?

- Đây chỉ là cái tên mà tôi biết về anh ta. Bản thân tôi chưa được biết anh ta. Tôi chưa được thấy anh ta tận mắt, ấy thế nhưng hình như tôi thấy anh ta còn rõ hơn thấy nhiều người khác, chẳng hạn rõ hơn anh em tôi, những người tôi đã cùng sống hàng ngày trong bao nhiêu năm. Anh ta sống trong tâm tưởng tôi rõ nét như một Paolô Malatexta⁽¹⁾ hay một Rômêô⁽²⁾. Mà không rõ đã có khi nào ông đọc Đăngtơ hay Sếchxpia chưa nhỉ?

- Tôi không thể bảo là tôi đã đọc rồi, - viên thuyền trưởng nói.

Ninxơn, miệng ngậm điều xì gà, ngả người ra ghế và lơ đãng nhìn cuộn khói thuốc đang bơi trong không gian tĩnh lặng. Một nụ cười giỡn trên môi, nhưng cặp mắt ông vẫn nghiêm nghị. Rồi ông nhìn sang viên thuyền trưởng. Trong sự phỉ nộ thô thiển của gã có vẻ gì đó tươm tươm khác thường. Gã có cái vẻ thừa mứa mãn nguyện trong chính lớp mỡ béo. Thật là một sự lảng mạ. Nó đẩy thần kinh Ninxơn đến giới hạn chịu đựng. Nhưng sự tương phản giữa kẻ ngồi trước ông và kẻ nằm trong trí óc ông thật thú vị.

⁽¹⁾ Paolô Malatexta: nhân vật *Hài kịch thánh thần* của Đantê, nhà thơ Italia (1265 - 1321). Là con một gia đình quý tộc, Paolô say đắm vợ của người anh Giôvanni của mình là Phranxexca và cả hai đã bị Giôvanni giết chết.

⁽²⁾ Rômêô: nhân vật trong bi kịch *Rômêô và Juyliét* của Sếchxpia, thi hào Anh (1564 - 1616). Hai người yêu nhau tha thiết và đã cùng chết với nhau hơn là sống lẻ loi và được coi là một cặp tình nhân lý tưởng.

- Có vẻ như chàng Đỏ là một anh chàng duyên dáng nhất mà người ta gặp được. Tôi đã chuyện trò với một số người biết anh ta hồi đó, những người da trắng ấy mà, và họ đều đồng ý là nếu anh trông thấy anh ta lần đầu tiên thì vẻ đẹp của anh ta hẳn sẽ làm anh sửng sốt. Người ta gọi anh ta là Chàng Đỏ là do bộ tóc rực lửa của anh ta. Bộ tóc ấy lượn sóng tự nhiên và được để dài. Nó chắc phải có cái sắc màu tuyệt diệu mà các nhà tiền Raphaen⁽¹⁾ vẫn nháo nhào tìm kiếm. Tôi nghĩ anh ta không ngạo mạn vì bộ tóc ấy, anh ta quá chân thật, nào biết đến sự ngạo mạn, nhưng nếu có đi nữa, thì cũng không ai trách anh ta được. Anh ta cao sáu bộ, một hai inơ⁽²⁾ gì đó. Trong gian nhà thờ dân trước ở chỗ này có vết đánh dấu chiều cao anh ta bằng dao ở cái cột chống mái chính giữa ấy - anh ta được tạo nặn như một thánh thần Hy Lạp vai rộng và sườn mảnh; anh ta giống như thần Apôlô với cái vẻ tròn trịa mềm mại mà Praxiten⁽³⁾ đã đắp nên, với cái vẻ yêu kiều hồn nhiên của thanh nữ áp bên trong một cái gì xáo động huyền bí. Da anh trắng phau, mịn màng như xa-tanh, như da dẻ phụ nữ vậy.

⁽¹⁾ Các nhà tiền Raphaen: hội viên của hội *Tình anh em tiền Raphaen* (Proraphaelite Brotherhood) thành lập năm 1848 ở Anh, có tôn chỉ là khuyến khích tính trung thành với tự nhiên, tính tinh xảo trọn vẹn (như trong tác phẩm của các họa sĩ thời kỳ tiền Raphaen) trong hội họa và thơ ca, phê bình.

⁽²⁾ Một bộ (font) - 12 inơ = 30,48cm.

⁽³⁾ Praxiten, nhà điêu khắc Hy Lạp (thế kỷ 4 trước C.N.); tác giả bức tượng "Apôlô", mà bản sao hiện ở bảo tàng Luvrô, Pari.

- Tôi cũng có làn da trắng hồng còn bé, - viên thuyền trưởng nói, cặp mắt vẫn tia máu ánh lên.

Nhưng Ninxon không chú ý gì đến gã. Ông đang đà kể chuyện nên sự cắt ngang làm ông sốt ruột.

- Mặt anh ta cũng đẹp như thân hình anh ta. Anh ta có cặp mắt to màu xanh, rất thắm, đến nỗi có người bảo là màu đen, và không giống với đa số những người tóc đỏ, anh ta có hàng lông mày sẫm, lông mi cũng sẫm và dài. Đường nét anh ta đều đặn đến hoàn hảo, và miệng thì như một vết thương đỏ chói. Anh ta mới hai mươi tuổi. - Nói đến đây người đàn ông Thụy Điển dừng lại với một cảm giác lâm ly nào đó. Ông uống một hớp úytki.

- Anh ta thật là có một không hai. Chưa bao giờ có ai đẹp hơn được. Chẳng khác nào một bông hoa tuyết vời nở trên cái cây hoang dại. Anh ta là sự ngẫu hợp tài tình của tự nhiên.

Một hôm anh ta đã cập vào chính cái vịnh mà ông chắc đã vào sáng nay. Anh ta là thủy thủ Mỹ, đào ngũ khỏi một chiếc tàu chiến ở Apia. Anh ta đã thuyết phục được một số thổ dân dễ tính cho đi nhờ trên một chiếc ca-nô vãn hay chạy từ Apia đến Xaphôtô và được đưa lên bờ bằng xuống độc mộc. Tôi không rõ tại sao anh ta lại đào ngũ. Có thể cuộc sống trên chiếc tàu chiến với những kỷ cương của nó khiến anh ta chán ngán, có thể anh ta có chuyện gì không hay, cũng có thể vùng biển Nam này và những hòn đảo thơ mộng kia đã thấm đậm vào tâm

can anh ta. Lắm khi cái cảnh vật ấy nó chộp lấy con người ta một cách lạ lùng, và anh bỗng thấy mình như con ruồi mắc trong cái mạng nhện. Chắc là trong gân cốt anh ta có một sự mềm yếu nào đó và những ngọn đồi xanh mát này, với không khí mềm dịu, và biển xanh này đã rút mất ở anh ta cái sức mạnh phương bắc như Dêlilarút của anh chàng người Nazarít⁽¹⁾. Dù thể này hay thể khác, anh ta muốn trốn đi và đã nghĩ rằng sẽ an toàn ở cái xó hẻo lánh này cho đến khi tàu của anh ta rời Xamoa.

Ở bên vịnh có một túp lều thổ dân và giữa lúc anh ta đang đứng đó, bỗng khoảnh không biết đi đâu, thì một cô gái trẻ bước ra mời anh vào. Anh ta cùng lắm là biết được đôi ba từ thổ dân, còn cô cũng biết ít tiếng Anh lắm. Nhưng anh ta hiểu khá rõ nụ cười của cô gái có ý nghĩa gì, cùng những cử chỉ dễ thương của cô. Thế là anh ta bước theo cô. Anh ta ngồi xuống chiếu và cô đưa cho anh những lát dừa. Tôi chỉ có thể nói về Chàng Đỏ qua lời đồn, nhưng tôi đã gặp cô gái ấy ba năm sau khi anh ta lần đầu gặp cô. Cô có dáng dấp yêu kiều nồng nàn của một đóa hoa đậm bụi và

⁽¹⁾ Theo truyền thuyết của Kinh thánh, Xamxơn người Nazarít có sức khoẻ phi thường, là người anh hùng của dân tộc Ixraen, đã yêu Dêlila, kẻ bị người Philixtin, kẻ thù không đội trời chung của người Ixraen, mua chuộc. Dêlila đã phát hiện ra sức mạnh của Xamxơn là ở mái tóc của anh, chưa được cắt từ hồi sinh ra. Sau khi ru Xamxơn ngủ trên đùi mình Dêlila đã cho người cắt bầy món tóc của anh, làm anh mất hết sức mạnh và bị người Philixtin bắt làm tù binh.

một sắc màu phong phú. Cô khá cao, thon thả, với những nét tinh tế của nòi giống cô, và đôi mắt to như cái bể nước êm lặng dưới hàng cọ; tóc cô đen và quăn xõa xuống lưng, cô lại mang một vòng hoa thơm ngát. Tay cô thật đáng yêu. Nó nhỏ nhắn, cân đối lạ thường, làm rung động những sợi tơ lòng của anh. Những ngày ấy cô dễ cười lắm. Nụ cười của cô quyến rũ đến mức làm đầu gối anh run lên. Da cô giống như một cánh đồng mùa hạ. Trời ơi, làm sao tôi có thể mô tả cô ấy được nhỉ? Cô ấy đẹp đến phi thực.

Và đôi trai gái trẻ ấy, nàng mười sáu và chàng hai mươi, đã say đắm nhau từ cái nhìn ban đầu. Đây là tình yêu thực sự, không phải loại tình yêu xuất phát từ cảm tính, từ lợi ích chung, hay từ sự nhất quán về trí thức, mà là tình yêu thuần túy và giản dị. Đó chính là cái tình yêu mà Adam đã cảm Êva⁽¹⁾ khi chàng thức dậy và thấy nàng trong vườn đang mở to cặp mắt long lanh như sương nhìn mình. Đó chính là cái tình yêu đã khiến loài muông thú tìm nhau và các thánh thần đến với nhau. Đó chính là tình yêu đã làm thế giới này thành huyền diệu. Đó chính là tình yêu cho cuộc đời này cái ý nghĩa sinh thành. Ông chưa được nghe một vị công tước người Pháp thông thái nói, là với hai kẻ yêu nhau, thì luôn có một kẻ yêu và một kẻ để cho mình được yêu; đây là cái sự thực cay

⁽¹⁾ Adam và Êva, theo truyền thuyết Kinh thánh, là thủy tổ của loài người, do Chúa Trời tạo ra. Để tạo người bạn đời cho Adam, Chúa Trời đã nặn ra Êva từ xương sườn của Adam.

đáng mà đa số chúng ta đành bó tay chịu, nhưng cũng có khi có hai kẻ cùng yêu và cùng để cho mình được yêu. Khi ấy người ta có thể tưởng tượng là mặt trời sẽ đứng lạng như nó đã đứng khi Giêsu cầu nguyện Chúa Trời của người Ixraen⁽¹⁾.

Ngay cả bây giờ, sau ngần ấy năm, khi tôi nghĩ đến cặp uyên ương ấy, trẻ là thế, đẹp là thế, giản dị là thế và nghĩ đến tình yêu của họ, thì tôi lại thấy nhói lòng. Nó làm tim tôi thổn thức như bị vò xé, khi đêm đêm tôi ngắm mặt trăng tròn tỏa sáng con vịnh từ bầu trời không mây. Lúc nào chả có cái đau khi chiêm ngưỡng vẻ đẹp hoàn thiện!

Họ còn là con trẻ. Nàng xinh đẹp, dịu dàng, tốt bụng. Tôi không biết gì về người con trai, nhưng tôi cứ muốn nghĩ là trong mọi hoàn cảnh, anh ta vẫn tài hoa và cởi mở. Tôi cứ muốn nghĩ là tâm hồn anh ta cũng đẹp như thân thể anh ta. Nhưng tôi cho là anh ta cũng không có nhiều tâm hồn hơn những giống sinh vật ở núi rừng, những giống biết làm ống tiêu từ lau sậy và tắm trong dòng suối của sơn lâm khi thế gian này hãy còn trẻ trung, và anh có thể nắm bắt lấy cái hình ảnh những vị thần sơn lâm⁽²⁾ nhỏ bé phi

⁽¹⁾ Nhắc đến tình tiết trong Kinh thánh, khi Giêsu (người kế tục Môđơ) dẫn dân tộc Ixraen đến Canaan, Đất Hứa của họ và Giêsu đã lệnh cho mặt trời đứng lạng trên Gibéon (thành phố họ phải bảo vệ) và "mặt trời đã đứng lạng cho tới khi dân tộc ấy đã trả thù được kẻ thù của họ".

⁽²⁾ Theo thần thoại Hy Lạp và La Mã, thần sơn lâm có hình người nhưng lại có chân dê, có sừng và tai nhọn.

nước đại qua khoảng rừng trống trên lưng một con nhân mã có râu. Tâm hồn là cái thứ sở hữu rắc rối, khi con người phát huy nó, thì anh ta mất đi vườn Địa Đàng⁽¹⁾.

Khi Chàng Đồ đến đảo thì cũng vừa lúc có một nạn dịch tràn qua, thứ dịch do người da trắng đem tới vùng biển Nam và một phần ba cư dân trên đảo đã chết. Hình như cô gái đã mất hết người thân thuộc và sống trong nhà một người anh họ xa. Nhân khẩu gồm hai bà già, lưng còng và mặt mũi nhăn nheo, hai người đàn bà trẻ hơn, một người đàn ông và một cậu bé. Anh ta nán lại đây ít ngày. Nhưng có thể anh ta cảm thấy ở gần bờ biển quá, nhờ đâu lại đụng phải những người da trắng và họ sẽ phát hiện ra chỗ trốn tránh của anh, cũng có thể là cặp uyên ương không muốn chịu để sự tụ họp của những người kia tước đi của họ những giây phút khoan khoái bên nhau. Một sáng kia họ dọn đi, cái cặp uyên ương ấy, với một ít đồ đạc của cô gái. Họ đi dọc con đường đầy cỏ dưới rặng dừa, cho đến khi tới con lạch mà ông đã trông thấy. Họ phải qua cái cầu mà ông đã đi qua, cô gái cười sung sướng thích thú vì thấy chàng trai sợ hãi. Cô nắm tay anh ta cho tới hết cái cây đầu tiên thì anh ta mất hết can đảm và phải quay lại. Anh ta đã phải cởi hết quần áo ra rồi mới dám liều đi nữa và cô đội giùm quần áo

⁽¹⁾ Theo Kinh thánh, sau khi Adam và Èva đã nếm trái cấm của cây biết điều thiện và điều ác, thì họ bị đuổi khỏi vườn Địa Đàng. (Thiên đường trần gian).

cho anh. Họ ngụ trong cái lều bỏ không ở đó. Cô có quyền chiếm nó hay không (sở hữu đất đai là chuyện phức tạp trên đảo) hay là người chủ đã chết trong nạn dịch, tôi không rõ, nhưng chả thấy ai lục vấn họ, thế là họ thành chủ túp lều. Đồ đạc của họ gồm hai cái chiếu cỏ để ngủ, một mẩu gương soi và một hai cái bát gì đó. Trên mảnh đất dễ chịu này thì thế cũng đủ để bắt đầu một tổ ấm.

Người ta bảo rằng những người hạnh phúc không có thiên sử, và chắc chắn một tình yêu hạnh phúc cũng không có nốt. Cả ngày họ chẳng làm gì mà dường như những ngày ấy vẫn ngắn quá. Cô gái có một cái tên địa phương, nhưng chàng Đồ gọi cô là Xaly. Anh ta học rất nhanh thứ ngôn ngữ dễ dàng ấy, và thường nằm trên chiếu hàng giờ nghe cô nói líu ríu vui vẻ. Anh ta là một chàng trai ít nói, có thể do trí óc anh ta đang ở trạng thái ngất ngây. Anh ta hút liên tục thứ thuốc lá cô gái làm cho từ giống thuốc lá địa phương và lá cây dừa dại, và ngắm nhìn cô đan chiếu cỏ bằng những ngón tay khéo léo. Thường thì dân địa phương hay ghé chơi và kể những chuyện dài về những ngày xa xưa khi hòn đảo bị khuấy động bởi những cuộc chiến tranh bộ tộc. Đôi lúc anh ta đi câu trên mỏm đá và mang về nhà một giỏ đầy cá. Thỉnh thoảng ban đêm anh ta xách đèn đi bắt tôm hùm. Quanh lều có những cây chuối lá và Xaly vẫn nướng chúng cho bữa ăn thanh đạm của họ. Cô biết cách làm những món ngon linh tinh từ quả dừa, và

cây mít bên bờ lạch cũng đã ra quả cho họ. Vào những ngày lễ họ thịt một con lợn con và nấu nướng trên những hòn đá kê làm bếp nóng rực. Họ tắm cùng nhau dưới con lạch, và tối tối họ ra vịnh và chèo rong ruổi trên chiếc xuồng độc mộc. Biển xanh thăm thẳm, lúc vàng dương xuống thì có màu rượu đỏ như biển Hy Lạp của Hôme⁽¹⁾; nhưng ở vịnh sắc màu đa dạng vô cùng, vừa xanh biếc, vừa tím thạch anh, vừa màu ngọc lục bảo; và mặt trời đang lặn biến nó trong khoảnh khắc thành màu vàng trong trẻo. Rồi còn có cả màu san hô, nâu, trắng, hồng, đỏ, tía; và nó tạo nên những hình dáng tuyệt trần. Nó giống như một khoảnh vườn màu nhiệm và những chú cá tung tăng kia giống như những con bướm. Nó siêu thực đến lạ lùng. Giữa đám san hô có những khoảng nước có đáy cát trắng và nước trong veo, tắm rất tốt. Thế rồi, mắt mễ và sung sướng, họ thơ thẩn ra về trong ráng hoàng hôn hắt xuống con đường cỏ mềm mại dẫn đến lạch, bước đi tay nắm tay, lúc này những chú chim sáo đậu đầy rặng dừa kêu âm ỉ. Rồi đêm đến, với bầu trời bao la lấp lánh ánh vàng có vẻ như còn trải ra dài rộng hơn những khung trời ở châu Âu, và những lớp không khí mềm mại thổi êm ái qua căn lều nhỏ; đêm dài lại hóa ra quá ngắn. Nàng mười sáu và chàng vừa đôi mươi. Vùng đông đã bỏ quanh những cột gỗ của túp lều và ngắm nhìn

⁽¹⁾ Hôme, nhà thơ Hy Lạp (khoảng thế kỷ 8 trước Công nguyên), tương truyền là tác giả của trường ca Iliát và Ôdixê.

đôi trẻ đáng yêu ấy đang ngủ trong vòng tay nhau. Mặt trời nấp sau những tàu lá vả tươi của đám chuối lá để khỏi quấy động họ, và rồi, với sự nô giỡn ranh ma, chiếu một tia vàng, như móng vuốt vươn dài của chú mèo Ba Tư, lên mặt họ. Họ mở cặp mắt ngái ngủ ra và mỉm cười chào đón một ngày mới. Tuần này sang tháng khác, một năm đã trôi qua. Có lẽ họ yêu nhau một cách - tôi do dự không dám nói là một cách si mê, bởi si mê luôn chứa một đáng dấp u sầu, một chút cay đắng hay đớn đau, mà là một cách toàn tâm toàn ý, một cách đơn giản và tự nhiên, cũng như cái hôm đầu tiên gặp gỡ, họ đã nhận ra là có một thiên thần ẩn trong mình.

Nếu anh có hỏi thì tôi chắc chắn rằng họ đã nghĩ rằng không đời nào tình yêu của họ lại có thể ngừng. Chúng ta chẳng biết rằng cái yếu tố cốt tử của tình yêu là niềm tin vào sự vĩnh cửu của chính nó đó sao? Ấy thế nhưng có lẽ trong lòng Chàng Đỏ đã có một mầm mống rất nhỏ, anh ta cũng không hay mà cô gái cũng không ngờ, và nó sẽ lớn lên thành sự tẻ chán theo thời gian. Bởi một hôm, một thổ dân phía ngoài vịnh nói với họ rằng xuôi bờ xuống chút ít có một chiếc tàu đánh cá voi của nước Anh đang bỏ neo.

- Chà, - anh ta nói. - Giá ta đem đổi ít hồ đào và chuối lá lấy một hai pao⁽¹⁾ thuốc lá thì hay nhỉ.

Những điều thuốc bằng lá dừa đại mà Xaly làm

⁽¹⁾ 1 pao (pound) = 453,59 gram.

cho anh ta bằng đôi tay cần cù của mình, tuy mạnh và hút ngon, nhưng vẫn không làm anh ta thỏa mãn; và anh ta bỗng ao ước thứ thuốc lá chính cống, nặng, thô và hăng. Anh ta đã lâu không hút tẩu. Miệng anh ứa nước bọt khi nghĩ đến nó. Người ta cho là những linh cảm không lành hắc sẽ khiến Xaly tìm cách ngăn anh ta lại, nhưng tình yêu đã bao trùm lấy cô trọn vẹn, đến nỗi trong đầu cô không bao giờ nảy ra ý nghĩ là có một sức mạnh nào đó trên thế gian có thể bứt anh khỏi cô. Họ cùng nhau lên đồi lượm một giỏ to toàn những quả cam dại, xanh, nhưng ngọt và nhiều nước; họ lấy chuối lá ở quanh căn lều, và dừa từ trên cây nhà họ, cả mít và xoài; rồi họ đem chúng ra vịnh. Họ chắt lên một chiếc thuyền lênh chênh, rồi Chàng Đỏ và cậu bé thổ dân, người đã báo tin về chiếc tàu cho họ biết, chèo ra phía ngoài dải đá ngầm.

Đấy là lần cuối cùng cô trông thấy anh ta.

Ngày hôm sau cậu bé quay về một mình. Cậu ta đắm đuối nước mắt. Câu chuyện cậu kể như thế này: Họ chèo khá lâu trước khi tới được chiếc tàu. Chàng Đỏ cất tiếng réo gọi, một người da trắng nhìn xuống và bảo họ lên tàu. Họ lấy số hoa quả mang theo và Chàng Đỏ chắt chúng lên boong. Người da trắng và anh ta nói chuyện với nhau, hình như có đi đến một thỏa thuận nào đấy.

Một người trong bọn chạy xuống lấy thuốc lá đem đến. Chàng Đỏ lấy ngay một ít và châm tẩu. Cậu bé diễn lại cử chỉ hân hoan của Chàng Đỏ khi nhả

một chùm khói lớn từ miệng. Rồi bọn họ nói cái gì đó với anh ta, thế là anh ta đi vào cabin. Qua cánh cửa mở cậu bé tò mò quan sát thấy một cái chai và cốc tách được đem ra. Chàng Đỏ uống và hút. Hình như họ hỏi anh ta cái gì đó, vì anh ta có lắc đầu và cười. Người đàn ông, cái người đầu tiên đã nói chuyện với họ, cũng cười theo và rót đầy cốc của Chàng Đỏ lần nữa. Họ tiếp tục chuyện trò và uống rượu, chẳng mấy chốc, mệt vì quan sát cái cảnh chẳng có nghĩa lý gì cho lắm, cậu bé nằm cuộn trên boong mà ngủ. Cậu bị đánh thức dậy bằng một cú đá, và nháy dưng lên, cậu thấy con tàu đang từ từ rời vịnh. Cậu bắt gặp cái cảnh Chàng Đỏ ngồi bên bàn, đầu rũ gục trên cánh tay, đã thiếp đi. Cậu tiến lại định đánh thức anh ta, thì một bàn tay thô ráp tóm lấy tay cậu, và một người đàn ông quắc mắt nói những lời cậu không hiểu, tay chỉ về phía mạn tàu. Cậu gọi to Chàng Đỏ, nhưng lập tức bị tóm lấy và bị quăng khỏi tàu. Bất lực, cậu đành bơi tới chiếc thuyền đang trôi dạt đi một quãng và đẩy nó lên chỗ đá ngầm. Cậu leo lên đấy, rồi khóc suốt dọc đường chèo thuyền vào bờ.

Điều xảy ra đã quá rõ ràng. Con tàu đánh cá ấy, do có sự đào ngũ hoặc đau yếu, đang thiếu người, nên khi Chàng Đỏ lên đó, viên thuyền trưởng đã gạt anh ta nhập vào đoàn. Sau khi bị từ chối hẳn đã chuốc rượu cho Chàng Đỏ say và bắt cóc đi.

Xaly như người mất hồn vì đau buồn. Nàng khóc lóc vạt vĩa mất ba ngày. Dân địa phương cố hết cách

giải khuây cho nàng, nhưng nàng không khuây khỏa được. Nàng không ăn. Rồi khi đã kiệt sức, nàng rơi vào trạng thái lơ đãng lắm lì. Nàng quanh quẩn suốt ngày ngoài bờ vịnh, mắt dõi ra biển, trong cái hy vọng vô ích là Chàng Đỏ, bằng cách này cách khác sẽ thoát được. Nàng ngồi trên cát trắng, hết giờ này sang giờ khác, lệ tuôn dài trên má và đêm đến ủ rũ lê bước qua con lạch về túp lều nhỏ, nơi nàng đã được hưởng hạnh phúc. Những người bà con đã từng sống với nàng hồi trước khi Chàng Đỏ đến đảo muốn nàng quay về với họ, nhưng nàng không về; nàng đinh ninh rằng Chàng Đỏ sẽ quay lại, nàng muốn chàng sẽ tìm ra nàng ở cái nơi chàng đã bỏ nàng ra đi. Bốn tháng sau nàng sinh ra một đứa con đã chết từ trong bụng và bà già giúp nàng qua cơn trở dạ đã ở lại luôn với nàng trong lều. Đời nàng đã bị tước hết mọi niềm vui. Nếu như nỗi đau của nàng có nhẹ đi theo thời gian thì nó đã được thế bởi một nỗi u buồn sâu lắng. Ông không thể tưởng tượng được rằng trong số những người dân nơi đây tình cảm mạnh mẽ nhưng rất chóng qua, lại tìm được một người đàn bà mang trong lòng một tình cảm nồng đậm đến vậy. Nàng không bao giờ phai nhạt niềm tin sâu sắc rằng sớm muộn thế nào Chàng Đỏ cũng trở lại. Nàng mong ngóng chàng, mỗi lần có ai qua cái cầu nhỏ bé thanh mảnh bằng thân dừa kia, nàng lại nhìn ra. Ất hẳn cuối cùng người đó sẽ phải là chàng.

Ninxơn ngừng kể và thở dài nhẹ nhẹ.

- Rồi kết cục cô ta ra sao? - Viên thuyền trưởng hỏi.

Ninxơn mỉm cười cay đắng.

- Ô ba năm sau nàng kết duyên với một người da trắng khác.

Viên thuyền trưởng cất tiếng cười trì độn, trơ tráo.

- Bọn đàn bà ấy thường bao giờ chả thế, - gã nói.

Người đàn ông Thụy Điển chia cái nhìn căm giận vào gã. Ông không rõ tại sao cái gã đàn ông phì nộn, ngu muội này lại gây cho ông một sự ghê tởm mạnh đến thế. Nhưng ý nghĩ ông vẫn còn đang chu du và ông ngẫm thấy trí óc ông vẫn còn chất đầy những kỷ niệm của dĩ vãng. Ông đang quay về với cái thời hai mươi lăm năm về trước. Đó là khi lần đầu ông đặt chân lên đảo, trong tâm trạng chán ngán Apia, với những đồ uống nặng, cảnh cờ bạc và thú nhục dục trắng trợn của nó; và là một người bệnh, đành cam chịu lẽ đường công danh đã từng nung nấu tâm can ông với những tham vọng áp ú. Ông dứt tình bỏ lại đằng sau mọi hy vọng làm tên tuổi mình trở nên nổi tiếng và lui về tự bằng lòng với những tháng năm ít ỏi nghèo nàn của một đời sống điều độ, cái điều duy nhất ông có thể trông chờ. Ông lên đảo với một thương gia người lai có một cửa hàng cách đó một vài dặm dọc bờ biển bên rìa một làng thổ dân. Một hôm, khi đi lang thang theo con đường đầy cỏ của khu rừng dừa, ông đã bắt gặp túp lều của Xaly. Vẻ đẹp của chốn này làm ông mê ly đến gần như đau đớn, rồi ông trông thấy Xaly. Nàng là người yêu kiều

nhất mà ông từng trông thấy, cái nét u buồn trong cặp mắt đen huyền diệu kia của nàng tác động vào ông một cách lạ lùng. Người Kanaka là một bộ tộc đẹp đẽ, trong họ không hiếm mỹ nhân, nhưng đó là vẻ đẹp của loài muông thú. Nó rỗng tuếch. Còn đôi mắt bí hiểm ấy lại đen và bí ẩn, và người ta cảm thấy trong đó cái uẩn khúc cay đắng của một tâm hồn vất vưởng. Người thương gia đã kể ông nghe đầu đuôi câu chuyện làm ông xúc động.

- Anh có nghĩ là anh chàng kia sẽ quay lại không? Ninxon hỏi người thương gia.

- Không đâu. Vì phải một vài năm sau con tàu mới hết hợp đồng, lúc ấy thì hẳn anh ta sẽ quên tiệt cô kia. Tôi cuộc là anh ta phải nổi khùng lên khi tỉnh dậy thấy mình bị bắt cóc, nhưng tôi không hẳn đoán chuyện anh ta có muốn đánh nhau với ai không. Anh ta chỉ còn cách nhe răng ra cười, rồi chịu vậy. Tôi đồ chỉ một tháng là anh ta sẽ nghĩ việc anh ta đã đi khỏi đảo là tốt.

Nhưng Ninxon không thể bỏ qua câu chuyện ấy. Có lẽ vì ông đau ốm và yếu đuối, cái sức khỏe phi thường của Chàng Đỏ kích thích trí tưởng tượng của ông. Vốn là một người xấu xí, diện mạo tầm thường, ông đánh giá rất cao vẻ duyên dáng của người khác. Ông chưa từng bao giờ yêu say đắm và chắc cũng chưa bao giờ được yêu say đắm. Sự quyến luyến lẫn nhau của đôi trẻ kia cho ông một cảm giác khoan khoái đặc biệt. Ông lại đi đến túp lều nhỏ bằng đường qua con lạch. Ông có tài về ngôn ngữ và có một trí óc

năng nổ đã quen làm việc, và ông đã bỏ nhiều thì giờ nghiên cứu ngôn ngữ địa phương. Thói quen cũ còn mạnh trong ông, và ông đã thu thập tài liệu cho một tờ báo bằng thổ ngữ Xamoa. Bà già ở cùng với Xaly đã mời ông vào chơi. Bà đãi ông uống *Kava* và thuốc lá. Bà vui sướng có người để chuyện trò, và khi bà nói thì ông nhìn Xaly. Nàng gợi cho ông nhớ tới bức tượng Pxykê⁽¹⁾ ở bảo tàng Naplơ. Đường nét của nàng cũng trinh bạch như thế, và tuy đã từng sinh nở một lần, nàng vẫn còn cái vẻ trinh nguyên.

Phải mãi đến hai ba lần gặp nhau, nàng mới mở miệng nói với ông. Cũng chỉ là để hỏi xem ông có thấy ở Apia một người tên là Chàng Đỏ hay không. Hai năm đã trôi qua kể từ khi chàng biệt tích, nhưng rõ ràng là nàng vẫn nghĩ đến chàng không nguôi.

Cũng chẳng phải lâu la gì Ninxon mới phát hiện ra là ông yêu nàng. Giờ thì chỉ có nỗ lực ý chí mới ngăn ông không tới con lạch hàng ngày, khi mà ông không ở bên Xaly thì ý nghĩ ông vẫn vương vấn ở nơi ấy. Lúc đầu xem mình như một người đang chết dần, ông chỉ dám mong được nhìn nàng, thỉnh thoảng được nghe nàng nói và tình yêu ấy của ông tạo cho ông một niềm hạnh phúc tuyệt vời. Ông hoan hỷ

⁽¹⁾ Pxykê (Psyche) trong thần thoại Hy Lạp và La Mã, tượng trưng cho tâm hồn, là một trinh nữ trải qua nhiều gian truân do sự ghen tuông của thần Vệ nữ, đã được đoàn tụ với thần Ái tình (Eros trong thần thoại Hy Lạp; Cupid trong thần thoại La Mã) và được thần Giupite làm cho trở thành bất tử.

trong sự tinh khiết của nó. Ông không ao ước gì hơn ở nàng ngoài cái cơ hội thù dật quanh hình hài trác tuyệt của nàng một mạng tơ tưởng tượng đẹp đẽ. Nhưng rồi không khí thoáng mát, nhiệt độ vừa phải, sự nghỉ ngơi, ăn uống thanh bạch bắt đầu có tác dụng không ngờ lên sức khỏe của ông. Ban đêm nhiệt độ người ông không vọt lên mức báo động nữa, ông ít ho hơn và bắt đầu lên cân; sáu tháng qua đi mà ông không bị xuất huyết lần nào; rồi đột nhiên ông nhìn thấy khả năng có thể sống của mình. Ông đã nghiên cứu bệnh tình của mình một cách kỹ lưỡng, và hy vọng lóe lên trong ông là nếu chăm lo giữ gìn tốt, ông có thể chặn được tiến trình của bệnh tật. Nó làm ông phấn chấn về tương lai một lần nữa. Ông vạch ra kế hoạch. Hiển nhiên không thể nói đến một cuộc sống tích cực hoạt động, nhưng ông có thể sống ở trên đảo, và cái thu nhập ít ỏi của ông, giá ở nơi khác thì không đủ, cũng đủ dư dật để nuôi ông ở đây. Ông có thể trồng dừa; đó cũng là một công việc; ông sẽ bán dừa để lấy tiền mua sách và một cây đàn pianô; nhưng trí óc nhanh nhạy của ông đã thấy rằng bên trong tất cả những cái đó là một điều mong ước ngụy trị trong ông mà chẳng qua ông cứ cố tự giấu mình.

Ông muốn có Xaly. Ông không những chỉ yêu vẻ đẹp của nàng, mà yêu cả tâm hồn u uẩn đằng sau cặp mắt đau khổ của nàng đã được ông suy tôn lên ấy. Ông sẽ làm nàng say cái say mê đắm đuối của ông. Rồi cuộc ông sẽ làm nàng quên đi dĩ vãng. Đắm mình

trong hoan lạc, ông mơ tưởng sẽ đem tới cho nàng bao nhiêu là hạnh phúc mà ông tưởng chừng không còn thấy lại nữa, mà nay đã đạt được một cách nhiệm mầu làm vậy.

Ông ngó lơi cùng chung sống với nàng. Nàng từ chối. Ông đã lường trước được điều đó nên không ngã lòng, vì ông tin chắc sớm muộn thế nào rồi nàng cũng sẽ nhượng bộ. Tình yêu của ông là bất khả kháng. Ông nói với bà cụ già ước mong của mình, và phần nào ngạc nhiên khi bà và những người láng giềng, đã nhận ra điều đó từ lâu và đang thúc giục Xaly nhận lời. Sau hết mỗi người dân địa phương đều sung sướng muốn dành nhà cho một người da trắng, mà Ninxon theo tiêu chuẩn trên đảo thì lại là một người giàu có. Người thương gia đã cùng ông cập bến đến chỗ Xaly bảo rằng nàng đừng có mà ngốc; một cơ hội như thế sẽ không bao giờ trở lại nữa, mà đã lâu đến thế rồi thì nàng đừng có mong hồng gì chuyện Chàng Đỏ sẽ trở về. Sự phản kháng của cô gái càng làm ước mong của ông thêm mạnh mẽ, và cái đã từng là một tình yêu rất tinh khiết trước kia nay đã thành một đam mê ghê gớm. Ông đã quyết là không gì có thể cản được ông nữa. Ông không để cho Xaly yên. Cuối cùng rồi trước sự bền bỉ của ông và trước những lời thuyết phục của mọi người xung quanh, nàng đã đồng ý. Nhưng ngày hôm sau, đang phấn chấn, ông đến nhà nàng thì thấy nàng đã đốt túp lều nơi nàng và Chàng Đỏ từng chung sống từ đêm trước mất rồi. Bà cụ già chạy lại

phía ông đầy bức tức chửi rủa Xaly, nhưng ông đã vẩy nạng lại bên: cái đó chả thành vấn đề; họ sẽ xây một căn nhà một tầng trên cái nền lều cũ. Một căn nhà kiểu Âu châu quả thực sẽ tiện lợi hơn, nếu ông muốn khuân cây đàn pianô và sổ sách vở nhiều vô kể đến. Và thế là một căn nhà gỗ nho nhỏ đã được dựng lên, nơi ấy ông đã sống qua bao năm mãi tới giờ, và Xaly thành vợ ông. Nhưng sau ít tuần ngày ngất đầu tiên mà ông mãn nguyện với những gì nàng ban cho, ông đã ít biết đến hạnh phúc. Nàng đã nhượng bộ ông qua sự chán ngán, nhưng nàng chỉ nhượng bộ cái mà nàng không cần cất giữ. Còn cái tâm hồn mà ông chỉ thoáng thấy lờ mờ đã lẫn khỏi ông. Ông biết là nàng chẳng đoái hoài gì đến ông. Nàng vẫn còn yêu Chàng Đỏ, và lúc nào nàng cũng đợi anh quay trở lại. Ninxơn thờ dài mà nhận ra rằng, bất kể tình yêu của ông, sự âu yếm của ông, lòng thương cảm của ông, sự bao dung của ông, chỉ cần có một dấu hiệu về Chàng Đỏ nàng sẵn sàng bỏ ông mà không một chút do dự. Nàng chẳng khi nào thêm để ý đến nỗi đau khổ của ông. Nỗi thống khổ xâm chiếm lấy ông và ông đột phá liên tiếp vào cái tôi bất khả xâm phạm của nàng đang ngấm ngấm chống lại ông. Tình yêu của ông trở nên cay đắng. Ông đã cố công đem sự nhân hậu ra để nấu chảy trái tim nàng, nhưng nó vẫn trở ra như cũ; ông có giả tảng thờ ơ, thì nàng cũng không nhận thấy điều đó. Đôi lúc mất bình tĩnh, ông xử tệ với nàng, lúc ấy nàng chỉ âm thầm khóc. Có lúc ông đã nghĩ rằng nàng chẳng là cái thá gì khác ngoài sự gian trá,

cái tâm hồn kia chẳng qua chỉ là một sáng chế của chính ông và ông không làm cách nào lọt được vào nơi thánh đường của trái tim nàng, chính vì ở đó chẳng có cái thánh đường nào cả. Ái tình của ông đã thành ra một nhà tù mà ông mong trốn ra, nhưng ông thiếu sức mạnh để mở cửa - cả thầy chỉ cần có thế - để bước ra ngoài với không gian bao la. Thật là một trò tra tấn và rút cục, ông đâm tê dại và vô vọng. Cuối cùng cái ngọn lửa kia đã lụi và khi ông thấy cặp mắt nàng trong chốc lát đắm đắm hướng về cây cầu mỏng mảnh kia, thì chẳng còn cơn giận dữ nào trào lên trong ông nữa, mà chỉ còn có sự sốt ruột. Đã nhiều năm nay họ chung sống với nhau, ràng buộc bởi thói quen và tiện nghi, nên bây giờ ông nhìn lại đam mê ngày xưa với một nụ cười. Nàng đã thành một người đàn bà già nua, đàn bà trên đảo già nhanh lắm, và nếu như ông chẳng còn yêu bà ta nữa thì ông còn có sự chịu đựng. Bà ta bỏ mặc ông. Ông bằng lòng với cây đàn pianô và chỗ sách của mình.

Ý nghĩ trong ông đưa ông tới mong muốn thổ lộ ra lời:

- Khi tôi nhìn lại và suy ngẫm về cái tình yêu nồng nàn ngăn ngủi của chàng Đỏ và Xaly, tôi nghĩ có lẽ họ phải cảm ơn số phận nghiệt ngã đã chia lìa họ khi tình yêu hình như còn đang trên đỉnh cao. Họ đau khổ, nhưng đau khổ trong cái đẹp. Họ đã được thoát khỏi một bi kịch thực sự của tình yêu.

- Tôi không dám chắc là nắm được ý ông. - Viên thuyền trưởng nói.

- Bị kịch của tình yêu không phải là cái chết hay sự chia ly. Ông thử nghĩ xem nó kéo dài được bao lâu, cho đến khi một bên không còn lưu tâm tới nữa? Ôi, thật là chua xót khủng khiếp khi nhìn vào một người đàn bà mà anh đã từng thương yêu bằng cả trái tim và tâm hồn đến nỗi không thể chịu để vắng bóng nàng được và anh giờ đây nhận thức ra rằng nếu anh có không bao giờ thấy lại nàng nữa thì cũng chẳng sao hết. Bị kịch của tình yêu là sự lãnh đạm.

Nhưng trong lúc ông đang nói thì một sự việc rất khác thường diễn ra. Tuy đang trò chuyện với viên thuyền trưởng, nhưng ông không nói với gã, ông chỉ diễn giải những ý nghĩ thành lời cho chính ông mà thôi, nên tuy mắt ông đặt vào gã đàn ông trước mắt mà nào ông có nhìn thấy gã. Và bây giờ một hình ảnh đã nảy ra theo ý nghĩ, không phải hình ảnh gã đàn ông ông nhìn thấy, mà là hình ảnh một người khác. Như thể ông đang nhìn vào cái gương biến dạng làm cho người ta thành lùn tịt hay dài lêu đêu, nhưng ở đây thì cái điều ngược lại đã xảy ra, trong người đàn ông lúông tuổi dần độn, xấu xí kia ông đã nắm bắt được cái bóng dáng một anh trai tơ. Ông lướt cái nhìn dò xét kỹ lưỡng lên gã. Tại sao cuộc đi dạo vô tình đã run rủi hấn đến chính nơi này? Tim ông run lên bất thần làm ông hơi khó thở. Một sự hồ nghi vô lý bao trùm lấy ông. Không thể nào có chuyện ấy được, nhưng nhờ đâu sự đời lại như vậy.

- Tên ông là gì? - Ông hỏi cộc lốc.

Mặt viên thuyền trưởng nhăn nhúm lại, và gã cất tiếng cười gian manh. Trông gã thâm hiểm và thô tục ghê gớm.

- Đã từ cái thời khi gió xa xôi ấy tôi đã nghe gọi thế, mà rồi tôi quên tiết đi mất. Vậy ra ba mươi năm nay trên đảo người ta vẫn gọi tôi là Chàng Đỏ?

Thân hình to lớn của gã rung rung khi gã cười gằn gằn như không thành tiếng. Thật là bỉ ổi. Ninxơn rùng mình. Chàng Đỏ lấy làm rất ngộ và từ đôi mắt vẫn tia máu của gã, nước mắt chảy xuống má.

Ninxơn đỡ ra, bởi đúng lúc ấy một người đàn bà bước vào. Bà ta là người địa phương, hơi có cái tướng mạo oai vệ, chắc mập mà không béo bệu, đen, thô dân ở đây càng nhiều tuổi càng đen, và tóc đã bạc nhiều. Bà ta mặc cái áo váy màu đen⁽¹⁾, mỏng, để lộ bộ ngực đồ sộ của mình. Cái giây phút ấy đã tới.

Bà ta hỏi Ninxơn một câu về chuyện nội trợ và ông trả lời. Ông tự hỏi không biết đối với bà ta, giọng ông có mất tự nhiên như ông cảm thấy không. Bà ta đưa ánh mắt thờ ơ sang người đàn ông ngồi trên ghế rồi đi ra. Cái giây phút ấy đã đến rồi đã qua đi.

Trong khoảnh khắc Ninxơn không nói được. Ông bàng hoàng lạ lùng. Rồi ông nói:

- Tôi sẽ rất sung sướng nếu ông ở lại đây xơi cơm với tôi. Có gì ăn nấy.

- Có lẽ tôi xin kiếu, - Chàng Đỏ nói. - Tôi còn

⁽¹⁾ Nguyên văn: Mother Hubbard.

phải đi tìm tay Gray đã. Tôi giao hàng cho hắn rồi còn chuẩn chứ. Tôi muốn ngày mai quay lại Apia.

- Tôi sẽ bảo một cậu bé đi theo chỉ đường cho ông.

- Thế thì hay quá!

Chàng Đỏ nhắc mình khỏi ghế, trong khi Ninxon gọi một cậu bé đang làm ngoài đồn điền. Ông bảo cậu bé nơi cần dẫn viên thuyền trưởng đi, thế là cậu bước dọc cây cầu. Chàng Đỏ sửa soạn theo sau.

- Đừng có ngã đấy - Ninxon nói.

- Còn lâu mới ngã được!

Ninxon nhìn theo gã qua cầu và cho đến khi gã đã mất hút sau hàng dừa, ông vẫn còn nhìn. Rồi ông nặng nề thả người xuống ghế. Phải chăng đấy là kẻ đã cản hạnh phúc của ông? Phải chăng đấy chính là kẻ Xaly đã yêu bấy nhiêu năm trời và đã chờ đợi dang đẳng đến thế? Thật là lỗ bịch! Con phần nộ bất thần trào lên trong ông làm ông chực vùng dậy theo bản năng mà đập phá hết xung quanh. Ông đã bị lừa bịp. Rốt cuộc bọn họ đã trông thấy nhau mà không biết điều ấy. Ông cất tiếng cười buồn bã, rồi tiếng cười của ông tăng dần đến khi nó trở nên điên loạn. Thượng đế đã chơi xỏ ông một cách tàn ác. Giờ thì ông đã già mất rồi.

Cuối cùng Xaly đi vào báo ông là bữa ăn đã sẵn sàng. Ông ngồi xuống cạnh bà ta và cố gắng ăn. Ông tự hỏi không biết bà ta sẽ nói gì, nếu ông bảo bà ta rằng cái người đàn ông ngồi ghế lúc nãy chính là người yêu mà bà còn lưu lại hình ảnh của cái thời

xuân sắc đam mê, phóng túng của mình. Những năm trước đây, khi ông cảm giận bà vì đã làm ông đau khổ, ông sẽ rất thích thú nói điều ấy với bà. Ông muốn xúc phạm đến bà như bà đã xúc phạm đến ông, vì uất hận của ông chỉ là ở ái tình. Nhưng giờ đây ông chẳng quan tâm đến nữa. Ông nhún vai đứng dưng.

- Nhà ông ấy cần gì thế? - Bà ta bỗng hỏi.

Ông không đáp ngay. Bà ta đã già quá rồi, đã hóa ra một bà già thổ dân sô sê. Ông tự hỏi không hiểu tại sao ông từng có thời yêu bà ta điên cuồng làm vậy. Ông đã đem đặt dưới chân bà ta toàn bộ kho báu của tâm hồn ông, mà bà ta có đoái hoài gì đến kho báu ấy đâu. Phí uổng, phí uổng quá! Giờ đây khi nhìn bà, ông chỉ còn thấy khinh bỉ. Thế là cuối cùng lòng kiên nhẫn của ông đã cạn. Ông trả lời vào câu hỏi của bà:

- Ông ta là thuyền trưởng một chiếc tàu buồm. Ông ta từ Apia đến.

- Thế ă?

- Ông ấy đem tin nhà đến cho tôi. Ông anh tôi ốm nặng và tôi phải về nước.

- Ông đi có lâu không?

Ông nhún vai không đáp.

Chuyến du lịch mùa đông

Thuyền trưởng Ecdman biết rất ít về bà Râyđ cho mãi tới khi chiếc tàu Fridrich Vêbe đến Haiti. Bà lên tàu ở Plymut, nhưng lúc đó ông nhận thêm một nhóm hành khách, người Pháp có, người Bỉ có, người Haiti có, trong số đó nhiều người ông đã biết mặt vì đã từng đi tàu. Bà được xếp ngồi ăn ở bàn kỹ sư trưởng.

Chiếc Fridrich Vêbe là tàu chở hàng thường xuyên chạy từ Hambuốc đến Cactagien ở bờ biển Côlômbia và trên đường đi có ghé qua một số đảo ở vùng Canbê. Nó chở phốt phát và xi măng từ Đức đi và lấy về cà phê và gỗ; nhưng chủ nó, anh em nhà Vêbe luôn sẵn sàng rẽ khỏi hành trình bình thường nếu có thể được một chuyến chuyên chở đáng giá.

Fridrich Vêbe được chuẩn bị để chất gia súc, lừa ngựa, khoai tây hoặc bất cứ cái gì khác nếu đó là dịp kiếm tiền chính đáng. Nó chở cả hành khách. Có sáu buồng ở boong trên và sáu buồng ở phía dưới. Trang bị tiện nghi không phải đã sang lắm, nhưng ăn uống rất khá, không cầu kỳ nhưng dồi dào và giá vé lại rẻ.

Một chuyến cả đi cả về hết chín tuần lễ, mà bà Râyđ tốn không quá bốn mươi lăm đồng xteclinh. Bà hào hức không những được xem nhiều địa điểm lý thú, với bề dày lịch sử, mà còn thấu nhận được vô vàn thông tin làm phong phú cho trí óc.

Người nhân viên đại lý của tàu đã báo trước cho bà rằng khi nào tàu tới Cảng Hoàng tử ở Haiti thì bà sẽ phải san sẻ phòng ở với một phụ nữ nữa. Bà Râyđ không phản đối việc đó, bà cũng thích có bầu có bạn. Khi cô phục vụ báo cho bà biết người bầu bạn của bà là bà Bôlin thì bà nghĩ ngay đến một dịp rất thuận tiện để luyện tiếng Pháp. Bà chỉ hơi không ưng ý một tí khi thấy bà Bôlin da đen như than. Bà tự nhủ rằng con người ta phải chấp nhận cái thô kệch với cái mịn màng và thế gian này chính là được tạo nên từ mọi loại người.

Bà Râyđ chưa chồng, là người đi biển giỏi (hẳn là phải như thế rồi) vì ông nội bà đã từng làm sĩ quan hải quân. Sau mấy ngày lao đao, thời tiết đã trở lại tốt lành, và chỉ một loáng bà đã biết hết tất cả những hành khách cùng đi.

Bà dễ chan hòa lắm. Đó là một trong những lý do tại sao bà thành công trong nghề kinh doanh. Bà mở quán trà ở một nơi danh lam thắng cảnh miền tây nước Anh; với bất cứ người khách nào vào quán, bà đều luôn sẵn có một nụ cười hoặc một lời nói hơi lòng hơi dạ. Mùa đông bà đóng cửa quán và bốn năm nay đều đi du lịch. Bà bảo là gặp được chiếc tàu với những

con người thú vị lúc nào cũng học hỏi được điều gì đó. Có điều là hành khách của chiếc tàu này không hoàn toàn thuộc tầng lớp quý phái như những người bà đã gặp năm trước trong chuyến du lịch Địa Trung Hải, nhưng bà Râyđ không phải là kẻ hợm mình.

Tuy cung cách ăn uống của vài người trong số họ còn có phần làm bà sùng sốt, nhưng một khi đã quyết tâm nhìn phía mặt sáng của sự vật, bà ra sức tận dụng cái hay, cái đẹp của họ.

Bà rất ham đọc sách và vui mừng khi thấy trong thư viện trên tàu có nhiều sách của Philip Openhaim, Etga Oalax và Agatha Crixti; nhưng vì có quá nhiều người để chuyện trò, nên bà chẳng có thì giờ đọc sách và đành để đó cho đến khi tàu hết khách ở Haiti. Bà ngẫm: "Suy cho cùng, tìm hiểu tính cách con người còn quan trọng hơn cả văn học".

Bà Râyđ vốn có tiếng là người nói chuyện tài và bà khoan khoái với chính mình vì trong suốt nhiều ngày trên biển, chưa lần nào bà để cho câu chuyện tại bàn lắng xuống. Bà biết cách khơi gợi mọi người, và mỗi khi chủ đề câu chuyện dường như có chiều cạn kiệt thì bà đã sẵn có một nhận xét làm chủ đề ấy sống lại hoặc một chủ đề khác đã ngấp nghé nơi đầu lưỡi bà để lại làm câu chuyện rộ lên.

Bạn của bà, bà Praix, cũng chưa chồng, con gái cha xứ đã quá cố của địa phận Camđen, người đã đi tiên bà ở cảng Plymut, vì bà này sống ở đấy, vẫn thường nói với bà:

- Vênêxia này, chị có trí óc như nam giới. Chưa bao giờ chị lúng túng về chuyện gì cả.

- Ấy, tôi cứ nghĩ khi ta quan tâm đến mọi người thì mọi người cũng quan tâm đến ta. - Bà Râyđ trả lời nhũn nhặn. - Thực tiễn làm nên sự hoàn hảo. Tôi có khả năng vô tận thế này là vì cần cù, chịu khó, điều mà Dichkenx gọi là tài năng.

Tên thật của bà Râyđ không phải là Vênêxia, tên bà là Alixơ, nhưng vì không thích cái tên bà đã có nên ngay từ hồi còn con gái, bà đã lấy cái tên trữ tình này mà bà cảm thấy hợp với cá tính mình nhiều hơn.

Bà Râyđ có rất nhiều cuộc chuyện trò thú vị với những hành khách cùng đi, nên bà cảm thấy nuối tiếc thực sự khi rốt cuộc tàu đã ghé vào Cảng Hoàng tử và người hành khách cuối cùng đã rời tàu. Chiếc Fridrich Vêbe dừng lại ở đây hai ngày, trong thời gian đó bà tham quan thành phố và vùng lân cận. Khi tàu nhỏ neo thì bà là hành khách duy nhất còn lại trên tàu. Con tàu đi men theo bờ biển của hòn đảo, ghé vào các cảng để dỡ hàng xuống hoặc chất hàng lên.

- Tôi hi vọng là bà không cảm thấy hoang mang khi còn lại một mình với nhiều đàn ông như thế, bà Râyđ ạ, - viên thuyền trưởng thân tình nói với bà khi họ ngồi vào bàn ăn trưa.

Bà được xếp ngồi ở phía bên tay phải thuyền trưởng. Cùng bàn còn có viên thuyền phó, kỹ sư trưởng và ông bác sĩ.

- Ông thuyền trưởng ạ, tôi là người phụ nữ lịch

duyet trải đời rồi. Tôi luôn luôn cho rằng nếu một lệnh bà đúng là lệnh bà thì những đấng nam nhi cũng sẽ tỏ ra đúng bậc nam nhi.

- Thưa bà, chúng tôi chỉ là những thủy thủ lỗ mãng, bà đừng trông chờ gì nhiều.

- Những tấm lòng tốt còn hơn cả vương miện, những đức tin giản dị còn hơn cả dòng máu Noocman, ông thuyền trưởng ạ, - bà Râyđ đáp lại.

Viên thuyền trưởng thấp, to ngang, có cái đầu cao nhẵn và khuôn mặt đỏ lựng, cũng cao nhẵn. Ông ta mặc chiếc áo lụng thùng màu trắng, nhưng chỉ trừ lúc đi ăn, còn thì cởi cúc cổ để hở bộ ngực lông lá. Ông ta thuộc loại vui tính, ăn nói lúc nào cũng như bò rống.

Bà Râyđ thầm nghĩ ông ta hết sức lập dị, nhưng vốn bản tính tinh tế, bà sẵn sàng bỏ qua chuyện đó. Bà chủ động nắm lấy câu chuyện. Bà đã biết được nhiều về Haiti trong chuyến lên bờ hơn hai ngày, nhưng biết rằng đám thủy thủ thích nói hơn là thích nghe, nên bà đặt cho họ một số câu hỏi mà bà đã biết tổng câu trả lời; kể cũng lạ là họ lại không biết.

Rốt cuộc, bà thấy mình phải có nghĩa vụ giảng giải cho họ ít nhiều. Thế là trước khi bữa ăn trưa, mà họ gọi theo cái cách lạ lẫm của họ là *Mittag Essen*, kết thúc, bà đã phổ biến cho họ vô số thông tin thú vị về lịch sử và tình hình kinh tế của nước cộng hòa này, những vấn đề mà nó gặp phải và triển vọng của nó trong tương lai. Bà nói khá chậm rãi, bằng giọng điệu trau chuốt. Vốn ngôn từ của bà cũng dồi dào.

Khi màn đêm buông xuống, họ đậu vào một bến cảng nhỏ để chất lên ba trăm túi cà phê, và người nhân viên đại lý lên tàu. Viên thuyền trưởng mời anh ta ở lại ăn tối và đặt món cốc-tay. Khi cốc-tay được chiều dài viên bụng ra thì bà Râyđ lướt nhanh vào phòng khách. Cử động của bà khoan thai, duyên dáng và tự tin. Bà chả luôn luôn phán rằng muốn biết ngay một người đàn bà có phải là một lệnh bà quý phái hay không thì chỉ cần nhìn cung cách đi đứng mà lại.

Thuyền trưởng giới thiệu nhân viên đại lý với bà, và mời bà ngồi xuống.

- Đàn ông các ông đang uống món gì thế? - Bà hỏi.

- Cốc-tay đấy mà. Bà làm một cốc nhé, bà Râyđ?

- Nếu được thì hay quá!

Bà uống hết khiến viên thuyền trưởng có phần băn khoăn hỏi xem bà có uống nữa không.

- Nữa ấy à? Được thôi, cho nó thân mật.

Anh nhân viên đại lý, trắng hơn một số người, nhưng vẫn còn đen hơn nhiều người, là con của một sứ thần Haiti cũ tặn bên triều đình Đức, và đã sống nhiều năm ở Beclin nên nói tốt tiếng Đức. Chính vì lẽ này mà anh có việc làm với hãng tàu của Đức.

Nhân cố ấy, trong bữa ăn bà Râyđ đã kể cho mọi người về chuyến đi trên sông Ranh hồi nào của mình. Sau đó bà, anh nhân viên đại lý, thuyền trưởng, bác sĩ và thuyền phó cùng ngồi quanh bàn uống bia. Bà Râyđ coi nhiệm vụ của mình là gợi chuyện anh nhân

viên. Việc họ chất cà phê lên tàu, gợi cho bà rằng anh ta hẳn sẽ hứng thú tìm hiểu cách thức người ta trồng chè ở Xâylan ra sao; được lắm, bà đã đi du lịch Xâylan rồi. Còn việc bố anh ta đã làm nghề ngoại giao thế nào cũng làm anh ta quan tâm đến hoàng tộc nước Anh. Thật là một buổi tối rất dễ chịu đối với bà.

Cuối cùng, khi bà đã đi nghỉ - bà không bao giờ nói năng cái kiểu quê mùa là lên giường đi ngủ - thì bà bụng bảo dạ:

- Đi một ngày đằng, học một sàng khôn, thật chẳng ngoa tí nào.

Thế mới biết hòa nhập với đám đàn ông nọ như bà đã làm không phải là việc vừa. Về nhà kể cho mọi người nghe chuyện ấy để xem họ sẽ cười như thế nào! Họ sẽ nói rằng chuyện như thế chỉ xảy ra với Vênêxia mà thôi.

Bà mỉm cười khi nghe thấy viên thuyền trưởng đang hát trên boong với cái giọng oang oang như lệnh võ. Người dân Đức thích âm nhạc ghê lắm. Ông ta có cái dáng đi đi lại lại khệnh khạng trên đôi cẳng chân ngắn đến là buồn cười, miệng hát giai điệu của Vagne, còn lời do ông ta tự sáng tác ra. Bài ông ta đang hát là *Tannhauser*⁽¹⁾ (Dưới ánh sao đêm mới thấy tình tứ), nhưng vì không biết tiếng Đức, nên bà chỉ có thể phỏng đoán những lời nhảm nhí mà ông ta

⁽¹⁾ Bản ôpera của Vagne sáng tác năm 1844 dựa trên truyền thuyết về một hiệp sĩ Đức thế kỷ 13 đi tìm sự giải tội sau cuộc truy hoan.

nhét vào. Nó như thế này: "Ôi, người đàn bà ấy tẻ làm sao, thế nào ta cũng giết mụ ta, nếu cứ còn tiếp diễn mãi như trên". Rồi ông chuyển sang giọng điệu thương võ của Zichfrit⁽¹⁾. "Mụ ta tẻ ghê, mụ ta tẻ ghê, mụ ta tẻ ghê, là lá la. Ta sẽ quăng mụ ta xuống biển, là lá la".

Bà Râyđ có như thế thật. Bà tẻ dễ sợ, bà tẻ lạ lùng, bà tẻ quá mức. Giọng bà đơn điệu, nhằm tai khi nói chuyện, ngắt lời bà chẳng được tích sự gì vì chỉ tổ làm cho bà nhắc lại từ đầu. Lòng khao khát thông tin của bà không biết đến trạng thái no chán. Không một câu nói tình cờ nào bay qua bàn mà không làm bà hỏi vô số câu hỏi về nó. Bà là người đại mơ mộng và bà tả lại các giấc mơ của mình tràn giang đại hải đến không chịu nổi. Không có vấn đề gì bà không chêm mấy lời nhạt nhẽo vào. Dịp nào bà cũng phát biểu những chân lý ai cũng biết. Bà lải nhải những chuyện sáo mòn như cái búa gỗ mãi đinh vào tường. Bà say sưa với những điều hiển nhiên như anh hề xiếc nhảy qua cái vòng.

Sự im lặng xung quanh không làm bà thối chí. Những con người tội nghiệp kia đang xa nhà, lại cứ phải nghe những lời liến thoắng dông dài, thêm vào đó lễ Nôen đang tới gần, nếu họ cảm thấy ứ đọng cũng không có gì là lạ. Thấy thế bà lại càng ra sức làm cho

⁽¹⁾ Siegfried: anh hùng truyền thuyết Đức đã đoạt bảo bối của giống người lùn Nibelung, giết con rồng, cứu người đẹp, tựa như Thạch Sanh của ta.

họ tươi tỉnh lên, hứng thú lên. Bà quyết gieo sự vui vẻ vào cuộc đời tối tăm của họ. Chính cái điều khổ khổ là ở cái ý định tốt đẹp của bà Râyđ.

Bà không chỉ có những giây phút vui vẻ thoải mái, bà còn cố gắng bao cho những người khác những giây phút vui vẻ thoải mái. Bà chắc chắn rằng người ta cũng thích bà như bà thích người ta. Bà cảm thấy mình đang góp phần làm cho cuộc tụ tập thành công mỹ mãn và bà sung sướng một cách ngây thơ rằng bà đã thành công. Bà kể cho họ nghe mọi chuyện về bà Praixơ bạn bà, kể rằng bà ấy vẫn hay nói với bà: Vênêxia, hễ có cậu là không ai cảm thấy buồn chán cả. Bốn phần của thuyền trưởng là phải lịch sự với hành khách, cho nên dù có rất muốn bảo bà thu bớt cái lưỡi ồm ồm ương lại, ông cũng không thể nói ra. Ngay cả nếu ông được tự do nói điều ông nghĩ, ông cũng không nở lòng nào để bà méch lòng. Thành thử không gì ngăn được dòng thác âm thanh liên thoảng của bà. Nó cũng bất khả kháng như sức mạnh của tự nhiên.

Có lần khi đã hết nước đối phó, họ bèn nói tiếng Đức, nhưng bị bà chặn lại ngay:

- Ấy chết, ai lại nói những điều tôi không hiểu như thế bao giờ. Các ông phải tận dụng dịp may là có tôi đây bên cạnh để luyện tiếng Anh chứ.

- Chúng tôi đang nói những vấn đề kỹ thuật, chỉ sợ làm bà phát ớn, bà Râyđ ạ, - thuyền trưởng nói.

- Tôi không bao giờ ớn cả. Nếu các ông không

cho tôi là ngạo mạn khi nói điều này, thì đúng là tôi không thấy chán đâu. Chả là tôi thích biết mọi thứ mà. Cái gì cũng làm tôi quan tâm hứng thú. Các ông biết đấy, thông tin nào chả có lúc có ích.

Ông bác sĩ lạnh lùng cười.

- Ông thuyền trưởng nói thế là vì ông ấy lúng túng không dám trả lời thẳng thoi. Thực ra ông ấy đang kể một câu chuyện không hợp với đôi tai một quý khách đi tàu chưa chồng.

- Tuy là chưa chồng, nhưng tôi là người từng trải lắm. Tôi không tưởng lắm thủy thủ là những ông bụt đâu. Ông thuyền trưởng này, ông chả phải sợ những điều ông nói khi có tôi, tôi không bị bất ngờ đâu. Tôi cũng thích nghe câu chuyện ông kể.

Ông bác sĩ tuổi đã sáu mươi, có mái tóc hoa râm mỏng, bộ ria lốm đốm bạc và đôi mắt xanh nhỏ và sáng. Ông vẫn là một người lẳng lặng ít nói, trầm tính, nên cho dù bà Râyđ đã cố hết sức gợi chuyện nhưng không thể moi được lời nào ở ông. Nhưng bà đâu phải loại phụ nữ dễ chịu bó tay. Một buổi sáng, khi tàu đã ra khơi, bà thấy ông ngồi trên boong với quyển sách trên tay, thế là bà đem chiếc ghế của mình đặt sát ghế ông và ngồi xuống bên cạnh ông.

- Ông thích đọc sách à, hử bác sĩ - bà nói, giọng tươi roi rói.

- Vâng!

- Tôi cũng thế. Tôi đoán ông cũng ưa âm nhạc như mọi người Đức.

- Tôi thích âm nhạc.

- Tôi cũng thế. Giây phút tôi trông thấy ông, tôi đã biết là nom ông thông minh lắm.

Ông bác sĩ liếc nhanh sang bà và mím môi lại tiếp tục đọc. Bà Râyđ chẳng nhụt chí tí nào.

- Tất nhiên, con người ta có thể đọc sách mọi lúc. Tôi thì thích một cuộc nói chuyện hay hơn là một cuốn sách hay. Ông có thích thế không?

- Không.

- Chà, hay nhỉ. Ông có thể thổ lộ với tôi tại sao được không?

- Tôi không thể gọi ra được nguyên nhân cho bà.

- Thế thì lạ lắm đấy chứ, phải không? Tôi xưa nay vẫn luôn nghĩ bản chất con người ta là cái điều lạ. Tôi thích tìm hiểu con người ghê lắm cơ, ông ạ. Tôi vốn vẫn thích các bác sĩ, đấy là những người biết rất nhiều về bản chất con người, thế nhưng tôi cũng có thể nói với ông vài điều đến ông cũng phải ngạc nhiên. Khi đã mở quán trà như tôi đây thì học hỏi được nhiều điều về con người lắm, vì lúc nào cũng mở mắt quan sát người ta.

Ông bác sĩ đứng dậy.

- Bà Râyđ này, xin bà thứ lỗi cho tôi. Tôi phải đi thăm bệnh nhân đây.

"Dù sao thì mình cũng đã phá bỏ những dè dặt ngăn cách ban đầu", bà nghĩ khi ông đã trở bước. "Cổ lẽ tại ông ấy nhút nhát mà thôi".

Rồi một hai hôm sau ông bác sĩ cảm thấy không được khỏe. Ông vốn có bệnh trong người, thỉnh thoảng lại phát chứng, nhưng ông đã quen và chẳng thích bày tỏ với ai. Mỗi khi con bệnh tái phát, ông chỉ muốn ở yên một mình. Phòng ông nhỏ và bí hơi, nên ông ra nằm trên chiếc ghế dài trên boong và nhắm mắt lại.

Bà Râyđ đang tiến tiến lui lui tập thể dục nửa giờ, đây là thói quen buổi sáng và buổi tối của bà. Ông bác sĩ cho rằng nếu ông đã giả vờ ngủ thì bà Râyđ sẽ chẳng quấy rầy. Nhưng khi bà Râyđ đã đi qua đi lại chỗ ông nằm khoảng dăm lần rồi thì bà dừng lại trước ông và đứng lặng im. Tuy nhắm mắt, nhưng ông cũng biết là bà đang nhìn ông.

- Ông bác sĩ, tôi có thể giúp gì được ông không? - Bà hỏi.

Ông giật mình.

- Ồi, có chuyện gì thế?

Ông liếc nhìn bà thì thấy đôi mắt bà đầy nỗi lo âu. Bà nói:

- Nom ông ồm quá!

- Tôi đang đau lắm!

- Tôi biết. Trông khí sắc ông là biết, không thể giúp cách gì được ư?

- Không, rồi nó sẽ khỏi ngay bây giờ thôi.

Bà do dự một tí rồi đi. Sau đó bà quay lại ngay.

- Không có đệm điếc gì thì ông đến khổ. Tôi

mang cái gối tôi vẫn đem theo đi du lịch lại cho ông đây. Để tôi kê dưới đầu cho ông nhé.

Lúc ấy ông bác sĩ cảm thấy quá ồm, không phản đối được. Bà dịu dàng nâng đầu ông lên và đặt chiếc gối mềm phía dưới. Quả thực, ông có thấy dễ chịu hơn. Bà đặt tay lên trán ông, bàn tay lạnh và mềm mại. Bà nói:

- Rõ tội nghiệp thân ông. Tôi vẫn biết dân bác sĩ là thế nào rồi. Họ chẳng bao giờ nghĩ ra là phải chăm sóc bản thân đến nơi đến chốn.

Bà đi khỏi, để rồi một hai phút sau quay lại với chiếc ghế và cái túi. Nhìn thấy thế, ông bác sĩ vận mình đau đớn.

- Giờ tôi không để ông nói chuyện đâu, tôi chỉ ngồi đan bên cạnh ông mà thôi. Khi con người ta ồm mà có người ở bên cạnh thì dễ chịu lắm.

Bà ngồi xuống và lấy trong túi ra cái khăn len đan mãi vẫn chưa xong của bà và miệt mài với đường kim mũi len. Bà chẳng nói một lời. Kể cũng lạ, ông bác sĩ thấy có bà bên cạnh cũng là một nỗi khuấy khoả. Chưa có ai trên tàu để ý biết ông ốm. Ông cảm thấy cô đơn, thành thử thiện tâm của con người chán ngắt này đối với ông lại đâm thành ra ơn nghĩa. Cảnh tượng bà im lìm ngồi làm việc làm ông thấy đỡ đau, rồi dần dần ông thiếp đi. Khi tỉnh dậy, ông thấy bà vẫn đang làm việc. Bà cười nụ với ông, nhưng không nói. Con đau đã biến mất và ông cảm thấy khỏe khoắn lên nhiều.

Mãi đến tận chiều tối ông mới đi vào phòng khách trên tàu. Ông thấy viên thuyền trưởng và Hanx Krauxơ, thuyền phó, đang ngồi uống bia với nhau.

- Ngồi xuống đây, bác sĩ, - thuyền trưởng nói. - Chúng tôi đang họp hội đồng chiến tranh. Ông biết đấy, ngày kia đã tới *Sylvester Abend* rồi.

- Thì hẳn rồi.

Sylvester Abend, Đêm giao thừa, là một dịp rất nhiều ý nghĩa đối với người Đức và họ thấy đều mong đợi giờ phút ấy. Họ đã mang theo suốt chặng đường từ Đức đi cây thông Nöen.

- Bữa ăn hôm nay bà Râyđ lại lắm mồm quá mọi khi. Hanx và tôi đã quyết định là phải có cách gì đối phó lại.

- Sáng nay bà ấy ngồi im lặng bên tôi hai tiếng đồng hồ. Tôi cho là bà ấy nói bù lại cho chỗ thời gian đã mất.

- Xa quê hương đã đủ khổ, gia đình cũng xa nốt, vậy thì điều duy nhất ta có thể làm là cải thiện hết mức tình cảnh đáng chán này. Chúng tôi muốn tổ chức *Sylvester Abend* cho ra trò, nhưng nếu không có cách gì với bà Râyđ thì chịu không thể tổ chức được.

- Chúng ta không thể có tối vui nếu bà ta lại mò đến với chúng ta, - thuyền phó Hanx nói. - Bà ta sẽ phá hỏng cho mà xem, điều ấy thì chắc như đinh đóng cột.

- Các ông tính làm sao thoát khỏi bà ta, nếu không quảng bà ta xuống biển? - Ông bác sĩ mỉm cười. -

Tâm tính bà ta cũng không đến nỗi, chỉ phải cái bà ta đang muốn có một tình nhân.

- Ở tuổi ngàn ấy? - Hanx Krauxơ thốt lên.

- Đặc biệt là ở tuổi ấy. Cái tính lăm mồm quá thể, cái tính háo chuyện, hỏi han vô cùng tận ấy, lối ăn nói nhạt nhẽo, cách đi đứng của bà ta, tất cả là dấu hiệu của sự trình tân tốt bậc. Một anh tình nhân sẽ làm cho bà ta yên ả. Mớ dây thần kinh căng rít của bà ta sẽ chùng xuống. Ít nhất cũng được một tiếng đồng hồ. Sự thỏa mãn sâu sắc mà cơ thể bà ta đang đòi hỏi sẽ giải tỏa ra các trung tâm ngôn ngữ đang lâm bệnh trầm trọng, thế là chúng ta sẽ được yên.

Xưa nay thật khó mà biết bao nhiêu phần nghiêm túc trong lời nói của ông bác sĩ và khi nào thì ông đùa. Tuy nhiên cặp mắt xanh của thuyền trưởng đã ánh lên một cách tinh quái.

- Được lắm, bác sĩ. Tôi rất tin vào khả năng chẩn đoán của bác sĩ. Cách điều trị mà bác sĩ nêu ra rõ ràng là đáng thử. Bác sĩ lại là người chưa vợ, cho nên nếu bác sĩ đích thân đứng ra thực hiện thì đúng lắm.

- Xin lỗi ông thuyền trưởng, trách nhiệm chuyên môn của tôi là kê đơn chữa trị cho những bệnh nhân tôi phụ trách ở trên chiếc tàu này chứ không phải đích thân bón thuốc cho họ. Với lại, tôi đã sáu mươi tuổi rồi.

- Tôi thì đã có vợ với con cái lớn cả, - thuyền trưởng nói. - Tôi vừa già, vừa béo, vừa bị hen suyễn, cho nên không thể gánh vác một nhiệm vụ như thế

được. Tạo hóa đã an bài cho tôi vai trò làm chồng, làm cha rồi, chứ không làm nhân tình nhân gái được.

- Trong lĩnh vực này thì tuổi trẻ là quan trọng, hình thức đẹp trai là có lợi thế, - ông bác sĩ nghiêm nghị nói.

Viên thuyền trưởng bất chợt đắm tay xuống bàn rõ to.

- A, bác sĩ muốn nói đến Hanx. Bác sĩ thế mà đúng. Hanx phải làm việc này.

Thuyền phó Hanx đứng bật dậy:

- Tôi ấy à? Không đời nào!

- Hanx, cậu vừa cao, vừa dễ ưa, vừa trẻ trung, vừa đũng cảm, lại khỏe như beo ấy! Chúng ta còn hăm ba ngày nữa lên thuyền trên biển rồi mới tới được Hamburc. Cậu không thể phụ lòng tin của thuyền già này trong những trường hợp khẩn cấp và làm người bạn tốt của cậu là ông bác sĩ phải thất vọng!

- Không đâu, ông thuyền trưởng, thế là đòi hỏi quá sức tôi đấy. Tôi mới lấy vợ chưa được một năm, tôi yêu vợ tôi. Tôi nóng ruột nóng gan đợi ngày về lại Hamburc. Vợ tôi thương yêu tôi như tôi thương yêu cô ấy. Tôi không thể phản bội cô ấy, nhất là lại với bà Râyđ.

- Bà Râyđ đâu có đến nỗi xấu, - ông bác sĩ lên tiếng.

- Một số người còn bảo bà ấy xinh xẻo nữa là khác, thuyền trưởng nói.

Quả thực nếu bạn soi từng nét của bà Râyđ thì bà

không phải loại phụ nữ nhan sắc tầm thường. Mặt bà tuy có hơi dài, hơi đàn, nhưng đôi mắt nâu của bà khá to và lông mi rất dày, mái tóc nâu của bà cắt ngắn và lượn sóng khá duyên xuống cổ. Da bà không xấu. Bà chẳng béo quá, cũng không gầy quá. Bà không già như con người ngày nay, nếu bà có bảo bạn bà mới tứ tuần thì bạn hoàn toàn tin được. Nhược điểm duy nhất là bà hơi nhếch nhác và ngốc nghếch.

- Chả lẽ hăm ba ngày giới tôi phải chịu đựng tính bẻo lẻo của người đàn bà dở dờ ương ương ấy? Chả lẽ hăm ba ngày giới tôi phải trả lời những câu hỏi ngờ ngẩn và lắng nghe những nhận xét ngu dốt của bà ấy? Chả lẽ tôi già bằng này tuổi đầu lại để tới vui giao thừa của tôi bị đi đờ vì nhập hội với cái bà gái tân khó chịu ấy? Mà tất cả chỉ tại vì không tìm ra ai để tỏ ra ga lăng một tí, tốt bụng một tí, le lói tình thương người đàn bà cô đơn ấy một tí. Tôi sẽ đánh đắm tàu.

- Còn có anh nhân viên điện đài, - Hanx nói.

Viên thuyền trưởng hét to:

- Hanx, cầu cho hàng vạn gái tân ở Côlônơ đứng đây chúc phúc cho cậu. Hầu đâu, bảo với thằng nhân viên điện đài là ta gọi nó lên.

Anh nhân viên điện đài bước vào phòng khách và dập gót giày rất chỉnh tề. Ba người đàn ông im lặng nhìn anh ta. Anh bốn chồn lo lắng không hiểu mình đã phạm điều gì để đến nỗi bị gọi vào xét xà phòng thế này. Anh cao trên tầm trung bình, vai

vuông, hông hẹp, thẳng và gầy, làn da mượt mà rám nắng cứ như thể lưỡi dao cạo chưa bao giờ động đến. Anh có đôi mắt to màu xanh lạ lùng và một mái tóc vàng loăn xoăn. Anh ta là cái mẫu hoàn hảo của thanh niên dòng dõi Toitonich⁽¹⁾. Anh khỏe mạnh, cường tráng, sống động, đến nỗi ngay khi đứng cách bạn một khoảng, bạn vẫn cảm thấy hào quang sức sống của anh.

- Dòng Ariăng, tuyệt lắm, - thuyền trưởng nói. - Không còn nghi ngờ vào đâu được. Bao nhiêu tuổi rồi, chú mày?

- Dạ, thưa hai mươi một ạ.

- Có vợ chưa?

- Dạ thưa, chưa ạ.

- Đã đính hôn với ai chưa?

Anh nhân viên điện đài khúc khích cười. Trong tiếng cười có nét trẻ con đáng yêu.

- Dạ thưa, chưa ạ.

- Chú mày có biết ta có một hành khách nữ trên tàu không?

- Dạ thưa, có ạ!

- Chú mày có biết bà ấy không?

- Cháu mới chào hỏi bà ấy sáng nay lúc gặp bà ấy ở trên boong.

Viên thuyền trưởng lấy lại phong thái chính quy

⁽¹⁾ Người Đức cổ.

nhất. Mắt ông, bình thường vẫn lấp lánh ánh cười, lúc này nghiêm lại. Giọng nói ngọt ngào, ấm áp của ông đã có những nốt găm giữ lan vào.

- Tuy đây là tàu hàng và chúng ta chở những loại hàng có giá trị, chúng ta cũng lấy hành khách lên nếu có, và đây là một hướng công việc của chúng ta mà hãng rất khuyến khích. Chỉ thị của tôi là làm mọi cái để tăng cường hạnh phúc và sự dễ chịu của hành khách. Bà Râyđ cần có một tình nhân. Ông bác sĩ và tôi đã đi đến kết luận là anh rất thích hợp với vai trò thỏa mãn những đòi hỏi của bà Râyđ.

- Dạ, cháu ấy ạ?

Mặt anh nhân viên điện đài đỏ ửng lên. Anh cười khinh khích, nhưng trấn tĩnh lại ngay khi thấy những khuôn mặt lạnh như tiền của ba người đàn ông trước mặt.

- Nhưng bà ấy phải đáng tuổi mẹ cháu.

- Ở tuổi anh thì điều ấy không quan trọng. Bà ấy là phụ nữ con nhà danh giá, đánh bạn với tất cả những gia đình dòng dõi của nước Anh. Nếu là người Đức thì ít nhất bà ấy cũng phải là nữ bá tước. Cái việc anh được chọn lựa cho trọng trách ấy là niềm vinh dự mà lẽ ra anh phải đánh giá cho đầy đủ. Hơn nữa, cái vốn tiếng Anh của anh xem ra đã chững lại, đây là dịp hiếm có để trau dồi.

- Tất nhiên, chuyện ấy cũng là cái phải nghĩ đến, - anh điện báo viên đáp. - Cháu cũng muốn luyện nó đấy.

- Chả mấy khi trong đời sự khoan khoái lại đi

kèm với nỗ lực nâng cao trí tuệ. Anh đáng phải mừng cho cái số may mắn của anh.

- Dạ thưa, cháu xin hỏi một câu có được không ạ: tại sao bà Râyđ lại muốn có tình nhân?

- Nghe đâu phong tục từ xưa của Anh là vào quãng này trong năm, những phụ nữ chưa chồng thuộc hàng quý phái phải ngả mình vào trong vòng ôm ấp của tình nhân. Hăng ta phải lo làm sao để bà Râyđ được đối đãi hết như trên một chiếc tàu Anh. Nhất định là nếu bà ấy mãn nguyện, lại sẵn những dây mơ rễ má với giới quý tộc, bà ấy sẽ thuyết phục nhiều bạn bè đi tàu của hãng ta.

- Dạ thưa, thế thì cháu chịu thôi ạ.

- Đây không phải là tối yêu cầu anh, đây là mệnh lệnh. Anh sẽ có mặt trong phòng bà Râyđ vào mười một giờ tối nay.

- Đến đấy rồi cháu phải làm gì ạ?

- Làm gì? Làm gì à? - Viên thuyền trưởng gầm lên. - Hành động theo cách tự nhiên.

Phẩy tay một cái, ông ta ra hiệu cho anh thanh niên lui ra. Anh dập gót giầy chào cấp trên rồi đi ra.

- Nào giờ ta làm cốc bia nữa nhé, - thuyền trưởng nói.

Bữa tối hôm ấy bà Râyđ hào hứng lắm. Bà nói năng đến ghê. Bà tỏ ra vừa hóm hỉnh, vừa tao nhã. Chẳng có chân lý hiển nhiên nào mà bà bỏ sót không thốt ra. Chẳng có chuyện cũ rích nào mà bà không bới lên. Bà tới tấp đưa ra những câu hỏi lố bịch với

họ. Mặt viên thuyền trưởng cứ mỗi lúc một đỏ lên, ông cố nén sự bức tức ông cảm thấy không thể lịch sự mãi với bà được, nếu cách chữa của ông bác sĩ không kiến hiệu, một ngày kia ông sẽ quên phất tất cả và trút ra cho bà, không phải một phần, mà toàn bộ những gì chất chứa trong đầu. Ông nghĩ: "Có khi mình sẽ mất việc, nhưng có mất việc cũng phải làm".

Hôm sau khi mọi người đã tề tựu đầy đủ ở bàn ăn thì bà Râyđ mới bước vào bàn ăn.

- Tối mai đã là tối giao thừa rồi, - bà hớn hờ nói.

Xưa nay bà vẫn nói những chuyện như vậy. Bà tiếp tục: - Nào, sáng nay các ông tụ tập có chuyện gì thế?

Bởi lẽ ngày nào họ cũng làm đúng như ngày nào, và bà cũng thừa biết việc đó là việc gì rồi, nên câu hỏi trở nên khó chịu. Mặt viên thuyền trưởng nặng như chì. Ông vẫn tất nói với bác sĩ những điều mình nghĩ.

- Ấy đừng có nói tiếng Đức, - bà Râyđ tai quái lên tiếng. - Các ông cũng biết tôi không cho phép thế đâu. Kìa, ông thuyền trưởng, có phải ông vừa đưa cái nhìn xưng xĩa sang ông bác sĩ không? Bây giờ đang kỳ Nôen kia mà, bằng an và thiện chí cho tất cả mọi người. Tôi cứ đứng ngồi không yên về tối ngày mai, không biết trên cây Nôen có nến không nhỉ?

- Có chứ!

- Thế thì nhất rồi! Xưa nay tôi vẫn nghĩ cây Nôen mà thiếu nến thì không phải là cây Nôen nữa. Chà, các ông biết không, đêm hôm qua tôi có một chuyện buồn cười lắm. Tôi chẳng hiểu gì sắt cả.

Giây lát im lặng sững sờ. Mọi người chăm chú nhìn bà Râyđ. Mọi con mắt dán vào đôi môi bà.

- Vàng, - bà tiếp tục cái giọng đơn điệu, khá kiểu cách của mình. - Đêm qua tôi vừa mới vào giường thì có tiếng gõ cửa. Tôi hỏi: "Ai thế nhỉ?". Có tiếng đáp: "Nhân viên điện đài đây". Tôi hỏi: "Có chuyện gì thế?", anh ta nói: "Tôi muốn nói chuyện với bà".

Mọi người chăm chú nghe.

- Tôi mới bảo: "Được, để tôi mặc quần áo đã rồi tôi sẽ mở cửa". Thế là tôi mặc quần áo rồi ra mở cửa. Anh nhân viên điện đài nói: "Xin lỗi bà, bà có muốn đánh một bức điện không?". Giời ạ, tôi nghĩ sao kỳ thế nhỉ, anh ta đến đây vào giờ này để hỏi xem tôi có muốn đánh điện không. Tôi cười trước mặt anh ấy, thật khôì hài quá, nếu ông hiểu ý tôi nói, nhưng tôi không muốn làm phật lòng anh ấy, cho nên tôi nói "Cám ơn anh rất nhiều, nhưng chắc là tôi không muốn đánh điện đâu". Anh ta cứ đứng như thế rất luống cuống, nom tức cười quá. Tôi liền bảo: "Dù sao tôi cũng xin cám ơn anh đã hỏi han tôi". Sau đó, tôi chào anh ta, chúc anh ta những giấc mơ đẹp, rồi đóng cửa lại.

- Cái đồ ngu thượng hạng ấy, - viên thuyền trưởng nói.

- Cậu ta còn trẻ, bà Râyđ ạ, - ông bác sĩ chen vào.

- Cậu ta có thừa lòng sốt sắng. Theo tôi thì cậu ta nghĩ là bà ắt muốn đánh điện chúc mừng bạn bè nhân dịp năm mới. Cậu ta muốn ưu tiên cho bà.

- Ôi dào, tôi cũng có để bụng gì đâu. Tôi thích những chuyện ngộ ngộ như thế này mỗi khi đi du lịch. Tha hồ có cái mà cười.

Khi bữa ăn kết thúc và bà Râyđ chỉ vừa đi khỏi là thuyền trưởng cho gọi anh nhân viên điện đài đến.

- Mây là thẳng góc. Trời đất xui khiến thế nào mà đêm hôm qua mây lại hỏi bà Râyđ có muốn đánh điện không?

- Dạ thưa, bác bảo cháu cứ hành động theo cách tự nhiên. Cháu là nhân viên điện đài. Cháu tưởng hỏi xem bà ấy có muốn đánh điện không là chuyện tự nhiên. Cháu chẳng biết nói gì khác cả.

- Trời ơi là trời, - thuyền trưởng quát lên. - Khi Zichfrit trông thấy Brunhint đang nằm trên tảng đá và kêu lên: *Das ist kein Mann*⁽¹⁾ (viên thuyền trưởng cất giọng ngân nga câu trên, rồi thấy khoái chí với giọng điệu của mình, ông ta liền lặp đi lặp lại câu ấy hai ba lần trước khi nói tiếp), thử hỏi lúc Brunhint tỉnh dậy, Zichfrit có làm cái việc là hỏi nàng xem nàng có muốn đánh điện báo tin cho bố biết nàng đã ngồi dậy tỉnh táo sau một giấc ngủ dài hay không?

- Cháu kính mong bác để ý đến chi tiết Brunhint là cô của Zichfrit. Đàng này bà Râyđ là người hoàn toàn lạ với cháu.

- Anh ta không nghĩ đến chuyện Brunhint là cô mình. Anh ta chỉ biết rằng đấy là một phụ nữ đẹp,

⁽¹⁾ Đây không phải là đàn ông (tiếng Đức).

liều yếu đào tơ, thuộc một gia đình trâm anh thế phiệt. Anh ta đã hành động như bất kỳ một trong nam tử nào hành động. Mà còn trẻ, đẹp trai, lại thuộc dòng giống Ariăng từ đầu đến chân, thể diện của nước Đức đang nằm trong tay mày.

- Thưa rõ rồi ạ. Cháu sẽ làm hết sức mình.

Đêm ấy lại có tiếng gõ cửa buồng bà Râyđ.

- Ai thế?

- Nhân viên điện đài, bà Râyđ ơi, tôi có bức điện cho bà đây.

- Cho tôi?

Bà ngạc nhiên, nhưng chợt nghĩ ngay rằng một hành khách bầu bạn xuống tàu ở Haiti đã gửi điện chúc mừng năm mới cho bà. Bà nghĩ: "Con người ta tử tế làm sao".

- Tôi lên giường rồi. Cứ gài ngoài cửa cũng được.

- Điện cần phải trả lời. Chuẩn bị độ chục chữ.

Thế thì không phải là điện mừng năm mới. Tim bà thót lại. Vậy chỉ có một điều đã xảy ra: cửa hàng của bà bị cháy ra tro mất rồi. Bà nhảy phắt khỏi giường.

- Cứ dúm qua chân cửa, tôi sẽ viết điện trả lời rồi dúm lại cho anh.

Chiếc phong bì được nhét qua khe cửa. Nó xuất hiện trên tấm thảm trải sàn như một điểm gở. Bà Râyđ quơ lên và xé phong bì ra. Những dòng chữ đang bơi trước mắt bà vì trong giây lát bà chưa tìm ngay được mục kính. Rồi bà đọc thấy lời lẽ như sau:

"Chúc mừng năm mới. Chấm. Bằng an và thiện chí cho tất cả mọi người. Chấm. Bà rất đẹp. Chấm. Tôi yêu bà. Chấm. Tôi phải thổ lộ với bà. Chấm. Ký tên: điện báo viên".

Bà Râyđ đọc kỹ bức điện hai lần. Rồi bà từ từ nhấc kính ra cất vào dưới tấm khăn quàng. Bà mở cửa.

- Mời anh vào, - bà nói.

Hôm sau là ngày giáp tết. Các viên chức trên tàu tỏ ra vui vẻ và hơi tỉnh cảm một chút khi họ ngồi vào bàn ăn trưa. Những người hầu bàn đã trang hoàng phòng khách bằng những dây leo nhiệt đới làm giả cây nhựa ruối và tầm gửi, còn cây thông Nôen đã lừng lững trên bàn với những ngọn nến chỉ còn chờ đốt lên vào bữa tối. Mỗi khi các viên chức của tàu đã ngồi vào bàn rồi mới thấy bà Râyđ đến. Khi mọi người chào bà, bà chỉ cúi đầu chào mà không nói. Mọi người tò mò nhìn bà. Bà ăn rất ngon lành, nhưng không thốt ra lời nào. Sự im lặng của bà thật lạ lùng. Cuối cùng không chịu được nữa, viên thuyền trưởng lên tiếng:

- Bà Râyđ này, hôm nay bà lặng lẽ quá.

- Tôi đang ngẫm nghĩ.

- Bà có thể nói cho chúng tôi biết những ý nghĩ của mình được không? - Ông bác sĩ ra và sốt sắng hỏi.

Bà lạnh lùng nhìn ông, có thể nói đó là cái nhìn kiêu kỳ nữa là khác.

- Tôi lại muốn giữ cho riêng mình cơ, ông bác sĩ ạ. Tôi ăn thêm ít thịt băm nữa, hôm nay ngon miệng quá.

Bữa ăn kết thúc trong sự im lặng thiêng liêng. Viên thuyền trưởng thở dài nhẹ nhõm. Thế mới đúng: giờ ăn thì phải ăn chứ không phải cứ huyên thuyên. Khi đã ăn xong, thuyền trưởng tiến lại và siết tay ông bác sĩ:

- Đã có biến chuyển rồi đó, ông bác sĩ.

- Có rồi. Bà ta đã thay đổi.

- Nhưng có được lâu không?

- Thì ta chỉ còn cách hi vọng chiều hướng tốt đẹp nhất.

Bà Râyđ mặc bộ áo dài lễ buổi tối, bộ áo màu đen khá nền nã, với bông hoa hồng giả trên ngực và một chuỗi ngọc giả quanh cổ. Ánh sáng dịu dịu, những ngọn nến trên cây thông Nôen được thắp lên. Cảnh tượng hơi giống như trong nhà thờ.

Đám viên chức, thủy thủ ăn uống trong phòng khách tối hôm ấy nom rất bảnh bao trong những bộ đồng phục trắng. Săm banh đem ra phục vụ là được hăng đỗi. Sau bữa tối, mọi người ăn bánh kẹo. Họ giật giấy bọc loại kẹo "pháo" nổ đom đóp. Họ hát hòa theo cái máy hát, *Deutschland, Deutschland uber Alles⁽¹⁾*, *Người cổ Haidenbéc* và *Thuở xưa tươi đẹp*. Họ dậm dật hò la các giai điệu, giọng viên thuyền trưởng vút cao hơn mọi giọng khác. Bà Râyđ cũng góp chất giọng công-tơ-ran-tô dễ chịu vào cuộc vui. Ông bác sĩ nhận thấy chốc chốc bà lại đưa mắt nhìn

⁽¹⁾ Nước Đức, nước Đức trên hết (tiếng Đức).

sang anh nhân viên điện đài. Trong ánh mắt đó, ông đọc được một biểu hiện ngỡ ngàng bối rối.

- Anh ta nom cũng xinh trai đấy chứ nhỉ? - Ông bác sĩ lên tiếng.

Bà Râyđ quay tròn và lạnh lùng nhìn sang ông bác sĩ.

- Ai cơ?

- Anh điện báo viên. Tôi cứ nghĩ bà đang nhìn anh ấy.

- Anh ta là người nào?

- Người tính nết như đàn bà ấy, - ông bác sĩ lẩm bẩm, rồi vừa mỉm cười vừa đáp: - Anh ta ngồi cạnh kỹ sư trưởng ấy.

- Ô, thế thì tôi nhận ra anh ta rồi. Tôi có bao giờ để ý đến chuyện một anh đàn ông nom mặt mũi ra thế nào đâu. Tôi quan tâm đến trí tuệ của anh đàn ông hơn mặt mũi nhiều.

- À - ông bác sĩ thốt ra.

Bữa ấy mọi người, kể cả bà Râyđ đều có hơi say một chút. Nhưng bà Râyđ vẫn tỏ ra đường hoàng lẫm, bà chào tạm biệt mọi người với phong thái lịch duyệt nhất.

- Một tối vui ra trò. Tôi sẽ không bao giờ quên được đêm giao thừa trên một chiếc tàu Đức. Thú vị thật. Phải nói là nhớ cả đời.

Bà chững chạc bước ra cửa, dáng điệu có phần đắc thắng, chẳng gì bà cũng đã chén tạc chén thù với mọi người thâu đêm.

Ngày hôm sau, ai nấy đều có vẻ bài hoại. Khi thuyền trưởng, thuyền phó, ông bác sĩ và người kỹ sư trưởng đi ăn thì đã thấy bà Râyđ ngồi sẵn ở bàn rồi. Trước mỗi chỗ ngồi đều có một gói nhỏ buộc dây hồng. Trên mỗi gói có viết: "Chúc mừng năm mới". Mọi người đồn cặp mắt dò hỏi lên bà Râyđ.

- Các ông ai nấy đều tốt với tôi quá. Tôi tính tặng các ông mỗi người một món quà. Ở Cảng Hoàng tử cũng chẳng có gì nhiều để chọn, thôi thì các ông vui lòng nhận món quà mọn này.

Viên thuyền trưởng được đôi tẩu thuốc làm bằng rễ thạch nam, ông bác sĩ được mấy chiếc mùi soa, viên thuyền phó được hộp xì gà, còn kỹ sư trưởng được hai chiếc ca-vát. Dùng bữa xong, bà Râyđ lui về phòng nghỉ ngơi. Đám viên chức còn lại bút rút nhìn nhau.

Viên thuyền phó mân mê nghịch hộp xì gà vừa được tặng, cuối cùng ông ta mới nói:

- Tôi cũng tự thấy hơi ngượng.

Viên thuyền trưởng đang đắm chiêu, rõ ràng ông ta cũng cảm thấy hơi khó xử. Ông ta nói:

- Tôi vẫn áy náy là lẽ ra ta không nên bày trò đùa quỉ quái như thế đối với bà Râyđ. Bà ấy có một tấm lòng đáng quý. Bà ấy đã có tuổi rồi, lại không giàu có gì cho cam, vẫn phải làm lụng để nuôi thân. Chỗ quà này ngón của bà ấy đến hàng trăm mác ấy chứ chả chơi. Giá chúng ta để cho bà ấy yên thân thì phải hơn.

Ông bác sĩ nhún vai:

- Ông muốn bà ta không mở mồm thì tôi đã làm cho bà ta không mở mồm.

- Sau những chuyện đã nói đã làm, thì cứ nghe bà ta tán chuyện thêm ba tuần nữa cũng chẳng sao, - thuyền phó nói.

- Tôi thấy không được thanh thản về chuyện bà ta, thuyền trưởng nói thêm. - Tôi cảm thấy có cái gì đó đáng ngại trong cung cách im lặng của bà ta.

Bà Râyđ gần như chẳng nói lời nào suốt bữa ăn. Dường như bà cũng chẳng buồn để ý đến những điều những người xung quanh nói.

- Ông bác sĩ này, ông tính hay là nên đến hỏi thăm xem bà ấy có khỏe không? - Thuyền trưởng đề nghị.

- Bà ta vẫn khỏe, có sao đâu. Bà ta ăn như rồng cuốn ấy. Nếu ông muốn hỏi thêm thì tốt hơn cả là hỏi anh điện báo viên.

- Bác sĩ này, có thể ông không biết, chứ tôi vẫn là người tế nhị lắm lắm.

- Còn tôi lại là người luôn luôn chân thành.

Những ngày còn lại của chuyến đi, đám đàn ông nọ chiều chuộng bà Râyđ đến khiếp. Họ chăm nom bà như chăm nom kẻ vừa hồi lại sau trận ốm thập tử nhất sinh. Tuy sự ngon miệng của bà là tột đỉnh, họ vẫn cứ để bà ăn thêm. Ông bác sĩ gọi rượu vang và cứ một hai bát bà cùng thưởng thức. Họ chơi đô-mi-nô với bà. Họ chơi cờ với bà. Họ chơi bài với bà. Họ lôi cuốn bà vào cuộc chuyện trò.

Nhưng hiềm một nỗi là tuy bà lịch sự đáp lại thịnh tình của họ, bà vẫn kín như bưng. Dường như bà nhìn họ với vẻ gì giống như là sự khinh khỉnh, khiến ai nấy ắt phải nghĩ rằng bà coi những người đàn ông nọ và các nỗ lực lấy lòng của họ rất là buồn cười. Bà rất ít lên tiếng, trừ phi được người ta nói với mình. Bà đọc truyện trinh thám và tối tối ngồi trên boong, bà nhìn các vì sao. Bà đang sống một cuộc đời của riêng bà.

Cuối cùng chuyến đi đã đến giai đoạn chót. Họ tiến vào eo Măngơ vào một ngày tiết trời vẫn còn u ám và đã nhìn thấy đất liền. Bà Râyđ thu xếp va li. Đến hai giờ trưa thì tàu đã đậu ở cảng Plymut. Thuyền trưởng, thuyền phó, ông bác sĩ ra tiễn bà.

Viên thuyền trưởng nói, vẫn cái tính vui vui ấy:

- Bà đi nhé, bà Râyđ. Thiếu bà là chúng tôi kém vui hẳn đi, nhưng chắc bà thì mừng vì đã về đến nhà.

- Các ông tốt với tôi quá, ai nấy đều chu đáo với tôi quá. Không rõ tôi đã làm gì mà xứng đáng được nhận tấm lòng tốt ấy. Những ngày sống với các ông là những ngày rất hạnh phúc của tôi. Tôi sẽ chẳng bao giờ quên được các ông. Bà nói có vẻ nghèn nghẹn cảm động, bà cố cười, nhưng đôi môi cứ run run và hai hàng lệ tuôn xuống má. Mặt viên thuyền trưởng đỏ dặng. Ông lúng túng mỉm cười:

- Cho phép tôi hôn bà nhé, bà Râyđ.

Bà cao hơn ông nửa cái đầu. Bà cúi xuống và ông trông nụ hôn nụ hôn lên một bên má ướt lệ của bà

rồi một nụ bụ bẫm nữa lên má bên kia. Bà quay về phía viên thuyền phó và ông bác sĩ. Cả hai người đều hôn bà.

- Tôi rõ thật đồ ngốc, - bà nói. - Mọi người tốt bụng quá!

Bà lau khô nước mắt và đi xuống tàu với dáng điệu thông thả, duyên dáng hơi ngồ ngổ. Mất viên thuyền trưởng rần rần lẹ.

Khi đã xuống tới bến, bà Râyđ ngược lên và vẫy tay với người nào đó trên tàu.

- Bà ấy vẫy ai thế nhỉ? - Thuyền trưởng hỏi.

- Vẫy anh điện báo viên.

Bà bạn Praixơ đã đón đợi bà trên bến. Khi đã qua cửa kiểm soát Hải quan, không còn phải bận bịu với đống hành lý nặng của bà Râyđ nữa, cả hai bà cùng về nhà bà Praixơ làm tuần trà sớm. Tận năm giờ tàu hỏa chạy về quê bà Râyđ mới khởi hành. Bà Praixơ có nhiều chuyện muốn nói với bà Râyđ lắm.

- Kể ra thế này thì khi không phải khi chị vừa mới chân ướt chân ráo về đến nhà. Nhưng tôi cứ khát khao muốn nghe hết mọi chuyện về chuyến đi của chị.

- Tôi chỉ sợ chẳng có gì nhiều để kể cả.

- Đời nào tôi tin. Một chuyến đi thành công đấy chứ?

- Thành công cực kỳ. Tuyệt vời lắm nhé!

- Ở với rất người Đức như thế, chị không có điều gì phàn nàn à?

- Tất nhiên họ không như người Anh chúng mình.

Nhưng rồi cũng quen với cung cách của họ. Thỉnh thoảng họ làm những điều mà người Anh chúng ta không làm. Nhưng tôi luôn nghĩ đã nhập gia thì phải tùy tục thôi.

- Chị định nói những điều gì thế?

Bà Râyđ thủng thảng nhìn bà bạn. Khuôn mặt dài, góc ghech của bà toát ra vẻ lạnh lùng, khiến bà Praixơ không tài nào nhận thấy trong đôi mắt một ánh tinh quái đến lạ lùng:

- Cũng chẳng có gì ghê gớm sất. Chỉ là những điều buồn cười, bất ngờ, cũng khá là tình tứ. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn, thật chẳng ngoa tí nào.

Kẻ hưởng lạc

Phần nhiều con người ta, có thể nói là đại đa số cam sống một cuộc sống mà hoàn cảnh đã áp đặt lên họ, và tuy có vài người than vãn khi nhìn lại mình như nhìn cái cọc tròn cắm vào cái lỗ vuông, và nghĩ rằng giá thể cuộc khác đi, thì họ đã có thể làm nên những trò trống hay ho hơn nhiều, còn cái đa phần kia thì chấp nhận số mệnh của mình, nếu không phải với sự an phận, thì cũng với sự cam chịu trong mọi trường hợp. Họ cũng như những chiếc xe điện cứ chạy mãi trên mỗi một con đường ray ấy. Chúng chạy đi rồi lại chạy lại, chạy lại rồi lại chạy đi, cứ quanh quanh quẩn quẩn như thế, cho tới khi nào chúng không còn chạy nổi nữa và bị bán làm sắt vụn. Có mấy khi bạn gặp được một người dám cả gan nắm lấy tiến trình cả cuộc đời vào tay mình. Khi bạn gặp được người như thế, thì cũng đáng xem xét ngắm nghía anh ta lắm.

Đó là lý do tại sao tôi tò mò muốn gặp Thômat Uynxơn. Hành động của ông thật lý thú và can đảm.

Dĩ nhiên cái kết cục còn chưa đến, và chừng nào thí nghiệm chưa chấm dứt thì chưa thể gọi nó là thành công được. Nhưng qua những gì tôi đã nghe được thì chắc ông ta phải là loại người lạ kỳ, và tôi rất muốn biết ông. Nghe nói ông là người kín đáo, nhưng tôi quan niệm là với lòng kiên trì và sự lịch duyệt, tôi có thể thuyết phục ông tâm sự với tôi. Tôi muốn nghe các sự việc từ chính miệng ông kể. Thiên hạ hay phóng đại, họ thích thi vị hóa, và tôi đã chuẩn bị sẵn để đón nghe một câu chuyện khác thường lắm như người ta đã làm tôi tin.

Cái ấn tượng này càng được khẳng định khi tôi đã làm quen được với ông. Hôm ấy ở quảng trường chính của Capri⁽¹⁾, nơi tôi đang nghỉ tháng tám ở vila của một người bạn, mặt trời đã sắp lặn, đa số dân chúng, cả dân địa phương và ngoại quốc, đang tụ tập để tán chuyện phiếm cùng bè bạn của mình trong cái lạnh man mát của buổi chiều tà. Thềm nhà trông ra vịnh Náplơ, và khi mặt trời đang từ từ ngụp xuống biển, đảo Ixchia nổi lên trên mảng nền có rắng màu rực rỡ. Đó là một trong những nơi nên thơ nhất thế giới. Tôi đang đứng với người bạn ngắm cảnh ấy, thì bỗng bạn tôi nói:

- Nhìn kìa, Uynxon đấy.

⁽¹⁾ Nguyên văn: *the Piazza* (tiếng Italia nghĩa là quảng trường), ám chỉ quảng trường trung tâm (*Piazza Umberto Primo*) của thành phố nhỏ Capri trên đảo Capri, trong vịnh Náplơ miền trung Italia.

- Đâu?

- Cái người đang ngồi trên lan can, quay lưng lại chỗ ta ấy. Ông ta mặc cái áo sơ mi xanh.

Tôi thấy một cái lưng bình thường và một cái đầu nhỏ tóc hoa râm ngắn và khá mỏng.

- Giá ông ta quay lại đây nhỉ, - tôi nói.

- Ông ta quay lại ngay bây giờ ấy mà.

- Mời ông ấy đến và đi uống chút đỉnh với ta ở khách sạn Moocganô nhé.

- Được rồi.

Cái chốc lát tràn ngập vẻ đẹp kia đã trôi qua và mặt trời, như cái chóp đầu quả cam, đã lặn dần xuống dưới mặt biển đỏ màu rượu. Chúng tôi quay lại, dựa lưng vào lan can nhìn dân tình lướt qua lướt lại. Họ nói chuyện thao thao bất tuyệt, tạo nên một vẻ nhộn nhịp huyền ảo. Rồi chuông nhà thờ, hơi bị rạn, bắt đầu điểm những nốt âm vang thanh mảnh. Quảng trường chính của Capri, với cái tháp đồng hồ trên con đường bộ từ bến tàu lên, với nhà thờ vươn lên trên dãy bậc thang, là một địa điểm lý tưởng cho một vở ôpera của Donizetti⁽¹⁾, và bạn cảm thấy cái đám đông nhộn nhạo kia bất cứ lúc nào cũng có thể bùng ra thành một dàn đồng ca âm ỉ. Thật là mê li và phi thực.

Tôi chăm chú với cảnh vật đến nỗi không nhận

⁽¹⁾ Donizetti Gaetanô (1797 - 1848), nhạc sĩ Italia, tác giả của 64 vở ôpera.

thấy Uynxơn đã nhảy xuống lan can từ bao giờ và đi lại phía chúng tôi. Khi ông đi ngang qua, anh bạn tôi bắt chuyện.

- Chào ông Uynxơn, mấy ngày nay không thấy ông tắm ở đây.

- Tôi tắm ở phía bên kia cho nó đổi cảnh.

Rồi bạn tôi giới thiệu tôi. Uynxơn bắt tay tôi một cách lịch sự, nhưng với vẻ lãnh đạm; có khá nhiều người lạ đến Capri trong mấy tuần qua, và tôi chắc rằng ông vẫn gặp gỡ người đến và người đi luôn. Sau đó bạn tôi mời ông cùng đi uống với chúng tôi.

- Tôi cũng vừa định về đi ăn đây, - ông nói.

- Ăn sau được không? - Tôi hỏi.

- Chắc được, - ông mỉm cười. - Tuy hàm răng ông không được đẹp lắm, nụ cười của ông rất cuốn hút. Nó nhã nhặn và thân ái. Ông mặc áo sơ mi bằng vải bông xanh lơ, quần màu xám, nhàu nát nhiều và cũng chẳng sạch sẽ gì, may bằng vải bạt mỏng, chân đi một đôi giày vải rất cũ. Cách ăn mặc sinh động, rất hợp với cảnh sắc và thời tiết nơi đây, nhưng không ăn nhập với khuôn mặt tí nào cả. Mặt ông dài, có vết nhăn, sạm ánh nắng, môi mỏng, còn cặp mắt màu nâu khá gần nhau, những đường nét cô đọng, gọn gàng. Mớ tóc hoa râm được chải cẩn thận. Đây không phải là một khuôn mặt chất phác, hằn thời trẻ Uynxơn nom cũng dễ ưa, - mà là một khuôn mặt đạo mạo. Cái áo sơ mi hở cổ và cái quần vải bạt ông đang mặc, trông không giống của ông, mà cứ như là, sau

khi bị đắm tàu còn đọc một bộ py-gia-ma, ông được người ta thương tình chu cấp cho bộ trang phục kỳ dị kia. Tuy quần áo xuềnh xoàng như vậy, ông vẫn nom giống như người quản lý một chi nhánh của một hãng bảo hiểm, có đủ điều kiện mặc áo vét đen, quần bằng vải len lốm đốm đen trắng, cổ cồn trắng và một cái ca-vát ngoại hạng. Tôi mừng tượng khá rõ cái cảnh mình đến chỗ ông đòi tiền bảo hiểm sau khi đánh mất cái đồng hồ, và bị chứng hứng khi trả lời các câu hỏi ông đặt ra mà có ấn tượng rõ ràng như là ông coi, mặc dù hết sức lịch sự, những người cứ hoạnh học chuyện ấy hoặc là đồ ngốc, hoặc là đồ đều.

Rời chỗ ấy, chúng tôi đi dọc Quảng trường xuống phố cho đến khách sạn Moocganô. Chúng tôi ngồi trong vườn. Xung quanh người ta chuyện trò râm ran bằng tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Italia và tiếng Anh. Chúng tôi gọi đồ uống. Đônna⁽¹⁾ Luxia, vợ chủ quán, đi lại núng nính và bằng cái giọng trầm ngọt ngào của mình cùng giết thời gian trong ngày với chúng tôi. Tuy giờ đã trung niên và bệ vệ, bà vẫn còn có những nét tuyệt trần thuở ba chục năm trước đã đẩy các nghệ sĩ đến chỗ vẽ quá nhiều các bức chân dung kém cỏi về bà. Mắt bà to và ướt như mắt của Hêra⁽²⁾, nụ cười của bà khá ái và yêu kiều. Ba chúng tôi tán

⁽¹⁾ Đônna: bà (tiếng Italia).

⁽²⁾ Hêra: vợ thần Zốt là nữ chúa của các thần trong thần thoại Hy Lạp, có đôi mắt rất to.

dóc một lúc, vì bao giờ chả có chuyện tai tiếng này khác ở Capri để làm đề cho câu chuyện, nhưng chẳng có chuyện gì đặc biệt quan tâm hứng thú cả, và được một tí thì Uynxon đứng dậy cáo từ chúng tôi. Chỉ lát sau chúng tôi đã đi bách bộ về nhà bạn tôi ăn tối. Trên đường về, anh bạn hỏi xem tôi nghĩ gì về Uynxon.

- Chẳng có gì sất, - tôi nói, - tôi không tin một tí nào chuyện cậu kể là có thật.

- Sao lại không tin?

- Ông ta không phải loại người làm được những chuyện đại loại như thế.

- Làm sao biết được rằng ai là người có khả năng làm được?

- Tôi cho ông ta là một người làm ăn hoàn toàn bình thường, giờ về nghỉ hưu với một số thu nhập kha khá từ những khoản bảo hiểm lớn. Tôi nghĩ chuyện anh kể chẳng qua chỉ là trò đồn đại tầm phào ở Capri.

- Anh nghĩ vậy thì thôi tùy anh, - bạn tôi nói.

Chúng tôi có thói quen tắm ở bãi biển được gọi là Nhà tắm Tibêri⁽¹⁾. Chúng tôi phóng xuôi con đường đến một chỗ rồi đi qua những vườn chanh và vườn nho, rộn tiếng ve sầu và hăm hập mùi nắng mặt trời,

⁽¹⁾ Nhà tắm Tibêri: một mảng tường ở bãi biển phía bắc của Capri, tương truyền là nhà tắm của Hoàng đế Lamã Tibêri (42 trước Công nguyên - 37 sau Công nguyên) trị vì từ năm 14 đến năm 37.

đến khi lên tới đỉnh mỏm đá mà phía dưới là con đường dốc ngoằn ngoèo dẫn xuống biển. Một hai ngày sau, đúng trước lúc chúng tôi đi xuống thì anh bạn tôi nói:

- Này, ông Uynxon lại ở kia kia.

Chúng tôi giẫm lạo xạo trên bãi biển, cái nhược điểm duy nhất của bãi tắm này là nó toàn bằng đá cuội mà không có cát, và khi chúng tôi tiến lại thì Uynxon trông thấy và vẫy chúng tôi. Ông đứng dậy, cái tẩu ngậm trong miệng, chỉ mặc độc mỗi chiếc quần đùi. Cả người ông màu nâu sạm, thanh mảnh nhưng không còm côi và nếu so với những nếp nhăn trên mặt và mớ tóc hoa râm, thì hãy còn trai tráng. Nóng lên vì cuộc bộ, chúng tôi lẹ làng cởi quần áo ngoài ra và nhảy tùm ngay xuống nước.

Cách bờ sáu bộ, độ sâu đã tới ba mươi bộ, nhưng nước trong đến nỗi bạn có thể trông thấy cả đáy. Nước ấm như tiếp thêm sinh lực. Khi tôi lên bờ đã thấy Uynxon nằm sấp trên cái khăn tắm độc sách. Tôi châm điếu thuốc rồi ngồi xuống cạnh ông.

- Tắm thỏa thuê rồi chứ? - Ông hỏi.

Ông đặt cái tẩu đánh dấu trang sách, gập nó lại và đặt lên chỗ đá cuội bên cạnh. Rõ ràng ông đang muốn bắt chuyện.

- Thú ghê, - tôi nói. - Đây là cái nơi tắm hay nhất thế giới.

- Người ta cứ tưởng đây là Nhà tắm của Tibêri. -

Ông vẫy tay về phía cái khối đá xây chẳng ra hình thù gì nửa dưới nước, nửa trên cạn. - Toàn chuyện nhảm nhí. Chẳng qua đây chỉ là một trong những biệt thự của ông ta mà thôi, anh biết chứ.

Tôi biết. Nhưng cứ để cho thiên hạ nói với bạn những điều họ muốn nói thì cũng có sao. Người ta càng có thiện ý với anh nếu anh chăm chú nghe họ truyền đạt thông tin. Uynxon bật cười khùng khục.

- Cái thằng cha Tibêri cũng kỳ. Mỗi tội là bây giờ những truyện người ta kể về hắn chẳng có lấy một lời nào đúng cả.

Ông ta bắt đầu kể cho tôi nghe mọi chuyện về Tibêri. Tôi đã đọc Suytôniút⁽¹⁾ và cũng đã đọc các sách sử viết về đế quốc Tiền La Mã, nên chẳng có gì mới đối với tôi trong những chuyện ông nói. Nhưng tôi nghiệm thấy ông không phải là loại độc giả tầm phơ. Tôi nêu nhận xét ấy ra.

- Ô, khi an lạc ở đây, tôi thấy thích một cách tự nhiên lắm, mà tôi có vô số thì giờ để đọc. Khi anh sống ở một cái nơi như thế này, với tất cả những biên cương thì hình như lịch sử quá khứ vẫn sống động lắm. Anh cứ ngỡ như chính mình đang sống trong những thời đại lịch sử ấy.

Tôi muốn nói thêm ở đây rằng lúc này là năm 1913. Thế giới đang êm đềm, dễ chịu và không có ai

⁽¹⁾ Suytôniút (khoảng 70 - 122 sau Công nguyên sử gia La Mã) tác giả của tác phẩm nổi tiếng "*Cuộc đời các Xêda*", viết về mười hai Hoàng đế La Mã.

có thể tưởng tượng nổi có cái gì nghiêm trọng có thể xảy ra và phá vỡ cảnh sống thanh bình ấy.

- Ông ở đây đã được bao lâu rồi? - Tôi hỏi.

- Mười lăm năm. - Ông đưa mắt nhìn mặt biển xanh êm lặng, và một nụ cười êm ái đến lạ lùng đậu trên cặp môi mỏng. - Tôi cảm thấy say mê nơi này ngay từ cái nhìn đầu tiên. Tôi đoán chắc anh đã nghe huyền thoại về một người Đức đến đây trên chiếc thuyền từ Naplơ chỉ để ăn trưa và ngắm Động Xanh một cái mà đã ở lại đây bốn mươi năm. Mà tôi không thể nói là đã làm đúng như thế đâu nhé, nhưng rốt cuộc cũng đi đến cái kết cục ấy. Chỉ có điều trong trường hợp của tôi sẽ không có tới bốn mươi năm. Chỉ có hai mươi lăm năm, thế cũng còn hơn cái cảnh bị cán cửa con mắt.

Tôi đợi ông nói tiếp. Bởi những gì ông vừa nói ít nhiều cũng có vẻ như những dấu hiệu nào đó của câu chuyện khác thường mà tôi đã được nghe. Nhưng đúng lúc ấy anh bạn tôi đã lên, người ướt sũng và rất hạnh diện vì đã bơi được một dặm, thế là câu chuyện đã chuyển sang hướng khác.

Sau đó, tôi có gặp Uynxơn vài lần, cả trên Quảng trường lẫn ngoài bãi biển. Ông rất thân ái và nhã nhặn. Ông lúc nào cũng thích nói chuyện và tôi vỡ lẽ là ông không chỉ biết rõ từng tấc đất trên đảo mà còn biết cả vùng đất liền gần đấy. Ông đã đọc rất nhiều và đủ các loại chủ đề, nhưng chuyên sâu của ông là về lịch sử La Mã và ông rất thông thạo về vấn đề này.

Ông có vẻ như không nhiều tưởng tượng lắm và có một trí tuệ không quá cái mức trung bình. Ông cười khá nhiều, nhưng rất từ tốn, và cái cảm quan hài hước của ông dễ bị cù bởi những câu đùa đơn giản. Một con người bình thường. Tôi không quên cái nhận xét kỳ quặc của ông trong lần chuyện phiếm ngắn ngủi đầu tiên giữa tôi với ông, nhưng ông chẳng bao giờ đả động đến vấn đề ấy nữa. Một hôm, sau khi từ bãi biển trở về, khi xuống xe tắc xi ở Quảng trường, ông và anh bạn dẫn người lái xe sẵn sàng đón chúng tôi đi Ancapri vào lúc năm giờ. Chúng tôi định leo lên núi Môngtê Xôlarô, ăn ở cái quán chúng tôi thích ăn, rồi sẽ xuống núi lúc trăng lên. Đó là vào kỳ trăng tròn, cảnh đêm sẽ rất diễm lệ. Uynxon đứng ngay đấy lúc chúng tôi dặn dò người lái xe, vì chúng tôi đã rủ ông đi cùng xe để tránh cho ông một cuộc đi bộ bụi bặm nóng bức, và vì lịch sự hơn là vì một lý do nào khác, tôi đã mời ông nhập hội với chúng tôi.

- Đây là do tôi đề xướng, - tôi nói.

- Hay quá, thế nào tôi cũng đến, - ông trả lời.

Nhưng đến lúc sửa soạn lên đường thì anh bạn tôi cảm thấy không được khỏe, anh cho là có lẽ vì đã dầm nước lâu quá, nên chắc không chịu được một chuyến đi dạo dài và mệt mỏi. Thế là mình tôi đi với Uynxon. Chúng tôi leo núi, chiêm ngưỡng quang cảnh bao la và quay về quán trọ khi màn đêm buông xuống, vừa nóng, vừa đói, và khát. Chúng tôi đã đặt bữa ăn từ trước. Thức ăn ngon, vì Antônio là một đầu

bếp giỏi, rượu vang thì làm từ chính nho vườn nhà anh ta. Nó nhẹ đến nỗi cảm thấy như uống nước nên chúng tôi đánh hết ngay một chai với món mì ống. Khi đã cạn đến chai thứ hai, thì chúng tôi thấy đời tươi phơi phới. Chúng tôi ra ngồi trong khu vườn nhỏ dưới một cây nho lớn trĩu quả. Không gian mềm mại lạ thường. Đêm khuya êm đềm và chỉ có một mình chúng tôi. Cô hầu bưng ra phomat bel paese⁽¹⁾ và một đĩa vủ. Tôi gọi cà phê và xtơrêga, một loại rượu mùi ngon nhất ở Italia. Uynxon không hút xì gà, mà châm tẩu.

- Còn khối thì giờ trước khi lên đường, - ông nói. - Phải một giờ nữa trăng mới khuất, sau đồi.

- Trăng hay không trăng, - tôi phẩn chấn nói, - thì ta cũng còn khối thì giờ. Thật là một trong những lạc thú của Capri, chẳng tội gì phải vội vàng.

- Thú rảnh rỗi, - ông nói, - giá người đời biết được! Nó là thứ quý giá nhất mà con người có được, cho nên thật rõ ngốc nếu không biết dùng nó vào việc gì. Làm việc ư? Người ta làm việc chỉ để mà làm việc. Họ chẳng có đầu óc nhận thức rằng cái mục tiêu duy nhất của làm việc là để đón nhận sự rảnh rỗi.

Rượu vẫn tác động lên một số người làm họ sa vào những suy ngẫm mông lung. Những nhận xét trên kia đúng, nhưng chẳng ai có thể bảo rằng đấy là

⁽¹⁾ Một loại phô mát kem mềm, lớp ngoài cứng làm ở Italia. Nhân hiệu Bel paese có nghĩa là "Đất nước hoa lệ".

những nhận xét độc đáo. Tôi không nói gì, chỉ xòe diêm châm điếu xì gà.

- Lần đầu tôi đến Capri cũng trăng tròn, - ông tiếp tục với vẻ suy tư. - Chắc phải là vắng trăng y như hôm nay.

- Cũng vẫn y như thế, đấy ông xem, - tôi mỉm cười.

Ông toét miệng cười. Cái ánh sáng duy nhất trong vườn phát ra từ ngọn đèn dầu treo trên đầu chúng tôi. Đồ ăn thì ít ỏi, nhưng lúc này đúng là lúc để tâm sự.

- Tôi muốn nói ý khác cơ. Tôi muốn nói, chắc phải là hôm qua rồi. Mười lăm năm rồi đấy, vậy mà khi nhìn lại cứ ngỡ như mới một tháng. Hồi trước tôi chưa bao giờ đến Italia cả. Tôi đến để nghỉ hè. Tôi đi tàu từ Mácxây đến Naplơ, tôi được đi xem một vòng, Pompêi này, Pextum này, và một hai chỗ nữa như thế; rồi tôi đến ở đây một tuần. Tôi thích cảnh vật ở đây ngay tức thì, tôi muốn nói là ngay từ ngoài biển nhìn vào ấy, vì tôi quan sát nó tiến lại mỗi lúc một gần, sau đó chúng tôi từ tàu chạy hơi nước chuyển sang tàu con vào cập bến, có cả một đám đông huyền não ai cũng xằng xái muốn xách hành lý cho anh, rồi những anh chào hàng của khách sạn, rồi những mái nhà lụp xụp ở bãi bến Marma, rồi đội cuộc bộ lên khách sạn, rồi bữa ăn ngoài sân hiên - chà, nó làm tôi mê ngay. Thật thế đấy. Tôi không rõ là mình đứng bằng đầu hay bằng chân nữa. Trước kia tôi chưa uống rượu vang Capri bao giờ, nhưng có nghe nói:

chắc hôm ấy tôi khá chuẩn choáng. Tôi ngồi trên sân hiên mãi, khi mọi người đã về đi ngủ hết, tôi ngắm vầng trăng trên biển, có cả núi Vêduyơ với cái chùm khói đỏ to tướng bốc lên. Tất nhiên giờ thì tôi biết cái thứ rượu tôi uống chỉ như mực thôi, rượu Capri Cápriếc quái gì nhưng lúc ấy tôi thấy đã quá. Không phải rượu nó làm tôi say mà tại hình thù hòn đảo và đám người huyền ảo kia, tại mặt trăng và biển cả, tại cây trúc đào trong vườn khách sạn. Trước kia có bao giờ tôi trông thấy trúc đào đâu.

Mạch nói đã dài làm ông khát nước. Ông cầm cốc lên nhưng cốc đã cạn. Tôi hỏi xem ông có muốn làm một chầu xtrêga nữa không.

- Cái thứ này ngang ngang thế nào ấy. Ta làm một chai rượu vang đi. Cái ấy mới lành, nó là nước quả tinh khiết từ nho mà ra, nó không gây tai họa gì hết.

Tôi gọi thêm rượu vang. Khi rượu được bưng ra, tôi rót đầy hai cốc, ông làm một hơi dài và sau hơi thở khoan khoái, lại tiếp tục câu chuyện.

- Hôm sau tôi tìm đường ra chỗ tắm mà ta vẫn ra đấy. Cũng không tồi, tôi nghĩ bụng. Rồi tôi đã phát phơ quanh đảo. Vừa gặp may, lúc ấy đang có hội hè ở Punta di Timbêriô⁽¹⁾, thế là tôi xông thẳng vào giữa đám. Có tượng ảnh của Đức Mẹ Đồng trinh, còn những cố đạo, thầy tăng đang đung đẩy các lư

⁽¹⁾ Punta di Timbêriô: mòm đất đông bắc Capri. Timbêriô là cách phát âm địa phương của Tibêri.

hương, rồi một đám đầy những người cười nói, vui nhộn, phấn chấn, nhiều người quần áo chỉnh tề. Tôi chạy tới chỗ một người Anh đang đứng đấy hỏi xem hội hè gì thế. À, đấy là lễ Thăng thiên của Đức Mẹ Đồng trinh - ông ấy bảo tôi - ít ra thì đấy là điều nhà thờ Thiên chúa nói như vậy, chứ đây chẳng qua là cái trò đồng bóng của họ. Nó là ngày hội của nữ thần Vênuyt⁽¹⁾ đấy. Ngoại đạo mà. Nữ thần Aphrôdit bước lên từ biển cả hoặc na ná như vậy. Nghe ông ấy nói, tôi buồn cười quá. Lúc quay về đường đi có vẻ dài lắm, chắc ông hiểu ý tôi nói. Sau đấy tôi đi suốt đêm để xem hòn Pharagliôni dưới ánh trăng. Nếu số trời muốn tôi cứ tiếp tục làm cái anh quản lý ngân hàng thì lẽ ra phải dừng để tôi đi chơi chuyến ấy.

- Ông đã làm quản lý ngân hàng à? - Tôi hỏi.

Tôi đã đoán sai về ông, nhưng không sai nhiều lắm.

- Phải, tôi đã làm quản lý cho chi nhánh phố Crophôt⁽²⁾ của ngân hàng "Yoóc và Xiti". Tôi sống ở ngay trên đường đi Hendon, tiện lắm. Tôi đi từ nhà đến đấy mất có ba mươi bảy phút.

Ông phì phụt hút cái tẩu rồi lại châm lại.

- Đấy là đêm cuối cùng của tôi đấy. Tôi phải về

⁽¹⁾ Vênuyt: nữ thần mùa xuân, và sắc đẹp trong thần thoại La Mã sau được đồng nhất với Aphrôdit, nữ thần tình yêu và sắc đẹp trong thần thoại Hy Lạp, còn gọi là thần Vệ nữ. (Aphrôdit nghĩa là sinh ra từ bọt biển, tương truyền là nữ thần Aphrôdit từ biển hiện lên).

⁽²⁾ Phố Crophôt ở khu Oextơ Endơ (West End) tây Luân Đôn.

lại ngân hàng vào sáng thứ hai. Khi nhìn hai cái mồm đá lớn sừng sững nhô lên khỏi mặt nước, có vầng trăng ở trên, và bao nhiêu ánh đèn dân chài trên các thuyền đánh cá của họ, cảnh vật thanh bình, đẹp đẽ thế kia, tôi mới tự hỏi mình là, ừ nhỉ, cứ sao mình lại cứ phải quay về mới được chứ? Tôi có ai phải nhờ cậy vào mình đâu. Vợ tôi đã chết vì bệnh viêm cuống phổi bốn năm về trước rồi, con tôi sống với bà ngoại. Bà ấy già nua lắm lắm, trông nom con bé nhà tôi chẳng ra sao cả, đến nỗi nó bị nhiễm độc máu, người ta cưa ống chân nó đi mà cũng không cứu được, thế rồi nó chết, tội nghiệp con bé.

- Khủng khiếp quá, - tôi xen vào.

- Phải, tôi đỡ dẫn cả người, tuy cũng không nhiều đến mức giá như con tôi nó sống với tôi mà phải chết, nhưng tôi dám nói thế là phúc. Một cô gái có mỗi một chân thì cuộc đời cũng chẳng tốt đẹp gì nhiều. Tôi thương nhớ vợ tôi. Chúng tôi đã sống rất ăn ý với nhau. Dẫu rằng tôi cũng không rõ có còn như thế được đến giờ hay không. Bà ấy thuộc loại đàn bà lúc nào cũng áy náy về những điều người khác nghĩ. Bà ấy không thích đi du lịch. Ý tưởng nghỉ ngơi của bà ấy chỉ gói gọn ở mấy chữ Ixbon⁽¹⁾. Ông biết không, tôi chưa bao giờ vượt eo La Măngơ⁽²⁾ cho đến tận lúc bà ấy chết.

⁽¹⁾ Ixbon (Eastbourne): khu nghỉ mát ở bờ biển miền nam nước Anh.

⁽²⁾ Eo La Măngơ nằm giữa nước Anh và nước Pháp, là đường biển nối nước Anh với đại lục châu Âu.

- Chắc ông còn những người thân thích khác nữa chứ?

- Chẳng còn ai cả. Tôi là con một. Cha tôi có một ông em, nhưng chú ấy đã sang Ôxtơrâylia trước khi tôi ra đời. Tôi cho là không có ai trên đời này cô đơn hơn tôi. Chẳng có lý do nào bắt tôi không được làm cái điều tôi mong muốn. Hồi ấy tôi ba mươi tư tuổi.

- Ông đã nói với tôi là ở đảo này đã mười lăm năm. Vị chi năm nay ông bốn mươi chín. Đúng cái tuổi tôi đoán về ông.

- Tôi đi làm từ năm mười bảy. Tất cả những gì đang đợi ở phía trước là cứ làm mỗi cái việc nhàm chán ấy, ngày nối ngày cho đến khi về hưu. Tôi bèn tự hỏi, thế có đáng công không? Bỏ tất cả những thứ ấy đi mà dành phần cuộc đời còn lại cho nơi đây thì đã chết ai? Đây quả là một nơi đẹp đẽ nhất mà tôi được thấy. Nhưng tôi đã được giáo dục về tính làm ăn, bản tính tôi cẩn thận. Tôi bảo: Không, không được sa đà như thế, mình đã nói ngày mai về là về, và coi chuyện ấy thế là chấm dứt. Biết đâu khi về lại Luân-đôn, tôi lại nghĩ hoàn toàn khác đi? Ngốc ơ là ngốc. Tôi mất thêm cả một năm là vì vậy.

- Thế sau ông vẫn không thay đổi quyết định à?

- Không. Suốt quãng thời gian tôi đi làm, tôi cứ vương vấn về bãi tắm nơi đây, về những vườn nho, những cuộc đi dạo trên đồi, về vầng trăng và biển cả, về cái Quảng trường buổi tối lúc mọi người dạo chơi chuyện phiếm chút ít sau một ngày làm việc. Chỉ có mỗi một điều làm tôi lo nghĩ: tôi chưa dám chắc là

mình đúng khi không làm việc như mọi người. Rồi tôi đọc một cuốn sách sử của một tác giả tên là Mariôn Cophốt⁽¹⁾, trong có câu chuyện về Xybarít và Crôtôna⁽²⁾. Đây là hai thành phố, ở Xybarít người ta chỉ an lạc với cuộc đời, vui chơi qua ngày tháng, còn ở Crôtôna người ta chăm chỉ cần cù hết chỗ nói. Rồi một ngày kia người Crôtôna tràn đến quét Xybarít đi, ít lâu sau lại có một bọn từ nơi khác nữa tràn đến và quét Crôtôna đi. Xybarít chẳng còn lại gì, ngoài một mảnh đá, và những gì còn lại của Crôtôna cũng chỉ là một cái cột. Điều ấy đã phân định vấn đề cho tôi.

- Thế à?

- Rồi thì kết cục cũng như nhau cả thôi, phải không? Giờ anh nhìn lại xem ai dại hơn ai?

Tôi không đáp và ông lại tiếp tục.

- Tiền nong là mối lưu tâm chính của tôi. Ngân hàng không trả lương hưu cho ai chưa phục vụ đủ ba mươi năm, nhưng nếu anh về hưu sớm hơn thì sẽ được một món trợ cấp. Với trợ cấp ấy và số tiền bán nhà, cộng với ít tiền tôi tiết kiệm được vẫn không đủ cho tôi mua một khoản trợ cấp bảo hiểm hàng năm cho quãng đời còn lại. Thật là ngớ một khi đã hi sinh mọi thứ để giành lấy một cuộc sống an lạc mà lại

⁽¹⁾ Marion Cophốt (1854 - 1909), nhà văn Mỹ sinh ra và chết tại Italia, nổi tiếng về loạt tiểu thuyết mô tả đời sống của một gia đình quý tộc La Mã.

⁽²⁾ Xybarít và Crôtôna đều nằm ở miền nam Italia. Xybarít bị phá hủy năm 510, trước CN. Crôtôna cũng rơi vào tay người Xixilia vào năm 299 trước CN.

không đủ thu nhập để làm cho nó trở nên an lạc. Tôi muốn có một cơ ngơi nho nhỏ của riêng mình, một người đầy tớ coi sóc, muốn có tiền mua thuốc lá, thức ăn ngon, thỉnh thoảng mua sách đọc và rồi dăm ba thứ phòng xa. Tôi biết khá rõ là mình cần bao nhiêu. Rút lại tôi chỉ còn đủ tiền mua khoản trợ cấp bảo hiểm cho hai mươi lăm năm.

- Lúc ấy ông ba mươi lăm nhỉ?

- Vâng, nó sẽ bảo đảm cho tôi đến năm sáu mươi tuổi. Sau rốt chẳng ai dám chắc là mình sống lâu hơn thế, nhiều người chết ở quãng ngoài năm mươi, còn lúc bước vào tuổi sáu mươi thì đã qua những giây phút lý thú nhất của cuộc đời rồi.

- Mặt khác cũng không ai dám chắc mình chết năm sáu mươi tuổi cả, - tôi nói.

- Chà, tôi không rõ. Nó phụ thuộc vào mình chứ, phải không?

- Ở địa vị ông, tôi sẽ ở lại ngân hàng cho đến khi được cấp lương hưu.

- Thế thì lúc ấy tôi đã bốn mươi bảy rồi. Tôi sẽ đâm quá già để có thể tận hưởng cuộc sống ở đây. Tôi sẽ già hơn bây giờ và cũng tận hưởng nó như tôi vẫn tận hưởng thôi, nhưng tôi sẽ đâm ra quá già không ném được cái khoan khoái đặc biệt của tuổi trẻ. Chắc anh biết là có thể hưởng những giây phút thích thú ở tuổi năm mươi cũng như ở tuổi ba mươi, nhưng đấy không phải cùng những giây phút như nhau. Tôi muốn sống một cuộc sống hoàn hảo khi có

sinh lực và tinh thần để tận dụng nó. Hai mươi lăm năm có vẻ cũng dài đối với tôi, mà hai mươi lăm năm hạnh phúc có vẻ đáng để đổi lấy những cái khá trọng yếu. Tôi đã quyết định đợi một năm và đã đợi đúng một năm. Rồi tôi xin thôi việc và chẳng bao lâu sau khi họ trả trợ cấp cho tôi, tôi đã mua khoản trợ cấp bảo hiểm hàng năm và đến đây ở.

- Trợ cấp bảo hiểm cho hai mươi lăm năm?

- Phải.

- Thế ông không bao giờ hối tiếc?

- Không bao giờ. Tôi đã bỏ tiền ra xứng đáng. Mà tôi còn mười năm nữa. Anh không nghĩ là sau hai mươi lăm năm hạnh phúc hoàn hảo, người ta sẽ mãn nguyện xuôi tay coi đó là trọn vẹn rồi hay sao?

- Có thể vậy.

Ông không nói nhiều về việc khi ấy ông sẽ làm gì, nhưng ý định của ông đã rõ. Nó gần tựa như câu chuyện anh bạn tôi đã kể cho tôi, nhưng khi tôi nghe nó từ chính miệng Uynxon thì lại là chuyện khác. Tôi nhìn trộm ông. Chẳng có gì bất bình thường ở ông cả.

Không một ai, khi nhìn khuôn mặt cô đọng, gọn gàng kia, có thể nghĩ là ông có khả năng hành động một cách khác thường. Tôi không trách ông. Đây là chuyện đời riêng của ông mà ông đã sắp xếp theo cách lạ lùng làm vậy, và tôi thấy ông làm cái điều mà ông thích thì được lắm chứ. Ấy thế mà tôi vẫn không tìm được sự rung mình chút ít đang chạy dọc sống lưng.

- Anh lạnh à? - Ông mỉm cười. - Có lẽ ta bắt đầu đi dạo đi. Trăng sẽ lên bây giờ đấy.

Trước khi chia tay, Uynxon mời tôi đến thăm ngôi nhà ông vào một buổi nào đó; và chỉ hai ba hôm sau, khi đã tìm được nơi ông ở, tôi lại chơi chỗ ông. Đó là một ngôi nhà kiểu nông dân cách khá xa thành phố, trong một vườn nho, nhìn ra biển. Bên cửa có một cây trúc đào lớn đang rộ hoa. Chỉ có hai phòng nhỏ, một cái bếp xinh xinh và một mái che để chứa củi. Phòng ngủ kê dọn bày biện như phòng đơn của thầy tu, nhưng phòng khách, thơm mùi thuốc lá, khá đủ tiện nghi, có hai cái ghế dựa to ông đã mang từ Anh sang, cái bàn rộng có mặt nắp trượt, chiếc đàn pianô nhỏ và những cái giá đầy sách. Trên tường treo những tranh khắc có khung, tác phẩm của G.F.Oatxơ⁽¹⁾ và Huân tước Laiton⁽²⁾. Uynxon bảo tôi là ngôi nhà này của ông chủ vườn nho sống trong một căn nhà khác phía trên đồi, vợ ông ta hàng ngày đến đây dọn phòng và nấu ăn. Ông đã tìm ra chỗ này trong lần đến Capri đầu tiên, và khi quay lại đã thuê nó và sẽ ở đây mãi mãi kể từ lúc đó. Thấy chiếc đàn pianô và quyển nhạc mở ra trên đó, tôi hỏi ông có chơi nhạc không.

- Tôi không giỏi, nhưng lúc nào cũng thích âm nhạc nên rất khoái đánh bập bênh cho vui.

⁽¹⁾ Gioócgơ Frêdêric Oatxơ (1817 - 1904) họa sĩ và nhà điêu khắc người Anh.

⁽²⁾ Barôn Prêdêric Laiton (1830 - 1896) họa sĩ Anh về các đề tài cổ điển và tôn giáo.

Ông ngồi xuống và chơi một bản Xônát của Bêthôven. Ông chơi không giỏi. Tôi nhìn quyển nhạc của ông: Suman và Sube, Bêthôven, Bach và Sôpanh. Trên bàn chỗ ông vẫn thường ăn có một bộ bài bóng láng. Tôi hỏi ông có chơi bài pa-xiên không.

- Khá nhiều.

Từ những gì mắt thấy về ông và từ những gì tai nghe qua những người khác, tôi đã vẽ ra cái mà tôi nghĩ chắc sẽ là bức tranh khá chính xác về cuộc đời ông suốt mười lăm năm qua. Tất nhiên đó là một cuộc sống rất vô hại. Ông đi tắm, ông đi dạo khá nhiều, và hình như ông không bao giờ mất cảm quan về vẻ đẹp của hòn đảo mà ông đã biết khá tường tận, ông chơi pia-nô và chơi bài pa-xiên; ông đọc sách. Khi được mời đi dự cỗ thì ông đi, và tuy ông khá chậm chạp, nhưng lại dễ tính. Ông không phật ý khi bị quên lãng. Ông thích mọi người, nhưng có một vẻ cách biệt ngăn ngừa sự thân mật. Ông sống tằn tiện, nhưng khá đầy đủ. Ông không bao giờ nợ ai một xu. Tôi hình dung ông không phải là loại người mà tình dục quấy nhiễu nhiều, nếu như trong những năm tháng còn trẻ trung hơn, tháng hoặc ông vẫn tơ tình qua thời với một du khách đến đảo, trí óc bị ngất ngây vì không khí ở đây; thì bây giờ nếu cái mối xúc cảm ấy có còn, tôi tin chắc là nó chịu sự điều khiển của ông. Tôi cho là ông đã nhất quyết rằng không gì có thể len lỏi quấy phá sự độc lập tinh thần của ông. Đam mê duy nhất của ông là vẻ đẹp thiên nhiên, và

ông tìm kiếm hạnh phúc trong những cái đơn giản và tự nhiên mà cuộc sống vẫn dành cho mỗi người. Bạn có thể gọi đó là một sự tồn tại quá ích kỷ. Quả có thể thật. Ông chẳng được ích lợi gì cho ai, mà mặt khác cũng chẳng làm hại ai điều gì. Đối tượng duy nhất của ông là hạnh phúc của riêng ông, và xem ra có vẻ như ông đã đạt được nó. Rất ít người biết nên tìm hạnh phúc ở đâu; tìm ra nó lại còn ít hơn nữa. Tôi không rõ ông là một anh ngốc hay một người sáng suốt. Tất nhiên ông phải là người biết rõ trí óc mình. Cái điều kỳ lạ về ông đối với tôi là ông là một người vô cùng bình thường. Tôi chẳng còn phải nghĩ đi nghĩ lại gì về ông ngoài những điều đã biết, rằng một ngày nào đó, mười năm nữa, nếu không có cơn ốm tình cờ nào làm đứt đoạn cuộc đời ông, thì ông sẽ phải chủ động từ giã cái thế giới mà ông yêu nhường ấy. Tôi băn khoăn không biết có phải chính cái ý nghĩ ấy, không lúc nào rời khỏi óc ông, đã tạo cho ông cái vẻ hăm hờ hiem có khi ông tận hưởng từng giây phút trong ngày hay không.

Tôi sẽ không công bằng với ông, nếu bỏ qua cái nhận xét là ông không hề có thói quen nói về mình. Tôi nghĩ anh bạn tôi là người duy nhất ông đã thổ lộ với. Tôi tin là ông nói chuyện ấy với tôi chỉ vì ông ngờ rằng tôi đã biết, và cái buổi tối ông kể với tôi thì ông đã uống khá nhiều rượu.

Cuộc du ngoạn của tôi đã đến hồi kết thúc và tôi rời đảo. Năm sau, chiến tranh nổ ra. Một số sự việc

đã xảy ra với tôi, cho nên dòng đời tôi đã bị thay đổi nhiều, và mãi mười ba năm sau tôi mới trở lại Capri. Bạn tôi đã về lại đây được ít lâu, nhưng anh không còn sung túc như xưa, đã phải dọn đến một căn nhà không còn chỗ cho tôi ở nữa, nên tôi phải ra khách sạn. Anh đến gặp tôi trên thuyền và chúng tôi cùng ăn với nhau. Trong bữa ăn tôi hỏi xem nhà anh cụ thể ở chỗ nào.

- Anh biết nó rồi, - anh trả lời - Chính là cái chỗ Uynxon ở đấy. Tôi đã xây một phòng ở đấy và tạo dựng nó rất tuyệt.

Với nhiều điều choán trong óc, tôi đã không mấy may nghĩ đến Uynxon bao năm nay rồi, nhưng bây giờ, hơi bàng hoàng, tôi lại nhớ ra ông. Cái mười năm ở phía trước đời ông hồi tôi làm quen với ông đã trôi qua từ lâu.

- Ông ấy có tự tử như ông ấy đã nói không?

- Đấy là một câu chuyện khá ác nghiệt.

Kế hoạch của Uynxon đúng cả. Chỉ có mỗi một vết rạn trong đó mà tôi cho là ông không trông thấy trước được. Không bao giờ có ý nghĩ len vào đầu ông là sau hai mươi năm hạnh phúc hoàn toàn, ở nơi tù túng, phẳng lặng này, nơi không có gì trên đời quấy đảo sự bình yên của ông, bản lĩnh của ông sẽ dần dần mất đi sức mạnh. Ý chí cần phải có trở ngại để thực thi quyền lực của nó; khi nó không hề bị ngăn trở, khi không cần có một nỗ lực nào để đạt đến mong muốn của mình, bởi vì mong muốn đã được đặt vào

những chỗ có thể nhận được ngay chỉ cần với tay ra, thì ý chí trở nên bất lực. Nếu anh lúc nào cũng đi trên đường bằng thì những cơ bắp cần để anh leo núi sẽ teo đi. Những lời nhận xét này có nhàm, nhưng vẫn đúng. Khi trợ cấp bảo hiểm của Uynxon đã hết, ông không còn đủ cương quyết để tự tử, cái giá mà ông đã đồng ý chịu trả cho cả một thời kỳ êm đềm hạnh phúc dài lâu. Tôi không nghĩ, dù sau tất cả những điều thu thập được, cả qua lời bạn tôi kể lẫn những người khác về sau này, là ông thiếu can đảm. Chẳng qua là ông không quyết định nổi. Ông cứ lần lữa ngày này qua ngày khác.

Ông sống trên đảo đã lâu và ấn định chi tiêu tỉ mỉ từng li từng tí nên ông dễ dàng vay mượn; trước kia chưa bao giờ vay tiền, nên có nhiều người sẵn lòng cho ông vay những món tiền nhỏ nhỏ, mỗi khi ông ngỏ lời. Ông đã trả tiền nhà đều đặn suốt những năm qua nên chủ nhà, có bà vợ Axunta vừa làm người phục vụ cho ông, cũng đồng ý cho ông thuê thả trong vài tháng. Mọi người đều tin lời ông nói là có người thân đã chết và nay ông bị lấn bán tạm thời vì còn chưa hoàn tất một số thủ tục để nhận phần tiền của mình. Ông tri hoãn theo kiểu đó được đâu chừng một năm. Rồi ông không tài nào mượn được tiền của những nhà buôn địa phương nữa, và chẳng ai còn dám cho ông vay đồng nào. Chủ nhà đã đánh tiếng với ông là nếu không trả hết số tiền khát lại trước một thời hạn nào đó, thì ông nên đi khỏi căn nhà.

Một hôm ông vào phòng ngủ xinh xắn của mình, đóng cửa ra vào và cửa sổ lại, buông rèm và đốt lò than lên. Sáng hôm sau, khi Axunta đến lo bữa sáng cho ông thì thấy ông lịm đi nhưng vẫn còn sống. Căn phòng có gió lùa, tuy ông đã đóng cửa không cho không khí trong lành lọt vào nhưng ông đã đóng không kỹ. Dường như vào cái giây phút cuối cùng ấy, cho dù tình thế của ông đáng tuyệt vọng đi nữa, ông cũng trải qua một sự bất rút không cương quyết nào đó trong việc thực hiện ý định. Uynxon được đưa đến bệnh viện và dù ốm nặng mất một thời gian, cuối cùng ông đã bình phục. Nhưng hoặc do kết quả của sự nhiễm độc than củi hoặc bị sốc mà ông không còn có một trí năng hoàn hảo nữa. Ông không bị điên, hay chí ít thì cũng chưa điên đến nỗi phải vào nhà thương chỉ tâm thần, nhưng rõ ràng là ông không còn có một trí óc minh mẫn nữa.

- Tôi đến thăm ông ấy, - bạn tôi kể. - Tôi cố gắng cho ông nói chuyện, nhưng ông ấy cứ nhìn tôi kỳ cục lắm, như thể không hoàn toàn định thần được xem ông ấy đã gặp tôi ở đâu trước kia. Ông ấy cứ nằm trên giường thật kinh dị, râu bạc mọc được một tuần trên cằm; nhưng ngoài cái nhìn kỳ cục trong mắt ra thì ông có vẻ như hoàn toàn bình thường.

- Thế cái nhìn kỳ cục ra sao?

- Tôi không biết tả thế nào cho đích xác. Cái nhìn ngây ngây. Kể so sánh ra thì thật phi lý, nhưng cứ giả định như anh ném một hòn đá lên không trung rồi nó không rơi xuống mà cứ ở yên ở trên đó...

- Chắc phải khá thảng thốt? - Tôi mỉm cười.

- Phải đấy, cái nhìn từ tựa như thế.

Thật là khó, không biết giải quyết ra sao. Ông không có tiền, cũng chẳng còn phương tiện, của cải gì. Đồ đạc đã bán hết rồi nhưng được quá ít, trả không hết nợ. Ông là người Anh, các nhà chức trách Italia không muốn dính vào ông. Lãnh sự Anh ở Naplơ không có quỹ để chi cho trường hợp này. Ông có thể bị trả về Anh, nhưng hình như không ai biết phải giải quyết thế nào khi ông còn ở đây. Axunta, bà hầu phòng, nói rằng ông từng là một người chủ tốt và một người thuê nhà tốt. Hồi còn tiền ông có bao giờ không trả sòng phẳng đâu; ông có thể ngủ ở cái lều củi trong căn nhà vợ chồng bà đang ở và họ có thể san sẻ bữa ăn cho ông. Người ta đề nghị như thế với ông. Thật khó mà biết được ông có hiểu hay không. Khi Axunta đến bệnh viện để đưa ông về, ông đi với bà chẳng nói chẳng rằng. Hình như ông không còn ý chí nào nữa. Bà ấy cứ nuôi ông ta như thế đã được hai năm nay.

- Chẳng tiện nghi gì cho lắm, đấy anh xem, - bạn tôi nói. - Họ làm tạm cho ông một cái giường ọp ẹp và cho ông hai cái chăn, nhưng không có cửa sổ gì cả nên mùa đông thì lạnh như băng, mùa hè thì cứ như cái lò. Thức ăn cũng khá thô. Anh biết nông dân họ ăn thế nào rồi đấy: chủ nhật toàn ăn mì ống, năm thì mười họa mới có thịt.

- Suốt thời gian ấy ông ta làm gì?

- Ông ta cứ lang thang khắp các ngọn đồi. Tôi đã cố tìm cách gặp ông ta hai ba lần, nhưng chẳng ăn thua gì, cứ thấy người là ông ấy chạy như thỏ. Axunta vẫn thỉnh thoảng đến chỗ tôi nói chuyện phiếm, tôi cho bà ấy ít tiền để mua thuốc lá cho ông ta, nhưng có trời mà biết được ông ta có nhận được hay không.

- Họ đối xử với ông ta phải đạo chứ? - Tôi hỏi.

- Tôi chắc Axunta khá tốt bụng. Bà ấy đối đãi với ông như với một đứa trẻ. Tôi e ông chồng bà ta không được tử tế lắm với Uynxon. Ông ta cứ hầm hè với cái chuyện nuôi nấng Uynxon. Tôi không cho là ông ấy tàn ác hay là cái gì đại loại như thế, nhưng tôi nghĩ ông ấy hơi nghiệt ngã với Uynxon. Ông ta bắt Uynxon đi lấy nước, lau rửa chuồng bò hay những việc na ná như thế.

- Nghe ra cũng khá tàn tệ đấy nhỉ? - Tôi nói.

- Mình làm mình chịu chứ sao. Xét cho cùng ông ta chỉ phải gánh chịu những gì ông ta đáng phải chịu.

- Tôi nghĩ nói chung tất cả chúng ta ai mà chả phải chịu những gì đáng phải chịu, - tôi nói, - nhưng điều ấy không có nghĩa là nó không rùng rợn.

Hai ba hôm sau tôi và anh bạn cùng đi dạo. Chúng tôi đi thơ thẩn dọc theo con đường hẹp qua một rừng ô-liu.

- Uynxon kia kìa, - đột nhiên anh bạn tôi lên tiếng. - Đừng nhìn, anh sẽ làm ông ấy hoảng đấy. Cứ đi thẳng.

Tôi đi mà mắt cắm cúi vào con đường, nhưng bên góc mắt, tôi vẫn thấy một người nấp sau một cái cây ôliu. Người ấy không động đậy khi chúng tôi tiến lại gần, nhưng tôi cảm thấy ông ta đang theo dõi chúng tôi. Khi chúng tôi vừa đi ngang qua, tôi nghe thấy tiếng chân chạy lướt vụt đi. Uynxơn như con thú bị săn đuổi, phóng mình chạy trốn. Đây là lần cuối cùng tôi trông thấy ông.

Ông ta chết năm ngoài. Ông sống vất vưởng như thế sáu năm. Một buổi sáng người ta tìm thấy ông trên sườn núi, nằm hết sức thanh thản, như chết lịm đi trong giấc ngủ. Từ nơi ông nằm, ông có thể nhìn thấy hai khối đá to được gọi là hòn Phaglióni sừng sững vươn lên trên mặt biển. Trăng rất tròn, và ắt hẳn ông ta đã đi ngắm hòn Phaglióni dưới ánh trăng. Có lẽ ông đã chết bởi cảnh đẹp ấy.

Một người có lương tâm

Xanh Lờăng đờ Marôni⁽¹⁾ là một chốn nhỏ bé xinh xắn. Nó có một *Hôtel de ville*⁽²⁾ và một *Palais de Justice*⁽³⁾ mà nhiều thị xã ở nước Pháp vẫn lấy làm tự hào. Phố xá rộng rãi, cây cối duyên dáng viền lấy chúng tạo nên một bóng râm dễ chịu. Nhà cửa trông cứ như vừa mới được phết một lớp sơn, sổ lớn nép mình trong những khu vườn nhỏ đầy cây cọ, cây hoa lửa; cây chuối hoa khoe màu rực rỡ, cây ba đậu muôn màu muôn vẻ, cây hoa giấy, màu đỏ màu tía, bung lên phóng túng, cây dâm bụt nền nã chia những bông hoa mỹ lệ với một vẻ lơ đãng thật đến là đáng yêu. Xanh Lờăng đờ Marôni là trung tâm giam giữ tội phạm hình sự của nước Pháp ở Guyan và cách cái bến tàu nơi bạn đặt chân lên một trăm *yat* là cái cổng lớn của trại tù. Những căn nhà nhỏ bé xinh xắn nằm trong những khu vườn

⁽¹⁾ Xanh Lờăng đờ Marôni là một thị xã ở tây bắc xứ Guyan thuộc Pháp (Nam Mỹ).

⁽²⁾ Hôtel de Ville (tiếng Pháp): Tòa thị chính.

⁽³⁾ Palais de Justice (tiếng Pháp): Tòa pháp viện, tòa án.

nhật đới kia là dinh thự của số viên chức coi tù và nếu phố xá có gọn gàng sạch sẽ thì là vì chẳng thiếu gì phạm nhân để săn sóc nó.

Một hôm khi đi chơi với một người quen, tình cờ tôi bắt gặp một người đàn ông còn trẻ đội chiếc mũ rơm tròn và mặc bộ đồ sọc hồng sọc trắng của tù nhân, đang đứng ven đường với cái cuốc chim trong tay. Anh ta không làm gì cả.

- Sao anh lại đứng têu thế này? - Anh bạn của tôi hỏi.

Người đàn ông làm một cử chỉ nhún vai khinh bỉ:

- Nhìn cái đám lá cây lá cỏ kia kìa, - anh ta đáp. - Tôi phải ở đây hai mươi năm để cào nó đấy.

Xanh Lô-răng đờ Marôni tồn tại với một cụm những trại tù mà nó là trung tâm. Nghề nghiệp doanh thương nơi đây thích ứng theo những trại tù kia; những cửa hiệu xứ này do người Hoa điều hành, là để thỏa mãn nhu cầu của các viên cai tù, các bác sĩ và vô số những viên chức khác mà đời sống gắn với những khu trại tù này. Phố xá lặng lẽ và vắng vẻ. Bạn có thể trông thấy một phạm nhân với cái túi thư bên tay, anh ta làm việc ở tòa hành chính, hay một phạm nhân khác với cái giỏ, anh ta là người đẩy tở trong nhà ai đó. Đôi lúc bạn bắt gặp một toán người do một cai tù phụ trách, thường thì bạn thấy họ đi vào hoặc đi ra cái nhà tù không có người gác. Cổng nhà tù mở suốt cả ngày và tù nhân có thể tự do lượn ra lượn vào. Nếu bạn trông thấy một gã đàn ông không mặc bộ quần áo tù thì chính anh ta đã được trả lại tự do,

một kẻ bị án đầy một số năm ở thuộc địa và vì không thể kiếm được việc làm, đang sống bên mép vực của sự chết đói, ngày ngày nốc cho đến chết một thứ rượu rum mạnh rẻ tiền gọi là tafia.

Ở Xanh Lôrăng đờ Marôni có một khách sạn và tôi vẫn dùng bữa ở đấy. Chẳng bao lâu tôi đã quen mặt những khách lui tới thường xuyên. Họ vào, mỗi người ngồi ở một cái bàn con của mình, lặng lẽ ăn rồi lại đi ra. Khách sạn do một người phụ nữ da màu trông coi và một người đàn ông sống với bà ta, trước là phạm nhân, giờ là người hầu bàn độc nhất. Ông thống đốc xứ này, ngụ ở Cayen, đã dành một căn nhà riêng một tầng cho tôi toàn quyền sử dụng nên tôi ngủ ở đấy. Một ông già Arập coi sóc căn nhà, ông là tín đồ Hồi giáo ngoan đạo, chốc chốc trong ngày tôi lại nghe thấy ông ta tụng niệm. Để thu dọn giường chiếu, giữ ngăn nắp căn buồng và chạy việc điều dóm cho tôi, ông trưởng trại tù đã cất cử thêm một phạm nhân nữa. Cả hai đều mang án chung thân vì tội giết người, ông trưởng trại bảo tôi là có thể tin tưởng hoàn toàn ở bọn họ, bọn họ trong trắng lương thiện như ánh sáng ban ngày và tôi có thể để đồ đạc thoải mái mà không phải lo lắng gì cả. Ấy thế nhưng chả nói giấu gì bạn đọc là buổi tối khi đi ngủ, tôi vẫn phòng xa khóa trái cửa ra vào và chốt cửa chập lại. Dĩ nhiên điều đó thật dở dắn, nhưng tôi ngủ có ngon hơn.

Tôi đến đây với nhiều thư giới thiệu nên cả ông thống đốc khu định cư và ông trưởng trại ở Xanh

Lờrăng đã làm hết sức mình cho chuyến đi của tôi trở nên dễ chịu và bổ ích. Tôi sẽ không thuật lại ở đây mọi điều đã nghe và trông thấy. Tôi không phải là phóng viên. Công kích hay bảo vệ cho cái hệ thống mà người Pháp đã nghĩ là áp dụng thích hợp đối với bọn tội phạm không phải là việc của tôi. Vả lại, hệ thống này hiện nay đang bị lên án, chẳng bao lâu nữa tù nhân sẽ không còn bị đưa sang Guyan thuộc Pháp nữa, không còn phải hứng lấy những bệnh tật đặc trưng của khí hậu xứ này và nai lưng làm lao công nơi rừng thiêng nước độc; mà nhiều kẻ bị đày ải đến không còn phải chịu đựng những sự khinh rẻ không tả xiết, bị mất hy vọng, bị hủy hoại và chết đi nữa. Tôi chỉ có thể nói một điều là tôi không thấy có sự hành hạ thể xác. Mặt khác, tôi cũng không thấy có cái ý định nào biến kẻ tội phạm thành ra một công dân có ích sau khi mãn án. Tôi không thấy người ta làm việc gì để cải thiện mặt tinh thần cho người tù cả. Tôi không nghe thấy nói có lớp học nào để có thể nâng cao học vấn hay những trò chơi có tổ chức nào để giải khuây trí óc anh ta. Tôi không thấy một thư viện nào để người tù có thể kiếm sách đọc khi công việc hàng ngày của anh ta đã xong. Tôi đã nhìn thấy cái tình cảnh mà chỉ có những bản tính mạnh mẽ nhất mới mong có cơ vượt qua được. Tôi thấy một sự khắc nghiệt hằn sẽ đồn tất cả, trừ một số ít người, đến sự lãnh đạm và tuyệt vọng.

Tất cả những điều đó không dính dáng gì đến

tôi. Thật là vô tích sự khi cứ tự hành hạ mình bởi những nỗi khổ không thể làm nhẹ bớt được. Mục đích của tôi ở đây là kể một câu chuyện. Như tôi đã nhận thức rõ, người ta không bao giờ biết hết mọi thứ cần biết về bản chất của con người. Người ta chỉ dám chắc một điều là nó, cái bản chất của con người ấy, sẽ không bao giờ thôi dành cho người khác một sự bất ngờ. Khi tôi đã trải qua cái ấn tượng hoang mang, sợ hãi và kinh sợ mà chuyến đi thăm trại tù đầu tiên đã gợi lên, tôi mới nhớ ra là có một số vấn đề mà tôi cũng quan tâm muốn tìm hiểu. Tôi xin thông báo cho bạn đọc rõ là ba phần tư số phạm nhân ở Xanh Lórăng đờ Marôni can tội giết người. Đây không phải là tin tức chính thức nên có thể là tôi nói quá, mỗi một người tù đều có một cuốn sổ nhỏ trong đó có ghi lần lượt tội trạng, bản án, hình phạt và mọi điều khác mà nhà chức trách cho là cần phải ghi lại, và chính từ việc kiểm tra một số đáng kể những cuốn sổ như vậy mà tôi quy thành sự đánh giá. Đại thể nó làm tôi bàng hoàng khi mừng tượng ra cái cảnh ở nước Anh, một số lớn hơn nhiều, rất nhiều người mà tôi gặp đang làm việc ở cửa hàng, thợ thần ngoài hiên các phòng tập thể hay lượn lờ ngoài phố rất có thể một ngày kia bị khệp vào tội tử hình. Tôi thấy họ không ưa kể một tý gì về tội ác đã khiến họ bị kết án, và để theo đuổi mục đích của mình, tôi dành gần trọn một ngày để tìm hiểu những án mạng về tình ái. Tôi muốn biết đích xác cái gì là động cơ khiến một người đàn ông giết vợ hay người yêu của mình. Tôi

có quan niệm là ghen tuông và sự tổn thương danh dự chưa chắc đã nói nên đầy đủ sự việc. Tôi đã nhận được vài câu trả lời ngổ ngổ và trong đó có một câu mà đối với tôi không kém phần khôi hài. Câu ấy của một người đàn ông làm việc trong một xưởng mộc, kẻ đã cắt cổ vợ mình, khi tôi hỏi tại sao anh ta lại hành động như thế, anh ta nhún vai trả lời: *Manque d'entente*⁽¹⁾. Qua cái chất giọng thản nhiên của anh ta có thể dịch đúng nhất là: Chúng tôi không được thuận vợ thuận chồng cho lắm. Tôi không thể không nhận định là nếu đàn ông nói chung cứ cái đà xem đây như là một lý do chính đáng để hạ sát vợ mình, thì tỷ lệ tử vong ở phái nữ sẽ ở mức báo động. Nhưng sau khi đặt khá nhiều câu hỏi cho khá nhiều người, tôi đi đến kết luận là ẩn dưới đáy của hầu hết các vụ án mạng ấy là động cơ kinh tế: người ta giết vợ hay giết tình nhân không chỉ vì ghen tuông, vì họ không chung thủy với mình, mà còn vì lẽ này hay lẽ khác nó động chạm đến túi tiền của họ. Sự không chung tình của người đàn bà đôi lúc chính là cái dịp thất thiệt về tài chính và xét cho cùng, đã đẩy người đàn ông đi đến cái hành động tuyệt vọng kia; hoặc là, chính anh ta đang cần tiền để chi cho những đam mê tình ái khác, anh ta đã gây án mạng bởi nạn nhân của anh ta là trở ngại cho độc quyền nắm giữ tiền bạc. Tôi không quy hết là một người đàn ông không bao giờ giết người đàn bà của mình vì tình cảm của anh

⁽¹⁾ Manque d'entente (tiếng Pháp): thiếu hòa thuận, không hiểu nhau.

ta bị hắt hủi hay danh dự của anh ta bị hoen ố, tôi chỉ đưa ra sự nhận xét của mình về những trường hợp riêng biệt như là một tia sáng là lạ rơi vào bản chất con người. Tôi không dám mạo muội từ đó suy diễn ra thành một quy tắc chung.

Tôi dành một ngày nữa để tìm hiểu vấn đề lương tâm. Các nhà luân lý vẫn tìm cách thuyết phục chúng ta rằng đó là một trong những yếu tố hùng mạnh nhất trong tính cách con người. Ngày nay, khi mà lý trí và lòng trắc ẩn cùng nhất trí xem hỏa ngục là một chuyện hoang đường đáng ghét, nhiều con người đứng mực đã tìm thấy ở lương tâm cái vật ngăn chủ yếu giữ cho giống người đi theo con đường của lẽ phải. Xéchxpia đã bảo chúng ta rằng lương tâm biến tất cả chúng ta thành những kẻ nhát gan⁽¹⁾. Các nhà viết tiểu thuyết và viết kịch đã mô tả cho chúng ta hay những nỗi day dứt dằn vặt dồn lên kẻ ác, họ đã vẽ nên sinh động cái cơn đau đớn của lương tâm bị hành hạ và cái cảnh những đêm mất ngủ liên tiếp; họ đã chỉ ra là nó đầu độc mọi sự khoan khoái cho đến khi cuộc sống trở nên không chịu nổi và sự phát hiện và trừng phạt đến như một lối giải thoát đáng hoan nghênh. Tôi vẫn thường tự hỏi tất cả những điều ấy đúng đến mức độ nào. Các nhà luân lý có cái dụng ý theo đuổi riêng, họ phải lờ đi đạo đức theo. Họ nghĩ là nếu họ cứ nói mãi một điều thì người ta sẽ tin. Họ muốn tuyên bố điều này điều

⁽¹⁾ Vậy là lương tâm biến tất cả chúng ta thành kẻ nhát - lời của Hămlet trong vở kịch cùng tên của Sếchxpia (hồi 3 - Cảnh I).

nọ là như vậy, khi họ mong nó sẽ phải như vậy. Họ nói với chúng ta rằng sự báo đáp của tội lỗi là cái chết⁽¹⁾. Chúng ta biết rất rõ là không phải bao giờ cũng như vậy. Còn về phần các tác giả văn xuôi, các kịch tác gia và tiểu thuyết gia, một khi họ đã vớ được một đề tài dễ tác động, họ liền sử dụng nó mà không bận tâm lắm đến việc nó có phù hợp với những sự việc ở ngoài đời hay không. Những lời tuyên bố này nọ về bản chất con người trở thành của chung, có thể cho là như vậy, và được chấp nhận như là một điều hiển nhiên. Cũng giống y hệt các họa sĩ hàng ngàn năm vẫn vẽ bóng tối màu đen và mãi cho đến tận khi các họa sĩ trường phái ấn tượng nhìn bóng tối với con mắt không thiên kiến và vẽ ra cái họ đã trông thấy, thế là chúng ta phát hiện ra bóng tối cũng có màu. Đôi lúc tôi có cảm tưởng có lẽ lương tâm là biểu hiện của sự phát triển đạo đức đến mức cao, cho nên ảnh hưởng của nó chỉ mạnh ở những người mà đức hạnh của họ sáng láng đến nỗi họ không gọn lên được ý nghĩ gây ra bất cứ hành động nào để phải rửa trách bản thân. Điều thường được chấp nhận coi giết người là một tội ác tày trời và bản thân kẻ giết người, hơn bất kỳ bọn tội phạm nào khác, theo giả định, phải dần vật sấm hối. Nạn nhân của hắn, người ta vẫn hay làm chúng ta tin như vậy, thường ám ảnh giấc ngủ của hắn bằng

⁽¹⁾ Dựa theo lời trong Kinh thánh: Sự báo đáp của tội lỗi là cái chết; nhưng Thượng đế đã ban cho cuộc sống vĩnh hằng thông qua Giêxu Ki-tô, Đức Chúa của chúng ta (Thư của thánh tông đồ Pôn gửi người La Ma. 6,23).

những cơn ác mộng khủng khiếp, và cứ mỗi lần hấn nhớ lại cái hành động rùng rợn của mình thì lại một lần nữa nó hành hạ những giây phút tỉnh giấc của hấn. Tôi không thể bỏ lỡ cơ hội tìm hiểu tính đúng đắn của điều này. Tôi không khẳng định quả quyết điều gì nếu tôi đã bắt gặp sự kín đáo hay nỗi đau buồn, nhưng trong tất cả số người mà tôi đã nói chuyện, tôi chẳng tìm thấy cái gì giống như thế. Một vài người còn nói rằng trong cùng hoàn cảnh như vậy, họ cũng vẫn sẽ hành động như họ đã hành động trước đó. Là những người theo thuyết quyết định⁽¹⁾ mà không tự biết, họ dường như xem hành động của mình được định đoạt bởi cái số phận mà họ không điều khiển được. Một số lại có vẻ như nghĩ rằng tội ác của họ là do một người nào đó mà họ không có liên quan gì đến đã gây ra.

- Khi còn trẻ, người ta ngu ngốc lắm, - họ nói với một cử chỉ bàng quan hay một nụ cười trừ.

Số khác thì nói với tôi rằng giá họ biết rõ các hình phạt mà họ phải chịu, thì họ sẽ chùn tay lại. Tôi không tìm thấy ở ai một tí gì là hối tiếc cái con người mà họ đã cắt ngắn cuộc đời. Theo tôi, hình như họ không có tình cảm gì đối với cái sinh mạng họ đã giết hơn một con lợn bị người ta cắt họng một cách thành

⁽¹⁾ Thuyết quyết định (déterminism) coi mọi hành động đều là hệ quả của những yếu tố quyết định, khiến con người không còn lối thoát nào khác khi hành động. Hiểu theo nghĩa này nó rất gần với thuyết định mệnh (fatalism).

thạo. Chẳng những còn cách xa cái cảm giác thương hại nạn nhân của mình, họ còn thiên về cảm giác căm giận nhiều hơn, bởi lẽ họ đã được ném cảnh tù đầy trên mảnh đất xa xôi này. Chỉ có ở một người là tôi nhận ra được cái có thể đáng gọi là lương tâm, và câu chuyện của anh ta đáng chú ý đến mức tôi nghĩ thuật lại nó cũng bổ. Bởi lẽ đây chính là trường hợp, cứ như ý tôi biểu, sự hối hận là động cơ của tội ác. Tôi đã để ý đến cái số tù của người đó được in trên ngực áo py-gia-ma màu hồng xen trắng, nhưng tôi đã quên mất. Tôi không biết tên anh ta. Anh ta không nói với tôi và tôi cũng không thích hỏi. Tôi sẽ gọi anh ta là Giảng Sacvanh.

Tôi gặp anh ta trong một chuyến đi thăm trại đầu tiên cùng với viên trưởng trại. Chúng tôi đi ngang qua cái sân bao quanh là những ô phòng, không phải phòng xà lim, mà là những phòng đơn dành cho những người tù hạnh kiểm tốt. Xin ở những phòng này là những người cảm thấy sự hỗn tạp của phòng ngủ tập thể là đáng ghê tởm. Đa số các phòng ấy đều vắng không, vì chủ của chúng đang bận bịu với những công chuyện này khác.

Sacvanh làm việc trong phòng, ngồi viết bên một cái bàn nhỏ, cửa ra vào mở. Viên trưởng trại cất tiếng gọi và anh ta đi ra. Tôi nhìn vào phòng. Nó gồm có một cái vông treo một nơi với cái màn tránh muỗi, bên cạnh là cái bàn nhỏ trên đó có những đồ linh tinh, một cái chổi xoa xà phòng cạo râu và một lưỡi dao cạo, một bàn chải tóc và hai ba quyển sách đã

sờn cũ. Trên tường là những bức ảnh của những người có bộ mặt đáng kính và tranh ảnh cắt từ họa báo ra. Anh ta ngồi viết trên giường và cái bàn viết của anh ta phủ đầy giấy má. Chúng trông giống như những hóa đơn thanh toán. Anh ta đẹp trai, cao, người thẳng và gầy, có đôi mắt đen lóe sáng và những đường nét gãy góc mạnh mẽ. Cái đầu tiên mà tôi để ý về anh là anh ta có một cái đầu đẹp với bộ tóc dài màu nâu sẫm, lượn sóng tự nhiên. Cái đó ngay lập tức khiến anh ta trông khác với những người tù còn lại tóc húi cua, nhưng húi dở đến rõ từng bậc thang, nó tạo cho họ một vẻ hung hãn. Viên trưởng trại nói chuyện công việc với anh ta, rồi khi chia tay, còn nói thêm một lời thân mật:

- Tôi trông tóc anh mọc tốt thật.

Giăng Sacvanh đỏ mặt và mỉm cười. Nụ cười anh ta trẻ con và có duyên.

- Cũng phải mất một thời gian mới được thế này đấy ạ!

Viên trưởng trại cho anh ta lui và chúng tôi đi tiếp.

- Anh ta là một anh chàng khá đứng đắn, - ông ta nói. - Anh ta ở phòng kế toán, và được phép để tóc, anh ta dễ chịu lắm.

- Anh ta ở đây vì tội gì thế? - Tôi hỏi.

- Anh ta giết vợ. Nhưng chỉ bị sáu năm tù thôi. Anh ta là một nhân viên tốt và sáng dạ. Anh ta sẽ còn khá khá. Anh ta xuất thân từ một gia đình rất tử tế và có một học lực tuyệt vời.

Tôi không nghĩ gì về Giăng Sacvanh nữa, nhưng tình cờ ngày hôm sau tôi lại gặp anh ta ngoài đường. Anh ta tiến lại phía tôi. Anh ta mang một túi thư từ bên cánh tay, và nếu không có lớp sọc màu hồng và trắng của cái áo tù và cái mũ rơm tròn tồi tàn che mất đầu tóc đẹp đẽ kia, thì bạn cứ ngỡ anh ta là một luật gia trẻ trên đường đến tòa án. Anh ta bước những bước dài khoan thai và có một phong thái ung dung, gần như có thể nói là hào hoa. Anh ta nhận ra tôi và ngả mũ chào. Tôi dừng lại và để cho có chuyện, tôi hỏi anh ta đi đâu. Anh ta bảo là đang mang ít giấy tờ từ công sở của ông thống đốc đến ngân hàng. Một sự cởi mở dễ chịu thoát ra trên khuôn mặt anh ta và đôi mắt, đôi mắt anh ta quả là đẹp, sáng lên đầy thiện ý. Tôi đoán rằng chính cái sinh khí sôi nổi của tuổi trẻ đã làm cho cuộc sống, bất chấp địa vị và hoàn cảnh của anh ta còn hơn ở mức chịu được, thậm chí còn dễ chịu nữa là khác. Bạn hẳn phải bảo rằng đây là một thanh niên không mang một lo âu nào trên đời.

- Tôi nghe nói ngày mai ông sẽ đi Xanh Giăng, - anh ta nói.

- Vâng. Đáng chừng tôi phải lên đường từ rạng sáng.

Xanh Giăng là một trại cách Xanh Lôăng mười bảy kilômet, ở đấy chứa những can phạm thông thường bị kết án lao dịch sau những hạn tù lặp đi lặp lại. Họ là bọn trộm vặt, bọn lường gạt, bọn giả mạo giấy tờ, bọn xỏ lá và đại loại như thế. Tù nhân Xanh

Lơ-răng, bị kết án vì những tội trạng nghiêm trọng hơn, thường nhìn bọn ấy với sự khinh bỉ.

- Chắc ở đây ông sẽ kiếm được chuyện hay, - Giảng Sacvanh nói với nụ cười cởi mở và có duyên của anh ta - Nhưng ông nhớ giữ cái ví cho chắc, nếu có dịp thì chắc bọn họ không tha cuỗm cái áo sơmi khỏi lưng ông đây đây. Bọn họ là một lũ bản thủ dê tiện.

Chiều hôm ấy, chờ cho đến lúc cái nóng của buổi trưa dịu bớt, tôi ngồi ở hiên ngoài phòng ngủ và đọc sách. Tôi đã kéo cửa chớp và thế là cũng mát mẻ, chịu được. Ông già Arập nhà tôi chân đất bước lên thang, và bằng cái tiếng Pháp tập tọng, bảo tôi là có một người ở chỗ ông trưởng trại muốn gặp tôi.

- Mời người ấy vào, - tôi nói.

Trong giây lát người kia bước tới, hóa ra là Giảng Sacvanh. Anh ta bảo tôi là ông trưởng trại cử anh ta mang cho tôi giấy báo về cuộc tham quan ngày mai của tôi ở Xanh Giảng. Khi anh ta đã đưa xong xuôi, tôi mời anh ta ngồi chơi và hút điếu thuốc với tôi. Anh ta nhìn cái đồng hồ rẻ tiền đeo ở tay.

- Tôi cũng có ít phút rỗi rãi. Tôi rất lấy làm hân hạnh. - Anh ta ngồi xuống và đốt điếu thuốc tôi mời. Anh ta đưa cặp mắt dịu dàng có cái nhìn tươi cười sang tôi. - Ông biết không, đây là lần đầu tiên tôi được mời ngồi kể từ khi mang án. - Anh ta hít một hơi thuốc dài - Thuốc Ai Cập. Tôi chưa được hút thuốc Ai Cập đã ba năm nay.

Các phạm nhân vẫn quần lấy thuốc từ một loại thuốc lá sợi thô, nặng bán trong những bao vuông màu xanh. Vì không ai được trả công những việc họ làm cho người khác mà chỉ có thể cho họ thuốc lá, nên tôi đã mua khá nhiều bao thuốc loại này.

- Anh thấy có ngon không?

- Dần dần mọi thứ đều quen đi, nói thật với ông, khẩu vị của tôi nó dần trơ ra, đến nỗi tôi đâm thích cái món chúng tôi kiếm được ở đây.

- Tôi sẽ cho anh hai bao.

Tôi đi vào phòng trong lấy thuốc lá. Khi tôi quay ra thì thấy anh ta đang nhòm vào mấy quyển sách trên bàn.

- Anh cũng thú đọc sách à? - Tôi hỏi.

- Rất thú. Theo tôi thiếu sách vở là cái khổ lớn nhất tôi phải chịu bây giờ. Cái số ít ỏi mà tôi có được tôi cứ phải đọc đi đọc lại mãi. Đối với một người yêu sách như tôi thì hình như không nổi mất mát nào vô vọng hơn cái nỗi không có sách đọc.

- Tôi cũng có vài quyển sách Pháp trong túi xách. Để tôi chọn và nếu anh thích, tôi sẽ đưa cho anh khi nào anh lại đến đây chơi.

Lời nói của tôi chỉ có tính cách xã giao, tôi muốn có một dịp chuyện trò nữa với anh ta.

- Tôi phải trình ông trưởng trại cái đã. Ông ấy chỉ cho tôi giữ những quyển sách chắc chắn không làm phương hại đến đạo đức của tôi. Nhưng ông ấy là

người tốt bụng, tôi nghĩ ông ấy cũng chẳng gây khó dễ gì đâu.

Một thoáng ranh mãnh toát ra trong nụ cười của anh ta khi nói câu này, và tôi ngờ rằng anh ta đã đi guốc trong bụng ông sếp trại có thiện ý và đã biết khá rõ làm cách nào để được lòng ông ta. Nhưng nếu có lên án anh ta đã khéo ăn khéo nói, thậm chí còn khôn ranh để làm cho cảnh ngộ anh ta dễ chịu chừng nào hay chừng ấy, thì hơi quá.

- Ông trưởng trại có nhận xét tốt về anh.

- Ông ấy là một người tuyệt diệu. Tôi rất biết ơn ông ấy. Ông đã giúp tôi nhiều lắm. Nghề của tôi là kế toán và ông ấy đã xếp tôi vào phòng kế toán. Tôi yêu những con số, nó cho tôi cái cảm giác khoan khoái vô kể khi tiếp xúc với chúng, đối với tôi chúng là những sinh vật sống, giờ tôi có thể điều khiển chúng cả ngày và tôi lại cảm thấy mình đứng là mình trở lại.

- Anh vui khi có được căn phòng của riêng mình phải không?

- Cái ấy quan trọng ghê lắm. Chung một bầy với năm mươi người, bọn cặn bã trên đời và không bao giờ được ở riêng một mình, dù một phút, thì thật kinh khủng. Không còn gì tệ hơn thế. Hồi ở nhà, Lơ Havơ là nơi tôi sống, tôi có một căn hộ, tuy giản dị nhưng là của riêng tôi. Chúng tôi có một cô hầu phòng ngày thường vào dọn dẹp. Chúng tôi sống rất đúng mực. Cho nên tôi khổ gấp mười lần cái bọn kia,

hầu hết bọn chúng là những kẻ chẳng bao giờ biết cái gì khác ngoài sự dơ dáy, bẩn thỉu và bừa bộn.

Tôi đã hỏi anh ta về căn phòng với hy vọng dẫn anh ta đến chỗ nói chuyện về cảnh sống ở trong những phòng ngủ tập thể mênh mông trong đó số người kia bị nhốt từ năm giờ chiều đến năm giờ sáng hôm sau. Trong suốt mười hai tiếng đồng hồ ấy bọn họ toàn quyền làm chủ. Người ta bảo tôi là một cái ngục phải liều mạng lắm mới dám đi vào. Sau tám giờ tối không còn đèn nữa nhưng từ những hộp cá, một ít dầu và một mảnh giẻ, họ tạo nên những cây đèn, qua ánh sáng ấy họ trông đủ rõ để chơi bài. Họ say sưa đánh bạc, không phải vì vui mà vì tiền, số tiền họ vẫn giấu kín trên người. Bọn họ là lũ người tàn ác vô lương, và lẽ thường là những vụ xô xát dữ dội vẫn hay xảy ra. Chúng được dàn xếp bằng dao. Thường vào buổi sáng, khi mở phòng ra thì thấy có một kẻ đã chết, nhưng mọi sự đe dọa hay lời hứa thưởng cho ai đó vạch mặt kẻ sát nhân đều vô hiệu. Những chuyện khác mà Giảng Sacvanh kể tôi không thể miêu tả ra đây. Anh ta có kể với tôi nghe chuyện một thanh niên từ Pháp sang đây cùng một chuyến tàu với anh ta và là người mà anh ta kết bạn. Anh kia trông khôi ngô. Một hôm anh ta đến gặp trưởng trại và hỏi xem có được ở một ô phòng riêng không. Viên trưởng trại hỏi tại sao anh ta muốn vậy. Anh ta giải thích. Viên trưởng trại liếc qua danh sách và bảo rằng tạm thời lúc ấy mọi chỗ đều có người cả rồi,

nhưng hề có chỗ trống nào thì anh ta sẽ được ngay. Sáng hôm sau, khi phòng ngủ tập thể mở ra đã thấy anh ta chết trên văng rồi, bụng bị rạch toác lên đến chỗ xương ngực.

- Bọn chúng là loài dã thú, và nếu kẻ nào lúc mới tới chưa phải là một con thú thì chỉ có phép màu mới cứu nổi anh ta khỏi thành dã thú như lũ còn lại.

Giăng Sacvanh nhìn đồng hồ và đứng dậy. Anh ta bước đi và rồi với nụ cười duyên dáng, anh ta quay mặt lại với tôi.

- Giờ tôi phải đi. Nếu ông trưởng trại cho phép, tôi sẽ đến và lấy chỗ sách mà ông đã có nhã ý tặng tôi.

Ở Guyan, bạn không bắt tay một phạm nhân, và một người khôn khéo khi cáo từ bạn, sẽ đặt mình ở một tư thế để không còn nảy ra cái vấn đề bạn phải chìa tay cho anh ta hoặc giả phải khước từ nếu như anh ta quên biến đi trong giây lát, quên tay chìa ra. Có trời biết, đối với tôi chuyện bắt tay Giăng Sacvanh cũng chẳng nghĩa lý gì, tôi thấy thương tâm khi trông thấy cái cảnh anh ta giữ ý để miễn cho tôi sự lúng túng.

Tôi còn gặp anh ta hai lần nữa trong thời gian ở Xanh Lôăng. Anh ta đã kể cho tôi câu chuyện của mình, nhưng tôi sẽ kể ra đây bằng lời của tôi hơn là của anh ta, vì tôi phải thu nhập lại từ những điều anh ta nói khi này khi khác, và những gì anh ta còn chưa lại thì tôi phải viện đến trí tưởng tượng của chính mình. Tôi không tin là nó làm tôi lạc hướng. Cũng

giống như việc anh ta cho tôi biết ba chữ của một số từ gồm năm chữ cái mà tôi phải đoán đúng đa số các từ ấy.

Giăng Sacvanh sinh ra và lớn lên ở hải cảng lớn Lơ Havơ. Cha anh có một chức vị tốt ở Sở Hải quan. Sau khi học xong, anh đã đi nghĩa vụ quân sự và sau đó đi kiếm việc làm. Cũng giống như một số khá đông thanh niên Pháp, anh sẵn sàng hy sinh cái cơ hội làm giàu mạo hiểm để chọn lấy một chỗ yên thân, được quý trọng. Tài thiên phú về các con số của anh, khiến anh dễ kiếm được một chân trong phòng kế toán của một hãng xuất khẩu lớn. Tương lai anh thế là được bảo đảm. Anh có thể trông mong kiếm được một thu nhập đủ để sống trong cái tiện nghi khiêm nhường của đẳng cấp mình. Anh cần cù và có đức hạnh. Giống như hầu hết các thanh niên Pháp cùng thế hệ, anh rất tráng kiện. Mùa hè anh đi bơi và chơi tennít, còn mùa đông anh đi xe đạp. Mỗi tuần hai tối, để giữ thân thể cường tráng, anh luyện đôi giờ đồng hồ ở một phòng tập thể dục thể thao. Suốt quãng đời niên thiếu và thanh niên, anh có một tình bạn tri kỷ với một cậu bé mà để tiện cho câu chuyện, chúng ta sẽ gọi là Hăngi Rênac. Cha cậu bé này cũng là viên chức Sở Hải quan. Giăng và Riri cùng đi học với nhau, cùng đi chơi với nhau, cùng học thi với nhau, cùng nghỉ hè nghỉ lễ với nhau, vì hai gia đình quen thân nhau. Họ cùng có những chuyện yêu đương thuở ban đầu với nhau, cùng là bạn chơi của nhau

trong những cuộc thi tennis ở địa phương, và họ cùng gia nhập quân đội với nhau. Họ không bao giờ cãi nhau. Họ chỉ sung sướng nhất những lúc cùng một hội bạn bè với nhau. Họ không rời nhau nửa bước. Khi đã đến lúc bắt đầu đi làm, họ quyết định sẽ cùng vào một hãng, nhưng điều ấy thật không dễ dàng gì; Giăng đã cố công kiếm việc cho Riri ở hãng xuất khẩu nhưng không thành, và mãi một năm sau Riri mới có việc làm. Nhưng đúng lúc ấy việc buôn bán ở La Havơ cũng như mọi nơi khác đều không chạy, và chỉ ít tháng sau Riri lại đâm ra thất nghiệp lần nữa.

Riri là một chàng trai vui tính và anh biết tận hưởng thì giờ rảnh rỗi. Anh đi nhảy, đi tắm và chơi tennis. Cũng vì vậy mà anh quen một cô gái mới dọn đến ở Lor Havơ. Cha cô là đại úy trong quân đội thuộc địa và sau khi ông chết, mẹ cô mới quay về Lor Havơ là nơi quê hương bản quán của cô. Mari Luidơ khi ấy mới mười tám. Cô đã gần như sống trọn quãng đời ở miền Bắc Việt Nam. Nó ban cho cô một sức hấp dẫn lạ kỳ đối với các chàng trai cả đời chưa ra khỏi nước Pháp, và trước tiên là Riri, rồi sau đến Giăng, cùng say mê cô. Có lẽ điều ấy là không tránh khỏi và chắc chắn đó là điều không may. Cô là con nhà gia giáo, lại là con một và mẹ cô ngoài số lương hưu còn có ít tiền sấm ký. Hiển nhiên là theo đuổi cô thì chỉ có thể nhắm lấy cô làm vợ. Có điều là Riri lúc ấy phụ thuộc hoàn toàn vào người cha, nên anh không thể ngỏ lời mà được bà Morigơ, mẹ của Mari

Luidơ ưng thuận; nhưng vì có cả ngày thoải mái nên anh có dịp gặp Mari Luidơ nhiều hơn Giăng. Bà Morigơ cũng gần như người tàn tật, nên Mari Luidơ được tự do hơn hầu hết các cô gái Pháp cùng lứa tuổi và cùng địa vị. Cô biết là cả Riri lẫn Giăng đều yêu cô, cô thích cả hai và thấy khoan khoái bởi sự chú ý của họ, nhưng cô không tỏ một dấu hiệu nào là cô yêu ai cả. Không thể khẳng định là cô quý mến người nào hơn. Cô cũng nhận thức rõ là Riri không ở cái thế có thể cưới cô được.

- Cô ấy trông thế nào? - Tôi hỏi Giăng Sacvanh.

- Cô ta nhỏ nhắn, thân hình xinh xắn, có cặp mắt to màu nâu, nước da trắng xanh và mái tóc mềm mại sẫm màu, trông cứ như một chú chuột con. Cô ta không đẹp nhưng rất duyên, theo cái kiểu thù mị hay hay; có cái gì đó rất quyến rũ trong con người cô. Cô ta dễ mến mà lại giản dị, không màu mè khách sáo. Ông không thể không có cảm giác là cô ấy đáng tin cậy và sẽ nên một người vợ tốt.

Giăng và Riri không giấu giếm nhau điều gì, nên Giăng không giữ bí mật chuyện anh yêu Mari Luidơ, nhưng Riri quen cô trước tiên và điều họ hiểu với nhau là Giăng không nên cản đường bạn. Rốt cuộc cô ấy cũng đã chọn một người. Một hôm Riri chờ Giăng từ công sở ra về và kể với bạn là Mari Luidơ đã đồng ý lấy anh. Họ đã thỏa thuận là hễ anh có việc làm thì cha anh sẽ đến gặp mẹ nàng để chính thức ngỏ lời. Giăng choáng váng cả người. Thật không dễ gì có

được một thiện cảm thiết tha để lắng nghe những kế hoạch mà Riri hồi hộp và say mê vẽ cho tương lai. Nhưng anh quá yêu quý Riri, không đời nào anh lại ghen tức với Riri được, anh biết Riri đáng yêu biết bao và anh cũng không thể trách Mari Luidơ. Anh cố hết sức chấp nhận một cách xứng đáng sự hy sinh mà anh đặt lên bệ thờ của tình bạn.

- Tại sao cô ấy lại chọn anh ta chứ không phải là anh? - Tôi hỏi.

- Cậu ấy toát lên một sức sống tràn đầy. Cậu ấy là chàng trai vui vẻ nhất, tếu nhất mà ông có thể gặp được. Tính lạc quan của cậu ấy rất dễ lây. Nhập cuộc với cậu ấy, ông sẽ không thấy chán bao giờ.

- Anh ấy có bản lĩnh? - Tôi mỉm cười.

- Và có sức lôi cuốn không thể tả được.

- Anh ấy có đẹp trai không?

- Không đẹp lắm. Cậu ấy thấp hơn tôi, mảnh khảnh, gầy guộc nhưng có một bộ mặt khôi hài đến hay. - Giăng Sacvanh mỉm cười khoan khoái. - Tôi nghĩ mình không hề ba hoa mà nói rằng tôi đẹp trai hơn Riri.

Nhưng Riri không kiếm được việc làm. Cha anh nuôi anh trong cảnh ăn không ngồi rồi đã phát chán, đã viết cho bất kỳ người nào ông nhớ ra, cho người thân trong gia đình và cho bạn bè ở nhiều nơi khắp nước Pháp, hỏi họ xem có thể tìm được việc gì dù là nhỏ mọn cho Riri không, cuối cùng ông nhận được thư của một người anh em họ ở Liông làm nghề dệt,

nói rằng hăng ông ấy đang cần một thanh niên đi sang Phnôm Pênh, ở Campuchia, nơi họ có chi nhánh, để mua lụa địa phương cho hăng. Nếu Riri muốn nhận việc thì ông ta có thể xin cho.

Mặc dầu cũng giống như tất cả các bậc cha mẹ người Pháp khác, cha của Riri chẳng muốn cho anh phải bôn ba tỵ nạn, nhưng cũng chẳng còn cách nào khác, thế là mọi chuyện đã được quyết định; tuy đồng lương ít ỏi, anh cũng phải đi. Anh không lấy đó làm ưu phiền. Campuchia cũng không xa Bắc kỳ bao nhiêu, chắc Mari Luidơ quen thuộc lối sống ở đó. Cô vẫn thường hay kể về nó, khiến anh đi tới kết luận là cô hẳn sẽ vui sướng trở lại xứ Đông Pháp. Thật nản cho anh là cô lại bảo rằng không cái gì có thể kéo cô trở lại nơi ấy được nữa. Thứ nhất là cô không thể bỏ mặc mẹ cô sức khỏe đang suy sút rõ rệt, và sau nữa, một khi đã an cư ở nước Pháp, cô quyết không bao giờ rời nó nữa. Cô có lòng mến Riri nhưng cương quyết một mực. Vốn chẳng còn biết trông chờ vào cái gì khác trong tương lai, cha anh sẽ không đời nào xuôi tai với lời từ chối của anh, vậy là hết cách, anh phải ra đi. Giăng không muốn mất bạn, nhưng kể từ giây phút Riri nói cho anh hay cái tin chẳng lành ấy, anh cảm nhận với niềm hân hoan trong lòng là số phận đã tiếp tay cho anh. Với Riri ở ngoài tầm ngáng trở anh ít nhất là năm năm, với lại nếu anh ta còn chưa rõ cái khả năng có thể ăn đời ở kiếp ở xứ Đông Pháp kia, Giăng cảm chắc là rồi sau một thời gian,

Mari Luidơ sẽ lấy anh. Hoàn cảnh của anh, địa vị ổn định, danh giá của anh ở Lơ Havơ, nơi mà nàng được gần bà mẹ, sẽ làm nàng thấy rất phù hợp; và khi nàng không còn ở dưới cái mãnh lực quyến rũ của Riri nữa thì chẳng có lý do gì mối cảm mến của nàng đối với anh lại không chuyển thành tình yêu. Cuộc đời đã đổi chiều về phía anh. Sau những tháng ngày khổ não, anh lại thấy hạnh phúc trở lại, và mặc dù giữ kín trong lòng, anh cũng bắt đầu vẽ ra những kế hoạch lớn cho tương lai. Chẳng còn đòi hỏi nào nữa bắt anh phải nén lại không yêu Mari Luidơ.

Bỗng hy vọng của anh bị vỡ tan tành. Một hãng tàu biển ở Lơ Havơ có một chỗ trống, người ta ưng ý cho Riri thế chân vào đó. Một người bạn cùng sở làm đã bảo anh rằng điều ấy là chắc chắn. Điều ấy sẽ định đoạt mọi chuyện. Đó là một hãng lâu đời và bảo thủ, một điều ai cũng rõ là một khi anh đã vào hãng rồi thì anh có thể sẽ ở đó cả đời; Giảng Sacvanh thấy tuyệt vọng, và cái tệ hại nhất là anh phải giữ nỗi đau đớn kia trong lòng. Một hôm giám đốc hãng anh cho gọi anh lên.

Khi kể đến đây Giảng ngừng lại. Một cái nhìn băn khoăn len vào mắt anh ta.

- Tôi sắp nói với ông cái điều mà tôi chưa từng nói với ai trước đây. Tôi là người trung thực, có nguyên tắc, tôi sắp kể cho ông nghe cái hành động đê hèn duy nhất của tôi phạm phải trong đời.

Tôi phải lưu ý bạn đọc ở đây là Giảng Sacvanh

đang mặc cái áo tù sọc hồng sọc trắng, con số đóng trên ngực và anh ta đang mang án tù về tội giết vợ.

- Tôi không thể hình dung là ông giám đốc muốn gì ở tôi. Ông đang ngồi ở bàn khi tôi bước vào văn phòng ông, và ông ấy đưa cái nhìn dò xét lên tôi.

- Tôi muốn hỏi anh một câu hỏi quan trọng, - ông ấy nói. - Tôi muốn anh coi đó như một câu hỏi riêng. Tất nhiên tôi sẽ coi câu trả lời của anh cũng đúng như vậy.

Tôi chờ đợi. Ông ấy tiếp:

- Anh đã làm với chúng tôi được một thời gian đáng kể rồi. Tôi hết sức hài lòng với anh, không có lý do gì khiến anh không đạt đến một địa vị tốt đẹp trong hãng. Tôi đặt lòng tin hoàn toàn vào anh!

- Xin cảm ơn ông, - tôi nói. - Tôi sẽ luôn cố gắng cho xứng đáng với nhận xét tốt của ông.

- Vấn đề hôm nay là thế này. Ông Unten đang đề nghị cho tuyển Hăngri Rênac. Ông ấy rất chú tâm đến cá tính của các nhân viên dưới quyền và trong trường hợp này lại càng nhất thiết không được lầm. Phần nhiệm vụ của Hăngri Rênac là trả tiền cho các êkip trên các con tàu của hãng và hàng trăm nghìn phơrăng sẽ phải qua tay anh ta. Tôi biết Hăngri Rênac là bạn thân của anh và hai gia đình luôn quen thuộc với nhau. Tôi muốn anh lấy danh dự mà nói cho tôi biết ông Unten có được mãn nguyện khi tuyển anh thanh niên này hay không.

Tôi thấy ngay ý nghĩa của vấn đề. Nếu Riri có việc

làm, anh ấy sẽ ở lại và lấy Mari Luidơ, nếu không, anh ấy sẽ phải đi Campuchia và tôi sẽ lấy nàng. Tôi thể với ông là không phải tôi trả lời, mà có kẻ nào đó đi giày của tôi và nói giọng tôi, chứ tôi chẳng liên quan gì đến những lời phát ra từ miệng tôi.

- *Monsieur le directeur*⁽¹⁾- tôi nói. - Hăngri và tôi là bạn của nhau suốt đời. Chúng tôi chưa bao giờ rời nhau lấy một tuần. Chúng tôi đi học cùng nhau, chúng tôi chia sẻ với nhau tiền túi và cả các cô bồ khi chúng tôi đã đủ lớn để có, chúng tôi cùng đi làm nghĩa vụ quân sự với nhau.

- Tôi biết. Anh biết rõ anh ta hơn ai khác trên đời này. Chính vì thế tôi mới hỏi anh.

- Thế thì không công bình, *Monsiellr le direcleur*. Ông xui tôi phản lại bạn mình. Tôi không thể, tôi sẽ không trả lời câu hỏi của ông.

Ông giám đốc nở nụ cười sắc sảo với tôi. Ông ta cứ nghĩ mình thông minh hơn thực tế.

- Câu trả lời của anh càng làm tăng uy tín cho anh, nhưng nó đã nói cho tôi biết tất cả những gì tôi muốn biết. - Rồi ông ta mỉm cười đôn hậu. Lúc ấy chắc mặt tôi nhợt đi, có thể nói tôi còn hơi run run nữa. - Hãy bình tĩnh lại, cậu bé thân mến của tôi, cậu đang phiền muộn, tôi hiểu mà. Đôi khi trong đời con người ta phải đối mặt với một tình thế mà lòng trung thực ở về một bên và sự chung thủy ở về bên kia. Dĩ nhiên

⁽¹⁾ *Monsieur le directeur* (tiếng Pháp): thưa ông giám đốc.

không được do dự, tuy sự lựa chọn ở đây thật chua xót. Tôi sẽ không quên thái độ của anh trong trường hợp này, và thay mặt ông Unten tôi xin cảm ơn anh!

Tôi cáo lui. Sáng hôm sau Riri nhận được một lá thư báo rằng người ta không cần đến sự phục vụ của anh nữa, và một tháng sau anh đã lên tàu thủy sang miền Viễn Đông xa xôi.

Sáu tháng sau Giăng Sacvanh và Mari Luidơ làm lễ cưới. Đám cưới được tổ chức gấp vì bệnh tình của bà Morigơ ngày một trầm trọng. Biết rằng không còn sống được bao lâu nữa, bà nóng lòng muốn thấy con gái mình được yên bề trước khi bà chết. Giăng viết thư cho Riri kể lại sự tình, và Riri trong thư đáp lại đã nồng nhiệt chúc mừng bạn. Anh thuyết phục bạn là không có gì khiến Giăng phải hối tiếc cho phần anh, khi đã rời nước Pháp anh nhận thức được rằng anh không bao giờ lấy được Mari Luidơ nữa, và anh sung sướng vì Giăng nay sắp sửa cưới nàng. Anh đang tìm sự khuây khỏa ở Phnôm-pênh. Lá thư của anh rất vui nhộn. Ngay từ đầu Giăng đã tự nhủ lòng rằng Riri với tâm tính hoạt bát dễ thay đổi của mình, rồi sẽ sớm quên Mari Luidơ, và lá thư của anh ta có vẻ như toát lên điều đó thật. Anh đã không gây cho bạn một mối hại vô phương cứu vãn nào. Đó là một sự biện hộ. Còn nếu anh mà mất Mari Luidơ, anh sẽ chết, với anh đó là vấn đề sống còn.

Năm đầu, Giăng và Mari Luidơ cực kỳ hạnh phúc. Bà Morigơ mất, Mari Luidơ được thừa hưởng hai

trăm nghìn phở rang, nhưng gặp hồi suy thoái và đồng tiền không ổn định nên họ đã quyết chưa có con vội cho tới khi nào tình hình kinh tế bớt khó khăn hơn. Mari Luidơ đảm đang và cần cù. Nàng là một người vợ đáng yêu, dễ thương và vừa ý. Nàng trầm tính. Cái đó trước khi anh lấy nàng thì dường như là một nét khá hấp dẫn, nhưng với ngày tháng dần trôi thì anh chợt nảy ra ý nghĩ là tính trầm lặng của nàng xuất phát từ chỗ ít nhiều thiếu một tình cảm nồng nàn. Nó chẳng hề che phủ một chiều sâu tâm hồn nào. Trước kia anh vẫn luôn nghĩ nàng giống như một chú chuột con, có cái vẻ gì đó tựa tựa như chuột trong cái tính ngấm ngầm kín đáo của nàng, nàng quá quan trọng hóa những chuyện tầm thường và có thể bận tâm vô hạn đến những thứ chẳng lấy gì làm to tát. Nàng có phạm vi quá nhỏ bé của những vấn đề quan tâm tới, và chúng đã choán hết cái đầu nhỏ nhắn mượt mà của nàng, đến nỗi không còn chỗ cho những cái khác. Thỉnh thoảng nàng cầm đến quyển tiểu thuyết, nhưng hiếm khi để tâm đọc hết. Giăng buộc lòng phải thừa nhận với chính mình là nàng khá dằn dặt. Một ý nghĩ day dứt đến trong đầu anh là đáng lẽ anh chẳng phải bỏ công làm cái trò bắn thủ đến vậy vì cô ta. Anh đã mất Riri. Anh cố tự nhủ mình là cái gì đã làm có nghĩa là đã làm, và quả thực chắc gì anh đã là kẻ tác động đến chuyện kia, nhưng sự giằng vò lương tâm không để cho lòng anh yên tĩnh. Anh ước giá bây giờ ông giám đốc hãng anh có hỏi thì anh sẽ trả lời khác hẳn.

Rồi một điều khủng khiếp đã xảy ra. Riri nhiễm bệnh sốt rét thương hàn và chết. Nó gây một cơn choáng váng ghê gớm đối với Giảng. Nó cũng gây choáng váng cho Mari Luidơ, nàng đến thăm cha mẹ Riri và chia buồn rất phải đạo, nhưng chẳng vì thế mà nàng ăn kém ngon hơn hay ngủ kém say hơn. Giảng càng thấy diên tiết vì sự diễm tĩnh của nàng.

- Tội nghiệp quá, anh ấy lúc nào cũng vui là thế, - nàng nói, - anh ấy chắc phải sợ cái chết lắm. Nhưng anh ấy sang đây làm gì? Em đã bảo anh ấy là khí hậu xấu lắm, nó đã giết bố em và em nhận thức được điều mình nói.

Giảng có cảm giác anh đã giết Riri. Giá anh đã kể cho ông giám đốc mọi điều tốt mà anh biết về Riri, biết như chưa một người nào trên đời này biết đến thế, anh ấy hẳn sẽ có một chỗ làm và giờ đây hẳn còn sống và hạnh phúc.

- Mình sẽ không bao giờ tha thứ cho bản thân được, - anh nghĩ. - Mình sẽ không bao giờ hạnh phúc lại được nữa. Ô sao ta lại ngu ngốc làm vậy, lại dể dãi làm vậy?

Anh khóc thương Riri. Mari Luidơ tìm cách khuyên giải anh. Nàng thật nhỏ nhắn, tốt bụng và nàng yêu anh.

- Anh đừng nặng nề trong lòng quá làm gì. Xét cho cùng, anh không gặp anh ấy đã năm năm, có khi anh sẽ thấy anh ấy thay đổi nhiều đến mức giữa anh và anh ấy chẳng còn gì chung nữa. Anh ấy sẽ như

một người lạ với anh. Em đã thấy chuyện ấy xảy ra nhiều rồi. Anh hẳn sẽ rất sung sướng được gặp lại anh ấy, thế rồi sau nửa giờ anh sẽ khám phá ra là các anh chẳng có chuyện gì để nói với nhau nữa.

- Em nói nghe cũng phải, - anh thở dài.

- Anh ấy đầu óc cũng lông bông lắm, chắc cũng chẳng vươn lên cao được. Anh ấy đời nào có được bản lĩnh cương quyết và trí tuệ sáng suốt, vững chắc như anh.

Anh biết cô đang nghĩ gì. Tình cảnh cô bây giờ sẽ ra sao nếu cô theo Riri sang Đông Dương và ở tuổi xuân hăm mốt, trở thành một quả phụ chẳng có gì khác trong tay ngoài hai trăm nghìn phở trắng để sinh nhai? Thật là một lối thoát may mắn, và cô ta tự chúc mừng mình đã có một trí óc tỉnh táo. Giăng là người chồng mà cô có thể tự hào. Anh làm được khá khá tiền. Còn Giăng thì đang bị sự hối hận giày vò. Những gì anh đã chịu đựng trước kia thật không nghĩa lý gì so với những gì anh phải chịu đựng bây giờ. Nỗi đau đớn gây ra cho anh mỗi khi hồi tưởng lại hành vi phản trắc của mình còn lớn hơn sự đau đớn thể xác đang cào phá tim phổi anh. Nó thường tấn công anh bất thành linh giữa lúc đang làm việc, và nó xoắn vặn mỗi tơ rối trong lòng anh làm anh đau nhói. Cơn quặn quại lên tới mức anh muốn trút ra cho nhẹ bớt, và chỉ bởi một nỗ lực cao độ của ý chí mà anh kìm được không thú nhận hết đầu đuôi cho Mari Luidơ biết. Anh biết cô ta sẽ phản ứng như thế

nào, cô ta sẽ không bị chấn động, cô ta hẳn sẽ nghĩ rằng đây là một cái mẹo thông minh và còn hãnh diện trong lòng là chính vì cô mà anh đã phạm một hành động đáng khinh. Cô ta không thể giúp gì cho anh được. Anh bắt đầu thấy chán ghét cô. Bởi lẽ chính vì cô mà anh đã làm điều hồ thẹn kia, và cô ta là cái thứ gì? Một người đàn bà nhỏ bé, tầm thường, dung tục, tính toán khá thạo.

- Mình mới ngu ngốc làm sao! - Anh nhắc lại trong lòng.

Anh không còn thấy cô ta duyên dáng chút nào nữa. Giờ anh đã biết cô ta cực kỳ ngu dốt. Nhưng lẽ dĩ nhiên cô ta đâu có lỗi trong chuyện ấy, cô ta không có lỗi bởi vì anh đã không thật bụng với bạn mình, và anh bắt mình phải ngọt ngào và dịu dàng với cô như trước kia. Anh làm bất cứ điều gì cô muốn. Cô ta chỉ bày tỏ với anh sự ước ao những cái anh có đủ khả năng thực hiện được. Anh cố thương hại cô, cố tỏ ra biết chịu đựng, anh tự nhủ là xét theo quan điểm nhỏ mọn của cô ta, thì đây là một người vợ tốt, cần cù, tần tảo và trong tính cách, trang phục và diện mạo cũng làm danh giá cho một ông chồng trẻ đang được trọng vọng. Mọi cái đều đúng cả, nhưng cũng chính do cô ta mà Riri đã chết và anh ghê tởm cô. Cô làm anh ngấy chán đến phát quẩn lên. Tuy anh không nói ra điều gì, tuy anh vẫn cư xử tốt, vẫn chiều vợ, nhưng nhiều lúc anh nghĩ có thể giết cô. Khi anh đã làm cái việc ấy rồi, thì dầu sao cũng không hẳn là có

chủ ý trước. Đạo ấy Riri chết đã được mười tháng, cha mẹ của Riri, ông bà Rénac, đã tổ chức một tối liên hoan mừng con gái họ đính hôn. Giăng ít gặp hai ông bà từ sau ngày Riri chết, và anh không muốn tới dự. Nhưng Mari Luidơ bảo phải đến, anh là bạn thân của Riri và thật vô cùng khiếm nhã nếu Giăng không đến dự ngày lễ quan trọng của gia đình họ. Cô có một ý thức tình tế về phép xã giao.

- Với lại đây cũng là dịp làm anh nguôi lòng. Anh ủ ê đã quá lâu, một chút vui nhộn sẽ lợi cho anh lắm. Ở đây còn có sâm-banh nữa, phải thế không nào? Bà Rénac không thích xài tiền đâu, nhưng vào những dịp thế này, thế nào bà ấy chả phải bóp bụng mà chi tiền.

Mari Luidơ ranh mãnh cười khúc khích khi nghĩ đến việc bà Rénac phải xót điếng khi cưới hầu bao.

Bữa liên hoan diễn ra rất vui vẻ, Giăng đau xót khi thấy căn buồng cũ của Riri được dùng làm nơi để áo choàng áo khoác của đàn ông đàn bà. Sâm-banh tràn trề. Giăng uống khá nhiều để làm chìm đi nỗi hối hận cay đắng đang hành hạ anh. Anh muốn tai ù đi để khỏi nghe thấy tiếng cười của Riri và mắt nhắm lại để khỏi trông thấy cái nhìn vui nhộn trên gương mặt sáng ngời của bạn. Mãi đến ba giờ đêm họ mới về tới nhà. Hôm sau là chủ nhật, nên Giăng không phải đi làm. Họ ngủ muộn. Phần còn lại tôi có thể kể bằng chính lời của Giăng Sacvanh.

"Tôi thấy đau đầu khi tỉnh dậy. Mari Luidơ không

còn trên giường nữa. Cô ta đang ngồi chải tóc ở bàn trang điểm. Tôi rất ham thể dục và tôi vẫn có thói quen tập thể dục buổi sáng. Sáng hôm ấy tôi không cảm thấy thích thú tập cho lắm, nhưng sau châu sâm-banh kia, tôi nghĩ nên tập thì hơn. Thế là tôi dậy và vớ lấy bộ chùy tập. Phòng ngủ của chúng tôi khá lớn và có đủ khoảng rộng cho tôi vung cặp chùy ở giữa cái giường và bàn trang điểm chỗ Mari Luidơ đang ngồi. Tôi làm những bài tập thường lệ. Mari Luidơ đã sửa sang được một lúc trước khi tóc cô ta được cắt kiểu khác, rất ngắn và tôi cảm thấy mái tóc cô ta gớm guốc quá. Nhìn từ sau lưng trông cô ta giống một thằng con trai và cái đám tóc lờm chờm trên cổ cô ta làm tôi thấy lờm lợm. Cô ta bỏ bàn chải xuống và bắt đầu thoa phấn lên mặt. Cô ta phát ra tiếng cười nhỏ nghe tòm tòm.

- Em cười cái gì thế? - Tôi hỏi.

- Bà Rénac ấy mà. Vẫn một bộ áo dài bà ấy mặc hồi cưới chúng mình, bà ấy đem nhuộm đi và sửa sang lại, nhưng qua thế nào được mắt em. Có thay đổi thế nào em cũng vẫn nhận ra.

Thật là một nhận xét ngu xuẩn, cơn giận trong tôi bùng lên. Cơn thịnh nộ ấy bao trùm lấy tôi, thế là lấy hết sức mạnh tôi giương chùy giáng lên đầu cô ta. Tôi đã nện vỡ sọ cô ta, đích thị như thế và hai hôm sau cô ta chết ở bệnh viện mà không tỉnh lại lúc nào".

Giăng ngồi im giây lát. Tôi đưa anh ta một điều thuốc lá và châm điếu khác cho tôi.

- Tôi mừng vì cô ta đã chết. Chúng tôi không bao giờ còn phải sống chung với nhau nữa, mà cũng vô cùng khó giải thích hành động của tôi.

- Vô cùng khó.

- Tôi bị bắt và bị đưa ra tòa về tội giết người. Tất nhiên tôi đã thể đó chỉ là sự không may, tôi nói cây chùy đã trượt khỏi tay tôi, nhưng những bằng chứng y khoa đều ngược với lời tôi. Bên khởi tố chứng minh rằng một vết thương như thế chỉ có thể gây bởi một đòn giáng mạnh mẽ và cố ý. May cho tôi là họ không tìm ra nguyên cơ. Ông ủy viên công tố cố lý giải là tôi ghen vì có một người đàn ông nào đó để ý đến cô ta trong bữa liên hoan, và chúng tôi đã cãi nhau về chuyện đó, nhưng người đàn ông mà ông công tố nhắc đến đã thể là không hề có một cử chỉ nào làm tôi sinh nghi và những người khác có mặt ở bữa tiệc chứng nhận là chúng tôi ra về vẫn là bạn quý của nhau. Người ta tìm thấy trên bàn trang điểm một tờ biên lai của hiệu may chưa trả tiền, và viên công tố giả định rằng chúng tôi đã cãi nhau về chuyện đó, nhưng tôi có đủ khả năng chứng minh rằng Mari Luidơ lấy tiền riêng của cô ta để trả cho số quần áo may sắm của mình, cho nên cái biên lai kia không thể là nguyên nhân xô xát. Những nhân chứng bước ra nói rằng xưa nay tôi luôn đối xử tốt với Mari Luidơ. Chúng tôi được mọi người xem như là một cặp vợ chồng hòa thuận. Tâm tình tôi rất tốt và ông chủ của

tôi nói những lời đẹp đẽ nhất về tôi. Tôi chưa bao giờ có nguy cơ bị mất tự chủ bản thân, nên có một lúc tôi đã tưởng là tôi có khả năng được tha bổng. Cuối cùng tôi bị kết án sáu năm tù. Tôi không hối việc tôi đã làm, bởi lẽ kể từ cái ngày hôm ấy, suốt cả thời gian bị giam đày ngày xét xử và cho đến lúc tôi ở đây, tôi thôi bận tâm về Riri. Nếu tôi tin vào ma quỷ thì tôi cảm bằng là cái chết của Mari Luidơ sẽ làm hồn ma Riri thôi lang thang để quay về mộ. Dù thế nào chăng nữa, lương tâm tôi thanh thản, và sau mọi nỗi cơ cực đã phải chịu, tôi có thể cam đoan với ông là mọi điều mà tôi đã trải qua kể từ hồi ấy là đáng lắm, giờ tôi cảm thấy mình có thể lại dám nhìn thẳng vào mặt mọi người".

Tôi biết chuyện này có vẻ như chuyện không tưởng, với thiên hướng là một nhà hiện thực trong các truyện viết ra, tôi luôn tìm nét thực. Tôi kiêng sự kỳ quặc cũng thận trọng như tôi tránh sự cầu kỳ rườm rà. Nếu như đây là một câu chuyện mà tôi khéo bịa ra thì nhất định tôi đã làm nó giống sự thật hơn. Quả thật, giả tôi không nghe nó bằng chính đôi tai của mình thì tôi cũng không dám chắc là tôi sẽ tin nó. Tôi không rõ Giảng Sacvanh có nói thật với tôi hay không, thế nhưng những lời nói kết thúc cuộc đến thăm tôi lần cuối của anh ta có một sức thuyết phục. Tôi đã hỏi về những dự định tương lai của anh ta.

- Tôi có bạn bè sẵn lòng giúp tôi ở bên Pháp, - anh ta đáp. - Khá nhiều người lúc ấy nghĩ rằng tôi là nạn nhân oan uổng do một sai lầm nghiêm trọng của công lý. Ông giám đốc hãng tôi tin chắc là tôi bị xử oan, và tôi có thể được giảm hạn tù. Cho dù không được đi nữa, tôi nghĩ tôi có thể trông chờ ngày về lại nước Pháp sau sáu năm. Ông thấy đấy, tôi cũng rất có ích ở đây. Công việc kế toán rất bí bết khi tôi nhận lãnh giờ thì tôi đã sắp xếp quy củ đầu vào đấy cả. Cũng có những chỗ rò rỉ nhưng tôi tin rằng nếu người ta cho tôi ra tay thì tôi sẽ dẹp ngay được chúng. Ông trưởng trại quý tôi và tôi cảm chắc là ông ấy sẽ hết lòng giúp tôi. Có tệ lắm chẳng nữa thì tôi cũng không quá cái tuổi ba mươi là mấy khi trở về.

- Nhưng anh không thấy khó khăn trong chuyện kiếm việc à?

- Một anh kế toán thông minh như tôi, lại là một người trung thực và siêng năng thì bao giờ cũng tìm được việc. Tất nhiên tôi không thể sống ở Lơ Havơ được nữa, nhưng ông giám đốc hãng tôi có các mối kinh doanh ở Liler, Liông và Macxây. Ông ấy hứa sẽ giúp tôi. Không, tôi hướng về những năm tới với khá nhiều tin tưởng. Tôi sẽ an cư ở một nơi nào đó và hễ khi nào đã ổn định đàng hoàng, tôi sẽ lấy vợ. Sau những gì tôi đã phải trải qua thì tôi muốn có một tổ ấm.

Chúng tôi ngồi ở một góc hiên bao quanh căn

nhà tôi ở nhằm hứng bất kỳ ngọn gió nào, còn về hướng bắc tôi đã để nguyên không kéo cửa chớp. Một dải bầu trời hiện ra với một cây dừa duy nhất ở một bên, những tàu lá xanh thô ráp của nó nổi trên nền xanh lơ, trông như một tấm quảng cáo cho một cuộc du ngoạn nhiệt đới. Mắt Giăng Sacvanh dò kiếm khoảng không xa xa như thể đang nhìn vào tương lai.

- Nhưng lần sau lấy vợ, - anh ta trầm ngâm nói, - tôi sẽ không lấy vì tình mà tôi sẽ lấy vì tiền.

Bất khuất

Hắn quay vào trong bếp. Ông già vẫn nằm trên sàn, chỗ hắn đã xô ngã, mặt ông có vết máu. Ông đang rên rỉ. Bà già đứng tựa lưng vào tường, đôi mắt kính hải nhìn chăm chăm vào Vili, bạn hắn, và khi hắn bước vào thì bà há miệng hải hùng rồi bật khóc nức nở. Vili đang ngồi bên bàn, súng lục cầm tay, trước mặt là cốc rượu đã vơi một nửa. Hanx tiến lại bàn, rót đầy cho mình cốc rượu rồi uống cạn một hơi.

- Trông mày như vừa mới loạn đả xong, - Vili vừa toe miệng cười vừa nói.

Mặt Hanx lấm máu, lại nom rõ cả vết hằn của năm đầu móng tay sắc nhọn. Hắn cẩn thận đưa tay sờ lên má.

- Thiếu chút nữa thì nó cào rách mắt tao ra, đồ chó cái. Đến phải bôi iốt lên thôi. Nhưng bây giờ thì nó hết ngo ngoe rồi. Mày vào đi.

- Cũng chẳng biết nữa. Đến lượt tao à? Nhưng mà muộn rồi.

- Đừng ngớ ngẩn. Mà có phải là đàn ông không nào? Muốn thì có làm sao? Ta bị lạc đường mà lại.

Bên ngoài vẫn còn sáng trời và vắng dương phía tây chiếu thẳng vào cửa sổ bếp của nông trại. Vili lưỡng lự một giây. Gã nhỏ người, tóc đen và mặt hẹp, thời bình vốn làm nghề may quần áo. Gã không muốn Hanx cho mình là đồ nhát như cáy. Gã đứng dậy đi về phía cánh cửa mà Hanx vừa ra. Khi bà già hiểu ra gã đang định làm gì, bà rú lên rồi vùng chạy về phía trước. Bà kêu toáng lên:

- "Non, non"!(¹)

Chỉ một bước nhảy, Hanx đã đứng trước mặt bà.

Hắn tóm lấy vai bà già và dúm mạnh về phía sau. Bà già loạng choạng rồi ngã. Hắn cầm khẩu súng lục của Vili lên.

- Cả hai nằm yên! - Hắn nói bằng tiếng Pháp, giọng ken két của kiểu âm yết hầu tiếng Đức. Hắn gật đầu về phía cửa ra hiệu cho Vili. - Đi đi. Để tao canh lũ già này cho.

Vili đi khỏi, nhưng chỉ một tý đã thấy quay lại.

- Cô ấy bất tỉnh nhân sự rồi.

- Ừ, thế thì sao?

- Tao không thể. Không ra sao cả.

- Mà là thằng đàn độn. "Ein Weibchen"(²). Một con đàn bà kia mà.

(¹) Không được, không được (tiếng Pháp).

(²) Một con đàn bà (tiếng Đức).

Vili đỏ mặt.

- Hay là ta đi thôi.

Hanx nhún vai một cách khinh bỉ.

- Thế thì để tao làm hết chai rượu này rồi hăng đi.

Hắn cảm thấy thư giãn, lai rai nán lại cho thoải mái một chút. Hắn đã bận bịu từ sáng, sau những bấy nhiêu tiếng đồng hồ ngồi trên xe máy căng chân đã ê ẩm. May là không còn phải đi xa, chỉ đến Xoatxông, độ mười mười lăm ki-lô-mét nữa thôi. Biết đâu, hắn sẽ còn gặp may và có cái giường nào đó để ngả lưng. Lẽ ra mọi chuyện đã không xảy ra, nếu cô gái không có thái độ ngu ngốc như thế. Bọn hắn bị lạc đường, đã hỏi một nông dân đang làm việc ngoài đồng, nhưng người này cố ý chỉ sai đường, thế là bọn chúng đâm vào một con đường nhánh. Khi tới nông trại này bọn chúng lại dừng lại hỏi đường. Chúng hỏi rất lịch sự, vì đã có lệnh đối xử với dân chúng Pháp tử tế nếu họ cũng tỏ ra phải đạo với mình. Chính cô gái này đã ra mở cửa và nói rằng cô không biết đường đi Xoatxông, thế là bọn chúng xộc vào. Sau đó bà già này, người mà Hanx đoán là mẹ cô gái đã nói đường đi cho bọn chúng. Cả ba người, ông già nông dân, vợ và con gái ông, vừa mới ăn xong, trên bàn còn lại chai rượu. Nó làm Hanx bất chợt cảm thấy khát cháy họng. Cái nóng ngày hôm ấy thật ghê, mà từ trưa đến giờ hắn chưa có tí nước nào vào bụng. Hắn hỏi họ chai rượu và Vili nói thêm là sẽ trả tiền sông phẳng cho họ. Cái thằng Vili cũng khá, chỉ phải

cái tội hơi nhũn. Suy cho cùng, người Đức là kẻ chiến thắng cơ mà. Quân đội Pháp đang ở đâu? Đang chạy dài. Còn người Anh thì bỏ lại mọi thứ, cuống cuống như thỏ đế chuồn về hòn đảo của mình rồi. Những kẻ đi chinh phục muốn lấy cái gì thì lấy, có phải không nào? Nhưng thằng Vili đã từng làm việc ở một hiệu may Pari trong hai năm. Quả là hấn nói tiếng Pháp có giỏi thật, thế hấn mới làm việc ở Pari, nhưng mà cũng có cái dở. Dân Pháp là hạng dân suy đồi. Một người Đức mà sống trong môi trường ấy thì chẳng khá khẩm gì.

Bà vợ chủ nhà đặt hai chai rượu lên bàn và Vili lấy hai mươi phơ-răng trong túi ra trả. Mụ ta chẳng thềm nói câu cảm ơn. Tiếng Pháp của Hanx tuy không tốt bằng Vili, nhưng Hanx cũng diễn giải ý mình được, và hấn vẫn cùng Vili nói tiếng Pháp suốt. Vili sửa lỗi cho hấn. Chính về mặt này Vili có ích lợi đối với hấn như thế nên hấn mới đánh bạn, và hấn biết là Vili phục mình. Vili phục Hanx vì Hanx cao, cân đối, vai rộng, vì mớ tóc quăn của Hanx màu sáng đến thế, còn đôi mắt thì xanh đến thế. Hấn không bao giờ bỏ lỡ cơ hội luyện tiếng Pháp, lúc này hấn cũng cố nói chuyện, nhưng ba người Pháp kia lại chẳng buồn đáp lại hấn cho phải nhẽ. Hấn đã nói với họ rằng bản thân hấn cũng là con nhà nông, khi nào chiến tranh kết thúc hấn sẽ lại quay về nông trại của mình. Hấn đã được đến trường ở Munich vì mẹ hấn muốn hấn bước vào nghề kinh doanh, nhưng lòng dạ

hắn không hướng vào đây, cho nên sau khi trúng tuyến hắn lại vào trường nông nghiệp.

- Các ông đến đây để hỏi đường và bây giờ đã biết rồi, - cô gái lên tiếng. - Các ông uống hết rượu rồi đi đi.

Lúc trước hắn chẳng để ý ngắm nghía đến cô gái. Cô không xinh, nhưng có đôi mắt đen khá đẹp và sống mũi thẳng. Mặt cô cũng khá xanh xao. Cô ăn mặc dung dị, nhưng có vẻ gì đó không hoàn toàn giống con nhà nông. Có một sắc thái đặc biệt nào đó ở cô. Ngay từ dạo nổ ra chiến tranh Hanx đã được nghe cánh lính tráng nói chuyện nhiều về các cô gái Pháp. Họ có nét gì đó mà các gái Đức không có. Thằng Vili thì bảo với hắn đó là "chic"⁽¹⁾, nhưng khi hắn hỏi Vili thế nghĩa là thế nào, thì Vili nói rằng phải trông thấy mới hiểu được. Dĩ nhiên Hanx cũng có nghe những người khác nói là bọn con gái Pháp hám lợi và đánh đá cá cây lắm. Thôi được, một tuần nữa hắn cũng sẽ ở Pari và sẽ tự tìm hiểu lấy. Nghe nói Bộ chỉ huy tối cao đã có sắc lệnh về các nhà chứa cho binh sĩ.

- Uống nốt rượu rồi ta đi, - Vili nói.

Nhưng Hanx cảm thấy khoan khoái chẳng muốn hấp tấp làm gì.

- Nom cô không giống con nhà nông dân gì cả, - Hắn bảo cô gái.

- Thế thì sao?

⁽¹⁾ Chic (gốc tiếng Pháp): sự tao nhã quý phái.

- Nó làm giáo viên, - mẹ cô gái đáp.

- Vậy là có văn hóa đấy chứ.

Cô gái nhún vai, nhưng Hanx lại tiếp tục bỏ bô, bằng thứ tiếng Pháp kém cỏi của mình, giọng phàn chán:

- Cô phải hiểu đây là cái điều tốt lành nhất đối với dân chúng Pháp. Chúng tôi không tuyên chiến trước. Chính các người đã tuyên chiến. Còn bây giờ chúng tôi đang cất công cải tạo nước Pháp cho nên hơn. Chúng tôi sẽ đưa trật tự vào. Chúng tôi sẽ dạy các người cách làm việc. Các người sẽ học được thói quen vâng lời và kỷ luật.

Cô gái nắm chặt bàn tay lại và nhìn hẩn, đôi mắt đen láy của cô ánh lên sự căm thù. Nhưng cô không nói ra lời.

- Mày say rồi, Hanx, - Vili cất tiếng.

- Tao đang tỉnh như sáo đây. Tao chỉ cốt nói cho họ sợ thật để họ vỡ lẽ ra mà thôi.

- Đúng là say rồi, - cô gái kêu lên, vì không thể kiềm chế được nữa. - Ông say rồi. Giờ thì đi đi. Đi đi.

- À, ra cô hiểu cả tiếng Đức? Tốt lắm, tôi sẽ đi. Nhưng cô phải tặng tôi một cái hôn trước đã.

Cô gái lùi lại để tránh Hanx, nhưng hẩn đã tóm lấy cổ tay cô.

- Bố ơi! - Cô kêu. - Bố ơi!

Người nông dân lao bỏ đến tên Đức. Hanx thả tay cô gái ra và lấy hết sức mạnh đâm vào mặt ông

già. Ông ngã vật xuống đất. Rồi, trước khi cô gái kịp lần đi Hanx đã ôm quàng lấy cô gái. Cô gái giang tay tát thẳng cánh lên má hấn... Hấn cười gằn dữ tợn.

- Đây là cái lối mày đáp lại một người lính Đức muốn hôn mày phải không? Mày sẽ phải trả nợ về hành động ấy.

Với sức vóc lực lưỡng hấn bẻ ngoặt hai tay cô gái lôi đi, nhưng bà mẹ cô gái đã nhào tới tóm được quần áo hấn lôi lại. Một tay giữ cô gái bên người, hấn lấy lòng bàn tay kia đẩy mạnh bà già một cái khiến bà lão đảo ngã dúi vào tường.

- Hanx, Hanx, - Vili kêu toáng lên.

- Câm miệng lại, đồ chết giẫm.

Hấn bịt mồm cô gái không cho cô la hét và kéo cô ra khỏi gian bếp. Thế là mọi chuyện đã xảy ra, nhưng phải thừa nhận rằng cô ta đã chuốc vạ vào thân. Lẽ ra cô đừng có tát hấn mới phải. Giá cô tặng hấn cái hôn mà hấn yêu cầu thì hấn đã đi rồi. Hấn đưa mắt nhìn ông già nông dân vẫn còn nằm ở chỗ đã ngã xuống và hấn không nhin được cười khi bắt gặp khuôn mặt kỳ cục của ông. Mắt hấn cũng có ánh cười khi trông thấy bà già đang dúi ẹp người vào tường. Hay mù sợ bị đến lượt mù? Không có đâu. Hấn nhớ đến câu ngôn ngữ Pháp.

- "C'est le premier par qui c^onte"⁽¹⁾. Chẳng việc gì phải khóc lóc cả, bà già ạ. Sớm hay muộn thì rồi cũng

⁽¹⁾ Chỉ mỗi bước đầu tiên là khó thôi (tiếng Pháp).

đến thế thôi. - Hấn dứt tay vào túi quần lấy ví ra. - Đây đây, một trăm phơ-răng cho "mademoiselle"⁽¹⁾ mua chiếc áo dài mới. Cái áo cũ cũng chẳng còn được mấy nổi nữa. - Hấn đặt tiền lên bàn rồi đội mũ sắt lên đầu. - Ta đi thôi.

Bọn chúng đóng sầm cửa lại sau lưng rồi leo lên xe máy. Bà già đi lên phòng trên. Có con gái bà đang nằm trên di-văng. Cô vẫn nằm nguyên như thế kể từ lúc Hanx bỏ đi, và cô khóc ròng.

Ba tháng sau Hanx lại có mặt ở Xoatxông. Hấn đã tới Pari cùng với đạo quân chinh phục và đã cưỡi mô-tô qua Khải hoàn môn. Cùng với quân đội Đức, hấn đã tiến vào thoát đầu là Tua, sau đó là Boocđô. Hấn thấy rất ít sự chống cự. Những người lính Pháp duy nhất hấn nhìn thấy lại là tù binh. Cuộc hành quân quả là một chuyến dạo mát thanh thoi đến mức chính hấn cũng không ngờ. Sau khi đình chiến hấn đã sống một tháng ở Pari. Hấn gửi bưu ảnh về cho gia đình ở Bavaria và mua quà khắp lượt cho mọi người. Vili được ở lại Pari vì gã thuộc thành phố như lòng bàn tay, còn Hanx và đơn vị của hấn được phái đến Xoatxông để tăng cường cho lực lượng ở đó. Xoatxông là một thị trấn đáng yêu và hấn thấy trú quân ở đó cũng dễ chịu. Ăn thì tha hồ còn rượu sâm-banh thì chưa đến một mác tiền Đức một chai. Khi được lệnh chuyển đến Xoatxông, hấn đã nảy ra ý nghĩ là ghé vào thăm lại cô nàng dạo trước kể cũng

⁽¹⁾ Cô ấy (tiếng Pháp, dùng để xưng hô với phụ nữ chưa chồng).

hay. Hấn sắm một đôi tất lụa làm quà cho cô gái để
xí xóa chuyện cũ. Hấn đã thông thuộc thổ địa nơi ấy
nên tìm lại nông trại ấy chắc chẳng khó khăn gì. Thế
là một buổi chiều, khi chẳng còn việc gì để làm, hấn
nhét đôi tất lụa vào túi và lên xe máy đi. Hôm ấy là
một ngày thu đẹp trời, không một gợn mây, miền
quê hấn phóng qua trập trùng, nên thơ. Lâu nay trời
vẫn hanh và sáng nên dù đã sang tháng chín, ngay cả
đám bạch dương rì rào không ngớt cũng chẳng tỏ
một dấu hiệu nào là mùa hạ đã đến đoạn chót. Một
lần hấn rẽ sai đường nên hóa lâu hơn một chút,
nhưng kể cả như vậy chỉ trong vòng không đầy nửa
giờ hấn tìm được chốn cũ. Một con chó lai cát tiếng
sủa khi hấn bước đến cửa. Hấn không gõ, mà vịn
nắm đám cửa và bước vào trong. Cô gái đang ngồi ở
bàn gọt khoai tây. Cô bật phắt dậy khi nom thấy
người đàn ông mặc quân phục.

- Ông muốn gì? - Rồi cô nhận ra hấn. Cô lùi lại
tường, tay nắm chặt con dao. - Thì ra là mày. "Cochon"⁽¹⁾.

- Ấy, việc gì mà phải cuống lên thế. Tôi không
định làm hại cô đâu. Nhìn đây này. Tôi đem bút tất
lụa đến tặng cô đây.

- Giữ lấy nó mà xéo đi.

- Đừng có đại đột thế. Bỏ con dao đi. Cô cứ tỏ ra
cứng đầu thì chỉ có hại cho cô mà thôi. Cô không
phải sợ gì tôi cả

⁽¹⁾ Đồ con lợn (tiếng Pháp).

- Tao không sợ mày.

Cô thả con dao xuống đất. Hanx bỏ mũ sắt ra và ngồi xuống. Hắn vươn chân lôi con dao về phía mình.

- Để tôi gọt khoai tây hộ cô nhé.

Cô gái không đáp. Hanx cúi xuống nhặt dao rồi lấy một củ khoai tây trong bát loa ra gọt tiếp. Mặt cô gái đanh lại, đôi mắt căm thù, cô đứng dựa vào tường theo dõi hắn. Hắn mỉm cười hiền lành:

- Sao nom cô mặt mày cứ xưng xĩa lên thế? Cô cũng biết đấy, tôi có làm hại gì nhiều đến cô đâu. Lúc đó tôi đang ở trong trạng thái phấn khích, tất cả chúng tôi đều thế, người ta cứ đồn quân đội Pháp bách chiến bách thắng, lại có chiến luy Maginô... - Ở đoạn cuối câu hắn cười khùng khục. - Lại thêm rượu bốc lên đầu nữa. Cô thế là còn may đấy. Phụ nữ vẫn bảo tôi không phải loại xấu trai.

Cô gái nhìn suốt lượt tên lính một cách khinh bỉ.

- Đi ra khỏi đây!

- Cái đó là quyền tôi chọn.

- Nếu anh không đi bố tôi sẽ tới tận Xoatxông kêu với ông tướng chỉ huy.

- Ông ấy bận tâm quái gì. Lệnh trên là phải đánh bạn với dân chúng. Tên cô là gì nhỉ?

- Không phải việc của anh.

Má cô rục hồng, đôi mắt giận dữ sáng quắc. Nom cô còn xinh hơn so với với hình ảnh hắn nhớ. Lần ấy kẻ cũng không tồi. Cô ta có cái vẻ tao nhã của dân

thành thị hơn là giống nông dân. Mà phải, hẳn nhớ mẹ cô có nói cô là giáo viên. Cô ta càng tiểu thư như thế quần mới càng thích. Hẳn cảm thấy mình mạnh mẽ và tráng kiện. Hẳn đưa tay vuốt mái tóc quần màu sáng và khinh khích cười khi nghĩ đến chuyện nhiều cô gái phải nhảy dựng lên vì sung sướng trước cơ hội mà cô nàng này vớ được. Mặt hẳn sạm nắng vì mùa hè vừa qua cho nên đôi mắt càng nổi bật màu xanh lơ.

- Bố mẹ cô đâu?

- Làm việc ở ngoài đồng.

- Tôi đang đói. Cho tôi một miếng bánh mì, pho mát và một cốc rượu. Tôi sẽ trả tiền.

Cô gái bật tiếng cười danh.

- Đã ba tháng nay nhà tôi không có pho mát. Bánh mì không đủ để no bụng. Năm trước người Pháp lấy ngựa của chúng tôi đi, còn bây giờ thì bọn Bô-sơ⁽¹⁾ lấy bò, lấy lợn, lấy gà, sạch mọi thứ.

- Nhưng mà người ta đã trả tiền cho nhà cô.

- Chúng tôi có ăn được mở giầy lợn ấy đâu?

Cô gái òa khóc.

- Không, đâu có đói, - cô gái cay đắng trả lời. - Chúng tôi ăn như vua như chúa ấy chứ: nào khoai tây, nào bánh mì, nào củ cải, nào rau diếp. Ngày mai bố tôi đi Xoatxông xem có mua được ít thịt ngựa không.

- Này cô. Tôi không phải đồ tồi đâu. Tôi sẽ đem pho mát lại cho nhà cô, có khi còn có cả giăm-bông nữa.

⁽¹⁾ Boche: tiếng khinh bỉ gọi người Đức.

- Tôi không cần của bố thí của anh. Tôi thà chết đói chứ không thèm động vào chỗ thực phẩm mà lũ lợn các anh ăn cắp của chúng tôi.

- Để rồi xem, - Hanx thản nhiên trả lời.

Hắn đội mũ lên, đứng dậy, vừa nói "Au revoir, made moiselle"⁽¹⁾ vừa đi ra.

Sau đó hắn không có dịp cưỡi xe rong ruổi miền quê nơi ấy nữa và phải đợi được cử đi theo nhiệm vụ mới lại ghé vào nông trại lần nữa. Dịp đó cách mười ngày sau. Hắn lại như nháo xông vào như trước và lần này gặp hai vợ chồng ông già nông dân ở dưới bếp. Đã sang trưa, bà già đang đảo cái gì đó trong chiếc niêu đặt trên bếp. Ông già đang tỉnh tọa bên bàn. Họ đưa mắt nhìn hắn khi hắn bước vào, nhưng không lấy gì làm ngạc nhiên. Hắn cô con gái đã kể với họ về lần đến kỳ trước của hắn. Họ im lặng. Bà già vẫn tiếp tục nấu nướng, còn ông già, vẻ mặt lầm lì, cứ nhìn chăm chăm vào tấm khăn trải bàn. Nhưng bấy nhiêu chưa đủ để làm cụt hứng tâm trạng phấn chấn của Hanx.

- Bonjour, la compagnie⁽²⁾, - hắn vui vẻ lên tiếng. - Tôi đem quà đến cho cả nhà đây.

Hắn cởi cái bọc mang theo và lấy ra một khoanh pho mát to, một miếng thịt lợn và hai hộp cá xac-đin.

Bà già quay người lại. Hanx mỉm cười khi bắt gặp

⁽¹⁾ Chào cô (tiếng Pháp).

⁽²⁾ Xin chào cả hội (tiếng Pháp).

ánh mắt thèm thuồng của bà. Ông già cau có nhìn chỗ thức ăn. Hanx toét miệng cười rặng rờ với ông.

- Tôi lấy làm tiếc là lần đầu đến đây chúng ta đã hiểu lầm nhau. Đáng lẽ ông bà không nên can thiệp vào.

Đúng lúc cô gái bước vào.

- Anh đang làm gì ở đây thế này? - Cô đánh giọng hét lên. Sau đó mắt cô hướng xuống những thứ hần đã mang đến. Cô quơ cả nắm ném vào Hanx. - Đem đi chỗ khác. Đem đi!

Nhưng mẹ cô đã đứng phất dậy.

- Annet, con điên rồi!

- Con không đời nào nhận của bố thí của hần.

- Đây chính là thực phẩm của chúng ta mà bọn họ đã cướp đi. Nhìn hộp cá xác-đin mà xem. Đây là cá xác-đin của Boócđô chúng ta.

Bà nhặt các thứ lên. Hanx nhìn cô gái với cái cười giễu cợt trong cặp mắt sáng xanh.

- Tên cô là Annet phải không? Tên cũng hay đấy chứ. Sao cô lại không bằng lòng với bố mẹ về một tí thực phẩm? Cô đã bảo là ba tháng trời không có pho mát cơ mà. Tôi không kiếm được giăm-bông, tôi có hết sức mới được chỗ này đấy.

Bà già nông dân vớ lấy tảng thịt rồi áp nó vào lòng. Có cảm tưởng như bà sẵn sàng hôn cả miếng thịt. Nước mắt tuôn trào trên má Annet.

- Xấu hổ ới là xấu hổ! - Cô rên rĩ.

- Thôi đi nào, có gì là xấu hổ ở miếng phó mát và khoai tây.

Hanx ngồi xuống châm thuốc hút. Rồi hắn đưa bao thuốc sang cho ông già. Ông già nông dân lưỡng lự giây lát nhưng sự căm đồ quá mạnh: ông nhót lấy một điếu rồi trả lại bao thuốc, Hanx nói:

- Cứ giữ lấy. Tôi còn vô khối.

Hắn rút thuốc và nhả khói ra hai lỗ mũi.

- Tại sao ta không đối xử tốt với nhau được nhỉ? Cái gì đã làm rồi thì không thể cải lại được. Chiến tranh là chiến tranh, ông bà cũng hiểu ý tôi chứ. Tôi biết Annet là cô gái có văn hóa, tôi muốn cô ấy nghĩ tốt về tôi. Chắc chúng tôi còn ở Xoatxông một thời gian nữa, tôi có thể thỉnh thoảng mang dăm thứ đồ ăn đến đỡ cho ông bà. Ông bà có biết không, chứ chúng tôi đã làm mọi thứ để kết tình giao hảo với dân chúng thị trấn, nhưng bọn họ không đáp lại. Thậm chí bọn họ còn không buồn nhìn chúng tôi khi đi ngang qua mặt nhau ngoài phố. Xét cho cùng, cái chuyện xảy ra lần tôi đến đây với thằng Vili ấy mà, chỉ là sự không may ngẫu nhiên thôi. Tôi vẫn quý trọng Annet như thể cô ấy là chị em trong nhà.

- Anh còn đến đây làm gì? Tại sao anh không để cho chúng tôi yên thân?

Annet hỏi.

Quả thực hắn không biết. Hắn không muốn thú nhận là hắn muốn một chút tình người. Sự im lặng thù địch vây lấy tất cả bọn hắn ở Xoatxông tác động

đến thần kinh hấn khiến có lúc hấn muốn xông vào quật ngã một người Pháp nào đó nhìn hấn như thể hấn là đồng đất, có lúc hấn lại ghen ngào muốn khóc. Hấn thèm có một nơi đón tiếp thân thiện để hấn đến. Hấn thực bụng khi nói rằng không thèm muốn gì Annet. Cô không phải là kiểu đàn bà hấn vẫn mơ tưởng. Hấn thích đàn bà phải cao, ngực nghiếc đầy đủ, mắt xanh và mái tóc màu sáng như hấn; hấn thích loại khỏe mạnh, xốc vác. Cái đáng tao nhã không phải là thứ hấn chuộng, cái mũi mảnh mai đẹp đẽ và cặp mắt đen kia, khuôn mặt dài xanh xao kia như có cái gì đó lạ lẫm, khiến hấn e dè. Nếu hấn không chóng mặt vì những thắng lợi vĩ đại của quân đội Đức, nếu hấn không mệt mỏi đồng thời lại hoan hỉ đến thế, nếu hấn không nốc hết ngần ấy rượu vào cái dạ dày rộng, thì lần ấy hấn đã không may mắn nghĩ đến chuyện chung đụng gì với cô gái.

Suốt nửa tháng không có khi nào hấn lĩnh đến đó được. Hôm đó hấn đã để thực phẩm lại và hấn chắc chắn rằng hai ông bà già kia thể nào cũng đã xơi nghiền chỗ thực phẩm đó rồi. Hấn thắc mắc không hiểu Annét có ăn không, nếu cô ta có cùng ăn chung với bố mẹ khi hấn đã ra ngoài cửa thì hấn cũng chẳng cho là lạ. Cái giống dân Pháp vẫn vậy, cái gì cho không đến tận mồm rồi thì không thể nào cưỡng được. Bọn họ yếu đuối, suy sụp lắm. Cô ta cảm hấn lắm, vâng, thừa với thượng đế, cô ta cảm hấn phải biết, nhưng thịt lợn vẫn là thịt lợn và phó mát vẫn là

phó mát. Hắn nghĩ nhiều đến cô. Sự kinh tởm nhường ấy của cô đối với hắn lại như treu người hắn. Xưa nay hắn vốn được đàn bà thích. Rồi đây có ngày cô ta đâm phải lòng hắn thì mới ngộ. Hắn đã là người đầu tiên của cô. Hắn đã từng nghe đám sinh viên ở Muních, lúc bù khú bên cốc bia, có nói rằng đàn bà yêu cái người tình đầu tiên đã, rồi sau mới đến tình yêu. Một khi hắn đã bỏ tâm trí ra tán một cô gái thì chưa bao giờ hắn thất bại. Hanx cười một mình, một tia ranh mãnh xuất hiện trong mắt hắn.

Cuối cùng hắn lại có cơ hội đến nông trại. Hắn mang nào phó mát và bơ, đường, nào hộp thịt xúc xích và một ít cà phê, rồi phóng xe máy đi. Nhưng lần này hắn không gặp Annet. Cô đang làm công việc đồng áng với bố. Chỉ có mình bà già ở trong sân. Mắt bà sáng lên khi nhìn thấy cái gói hắn mang đến. Bà đưa hắn vào trong bếp. Tay bà hơi run run lúc tháo dây và khi được trông thấy những gì hắn đem tới thì mắt bà ràn rụa lệ. Bà nói:

- Anh tốt quá!

- Xin phép, tôi ngồi nhé? - Hắn lịch sự hỏi.

- Cứ tự nhiên. - Bà nhìn ra ngoài cửa sổ, khiến Hanx đoán là bà muốn nhòm xem Annet đã về chưa.

- Để tôi rót cho anh một cốc rượu nhá?

- Thế thì hay quá.

Hắn đủ sắc sảo để thấy rằng thói quen tham lam đối với đồ thực phẩm đã làm bà ta, nếu không thân thiện với hắn, thì ít nhất cũng sẵn sàng hợp tác với

hắn. Cái nhìn qua cửa sổ của bà tỏ ra họ gần như những kẻ a tòng với nhau. Hắn hỏi:

- Bà có thích thịt lợn không?

- Có mà đi ăn cỗ.

- Lần sau đến tôi sẽ cố gắng mang cho bà một ít. Thế Annet có thích không?

- Nó chẳng động vào một thứ gì sau khi anh ra về. Nó bảo thà chết đói còn hơn.

- Thậm ngốc!

- Tôi mới bảo nó thế này. Tôi bảo, thức ăn đã lù lù ở đây rồi thì không ăn cũng chẳng giải quyết được gì hơn.

Họ chuyện phiếm hoàn toàn bình thường trong khi Hanx nhấm nháp chỗ rượu. Hắn được biết bà già tên là bà Pê-nê. Hắn hỏi bà là trong gia đình còn con cái nào khác không. Bà thở dài. Kể ra thì họ còn một thằng con trai nữa, nhưng nó đã bị động viên hồi đầu chiến tranh và đã chết. Không phải chết trận, mà là bị sưng phổi và chết ở quân y viện Năngxì.

- Kể cũng tội, - Hanx nói.

- Có khi thế lại còn hơn. Nó giống con Annet về nhiều bề lắm. Chắc nó chẳng thể nào chịu nổi cái nhục thất bại đâu. - Bà lại thở dài. - Ôi, anh bạn tội nghiệp của tôi ơi, chúng tôi đã bị phản bội rồi.

- Tại sao các người lại đi bệnh bọn Ba Lan? Bọn ấy là cái thứ gì đối với các người?

- Anh nói phải. Giá chúng tôi cứ để Hitle của anh chiếm Ba Lan thì chắc chúng tôi đã được yên thân rồi.

Lúc đứng dậy ra về Hanx hẹn sẽ còn đến nữa.

- Tôi sẽ không quên món thịt lợn đầu.

Sau đó Hanx có nhiều thuận lợi: hẳn được giao một công việc đòi hỏi một tuần hai lần phải đi đến một thị trấn ở gần đó nên hẳn có thể đến nông trại thường xuyên hơn. Hẳn lưu ý không bao giờ đến mà không mang cái gì. Nhưng hẳn không làm thế nào lấy lòng được Annet. Để chiếm cảm tình của cô, hẳn đã sử dụng mọi mưu chước mà hẳn biết có thể làm xiêu phụ nữ, nhưng lại chỉ tổ chọc tức cô thêm. Với làn môi mỏng cương quyết, cô nhìn hẳn như nhìn một kẻ bản thủ. Đã nhiều lần cô làm hẳn tức tối đến mức hẳn chỉ chực muốn tóm lấy hai vai cô mà lắc mà lắc cho chết mới thôi. Một lần hẳn bắt gặp một mình cô, và khi cô đứng dậy toan bỏ đi thì hẳn chặn cô lại.

- Đứng lại đã. Tôi muốn nói chuyện với cô.

- Cứ nói đi. Tôi là phận đàn bà không có khả năng tự vệ.

- Điều tôi muốn nói là thế này: theo như tôi được thông báo thì tôi có thể còn ở đây lâu. Đối với người Pháp các người thì mọi sự không dễ dàng hơn đâu, mà càng khó khăn hơn. Tôi có thể giúp ích cho cô. Tại sao cô không tỏ ra biết điều như bố mẹ cô?

Quả thực ông già Pêriê cũng đã thay đổi thái độ. Chưa thể nói là ông niềm nở, mà vẫn lạnh lùng và cộc cằn, nhưng có lịch sự hơn. Thậm chí ông còn bảo Hanx mang thuốc lá đến cho mình, và khi hẳn không nhận tiền thì ông đã cảm ơn. Ông thích nghe tin tức

về Xoatxông và vỏ lấy tờ báo Hanx đem đến. Hanx là con nhà nông nên có thể nói chuyện về công việc nhà nông một cách hiểu biết. Nông trại ở đây cũng gọi là tốt, không to quá cũng không bé quá, nước đủ, vì có con suối khá rộng chảy qua, vườn tược rộng, có cả đất cày lẫn bãi cỏ chăn nuôi, Hanx thông cảm lắng nghe ông già than vãn là không có nhân công, không có phân bón, đàn súc vật của ông lại bị lấy đi, vậy là cơ nghiệp tiêu tan.

- Anh hỏi tôi tại sao tôi không tỏ ra biết điều như bố mẹ tôi ư? Nhìn đây này! - Annet cất tiếng.

Cô kéo khít quần áo vào người và chìa cho hắn nhìn. Hắn không tin vào mắt mình nữa. Điều hắn nhận thấy gây chấn động chưa từng có trong lòng hắn. Máu dồn lên mặt hắn.

- Cô có mang!

Annet khuyu người xuống ghế, đầu gục vào hai bàn tay và cô bắt đầu khóc. Dường như tim cô sắp vỡ ra.

- Nhục nhã thân tôi. Nhục nhã!

Hắn bước vụt tới chỗ cô và ôm quàng lấy cô.

- Em yêu quý! - Hắn thốt lên.

Nhưng cô đã vùng đứng dậy đẩy hắn ra.

- Đừng có động vào tôi. Đi đi. Đi đi. Anh làm hại tôi như thế chưa đủ hay sao?

Cô chạy vụt ra khỏi phòng. Hắn đứng ngây ra một mình trong mấy phút. Hắn bàng hoàng. Ý nghĩ

hắn quay cuồng khi hắn lái xe chậm chậm trở về Xoatxông. Lúc lên giường đi nằm hắn trần trọc mất mấy tiếng đồng hồ. Hắn không nghĩ được về cái gì khác ngoài hình ảnh Annét với cái bụng phồng lên. Nom cô vô cùng tội nghiệp lúc ngồi ở bàn khóc lóc thảm thương. Cái thai trong bụng cô chính là con của hắn. Hắn đã hơi thiu thiu, thì bất thần lại choàng tỉnh, vì một ý nghĩ đột ngột đến với hắn, đến chất chứa bất thành linh như một tràng đạn: hắn đã phải lòng Annet. Ý nghĩ ấy bất ngờ quá, sững sốt quá khiến hắn chưa thể chấp nhận ngay. Tất nhiên hắn đã nghĩ nhiều đến cô, nhưng nghĩ theo cách khác. Hắn đã nghĩ hắn là một điều thú vị lớn nếu hắn làm cô đam yêu hắn, hắn là một chiến công nếu dần dần với thời gian, cô sẽ dâng cho hắn cái mà hắn đã từng chiếm đoạt bằng vũ lực, nhưng chưa hề bao giờ hắn lại nảy ra ý nghĩ rằng cô là cái gì đó đặc biệt với hắn hơn những người đàn bà khác. Cô không phải kiểu người của hắn. Cô cũng không xinh lắm. Chẳng có gì đặc biệt cả. Tại sao bỗng nhiên hắn lại có ý nghĩ lạ lùng như thế về cô? Đây càng không phải là một tình cảm dễ chịu, mà là một nỗi đau. Nhưng hắn biết đúng là thế: đó là tình yêu, nó khiến hắn cảm thấy hạnh phúc hơn bao giờ hết trong đời. Hắn muốn ôm chầm lấy cô, hắn muốn cứng nựng cô, hắn muốn hôn lên đôi mắt rần rộ của cô. Không phải hắn thèm khát cô, như đàn ông thèm khát đàn bà, mà hắn muốn vỗ về an ủi cô, hắn muốn cô mỉm cười với hắn - lạ thật, hắn chưa bao giờ được trông thấy cô cười, - hắn

muốn trông thấy đôi mắt cô - đôi mắt mới đẹp đẽ, mới tuyệt vời làm sao - mềm mại đầy ánh dịu dàng.

Suốt ba ngày hấn không có cách nào dứt khỏi được Xoatxông, và ba ngày ba đêm hấn nghỉ đến Annet và đứa con cô mang trong bụng. Rồi hấn cũng đến được nông trại. Hấn muốn gặp một mình bà Pèriê, và thật là may cho hấn, hấn đã gặp bà già ấy trên đường cách nhà một đoạn. Bà đi lượm những cành củi nhỏ trong rừng, đang về nhà với một bó to sau lưng. Hấn dừng mô-tô lại. Hấn biết sự thân tình của bà đối với hấn chỉ là ở chỗ thực phẩm hấn mang đến, nhưng hấn bất cần. Bà cứ giữ thái độ lịch sự như thế chừng nào còn moi được gì đó ở hấn, thế cũng được rồi. Hấn bảo với bà là hấn muốn nói chuyện với bà, xin bà bỏ bó củi xuống. Bà làm theo lời hấn. Đó là một ngày trời mây mù xám xịt, nhưng không lạnh. Hanx nói:

- Tôi biết chuyện Annet rồi.

Bà già rung mình.

- Làm sao mà anh biết? Annet không hề muốn để anh biết.

- Cô ấy đã nói với tôi.

- Phải, tối hôm ấy anh đã giở cái trò hay hóm quá đấy nhì.

- Nào ai ngờ... Sao bà không bảo cho tôi biết sớm hơn?

Bà già bắt đầu kể lể, không day nghiêng, không kết tội hấn, như thế đấy chỉ là một sự rủi ro của tự nhiên, giống như việc một con bò chết trong khi sinh

bê hay đợt sương giá dữ dội vào mùa xuân đã làm thui chột hàng cây ăn quả làm mất mùa thu hoạch, một sự rủi ro mà loài người phải chấp nhận với sự cam chịu nhu mì. Sau cái đêm khủng khiếp ấy Annet đã bị sốt cao, nằm liệt giường mất mấy ngày. Hai ông bà đã lo cô bị mất trí. Cô cứ gào khóc hàng mấy giờ liền. Không tìm đâu ra bác sĩ. Ông bác sĩ ở làng đã bị gọi nhập ngũ. Ngay đến ở Xoatxông cũng chỉ còn hai bác sĩ, đều già cả rồi, và làm sao họ đến nhà được cho dù có cử người đi gọi? Họ không được phép rời khỏi thị trấn. Kể cả khi cơn sốt đã lui, Annet vẫn hầy còn quá ốm không ra khỏi giường được. Khi đã dậy được, cô vẫn yếu, xanh xao, nhìn mà thương. Cứ sốc thật là khủng khiếp. Một tháng, rồi hai tháng qua đi, thiếu hẳn sự khó ở thường kỳ của phụ nữ mà cô cũng không để ý. Thường cô thấy tháng vẫn không đều. Bà Pêriê là người đầu tiên nghi hoặc có sự không hay. Bà hỏi Annet. Cả hai đều kinh hãi, nhưng chưa thấy chắc chắn và họ không nói gì cho ông Pêriê biết. Đến tháng thứ ba thì không còn nghi ngờ gì nữa. Annet đã có mang.

Gia đình họ có chiếc xe Xitơrôn cũ mà hồi trước chiến tranh bà Pêriê vẫn chở sản phẩm của nông trại mỗi tuần hai buổi sáng lên chợ ở Xoatxông, nhưng từ khi bọn Đức chiếm đóng thì họ chẳng có gì đem bán để đến mức phải mang xe đi. Xăng gần như không kiếm ra nổi. Nhưng lần này họ đã kiếm một ít và lái lên thị trấn. Chỉ thấy toàn xe quân sự của Đức và lính Đức lượn lờ đi lại. Có biển chữ Đức ở ngoài phố, còn

trên các tòa nhà công cộng là những bản tuyên cáo bằng tiếng Pháp có chữ ký của viên chỉ huy Đức. Nhiều cửa hiệu đóng cửa. Họ đến nhà ông bác sĩ già mà họ quen biết và ông đã xác nhận mối nghi ngờ của họ. Nhưng ông là một tín đồ Thiên chúa giáo ngoan đạo nên không giúp họ hơn được. Trông thấy họ khóc, ông bác sĩ chỉ còn cách nhún vai.

- Cô không phải là người duy nhất, - ông nói. - "Il faut souffrir"⁽¹⁾.

Họ biết cả ông bác sĩ thứ hai và tìm đến ông này. Họ bấm chuông nhưng mãi không có ai đáp lại. Cuối cùng mới có một phụ nữ mặc đồ đen, mặt buồn rười rượi ra mở cửa, nhưng khi họ hỏi gặp bác sĩ thì bà ta òa khóc. Ông đã bị bọn Đức bắt vì ông là hội viên Hội Tam điểm, và bị giữ làm con tin. Một vụ nổ bom đã xảy ra ở một quán cà phê hay có sĩ quan Đức ra vào khiến hai tên bị chết và một số bị thương. Nếu thủ phạm không bị nộp mạng trước một thời hạn nào đó thì ông bác sĩ sẽ bị bắn. Người phụ nữ có vẻ phước hậu nên bà Pêriê liền kể nỗi bất hạnh của gia đình bà.

- Quân súc vật, - người phụ nữ nói. Bà nhìn sang Annet với vẻ thương cảm. - Tội nghiệp cháu tôi.

Người phụ nữ cho họ địa chỉ một bà đỡ ở thị trấn và dặn họ nói là đến theo sự giới thiệu của bà. Bà đỡ cho họ ít thuốc thang. Chỗ thuốc ấy làm Annet khốn khổ đến nỗi cô đã tưởng là chết, mà cũng chẳng mang lại hiệu quả gì. Annet vẫn mang thai.

⁽¹⁾ Dành phải chịu đựng thôi (tiếng Pháp).

Đó là câu chuyện mà bà Pêriê đã kể cho Hanx nghe. Hấn im lặng một lúc. Rồi hấn nói:

- Ngày mai là chủ nhật. Tôi không bận gì cả. Tôi sẽ đến để bàn soạn thêm. Tôi sẽ đem đồ ngon đến.

- Chúng tôi không có kim khâu vá. Anh đem một ít đến nhé?

- Tôi sẽ cố.

Bà già lại chất bó củi lên lưng và lảo lỏi đi xuôi con đường. Hanx thì quay trở lại Xoatxông. Hấn không dám đi mô tô, nên hôm sau hấn thuê một chiếc xe đạp. Hấn buộc bọc thực phẩm trên giá đèo hàng. Bọc ấy to hơn mọi khi vì hấn cho thêm một chai sâm banh vào trong. Hấn tới nông trại lúc trời đã tối để chắc chắn là cả gia đình sẽ đủ mặt ở nhà sau buổi làm việc. Gian bếp ấm cúng, dễ chịu khi hấn bước vào. Bà Pêriê đang nấu nướng còn ông chồng thì đang đọc tờ "Paris - Soir" (Pari buổi chiều). Annet đang mạng bút-tất.

- Nay đây, tôi mang ít kim khâu cho bà đây, - hấn vừa nói vừa cười bảo. - Còn đây là ít vải cho cô, Annet này.

- Tôi không cần.

- Lẽ nào? - Hấn cười hềnh hếch. - Cô phải lo sửa soạn quần áo cho đứa trẻ chứ.

- Đúng đấy, Annet, - bà mẹ cô lên tiếng. - Nhà ta chẳng có gì cả.

Annet vẫn không ngẩng đầu lên. Cặp mắt thèm muốn của bà Pêriê lướt trên bọc đồ:

- Một chai sâm banh!

Hanx cười hì hì.

- Tôi đã bảo quà ra quà mà. Tôi có ý định như thế này. - Hấn lưỡng lự giây lát, rồi kéo ghế ra ngồi đối diện với Annet. - Tôi không biết phải bắt đầu như thế nào bây giờ. Tôi ân hận về cái đêm hôm đó lắm, Annet ạ. Đây là lỗi của tôi, cũng là tại hoàn cảnh nữa. Em có tha thứ cho tôi không?

Annet ném cái nhìn căm thù sang hấn.

- Không bao giờ. Tại sao anh không để cho tôi yên? Anh phá hoại đời tôi như thế chưa đủ hay sao?

- Tôi đang định nói chuyện ấy đây. Có lẽ không phải là phá hoại đâu. Khi tôi biết em sắp có con thì tôi cảm thấy mình bị một tác động lạ lùng. Mọi chuyện bây giờ đều trở nên khác đi. Điều ấy làm tôi hãnh diện lắm.

- Hãnh diện? - Cô ném lời cay nghiệt vào mặt hấn.

- Tôi muốn em sinh con, Annet ạ. Tôi mừng vì em đã không phá thai được.

- Sao anh lại nói trơ tráo đến thế nhỉ?

- Nghe tôi nói đã này! Từ khi biết chuyện tôi không còn nghĩ đến cái gì khác nữa. Cuộc chiến tranh sẽ kết thúc trong sáu tháng. Chúng tôi sẽ bắt nước Anh phải quỳ gối vào mùa xuân tới. Bọn họ hết đường cự. Khi ấy tôi sẽ được giải ngũ và sẽ lấy em làm vợ.

- Anh lấy tôi? Vì sao?

Làn da rám nắng của hắn đỏ tía lên. Hắn không thể đơn thuần thốt ra câu ấy bằng tiếng Pháp, hắn dùng tiếng Đức mẹ đẻ. Hắn biết Annet sẽ hiểu.

- Ich liebe dich⁽¹⁾.
- Nó nói cái gì thế? - Bà Pêriê hỏi.
- Nó bảo nó yêu con.

Annet ngả đầu ra phía sau và bật ra tiếng cười lạnh lói. Cô cười mỗi lúc một to, không cách gì ngừng được, đồng thời lệ tuôn ra từ đôi mắt. Bà Pêriê tát mạnh vào hai má cô. Bà nói với Hanx:

- Anh đừng để ý gì đến nó. Nó lại lên cơn thần kinh đấy. Chắc anh cũng hiểu tình cảnh của nó.

Annet há miệng ra. Cô đã lấy lại được tự chủ. Hanx nói:

- Anh mang chai sâm banh tới để ăn mừng lễ đính hôn của hai ta.
- Quả là cái điều cay đắng hơn hết: chúng ta bị một bọn ngốc đánh bại, một bọn ngốc như vậy.

Hanx tiếp tục nói bằng tiếng Đức:

- Anh không hiểu rằng anh đã yêu em cho mãi đến cái hôm biết tin em sắp có con. Nó đến với anh như tiếng sét, nhưng anh nghĩ anh đã yêu em suốt từ trước đến giờ.

- Nó nói cái gì thế? - bà Pêriê lại hỏi.
- Chẳng có gì quan trọng cả.

⁽¹⁾ Anh yêu em (tiếng Đức).

Hắn chuyển sang tiếng Pháp. Hắn muốn bố mẹ Annet hiểu điều hắn cần nói.

- Giờ anh sẽ lấy em, chỉ có điều người ta không cho phép thôi. Đừng cho là anh chẳng là gì sắt cả. Bố anh cũng có của ăn của để, gia đình anh cũng có máu mặt. Anh là con cả nên em sẽ chẳng thiếu thốn thứ gì đâu.

- Anh có theo đạo Thiên chúa không? - Bà Pêriê hỏi.

- Có, cháu theo đạo Thiên chúa.

- Thế thì cũng được.

- Quê cháu đẹp lắm, đất đai lại tốt. Trong khoảng từ Munich đến Inxbruc không có đồng đất nào tốt hơn, nhà cháu có hẳn khoảnh riêng đấy. Ông nội cháu tậu hồi sau cuộc chiến tranh năm bảy mươi⁽¹⁾. Gia đình cháu có đài, có ô tô, lại có cả điện thoại.

Annet quay sang bố cô.

- Anh chàng này chả thiếu sự tế nhị nào trên đời, - cô mĩa mai thốt lên và nhìn Hanx trừng trừng. - Thật là một viễn cảnh mê ly đối với con, một con bé người nước ngoài gốc gác từ một đất nước bị chinh phục, lại có đưa con ngoài giá thú. Hóa ra con cũng được bảo đảm đầy đủ hạnh phúc đấy chứ, có phải không bố? Cơ hội đến là hiếm có?

Ông già Pêriê, một người vốn ít lời, lúc này mới mở miệng. Ông bảo Hanx:

- Ấy không. Phải thừa nhận là anh có một cử chỉ

⁽¹⁾ Tức năm 1870, năm xảy ra một cuộc chiến tranh Pháp - Phổ.

cao thượng. Tôi đã trải qua chiến tranh rồi, tôi biết, con người ta có thể làm đủ mọi chuyện mà thời bình không bao giờ làm. Bản chất con người là vậy. Nhưng có điều con trai chúng tôi đã chết rồi, chúng tôi chỉ còn mỗi mình Annet chúng tôi không thể để nó đi đâu được.

- Cháu đã nghĩ là gia đình ta có thể có ý ấy, nên cháu đã có sẵn câu trả lời rồi. Cháu sẽ ở lại đây.

Annet liếc nhanh sang Hanx.

- Anh nói thế nghĩa là ra làm sao? - Bà Pêriê hỏi.

- Cháu còn có một thằng em nữa. Nó có thể ở nhà giúp đỡ bố cháu. Cháu thấy thích đất nước này. Có đầu óc và xông xáo một tí là có thể biến nông trại nhà ta thành chỗ làm ăn tốt. Khi nào chiến tranh kết thúc sẽ có nhiều người Đức lập nghiệp ở đây. Ai cũng biết là ở Pháp không đủ người để canh tác đất đai. Hôm nọ ở Xoatxông người đã giảng cho chúng cháu nghe. Ông ấy bảo rằng một phần ba nông trại ở đây bị bỏ không vì không có người làm.

Ông Piriê và vợ đưa mắt nhìn nhau. Annet hiểu rằng bố mẹ cô đã xiêu lòng. Đấy đúng là điều họ vẫn mong ước kể từ khi anh con trai chết đi: một chàng rể khỏe mạnh, tráng kiện đứng ra gánh vác nông trại khi họ tuổi già sức yếu, chẳng làm được gì hơn việc đi dạo vợ vắn.

- Nếu thế thì lại đi một nhẽ, - bà Pêriê nói. - Ý ấy cũng đáng để xem xét lắm.

- Im cả đi, - Annet kêu lên sỗ sàng. Cô rướn người về phía trước và chiếu cặp mắt rực lửa vào tên Đức.

- Tôi đã đính hôn với một giáo viên trường nam trung học ở thị trấn chỗ tôi dạy học rồi, sau chiến tranh chúng tôi sẽ lấy nhau. Anh ấy không to khỏe như anh, hoặc điển trai như anh. Tuy nhỏ bé và gầy mảnh, nhưng cái đẹp của anh ấy là cái đẹp trí tuệ tỏa sáng trên gương mặt, sức mạnh duy nhất của anh ấy là sự rộng lớn của tâm hồn. Anh ấy không như đồ mọi rợ, anh ấy là người có văn hóa; anh ấy có một ngàn năm văn hiến đằng sau. Tôi yêu anh ấy. Tôi yêu anh ấy với tất cả trái tim và tâm hồn.

Mặt Hanx xịu xuống. Hắn chưa bao giờ lại nghĩ rằng Annet có thể dành tấm lòng cho một ai khác.

- Anh ta bây giờ ở đâu?

- Thế anh tưởng anh ấy ở đâu? Ở Đức. Bị giam cầm và đang chết đói. Trong khi các người rút ruột rút gan mảnh đất của chúng tôi. Không biết bao nhiêu lần tôi đã phải nói cho anh hay tôi căm thù anh? Anh xin tôi tha thứ cho anh, không bao giờ. Anh muốn chuộc lỗi. Thật là đồ ngốc. - Cô ngã đầu ra phía sau, vẻ đau khổ đến cùng cực hiện ra trên mặt. - Đời tan nát rồi. Ôi, anh ấy sẽ tha thứ cho tôi. Anh ấy dịu hiền lắm. Tôi chỉ bị day dứt vì ý nghĩ rằng một ngày kia có thể anh ấy sẽ nghi ngờ tôi, cho rằng có lẽ không phải tôi bị cưỡng ép - mà có lẽ tôi đã hiến thân vì bờ sữa và bát tất. Đâu phải chỉ mình tôi như thế. Cuộc sống của hai chúng tôi sẽ ra sao khi có thêm đứa con của anh, một đứa trẻ lai Đức? To khỏe như anh, tóc màu sáng như anh, mắt xanh như anh. Trời ơi là trời, tại sao tôi lại đến nông nổi như thế này?

Cô đứng dậy, bước nhanh ra khỏi bếp. Phút chốc chỉ còn lại ba người trong sự im lặng. Hanx buồn bã nhìn chai sâm banh. Hắn thở dài rồi đứng dậy. Khi hắn đi ra cửa, bà Pêriê đi theo.

- Anh nói chắc chắn là anh sẽ lấy nó chứ? Bà khê giọng hỏi hắn.

- Vâng. Chắc chắn từng lời. Cháu yêu cô ấy.

- Rồi anh không đem nó đi chứ? Anh sẽ ở lại đây làm lụng ở nông trại?

- Cháu xin hứa thế.

- Ông lão nhà tôi chắc chẳng sống mãi được. Ở nhà thì anh phải chia cơ nghiệp với thằng em nhà anh. Ở đây thì chẳng phải chia sẻ với ai cả.

- Quả có như thế.

- Chúng tôi chưa bao giờ ưng cho con Annet lấy cái thằng giáo viên ấy, nhưng dạo đó con trai chúng tôi còn sống, nó bảo: nếu con bé muốn lấy thằng ấy thì sao lại không cho nó tự do được lấy? Con Annet tha thiết với cái thằng ấy lắm. Nhưng bây giờ thì con trai chúng tôi đã chết mất rồi, tội nghiệp, thành ra phải khác đi. Cho dù nó vẫn muốn lấy thằng ấy, thì làm sao nó xốc vác nông trại này một mình được?

- Bán đi thì thật mang tiếng. Cháu biết mảnh đất cha ông để lại, đâu có đứng vững được.

Họ đã ra đến đường cái. Bà Pêriê nắm lấy tay Hanx và khê bóp.

- Mai lại đến nữa nhé.

Hanx biết bà đã đứng về phía hần. Nghĩ thế hần thấy khoan khoái trong lòng trên đường về Xoatxông.

Kể cũng bức mình, Annet lại đã yêu người khác. May là thằng ấy đang bị giam giữ; chắc đứa trẻ sẽ ra đời được một thời gian lâu trước khi gã ta được thả về. Điều ấy có thể thay đổi được cô ta: không bao giờ có thể nói trước về đàn bà được. Thì đấy, ở làng hần chả có một người đàn bà yêu chồng đến nỗi người ta đem ra để trêu chọc là gì, thế mà sau khi đẻ xong bà ta không chịu được khi nhìn thấy mặt chồng. Vậy thì tại sao điều ngược lại lại không thể xảy ra? Bây giờ lúc hần đã ngổ lời với cô, cô phải thấy là hần cũng thuộc hạng tử tế. Trời ạ, lúc cô ta ngã đầu ra sau mới xúc động chứ, lại còn khoản ăn nói mới khiếp! Ngôn ngữ đâu ra đấy! Một diễn viên trên sân khấu cũng không thể nhập vai tài hơn, mà biết nói lảm. Chà, cô ta thông minh thật. Ngay cả khi cô ác miệng với hần, nghe vẫn thấy thích. Hần cũng đâu phải là hạng kém giáo dục, thế nhưng vẫn chưa thấm vào đâu so với cô. Có văn hóa, đấy là đặc điểm của cô ấy.

- Minh thật là đồ con lừa, - hần vừa đạp xe vừa nói thành tiếng. Cô ấy bảo hần to khỏe và điển trai. Nếu không có tình ý gì thì sao cô ấy lại nói những lời ấy? Cô ấy còn nhắc đến cả việc đứa trẻ có bộ tóc màu sáng và đôi mắt xanh như hần. Nếu màu tóc và màu mắt của hần không gây được ấn tượng cho cô ta thì xin cứ chặt đầu hần đi! Hần cười khinh khích. Phải có thời gian. Cốt ở sự kiên trì, phần còn lại ông trời sẽ làm nốt.

Các tuần lễ trôi đi. Viên chỉ huy ở Xoatxông vốn dễ tính, hay đã có tuổi: biết rằng quân lính còn phải chờ đợi nhiều bất ngờ vào mùa xuân, lão cũng không khắt khe câu thúc quân lính thái quá. Báo chí Đức nói rằng nước Anh đã bị lụn bại vì không quân đế chế Đức và dân chúng ở đó đang kinh hoàng. Các tàu ngầm Đức đánh chìm tàu Anh như rạ, nên nước Anh đang đói to. Thế nào cũng có chuyển biến dứt khoát. Trước mùa hạ tới chiến cuộc sẽ chấm dứt và người Đức sẽ làm bá chủ thế giới. Hanx viết thư về nhà báo bố mẹ rằng hấn sắp lấy một cô gái Pháp cùng với nông trại tuyệt vời của cô. Hấn bàn với thằng em cho hấn vay tiền và trừ vào phần tài sản gia đình được chia sau này của hấn để hấn tậu thêm đất ở Pháp, nhân lúc có chiến tranh và với giá hối đoái hiện nay, đất đai đang được bán với giá rẻ như bèo. Hấn đi xem xét nông trại cùng với ông Pêriê. Ông già lặng lẽ nghe hấn trình bày những dự định: nông trại sẽ được trang bị lại, là người Đức hấn sẽ được nhiều ưu đãi; máy kéo đã cũ, hấn sẽ kiếm một cái mới từ Đức sang; bộ cày máy cũng thế. Muốn làm ra tiền thì phải sử dụng máy móc hiện đại. Bà Pêriê sau có nói lại với Hanx rằng chồng bà bảo hấn cũng có đầu óc và có vẻ biết nhiều. Giờ bà tỏ ra rất thân thiện với hấn và nhất quyết nèo hấn cùng ăn cơm trưa với họ vào các chủ nhật. Bà đã chuyển tên hấn sang kiểu Pháp và gọi hấn là Giảng. Hấn luôn sẵn sàng đỡ đàn một tay. Mỗi ngày Annet lại ít lao động dần đi, cho nên có một người đàn ông không nề hà làm lụng thì thật là có ích lợi.

Annet vẫn có thái độ thù địch ở mức gay gắt. Cô không bao giờ nói chuyện với hắn, trừ việc trả lời những câu hỏi trực tiếp của hắn và hễ có cơ hội là lại lui về phòng riêng mình. Những khi lạnh quá không ở mãi trong phòng được thì cô ngồi cạnh bếp lò, khâu vá và đọc sách, chẳng thèm để ý đến hắn, cứ coi như không có hắn ở đó. Cô đã khỏe hắn. Má cô đã khỏi sắc hồng và trong con mắt của Hanx thì cô rất đẹp. Vai trò làm mẹ ngày một gần đã tạo cho cô một phẩm cách đĩnh đạc lạ lùng khiến Hanx tràn ngập niềm hân hoan mỗi khi hắn trở mắt nhìn cô.

Một hôm trên đường đến nông trại Hanx trông thấy bà Pêriê đứng bên đường vẫy tay ra hiệu cho hắn dừng lại. Hắn phanh xe ngay lại.

- Tôi chờ ở đây một tiếng đồng hồ rồi. Tôi cứ tưởng anh chẳng bao giờ đến nữa. Hôm nay anh đừng đến vội. Pie chết rồi.

- Pie là ai?

- Pie Gavanh. Cái thằng giáo viên mà con Annet toan lấy ấy.

Tim Hanx đập rộn ràng. May mắn làm sao! Giờ thì thời cơ của hắn đã đến rồi.

- Cô ấy có đau buồn không?

- Nó không khóc. Khi tôi toan bắt chuyện với nó thì nó xô tôi dúi dụi. Nếu nó mà trông thấy anh hôm nay thì nó dám cho anh một nhát dao lăm.

- Pie chết thì có phải lỗi tại cháu đâu. Sao bác biết tin?

- Một người tù bạn nó trốn qua ngả Thụy Sĩ và

viết thư cho con Annet. Chúng tôi mới nhận được thư sáng nay. Trong trại tập trung có một cuộc nổi loạn vì người tù không được đủ ăn, cho nên những kẻ đầu têu bị đem đi bắn. Pie cũng nằm trong số ấy.

Hanx im lặng. Theo hẳn thế là đáng đời lắm. Cái bọn ấy cứ tưởng trại tù dễ thường là khách sạn hẳn?

- Cứ để cho nó có thời gian nguôi nguôi đi đã, - Bà Pêriê nói - Khi nào nó bình tĩnh lại rồi tôi sẽ nói chuyện với nó. Tôi sẽ viết thư báo cho anh khi nào có thể đến được.

- Hay lắm. Bác cũng ủng hộ cháu, hả?

- Anh cứ cảm chắc là như vậy. Hai vợ chồng tôi đều đồng ý với nhau cả rồi. Chúng tôi đã bàn đi tính lại rồi đi đến kết luận - là chẳng có cách gì khác, phải chấp nhận hoàn cảnh thôi. Ông nhà tôi cũng không phải loại ngốc, ông ấy bảo rằng cái cách tốt nhất đối với nước Pháp bây giờ là hợp tác với Đức. Mà ngẫm cho tròn thì không phải là tôi không thấy mến anh. Tôi còn cho là anh làm chồng với con Annet hơn thằng giáo viên kia. Lại còn thêm cả con cái vào nữa.

- Cháu muốn nó là con trai.

- Rồi nó sẽ là con trai. Tôi vẫn biết chắc. Tôi đã đi xem bói rồi. Rút bài nữa. Lần nào cũng ra là con trai.

- Suyt nữa cháu quên mất, có mấy tờ báo cho các bác đây. - Hanx vừa nói vừa quay xe, chuẩn bị leo lên.

Hắn trao cho bà Pêriê ba số "Paris - Soir". Tối nào ông già Pêriê cũng đọc. Ông đọc thấy người ta viết rằng người Pháp phải thực tế và chấp nhận trật tự

mới mà Hitle sắp tạo dựng ở châu Âu. Ông đọc thấy các tàu ngầm Đức án ngữ hết các ngã đường biển. Ông đọc thấy Bộ Tổng tham mưu Đức đang vạch từng chi tiết cho chiến dịch bắt nước Anh phải quỳ gối, còn nước Mỹ thì vừa trở tay không kịp, vừa mềm yếu và vừa bị chia rẽ không thể giúp gì được nước Anh. Ông đọc thấy nước Pháp phải vớ lấy cơ hội trời cho và bằng sự hợp tác trung thành với Đế chế Đức mà giành lại vị trí danh dự của mình trong một châu Âu mới. Không phải người Đức viết tất cả những điều ấy, mà là người Pháp. Ông gật đầu đồng tình khi thấy viết rằng bọn nhà giàu quyền thế và lũ Do Thái phải bị tiêu diệt và người nghèo ở nước Pháp cuối cùng sẽ đứng lên làm chủ vận mệnh của mình. Họ viết đúng lắm, những thằng cha thông minh ấy bảo rằng nước Pháp về cốt lõi là một nước nông nghiệp và xương sống của nó là những người nông dân cần cù. Nghĩ được thế là giỏi.

Một buổi tối, khi họ đã ăn tối xong, hôm ấy là mười ngày kể từ khi có tin Pie Gavanh đã chết, bà Pêriê, đã thỏa thuận trước với chồng, mới bảo Annet rằng:

- Mẹ đã viết thư cho Hanx mấy hôm trước hẹn nó ngày mai đến đây.

- Cảm ơn mẹ đã báo trước. Con sẽ ở trong buồng riêng.

- Nay con gái của mẹ, hết cái thời ngốc nghếch rồi đấy. Con phải thực tế mới được. Pie chết rồi. Hanx yêu con và muốn lấy con. Nom nó cũng đẹp

trai. Bất kỳ đứa con gái nào có nó làm chồng cũng có thể lấy làm tự hào. Làm sao nhà ta có thể khôi phục được nông trại nếu không có nó giúp một tay? Nó đang chuẩn bị mua một cái máy kéo và bộ cày bằng tiền riêng của nó đấy. Chuyện gì đã qua thì hãy để cho nó qua đi, đừng dứt mãi làm gì.

- Mẹ nói chỉ phí công thôi, mẹ ạ. Trước kia con tự làm ăn sinh sống được thì từ nay về sau con vẫn làm ăn sinh sống được. Con căm thù hắn. Con căm thù vẻ ngạo mạn và trắng tráo của hắn. Giết nó con cũng dám nhưng chỉ mỗi việc nó chết thì cũng chưa làm con thỏa mãn. Con phải hành hạ nó bằng được, như nó đã hành hạ con. Con nghĩ con sẽ mãn nguyện nhắm mắt xuôi tay nếu tìm ra được cách gì làm cho nó đau đớn như nó đã làm con đau đớn.

- Con ăn nói lung tung lắm, tội nghiệp con của mẹ.

- Con gái của bố này. Mẹ con nói đúng đấy. - Ông Pêrê xen vào. - Chúng ta thua trận rồi nên phải chấp nhận hậu quả. Chúng ta sẽ phải tìm cách tốt nhất để chan hòa với những kẻ đi chinh phục. Chúng ta khôn ngoan hơn chúng nó nên nếu ta khéo ứng phó với chúng thì thế nào cũng vượt lên trên. Nước Pháp đã mục nát rồi. Chính bọn Do Thái và bọn nhà giàu quyền thế đã đẩy đất nước vào chỗ suy vong. Con cứ đọc báo thì khắc rõ!

- Bố tưởng con tin vào một lời nào trên báo đấy à? Bố thử nghĩ xem tại sao nó mang tờ báo ấy lại cho bố? Tại vì tờ báo ấy đã bán mình cho bọn Đức rồi. Lũ

viết bài trên ấy rất thường phản bội, một lũ phản bội. Lạy trời con được sống đến ngày trông thấy người ta xé xác lũ chúng nó ra. Bọn bán nước bán rẻ lương tâm cho quân Đức. Lũ lợn!

Bà Pêriê bắt đầu mất điềm tĩnh.

- Làm gì mà mày cứ đáo để thù hằn mãi thằng ấy? Nó có dùng vũ lực đoạt mày thật đấy, nhưng lúc ấy nó say rượu. Chuyện có phải lần đầu tiên ở đời xảy ra với đàn bà đâu, mà cũng chẳng phải là lần cuối cùng. Nó đánh cả bố mày, máu chảy be bét, nhưng bố mày có để bụng hiềm thù mãi đâu?

- Cái vụ ấy thật khó chịu, nhưng tao đã quên nó đi rồi, ông Pêriê bỏ sung.

Annet phá lên cười ác nghiệt.

- Bố phải làm linh mục mới đúng. Bố th a thứ những sự xúc phạm với tinh thần đúng là của Chúa Ki-tô chạy đạo.

- Thế thì có gì là sai nào? - Bà Pêriê giận dữ hỏi. - Thằng ấy nó đã làm mọi cách để sửa lỗi. Mấy tháng vừa rồi bố mày đào đâu ra thuốc lá nếu không có nó? Nhà ta không bị đói là nhờ có nó.

- Nếu bố mẹ có chút lòng tự trọng nào, nếu bố mẹ có chút tư cách nào, thì bố mẹ đã quẳng những của bố thí ấy vào mặt hắn.

- Mày cũng được lợi trong chuyện ấy cơ mà, có phải không?

- Không bao giờ, không bao giờ.

- Như thế là nói dối, mày cũng thừa hiểu. Ừ thì mày từ chối, không chịu ăn phở mát, bơ và cá xác đìn nó đem tới. Nhưng mày ăn món xúp, mày ăn, không có chỗ đâu nó đem cho tao thì đời nào được tròn được béo như thế?

Annet thở dài. Cô lấy tay áp lên mắt.

- Con biết. Con đã cố nhịn, nhưng không chịu được, con đói quá. Vâng, con biết trong nồi xúp có thịt hấn cho mà con vẫn ăn xúp. Con biết món xa-lát trộn dầu của hấn. Con chỉ muốn khước từ, nhưng thèm khát quá! Không phải con ăn những thứ ấy đâu, đó là con thú phàm ăn nằm ở trong lòng con ăn đấy.

- Đẳng nào thì mày cũng đã ăn.

- Ăn mà thấy xấu hổ, mà thấy tuyệt vọng. Đầu tiên chúng nó đánh gục chúng ta bằng xe tăng và máy bay, còn bây giờ chúng ta cam chịu cho chúng nó đánh gục tinh thần chúng ta bằng cách bỏ đói chúng ta.

- Con ạ, mày có làm như trong kịch thế cũng chẳng đi đến đâu. Mày có văn hóa là thế mà thực ra lại không biết suy xét. Hãy quên chuyện cũ đi, hãy cho đứa con của mày nó có cha, chưa kể đến việc có thêm một chân làm chân ăn đáng giá bằng hai người đi thuê. Biết suy xét là ở chỗ ấy.

Annet mệt nhọc nhún vai. Cả ba người lặng thinh.

Hôm sau Hanx đến. Annét vẫn mặt lưng mày vực với hấn, chẳng nói cũng chẳng nhúc nhích. Hanx mỉm cười. Hấn nói:

- Cảm ơn em không bỏ chạy khỏi anh.

- Bố mẹ tôi có mời anh đến nhưng lại đi xuống làng rồi. Thế cũng chả sao vì tôi muốn nói chuyện cho rõ nhẽ với anh. Ngồi xuống đi.

Hanx bỏ mũ cởi áo khoác ngoài ra và kéo một chiếc ghế lại bàn để ngồi.

- Bố mẹ tôi muốn tôi lấy anh. Anh khéo lắm, nào quà cáp, nào hứa hẹn, anh đã chinh phục được bố mẹ tôi. Bố mẹ tôi tin cả vào mấy tờ báo anh đem đến. Tôi muốn nói cho anh rõ là không bao giờ tôi lấy anh. Thật trước kia chưa bao giờ tôi ngờ rằng tôi lại có thể căm thù một con người đến mức như tôi căm thù anh.

- Để anh nói bằng tiếng Đức. Em đủ sức hiểu những gì anh sắp nói.

- Sao lại không đủ sức! Tôi đã từng dạy tiếng Đức. Hai năm trời tôi làm gia sư cho hai cô bé ở Xtugat.

Hắn bật ra tiếng Đức, còn cô gái vẫn tiếp tục nói tiếng Pháp.

- Anh không chỉ yêu em, anh thán phục em. Anh phục sự sắc sảo và duyên dáng ở em. Trong em có cái gì đó mà anh không thể hiểu nổi. Anh tôn trọng em. Ôi, giờ anh đã thấy là em không muốn lấy anh, ngay dù việc ấy không khó khăn gì. Nhưng Pie đã chết rồi.

- Không được nói đến anh ấy, - cô dữ tợn quát lên. - Không thì sẽ không còn ra gì nữa cả.

- Anh chỉ muốn nói với em là anh thông cảm với em về việc anh ấy chết.

- Không phải chết bình thường, mà bị bọn cai ngục Đức xử bắn một cách dã man.

- Có lẽ rồi mai đây em sẽ bớt đau khổ đi về chuyện anh ấy. Em biết đấy, khi người mà ta yêu chết đi, ta tưởng như không bao giờ qua được đau thương, nhưng rồi cũng nguôi đi dần dần. Thế thì nghĩ đến việc trả người cha cho đứa bé có phải tốt hơn không?

- Cho dù không có những chuyện khác đi nữa anh cứ tưởng tôi có thể quên được việc anh là người Đức, còn tôi là người Pháp à? Nếu anh không ngu ngốc như bọn Đức ngu ngốc thì anh đã nhận thấy rằng đứa trẻ mãi mãi là vết nhơ đối với tôi chừng nào tôi còn sống. Anh tưởng tôi không có bạn có bè à? Làm sao tôi dám nhìn thẳng vào mặt họ khi tôi đã có con với một tên lính Đức? Tôi chỉ cầu xin anh một điều: hãy để tôi yên thân với mối hổ nhục của tôi. Đi đi, đi đi, lạy Chúa, đi đi đừng bao giờ quay lại nữa.

- Nhưng đứa bé cũng là con của tôi. Tôi muốn có nó.

- Anh muốn? - Cô gái sừng sốt thốt lên. - Đứa con hoang kết quả giấy lát của cơn say rượu của anh có nghĩa lý gì đối với anh?

- Em không hiểu đấy thôi. Anh tự hào lắm, sung sướng lắm. Chính khi anh biết em sắp có con là anh hiểu ra anh đã yêu em. Thoạt đầu anh không thể tin được, điều ấy đến bất ngờ quá. Em có hiểu ý anh nói

không? Đứa trẻ sắp ra đời ấy đối với anh là mọi thứ trên đời. Ôi, anh không biết làm thế nào diễn tả được, nó làm xúc động lòng anh đến anh cũng không hiểu nổi mình nữa.

Annet nhìn hẩn chăm chăm, một ánh lóe lạ lùng xuất hiện trong mắt cô. Có thể gọi đấy là ánh mắt đắc thắng. Cô bật tiếng cười ngẩn.

- Tôi không biết cảm giác nào trong tôi mạnh hơn: sự căm thù thú tính của người Đức các anh hay là sự khinh bỉ tính đa cảm của các anh.

Dường như hẩn không nghe thấy lời cô nói.

- Lúc nào anh cũng chỉ nghĩ đến thằng con.

- Anh nhất quyết rằng nó là con trai à?

- Anh biết thế nào cũng là con trai. Anh muốn ôm ấp nó và muốn dạy nó đi. Khi nó đã lớn hơn anh sẽ dạy nó tất cả những điều anh biết. Anh sẽ dạy nó đi xe, sẽ dạy nó bắn súng. Con suối nhà em có cá không? Anh sẽ dạy nó câu cá. Anh sẽ làm một người cha hạnh diện nhất trên đời.

Cô nhìn hẩn bằng đôi mắt sắc lạnh. Mặt cô nghiêm nghị, bất động. Một ý định, một ý định gớm ghê đã hình thành trong đầu cô. Hanx mỉm nụ cười dễ mến với cô.

- Có lẽ sau khi em đã hiểu ra anh yêu quý thằng con đến mức nào thì em sẽ đâm yêu cả anh. Anh sẽ làm người chồng tốt cho em, người đẹp của anh ạ.

Cô gái không nói gì. Cô vẫn chỉ nhìn hẩn chăm chăm, quàng quạu.

- Em không thể có một lời nhã nhặn nào với anh sao? Hấn hỏi.

Mặt cô gái đỏ ửng lên, cô đan chặt hai tay vào với nhau.

- Những người khác có thể khinh bỉ tôi. Nhưng tôi, tôi sẽ không bao giờ làm điều gì để có thể tự khinh bỉ chính mình. Anh là kẻ thù của tôi, anh sẽ mãi mãi là kẻ thù của tôi. Tôi chỉ sống cốt để nhìn thấy ngày nước Pháp được giải thoát. Nó sẽ tới, có khi không phải sang năm hay năm sau nữa, có khi phải hơn ba chục năm, nhưng nhất định sẽ tới. Những người khác làm gì mặc họ, chứ tôi không bao giờ hòa hợp với bọn xâm lăng đất nước tôi được. Tôi căm thù anh, tôi căm thù đứa con anh đã áp đặt lên tôi. Phải, chúng tôi đã thua trận. Nhưng kết cục rồi các anh sẽ thấy là chúng tôi không chịu khuất phục. Giờ hãy đi đi. Tôi đã quyết rồi, không có gì trên trái đất này có thể thay đổi được.

Hanx im lặng mất một hai phút.

- Em đã đi khám bác sĩ chưa? Anh sẽ trả mọi phí tổn.

- Anh cứ tưởng là chúng tôi muốn lan truyền cái nổi bêu riếu này khắp cả vùng hay sao? Mẹ tôi sẽ làm tất cả những việc cần thiết.

- Thế nhờ xảy ra chuyện gì thì sao?

- Nhờ nhieác gì, anh lo chuyện của anh đi thì hơn!

Hấn thở dài và đứng dậy. Hấn đi ra và đóng cửa lại. Cô nhìn theo dáng hấn đi theo con đường đất dẫn ra đường cái. Cô giận dữ nhận ra rằng một đôi điều

hắn nói đã làm dâng lên trong lòng cô một cảm giác khác hẳn với những cảm giác từ trước tới nay của cô đối với hắn. Cô bật ra lời:

- Ôi, lạy Chúa, xin Người cho con sức mạnh!

Rồi, trong khi hắn đang cúi thủ đi; thì con chó, con chó già gia đình cô nuôi lâu nay, chạy theo hắn sủa tới tấp. Mấy tháng trời Hanx đã cố làm thân với con chó, nhưng nó chưa bao giờ đáp lại những cố gắng của hắn cả: mỗi khi hắn toan vuốt ve con chó, nó lùi lại gừ gừ trong cổ và nhe răng ra. Lúc này thấy con chó đang chạy lại, và muốn trút cơn bực bội vì bị khước từ, Hanx co chân tàn nhẫn đá con chó một cú thật mạnh. Con chó bắn vào bụi và ăng ẳng lùi mất.

- Đồ thú vật, - Annét kêu lên. - Giả dối, giả dối, giả dối! Thế mà mình đã mềm lòng gần như thương hại hắn!

Annét bước lại soi vào tấm gương treo ở bên cạnh cửa. Cô lấy tư thế và mỉm cười với hình bóng của mình. Nhưng nụ cười lại hóa ra cái nhản mặt như quỷ sứ.

Giờ đang độ tháng ba. Doanh trại đóng quân ở Xoatxông nhận nhịp hoạt động. Hết thanh tra, kiểm tra lại luyện tập ráo riết. Rộ lên những lời đồn đại. Không còn nghi ngờ gì nữa, bọn Đức sắp được phái đi đâu đó, nhưng đám lính trơn chỉ có cách đoán mò. Một số cho rằng bọn chúng phải sẵn sàng để đổ bộ vào nước Anh, số khác lại nghiêng về ý kiến phải đi vùng Bancăng, số khác nữa lại nhắc đến Ucraina.

Hanx bận tíu tít. Mãi cho đến nhiều chủ nhật hai tuần sau đó hẳn mới bút ra để đến nông trại được. Hôm ấy trời xám lạnh, mưa giá như thể sắp chuyển thành tuyết rơi trong những trận gió đột ngột quay cuồng. Miền quê ảm đạm và tiêu điều.

- Cậu đã đến đấy à? - Bà Pêriê thốt lên khi hẳn bước vào. - Chúng tôi cứ tưởng cậu đã chết rồi.

- Cháu không thể nào đến sớm hơn được. Chưa biết ngày nào nhổ quân. Ngày nào cũng sẵn sàng đợi lệnh.

- Đứa bé đã ra đời sáng nay rồi. Con trai.

Con tim Hanx như nhảy tưng tưng trong ngực. Hẳn quàng tay ôm lấy bà già Pêriê và hôn liên tiếp lên hai má bà.

- Một đứa trẻ sinh vào ngày chúa nhật, thế nào cũng may mắn. Phải mở chai sâm banh thôi. Annet ra sao rồi ạ?

- Nó vẫn khỏe như mọi người hằng mong. Sinh nở rất dễ dàng. Đêm qua nó bắt đầu đau đẻ, đến năm giờ sáng nay đã xong.

Ông già Pêriê đang ngồi sát bếp lò, miệng ngậm tẩu. Ông lặng lẽ mỉm cười trước sự phấn khởi của Hanx. Ông nói:

- Ai có đứa con đầu lòng mà chả hân hoan! -
Thằng bé nhiều tóc, màu sáng cũng như của cậu.

- Mắt xanh giống cậu như cậu đã nói, - bà Pêriê nói. - Tôi chưa bao giờ trông thấy đứa bé nào đáng yêu đến thế. Rồi là giống bố lắm đấy.

- Ôi, trời ơi, cháu hạnh phúc quá, - Hanx thốt lên. - Thế gian này đẹp đẽ nhường nào! Cháu muốn gặp Annet.

- Không biết nó có chịu gặp cậu không. Tôi không muốn làm phiền lòng nó sợ ảnh hưởng đến sữa.

- Thôi, thôi, bác đừng làm phiền lòng cô ấy chỉ vì cháu. Cô ấy không muốn gặp cháu thì thôi, chẳng sao cả. Nhưng để cháu nhìn thẳng bé một chút.

- Để tôi xem nhé. Tôi sẽ tìm cách mang nó xuống đây.

Bà Pêriê đi ra. Có tiếng chân thình thịch của bà đi lên thang gác. Ngay sau đó lại nghe thấy tiếng chân bà tất tả chạy xuống. Bà ào vào gian bếp.

- Mẹ con nó không có trên ấy. Không thấy trên phòng. Con cũng biến đâu mất.

Ông Pêriê và Hanx cùng ối lên và không kịp suy nghĩ gì, cả ba người cùng chạy bươn lên gác. Ánh sáng gắt của buổi chiều mùa đông đổ lên những đồ đạc cũ kỹ, chiếc giường sắt, tủ quần áo rẻ tiền, tủ com-mốt, một cảnh tồi tàn thảm hại. Trong phòng không có ai.

- Nó đi đâu nhỉ? - Bà Pêriê gào lên. Bà chạy ra lối đi hẹp, mở các cửa và gọi to:

- Annet! Annet? Chao ôi, điên mất rồi!

- Hay là nó ở phòng ngoài.

Họ chạy xuống gác, tới phòng khách lâu nay không sử dụng. Cái lạnh lẽo tấp vào họ khi họ mở cửa. Họ mở cả cửa nhà kho để tìm.

- Nó đi mất rồi. Chuyện gì đó khủng khiếp thế là đã xảy ra!

- Làm sao cô ấy đi ra ngoài được nhỉ? - Hanx nấu ruột vì lo lắng, hỏi.

- Qua lối cửa trước, cậu thật ngốc!

Ông Pêriê tiến lại cửa trước xem xét.

- Đúng rồi. Chốt bị tháo ra đây này.

- Ôi giờ ơi là giờ, điên mất rồi! - Bà Pêriê rên rĩ.

- Bệnh điên giết nó mất thôi!

- Ta phải tìm cho ra cô ấy, - Hanx lên tiếng. Theo thói quen, vì đây là lối hắt vắn ra vào xưa nay, hắt chạy xuống bếp và hai ông bà chạy theo.

- Đi lối nào đây?

- Ra suối ngay, - bà già chột hét lên.

Hanx chững lại, như biến thành đá vì khủng khiếp. Hắt trần trần, nhìn bà Pêriê, như mất hết hồn vía. Bà Pêriê rên lên:

- Tôi sợ quá, tôi sợ quá!

Hanx đẩy tung cửa, thì vừa lúc đó Annet đi vào. Cô chỉ mặc độc chiếc áo ngủ và bên ngoài là cái áo choàng bằng lụa phong phanh, màu hồng có in nghiêng bông hoa xanh nhợt. Người cô ướt sũng, tóc rối bù bết vào đầu và xòa cả xuống vai thành những búi lấm láp. Da cô trắng nhợt như người chết. Bà Pêriê vùng chạy về phía cô và ôm chầm lấy cô.

- Con đi đâu thế? Ôi, con gái tội nghiệp của mẹ, con ướt hết cả mình mấy thế này. Điên đại quá!

Nhưng Annet ấy bà ra. Cô nhìn sang Hanx:

- Anh đến vừa vặn đúng lúc.

- Đứa bé đâu rồi? - Bà Pèriê kêu lên.

- Con phải hành động ngay. Con sợ nếu chần chừ thì không còn đủ can đảm nữa.

- Annet, con đã làm cái gì?

- Con đã làm cái con phải làm. Con ẵm nó ra suối, dí nó xuống nước cho kỳ chết mới thôi!

Hanx rống lên tiếng rống của một con thú bị thương nặng chỉ còn chờ chết. Hai tay ôm lấy mặt, hấn lão đảo như kẻ say rượu nhào ra ngoài cửa. Annet trầm mình xuống ghế, đầu gục xuống, hai bàn tay nắm chặt, òa lên khóc thảm thương.

Lột sự tử

Khá nhiều người sửng sốt khi nghe tin đại úy Phorextơ đã tử nạn trong một đám cháy rừng khi cố cứu con chó yêu của vợ vô tình bị nhốt trong nhà. Một số người nói họ không ngờ ông ta lại có hành động như vậy; số khác lại nói đó đúng là cái điều họ dự đoán được, nhưng cũng lời nói ấy được họ ngụ ý khác nhau. Sau cái sự việc bi thảm ấy, bà Phorextơ nương thân tại biệt thự của cặp vợ chồng Hady mà bà và chồng bà chỉ mới quen gần đây. Đại úy Phorextơ không thích họ, ít ra là ông không thích Phret Hady, nhưng bà nghĩ rằng giá chồng bà qua khỏi cái đêm khủng khiếp ấy thì hẳn ông sẽ thay đổi ý nghĩ về Hady. Ông sẽ hiểu ra là trong Hady có biết bao cái hay trái hẳn với tiếng đồn, và vốn là một bậc chính nhân quân tử thực thụ, ông sẽ chẳng ngần ngại gì mà không thừa nhận sự ngộ nhận của mình. Bà Phorextơ không thể tưởng tượng nổi làm sao bà có thể giữ được lý trí sau cái chết của một người đối với bà là tất cả trên thế gian này, nếu

không có lòng tốt tuyệt vời của gia đình Hady. Với nỗi đau buồn vô hạn của bà, thì sự cảm thông bất biến của họ là niềm an ủi duy nhất đối với bà. Họ, những người đã tận mắt chứng kiến sự hy sinh lớn lao của ông nhà, hơn ai hết biết rõ ông là một người tuyệt diệu như thế nào. Bà không bao giờ quên được những lời nói của Phrét Hady khi báo cái tin khủng khiếp ấy với bà. Chính những lời này giúp bà không những chịu đựng nổi cái tai họa nặng nề kia, mà còn giúp bà chống chọi lại cái tương lai cô quạnh với một lòng quả cảm mà bà biết con người can đảm ấy, bậc chính nhân quân tử cao thượng ấy, người mà bà yêu hết lòng ấy, hẳn sẽ phải ngậm cười.

Bà Phorextơ là một người đàn bà rất dễ thương. Những người tốt bụng vẫn nói như thế về một người đàn bà khi họ không còn biết nói gì hơn, và điều ấy nên hiểu như một lời khen lạnh lùng. Tôi thì không muốn nói như vậy. Bà Phorextơ đã chẳng kiêu diễm, xinh đẹp, cũng không thông minh; ngược lại, bà thô kệch, xấu xí và ngu ngốc; nhưng nếu bạn càng hiểu biết bà nhiều bao nhiêu thì bạn càng thích bà bấy nhiêu, để rồi khi được hỏi tại sao, bạn chỉ còn biết nhắc lại đây là một người đàn bà rất dễ thương. Bà cao bằng một người đàn ông trung bình, bà có cái mồm rộng và cái mũi khoằm to, cặp mắt cận thị xanh lơ và đôi tay to thô kệch. Da bà nhăn nheo và phôi pha nhưng bà tô son đánh phấn rất nhiều. Tóc bà để dài, được nhuộm thành một màu vàng óng, được uốn

cẩn thận và chải kỹ lưỡng. Bà đã làm mọi cái để làm giảm cái sắc thái đàn ông như ngoáo trong tướng mạo của mình, nhưng chỉ đạt đến cái mức như một anh kép kịch vui sắm vai đàn bà. Giọng bà là giọng nữ, nhưng bạn thường có cảm giác là, như ở cuối màn kịch, nó bỗng chuyển xuống giọng trầm, còn nếu có gỡ bỏ lớp tóc giả vàng óng kia thì sẽ trở ra cái mảng đầu hói đàn ông. Bà đã tiêu rất nhiều tiền về khoản quần áo ở những hiệu may thời thượng nhất Pari, nhưng dù rằng đã năm mươi tuổi đầu, bà vẫn có cái gu tai hại cứ thích chọn những trang phục thanh nhã trên người những cô gái mặc áo chiều hàng mảnh dễ dàng độ xuân sắc. Bà đeo rất nhiều đồ trang sức đắt tiền. Dáng đi của bà vụng về, còn cử chỉ thì lóng ngóng. Nếu bà vào một phòng khách nơi có một bức tượng ngọc ngà đáng giá, thì thế nào bà cũng có cách cho nó lăn xuống sàn mới thôi, còn nếu bà dùng bữa với bạn và bạn có một bộ đồ ăn thủy tinh được nâng niu thì nhất định bà sẽ làm vỡ tan tành một chiếc cho mà xem.

Ấy thế nhưng cái vẻ ngoài vô duyên kia lại chứa chất một tâm hồn dịu dàng, lãng mạn đầy lý tưởng. Phải mất một thời gian bạn mới khám phá ra điều này, lần gặp đầu tiên bạn thấy tức cười vì diện mạo bà, rồi khi bạn đã biết bà rõ hơn một chút (và đã phải hứng chịu sự lóng ngóng của bà), bà ta làm bạn bức mình, nhưng khi bạn đã khám phá ra tâm hồn của bà, bạn sẽ thầm nghĩ sao mình lại ngộ đến nỗi mãi

không nhận ra điều ấy, bởi lẽ ngay từ đầu cái tâm hồn ấy đã nhìn vào bạn qua cặp mắt cận thị xanh lơ kia; có chiều rụt rè, nhưng với vẻ chân thực mà chỉ có những anh ngốc mới để sót. Lớp vải muxlin trang nhã và phin nồn ócgandī mát màu xuân kia, lớp lụa trong trắng kia phủ lên không phải một thân hình vụng về mà lên một tâm hồn thanh nữ tươi mát. Bạn sẽ quên rằng bà ta đã đánh vỡ đồ sứ của bạn và trông bà ta giống như một người đàn ông vận bộ đồ phụ nữ, bạn sẽ thấy bà ta như chính bà ta thấy mình, đứng như bà ta trong thực tế, chỉ cần nhìn rõ cái bản chất thực của bà, như một bé con xinh xắn có trái tim vàng. Khi đã nhận ra rồi, bạn thấy bà cũng đơn giản như một đứa trẻ; một sự chú ý nhỏ nào cũng làm bà cảm động biết ơn; lòng tốt của bà thì thật là vô tận, bạn có thể nhờ bà làm bất cứ điều gì, cho dù việc đó có khó nhọc mấy chăng nữa, và bà làm sốt sắng như thể chính bạn đang gia ơn cho bà một cơ hội để gắng sức vì bạn. Bà có một khả năng thương yêu không vụ lợi đến mức hiếm có. Bạn biết là không có một ý nghĩ không tốt hay ranh ma nào thoáng qua trong đầu bà. Và khi đã công nhận tất cả những điều ấy, bạn lại nhắc lại một lần nữa rằng bà Phorextơ là một người đàn bà rất dễ thương.

Tiếc thay, bà cũng ngu ngốc thượng hạng. Bạn nhận biết điều này khi gặp chồng bà. Bà Phorextơ là người Mỹ và đại úy Phorextơ là người Anh. Bà sinh tại Pốtlan, bang Ôrêgôn và chưa bao giờ sang châu

Âu cho đến cuộc chiến tranh năm 1914. Lúc ấy người chồng thứ nhất của bà mới chết, bà gia nhập đội y tá, hộ lý và lên đường sang Pháp. Xét theo tiêu chuẩn dân Mỹ thì bà không giàu, nhưng theo tiêu chuẩn người Anh chúng ta thì bà khá dư dật. Qua cái cách sinh hoạt của hai vợ chồng bà, tôi đoán rằng bà có quăng chừng ba mươi nghìn đô la một năm. Nếu không kể việc bà lằm lẩn thuốc luôn, quán băng đến nỗi chúng đâm ra còn tệ hơn là vô dụng và đánh vỡ bất cứ đồ dùng nào có thể vỡ được, thì tôi tin chắc bà là một hộ lý cừ khôi. Tôi nghĩ là bà không ghê ngại một việc gì và sốt sắng làm ngay; dĩ nhiên bà không tiếc mình trong công việc và chắc chắn không bao giờ mất bình tĩnh. Tôi có cảm tưởng là có khá nhiều những kẻ tội nghiệp có lý do để tôn sùng sự dịu dàng nơi trái tim bà, và ắt hẳn có không ít kẻ đã bước vào bước cuối cùng vào cõi chưa biết, với sự dũng cảm đặc biệt nhờ có lòng thương người trong tấm lòng vàng của bà. Chính trong năm cuối của cuộc chiến tranh, đại úy Phorextơ đã được bà chăm sóc và chẳng bao lâu sau khi hòa bình được lập lại, họ đã cưới nhau. Họ dọn đến ở một biệt thự xinh đẹp trên những ngọn đồi gần Cannơ và trong một thời gian ngắn đã có tiếng trong các giới thời thượng ở Riviera⁽¹⁾. Đại úy Phorextơ chơi bri-giơ giỏi và là một tay đánh

⁽¹⁾ Riviera: dải đất dọc bờ biển Địa Trung Hải của nước Pháp và ven vịnh Gionon ở bắc Italia, nơi thu hút nhiều khách du lịch vì cảnh đẹp và khí hậu tốt, Cannơ là thành phố nghỉ mát nổi tiếng nằm ở vùng Riviera thuộc Pháp.

gôn-phơ thạo. Ông cũng là một đấu thủ ten-nút không tồi, ông có một chiếc thuyền buồm và trong dịp hè, ông bà Phorextơ lại cùng bạn bè tổ chức du lịch giữa các đảo. Sau mười bảy năm chung sống, bà Phorextơ vẫn hết mực yêu ông chồng đẹp trai của mình, nên nếu bạn là người quen biết bà đã lâu thì thế nào cũng được nghe đầu đuôi câu chuyện tình duyên của họ qua cái giọng miền Tây ê a của bà.

- Tình yêu đến ngay từ cái nhìn ban đầu, - bà kể, - Anh ấy được đưa đến lúc tôi không phải phiên trực, khi tôi vào thì thấy anh ấy trên một trong những cái giường tôi phụ trách, chao ôi, tôi thấy nhói trong tim như thể tôi đã làm việc quá sức và sắp kiệt sức. Anh ấy là người đàn ông đẹp nhất mà tôi trông thấy trong đời.

- Anh ấy có bị thương nặng lắm không?

- Kể ra anh ấy không bị thương. Thật là một chuyện kỳ lạ hết sức, anh ấy đã qua suốt cả cuộc chiến tranh có khi hàng tháng liền trong bom đạn, còn phải nói, anh ấy liều mình đến hai chục lần một ngày, anh ấy thuộc loại không biết sợ là gì, ấy vậy mà không bị đến một vết xước. Anh ấy bị đâm nhọt.

Có lẽ từ cái bệnh không lấy gì làm thương mọng này mà đã nảy nở một sự quyến luyến sâu sắc. Bà Phorextơ khá là hay xấu hổ, nên dù chỗ nhọt của đại úy Phorextơ làm bà rất quan tâm, lần nào bà cũng phải chận vật mới cho bạn biết cụm nhọt ấy ở chỗ nào.

- Chỗ nhọt ở tận dưới cùng của lưng, còn dưới nữa ấy, và anh ấy không ưa để cho tôi băng chỗ ấy. Người Anh quả là nhả nhận hết sức, tôi đã nhiều lần ngắm thấy, còn anh ấy thì bị dằn vặt ghê gớm. Lẽ ra trong tình cảnh như thế, nếu ông hiểu ý tôi nói, thì ngay từ đầu chúng tôi phải thân thiết với nhau hơn. Đằng này lại không thế. Anh ấy không cởi mở với tôi gì cả. Cứ mỗi lần đến giường anh ấy, tôi lại thấy khó thở và tim đập đến nỗi tôi không hiểu có chuyện gì xảy ra với tôi. Thường thì tôi có lóng ngóng như thế đâu, tôi chẳng đánh rơi đánh vỡ cái gì bao giờ, thế mà ông có tin được không, khi tôi đưa thuốc cho Rôbot thì nào đánh rơi thìa hay đánh vỡ cốc. Thật chịu không biết anh ấy nghĩ gì về tôi nữa.

Không thể không cười khi nghe bà Phorextơ kể chuyện ấy. Bà cũng mỉm cười khá dịu dàng.

- Tôi cho là chắc ông lấy làm lạ lắm, nhưng ông ạ, tôi chưa bao giờ có cái cảm giác như vậy. Khi tôi lấy người chồng đầu thì ông ấy đã góa vợ, có con cái đã lớn, ông ấy là một người hay lắm và là một trong những công dân có tiếng nhất ở bang, nhưng mọi cái nay đều khác.

- Thế rồi làm sao bà lại nhận ra là bà yêu đại úy Phorextơ?

- Ấy, tôi không dám bảo ông tin, tôi biết, nghe ra thì buồn cười lắm, nhưng có một cô hộ lý bảo với tôi thế, cố nhiên là tôi thấy đúng như vậy. Lúc đầu tôi bồn chồn ghê gớm. Tôi có biết tí gì về anh ấy đâu.

Cũng như mọi người Anh, anh ấy rất ít nói, nhờ anh ấy có vợ và đến nửa tá con cái rồi thì sao?

- Sau đấy làm sao bà dò biết được anh ấy chưa có vợ con?

- Tôi hỏi anh ấy. Cái lúc anh ấy bảo tôi rằng anh ấy chưa vợ tôi mới quyết chí, dù muốn đến đâu thì đến, tôi sẽ lấy anh ấy bằng được. Anh ấy đau lắm, thật tội; ông thử hình dung xem, gần như lúc nào anh ấy cũng phải nằm quay úp mặt xuống, nằm sấp như thế thật là cực hình, mà ngồi thì anh ấy không dám nghĩ tới. Nhưng tôi không tin rằng anh ấy đau khổ hơn tôi. Đàn ông người ta thích lựa là và những thứ mịn màng đom đóm, chắc ông hiểu ý tôi nói, mà tôi trong cái hộ đồng phục của hộ lý thì nom thật bất tiện. Bà bệnh viện trưởng lại là một bà cô chưa chồng xứ Niu Inhlân⁽¹⁾ ghét cay ghét đắng son phấn trang điểm, mà ngày ấy tôi cũng có đánh son đánh phấn gì đâu; người chồng đầu của tôi không thích cái thứ ấy; với lại tóc tôi đâu có đẹp như bây giờ. Anh ấy hay nhìn tôi bằng đôi mắt xanh tuyệt diệu, tôi có cảm giác là anh ấy coi tôi trông không ra đáng lắm, anh ấy rất trầm mặc; tôi nghĩ tôi có bốn phận phải làm hết sức cho anh ấy vui lên, nên hễ có dăm ba phút rảnh rang là tôi lại đến chuyện trò với anh ấy. Anh

⁽¹⁾ Niu Inhlân (New England - nước Anh mới), tên gọi sáu bang miền Đông Bắc nước Mỹ: Mên, Niu Hampsia, Vơmôn, Mátxachuxét, Rốt Allân, Connécitcôt. Tên gọi này có từ thế kỷ 17 vì vùng này giống với bờ biển nước Anh.

ấy bảo anh ấy day dứt với cái ý nghĩ là một gã khỏe mạnh tráng kiện như anh ấy mà lại nằm trên giường hết tuần này sang tuần khác, trong khi đồng đội đang ở ngoài chiến hào. Nói chuyện với anh ấy thế nào ông cũng nhận ra anh ấy thuộc loại người cảm nhận nỗi vui của cuộc sống không lúc nào mạnh mẽ bằng cái khi đạn rít chung quanh, mà cái khoảnh khắc sau đó có thể sẽ là cái khoảnh khắc cuối cùng trong đời. Sự hiểm nguy là kích thích tố đối với anh ấy. Chả giấu gì ông, khi tôi ghi nhiệt độ anh ấy vào phiếu theo dõi, tôi vẫn hay thêm một hai phần mười độ vào để các bác sĩ tưởng anh ấy yếu hơn thật. Tôi biết anh ấy chỉ rình được xuất viện, và cho rằng không để anh ấy ra viện ngay thì chỉ là điều công bằng đối với anh ấy mà thôi. Anh ấy hay trầm ngâm nhìn tôi khi tôi nói, và tôi biết anh ấy mong đợi những dịp chuyện phiếm nho nhỏ ấy lắm. Tôi bảo anh ấy tôi đã góa chồng và không phải cáng đáng ai cả. Tôi bảo anh ấy tôi đang tính chuyện ở lại châu Âu sau chiến tranh. Dần dà anh ấy cởi mở hơn. Anh ấy không nói nhiều về mình, nhưng anh ấy đã bắt đầu đùa với tôi, ông biết đấy, anh ấy có khiếu hài hước lắm, đôi lúc tôi đâm nghĩ là dẫu sao anh ấy cũng khá thích tôi. Cuối cùng người ta bảo là anh ấy đã bình phục. Thật ngạc nhiên, anh ấy mời tôi cùng đi ăn vào cái buổi tối cuối cùng ấy. Tôi xin bà bệnh viện trưởng cho nghỉ phép bằng được, thế là chúng tôi lên Pari. Ông không hình dung được là anh ấy trông hay đến mức nào trong bộ quân phục đâu. Tôi chưa thấy ai

nổi bật như vậy. Quí phái cho tới tận đầu ngón tay. Nhưng có điều này điều kia khiến anh ấy không phấn khởi như tôi tưởng. Anh ấy nóng lòng ra trận.

- Sao hôm nay anh trông ủ ê thế? - Tôi hỏi anh ấy. - Xét cho cùng, mong muốn của anh đã được thực hiện rồi cơ mà.

- Anh biết, - anh ấy bảo. - Nếu hôm nay anh có hơi buồn thì em có đoán ra tại sao không?

Tôi không dám ngẫm xem anh ấy muốn nói điều gì. Tôi nghĩ nói một câu đùa thì hay hơn.

- Em không thạo đoán cho lắm. - Tôi vừa nói vừa cười. - Nếu anh muốn em biết thì anh nói với em đi.

Anh ấy cúi nhìn xuống và tôi thấy anh ấy mất bình tĩnh.

- Em tốt với anh vô kể. - Anh ấy nói. - Anh chẳng bao giờ đền đáp được lòng tốt của em. Em là người phụ nữ tốt đẹp nhất mà anh từng gặp.

Tôi bàng hoàng ghê gớm khi nghe anh ấy nói như thế. Ông biết đấy, người Anh lạ lùng lắm, trước kia anh ấy có khen tôi bao giờ đâu.

- Em chỉ làm những cái mà bất kỳ một hộ lý hiểu biết nào cũng đều làm, - tôi nói.

- Anh có còn gặp lại em nữa không nhỉ? - Anh ấy hỏi.

- Tùy ở anh đấy, - tôi nói. Tôi mong anh ấy đừng nhận ra giọng tôi run run.

- Anh chẳng muốn chia tay với em tý nào, - anh ấy bảo.

Khó khăn lắm tôi mới nói được nên lời.

- Có cần phải thế không? - Tôi nói.

- Chừng nào Quốc vương và đất nước cần, anh còn phải phụng sự.

Khi bà Phorextơ kể đến đấy, đôi mắt xanh lơ của bà đầm lệ.

- Nhưng chiến tranh không thể kéo dài mãi được - tôi nói.

- Khi chiến tranh chấm dứt, - anh ấy đáp, - nếu như không có viên đạn nào kết liễu đời anh, thì anh sẽ chẳng có lấy một xu. Anh chẳng biết rồi sẽ xoay sở ra sao để sống. Em giàu lắm, còn anh thì nghèo rớt.

- Anh là một chính nhân quân tử Anh quốc, - tôi nói.

- Cái đó nghĩa lý gì nhiều một khi thế giới này đã được tạo ra cho nền dân chủ⁽¹⁾ - anh ấy cay đắng nói.

Suýt nữa thì tôi òa lên khóc. Tất cả những điều anh ấy nói sao mà hay thế. Tất nhiên tôi hiểu ý anh ấy. Anh ấy cho rằng hỏi tôi làm vợ thì không được danh dự cho lắm. Tôi biết, anh ấy thà chết còn hơn là để tôi có ý nghĩ rằng anh ấy sẵn tiền của tôi. Anh ấy quả là tuyệt vời. Tôi biết mình không xứng đáng với anh ấy, nhưng nếu tôi đã cần anh ấy thì phải mạnh dạn hành động.

- Cứ giả vờ là em không yêu anh say đắm thì thật không hay tí nào, bởi vì sự thật là thế, - tôi nói.

⁽¹⁾ "Thế giới này được tạo ra cho nền dân chủ" - lời nói của Tổng thống Mỹ Uyxơn (W. Wilson) (1856-1924).

- Đừng làm cho lòng anh nặng nề thêm nữa, - anh ấy nói, giọng khàn khàn.

Tôi nghĩ có thể chết được. Tôi yêu anh ấy quá chừng lúc anh ấy nói câu đó. Giờ thì tôi biết tôi phải làm gì. Tôi chìa tay cho anh.

- Anh sẽ lấy em chứ, Rôbốt? - Tôi nói rất giản dị.

- Êlino. - Anh ấy khẽ nói.

Rồi anh ấy kể anh ấy đã yêu tôi ngay hôm đầu gặp tôi. Lúc đầu anh ấy cứ nghĩ tôi là hộ lý bình thường nên định tính chuyện yêu đương, nhưng rồi phát hiện ra tôi không phải loại ấy mà là người cũng có tiền nên anh ấy đã phải nén tình yêu lại. Ông thấy đấy, anh ấy cho rằng không thể có chuyện hôn nhân ở đây được.

Có lẽ không có điều gì làm bà Phorextơ sung sướng hơn cái ý nghĩ là đại úy Phorextơ đã định tán tỉnh bà. Có lẽ chưa từng có người nào đưa ra những lời cầu hôn chót nhả với bà, cả đại úy Photextơ cũng không làm điều ấy, nhưng chỉ nội một nhận thức là anh ấy đã nuôi một ý nghĩ như vậy, đối với bà đã là một nguồn hạnh phúc khôn nguôi. Khi họ đã lấy nhau, họ hàng của Êlino, những người phương Tây có đầu óc thực dụng, cho là ông chồng của bà nên đi làm chứ không nên sống bằng tiền của bà, thì đại úy Phorextơ cũng nhất trí. Anh ấy chỉ bổ sung thêm như sau:

- Có những cái mà bậc chính nhân quân tử không thể làm, Êlino ạ. Còn mọi cái khác anh sẽ rất sung sướng được làm. Nói có ông trời, anh cũng không

quan trọng hóa cái chuyện ấy, nhưng đã làm đàn ông thì không thể dờ ông dờ thẳng được, mẹ kiếp, mỗi người đều có ít nhiều nghĩa vụ trước giai cấp của mình, nhất là vào thời buổi này.

Êlino nghĩ vì đất nước mà anh ấy đã liều thân ngoài sa trường đầm máu trong suốt bốn năm ròng rã là quá đủ rồi, nhưng vì quá sĩ diện về ông chồng, tránh cho thiên hạ bàn tán rằng ông là kẻ đào mỏ, lấy bà chỉ vì tiền, nên bà cũng không phản đối nếu ông tìm được việc xứng đáng. Rủi thay, lại chỉ có toàn những công việc không oai phong cho lắm. Nhưng ông không hề lẩn tránh trách nhiệm của mình.

- Tùy ở em đấy, Êlino, - ông nói, - chỉ cần em nói một lời là anh chấp hành ngay. Cho dù cụ thân sinh của anh có phải lật mình dưới mồ khi thấy anh làm việc ấy, thì anh cũng đành chịu. Nghĩa vụ trước em là trên hết.

Êlino mỉm lòng không muốn nghe những lời như vậy nữa, nên dần dần cái dự định để ông đi làm đã biến đi. Ông bà Phorextơ phần lớn thời gian trong năm sống tại biệt thự riêng ở Riviera. Họ rất ít khi sang Anh; Rôbốt bảo rằng, kể từ sau chiến tranh, ở đấy không phải là chỗ cho một bậc quân tử nữa, và tất cả đám anh em bạn bè tốt, những con người thực sự mà ông vẫn thường giao du cái hồi ông còn cùng "cánh nhà lính" ấy, đã hi sinh cả rồi. Ông chỉ thích sang Anh mùa đông, một tuần ba ngày đi săn bắn, đấy mới đáng gọi là cuộc sống đối với một người đàn

ông, nhưng tội nghiệp cho Êlinơ, bà sẽ mòn mỏi buồn chán lắm, nên ông không dám cầu xin ở bà một sự hy sinh như vậy, Êlinơ đã sẵn sàng chịu bất cứ hy sinh nào, nhưng đại úy Phorextơ lắc đầu. Ông cũng không còn trẻ nữa, cái thời săn bắn của ông đã lùi vào dĩ vãng. Ông hoàn toàn bằng lòng với cái việc nuôi nấng lũ chó nòi Siliom⁽¹⁾ và đàn gà Oócpinhtơn⁽²⁾. Họ có khá nhiều đất, một căn nhà trên đỉnh đồi, trên bãi đất bằng, ba bề là rừng bao, mặt trước nhà là vườn. Êlinơ nói là ông nhà sung sướng nhất những khi mặc bộ com-lê cổ xưa bằng vải tuyết đi dạo quanh cơ ngơi của mình với người coi chó săn kiêm trông gà con. Chính những lúc ấy trong ông hiện lên tất cả những thế hệ điền chủ tiền bối. Những câu chuyện không dứt giữa ông với người coi chó về các giống gà làm Êlinơ cảm động và thấy ngồ ngổ, thật cứ như thể ông đang đàm luận về giống gà lôi với vị kiểm lâm trưởng của mình; còn giống chó Siliom ông chăm lo như chăm đàn chó săn, làm ai cũng có cảm tưởng là ông quen thạo với lũ chó săn từ hồi còn ở nhà. Cụ cố ba đời của đại úy Phorextơ là một trong những tay ăn chơi nhất thời Nhiếp chính⁽³⁾. Chính cụ cố đã phá tán gia đình, bao nhiêu cơ ngơi đều phải bán hết. Họ Phorextơ từng có một dinh thự lâu đời rất tuyệt ở

⁽¹⁾ Siliom: thuộc xứ Uênx, có loại chó chân ngắn vốc nhỏ.

⁽²⁾ Oócpinhtơn: một thị trấn ở Kent, đông nam nước Anh.

⁽³⁾ Thời Nhiếp chính (1811-1820): Quận công xứ Uênx Gioócgiơ, sau này là vua Gioócgiơ IV, làm nhiếp chính cho vua cha Gioócgiơ III bị mất trí thường xuyên.

Srôpsia⁽¹⁾ suốt mấy thế kỷ và Êlino cũng thích đến đấy ngắm một chút, tuy nó không còn thuộc về họ nữa, nhưng đại úy Phorextơ bảo rằng nó chỉ gọi lên đau xót nên không đời nào ông đưa bà đến đấy được.

Khách khứa vẫn thường hay lui tới gia đình Phorextơ. Đại úy Phorextơ là người sành rượu và vẫn hãnh diện về hầm rượu của mình.

- Ông cụ anh Rôbốt rất có tiếng ở Anh về khẩu vị tinh tế, - Êlino nói, - nên anh ấy cũng thừa hưởng nó ở ông cụ.

Đa số bạn của họ là người Mỹ, người Pháp và người Nga. Nói chung, Rôbốt cho rằng họ hay hơn người Anh, mà ông đã thích ai thì Êlino cũng thích người đó. Rôbốt nghĩ rằng những người Anh không xứng tầm với họ. Đa số những người mà ông đã quen biết ngày xưa đều có chân trong các câu lạc bộ bắn súng, săn bắn và câu cá; những anh bạn xấu số ấy nay đã khuynh gia bại sản cả, và dù rằng, đội ơn Chúa, ông không phải là kẻ hợm mình, ông cũng không thể dung hòa được với ý nghĩ là vợ ông đánh bạn với cái lũ *nouveaux riches*⁽²⁾ mà chẳng ai biết đến tên tuổi. Bà Phorextơ cũng không rành chuyện đó lắm, nhưng bà tôn trọng định kiến của ông và khâm phục sự khác thường đó ở ông.

- Tất nhiên anh ấy cũng có trái tính trái nết, - bà

⁽¹⁾ Một hạt ở vùng miền trung du Tây nước Anh, giáp giới với xứ Uênx.

⁽²⁾ Nouveaux riches (tiếng Pháp): bọn nhà giàu mới nổi, bọn mới phát.

nói. - Nhưng tôi nghĩ là có bốn phận phải chiều anh ấy. Biết được nguồn gốc xuất thân của anh ấy thì phải thấy là anh ấy có trái tính trái nết đi nữa cũng là lẽ tự nhiên. Suốt ngần ấy năm làm bạn với nhau, chỉ có một lần tôi thấy anh ấy phật ý, là cái lúc ở casinô⁽¹⁾ có một anh chàng nhảy thuê tiến lại và mời tôi nhảy. Chỉ thiếu chút nữa là anh ấy nện anh chàng kia. Tôi bảo với anh ấy là anh chàng tội nghiệp kia chỉ hành nghề mà thôi, nhưng anh ấy bảo là không thể để cho cái đồ lợn chết tiệt ấy mời vợ anh nhảy được.

Đại úy Phorextơ có một chuẩn mực đạo đức cao. Ông vẫn tạ ơn Chúa là không đến nỗi đầu óc hẹp hòi, nhưng vẫn phải có một ranh giới phân minh, cho nên dù có ở Riviera đi nữa, ông cũng không đàn đúm được với cái bọn nát rượu, bọn hoang toàng và bọn du đãng. Ông nghiêm khắc với thói tình dục phóng dãng và không cho Êlino đi lại với đám đàn bà có tai tiếng dị nghị.

- Anh ấy là một người đứng đắn hết mực, - Êlino nói, - một người thanh cao nhất mà tôi biết; nếu đôi lúc anh ấy cố chấp một chút thì cũng nên nhớ rằng anh ấy có bao giờ đòi hỏi ở người khác cái mà chính anh ấy không sẵn sàng tuân thủ đâu. Suy cho cùng, không thể không khâm phục một con người có những nguyên tắc cao quý như vậy và sẵn sàng bảo vệ nó bằng bất cứ giá nào.

⁽¹⁾ Casinô (casinô) gốc tiếng Italia, chỉ nơi vui chơi giải trí công cộng, có nhảy, có sông bạc.

Khi nào đại úy Phorextơ bảo với Êlinơ rằng người này người nọ, mà ai cũng coi là khá dễ chịu, không phải là pukkah sahib⁽¹⁾, thì cãi lại là vô ích. Bà biết rằng sự xét đoán của chồng là dứt khoát, nên bà sẵn lòng nghe theo. Sau gần hai mươi năm chung sống, bà dám chắc một điều, nếu không nói là nhiều hơn, rằng Rôbốt Phorextơ là kiểu mẫu hoàn thiện của một chính nhân quân tử Anh quốc.

- Không biết Thượng đế đã bao giờ tạo được một cái mẫu nào hơn thế không, bà nói.

Phải nói rằng đại úy Phorextơ đúng là một kiểu mẫu quá ư hoàn thiện của bậc chính nhân quân tử Anh quốc. Ở cái tuổi bốn lăm (ông kém Êlinơ hai, ba tuổi), ông vẫn rất đẹp trai với mái tóc lượn sóng, điểm nhiều sợi bạc và có một bộ ria khá bánh; ông có nước da dày dặn sương gió, khỏe mạnh của một người ở nhiều ngoài trời. Ông có vóc người cao lớn, hơi gầy và vai rộng, có chất lính từ đầu tới chân. Phong cách ông chân thật, không màu mè, tiếng cười to và cởi mở. Trong cách nói chuyện, cách cư xử, trong trang phục ông điển hình đến mức khó tin. Ông mang nhiều nét của một bậc quân tử miền quê đến mức người ta liên tưởng đến một anh diễn viên thủ vai một cách xuất sắc. Nếu bạn trông thấy ông đi dạo dọc bờ biển, cái tàu trên miệng, khoác chiếc áo vét bằng vải tuyết và đánh cái quần gôn, thì ông giống một nhà thể thao Anh quốc đến nỗi bạn phải sững

⁽¹⁾ Pukkah shlib (tiếng Ấn Độ): bậc tôn kính.

sốt. Cách nói chuyện của ông, cái lối ông vẫn giáo lý, tính chất hơi hợt vô vị ở những lời ông phát biểu, cái vẻ ngờ nghệch có giáo dục đáng yêu của ông, tất cả đều rất đặc trưng cho một sĩ quan về hưu, khiến người ta vô tình nghĩ rằng ông đang làm trò.

Khi Êlino hay tin ông Phrêdêric Hady và vợ đã thuê căn nhà nằm ngay dưới chân quả đồi của họ, thì bà rất mừng rỡ. Thật dễ chịu cho Rôbôt khi có được người cùng giai tầng làm chỗ lảng giềng gần. Bà đã dò hỏi nơi bạn bè ở Cannơ về Hady. Thì ra ông Phrêdêric, sau khi ông chú chết mới đây, đã được thừa hưởng tước tòng nam và ở Riviera hai ba năm cho đến khi mãn hạn tang. Nghe nói lúc trẻ ông đã từng phóng túng một thời, nhưng khi đến Cannơ ông đã ngoại ngũ tuần, gia cảnh đề huề, với một bà vợ nhỏ nhắn dễ ưa và hai cậu con trai. Tiếc một điều là bà Hady đã có thời là diễn viên, mà Rôbôt lại hơi có thiên kiến đối với các diễn viên, tuy mọi người đều nói là bà ta rất đứng đắn, ra dáng phu nhân, không ai dám bảo là bà đã từng làm đào kép trên sân khấu. Ông bà Phorextơ gặp bà lần đầu tại một tiệc trà mà ông Phrêdêric không tới dự. Rôbôt phải thừa nhận rằng bà có vẻ là loại người rất lịch lãm, thế là Êlino, với mong muốn làm thân, đã mời họ tới dự một bữa cơm trưa. Họ đã định ngày. Gia đình Phorextơ đã mời nhiều khách khứa đến để làm quen với ông bà Hady, còn ông bà Hady thì đến hơi muộn. Êlino thấy mến ngay ông Phrêdêric. Ông trông trẻ hơn là bà tưởng, trên mái tóc cắt ngắn của ông không có lấy

một sợi bạc nào; khuôn mặt ông có cái gì đó trẻ con khá hấp dẫn. Vóc dáng ông nhẹ nhàng, không cao như Êlino; ông có đôi mắt sáng thân thiện và nụ cười tươi. Bà nhận thấy ông thất cái cra-vát cận vệ như cái mà Rôbốt thỉnh thoảng vẫn đeo; ông ta ăn mặc xoàng xĩnh hơn Rôbốt. Rôbốt của bà lúc nào trông cũng như từ tủ kính bày hàng bước ra, còn cách ăn vận của ông như thể không thành vấn đề gì nhiều. Êlino hoàn toàn có thể tin rằng thời trai trẻ ông cũng hơi phóng túng, nhưng không thấy phải lên án điều đó.

- Tôi phải giới thiệu nhà tôi với ông bà, - bà nói.

Bà gọi chồng, Rôbốt đang mải chuyện với một vài vị khách ngoài hiên nên đã không để ý thấy vợ chồng ông Hardy đã tới. Ông đi vào với cử chỉ cởi mở, thân tình và bằng vẻ phong nhã luôn chinh phục được Êlino, ông bắt tay bà Hardy. Rồi ông quay sang ông Phrêdêric. Ông Phrêdêric nhìn lại một cách bắn khoăn.

- Chúng ta đã gặp nhau rồi thì phải? - Ông ta nói.

Rôbốt mặt lạnh lùng đáp lại:

- Tôi không cho là như vậy.

- Tôi dám cam đoan là khuôn mặt ông trông quen lắm.

Êlino cảm thấy mặt chồng mình đánh lại và nhận thức được ngay là có điều gì không hay nảy sinh ở đây.

Rôbốt cười to:

- Có thể thế này là quá khiếm nhã, nhưng điều chắc như đinh đóng cột là tôi chưa bao giờ thấy ông

trong đời. Cũng có thể ta đã chạm trán nhau ngoài mặt trận. Nhưng có thiếu gì những cuộc gặp gỡ đại loại như vậy? Bà Hady, xin mời bà dùng cốc-tây.

Suốt bữa ăn Êlino để ý thấy Hady cứ liếc nhìn Rôbôt. Chắc là ông ta đang cố nhớ trong đầu. Rôbôt đang bận tiếp các bà ngồi ở hai bên cạnh ông, nên không hay biết. Ông cố làm cho khách khứa vui vẻ, tiếng cười vang, ngân to của ông bay khắp phòng. Ông thật là một chủ nhà tuyệt diệu. Êlino luôn khâm phục cái ý thức về bổn phận xã hội của ông; cho dù các bà có thuộc loại chán ngắt đến đâu chẳng nữa, ông vẫn chủ trò hết sức mình. Nhưng khi khách khứa đã ra về, tính vui vẻ tuột khỏi Rôbôt cứ như cái áo lễ tuột khỏi vai. Bà có cảm giác là ông bực dọc điều gì.

- Cái bà hoàng ấy chán quá hay sao? - Bà thân ái hỏi.

- Thật là cái đồ mèo già ranh ma, nhưng vẫn còn chịu được.

- Ông Phrêđêric bảo là có biết anh thì ngộ nhỉ?

- Anh chưa bao giờ để mắt đến lão ta trong đời. Nhưng anh biết rõ về lão. Ở địa vị em thì ít tiếp xúc với lão ta càng tốt, Êlino ạ. Anh cho lão ta không hoàn toàn bằng vai với ta được.

- Nhưng ông ta là dòng dõi một trong những dòng nam tước lâu đời nhất nước Anh, dòng ấy có tên ở trong quyển *Ai là ai*⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Ai là ai (Whos Who): loại sách ghi sơ lược tiểu sử các danh nhân, yếu nhân đương đại, được xuất bản hàng năm.

- Lão ta là cái đồ xỏ lá mặt hạng. Thật không ngờ là đại úy Hady. - Rôbốt sửa lại, - cái gã Phret Hady mà anh từng biết ngày xưa nay lại là ông Phrêđêric. Giá biết thì không đời nào anh lại cho em mời hắn đến đây như vậy.

- Sao vậy, anh Rôbốt? Có thể nói em thấy ông ta rất hấp dẫn.

Lại một lần nữa Êlinơ nghĩ là ông chồng hơi vô lý.

- Nhiều phụ nữ đã thấy hắn ta hấp dẫn để rồi phải trả giá đắt.

- Anh biết thiên hạ người ta hay đặt điều ra sao rồi. Làm sao mà tin được mọi lời đồn.

Rôbốt cầm lấy tay bà và nhìn thẳng vào mắt bà một cách nghiêm túc.

- Êlinơ, em biết rằng anh đâu phải là loại người nói xấu người khác sau lưng, nên anh sẽ không nói cho em biết những gì anh biết về Hady, anh chỉ yêu cầu em chấp nhận một điều là hắn ta không phải loại người tốt để có thể quan hệ.

Đó là một lời kêu gọi mà Êlinơ không thể quay mặt làm ngơ được. Bà xúc động thấy Rôbốt đặt một niềm tin như vậy ở bà; vào những giờ khắc quyết định, ông biết là chỉ cần kêu gọi đến sự chung lòng của bà, bà sẽ không để ông thất vọng.

- Về sự đứng đắn hết mực của anh, anh Rôbốt ạ, - bà đáp nghiêm túc, - thì không ai biết rõ hơn em. Em biết nếu có thể được thì anh đã kể cho em nghe rồi, nhưng bây giờ giá anh có muốn kể em cũng không

cho; bởi vì thế chẳng hóa ra em tin anh ít hơn anh tin em hay sao? Em sẽ tuân theo lời xét đoán của anh. Em hứa là vợ chồng Hady sẽ không bao giờ bước qua cửa nhà ta nữa.

Nhưng Êlino vẫn thường đi ăn một mình những khi Rôbôt bận chơi gônfo, và rất hay gặp vợ chồng Hady. Bà rất lạnh nhạt với ông Phrêdêric, vì một khi Rôbôt đã không ưa ông ta thì bà cũng phải có thái độ như vậy, nhưng ông ta thì lại hoặc là không để ý thấy điều ấy hoặc là bất cần. Ông vẫn lịch thiệp với bà và bà thấy vẫn dễ gần ông như trước kia. Khó mà không thích một người đàn ông vẫn thường công nhiên cho rằng đàn bà có hay đến mấy cũng vẫn là đàn bà, ấy vậy mà vẫn rất nhã nhặn và có phong thái dễ chịu như thế. Có lẽ ông ta chẳng phải loại người đáng có quan hệ, nhưng vô tình bà vẫn thấy thích cái nhìn ở cặp mắt nâu của ông ta. Đó là cái nhìn giễu cợt buộc người ta phải dè chừng, mà vẫn rất âu yếm khiến người ta không dám nghĩ điều gì không tốt trong đó. Nhưng càng nghe nói về ông ta, Êlino càng nhận thức rõ Rôbôt có lý biết bao. Ông ta là thằng đểu cáng vô luân. Người ta có nhắc đến tên những người đàn bà đã hy sinh hết thảy cho lão và rồi bị lão bỏ rơi thẳng thừng lúc đã chán. Hình như bây giờ ông ta có khuôn phép hơn, để tâm hơn vào vợ vào con; nhưng con báo có đời nào lại thay được những vết đốm trên da? Chỉ có thể là bà Hady phải chịu đựng nhiều hơn người ta tưởng.

Phret Hadý là một tay xấu. Gái đẹp, bài bạc⁽¹⁾, lại còn cái tật tai hại chuyên đánh cá ngựa thua, đã đẩy hẳn ta ra tòa vì vỡ nợ khi mới hai mươi lăm tuổi, và buộc phải xuất ngũ. Lão chẳng thấy xấu hổ gì khi mặc nhiên để cho những người đàn bà chẳng còn trẻ trung gì nữa, những người không cưỡng được vẻ hấp dẫn của lão cung phụng cho lão. Khi chiến tranh nổ ra, lão lại tái ngũ vào trung đoàn cũ và đã được tặng huân chương "Phục vụ xuất sắc". Rồi lão sang Kênia, ở đó lão sinh chuyện và cùng liên danh với bị cáo trong một vụ kiện đòi ly dị náo động, lão rời Kênia vì một số chuyện rắc rối quanh một tấm ngân phiếu. Cái ý niệm ở lão về sự chính trực thật lỏng lẻo. Mua ô tô hay mua ngựa ở lão thật là mạo hiểm, còn rượu sâm banh mà lão nồng hậu chào mời thì tốt hơn hết là nên từ chối. Khi lão đem về lõi cuốn của mình ra để mời bạn cùng tham gia một cú áp phe có thể làm giàu cho cả bọn lẫn lão ta, thì cứ tin chắc rằng lão có thu hồi về bao nhiêu đi nữa, bạn sẽ chẳng thu được gì cả. Lão đã lần lượt làm, tay buôn ô tô, kẻ buôn bán cổ phần rong, nhân viên bán hàng ăn hoa hồng và diễn viên. Giá trên đời này có ít nhiều công lý thì chắc lão phải chết rũ, nếu không trong tù thì cũng ngoài cổng rãnh đầu đó. Ấy thế nhưng nhờ bởi một trong những trò trở trêu kỳ quái của số mệnh mà sau khi đã thừa hưởng tước tòng nam và một thu nhập kha khá, sau khi đã lấy một phụ nữ xinh xắn, thông

⁽¹⁾ Nguyên văn: chemin de fer (tiếng Pháp, nghĩa đen là đường sắt) tên một trò đánh bài của Pháp.

minh làm vợ lúc đã qua cái tuổi bốn mươi, để rồi bà ta đăng thẳng để cho hai đứa trẻ khỏe mạnh và kháu khỉnh, sự phong lưu, địa vị và sự kính trọng. Đối với cuộc sống, chưa bao giờ lão có thái độ nghiêm túc hơn thái độ của lão đối với đàn bà, và cuộc sống cũng tử tế với lão chẳng khác nào đàn bà tử tế với lão. Nghĩ về dĩ vãng, lão thấy kiêu hãnh; lão đã sống một thời oanh liệt, lão khoan khoái với những thắng trận của mình, còn bây giờ với sức khỏe tốt và lương tâm sạch sẽ, lão sửa soạn làm một điền chủ an cư lạc nghiệp, và, mẹ kiếp, nuôi dạy lũ nhóc đúng cái cách cần phải nuôi dạy; chờ khi cái thằng già thay mặt cho khu vực bầu cử của lão về châu thổ, úi chà chà, thì chính lão sẽ bước vào nghị viện.

- Ở đó tôi có thể nói với thiên hạ một đôi điều mà họ không biết, - lão nói.

Có thể lão nói đúng, nhưng lão lại không nẩy được ra cái ý nghĩ là chắc gì người ta đã muốn biết những điều ấy cho lắm. Một buổi chiều, quăng mặt trời lặn, Phrét Hady bước vào một cái quán bên đường Croazet chạy ven biển. Vốn thích giao thiệp và không thích uống rượu một mình, nên lão nhìn quanh xem có ai quen không. Mất lão bắt gặp Rôbôt đã chơi gônơ xong và đang đợi Êlino.

- Ê, Bốp, có định làm tí tửu không?

Rôbôt rùng mình. Ở Riviêra không ai gọi ông là Bốp⁽¹⁾ cả. Khi đã nhận ra người nói, ông đáp lạnh lùng:

⁽¹⁾ Bốp là tên gọi suông sã, thân mật của Rôbôt.

- Tôi đã uống rồi, cảm ơn.

- Thì làm thêm chút nữa. Bà xã nhà tôi đâu có tán thưởng chuyện tôi uống trước bữa ăn, nhưng hề lủi được là tôi thường chui vào đây và làm một chén quăng giờ này. Tôi không biết cậu nghĩ thế nào, chứ theo tôi, Thượng đế đã tạo ra sáu giờ chiều để cho anh đàn ông có dịp nhăm nháp chút đỉnh.

Lão ném người xuống cái ghế da to cạnh Rôbốt và gọi người hầu bàn. Lão ban cho Rôbốt nụ cười hiền lành, dễ mến.

- Thăm thoát thôi đưa, kể từ cái dạo ta mới gặp nhau, chả mấy chốc mà đã thành lâu rồi đấy nhỉ, cha nội?

Rôbốt, mặt hơi cau lại, ném sang lão một cái nhìn mà người ngoài có thể mô tả là cái nhìn cảnh giác.

- Tôi không hiểu ông định nói cái gì. Theo chỗ tôi biết chắc chắn thì ta mới gặp nhau lần đầu cách đây quăng ba bốn tuần khi ông cùng bà nhà có nhã ý lại chơi và ăn cơm với chúng tôi.

- Thôi đừng giở cái giọng ấy ra nữa, Bốp. Tôi biết là đã gặp cậu hồi trước. Tôi cứ vắt óc nghĩ mãi rồi mới sực nhớ ra. Cậu đã làm cái nghề lau rửa xe ở ga-ra phố Bruton, nơi tôi vẫn thường để xe ấy mà.

Đại úy Phorextơ phá lên cười thích thú.

- Xin lỗi, ông nhầm đấy. Tôi chưa bao giờ được thấy chuyện buồn cười đến thế.

- Trí nhớ tôi tốt hết ý, vì tôi chưa bao giờ quên một khuôn mặt nào. Tôi đánh cuộc là cậu cũng chưa

quên tôi. Nhiều lần tôi trả cho cậu đồng nửa cu-ron để cậu tha chiếc xe từ nhà tôi đến gara những lúc tôi không muốn mất thì giờ tự tay lái nó.

- Ông chỉ rất nói chuyện ba láp. Tôi chưa lần nào gặp ông trong đời cho tới tận hôm ông tới nhà tôi.

Hađy toét miệng cười vui vẻ.

- Cậu hẳn còn nhớ tôi là tay chơi máy ảnh Kôđắc đã lâu. Tôi còn những tập an-bom ảnh mà tôi đã chụp. Chắc cậu đến phải ngạc nhiên nếu biết là tôi đã tìm thấy một pô ảnh cậu đang đứng cạnh chiếc xe hai chỗ ngồi tôi vừa mới mua. Cái hồi ấy trông cậu đẹp trai bỏ xừ, tuy cậu mặc bộ quần áo lao động và mặt mũi không được sạch sẽ cho lắm. Giờ cậu đã to ra, tóc đã bạc đi, lại có thêm bộ ria, nhưng cũng vẫn là thằng cha ấy. Không trượt đi đâu được.

Đại úy Phorextơ lạnh lùng nhìn lão.

- Chắc hẳn có sự giống nhau ngẫu nhiên nào đó làm ông trông nhầm. Những đồng nửa cu-ron là ông cho người nào ấy chứ, đâu phải tôi.

- Thôi được, nếu anh không phải là tay rửa xe ở ga-ra Bruton thì anh ở đâu quãng giữa năm 1913 và 1914?

- Tôi ở Ấn Độ.

- Cùng với trung đoàn của anh! - Phret Hađy lại nhe răng cười khi, hỏi.

- Tôi sẵn bán.

- Nói phét.

Mặt Rôbốt đỏ tía lên.

- Đây không phải là chỗ để ẩu đả, nhưng nếu ông cứ nghĩ rằng tôi sẽ đứng dậy để hứng những lời lăng mạ từ một con lợn say mềm như ông, thì ông nhầm đấy.

- Cậu có thích nghe những điều khác tôi biết về cậu không? Khi đã hồi tưởng thì chuyện này chuyện khác cứ theo nhau hiện về, nhớ ra nhiều lắm.

- Tôi không quan tâm đến chuyện của ông làm gì. Tôi đã bảo ông là ông đã nhầm to rồi. Ông lẫn tôi với một người nào đó.

Những lão vẫn chưa rục rịch muốn đi.

- Ngay cái hồi ấy cậu cũng phất phơ lắm. Tôi còn nhớ một lần tôi định về quê sớm, tôi dặn cậu sửa soạn ô tô trước chín giờ, nhưng rồi ô-tô vẫn chưa xong, tôi làm om lên, thế là cụ Thôm-xơn bảo với tôi: bố cậu với cụ là chỗ bạn bè với nhau nên cụ mới thương tình lấy cậu vào làm vì cậu đã hết kế sinh nhai. Bố cậu hầu rượu ở cái câu lạc bộ nào tôi quên mất rồi, Oaitơ hay Brúc-xơ gì đó, còn cậu làm cái chân bé con chạy điệu đóm chứ đâu. Rồi cậu ghi tên vào trung đoàn cận vệ Cônđôxtririm nếu tôi nhớ không nhầm, sau có một lão nào đó lôi cậu ra và cho làm thẳng hầu.

- Thật hoang đường quá sức, - Rôbớt khinh bỉ nói.

- Ô, tôi còn nhớ hồi về nhà nghỉ phép, có một lần đến chỗ ga-ra, cụ Thôm-xơn có kẻ với tôi là cậu đã sung vào Quân đoàn hậu cần. Cậu không muốn mạo hiểm hơn, phải không cha nội? Những câu chuyện

mà tôi nghe được về sự gan dạ của cậu ngoài chiến hào cũng có hơi bốc, có đúng không nào? Ít ra thì cậu cũng được phong quân hàm sĩ quan, hay cũng lại chuyện phịa nốt?

- Tất nhiên tôi được phong quân hàm.

- Chà, ngày ấy thiếu gì những kẻ ba vạ cũng được phong, nhưng cha nội ơi, nếu đấy là Quân đoàn hậu cần, thì ở địa vị cậu tôi sẽ không đời nào đi đeo cái cra-vát cận vệ.

Đại úy Phorextơ theo bản năng đặt tay lên cái cra-vát. Phrét Hady ngắm ông với cặp mắt giễu cợt, cầm chắc rằng dù nước da Rôbốt có sạm nắng nó vẫn cứ trắng bệch ra như thường.

- Tôi đeo cái cra-vát nào thì can hệ gì đến ông?

- Đừng cóu kỉnh, cha nội. Lồng vó lên phỏng có tích sự gì. Tôi biết chuyện cậu, nhưng có định làm lộ tẩy cậu đâu, vậy làm sao cậu không nhận toẹt đi cho rồi

- Tôi chẳng có gì để nhận toẹt ra cả. Tôi nói với ông rằng đấy là một sự nhầm lẫn ngu xuẩn. Và xin tuyên bố với ông là nếu ông cứ lan truyền những chuyện nhầm nhứ như vậy về tôi, tôi sẽ kiện ông về tội vu khống.

- Đẹp nó lại, Bốp, tôi không định lan truyền gì cả. Để làm gì kia chứ? Tôi chỉ nghĩ toàn bộ sự việc khá là ngộ. Tôi không có ác ý gì với cậu. Tôi cũng đã từng lang bạt kỳ hồ lắm phen. Xin phục cậu ở cái điểm tháu cáy phi thường này đây. Bắt đầu là một cậu bé

điều đóm, rồi đăng lính, làm thẳng hầu và chân rửa ô-tô, thế mà bây giờ cậu đã là một bậc quân tử nổi bật, có nhà cao cửa rộng, tiếp đãi toàn các vị tai to mặt lớn ở Riviera, giết giải đấu gônfơ, làm phó chủ tịch câu lạc bộ bơi thuyền, không biết cậu còn làm những gì gì nữa. Ở Cannơ này cậu có vai vế rồi. Thật phi thường. Tôi cũng đã có thời làm những việc động trời, nhưng cái ý chí của cậu thì..., xin ngả mũ trước cha nội.

- Tiếc là tôi không xứng đáng với lời khen của ông. Bố tôi phục vụ trong đơn vị kỵ binh Ấn Độ và ít nhất tôi sinh ra đã là bậc quân tử. Tôi có thể không có sự nghiệp công danh xuất sắc lắm, nhưng không có gì để hổ thẹn cả.

- Thôi đi, Bốp. Cậu biết đấy, tôi không hờ chuyện này ra đâu, kể cả với bà xã nhà tôi. Tôi không bao giờ kể lể với đàn bà điều gì mà họ chưa biết. Cứ tin ở tôi, tôi có nhẽ còn lâm vào những cảnh ngộ éo le rắc rối hơn nhiều, nếu tôi không đặt cái ấy thành quy tắc cho mình. Tôi cứ nghĩ, cậu sẽ cảm thấy sung sướng được có bên cạnh một người mà cậu có thể trở về với chính mình những khi chỉ có anh ta. Lúc nào cũng giữ gìn giấu giếm có căng đầu óc không chứ? Cậu cứ giữ kẽ với tôi thì thật ngốc. Tôi cũng không hơn gì cậu đâu, cha nội ạ. Bây giờ quả tôi có là tông nam tước và điền chủ thật, nhưng cũng từng rơi vào những tình thế gay cán mà giờ đây tôi cũng phải ngạc nhiên là đã không bị tóm cổ vào tù.

- Cái ấy thì nhiều người cũng phải ngạc nhiên.

Phrét Hadý phá lên cười ha hả.

- Xin chịu cha nội thật. À mà này, tôi nói cậu đừng giận nhé, tôi nghĩ cậu bảo với vợ rằng tôi không phải là hạng người tốt để có thể đi lại với nhau thì có hơi quá lời đấy.

- Tôi không nói như thế bao giờ.

- Ồ, không, cậu có nói. Bà ấy là loại gái già hết chê, chỉ có điều hơi béo lẻo một tí thôi, hay là tôi nhầm?

- Tôi không có ý định đem vợ tôi ra bàn với một người như ông, - đại úy Phorextơ lạnh lùng đáp.

- Ấy, đừng có ra dáng quân tử phong nhã thái quá ra với tôi, Bốp ạ. Ta cùng cảnh vô công rồi nghề cả, chỉ có thể thôi. Những lần sau ta có thể cùng nhau giết thì giờ một cách êm vui, chỉ cần cậu có đầu óc suy xét hơn một chút. Cậu là đồ nói dối, đồ bịp bợm, đồ mạo nhận, nhưng cậu rất đúng mực đối với vợ, thế là đáng trọng rồi. Vợ cậu mê cậu như điên, có phải không? Đàn bà thật là lạ. Bà ấy là một người đàn bà rất dễ thương, Bốp ạ.

Mặt Rôbôt đỏ rực, ông nắm chặt tay thành quả đấm và hơi chồm dậy khỏi ghế.

- Đồ chết tiệt, cấm ngay chuyện vợ tao đi. Nếu ông còn nhắc đến chuyện vợ tôi nữa thì tôi sẽ nện ông gục tại đây bây giờ.

- Ấy chết, không thể xử sự thế được. Cậu là một bậc chính nhân quân tử vĩ đại như vậy, đời nào lại đánh một gã nhỏ mọn hơn mình.

Hady nói những lời trên một cách nhạo báng, đồng thời quan sát cầm chừng Rôbôt, sẵn sàng né mình nếu quả đấm đồ sộ kia giáng xuống. Lão sững sốt vì hiệu quả lời nói của lão. Rôbôt ngồi phịch xuống ghế và duỗi nắm tay ra.

- Ông nói phải. Chỉ có loại súc vật hèn hạ mới lợi dụng cái đó.

Lời đáp có tính chất sân khấu đến nỗi Phrét Hady bật cười khúc khích. Nhưng rồi lão thấy kẻ kia không đùa. Hắn hết sức nghiêm túc. Phrét Hady không phải là thằng ngốc; lão khó có thể sống suốt hai mươi lăm năm bằng những nguồn vật chất không được minh bạch cho lắm nếu như lão thiếu sự khôn ngoan. Lúc này, còn trong cơn bàng hoàng, chăm chăm nhìn con người to lớn hùng mạnh kia, kẻ trông giống hệt một vận động viên thể thao Anh quốc điển hình, lão chợt hiểu ra rằng, đây không phải là một tay bịp tầm thường quyến rũ một người đàn bà đàn độn để sống trong xa xỉ và an nhàn. Bà ta chỉ là một công cụ để đạt đến một mục tiêu lớn hơn. Hắn bị cuốn hút bởi một thứ lý tưởng mà để theo đuổi nó, hắn không từ một mảnh khốe nào. Có thể ý nghĩ ấy đã nảy sinh khi hắn còn là một cậu bé điều đóm ở một câu lạc bộ sang trọng, mà hội viên ở đó, với vẻ nhàn hạ thư thái, với phong cách thoải mái rất hấp dẫn đối với hắn; rồi sau này khi là người lính, khi là thằng hầu, khi là tay rửa xe nhiều người mà hắn gặp ở trong đời thuộc một thế giới khác, hắn nhìn họ qua màn sương thần tượng, lòng tràn ngập sự kính phục và ghen tỵ.

Hắn muốn được như họ. Hắn muốn là một người trong số họ. Đó chính là cái lý tưởng đeo đuổi tâm trí hắn. Hắn muốn - quả là lối bạch, quả là khiên cường - hắn muốn làm một bậc chính nhân quân tử. Chiến tranh và cấp bậc sĩ quan mà nó đem lại đã cho hắn một cơ hội. Tiền Êlinơ là phương tiện. Cái quân khốn khổ ấy đã hai mươi năm đóng giả một nhân vật quý phái, mặc dù cái giá trị duy nhất của sự quý phái là ở chỗ không phải đóng giả. Thật vừa lối bạch, vừa khiên cường. Vô tình Phret Hady thốt thành lời cái ý nghĩ xuyên suốt trí óc lão.

- Tội nghiệp thằng cha, - lão nói.

Phorextơ dòm nhanh sang lão. Hắn không hiểu được lời nói ấy ngụ ý gì cũng như cái giọng thốt ra. Hắn đỏ mặt.

- Ông nói có ý gì?

- Ô, không, không có ý gì cả.

- Tôi nghĩ chúng ta cứ tiếp tục câu chuyện thế này thì thật vô nghĩa. Hiển nhiên là tôi không dùng cách thuyết phục ông là ông lầm. Tôi chỉ có thể nhắc lại là không có lấy lời nào đúng sự thật trong đó. Tôi không phải là cái kẻ mà ông tưởng.

- Thôi được, cha nội, tùy ý muốn thế nào cũng được.

Phorextơ gọi người hầu bàn.

- Trả tiền cả cho ông nữa chứ? - Ông ta hỏi giọng lạnh tanh.

- Vâng, cha nội ạ.

Phorextơ tỏ ra đĩnh đạc đưa tiền cho người hầu

bàn và bảo cầm cả lấy, đoạn không nói thêm một lời, không nhìn Phret Hadý thêm một lần nào nữa, oai vệ bước ra khỏi quán.

Họ không gặp lại nhau cho đến cái đêm mà Rôbốt Phorextơ lâm nạn.

Đông qua để xuân tới, vườn tược Riviera rực rỡ khoe màu. Các sườn đồi sắc sỡ những loại hoa dại. Xuân đi cho hè về. Trong các thành phố dọc Riviera phố xá bị ngột bởi cái nóng chói chang, day dả làm máu chảy rần rật; phụ nữ đi dạo trong bộ py-gia-ma và cái mũ rơm rộng vành. Bãi biển chật ních người. Đàn ông mặc quần tắm, đàn bà người gầy như trần truồng nằm dưới ánh mặt trời. Buổi tối, các quán trên đường Croazét nêch chật một đám đông nhốn nháo, lao xao, nhiều màu sắc chẳng kém gì hoa xuân. Đã hàng tuần liền trời không mưa. Có một vài đám cháy rừng xảy ra dọc bờ biển, và Rôbốt Phorextơ, bằng cái lối vui đùa của mình, một vài lần nói rằng nếu khu rừng chỗ họ ở cháy thì cũng chặt vật chứ chẳng chơi. Một vài người khuyên ông chặt bớt dăm ba cây phía sau nhà, nhưng ông không chịu. Khi ông bà tậu nơi này thì cây cối còn trơ trụi, nhưng dần dần họ chặt bỏ cành khô, diệt trừ sâu bọ thì chúng mới tươi tốt như ngày nay.

- Chặt đi một cây thì khác nào như chặt một cái chân của mình vậy. Chúng hầu hết cũng xấp xỉ trăm tuổi cả rồi đấy.

Ngày mười bốn tháng bảy, ông bà Phorextơ đi dự

tiệc hội hè ở Môngtê Cáclô⁽¹⁾, còn đám thuộc hạ thì được thả cho đi Cannơ. Hôm ấy là ngày quốc khánh, ở Cannơ người ta tổ chức khiêu vũ ngoài trời dưới những cây ngô đồng, có pháo hoa, nên dân chúng xa gần đều kéo đến vui chơi. Gia đình Hady cũng cho kẻ hầu người hạ được đi chơi. Còn họ thì ngồi nhà, hai đứa trẻ nằm trên giường, Phrét đánh bài payxiên một mình, bà Hady thì loay hoay làm đệm ghế bành. Bỗng có hồi chuông réo và có tiếng gõ mạnh.

- Đồ khỉ gió nào thế?

Hady ra mở cửa và trông thấy một thằng bé. Thằng bé nói đám cháy đã bùng lên ở cánh rừng nhà Phorextơ. Một số người trong làng đến, đang dập; nhưng họ cần thêm người giúp, và ông nên đến.

- Tất nhiên, tao sẽ đến. - Ông vội vã quay vào bảo vợ. - Đánh thức lũ trẻ dậy cho chúng ra xem đám cháy. Bỏ mẹ thật, sau cái đận hanh khô thế này nó cháy phải biết.

Ông lao bỏ đi. Cậu bé nói với ông là người ta đã gọi điện cho trạm cảnh sát và họ sẽ cử người đến. Có người đã nối dây với Môngtê Cáclô và báo cho đại úy Phorextơ biết.

- Phải mất một giờ ông ấy mới về được đến đây, - Hady nói.

Vừa chạy, họ vừa trông thấy quang sáng rực trên

⁽¹⁾ Môngtê Cáclô: Thành phố thuộc hầu quốc Mônaca, nằm ở dải đất Riviera thuộc Pháp.

trời; khi lên tới đỉnh đồi họ thấy những ngọn lửa đang liếm mạnh. Nước không có nên cách duy nhất là cố dập dụi chúng. Có một số người đang làm việc đó. Hađy nhập vào với họ. Nhưng chưa kịp dập lửa ở bụi cây này thì bụi khác đã bắt đầu lép bép và chưa kịp định thần thì nó đã biến thành một bó đuốc phùng phùng.

Nóng khủng khiếp nên mọi người cứ phải lùi dần. Một ngọn gió thổi là những tàn lửa lại bay từ cây xuống bụi. Sau những tuần hanh khô, mọi thứ đều chả khác gì bụi nhùi, nên cái lúc mà một tàn lửa rơi xuống là cả cây cả bụi đều bắt lửa. Nếu không thấy khủng khiếp thì cũng thấy kinh hãi khi nhìn một cây linh sam đồ sộ, cao sáu mươi phút⁽¹⁾ cháy như que diêm. Lửa gầm gào như trong lò cao. Cách chữa lửa tốt nhất là chặt cây đốn bụi, nhưng người đã ít mà riu cũng chỉ có hai ba cái. Hy vọng duy nhất đặt vào đám lính đã quen chữa cháy rừng, nhưng họ vẫn chưa đến.

- Nếu họ chưa đến ngay lúc này thì ta sẽ không cứu được căn nhà, - Hađy nói.

Bất chợt trông thấy vợ cùng hai đứa con đi tới, ông vội gọi. Người ông đã đen bụi than, mồ hôi chảy ròng trên mặt. Bà Hađy chạy lại.

- Ôi, Phret, còn chó và gà con nữa.

- Ừ, khi gió thật.

⁽¹⁾ Một phút (poot), còn gọi là bộ, đơn vị đo lường của Anh, bằng 30,48 cm.

Cũi chó và chuồng gà ở sau nhà, nơi đã được phát quang. Lũ súc vật khốn khổ đã cuồng lên vì sợ. Hady thả chúng ra và chúng chạy thục mạng. Hãy tạm cho chúng được tự do. Vầng lửa bây giờ trông thấy rõ từ xa. Nhưng lính cứu hỏa vẫn chưa đến, cái nhúm người ít ỏi kia bất lực trước đám lửa đang tiến lại.

- Nếu lũ lính chết tiệt kia không đến ngay bây giờ thì căn nhà sẽ đi tong, - Hady nói. - Tôi nghĩ khuôn ra được thứ gì hay thứ đó.

Căn nhà bằng đá, nhưng lại có hàng hiên gỗ chung quanh, chúng mà cháy thì chẳng khác gì củi đóm cháy. Đám người hầu của gia đình Phorextơ về. Ông tập hợp họ lại, vợ ông góp một tay, lại có thêm hai cậu con trai nữa; mọi người khuôn ra bãi cỏ những thứ gì có thể mang ra được: khăn vải các loại, đồ đạc, quần áo, đồ trang trí, tranh ảnh, đồ đạc gỗ. Cuối cùng lính cứu hỏa đã đến, hai xe tải chở họ, và bắt tay vào việc đào hào đốn cây. Chỉ huy họ là một viên sĩ quan, và Hady sau khi chỉ ra cái nguy cơ đe dọa ngôi nhà, đã đề đạt với anh ta trước hết hãy hạ những cây bao quanh ngôi nhà xuống.

- Ngôi nhà không phải việc của tôi, - anh ta nói, - tôi phải lo ngăn đám cháy lan ra khắp đồi đã.

Có ánh đèn pha ô-tô quét nhanh dọc con đường quanh co, và một lát sau Phorextơ cùng vợ bước ra khỏi xe.

- Đàn chó đâu rồi? - Ông kêu lên.

- Tôi thả chúng ra rồi, - Hady nói.

- À, thì ra là ông.

Ban đầu, qua cái con người nhem nhuốc, mặt dính muội than và mồ hôi, Phorextơ không nhận ra được ngay đó là Phret Hady. Ông chau mày giận dữ.

- Tôi nghĩ ngôi nhà có thể bị dính lửa, nên đã khuôn ra những thứ gì có thể khuôn được.

Phorextơ nhìn cánh rừng đang rực lửa.

- Thôi thế là hết cả cây với cối của tôi rồi, - ông nói.

- Lính họ đang chữa cháy trên sườn đồi. Họ cố cứu những cơ ngơi gần đó. Ta đi xem có thể giúp được gì không.

- Tôi sẽ đi, ông khỏi cần, - Phorextơ nói giọng bực tức.

Bất thần Êlino rú lên náo nùng.

- Ôi nhìn kia. Căn nhà!

Từ chỗ họ đứng có thể thấy hàng hiên phía sau bùng lửa.

- Không sao, Êlino ạ. Căn nhà không cháy được đâu. Nó chỉ cháy phần gỗ thôi. Cầm cho anh cái áo vét, anh đi giúp toán lính.

Ông cởi áo khoác ra đưa cho vợ.

- Tôi sẽ đi với ông, - Hady nói. - Bà Phorextơ, tốt hơn hết bà hãy ra chỗ để đồ đạc kia kìa. Hình như những gì quý giá chúng tôi đã đem ra cả rồi.

- May quá, tôi đeo hầu hết số đồ nữ trang quý trên người.

Bà Hady là một người phụ nữ nhanh trí:

- Bà Phorextơ, ta gọi đám người hầu lại và chuyển đồ đạc xuống nhà tôi đi.

Hai người đàn ông đi về phía chỗ đơn vị cứu hỏa đang làm việc.

- Ông khuôn họ đồ đạc ra khỏi căn nhà như thế thật quý hóa, - Rôbốt nói, giọng cứng nhắc.

- Chuyện vặt, - Phret Hady đáp.

Họ chưa đi được xa thì nghe có người gọi. Họ quay lại nhìn và thấy thấp thoáng một người phụ nữ chạy theo.

- Monsieur. Monsieur⁽¹⁾.

Họ dừng lại. Người phụ nữ sai tay, bươn bả chạy tới. Đó là cô đầy tớ của Êlinơ. Về mặt cô thẳng thốt.

- La petite Judy⁽²⁾. Con Judy. Con đã nhốt nó trong nhà khi đi chơi. Nó đang bị kẹt. Con để nó trong buồng tắm của chị em đầy tớ.

- Trời ơi! - Phorextơ kêu lên.

- Chuyện gì thế?

- Con chó của Êlinơ. Dù thế nào đi chăng nữa, tôi cũng phải cứu nó.

Ông quay lại và định chạy bỏ về nhà. Hady nắm tay giữ ông lại.

- Đừng có mà ngu ngốc thế, Bốp. Ngôi nhà đang cháy. Làm thế nào mà chui vào được.

⁽¹⁾ Ông chủ, ông chủ (tiếng Pháp).

⁽²⁾ Con cún Giuydi (tiếng Pháp).

Phorextơ vùng vẫy để thoát ra.

- Buông ra, đồ khốn kiếp. Ông cứ tưởng rằng tôi bỏ mặc con chó bị thiêu sống à?

- Thôi im đi. Giờ không phải lúc đóng kịch.

Phorextơ đẩy Hady bắn ra, nhưng Hady lại chồm tới và ôm ngang lưng ông, Phorextơ giờ nắm đấm, lấy hết sức thui vào giữa mặt Hady. Hady loạng choạng, thả tay ra, và Phorextơ lại nện tiếp. Hady ngã vật ra đất.

- Đồ ba que xỏ lá. Tao sẽ cho mày biết bậc quân tử phải xử sự như thế nào.

Phret Hady lồm cồm đứng dậy và sờ lên mặt. Đau quá.

- Trời, chỗ này ngày mai sẽ thâm tím lại đây.

Lão choáng váng, mắt hơi hoa lên. Cô đây tớ bỗng òa lên khóc như mưa gió.

- Cầm ngay, đồ đi, - ông gắt lên cái kính, - cầm kể một lời nào với bà chủ.

Phorextơ đã biến đi. Hơn một giờ sau người ta mới tìm lại được Phorextơ. Ông nằm trên đầu cầu thang phía ngoài phòng tắm, đã chết, với con chó Siliom cũng đã chết trên tay. Hady nhìn ông một lúc lâu rồi mới cất tiếng.

- Đồ ngu. - Lão lẩm bẩm qua kẽ răng, giọng giận dữ. - Đồ ngu thượng hạng!

Sự lừa gạt rốt cuộc đã bắt hắn phải trả giá. Như một kẻ mắc một tật xấu cho đến lúc cái tật ấy biến thành thông lọng mắc vào cổ hắn và hắn trở nên là

nô lệ ngoan ngoãn cho nó, hắn đã nói dối quá lâu đến nỗi chính hắn đâm tin vào những lời nói dối của mình. Bốp Phorextơ đã làm ra bộ một bậc chính nhân quân tử hàng bao nhiêu năm để rồi cuối cùng, quên rằng đó là một sự giả mạo, hắn đã đi đến chỗ hành động theo cái cách mà bộ óc dần dần, tầm thường của hắn nghĩ là một bậc chính nhân quân tử ắt phải hành động như vậy. Không nhận thức được sự khác biệt giữa cái rởm và cái thật, hắn đã đem đời mình ra hy sinh cho một thứ chủ nghĩa anh hùng huyền hoặc. Phret Hady còn phải báo tin này cho bà Phorextơ. Bà ta đang ở chỗ vợ mình rằng Rôbốt đang cùng lính đốn cây và phát quang bụi. Hady nói với bà bằng cách nho nhã nhất mà lão có thể có, nhưng lão phải kể với bà, phải kể mọi chuyện.

Thoạt đầu hình như bà không nắm bắt được ý nghĩa lời nói của lão.

- Chết rồi sao? - Bà thảng thốt. - Chết rồi sao? Anh Rôbốt của tôi?

Thế là Phret Hady, một kẻ phóng dăng, một kẻ vô liêm sỉ, một kẻ thô bỉ vô lương, đã nắm lấy tay bà trong tay lão và nói những lời duy nhất có thể giúp bà vượt được nỗi đau buồn:

- Bà Phorextơ, ông nhà quả là một bậc chính nhân quân tử rất cao thượng.

Sự sa ngã của Etuôt Banot

Bâytoran Hantơ kém ngủ. Suốt hai tuần trên chiếc tàu thủy đưa anh từ Tahiti⁽¹⁾ về Xan Franxixcô anh đã nghĩ mãi về câu chuyện anh sẽ phải nói và đã ba ngày nay trên xe lửa anh thầm nhẩm lại những lời lẽ anh định dùng để kể. Thế nhưng khi còn ít giờ đồng hồ nữa là anh sẽ ở Chicagô, thì những bản khoản lại ập đến tấn công anh. Lương tâm anh vốn rất nhạy cảm, không được thanh thản. Anh không dám chắc anh đã làm tất cả những gì có thể làm được, mà danh dự của anh là ở chỗ phải làm hơn nhiều những gì có thể làm được, và cái ý nghĩ đang day dứt là, trong một vấn đề động chạm sát đến lợi ích của riêng anh như vậy, anh đã để cho lợi ích của mình lấn át tinh thần Đông Kisốt hào hiệp trong người. Đức tính hy sinh thấm đượm sâu sắc trong tâm khảm anh đến nỗi nếu không thực hiện được nó, anh cảm thấy bị tan vỡ ảo tưởng. Anh

⁽¹⁾ Tahiti: hòn đảo lớn trong quần đảo Pôlinêzia thuộc Pháp ở phía nam Thái Bình Dương.

cũng giống như một nhà từ thiện với những động cơ vị tha, xây những ngôi nhà kiểu mẫu cho người nghèo và chợt nhận ra rằng anh ta đã làm một việc đầu tư sinh lợi. Anh không ngăn nổi sự hài lòng mà anh cảm thấy trong cái mười phần trăm đền bù cho chỗ bánh mì anh đã ném xuống nước⁽¹⁾ nhưng anh lại mang một cảm giác khó xử là nó đã rút đi mất ít nhiều chất thanh cao ở phẩm cách của anh. Bâytoman Hantơ biết là lòng anh trong sạch, nhưng anh không hoàn toàn dám chắc anh sẽ chịu đựng kiên định đến mức nào, khi anh kể cho nàng nghe câu chuyện ấy, cái nhìn xét đoán trong cặp mắt nâu lạnh của Izaben Longxtaphê. Cặp mắt nhìn xa và sáng suốt. Nàng vẫn đo chuẩn mực của người khác bằng tính chính trực kỹ lưỡng của riêng nàng và không có sự kiểm duyệt nào lớn hơn sự im lặng lạnh lùng những khi nàng biểu thị sự không đồng tình với một hành vi không hợp với đạo lý nghiêm khắc của nàng. Không thể kháng cáo gì hết đối với sự phán quyết của nàng, bởi lẽ một khi đã quyết định, nàng không bao giờ thay đổi nó. Bâytoman cũng không thể nghĩ khác về nàng được. Anh đâu chỉ yêu vẻ đẹp của con người nàng, mảnh dẻ và cân đối, với mái đầu ngắn kiểu hãnh, mà vẻ đẹp của tâm hồn nàng còn làm anh yêu nhiều hơn... Với sự chân thật, ý thức khát khe về danh dự,

⁽¹⁾ Ngụ ý đến những lời trong Kinh thánh: Cứ ném bánh mì của người xuống nước, vì người sẽ tìm thấy nó nhiều ngày sau (Ecclesiastes, 11.1) nói sự nhân đức bao giờ cũng được đền bù.

cái nhìn không biết sợ, đối với anh, nàng như thâu góp trong mình tất cả những gì đáng khâm phục nhất có trong các nữ đồng bào của anh. Và lại anh thấy trong nàng có một cái gì đó còn hơn kiểu mẫu hoàn thiện của một cô gái Mỹ, anh cảm thấy sự tuyệt hảo của nàng có cái lối khác thường so với môi trường xung quanh, và anh đã quả quyết là không một thành phố nào trên thế giới có thể sản sinh ra nàng được, ngoài Chicagô.

Đau nhói dâng lên khi anh nhớ ra rằng anh phải giáng một đòn quyết liệt đến thế vào niềm kiêu hãnh của nàng, và lòng anh lại bùng lên tức giận khi anh nghĩ đến Etuôt Banơt.

Rốt cuộc xe lửa đã tiến vào Chicagô và, anh hoan hỷ được thấy những dãy phố dài với những tòa nhà xám. Anh chịu đựng hết sức khó khăn sự sốt ruột của mình khi nghĩ đến phố Xtét và đại lộ Oabasơ với những vỉa hè đông vui, xe cộ hối hả và cảnh huyền ảo của chúng. Anh đã về đến nhà. Anh sung sướng rằng mình đã sinh ra ở thành phố quan trọng nhất này của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Xan Franxixcô chỉ là tỉnh lẻ, Niu Yooc đã mòn mỏi hết thời, tương lai của nước Mỹ nằm trong sự phát huy các khả năng kinh tế, và Chicagô, bằng vị trí của mình, bằng năng lực của các công dân của thành phố, đã được dành cho vai trò trở thành trung tâm thực sự của đất nước.

- Minh cho rằng sẽ sống đến khi được trông thấy

nó là thành phố lớn nhất thế giới - Bâytoman tự nhủ lòng lúc bước xuống sân ga.

Cha anh đã ra đón anh, và sau cái bắt tay âu yếm, cả hai người, cùng cao, mảnh và cần đối, với cùng những đường nét đẹp khổ hạnh và làn môi mỏng, bước ra khỏi nhà ga. Ô-tô của ông Hantơ đã đậu sẵn và họ bước lên xe. Ông Hantơ bắt gặp cái nhìn tự hào và sung sướng của con trai khi anh nhìn phố xá.

- Con vui là đã về đến nhà, hở? - Ông hỏi.

- Vâng, đúng là con cảm thấy thế thật, - Bâytoman nói.

Mắt anh như nuốt lấy quang cảnh náo nhiệt.

- Bố nghĩ ở đây xe cộ có nhiều hơn một tý so với hòn đảo vùng biển Nam Thái Bình Dương của con, - ông Hantơ cười. - Ở đây con có thích không?

-Ồ bì thế nào được với Chicagô, bố. - Bâytoman đáp.

- Con không đưa Etuôt Banot về cùng con?

- Không ạ!

- Anh ta ra sao rồi?

Bâytoman im lặng trong giây lát, khuôn mặt tuần tú nhạy cảm của anh sa sầm lại.

- Con sẽ không nói đến anh ta nữa thì hơn, bố ạ, - cuối cùng anh nói.

- Ừ thôi, con ạ. Bố cho rằng mẹ con là người sung sướng nhất hôm nay.

Họ qua những phố đông người của khu Vòng cung và cho xe chạy dọc ven hồ cho tới một căn nhà

bề thế, bản sao y hệt một lâu đài trên sông Loa⁽¹⁾ mà ông Hantơ đã tự xây vài năm về trước. Ngay khi Bắytơman chỉ còn lại một mình trong căn phòng riêng, anh quay số điện thoại. Tim anh thót lên khi nghe thấy giọng trả lời.

- Chào Izaben, - anh nói vui vẻ.

- Chào anh Bắytơman.

- Làm sao em lại nhận ra được giọng anh?

- Em nghe thấy nó lần cuối cách đây đã lâu lắm đâu. Với lại em đang mong anh.

- Anh có thể gặp em vào lúc nào?

- Nếu anh không có gì lý thú hơn để làm thì có thể đến ăn tối với gia đình em.

- Em biết rất rõ là làm sao có được cái gì lý thú hơn để anh làm kia chứ!

- Em đoán anh có vô vàn chuyện mới?

Anh nghĩ anh đã dò được trong giọng nàng một âm điệu thông hiểu.

- Đúng đấy, - anh trả lời.

- Được, anh phải kể cho em nghe tối nay, tạm biệt nhé.

Nàng ngắt máy. Đặc tính bản hữu của nàng là nàng có thể chịu được thêm nhiều tiếng đồng hồ thừa như thế trước khi biết cái điều liên quan nhiều đến nàng. Bắytơman có thái độ khâm phục sự kiềm chế ấy của nàng.

⁽¹⁾ Sông Loa: Con sông dài nhất nước Pháp, bên bờ có nhiều lâu đài đẹp.

Trong bữa ăn tối mà bên cạnh anh và Izaben không có ai khác ngoài cha mẹ nàng, anh ngắm nàng dẫn dắt câu chuyện vào mạch mạn đàm vặt vãnh thanh lịch, và một ý nghĩ chợt đến với anh là nó giống hệt cái phong cách một nữ tử tước dưới bóng cái máy chêm, vẫn vui giỡn với những chuyện hoa lá của một ngày mà không biết có ngày mai. Những đường nét thanh tú, nét ngấn quý tộc của làn môi trên, sự dày mượt của mái tóc vàng óng ả lại gợi đến hình ảnh nữ tử tước, và một điều hẳn phải rõ ràng, tuy rằng có thể không phải ai cũng nhận thấy là trong nàng đang cuộn chảy dòng máu cao quý nhất của Chicagô. Phòng ăn là một cái nền thích hợp cho vẻ đẹp mảnh mai của nàng, bởi vì Izaben đã cho bày biện căn nhà, họa lại một cung điện trên Kênh Lớn ở Vônido⁽¹⁾, theo đúng kiểu vua Lui XV do một chuyên gia Anh đảm nhận; và sự trang trí duyên dáng được gắn với tên tuổi của một vị quân vương đa tình càng tôn lên vẻ đáng yêu của nàng, đồng thời thấu nhận từ đó một ý nghĩa sâu sắc hơn. Bởi trí óc Izaben hết sức phong phú, nên câu chuyện của nàng tuy nhẹ nhàng không đâu, nhưng không bao giờ khiếm nhã. Nàng đang nói về Musicale⁽²⁾ mà

⁽¹⁾ Vônido (Venezia): thành phố nổi tiếng về kênh rạch và các đảo, nằm ở đông bắc Italia.

⁽²⁾ Musicale (tiếng Pháp): kiểu giải trí thường tổ chức ở nhà riêng, trong đó nhạc chiếm vai trò chủ đạo, có thể gọi là buổi hòa nhạc tư.

nàng và mẹ nàng dự hồi chiêu, về những bài nói của một thi sĩ Anh ở Phòng thánh giá⁽¹⁾, về tình hình chính trị, về các bức Nghệ sĩ bậc thầy cổ điển⁽²⁾ mà cha nàng mới mua gần đây trị giá năm mươi nghìn đô la ở Niu Yooc. Bâtôman thấy dễ chịu khi nghe nàng nói. Anh cảm thấy anh đã lại về với thế giới văn minh, ở trung tâm văn hóa và quý phái, rồi những tiếng nói quấy phá nào đó trái với ý nguyện của anh, đang không chịu thôi kêu gào, rồi cuộc đã lắng lại trong lòng anh.

- Chà, thật dễ chịu khi về lại Chicagô, - anh nói.

Cuối cùng bữa ăn kết thúc. Lúc họ ra khỏi phòng ăn Izaben nói với mẹ:

- Con đưa anh Bâtôman về phòng riêng, chúng con có nhiều chuyện muốn kể với nhau.

- Được, được, con thân yêu. - Bà Longxtaphê nói. - Cha mẹ sẽ ở phòng Bà Duy Bari⁽³⁾ lúc nào con muốn qua.

Izaben dẫn chàng thanh niên lên gác và mời anh vào căn buồng nơi anh có vô vàn kỷ niệm đáng yêu. Dù đã thuộc nó, anh vẫn không tìm được tiếng

⁽¹⁾ Phòng thánh giá (Auditoium) cho đến năm 1929 vẫn là nhà hát ô-pê-ra chính ở Chicagô, xây năm 1889.

⁽²⁾ Old Master: tên gọi tranh của các họa sĩ danh tiếng khoảng từ thế kỷ 13 cho đến thế kỷ 17.

⁽³⁾ Phòng Bà Duy Bari (Madame Du Bay room): phòng được trang hoàng và bày biện theo kiểu mà nữ bá tước Mari Duy Bari (1746 - 1793), tình nhân của vua Lui XV, ưa thích.

thốt lên khoan khoái luôn bật ra. Nàng nhìn quanh mỉm cười.

- Em cho đây là một thành công, - nàng nói, - cái chính là mọi thứ đều đúng chỗ, không có lấy một cái gặt tàn không hợp thời.

- Anh cho đó chính là cái làm nên tuyệt diệu. Giống như tất cả những gì em làm quả là cực kỳ hợp lý.

Họ ngồi xuống cạnh đồng củi đang cháy và Izaben nhìn anh với đôi mắt nghiêm nghị bình lặng.

- Thế bây giờ anh sẽ kể gì cho em nào? - Nàng hỏi.

- Anh thấy khó quá, không biết bắt đầu thế nào.

- Etuôt Banot có trở về không anh?

- Không.

Một sự im lặng kéo dài mãi đến khi Bâytoman lại cất tiếng nói. Với mỗi người có chứa chất biết bao suy tư. Đây là một câu chuyện éo le mà anh phải kể, vì trong đó có những điều quá lằng mạp đối với đôi tai thính nhạy của nàng, khiến anh không thể chịu được khi kể ra, nhưng để có thái độ công bằng đối với nàng, cũng không kém phần công bằng đối với anh, anh phải kể cho nàng toàn bộ sự thật.

Nó bắt đầu đã lâu khi anh và Etuôt Banot, hồi còn ở trường cao đẳng, gặp Izaben Longxtaphê tại một tiệc trà nhân dịp nàng nhập hội. Cả hai người đều biết nàng khi nàng còn là cô bé con và họ còn là những cậu bé lông ngỗng, nhưng đã hai năm rồi

nàng sang châu Âu để hoàn tất việc học hành, và với sự vui thích ngỗ ngàng, họ gặp lại cô gái đáng yêu này đã trở về. Cả hai đều yêu nàng đến si mê, nhưng rồi Băytoman nhanh chóng thấy rằng nàng chỉ để mắt đến Etuôt mà thôi và, trung thành với bạn, anh tự lui mình xuống hàng một người bạn tâm tình. Anh đã qua những giây phút đắng cay, nhưng rồi anh không thể phủ nhận rằng Etuôt xứng đáng với vận đẹp của mình và mong giữ sao cho không có điều gì làm phương hại đến tình bạn mà anh hằng coi trọng ấy, anh giữ không để một dấu vết may mắn nào làm lộ những tình cảm của lòng anh. Trong vòng sáu tháng cặp tình nhân đã hứa hôn. Nhưng họ còn quá trẻ và cha của Izaben định rằng họ sẽ chưa cưới nhau, ít nhất cho đến khi Etuôt tốt nghiệp. Họ phải đợi một năm. Băytoman vẫn nhớ cái dạo cuối mùa đông năm ấy, khi Izaben và Etuôt sắp sửa tổ chức lễ cưới, một mùa đông của những điệu nhảy, những buổi xem hát và của những trò vui thân mật mà anh, người thứ ba bất biến, luôn luôn có mặt. Anh yêu nàng không kém bởi vì nàng sẽ là người vợ của bạn anh, một nụ cười của nàng, một lời nói vui vẻ mà nàng tặng cho anh, sự quả quyết trong tình cảm nàng bao giờ cũng làm anh khoan khoái, và anh tự chúc mừng mình, có phần nào tự mãn, là anh đã không ghen tỵ với hạnh phúc của họ. Rồi một sự rủi ro xảy đến. Một ngân hàng lớn bị phá sản, sự kinh hoàng diễn ra ở nơi đối tiền và cha của Etuôt Banơt lâm vào

cảnh cùng đường. Một đêm kia ông về nhà, nói với vợ rằng ông không còn lấy một xu để rồi sau bữa ăn, ông vào phòng làm việc và tự sát.

Một tuần sau, Etuôt Banot, mặt trắng bệch, mệt mỏi đến nhà Izaben và yêu cầu nàng dứt bỏ chàng. Lời đáp duy nhất của nàng là vòng tay ôm quanh cổ chàng và lệ tuôn trào.

- Đừng làm cho anh thêm đau lòng nữa, em yêu, - chàng nói.

- Anh có nghĩ rằng em đành lòng bỏ anh bây giờ không? Em yêu anh.

- Làm sao anh có thể mong em lấy anh được? Tình thế thật vô vọng. Cha em không đời nào cho em lấy anh. Anh không có lấy một xu.

- Em có cần gì đâu? Em yêu anh.

Chàng cho nàng hay những dự tính của mình. Chàng phải kiếm tiền ngay bây giờ. Gioocgiơ Baunsmi, một người bạn cũ của gia đình, đã mời chàng vào chỗ làm việc của ông. Ông là thương gia biển Nam, ông có các đại lý tại nhiều hòn đảo ở Thái Bình Dương. Ông đề xuất rằng Etuôt sẽ đi Tahiti một hoặc hai năm, ở đó, dưới sự dìu dắt của những tay quản lý tài giỏi nhất, chàng có thể học được những chi tiết của nghề buôn lăm vẻ này, hết thời gian đó ông hứa một chỗ ở Chicagô cho chàng trai. Đây là một dịp may tuyệt vời, khi chàng giải bày xong thì Izaben trở lại tươi cười.

- Anh ngốc nghếch lắm, sao anh lại cứ làm tình làm tội em vậy?

Mặt chàng sáng lên với lời nói của nàng và mắt chàng rực lóe.

- Izaben, em muốn nói là em sẽ đợi anh?

- Thế anh không nghĩ là anh xứng đáng với điều ấy sao? - Nàng mỉm cười.

- Ấy, đừng cười anh lúc này. Anh van em hãy nghiêm túc. Nó có thể kéo dài đến hai năm.

- Anh đừng sợ. Em yêu anh, Etuôt ạ. Khi anh về, em sẽ lấy anh.

Chủ của Etuôt là một người không thích chậm trễ, ông bảo với chàng là nếu nhận lời, chàng phải lên tàu từ Xan Franxixcô vào ngày này tuần sau. Etuôt dành buổi tối cuối cùng của chàng bên Izaben. Sau bữa ăn, ông Longxtaphê nói muốn có đôi lời với Etuôt và đưa chàng vào phòng hút thuốc. Ông Longxtaphê đã hiền hậu chấp nhận điều thỏa thuận mà con gái đã kể cho ông nghe, nên Etuôt không thể hình dung ra cái chủ đề bí ẩn nào ông định nói lúc này. Chàng không lấy làm bồn chồn chút nào khi thấy chủ nhà lúng túng. Ông cứ ấp úng mãi. Ông nói những chuyện tầm phào. Cuối cùng ông nói tuốt ra:

- Tôi đoán chắc anh đã nghe nói đến Acnôn Giắcxon, - ông nói, cau mày nhìn Etuôt.

Etuôt ngáp ngừng. Bản tính chân thật tự nhiên của chàng buộc chàng phải nhận cái điều hiểu biết

mà chàng sẽ lấy làm sung sướng giá chàng có thể phủ nhận.

- Vâng, cháu có nghe. Nhưng đã lâu lắm rồi. Cháu nghĩ cháu chẳng chú ý nhiều đến điều đó.

- Chẳng có mấy người ở Chicagô không nghe nói đến Acnôn Giắcxon. - Ông Longxtaphê nói một cách cay đắng, - và nếu có đi nữa thì những người ấy cũng chẳng khó khăn gì mà không tìm thấy một kẻ nào đó sẵn lòng kể cho họ nghe. Anh có biết ông ấy là em của bà Longxtaphê không?

- Dạ, cháu biết.

- Cố nhiên chúng tôi không liên lạc gì với chú ấy đã nhiều năm nay. Chú ấy đã rời nước nhà trong thời hạn sớm nhất có thể kịp được, và tôi nghĩ đất nước cũng không nuôi tiếc khi trông thấy chú ấy lần cuối. Chúng tôi hiểu là chú ấy sống ở Tahiti. Lời khuyên của tôi đối với anh là nên tránh xa ông ấy, nhưng nếu anh có nghe được điều gì về ông ấy thì bà Longxtaphê và tôi sẽ rất hân hạnh được anh cho hay.

- Nhất định ạ.

- Đó là tất cả những gì tôi muốn nói với anh. Giờ tôi chắc anh đang mong được nhập hội với cánh phụ nữ.

Ít có gia đình nào lại không có lấy một người trong số thành viên của họ mà nếu hàng xóm láng giềng cho phép, họ sẽ sẵn sàng quên đi, và họ lấy làm may mắn khi một hai thế hệ qua đi sẽ phủ lên cái tính khí bất thường của người đó một vòng hào quang lãng mạn. Nhưng khi người ấy còn đang sống

thế kia, nếu sự lập dị của anh ta không phải thuộc loại có thể tha thứ bằng cái câu: "Anh ấy thật chẳng là kẻ thù của ai cả mà chỉ là kẻ thù của chính mình", một câu không chết ai khi kẻ có lỗi không phải nhận điều gì tệ hơn tật nghiện rượu hay thói hoa nguyệt, thì cách tốt nhất là im lặng. Đó chính là cái cách mà gia đình Longxtaphê chấp nhận đối với Acnôn Giăcxơn. Họ không bao giờ nói chuyện về ông ta. Thậm chí họ còn không lai vãng qua cái phố ông ta đã từng sống: Còn quá tốt để không làm vợ con ông ta đau khổ thêm nữa vì tội lỗi của ông ta, họ đã trợ giúp vợ con ông ta hàng mấy năm nay, nhưng với thỏa thuận là những người này phải sống ở châu Âu. Họ đã làm mọi thứ có thể được để xóa đi tất cả ký ức về Acnôn Giăcxơn, nhưng vẫn nhận thức được rằng câu chuyện vẫn còn sót dẻo trong trí óc dư luận như khi lần đầu vụ bê bối bùng ra làm bàn dân thiên hạ phải há hốc miệng. Acnôn Giăcxơn cũng như đứa con tật nguyền mà gia đình nào cũng nhờ ra phải gánh chịu. Là một ông chủ nhà băng giàu có, có danh tiếng ở nhà thờ, là một nhà từ thiện, một con người ai cũng kính trọng không chỉ bởi dòng giống (trong người ông ta có dòng máu xanh Chicagô) mà còn bởi bản tính ngay thẳng của ông, dùng một cái ông bị bắt về tội bịp bợm, và cái thói bất lương mà tòa án đưa ra ánh sáng kia không phải thuộc loại có thể giải thích là do cảm dỗ bất thành linh, nó là cố ý và có hệ thống. Acnôn Giăcxơn là một kẻ lừa đảo. Khi ông ta bị đưa đi nhà

lao với án bảy năm, ít ai lại không cho rằng ông ta đã thoát đi một cách nhẹ nhàng.

Vào cuối cái buổi tối cuối cùng mà đôi tình nhân chia tay nhau ấy, đã có nhiều thể thốt long trọng về lòng chung thủy. Izaben, nước mắt đầm đìa, chỉ được khuấy khỏa đôi chút bởi sự tin tưởng chắc chắn của nàng vào tình yêu nồng nàn của Etuôt. Đó là một cảm xúc lạ lùng mà nàng có. Nó làm nàng đau khổ khi phải lìa chàng nhưng cũng làm nàng hạnh phúc vì chàng đã yêu nàng say đắm.

Chuyện ấy diễn ra hơn hai năm trước.

Từ dạo đó, chàng đã viết cho nàng hai mươi tư lá thư cả thảy, bởi vì thư tín chỉ đi mỗi tháng một lần và những lá thư của chàng có tất cả những gì mà những lá thư yêu đương phải có. Chúng thân tình và quyến rũ, đôi khi dí dỏm, nhất là những lá về sau, và âu yếm. Đầu tiên chúng gợi rằng chàng đang nhớ nhà, chúng chứa đầy mong muốn của chàng về với Chicagô và Izaben; rồi có hơi lo lắng, nàng viết thư xin chàng hãy bền chí. Nàng sợ nhờ chàng ném bỏ cơ hội này mà đâm bỏ về. Nàng không muốn người yêu mình thiếu tính chịu đựng và nàng trích cho chàng hai câu thơ sau:

Em yêu anh thiết tha

Danh dự còn thua xa..."⁽¹⁾

⁽¹⁾ Lời thơ của Risot Lavdâyxo (1618 - 1657) - nhà thơ trữ tình trong nhóm các nhà thơ Hiệp sĩ Anh, trong bài "Gửi Lucaxta ra nơi sa trường".

Nhưng rồi dạo này chừng như chàng đã yên cư và Izaben rất sung sướng được quan sát thấy nhiệt tình đang tăng của chàng nhằm áp dụng những phương pháp của nước Mỹ vào cái xứ bị bỏ quên kia của thế giới. Nàng vốn biết tính chàng, và vào lúc cuối năm, là thời gian tối thiểu mà chàng có thể phải ở Tahiti, nàng trông mong dùng hết ảnh hưởng của mình để thuyết phục chàng chưa về nhà vợ. Thật hay hơn nhiều nếu chàng học được nghề kinh doanh một cách kỹ lưỡng, còn nếu như họ đã đợi nhau được một năm thì hình như không có lý do gì mà họ không thể đợi nhau thêm một năm nữa. Nàng nói chuyện đó với Băytoman Hantơ, luôn là người hào hiệp nhất trong số bạn bè (trong mấy ngày đầu tiên sau khi Etuôt ra đi, nàng không biết rồi nàng sẽ ra sao nếu không có anh). Thế là họ quyết định rằng tương lai của Etuôt phải được đặt lên trước mọi thứ. Nàng thấy thật nhẹ lòng khi thời gian đã qua đi mà chàng không hề nhắc đến chuyện trở về.

- Anh ấy cừ lắm phải không? - Nàng thốt lên với Băytoman.

- Anh ấy thật cự phách, khỏi có điều chê.

- Em đọc thấy cái điều mà anh ấy không viết là anh ấy căm ghét cái nơi ấy, nhưng còn ráng chịu vì...

Nàng hơi đỏ mặt và Băytoman, với nụ cười nghiêm trang vốn rất hấp dẫn của anh, kết thúc câu nói hộ nàng.

- Bởi vì anh ấy yêu em.

- Điều ấy làm em cảm thấy mình nhỏ bé quá, nàng nói.

- Em thật tuyệt mỹ, Izaben ạ, em vô cùng tuyệt mỹ.

Rồi năm thứ hai trôi qua và mỗi tháng Izaben vẫn đều đặn nhận được một lá thư của Etuôt, nhưng bây giờ đây có điều hơi cảm thấy lạ lùng là chàng không nói đến chuyện quay về. Chàng viết như thể chàng đã định cư rõ ràng ở Tahiti và còn hơn thế nữa, định cư một cách thoải mái. Nàng sửng sốt. Rồi nàng đọc lại thư chàng, đọc hết tất cả các lá thư đến vài lần; lúc này đây, khi đọc những điều mà chàng không viết, nàng bắt khoản nhận thấy có điều khác biệt trước kia tuột khỏi sự nhận đoán của nàng. Những bức thư sau cũng vẫn âu yếm và ý nhị như những bức đầu tiên, nhưng chất giọng có khác. Nàng lơ mơ nghi hoặc sự dí dỏm của chúng, nàng có sự ngờ vực mang tính chất bản năng của phái nữ về cái lượng không thể chiết ra được kia, bây giờ nàng nhận ra trong đó sự chột nhả khiến nàng rối trí. Nàng không dám cầm chắc rằng Etuôt, người viết thư cho nàng bây giờ vẫn chính là Etuôt mà nàng đã từng biết. Một buổi chiều, cái ngày sau khi có thư từ Tahiti về, khi nàng đang lái xe với Băytoman, anh hỏi nàng:

- Etuôt có nói với em khi nào anh ấy lên tàu về nước không?

- Không, anh ấy chẳng nhắc gì đến chuyện ấy cả. Em nghĩ có lẽ anh ấy đã nói đôi điều với anh về chuyện ấy.

- Không một lời nào!

- Anh biết Etuôt thế nào rồi đấy, - nàng cười trong câu đáp, - anh ấy không có cảm giác về thời gian. Nếu lần sau anh có dịp viết thư, có lẽ anh hãy hỏi anh ấy xem khi nào thì anh ấy nghĩ đến chuyện về.

Phong thái của nàng bình thản đến nỗi chỉ có tính nhạy cảm sâu sắc của Bắytôman mới có thể nhận ra trong lời thỉnh cầu của nàng một mong muốn hết sức thôi thúc. Anh cười nhẹ nhàng:

- Được, anh sẽ hỏi anh ấy. Anh không thể hình dung nổi là anh ấy đang nghĩ gì.

Ít ngày sau, khi gặp lại anh, nàng nhận thấy có điều gì đó đang ám ảnh anh. Họ vẫn rất hay ở bên nhau từ dạo Etuôt rời Chicagô; cả hai đều hướng về Etuôt và mỗi người đều tha thiết muốn nói về người vắng mặt, lúc ấy họ tìm ngay được một người nghe hết lòng; kết quả là Izaben hiểu được từng biểu hiện trên mặt Bắytôman, nên giờ đây mọi lời chối của anh đều vô hiệu trước linh cảm tinh tế của nàng. Linh tính bảo nàng rằng cái nhìn ưu tư của anh có liên quan đến Etuôt và nàng không chịu yên cho đến khi buộc anh phải thú thực.

- Sự việc là, cuối cùng anh nói, - anh có nghe loáng thoáng rằng Etuôt không còn làm chỗ "Braunsmít và Công ty" nữa, nên hôm qua tiện dịp anh đã hỏi ngay chính ông Braunsmít.

- Sao?

- Etuôt bỏ việc ở chỗ họ đã gần một năm rồi!

- Sao kỳ lạ vậy, anh ấy chẳng nói gì đến chuyện ấy cả.

Bâyտơman ngập ngừng, nhưng anh đã đi quá xa nên bây giờ anh phải nói hết phần còn lại. Điều ấy khiến anh cảm thấy bối rối ghê gớm.

- Anh ấy bị sa thải.

- Trời ! Vì sao vậy?

- Đầu như họ đã cảnh cáo anh ấy một hay hai lần, rồi cuối cùng họ bảo anh ấy rút khỏi đó. Họ nói anh ấy lười biếng và kém cỏi.

- Anh Etuôt?

Họ im lặng một lát, sau đó anh thấy Izaben đang khóc. Theo bản năng, anh nắm chặt tay nàng.

- Ôi, em yêu, đừng em, đừng, - anh nói. - Anh không thể chịu được cảnh này.

Thần kinh nàng đang rã ra khiến nàng để im tay mình trong tay anh. Anh tìm cách an ủi nàng.

- Thật không thể nào hiểu nổi, phải không? Nó không giống với Etuôt tí nào, anh không ngăn được ý nghĩ rằng chắc hẳn có sự lầm lẫn nào đó.

Nàng không nói lời nào trong chốc lát, để rồi khi nói giọng nàng ngập ngừng:

- Anh có thấy là có cái gì đó kỳ quặc trong những bức thư gần đây của anh ấy không? - Nàng hỏi, mắt nhìn ra chỗ khác, đôi mắt long lanh đầy lệ.

Bâytoran chẳng còn biết trả lời ra sao nữa.

- Anh có nhận thấy sự khang khác trong đó, - anh thừa nhận, - anh ấy hình như đã đánh mất sự nghiêm túc cao ở anh ấy mà anh vẫn thường khâm phục rất nhiều. Người ta ắt nghĩ rằng những cái quan trọng thì lại chẳng nghĩa lý gì.

Izaben không đáp. Lòng nàng gợn lên bứt rứt.

- Có lẽ trong thư trả lời anh, anh ấy sẽ nói khi nào về nhà. Tất cả những gì chúng ta có thể làm là đợi câu trả lời ấy.

Một lá thư nữa của Etuôt lại đến với mỗi người trong họ, nhưng anh ta không hề nhắc gì đến chuyện trở về, chắc khi viết thư này anh ta chưa nhận được câu hỏi của Bâytoran. Chuyến thư sau sẽ đem về câu trả lời cho họ. Chuyến thư sau đã tới, Bâytoran đem lá thư anh vừa mới nhận đến cho Izaben, nhưng chỉ cái nhìn đầu tiên lướt qua khuôn mặt anh là đủ nói cho nàng rằng anh đã bị chùng hững. Nàng đọc kỹ suốt lượt bức thư và rồi, với cặp môi khế mím lại, nàng lại đọc nó một lần nữa.

- Một bức thư khá lạ lùng. - Nàng nói, - em không hoàn toàn hiểu nó.

- Người ta ắt nghĩ rằng Etuôt đang bỡn cợt với anh, - Bâytoran nói, mặt bừng đỏ.

- Đọc lên nghe nó thế, nhưng chắc không phải là chủ tâm. Nó không giống với Etuôt chút nào.

- Anh ấy không nói gì đến chuyện trở về.

- Giá như em không tin tưởng chắc chắn vào tình yêu của anh ấy đến thế thì em đã nghĩ... Em không còn biết em phải nghĩ gì nữa!

Sau đó Bâytôman đã phác ra một kế hoạch mà chỉ trong buổi chiều hôm ấy nó đã định hình trong óc anh. Hăng do cha anh lập nên, mà anh đang công tác bây giờ, một hăng chuyên chế tạo đủ các loại xe có động cơ, đang sắp mở thêm những đại lý ở Hônôlulu, Xitnây và Oelinhton, và Bâytôman đề nghị anh sẽ đi thay cho người quản lý đã được trao nhiệm vụ. Anh sẽ về qua Tahiti, thật vậy, đi từ Oelinhton thì không thể không qua đó, và anh có thể gặp được Etuôt.

- Có điều gì đó bí ẩn, anh sẽ đi để làm sáng tỏ. Chẳng còn cách nào khác.

- Ôi, Bâytôman, sao anh lại tốt bụng và quý hóa làm vậy? - Nàng thốt lên.

- Em biết đấy, không có điều gì trên thế gian này, mà anh muốn hơn là hạnh phúc của em, Izaben ạ.

Nàng nhìn anh và chìa tay cho anh.

- Anh thật tuyệt vời, anh Bâytôman. Em chưa hề biết người nào trên đời này giống như anh. Em biết cảm tạ anh ra sao bây giờ?

- Anh không đòi hỏi sự cảm tạ của em. Anh chỉ muốn được phép giúp em.

Nàng cup mắt xuống và hơi đỏ mặt. Nàng đã quen với anh đến nỗi nàng đã quên rằng anh xinh trai làm sao. Anh cũng cao như Etuôt và cũng cân đối, nhưng da anh hơi sạm và mặt hơi xanh, trong

khi Etuôt hồng hào. Dĩ nhiên nàng biết anh yêu nàng. Điều đó khiến nàng cảm động. Nàng cảm thấy một tình cảm rất âu yếm đối với anh.

Chính là từ chuyến đi ấy Băytôman Hantơ đã trở về.

Cái phần công vụ kéo dài hơn anh tưởng, và anh đã có nhiều thì giờ để nghĩ đến hai người bạn của mình. Anh đã đi đến kết luận là không thể có cái gì nghiêm trọng ngăn không cho Etuôt quay về nhà, có lẽ chỉ có niềm kiêu hãnh đã khiến anh ấy quyết tâm làm ăn tử tế trước khi anh ấy khẳng định với vị hôn thê mà anh ấy say đắm; chỉ có niềm tự hào là cách giải thích hợp lý mà thôi. Izaben đang đau khổ. Etuôt phải về Chicagô với anh và cưới nàng ngay. Có thể tìm được một chỗ cho anh ấy trong các nhà máy của Công ty Ô-tô và Máy kéo Hantơ. Băytôman, với trái tim chảy máu, mãn nguyện trước viễn cảnh trao tặng hạnh phúc cho hai người anh yêu nhất trên đời bằng cái giá hạnh phúc của chính bản thân. Anh sẽ không bao giờ lấy vợ. Anh sẽ làm cha đỡ đầu cho những đứa con của Etuôt và Izaben, để rồi nhiều năm sau khi cả hai người đều đã mất, anh sẽ nói cho con gái Izaben biết một thời đã lâu, lâu lắm rồi anh đã yêu người mẹ của cô. Mất Băytôman nhòa lệ khi anh vẽ nên cảnh tượng này trước mắt.

Muốn bất ngờ bất gặp Etuôt nên anh không đánh điện báo trước. Khi đặt chân lên Tahiti anh nhờ một thanh niên con trai chủ khách sạn, theo lời anh ta nói,

dẫn anh về Hotel de la Fleur⁽¹⁾. Anh tìm tìm với ý nghĩ về sự sống sót của bạn khi trông thấy anh, vị khách không ngờ nhất, bước vào công sở của bạn.

- À này, - anh hỏi trên đường đi, - anh có thể chỉ cho tôi phải tìm ông Etuôt Banot ở đâu không?

- Banot, - người thanh niên nói, - hình như tôi biết cái tên ấy.

- Anh ấy là người Mỹ. Một chàng trai cao có bộ tóc nâu sáng và mắt xanh. Anh ấy đã ở đây hơn hai năm rồi.

- Đúng. Giờ thì tôi biết người anh muốn hỏi rồi. Anh muốn nói đến người cháu ông Giăcxơn.

- Cháu ai?

- Cháu ông Acnôn Giăcxơn.

- Tôi không nghĩ là ta đang nói về cùng một người, - Băytôman lạnh nhạt trả lời.

Anh giật mình. Thật kỳ quặc là Acnôn Giăcxơn, kẻ mà già trẻ ai cũng đều biết lại sống ở đây vẫn dưới cái tên đáng hổ thẹn mà ông ta mang khi bị kết án. Nhưng Băytôman không thể hình dung ra kẻ nào tự nhận là cháu ông ta. Bà Longxtaphê là người chị duy nhất và ông ta không hề có anh em trai nào. Người thanh niên đi bên cạnh nói tiếng Anh liền thoảng với chút ngữ điệu ngoại lai làm Băytôman, với cái nhìn liếc ngang, thấy được điều mà lúc trước

⁽¹⁾ Hôtel de la Fleur (tiếng Pháp): khách sạn Hoa.

anh chưa nhận ra, là trong cậu chàng có khá nhiều lượng máu bản xứ. Một chút ngạo mạn vô tình len vào phong thái của anh. Họ đã tới khách sạn. Sau khi đã thu xếp xong phòng ở, Băytoman nhờ chỉ đường đến dinh cơ của "Braunsmiit và Công ty". Dinh cơ ấy ở ngay phía trước, trông ra cái vịnh con và, sung sướng cảm thấy đất rắn dưới chân sau tám ngày trên biển, anh đi thông dong theo con đường đầy nắng xuống mép nước. Đã tìm thấy chỗ cần tìm, Băytoman đưa tấm danh thiếp cho viên quản lý và được dẫn qua một căn buồng cao, nửa giống nhà kho nửa như cửa hiệu, đến một văn phòng bên trong có một người đàn ông chắc mập, đầu hói, đeo kính đang ngồi.

- Nhờ ông chỉ giúp tôi ông Etuôt Banot ở đâu? Theo tôi biết ông ấy đã ở công sở này một thời gian.

- Vâng, có thể thật. Nhưng giờ tôi không biết anh ta ở đâu.

- Tôi nghĩ anh ấy đã đến đây với sự giới thiệu đặc biệt của ông Braunsmiit. Tôi rất quen biết ông Braunsmiit.

Người đàn ông béo mập nhìn Băytoman bằng cặp mắt sắc sảo, hồ nghi. Ông ta gọi to một cậu bé trong nhà kho.

- Này, Henry, Banot bây giờ ở đâu, mày có biết không?

- Anh ấy đang làm ở chỗ nhà Camêrôn thì phải, - có tiếng trả lời của ai đó không thêm nhúc nhích.

Người đàn ông béo mập gật đầu.

- Ông rẽ trái lúc ra khỏi đây, ông sẽ tới chỗ nhà Camêrôn trong khoảng ba phút.

Bâyտơman ngập ngừng:

- Tôi thiết nghĩ có lẽ tôi phải nói cho ông biết rằng Etuôt Banot là bạn thân nhất của tôi. Tôi rất sững sốt khi nghe nói anh ấy đã rời "Braunsmít và Công ty".

Mất người đàn ông béo mập thu lại đến gần như thành một chấm, và cái nhìn đau đáu của chúng khiến anh cảm thấy khó chịu đến mức đỏ mặt lên.

- Tôi cho là "Braunsmít và Công ty" và Etuôt Banot không có cùng một cách nhìn về một số vấn đề, - gã đáp.

Bâyտơman không hoàn toàn ưa phong cách của gã đàn ông này nên anh đứng dậy, không thiếu vẻ đường hoàng, và với lời xin lỗi đã làm phiền ông ta, anh cáo biệt. Anh rời nơi đó với cái cảm giác đặc biệt là người đàn ông mà anh vừa nói chuyện có nhiều điều để nói với anh, nhưng không định nói. Anh đi theo hướng đã chỉ và chẳng mấy chốc đã ở nhà hàng Camêrôn. Đó là cửa hiệu của một thương nhân, cũng kiểu như nửa tá cửa hiệu khác mà anh đã gặp trên đường, khi anh bước vào thì người đầu tiên anh thấy, phía trên mặc độc chiếc áo sơ mi, đang đo đồ vải bông buồn, chính là Etuôt. Anh sững sốt khi thấy anh ta đang cắm cúi vào cái công việc nhỏ mọn thế kia. Nhưng anh chỉ vừa mới xuất hiện thì Etuôt chợt

ngẩng lên, bắt gặp cái nhìn của anh rồi thốt lên tiếng kêu ngạc nhiên và vui vẻ:

- Bâytoman. Ai ngờ được là lại trông thấy cậu ở đây? Anh ta vươn tay qua quầy hàng và siết chặt lấy tay Bâytoman. Trong phong thái anh ta không có sự tự ý thức về bản thân làm cho sự lúng túng dồn cả về phía Bâytoman.

- Đợi tớ gói xong cái bọc này nhé!

Vội vế thành thạo, anh ta lia kéo dọc chỗ vải, cuộn lại, gói thành bọc rồi trao nó cho người khách hàng da sẫm màu.

- Xin ông trả tiền ở bàn kia.

Sau đó, mặt tươi cười, mắt rạng rỡ, anh ta quay về phía Bâytoman:

- Sao cậu lại thò mặt ra ở đây được nhỉ? Chà chà, gặp cậu thế này thích thật. Ngồi xuống đi, ông bạn. Cứ tự nhiên như ở nhà!

- Chúng ta không thể nói chuyện ở đây được. Cậu đến chỗ khách sạn tớ ở đi. Tớ cho là cậu có thể đi khỏi đây ngay được chứ?

Câu này anh thêm với một linh cảm e ngại.

- Tất nhiên là tớ đi được. Ở cái đất Tahiti này chúng tớ đâu có bận lắm.

Anh ta gọi với một anh chàng người Hoa đang đứng sau quầy đối diện.

- A Linh, khi nào ông chủ đến thì bảo với ông ấy

là có một anh bạn của tôi mới từ Mỹ đến và tôi đi làm một châu cay với anh ấy.

- Được lời⁽¹⁾ anh chàng người Hoa nhẩn nhở.

Etuôt xỏ vội áo ngoài, vợ mũ lên đầu rồi theo Bâytoman ra khỏi cửa hiệu.

Bâytoman có ý muốn đặt vấn đề một cách khôi hài.

- Tớ không ngờ lại thấy cậu bán ba *yát rưỡi*⁽²⁾ cái thứ vải bông mục ấy cho một thằng mọi đen bóng nhẫy, - anh cười.

- Braunsmit sa thải tớ, cậu biết đấy, mà tớ nghĩ cái ấy cũng hay ho chẳng kém gì những cái khác.

Sự chân thực của Etuôt khiến Bâytoman rất kinh ngạc, nhưng anh nghĩ đó là cách nói vô ý mà thôi.

- Tớ cho là cậu không thể ăn nên làm ra được nếu cứ thế này, - anh trả lời có phần khô khan.

- Tớ cho là không. Nhưng tớ kiếm đủ để giữ cho phần xác và phần hồn hòa nhập cùng nhau, và tớ hoàn toàn thỏa mãn với điều đó.

- Hai năm trước thì cậu đâu có thỏa mãn như thế.

- Người ta càng già thì càng khôn ngoan hơn, - Etuôt đối lại một cách vui vẻ.

Bâytoman đưa mắt nhìn anh ta một cái. Etuôt vận bộ quần áo bằng vải bông dày trắng đã sờn chẳng lấy gì làm sạch sẽ, đội cái mũ rơm to kiểu bản

⁽¹⁾ Anh chàng người Hoa phát âm ngọng.

⁽²⁾ Một yat (yard) = 3 phut (foot) = 91,44 cm.

xứ. Anh ta mạnh hơn trước kia, da đậm nắng mặt trời và cổ nhiên trông hay hơn bao giờ hết. Nhưng có cái gì trong diện mạo anh ta làm anh bị hẫng. Anh ta bước đi với vẻ phóng túng mới có, lại còn cái lối bất cần trong cử chỉ, nhất là sự vui nhộn vô cớ, mà Băytoman không thể lên án chắc chắn, nhưng quá khó hiểu đối với anh.

- Mình mà hiểu được cái khỉ gió gì làm anh ta vui vẻ đến thế kia thì cứ gọi là xin đi bằng đầu, - anh nhủ thầm.

Họ đã tới khách sạn và ngồi ngoài thêm hiên. Một cậu bé người Hoa bưng món cô-tây đến. Etuôt hết sức bồn chồn muốn nghe mọi tin tức về Chicagô và oanh kích bạn bằng những câu hỏi tới tấp. Mọi quan tâm của anh ta tự nhiên và chân thành. Điều lạ lùng là dường như nó được chia đều cho vô số chủ đề. Anh ta muốn biết xem bố Băytoman dạo này ra sao với vẻ hăm hở cũng ngang với chuyện Izaben đang làm gì bây giờ. Anh ta nói về nàng không có một gợn bối rối nào, như thể nàng có là cô em gái hay là vợ chưa cưới thì cũng không khác gì nhau, và trước khi Băytoman kịp phân tích ý nghĩa chính xác trong những nhận xét của Etuôt thì anh nhận ra câu chuyện đã trôi sang nói về công việc của anh và những tòa nhà mà cha anh mới dựng gần đây nhất. Anh quyết tâm lái câu chuyện quay về với Izaben và đang đợi dịp thực hiện thì thấy Etuôt vẫy tay một cách thân thiện. Một người đàn ông đang tiến lại

phía họ, nhưng vì Bắytôman ngồi quay lưng về phía đó nên anh không trông thấy ông ta.

- Lại ngồi xuống đây nào, - Etuôt vui vẻ nói.

Người mới đến tiến sát lại. Đó là một người mảnh khảnh, rất cao, trong bộ quần áo vải bông trắng, cái đầu tao nhã có lớp tóc quăn màu trắng. Khuôn mặt ông cũng mảnh mai, dài, với cái mũi khoằm to và cái mồm đẹp, điển cảm.

- Đây là bạn cũ của cháu, Bắytôman Hantơ. Cháu đã nói về anh ấy với chú, - Etuôt nói, nụ cười bất biến nở trên môi.

- Tôi rất hân hạnh được gặp anh, anh Hantơ. Tôi đã từng biết cha anh.

Người lạ chìa tay ra và nắm lấy tay chàng thanh niên bằng cái bóp mạnh, thân hữu. Cho mãi đến lúc ấy Etuôt mới nêu tên người kia ra.

- Ông Acnôn Giắcxơn.

Mặt Bắytôman trắng bệch và anh cảm thấy tay mình lạnh đi. Đó chính là kẻ mạo giả từ, kẻ mang án, đó chính là người cậu của Izaben. Anh không biết nói cái gì. Anh cố giấu sự bối rối. Acnôn Giắcxơn nhìn anh với cặp mắt chớp nháy.

- Tôi dám chắc là tên tôi có quen thuộc với anh.

Bắytôman không còn biết nên nói có hay không nữa, nhưng cái điều khó xử hơn là cả Giắcxơn và Etuôt hình như đều lấy làm thích thú. Thật đã đủ tệ khi áp đặt lên anh việc làm quen với một con người

trên đảo mà anh thà tránh xa, nhưng còn tệ hơn nữa khi nhận thức được rằng anh đang bị đem ra làm trò cười. Tuy vậy, có lẽ anh đã đạt đến cái kết luận nhanh quá, cho nên Giắcxon, không ngừng lời, lại nói thêm:

- Tôi biết anh rất gần gũi với gia đình Longxtaphê. Mari Longxtaphê là chị tôi.

Lúc này Bắytơman tự hỏi không biết có phải Acnôn Giắcxon nghĩ rằng anh không biết gì về vụ bê bối ghê gớm nhất mà Chicagô từng biết đến hay không. Nhưng Giắcxon đã đặt tay lên vai Etuôt.

- Chú không ngồi được đâu, Tétđi ạ, - ông nói, - chú đang bận. Tốt hơn là cả hai cậu hãy đến chơi và ăn cơm tối nay.

- Tuyệt rồi. - Etuôt nói.

- Ông thật quý hóa, thưa ông Giắcxon, - Bắytơman nói lạnh lùng, - nhưng tôi ở đây với thời gian quá ngắn, tàu của tôi ngày mai đã ra khơi, ông biết đấy, tôi nghĩ ông sẽ tha lỗi cho tôi, tôi không thể tới được.

- Ô, nói nhảm nào. Tôi sẽ đãi anh một bữa ăn bản địa. Vợ tôi nấu bếp tài lắm. Tétđi sẽ chỉ đường cho anh. Đến sớm mà xem mặt trời lặn nhé. Tôi sẽ cho cả hai anh một cái ô nằm chung nếu muốn.

- Nhất định bọn cháu sẽ đến, - Etuôt nói. - Thế quái nào mà chẳng có cuộc chơi thuyền ở khách sạn, đêm tàu đến và ta sẽ có bữa chuyện phiếm ra trò ở căn nhà gỗ ấy.

- Tôi không thể để anh không lại chơi được đâu, anh Hantơ ạ. - Giắcxơn tiếp tục hết sức thân tình. - Tôi muốn nghe mọi chuyện về Chicagô và chị Mari.

Ông gật đầu chào và đi khỏi trước khi Băytoman kịp nói.

- Chúng tôi không chấp nhận sự chối từ ở Tahiti này đâu, - Etuôt cười. - Với lại, cậu sẽ được ném một bữa ăn ngon nhất trên đảo.

- Ông ấy nói có bà vợ nấu bếp giỏi là nghĩa làm sao? Theo chỗ tớ biết thì vợ ông ấy ở Giơnevơ cơ mà.

- Để làm vợ thì khoảng cách ấy quả là quá xa, phải không? - Etuôt nói. - Và chú ấy gặp vợ lần cuối cũng đã lâu lắm rồi. Tớ cho là chú ấy nói đến một người vợ khác.

Băytoman im lặng mất một lúc. Mặt anh in thành những đường nét nghiêm nghị. Nhưng khi ngược lên bắt gặp cái nhìn hài hước trong mắt Etuôt thì anh sạm mặt lại.

- Acnôn Giắcxơn là kẻ lừa đảo đáng khinh, - anh nói.

- Tớ cũng rất sợ là ông ta như vậy, - Etuôt mỉm cười trả lời.

- Tớ không hiểu nổi một người đứng đắn nào lại có thể đi lại với ông ta.

- Có lẽ tớ không phải là người đứng đắn.

- Cậu có hay đến chơi với ông ta không, Etuôt?

- Rất hay đến. Ông ấy nhận tớ làm cháu.

Bâytoran cúi người về phía trước và nhìn Etuôt chăm chăm bằng ánh mắt dò xét.

- Cậu có thích ông ta không?

- Rất thích!

- Thế cậu không biết mọi người ở đây đều biết rằng ông ta là kẻ lừa đảo và đã bị kết án à? Ông ta bị đuổi khỏi xã hội văn minh.

Etuôt ngấm vòng khói trôi từ điếu xì gà anh hút vào bầu không khí tĩnh lặng, phảng phất hương thơm.

- Tôi cho rằng ông ta là một tay khá xỏ lá, - cuối cùng anh ta nói, - và tôi cũng không hy vọng hão là một sự ăn năn về những lỗi lầm của ông ta lại khiến người ta tha thứ cho mọi lỗi lầm kia. Ông ta là kẻ bịp bợm và đạo đức giả. Không ai né tránh được điều ấy. Nhưng tôi chưa bao giờ gặp được một người bạn đường hợp ý hơn. Ông ấy đã dạy tôi mọi cái mà bây giờ tôi biết.

- Ông ta dạy cậu cái gì vậy? - Bâytoran kêu lên kinh ngạc.

- Dạy phải sống thế nào!

Bâytoran phá lên cười giễu cợt.

- Một ông thầy hay. Chắc nhờ có những bài học của ông ấy mà cậu bỏ mất dịp làm ăn tấn tới và giờ đây kiếm sống bằng cách phục vụ sau quầy ở một cái cửa hiệu mười xu?

- Ông ấy có một cá tính tuyệt diệu. - Etuôt vừa

nói vừa cười xới lời. - Có lẽ cậu sẽ thấy cái điều tớ nói vào tối nay.

- Tớ không định ăn tối với ông ta. Không có cái gì buộc tớ đặt chân đến nhà ông ấy được.

- Thế thì cậu hãy gia ơn cho tớ mà đến, Báyťoman ạ. Chúng mình là bạn của nhau đã nhiều năm, cậu không được từ chối một ân huệ mà tớ thỉnh cầu.

Giọng Etuôt mang một âm sắc mới đối với Báyťoman. Sự hòa nhã của nó có sức thuyết phục hiếm có.

- Nếu cậu đã nói thế, Etuôt ạ, thì tớ nhất định phải đến, - anh mỉm cười. Hơn nữa, Báyťoman suy ngẫm, là tìm hiểu về Acnôn Giăcxơn những gì anh có thể tìm hiểu được cũng tốt. Rõ ràng là ông ta có một uy lực lớn đối với Etuôt, và nếu muốn đánh bại nó cần phải phát hiện xem nó nằm chính xác ở chỗ nào. Càng nói chuyện với Etuôt, anh càng nhận thức rõ hơn là đã có sự thay đổi diễn ra trong lòng anh ta. Anh có linh cảm phải đi đứng cẩn thận và quyết định không động đến mục đích thực của chuyến đi này cho đến khi nào anh thấy phương hướng rõ ràng hơn. Anh bắt đầu nói chuyện này chuyện kia về chuyến đi và những gì đạt được qua chuyến đi này, về tình hình chính trị ở Chicagô, về người bạn chung của hai người và về những ngày sống với nhau ở trường cao đẳng.

Cuối cùng Etuôt nói anh ta phải quay về làm việc và hẹn sẽ tìm gặp Báyťoman vào lúc năm giờ để họ cùng đến nhà Acnôn Giăcxơn.

- À này, tớ cứ nghĩ cậu sống ở khách sạn này, - Bắytôman nói khi anh ra khỏi vườn với Etuôt. - Tớ thấy nó là chỗ tương tất duy nhất ở đây.

- Ô, tớ không ở đây, - Etuôt cười, - quá tốn kém cho tớ. Tớ thuê một căn phòng ở ngay sát ngoài thành phố. Rẻ và sạch sẽ.

- Nếu tớ nhớ chính xác thì những khoản ấy đâu phải quan trọng nhất đối với cậu hồi còn ở Chicagô.

- Chicagô!

- Tớ không biết cậu ngụ ý gì. Etuôt. Nó là thành phố vĩ đại nhất trên thế giới.

- Tớ biết, - Etuôt nói.

Bắytôman liếc nhanh sang bạn, nhưng mặt anh ta không lộ ra điều gì.

- Khi nào cậu quay trở về với nó?

- Tớ cũng thường tự hỏi như thế, - Etuôt mỉm cười.

Câu trả lời này cùng với cái cách thể hiện nó làm Bắytôman choáng váng, nhưng trước khi anh kịp đề nghị giải thích thì Etuôt đã vẫy tay với một người lái đang lái ô-tô qua.

- Cho tụi này xuôi xuống với, Sacli, - anh ta nói.

Anh gạt đầu chào Bắytôman rồi chạy theo chiếc xe lúc này đã đỗ cách vài *yat* ở phía trước. Bắytôman bị bỏ lại đằng sau với một mớ những cảm tưởng rắc rối, chắp vá.

Etuôt ghé vào đón anh trên chiếc xe hai bánh ọp

ép do một con ngựa già kéo họ đi theo con đường chạy dọc sát biển. Hai bên là đồn điền dừa và vani; chốc chốc họ lại thấy một cây xoài lớn, quả vàng, quả đỏ, quả sẫm trong cái màu xanh um tùm của lá; chốc chốc họ lại thoáng thấy một khu vịnh con con bằng phẳng, xanh lơ, lác đác đây đó có một hòn đảo nhỏ xíu yêu kiều với hàng cọ cao. Nhà Acnôn Giắcxon ở trên một ngọn đồi nhỏ và chỉ có một con đường mòn dẫn đến đó, nên họ tháo cương ngựa và buộc nó vào một gốc cây, để chiếc xe ở ven đường. Bắytoman cảm thấy như đây là cái cách làm đến đâu hay đến đấy. Nhưng khi họ đi lên phía căn nhà, họ được một phụ nữ người địa phương cao, khá đẹp, tuy không còn trẻ ra đón. Etuôt bắt tay người phụ nữ một cách thân mật. Anh giới thiệu Bắytoman với bà ta:

- Đây là bạn cháu, anh Hantơ. Chúng cháu đến ăn cơm với cô đây, cô Lavina.

- Hay lắm. - Bà ta nói với nụ cười nhanh. - Acnôn còn chưa về.

- Chúng cháu xuống dưới tắm đã nhé. Cho chúng cháu một đôi *Pareo*.

Người phụ nữ gạt đầu rồi đi vào nhà.

- Ai thế? - Bắytoman hỏi.

- À, bà Lavina đấy. Vợ ông Acnôn.

Bắytoman mím môi lại nhưng không nói gì. Trong giây lát người phụ nữ quay ra với cái bọc và đưa cho Etuôt, rồi hai người trườn xuống con đường dốc, lần đường đến một lùm dừa trên bãi biển. Họ

cởi quần áo và Etuôt chỉ dẫn cho bạn biết cách làm cái dải vải bông đỏ được gọi là *Pareo* thành cái quần tắm rất gọn gàng. Chẳng mấy chốc họ đã vùng vẫy trong chỗ nước nóng ấm áp. Etuôt phấn chấn vô cùng. Anh cười rồi kêu tướng lên, rồi hát. Anh như đứa trẻ mười lăm. Bâytơman chưa bao giờ trông thấy anh vui nhộn như vậy và một lát sau họ đã ngồi trên bãi biển, hút thuốc lá trong màn không khí trong trẻo. Một vẻ thanh thoi không cưỡng được toát ra từ Etuôt, đến mức, làm Bâytơman bị bất ngờ.

- Hình như cậu thấy cuộc đời quả là dễ chịu, - anh nói.

- Tớ thấy vậy.

Họ nghe có tiếng động nhẹ và quay lại thấy Acnôn Giăcxơn đang đi về phía họ.

- Tôi tính phải xuống đây để lời hai cậu về, - ông nói. - Anh có khoái tắm thế này không, anh Hantơ?

- Rất khoái đấy, - Bâytơman nói.

Acnôn Giăcxơn không còn trong bộ vải bông diêm dúa nữa mà chỉ mặc độc một cái *Pareo* quanh thắt lưng và đi chân đất. Người ông râm nâu lại vì ánh nắng. Với bộ tóc trắng, dài quăn quăn và khuôn mặt khổ hạnh, ông có một vóc dáng dị thường trong bộ trang phục bản địa, nhưng ông ta cư xử không có vẻ gì là e dè lúng túng cả.

- Nếu các cậu đã xong, ta về thôi, - Giăcxơn nói.

- Để tôi mặc quần áo đã. - Bâytơman nói.

- Nay Tetđi, sao anh không mang một cái *Pareo* cho bạn anh?

- Cháu cho là cậu ấy mặc quần áo thì hơn, - Etuôt mỉm cười.

- Nhất định rồi, - Bắytơman trả lời một cách dữ tợn khi anh thấy Etuôt đã quần bộ khố và sẵn sàng xuất phát trước khi chính anh kịp quàng chiếc sơ mi lên người.

- Cậu không thấy ráp chân khi không đi giày à? - anh hỏi Etuôt. - Tớ phát sợ cái con đường khá lởm chởm này.

- Ờ, tớ đã quen rồi.

- Xỏ *Pareo* vào thật là tiện lợi mỗi khi từ thành phố đi về - Giắcxơn nói. - Nếu anh định ở lại đây, tôi hết sức khuyên anh nên sử dụng nó. Đó là một trong những loại trang phục phải lễ nhất mà tôi từng gặp. Nó vừa mát, vừa tiện lại không đắt tiền.

Họ đi lên phía ngôi nhà và Giắcxơn đưa họ vào một căn phòng rộng tường quét vôi trắng, không trần, với một cái bàn đã bày biện cho bữa ăn. Bắytơman nhận thấy nó được dọn chỗ cho năm người ăn.

- Êva, con ra trình diện anh bạn của Tetđi rồi khuấy cóc-tây cho mọi người nhé, - Giắcxơn gọi.

Nói đoạn ông dẫn Bắytơman ra chỗ ô cửa sổ thấp và dài.

- Nhìn kia, - ông nói với một cử chỉ kịch tính, - nhìn cho kỹ vào.

Phía dưới họ là những cây dừa xô rạp xuống vũng biển trong ánh đêm, vũng biển mang màu sắc êm dịu và lấm vể như sắc màu ở ngực con bồ câu. Trên một con lạch không xa lắm là những túp lều mọc thành cụm của một làng thổ dân và về phía đá ngầm có một chiếc xuồng, bóng in sắc nét, trên đó một cặp thổ dân đang đánh cá. Phía trên bạn thấy sự tĩnh lặng bao la của Thái Bình Dương và ngoài xa hai mươi dặm, hư hư ảo ảo như kết cấu của trí tưởng tượng thi sĩ, bạn thấy vẻ đẹp quá sức tưởng tượng của hòn đảo có tên là Murúa. Hết thấy mọi vật đều đáng yêu đến nỗi Bãytơman đứng sững sờ.

- Tôi chưa bao giờ trông thấy cảnh nào đại loại như thế này, - cuối cùng anh nói.

Acnôn Giắcxơn đứng trước anh, mắt mở to, trong cặp mắt ông có một vẻ mơ màng êm dịu. Gương mặt mảnh mai, đầy suy tư trông rất trang nghiêm. Liếc nhìn khuôn mặt ấy, Bãytơman một lần nữa nhận thức thêm được về tính chất tinh thần cao độ của nó.

- Đẹp tuyệt, - Acnôn Giắcxơn thì thào. - Anh hiếm khi được nhìn trực diện cái đẹp. Ngắm nó cho kỹ, anh Hantơ, bởi cái mà anh trông thấy bây giờ sẽ không bao giờ thấy lại nữa, đây là cái khoảnh khắc nhất thời, nhưng nó sẽ in đậm không bao giờ phai trong tâm khảm anh. Anh đã với tới cái vĩnh cửu.

Giọng ông ta sâu và vang. Dường như ông ta hít thở chất lý tưởng tinh túy nhất, đến nỗi Bãytơman

phải buộc mình nhớ rằng con người vừa nói đó là một tội phạm và kẻ lừa đảo tàn nhẫn. Còn Etuôt, có vẻ như anh ta nghe thấy có tiếng động, quay ngay người lại.

- Đây là con gái tôi, anh Hantơ ạ!

Bâyտoman bắt tay cô. Cô có cặp mắt đen tuyệt trần và cái miệng màu son mấp máy cười, nhưng da cô râm nâu và bộ tóc quăn xõa xuống vai của cô thì đen màu than. Cô mặc mỗi một áo dài⁽¹⁾ bằng vải bông hồng, cô đi chân đất và trên đầu quàng một vòng hoa trắng ngát hương. Cô quả là một tác phẩm đáng yêu của tạo hóa. Có hết như nữ thần mùa xuân của Pôlynêzia.

Cô có hơi rụt rè, nhưng không rụt rè hơn Bâyտoman, kẻ mà toàn bộ quang cảnh đang làm cho bàng hoàng hết sức, nó không đặt anh vào tâm trạng thanh thản khi nhìn thấy cái sinh vật tựa tiên nữ kia cầm lấy cái bình trộn và bằng bàn tay thành thạo hòa khuấy suốt côc-tây.

- Cho mọi người thưởng thức nó đi con - Giăcxơn nói.

Cô rót côc-tây ra và vừa cười thanh nhā vừa trao nó cho từng người. Bâyտoman vẫn thường hãnh diện về cái tài của mình trong nghệ thuật khuấy côc-tây tinh tế này, cũng không khỏi kinh ngạc sau khi ném, thấy quả là xuất sắc. Giăcxơn tự hào cười khi ông nhận thấy cái nhìn tán thưởng vô tình của vị khách.

⁽¹⁾ Nguyên văn Mother Hubbard: một loại áo dài may rộng của phụ nữ.

- Cũng không đến nỗi tồi chứ hả? Chính tôi đã dạy con tôi đấy, cái hồi còn ở Chicagô tôi vẫn cho là không có một anh chàng phục vụ quán nào trong thành phố đáng mặt so với tôi. Khi tôi chẳng còn gì hay ho hơn để làm ở nơi lưu đày, tôi vẫn giải khuây bằng cách nghĩ ra những món cóc-tây mới, thế nhưng đã đi vào cốt lõi vấn đề thì không gì ăn đứt được loại Mactini thuần chất⁽¹⁾.

Bâytsman cảm thấy như có ai giáng mạnh vào thớ dây thần kinh và anh nhận biết được mặt anh hết đỏ lên rồi lại trắng ra. Nhưng trước khi anh kịp nghĩ ra điều gì để nói thì một cậu bé người bản xứ đã bung vào một bát loa xúp to và cả nhóm ngồi vào ăn. Nhận xét của Acnôn Giăcxơn hình như lại gợi lên trong ông cả một mớ hồi ức, nên ông bắt đầu nói về những ngày ở tù. Ông ta nói hoàn toàn tự nhiên, không hằn học, cứ như ông ta đang kể lại những điều bản thân đã kinh qua ở một trường đại học ngoại quốc nào đó. Ông ta nói với Bâytsman, còn Bâytsman thì ngượng ngùng rồi sau đâm bối rối không biết nghĩ sao nữa. Anh thấy đôi mắt Etuôt dán vào mình và trong chúng lấp láy sự giốn thú. Anh đỏ chín mặt vì có ấn tượng là Giăcxơn đang đem mình ra làm trò cười và rồi bởi lẽ anh cảm thấy phi lý - thật chẳng có cái gì để anh bị như thế - anh đâm nổi cáu. Acnôn

⁽¹⁾ Mactini (Martini): một loại cóc-tây bao gồm hai phần rượu gin hay nhiều hơn và một phần rượu vec-mut thuần chất, thường có thêm đá và điểm xuyên bằng ô-liu, hành hay một lát vỏ chanh.

Giăcxơn thật trơ tráo - không có từ ngữ nào khác hơn nữa gọi cái đó và sự nhần tâm của ông ta, dù là có chủ ý hay không, quả là thóa mạ.

Bữa ăn vẫn tiếp tục. Băytôman được mời ăn các món hổ lớn tạp nhạp, cá sống và những thứ anh không biết là cái gì nữa. Chỉ có phép lịch sự mới khiến anh phải nuốt, nhưng anh ngạc nhiên thấy đó là những món ăn rất ngon. Rồi một tình tiết xảy đến với Băytôman, một sự việc có tính lãng nhục nhất của buổi tối ấy. Nguyên là có một vành hoa nhỏ để trước anh, và chỉ nhằm cho vui chuyện mà anh đã mạo muội nhắc đến nó.

- Đây là vòng hoa Êva làm cho anh đấy. - Giăcxơn nói, - nhưng tôi cho nó còn quá e thẹn không dám trao cho anh.

Băytôman cầm vành hoa lên tay và làm một diễn từ ngắn lịch lãm cảm ơn cô gái.

- Anh phải khoắc nó vào. - Cô nói, miệng mỉm cười và mặt ửng đỏ.

- Tôi ấy à? Tôi không nghĩ là phải làm thế!

- Đây là một phong tục nên thơ của xứ này, - Acnôn Giăcxơn nói.

Có một vành hoa ở trước ông ta và ông ta đặt nó lên mái tóc. Etuôt cũng làm theo.

- Tôi cho là về phần mình, tôi không ăn mặc như thế được, - Băytôman bực bội nói.

- Anh có thích một cái *Pareo* không? - Êva mau miệng. - Em sẽ lấy cho anh một cái ngay bây giờ.

- Không, cảm ơn cô. Như thế này tôi hoàn toàn thấy dễ chịu rồi.

- Chỉ cho anh ấy cách đặt vòng hoa, Êva! - Etuôt nói.

Bâyտơman lúc đó thấy căm ghét người bạn thân nhất của mình. Êva từ bàn đứng dậy và tươi cười đặt vòng hoa lên mái tóc đen của anh.

- Nó hợp với anh quá chừng. - Bà Giăcxơn nói. - Có đúng là hợp không nào, anh Acnôn?

- Đúng quá đi chứ!

Bâyտơman túa mồ hôi khắp các lỗ chân lông.

- Trời tối rồi có tiếc không cơ chứ! - Êva nói. - Giá chụp luôn hình cả hai người mới phải.

Bâyտơman thầm cảm ơn số phận. Anh nghĩ chắc anh trông xuân ngốc đến kỳ dị trong bộ com-lê xanh lơ và cổ cồn cao - rất chỉnh tề và hào hoa phong nhã - với cái vòng hoa kỳ cục trên đầu. Anh sôi lên căm giận, chưa bao giờ trong đời anh lại đạt được sự tự chủ hơn lúc này, khi anh thể hiện một vẻ ngoài nhã nhặn. Anh điềm tiết với lão già đang ngồi ở đầu bàn kia, trần nửa người, với bộ mặt ông thánh và lớp hoa trên mớ tóc trắng đẹp đẽ. Toàn bộ tư thế thật quái dị.

Rồi bữa ăn kết thúc, Êva và mẹ ở lại dọn dẹp trong khi ba người đàn ông ra hiên ngồi. Trời rất ấm, không khí đượm hương hoa trắng trong đêm. Mặt trăng tròn trôi qua bầu trời không gợn mây làm thành một vệt đường trên biển rộng dẫn tới vương

quốc bao la của Vĩnh cửu. Acnôn Giăcxơn cất tiếng. Giọng ông sâu lắng và du dương. Giờ đây ông nói về dân bản địa và những truyền thuyết xa xưa của xứ này. Ông kể những câu chuyện lạ lùng của quá khứ, những câu chuyện về các cuộc phiêu lưu thám hiểm vào cõi chưa từng biết, về tình yêu và cái chết, về cảm hận và trả thù. Ông kể về những nhà phiêu lưu đã khám phá ra những hòn đảo xa xôi này, về những thủy thủ định cư trên các đảo đã lấy con gái các thủ lĩnh trưởng tộc, về những con người ở đảo đã sống một cuộc sống nhiều màu vẽ trên những bờ biển dát bạc kia. Băytôman đang mất thể diện và cáu giận, đầu tiên nghe một cách buồn bực, nhưng rồi có chút gì thần diệu trong lời kể đã xâm chiếm lấy anh và anh ngồi nghe mê mải. Ảo ảnh của sự lãng mạn đã che mờ ánh sáng thường ngày. Anh đã quên mất rằng Acnôn Giăcxơn có một chất giọng hùng hồn, cái chất giọng mà nhờ nó, ông ta đã dụ được của công chúng cả tin những món tiền lớn, cái chất giọng suýt nữa thì làm ông ta thoát sự trừng phạt? Không ai có tài hùng biện tuyệt vời hơn và không ai có một tri giác sắc sảo hơn về đỉnh điểm gia tăng của câu chuyện. Bỗng ông ta đứng dậy:

- Nay nhé, hai cậu đã lâu chưa được trông thấy nhau. Tôi phải để cho hai người hàn huyên với nhau. Tétđi sẽ chỉ chỗ nghỉ cho anh khi nào anh muốn đi ngủ.

- Ô, nhưng tôi không nghĩ đến chuyện nghỉ lại cả đêm ở đây, thưa ông Giắcxơn. - Bãytoman nói.

- Anh sẽ thấy ở đây cũng tiện lợi. Chúng tôi sẽ lo gọi anh đúng giờ.

Rồi bằng cái bắt tay lịch duyệt, trình trọng cứ như ông ta đang là giám mục với đầy đủ y phục, Acnôn Giắcxơn rút lui.

- Dĩ nhiên tớ sẽ chở cậu về Papiet⁽¹⁾ nếu cậu muốn, Etuôt nói, - nhưng tớ khuyên cậu ở lại. Đi vào sáng sớm mới hay.

Không ai nói câu nào trong suốt mấy phút. Bãytoman tự hỏi nên bắt đầu như thế nào câu chuyện mà toàn bộ những sự kiện trong ngày làm anh thấy nó cấp bách hơn.

- Khi nào cậu sẽ trở về Chicngô? - Anh hỏi bất thành linh.

Trong giây lát Etuôt không đáp. Rồi anh ta quay lại một cách khá là uể oải, nhìn bạn và mỉm cười:

- Tớ không biết. Có lẽ không bao giờ!

- Trời đất! Cậu nói gì vậy? - Bãytoman kêu lên.

- Tớ rất hạnh phúc ở nơi đây. Thay đổi nó không biết có phải là dại dột không?

- Trời ơi, cậu làm sao có thể sống ở đây cả đời được? Đây không phải là cuộc sống đối với một con người. Thật là chết mòn mà thôi. Ôi! Etuôt! Hãy đi

⁽¹⁾ Papiet: Thủ phủ của Pôlynêzia thuộc Pháp, nằm ở phía tây bắc đảo Tahiti.

khỏi đây ngay khi còn chưa quá muộn. Tớ đã thấy ngay là có chuyện không hay. Cậu đã cuồng si với cái nơi này, cậu đã bị ma quỷ ám rồi, nhưng chỉ cần một cái vận mình thôi, rồi khi đã thoát khỏi nơi ám chướng xung quanh, cậu sẽ cảm ơn tất cả các thánh thần trên đời. Cậu sẽ giống như một kẻ nghiện ma túy một khi đã dứt bỏ nó. Cậu sẽ thấy rằng suốt hai năm qua cậu hít thở phải khí độc. Cậu không thể tưởng tượng nổi sẽ nhẹ lòng như thế nào khi phổi cậu lại căng đầy cái không khí tươi mát, trong lành của quê hương xứ sở.

Anh nói nhanh, lời lẽ xô nhau nối tiếp trong cơn xúc động, trong giọng nói của anh chứa một tình cảm chân thành và thương mến. Etuôt thấy cảm động.

- Cậu quan tâm nhiều đến tớ, thật tốt quá, bạn cũ à!

- Ngày mai đi với tớ, Etuôt. Cậu đến nơi này thật là sai lầm. Đây đâu phải là cuộc sống đối với cậu.

- Cậu nói về cuộc sống này, cuộc sống kia. Thế cậu nghĩ con người ta có được cuộc sống tốt đẹp nhất trên đời là như thế nào?

- Chao ôi, tớ nghĩ không thể có đến hai cách trả lời cho nó. Đó là khi người ta thực hiện nghĩa vụ của mình, chăm chỉ làm việc, đón nhận mọi trách nhiệm trên cương vị và cấp bậc của mình.

- Còn phần đền đáp cho anh ta là cái gì?

- Phần đền đáp là sự nhận thức được anh ta đã đạt được cái gì mà anh ta đã bỏ công ra thực hiện.

- Cái điều đó có vẻ hơi khoa trương đối với tớ. -
Etuôt nói, trong ánh đêm Bắytôman còn nhận thấy
anh ta đang mỉm cười. - Tớ e rằng cậu sẽ nghĩ là tớ
đã thoái hóa một cách đáng buồn. Có một số điều mà
tớ đang nghĩ bây giờ, có thể nói là ba năm trước thì
thật gớm ghiếc đối với tớ!

- Cậu đã học được chúng ở Acnôn Giăcxơn? - Bắytôman
hỏi một cách khinh miệt.

- Cậu không thích ông ấy à? Có lẽ cậu không thể
ngờ được đâu. Hồi mới đến tớ cũng không thích. Tớ
cũng đã có một thiên kiến hết như cậu. Ông ấy là một
người rất khác thường. Chính mắt cậu thấy là ông ta
không giấu giếm việc ông ta đang ở nơi cải tạo. Tớ
không biết ông ta hối tiếc hay tội lỗi đã dẫn ông ta đến
đây. Cái điều phàn nàn duy nhất mà tớ nghe được là
khi ông ta đến đây sức khỏe đã bị suy sút. Tớ nghĩ
ông ta không biết hối hận là gì. Ông ta hoàn toàn mất
đạo đức. Ông ta chấp nhận mọi cái và chấp nhận cả
bản thân như thế luôn. Ông ta hào hiệp và tử tế.

- Ông ta bao giờ chả thế, - Bắytôman cắt ngang. -
Bằng đồng tiền của người khác.

- Tớ thấy ông ấy là một người bạn rất tốt. Chẳng
lẽ tớ chấp nhận một con người đúng như những gì tớ
thấy ở người đó lại là trái tự nhiên ư?

- Kết quả là cậu đã đánh mất đi sự phân biệt giữa
cái phải và cái trái.

- Không, cái phải và cái trái vẫn được chia ra rõ

ràng trong đầu tớ như trước kia, nhưng cái trở nên hơi rắc rối trong tớ là sự phân biệt giữa người tốt và người xấu. Acnôn Giắcxon là một người xấu làm những việc tốt hay là một người tốt làm những việc xấu? Đó là câu hỏi khó trả lời. Có lẽ chúng ta đã quá tách bạch giữa con người này với con người khác. Có lẽ ngay cả những người tốt nhất trong chúng ta là những kẻ có tội và những kẻ xấu nhất trong chúng ta là những ông thánh. Ai mà biết được?

- Cậu sẽ không bao giờ thuyết phục được tớ rằng trắng là đen và đen là trắng, - Bắytôman nói.

- Tớ tin chắc là tớ không thể, Bắytôman ạ.

Bắytôman không thể hiểu tại sao một thoáng nụ cười lại lướt qua môi Etuôt khi anh ta đồng ý với anh. Etuôt im lặng trong phút chốc.

- Khi tớ trông thấy cậu sáng nay, Bắytôman ạ, - sau đó Etuôt nói - tớ như trông thấy lại mình hai năm trước. Cũng cái cổ áo ấy, cũng đôi giày ấy, cũng bộ com-lê xanh lơ ấy, cũng bầu nhiệt huyết ấy. Cũng một quyết tâm ấy. Nói có trời chứng giám, tớ từng hăng hái lắm. Cái cung cách uể oải của nơi này đã làm tớ ngứa máu. Tớ đi quanh mọi nơi và chỗ nào tớ cũng nhìn thấy khả năng mở mang hay kinh doanh. Đây đúng là cái đất để làm ăn phát tài. Tớ cảm thấy thật bất hợp lý khi cùi dừa khô đóng bao chở đi, còn dầu thì được chiết tận bên Mỹ. Làm mọi thứ đó tại chỗ, với nhân lực rẻ, chuyên chở lại dễ dàng thì thật

kinh tế hơn nhiều, và tớ đã tưởng tượng ngay ra cái cảnh những nhà máy rộng lớn mọc lên trên đảo. Rồi cái cách người ta chiết dầu dừa tớ thấy cũng không thỏa đáng tí nào và tớ đã sáng chế ra một cái máy bổ dừa và nạo thịt dừa với tốc độ hai trăm bốn mươi quả một giờ. Bến tàu không đủ rộng. Tớ lập kế hoạch mở rộng nó, rồi sẽ lập một phường hội mua đất, xây lên hai ba cái khách sạn lớn, và những căn nhà một tầng cho những người trú ngụ ít bữa; tớ có cả một sơ đồ cải tiến hệ thống đun hơi nhằm lôi cuốn khách thăm từ Caliphonia tới. Trong hai mươi năm, thay vì cái thị xã Papiet nửa Pháp, nhỏ bé và biếng nhác này, tớ đã thấy hiện ra một thành phố kiểu Mỹ rộng lớn với những tòa nhà mười tầng và xe điện, rạp hát và nhà hát ôpêra, sở giao dịch chứng khoán và một ông thị trưởng.

- Cứ tiếp tục đi, Etuôt, - Bâytôman kêu lên, người chồm dậy khỏi ghế trong cơn xúc động. - Cậu có những ý tưởng và khả năng. Thế nào cậu cũng sẽ trở thành người giàu có nhất ở khu vực giữa Ôxtơrâylia và nước Mỹ.

Etuôt cười khúc khích:

- Nhưng tớ không muốn vậy, - anh nói.

- Cậu muốn nói là cậu không muốn có tiền, nhiều tiền, tiền lên đến hàng triệu? Cậu có biết rằng với nó, cậu có thể làm được những gì không? Cậu có biết đến quyền năng mà tiền bạc đem lại? Dù nếu cậu có

không màng đến tiền bạc cho chính cậu thì hãy nghĩ cậu có thể làm được những gì, mở mang những luồng hoạt động mới cho con người, đem lại công ăn việc làm cho hàng nghìn người. Đầu óc tớ quay cuồng trước những cảnh tượng mà lời nói của cậu đã gợi lên.

- Ngồi xuống đây đã, Băytoman thân mến, - Etuôt cười - Cái máy cắt dứa của tớ sẽ mãi mãi không được đem ra dùng, còn xe điện mà tớ đã quan tâm nhiều đến thế sẽ không bao giờ lăn bánh trên những phố xá nhàn rỗi của Papiet.

Băytoman nặng nề thả người xuống ghế.

- Tớ không hiểu nổi cậu, - anh nói.

- Điều ấy đến với tớ dần dần từng tý một. Tớ lần hồi thấy thích cuộc sống ở đây, với vẻ thư thái và nhàn du của nó, cùng con người, với tính nết hiền hậu và khuôn mặt hạnh phúc luôn luôn mỉm cười của họ. Tớ bắt đầu suy nghĩ. Trước kia tớ chưa bao giờ có thì giờ để làm cái đó. Tớ bắt đầu đọc.

- Cậu lúc nào chả đọc sách.

- Đây là tớ đọc để thi cử. Tớ đọc để làm nổi bật mình khi nói chuyện. Tớ đọc để lấy sự chỉ bảo. Ở đây tớ đã học cách đọc để giải trí. Tớ đã học cách trò chuyện. Cậu có biết trò chuyện là một trong những khoan khoái lớn nhất trên đời không? Nhưng nó đòi hỏi thời gian rồi. Trước kia tớ lúc nào cũng quá bận. Rồi dần dà cả cuộc sống từng tưởng như hết sức quan trọng đối với tớ bắt đầu hóa ra khá tầm thường và

thô thiển. Tất cả sự bon chen và gắng gỏi thường xuyên kia có ích lợi gì? Nghĩ về Chicagô bây giờ tớ đã thấy một thành phố tối, xám, tất cả đều bằng đá - nó như một nhà tù và một cảnh hỗn loạn không ngừng. Tất cả những hoạt động kia có nghĩa lý gì? Có phải chúng ta sinh ra ở đời này để vội vã đi đến nhiệm sở, làm việc hết giờ này đến giờ khác cho đến tối rồi vội vã về nhà ăn tối và đi xem hát? Có phải đó là cuộc sống tốt đẹp nhất không? Có phải đấy là cái cách tớ phải tiêu xài tuổi thanh xuân của mình? Tuổi thanh xuân diễn ra ngắn lắm, Băytơman ạ. Và một khi tớ già rồi, cái gì là cái tớ mong đợi? Vội vã từ nhà đến nhiệm sở vào buổi sáng, làm việc hết giờ này đến giờ khác cho đến tối rồi lại vội vã quay về nhà ăn tối và đi xem hát? Có thể bỏ công làm cái đó nếu cậu định làm giàu, tớ không rõ, nó còn tùy thuộc vào tâm tính của cậu, nhưng nếu cậu không làm giàu, thì khi ấy có bỏ công không? Tớ muốn làm cho cuộc đời được nhiều hơn thế cơ, Băytơman ạ.

- Vậy thì cậu coi trọng cái gì ở đời?

- Tớ e rằng cậu sẽ cười tớ. Cái đẹp, chân lý và lòng tốt!

- Thế cậu không cho rằng cậu có thể có những cái đó ở Chicagô à?

- Có lẽ một số người có thể, nhưng tớ thì không, -
Etuôt nhồm dậy. - Thú thật với cậu là khi nghĩ về cuộc sống của tớ những ngày xưa kia, tớ thấy kinh khủng quá, - anh kêu lên mạnh mẽ. - Tớ sợ run người

khi nghĩ đến cái nguy cơ mà tớ đã thoát khỏi. Tớ chưa bao giờ biết mình có một tâm hồn cho mãi tới lúc tớ tìm thấy nó ở đây. Giá tớ vẫn là một người giàu có thì chắc là tớ đã đánh mất nó mãi mãi.

- Tớ không hiểu làm sao cậu lại có thể nói được như vậy - Bâytôman giận dữ kêu lên. - Chúng ta vẫn thường tranh luận về nó rồi.

- Có, tớ có biết. Nó cũng chẳng khác nào những cuộc tranh luận của những người cầm điếu về hòa âm. Tớ sẽ không bao giờ quay về Chicagô, Bâytôman ạ.

- Thế còn Izaben thì sao?

Etuôt dạo bước đến cuối hiên và ngả người nhìn chăm chú vào màu xanh huyền diệu của đêm. Một nụ cười thoáng trên mặt khi anh quay lại phía Bâytôman.

- Izaben quả là vô cùng tốt đối với tớ. Tớ khâm phục cô ấy hơn bất kỳ một người phụ nữ nào mà tớ đã từng biết. Cô ấy có một trí óc tuyệt vời và đẹp bao nhiêu thì cô ấy cũng tốt bấy nhiêu. Tớ quý trọng nghị lực và hoài bão của cô ấy. Izaben sinh ra là để thành đạt trong đời. Tớ hoàn toàn không xứng đáng với cô ấy.

- Cô ấy không nghĩ như vậy.

- Thế thì cậu phải nói với cô ấy như vậy, Bâytôman ạ.

- Tớ ấy à? - Bâytôman kêu lên. - Tớ không đời nào lại đi làm cái việc ấy.

Etuôt đứng quay lưng lại phía ánh trăng vắng

vặc, nên mặt anh trông không rõ. Có lẽ anh lại mỉm cười nữa chẳng?

- Cậu cố giấu cô ấy điều gì cũng là không tốt, Bắytoman ạ. Với trí tuệ nhanh nhạy của mình, cô ấy sẽ quay cậu trong năm phút là ra hết. Chi bằng cậu hãy thành thật thú nhận hết là hơn.

- Tớ không hiểu cậu nói gì. Tất nhiên tớ sẽ nói với cô ấy là tớ đã gặp cậu. - Bắytoman nói vẻ hơi bị kích động. - Thú thật tớ không biết nói gì với cô ấy.

- Nói với cô ấy là tớ đã không làm ăn tử tế. Nói với cô ấy là tớ không chỉ nghèo mà tớ còn bằng lòng chịu nghèo. Nói với cô ấy là tớ bị sa thải vì lười biếng và lơ đãng. Nói với cô ấy tất cả những gì cậu đã nhìn thấy tối nay và tất cả những gì tớ đã nói với cậu.

Một ý nghĩ bất thần lóe lên trong óc Bắytoman khiến anh bật dậy, và trong sự xao xuyến không điều khiển nổi, anh đứng đối diện với Etuôt.

- Trời ơi, cậu không định lấy cô ấy à?

Etuôt nhìn anh một cách nghiêm trang.

- Tớ không bao giờ đảm bảo cô ấy phóng thích tớ. Nếu cô ấy vẫn muốn tớ giữ lời hứa thì tớ sẽ làm hết sức mình để trở thành một người chồng tốt và biết thương yêu đối với cô ấy.

- Cậu muốn tớ chuyển thông báo ấy cho Izaben? Ôi, tớ không thể. Khủng khiếp thật. Cô ấy không một mảy may ngờ là cậu lại không muốn lấy cô ấy. Cô ấy

yêu cậu. Làm sao tớ có thể bắt cô ấy phải chịu một sự tổn thương như vậy?

Etuôt lại mỉm cười.

- Sao cậu không lấy cô ấy nhỉ, Bắytơman? Cậu mê cô ấy từ hàng bao nhiêu năm nay. Hai người hoàn toàn xứng hợp với nhau. Cậu sẽ làm cho cô ấy rất hạnh phúc.

- Đừng có nói cái kiểu ấy với tớ, tớ không thể chịu được đâu.

- Tớ xin nhường cho cậu đấy, Bắytơman. Cậu là người tốt hơn.

Có cái gì đó trong giọng nói của Etuôt làm Bắytơman vội nhìn lên, nhưng mắt Etuôt nghiêm trang không cười. Bắytơman không biết nói gì. Anh bị hẫng. Anh tự hỏi không biết Etuôt có thể ngờ rằng anh đến Tahiti là có sự giao phó đặc biệt hay không. Và dù rằng anh biết thế là đáng tởm, anh vẫn không ngăn được sự hoan hỉ trong lòng.

- Cậu sẽ làm gì nếu Izaben viết thư dứt bỏ sự hứa hôn với cậu? - Anh hỏi chầm chậm.

- Tớ vẫn tiếp tục sống. - Etuôt nói.

Bắytơman quá xúc động trong lòng nên anh không nghe thấy câu trả lời.

- Đáng lẽ cậu nên vận quần áo bình thường mới phải, - anh nói có phần nào bực dọc. - Đây là cái lúc cậu đang chọn một quyết định nghiêm túc như vậy. Cái bộ sắc phục kỳ quái này làm cho nó có vẻ tầm thường dễ sợ.

- Tớ cam đoan với cậu, trong cái *Pareo* và vòng hoa hồng tớ cũng trình trọng chẳng khác gì lúc đội mũ cao và đóng bộ com-lê may cắt vừa vặn.

Lúc ấy một ý nghĩ khác nảy đến với Bắytơman.

- Etuôt, có phải vì tớ mà cậu hành động như thế không? Tớ không rõ, có lẽ nó sẽ làm thay đổi lớn lao đến tương lai của tớ. Cậu hy sinh vì tớ phải không? Tớ không dám nhận điều ấy, cậu biết đấy.

- Không, Bắytơman ạ, tớ đã học được đủ để không ngớ ngẩn và đa cảm ở đây. Tớ mong muốn cậu và Izaben được hạnh phúc, nhưng tớ hoàn toàn không muốn phải chịu bất hạnh cho bản thân.

1. Cậu trả lời tựa như gáo nước lạnh dội vào Bắytơman. Nó có vẻ hơi đạo đức rởm. Anh ta không thèm lấy làm đả đốn nuôi tiếc khi đã có cái hành động cao thượng này.

- Cậu muốn nói là cậu bằng lòng phung phí đời mình ở đây? Thật không khác gì tự sát. Khi tớ nghĩ đến những hứa hẹn lớn lao ở cậu hồi chúng mình rời trường đại học, thì tớ thấy khủng khiếp là cậu lại bằng lòng làm một anh bán hàng không hơn không kém ở cái cửa hàng tạp nhạp này.

- Ô, tớ chỉ làm nghề ấy tạm thời thôi, tớ đang thu lượm được vô vàn kinh nghiệm bổ ích. Tớ có một kế hoạch khác trong đầu. Acnôn Giắcxơn có một cái đảo nhỏ trong quần đảo Paumôtat cách đây khoảng nghìn dặm, một dải đất vòng quanh một cái vịnh nhỏ. Chú ấy trồng dừa ở đó. Chú ấy đang muốn đem nó cho tớ.

- Sao ông ta lại làm thế? - Bãytôman hỏi.

- Bởi vì nếu Izaben giải phóng cho tớ, tớ sẽ lấy con gái Giăcxơn.

- Cậu? - Bãytôman như bị sét đánh. - Cậu không thể lấy một con bé lai được. Cậu không thể nào điên rồ như thế được.

- Êva là một cô gái tốt, cô ấy có một bản tính ngọt ngào, dịu dàng. Tớ nghĩ cô ấy sẽ đem lại hạnh phúc cho tớ.

- Cậu đã yêu cô ta?

- Tớ không rõ, Etuôt trầm ngâm đáp. - Tớ không yêu cô ấy như kiểu tớ đã yêu Izaben. Tớ đã sùng bái Izaben. Tớ đã nghĩ nàng là người tuyệt vời nhất tớ từng gặp. Tớ không xứng được một nửa của nàng. Nhưng tớ không cảm thấy điều ấy với Êva. Cô ấy như một bông hoa kỳ lạ, tuyệt đẹp cần được che chắn khỏi gió mưa. Tớ muốn che chở cô ấy. Không ai nghĩ đến chuyện che chở cho Izaben. Tớ nghĩ cô ấy yêu tớ là yêu chính bản thân tớ chứ không phải yêu cái mà tớ có thể trở thành. Cho dù có điều gì xảy đến với tớ đi nữa, tớ sẽ không bao giờ khiến cô ấy chán ngán vỡ mộng. Cô ấy rất hợp với tớ.

Bãytôman im lặng.

- Mai ta phải dậy sớm, - cuối cùng Etuôt nói. - Đã đến lúc chúng mình nên đi ngủ.

Lúc này Bãytôman lên tiếng, giọng anh đau buồn thật sự.

- Mình bàng hoàng quá, không biết nói gì bây giờ. Mình đến đây vì nghĩ rằng có điều gì đó không ổn. Mình nghĩ là cậu không thành đạt với những điều cậu đã đề ra để thực hiện và dám ngượng không dám quay về nữa. Mình không khi nào ngờ rằng lại gặp phải chuyện này. Mình buồn ghê gớm, Etuôt ạ. Vỡ mộng mất rồi. Cứ hy vọng rằng cậu sẽ làm nên những việc vĩ đại. Thật là quá sức chịu đựng khi nghĩ đến chuyện cậu phung phí tài năng, tuổi trẻ và cơ hội của cậu một cách thảm hại làm vậy.

- Đừng buồn khổ làm gì, anh bạn ạ, - Etuôt nói. - Tớ đâu có thất bại. Tớ thành đạt đấy. Cậu không thể hình dung nổi tớ trông đợi ở cuộc sống với niềm thú vị nhường nào, nó đối với tớ hàm súc đến thế nào, có ý nghĩa đến thế nào. Rồi có lúc, khi cậu đã lấy Izaben, cậu sẽ nghĩ đến tớ. Tớ sẽ tự xây một căn nhà trên hòn đảo san hô của tớ và tớ sẽ sống ở đấy, trông nom cây cối - chúng đâm hoa kết quả vẫn bằng cái cách mà chúng vẫn có từ bao đời nay - tớ sẽ trồng đủ thứ trong vườn và tớ sẽ đánh cá. Sẽ có đủ việc để tớ bận bịu, và không quá nhiều đến nỗi làm tớ ngu si đi. Tớ sẽ có sách và có Êva, có con cái, hy vọng là ngoài ra, tớ còn có vẻ phong phú không cùng của biển cả và trời xanh, cái tươi mát của bình minh và vẻ đẹp của hoàng hôn, sự trắng lẹ nguy nga của buổi đêm. Tớ sẽ làm thành một cái vườn từ những gì chỉ mới đây thôi còn là hoang dã. Tớ sẽ tạo dựng được cái gì đó. Năm tháng qua đi không nhận thấy, rồi khi đã về

già, tớ hy vọng sẽ có thể nhìn lại một cuộc đời hạnh phúc, giản dị, êm đềm. Bằng cách khiêm nhường của mình, tớ sẽ được sống trong cái đẹp. Cậu có nghĩ rằng thế là quá ít ỏi để mà mãn nguyện không? Chúng mình biết là một con người giành được cả thế giới và đánh mất tâm hồn mình thì có ích gì⁽¹⁾. Tớ nghĩ là tớ đã giành được tâm hồn của tớ.

Etuôt dẫn anh vào một căn buồng rồi thả người xuống một trong hai cái giường kê ở đó. Mười phút sau, qua hơi thở đều của bạn, êm như hơi thở của một đứa trẻ, Bâytôman biết rằng Etuôt đã ngủ. Về phần mình, anh không thấy thư thái, đầu óc anh rối bời và cho mãi đến tận lúc hùng đông bò vào trong phòng một cách ma quái và lặng lẽ, thì anh mới thiếp đi.

Bâytôman đã kể xong câu chuyện dài cho Izaben. Anh không giấu nàng điều gì trừ những chi tiết anh nghĩ sẽ làm nàng bị tổn thương hay những chi tiết đặt anh ở vị trí tức cười. Anh không kể với nàng chuyện anh bị ép ngồi ăn tối với vòng hoa quanh đầu, và anh cũng không nói với nàng chuyện Etuôt sắp sửa lấy cô con gái lai của ông cậu nàng, một khi nàng cho anh ta tự do. Nhưng có lẽ Izaben có trực giác tinh tế hơn anh tưởng, bởi vì khi anh càng tiếp tục câu chuyện thì mắt nàng càng lạnh lùng hơn, và môi nàng càng áp chặt vào nhau hơn. Đôi lúc nàng nhìn dán vào anh, giá anh ít mải mê với việc

⁽¹⁾ Lấy lời Chúa Giêsu trong Kinh thánh.

thuật chuyện thì chắc anh phải thắc mắc về biểu hiện của nàng.

- Thế cô gái ấy giống ai? - Nàng hỏi khi anh đã kết thúc câu chuyện. - Cô con gái của Acnôn ấy. Anh có thấy sự giống nhau nào giữa cô ấy và em không?

Bâytoran sững sốt với câu hỏi đó.

- Anh chưa hề để ý đến chuyện ấy. Em biết đấy, anh chưa bao giờ để mắt đến ai cả trừ em, và anh không thể nào lại nghĩ rằng có ai giống em được. Ai có thể giống được em?

- Cô ấy có xinh không? - Izaben nói, khẽ mỉm cười trước lời anh nói.

- Anh cho là xinh. Anh dám chắc là một số người còn có thể nói là cô ấy rất đẹp nữa là khác.

- Mà thôi, cái đó chả thành vấn đề. Em nghĩ chúng ta cũng chả cần để ý thêm đến cô ta làm gì nữa.

- Giờ em định sao? Izaben? - Anh hỏi.

Izaben nhìn xuống bàn tay hầy còn đeo chiếc nhẫn mà Etuôt đã tặng nàng hôm đính hôn.

- Em đã không cho Etuôt phá bỏ lời hứa hôn vì em đã nghĩ rằng nó là điều khích lệ anh ấy. Em đã muốn là người cổ vũ cho anh ấy. Em đã nghĩ là nếu có cái gì có thể đưa anh ấy đến thành công thì đó chính là ý nghĩ rằng em yêu anh ấy. Em đã làm mọi điều có thể làm được. Thật là vô vọng. Về phần em, không thừa nhận sự thật thì chỉ có nghĩa là yếu đuối mà thôi. Tội nghiệp Etuôt, anh ấy không là kẻ thù của ai cả, mà chỉ là kẻ thù của chính mình. Anh ấy là

một chàng trai tốt và đáng mến, nhưng anh ấy thiếu một cái gì đó em nghĩ có lẽ thiếu cái trụ cột bên trong. Em mong là anh ấy sẽ hạnh phúc.

Nàng tháo chiếc nhẫn ra khỏi ngón tay và đặt nó lên bàn. Bâytoman ngắm nàng, tim anh đập nhanh đến mức anh thấy khó thở.

- Em thật tuyệt vời, Izaben ạ, em quả là tuyệt vời!

Nàng cười rồi đứng dậy chìa tay cho anh.

- Em biết lấy gì cảm ơn anh về những gì anh đã làm cho em, - nàng nói, - anh đã bỏ công sức giúp em nhiều như thế, em biết em có thể tin cậy ở anh.

Anh cầm tay nàng và giữ lấy. Chưa bao giờ anh thấy nàng đẹp như vậy.

- Ôi, Izaben, anh sẽ còn vì em làm nhiều hơn thế nữa. Em biết là anh chỉ yêu cầu được phép yêu và phục vụ em.

- Anh mạnh mẽ lắm, anh Bâytoman - nàng thở dài. Anh làm em có được một cảm giác tin tưởng dễ chịu thế này.

- Izaben, anh yêu em da diết!

Anh không rõ nguồn phấn hứng đã đến với anh ra sao, nhưng bất thần anh ôm chặt nàng trong vòng tay anh và nàng, không hề chống lại, mỉm cười trong mắt anh.

- Izaben, em biết đấy, anh đã muốn lấy em ngay từ hôm đầu gặp em, - anh thốt lên nồng nàn.

- Sao lúc ấy anh lại không hỏi em ngay? - Nàng đáp.

Nàng đã yêu anh. Anh khó có thể tin rằng đây là sự thật. Nàng ban cho anh đôi môi đáng yêu của nàng để anh hôn. Và khi giữ nàng trong vòng tay mình, anh đã mừng tượng thấy các nhà máy của Công ty Ô tô và máy kéo Hantơ đang vươn ra về kích thước và tầm quan trọng cho tới khi chúng bao phủ hàng trăm mẫu đất, thấy hàng triệu ô tô được xuất xưởng, thấy một bộ sưu tập tranh lớn do anh gây dựng sẽ ăn đứt bất kỳ bộ sưu tập nào người ta có ở Niu Yoóc. Anh sẽ mang kính gọng sừng. Còn nàng, với áp lực khoan khoái của vòng tay anh, nàng thở sâu trong hạnh phúc, vì nàng nghĩ đến một căn nhà thanh lịch mà nàng sẽ có, đầy những đồ đạc cổ, đến những buổi hòa nhạc nàng sẽ tổ chức, đến *thés dansant*⁽¹⁾ và những bữa ăn chỉ có những người có văn hóa nhất được mời đến. Băytơman sẽ mang kính gọng sừng.

- Tội nghiệp Etuôt, - nàng thở dài.

⁽¹⁾ Thés dansant (tiếng Pháp): Những buổi tiệc trà có khiêu vũ.

Người coi giáo đường

Chiều hôm ấy có phiên lễ rửa tội ở nhà thờ Xanh Pitơ, Quảng trường Nêvilơ, Anbe Etuôt Phơman vẫn còn mặc cái áo dài lễ của ông, người coi giáo đường. Ông cất giữ cái áo mới, nó còn nguyên nếp gấp và cứng như thể không phải bằng vải anpaca mà bằng thứ đồng thiếc trường cửu, dành cho lễ tang và lễ cưới (nhà thờ Xanh Pitơ, Quảng trường Nêvilơ là nơi được tăng lớp thời thượng ưa chọn cho những lễ tiết như vậy) giờ ông chỉ mặc cái áo tốt thứ nhì của ông mà thôi. Ông mặc nó với vẻ tự đắc, vì nó là biểu tượng cao quý của lễ đường, mà không có nó (khi ông cởi ra để về nhà) ông có cảm giác ngưỡng ngưỡng tựa như chưa mặc đủ quần áo vậy. Ông bỏ công sức vào đấy, tự tay ông là nó. Suốt mười sáu năm làm chân coi sóc nhà thờ này, ông có một dãy áo lễ như thế, nhưng chưa bao giờ ông dám bỏ cái nào đi khi mặc đã tàng, và cái chuỗi đủ bộ ấy được gói bọc ngăn nắp bằng giấy nâu, nằm trong những ngăn kéo, đáy của tủ áo trong phòng ngủ của ông.

Ông lặng lẽ làm việc, nào thay tấm gỗ sơn đầy bình nước thánh, nào dọn đi chiếc ghế đã được khuôn ra cho một bà già ốm yếu, rồi ông đợi cha sở xong việc trong phòng quần áo để ông có thể dọn dẹp lần cuối rồi về nhà. Chẳng mấy chốc ông thấy cha sở đi ngang gian thánh đường, quỳ gối trước bệ thờ cao, rồi đi dọc cánh bên, nhưng trên mình vẫn mặc áo thầy tu.

- Ông ta còn quanh quẩn ở đây làm gì nhỉ? - Ông thầm hỏi. - Ông ta không biết là mình cũng muốn về nhấp trà hay sao?

Cha sở mới được bổ nhiệm gần đây. Cha năng nổ, có bộ mặt hồng hào độ ngoài bốn mươi. Anbe Etuôt vẫn còn nuối tiếc cha cũ, một thầy tu trường phái cổ đọc kinh cầu nguyện nhàn nhã bằng cái giọng du dương và đi dự tiệc tùng khá nhiều với những giáo dân giàu sang của cha. Cha thích mọi việc trong nhà thờ được đúng như ý, nhưng không bao giờ xoi mói phiên hà, đâu có giống cha mới này cứ muốn cái gì cũng thò mũi vào. Nhưng Anbe Etuôt giỏi chịu đựng. Xanh Pitơ nằm ở một vùng rất tốt, giáo dân trong xứ thuộc tầng lớp tử tế. Cha sở mới từ khu Ixtơ Endơ đổi về, chắc cha chưa ăn nhập ngay được với cung cách khéo léo của giáo đoàn thời thượng nơi đây.

- Cứ lẳng xẵng cả lên, - Anbe Etuôt nói. - Phải một thời gian, cha sẽ học hỏi được.

Cha sở đã đi dọc cánh bên xuống dưới để có thể

nói với thầy quản mà không phải cao giọng hơn cái mức phải phép ở nơi tôn nghiêm, và cha dừng lại.

- Phoroman, ông vào phòng quần áo một chút nhé. Tôi có chuyện muốn nói với ông.

- Xin lĩnh ý cha.

Cha sở đợi ông tiến lại và họ cùng nhau bước đi lên phía trên nhà thờ.

- Lễ rửa tội hôm nay rất tuyệt, thưa cha. Thú thật, lúc cha bế lấy đứa bé là nó thôi khóc ngay.

- Tôi đã ngẫm ra là chúng thường thôi khóc ngay, - cha sở nói với nụ cười mỉm. - Tôi đã qua thực tiễn khá nhiều rồi mới thế.

Cái niềm tự hào được nén lại của cha là cha gần như bao giờ cũng làm đứa trẻ đang khóc nín được qua cái cách cha bế nó, và cha không phải không nhận ra sự bái phục thú vị của các bà mẹ và bảo mẫu khi quan sát cha đặt đứa bé vào vòng tay áo thụng của mình. Thầy quản biết là cha thấy khoan khoái khi được khen về tài năng ấy của người.

Cha sở đi trước Anbe Etuôt vào phòng quần áo. Anbe Etuôt hơi ngạc nhiên thấy có hai vị chánh trương ở đấy. Ông không trông thấy họ vào từ lúc nào. Họ gật đầu nhả nhận với ông.

- Chào cha giám. Chào cha! - Ông chào lần lượt từng người.

Họ đều đã luống tuổi, cả hai người, và cũng làm chánh trương lâu như Anbe Etuôt làm quản giáo vậy.

Họ đang ngồi bên cái bàn ăn thanh lịch mà cha sở cũ đã mang từ Italia về từ nhiều năm về trước, còn cha sở ngồi vào ghế trống đặt giữa họ.

Anbe Etuôt đứng đối diện với họ cách cái bàn ở giữa và bứt rứt tự hỏi không hiểu có chuyện gì đã xảy ra. Ông còn nhớ cái đạo người chơi đàn oóc-gơ có chuyện không hay và mọi người đã phải im cả đi. Ở một nhà thờ như Xanh Pitơ, Quảng trường Nêvilơ, người ta không thể xì chuyện tai tiếng ra. Trên bộ mặt đỏ hồng của cha sở là cái vẻ nhân từ cương quyết, nhưng những vị kia có vẻ hơi lo lắng.

- Chắc cha sở vừa mới mề nheo họ, - thầy quản tự nghĩ. - Cha phỉnh họ làm điều gì đó, nhưng họ không thích, chắc chỉ có thế, để rồi xem.

Nhưng những ý nghĩ ấy không hiện ra trên khuôn mặt sắc nét và nổi bật của Anbe Etuôt. Ông đứng với thái độ tôn kính nhưng không xun xoe. Ông đã từng phục dịch từ hồi trước khi được bổ về nơi giáo đường, tuy chỉ trong những gia đình rất gia giáo, cách cư xử của ông không thể chê vào đâu được. Bắt đầu là cậu bé chạy việc vặt trong nhà một phú thương, ông lên dần từ địa vị người hầu hạng tư đến hạng nhất, rồi ông làm quản gia một mình cho một nữ bá tước góa bụa và trước khi có chỗ trống ở Xanh Pitơ, ông làm quản gia với hai người dưới quyền tại nhà một vị đại sứ về hưu. Ông cao, gầy, nghiêm nghị và có tư cách. Trông ông, nếu không giống một công tước thì ít nhất cũng giống một diễn viên trường phái

cổ điển chuyên sắm vai công tước. Ông lịch duyệt, cứng rắn và tự tin. Tính cách ông không để ai phải phàn nàn.

Cha sở nhanh nhẩu mở đầu:

- Phoroman, chúng tôi có điều không dễ chịu lắm muốn nói với ông. Ông ở đây đã khá nhiều năm và tôi nghĩ cha giám và cha trưởng giáo hân cũng đồng ý với tôi là ông đã thực hiện những bổn phận ở nhiệm sở đáp ứng được yêu cầu của mọi người.

Hai vị chánh trương gật đầu.

- Nhưng có một sự thể khác thường nhất mà tôi vừa hay tin hôm trước và tôi thấy có bổn phận phải truyền đạt lại cho các vị chánh trương nghe. Thật sửng sốt khi tôi phát hiện ra là ông không biết đọc và cũng không biết viết.

Khuôn mặt thầy quản chẳng tỏ một dấu hiệu lúng túng nào.

- Cha sở trước cũng biết điều ấy, thưa cha, - ông đáp. - Cha bảo cũng chẳng làm sao cả. Cha vẫn luôn luôn nói là theo ý người thì thế cũng là có chán học vấn ra rồi.

- Lần đầu tiên tôi mới nghe thấy cái điều kỳ quặc đến thế, - cha trưởng giáo nói. - Có phải ông muốn nói là ông coi sóc nhà thờ này đã mười sáu năm mà chưa bao giờ học đọc hay học viết không?

- Tôi đi phục dịch từ hồi mới mười hai tuổi, thưa cha. Người đầu bếp ở cái nơi đầu tiên ấy đã cố dạy

tôi một đạo, nhưng hình như tôi không có khiếu, rồi sau việc này việc kia, chẳng lúc nào tôi có thì giờ nữa. Quả thực tôi chưa bao giờ thấy cần có nó. Tôi cho là có vô khối gã trai trẻ tiêu mất khá nhiều thời giờ để đọc trong khi họ có thể làm được việc gì đó có ích.

- Thế ông không muốn biết tin tức à? - Vị chánh trương kia hỏi. - Ông không bao giờ muốn viết một lá thư à?

- Thưa cha giám, không ạ, hình như tôi vẫn có cách khắc phục rất hay. Những năm gần đây người ta đều có in tranh ảnh cả trên báo chí nên tôi cũng biết được khá rõ những chuyện xảy ra. Vợ tôi thông thái lắm, nên nếu tôi có muốn viết thư thì vợ tôi viết hộ. Mà tôi có đánh cá đánh cược gì đâu mà phải biết viết.

Hai vị chánh trương đưa cái nhìn ưu tư sang cha sở rồi sau đó họ nhìn xuống bàn.

- Thôi được, Phoroman ạ, tôi đã nói vấn đề này với các vị ở đây, và họ hoàn toàn đồng ý, với tôi là tình hình này không thể để tồn tại được. Ở một nhà thờ như Xanh Pitơ, Quảng trường Nêvilơ, chúng tôi không thể để cho có một thầy quản không biết đọc và biết viết.

Khuôn mặt mỏng tai tái của Anbe Etuôt đỏ lên và ông cựa quậy một cách bứt rứt trên đôi chân, nhưng ông không đáp.

- Hãy hiểu cho tôi, Phoroman ạ, tôi không có điều gì phàn nàn về ông. Ông làm việc rất được ưng ý, tôi đánh giá hết mực cả tính cách lẫn khả năng của

ông, nhưng chúng tôi không có quyền liệu để nhờ có chuyện gì xảy ra vì sự đốt nát thảm hại của ông. Đây là vấn đề cần trọng mà cũng là vấn đề nguyên tắc.

- Nhưng ông có thể học được không nhỉ, ông Phorơman? - Vị trưởng giáo hỏi.

- Không, thưa cha. Tôi e là bây giờ tôi không thể học được. Đấy cha xem, tôi có còn trẻ trung gì nữa, nếu hồi còn nhóc con tôi đã không nhồi được chữ vào đầu, thì tôi nghĩ là bây giờ cũng chẳng có hy vọng gì nhiều.

- Chúng tôi không muốn xử tệ với ông, Phorơman ạ, - cha sở nói. - Nhưng tôi và các vị chánh trưởng đã quyết định rồi. Chúng tôi cho ông ba tháng, mà nếu hết thời gian ấy ông không biết đọc biết viết thì tôi e là ông phải ra đi.

Anbe Etuôt chưa bao giờ thấy mền cha sở mới. Ông đã nói ngay từ đầu là người ta đã nhầm khi giao Xanh Pitơ cho cha. Cha không phải là kiểu người mà người ta muốn có với một giáo đoàn ưu tú như thế. Lúc này ông ước thẳng người lên một chút. Ông biết giá trị của mình và sẽ không để cha sở bắt nạt.

- Tôi rất tiếc, thưa cha, tôi e là nó chẳng ra làm sao. Tôi là cái đồ chó quá già, học làm sao được những ngón mới. Tôi đã sống bấy nhiêu năm không biết đọc biết viết, mà không phải là khen mình đâu, tự khen đâu phải là đức tính đáng mền, có thể nói là tôi đã làm tròn bổn phận mình ở cái vị trí mà mệnh cả nhân từ đã đặt tôi vào, và nếu giờ giá tôi có thể học được, chắc gì tôi đã muốn.

- Nếu đã thế thì, Phorơman ạ, tôi e rằng ông phải ra đi thôi.

- Vâng, thưa cha, tôi hoàn toàn hiểu. Tôi sẽ rất sung sướng được thôi việc, chuyển giao nó cho người khác hễ khi nào cha tìm được người thế chân tôi.

Nhưng khi Anbe Etuôt với vẻ lịch sự thông thường đã đóng cửa nhà thờ lại sau lưng cha sở và hai vị chánh trương, ông không thể giữ nguyên được phong thái điềm tĩnh như lúc ông chịu đựng những đòn giáng lên mình nữa, và môi ông run run. Ông chậm chậm quay vào phòng quần áo và treo cái áo lễ của mình vào đúng cái mắc áo đã ấn định. Ông thở dài nghĩ đến tất cả những lễ tang to tát và những lễ cưới sang trọng mà cái áo đã được chứng kiến. Ông dọn dẹp mọi thứ đầu vào đấy, khoác áo choàng vào và một tay cầm mũ, ông đi dọc lối cánh bên. Ông khóa trái cửa nhà thờ lại sau lưng. Ông đi bách bộ qua quảng trường, nhưng vì đang chìm đắm trong những ý nghĩ buồn bã, ông không theo cái phố dẫn ông về nhà, nơi có chén trà đặc thơm ngon đang đợi, mà ông rẽ sai đường. Ông cứ đi chậm chậm. Lòng ông nặng trĩu. Ông không biết phải làm gì với mình nữa. Ông không muốn tưởng tượng đến cái cảnh quay về với những công việc tẻ gia, sau những ngần ấy năm làm chủ, cho dù cha sở và các vị chánh trương có nói gì thì nói, chính ông đã cai quản Xanh Pito, Quảng trường Nêvilơ, nên ông không thể tự hạ mình được đến mức khoanh tay với tình thế. Ông đã

dành dụm được một món tiền nhỏ, nhưng sẽ không đủ sống nếu không làm gì, vì đời sống hình như cứ mỗi năm một đắt đỏ. Ông chưa bao giờ nghĩ đến những vấn đề phiến toái như vậy.

Thầy quản ở Xanh Pito cũng như giáo hoàng ở La Mã, là làm việc trọn đời. Ông vẫn thường hay nghĩ tới lời khuyến dương hời dạ mà cha sở sẽ nói trong buổi lễ cầu nguyện ban chiều vào cái ngày Chúa nhật đầu tiên sau khi ông mất đi, về một cuộc đời phụng sự trung thành và dài lâu, về tính cách mẫu mực của Anbe Etuôt Phorôman, thầy quản đã quá cố. Ông thở dài thườn thượt. Anbe Etuôt không hút thuốc và kiêng rượu hoàn toàn, nhưng cũng có ít nhiều linh động, của đáng tội ông cũng thích một cốc bia vào bữa ăn và khi mệt ông cũng tận hưởng vị ngon của một điều thuốc lá.

Ông chợt nảy ra ý nghĩ là có một điều lúc này thật khoan khoái, và vì không mang thuốc lá theo nên ông đi quanh quất tìm một cửa hàng để mua một bao *Gold Flakes*. Ông không trông thấy ngay một cửa hàng nào cả nên đi tiếp một chút nữa. Đây là một phố dài, có đủ các loại cửa hàng, nhưng chẳng có cái nào có thể mua thuốc lá được.

- Lạ thật, - Anbe Etuôt tự nhủ.

Để cho chắc chắn ông lại đi dọc phố một lượt nữa. Thật là không còn nghi ngờ gì cả. Ông đứng lại và trầm ngâm nhìn trước nhìn sau.

- Chắc không phải mình là người duy nhất đi dọc

phố này và thềm một hiệu thuốc, - ông tự nhủ. - Chắc phải nghĩ ngợi gì cũng thấy là mở một cửa hiệu con ở đây thì chắc trúng lắm. Cứ thuốc lá và kẹo bánh là được rồi.

Ông chột giật mình.

- Ý tưởng là thế đấy, - ông tự nhủ, - lạ quá, khi anh ít ngờ nhất thì lại là lúc nó đến.

Ông rẽ sang đường về nhà uống trà.

- Anh Anbe, hôm nay sao anh cứ lặng thinh cả buổi chiều thế, - vợ ông nhận xét.

- Anh đang nghĩ, - ông nói.

Ông xem xét vấn đề từ mọi khía cạnh và hôm sau ông đi dọc cái phố hôm qua, may mắn tìm được một cửa hàng nho nhỏ cho thuê mà trông có vẻ rất ưng ý. Hai mươi tư tiếng đồng hồ sau ông đã thuê nó và một tháng sau khi rời nhà thờ Xanh Pitơ, Quảng trường Nêvilơ, Anbe Etuôt Phorơman đã lạc nghiệp với tư cách là người bán thuốc lá và báo chí. Vợ ông bảo đó là cái bước đi xuống ghê gớm sau khi đã làm quản giáo nhà thờ Xanh Pitơ, nhưng ông trả lời là người ta cũng phải dịch chuyển với thời gian, cái nhà thờ ấy không còn như xưa nữa cho nên từ nay về sau cái gì của Xêda ông sẽ đem trả về cho Xêda⁽¹⁾.

Anbe Etuôt rất ăn nên làm ra. Ông làm ăn khá khá đến nỗi quãng chừng được một năm, ông cũng

⁽¹⁾ Mượn ý câu nói của Chúa Kitô trong Kinh thánh (St.Matt. 22): Hãy trả về cho Xêda những cái gì của Xêda và cho Chúa Trời những cái gì thuộc về Chúa Trời.

lấy làm lạ là đã có thể mở cửa hiệu thứ hai và đặt một người quản trị. Ông lại đi tìm một cái phố dài khác còn chưa có hiệu thuốc lá và khi tìm ra, cả cửa hiệu cho thuê nữa, ông bèn thuê và trữ hàng vào đấy. Lần này lại thành công. Rồi ông nảy ra ý nghĩ là nếu ông quản được hai cửa hàng thì cũng có thể quản được nửa tá, thế là ông đi dạo khắp Luân Đôn, hễ khi nào ông tìm được một cái phố dài mà không có hiệu thuốc lá và có một cửa hàng cho thuê thì ông nhắm lấy. Trong vòng mười năm ông tậu được không dưới mười cửa hiệu và ông kiếm tiền tới tời.

Thứ hai nào ông cũng đi khắp lượt các cửa hàng của mình, thu về món lãi trong tuần và đem gửi ngân hàng.

Một buổi sáng, khi ông đang nộp thêm một mớ ngân phiếu và một giỏ bạc nặng thì người thủ quỹ bảo ông là ông giám đốc muốn được gặp ông. Ông được chỉ vào một văn phòng và ông giám đốc đã bắt tay ông.

- Ông Phoroman, tôi muốn nói chút chuyện với ông về số tiền ông lưu ở chỗ chúng tôi. Ông có biết chính xác là bao nhiêu không?

- Tất nhiên không phải là một vài đồng, thưa ông, nhưng tôi biết không rõ lắm.

- Không kể chỗ ông nộp sáng nay thì cũng hơn ba mươi ngàn đồng xteclinh một chút. Lưu một món tiền như thế là khá lớn, nên tôi thiết nghĩ ông nên hùn vốn thì hơn.

- Tôi không muốn làm liều đâu, thưa ông. Tôi cho là để ở ngân hàng mới bảo đảm.

- Ông không phải lo lắng tý tẹo nào. Chúng tôi sẽ làm cho ông giấy tờ bảo đảm nhất hạng. Chúng tôi sẽ đem lại nhiều lãi suất hơn là khả năng chúng tôi cho ông.

Một vẻ ưu tư toát lên khuôn mặt cừ khôi của ông Phorơman.

- Tôi chưa bao giờ dính dáng đến cổ phần chứng khoán gì cả. Tôi dành mọi việc cho ông lo đấy, - ông nói.

Ông giám đốc mỉm cười.

- Chúng tôi sẽ làm hết. Ông chỉ có mỗi một việc phải làm khi ông tới đây lần sau là ký các giấy tờ chuyển khoản.

- Tôi ký được không sao cả, - Anbe nói không lấy gì làm tự tin, - nhưng làm sao tôi biết được là tôi ký cái gì?

- Thì ông có thể đọc chứ, - viên giám đốc nói hơi sáng.

Ông Phorơman nở nụ cười làm tan cơn bực của viên giám đốc.

- Ấy, thưa ông, chính là ở chỗ tôi không biết đọc. Tôi biết nói ra nghe kỳ quá, nhưng thực tình là tôi không biết đọc biết viết gì, trừ cái tên của mình ra, mà tôi học cái ấy cũng chỉ mới từ hồi chuyển sang kinh doanh.

Viên giám đốc ngạc nhiên quá đứng phắt ngay khỏi ghế.

- Thật là một điều lạ lùng tôi chưa từng được nghe bao giờ.

- Đấy ông xem, thực là như thế đấy. Tôi chẳng có dịp nào để học cả để rồi hóa ra muộn quá, lúc ấy không còn làm cách gì được nữa. Tôi đâm ra lạc hậu.

Viên giám đốc nhìn Anbe Etuôt tựa như nhìn một quái vật thời tiền sử.

- Ông muốn nói là ông dựng nên cơ nghiệp kinh doanh to tát là thế và tích được ba mươi ngàn xteclinh mà không hề biết đọc biết viết à? Trời đất quý thần ơi, giá ông biết đọc biết viết thì bây giờ ông làm nên gì rồi?

- Tôi có thể thổ lộ với ông điều ấy, thưa ông, - ông Phorơman nói, nụ cười mỉm nở trên khuôn mặt vẫn còn vẻ quý tộc của ông - Thì tôi làm thầy quản ở nhà thờ Xanh Pitơ, Quảng trường Nêvilơ!

An dưỡng đường

Sáu tuần đầu ở an dưỡng đường, Asenden nằm liên trên giường. Anh chẳng tiếp xúc với ai ngoài ông bác sĩ sáng và tối đến khám bệnh, các y tá chăm sóc anh và một cô hộ lý chuyên mang bữa ăn đến cho anh. Anh mắc bệnh lao phổi. Đúng lúc có những khó khăn trở ngại cho việc anh đi Thụy Sĩ, nhà chuyên khoa mà anh gặp ở Luân Đôn đã gửi anh đến an dưỡng đường ở bắc Xcốtlen.

Cuối cùng, cái ngày mong chờ sốt ruột đã đến: bác sĩ bảo anh có thể dậy được. Chiều hôm ấy cô y tá vẫn giúp anh mặc quần áo đã đưa anh ra ngoài hiên, đặt đệm cho anh rồi quán anh trong mớ chăn mềm và thả cho anh hưởng ánh nắng mặt trời ủa xuống từ bầu trời không mây.

Đang giữa mùa đông. An dưỡng đường ở trên đỉnh đồi nên từ đây có một cảnh quan bao la của miền quê tuyết phủ. Mọi người nằm trên các ghế xếp dọc hàng hiên, kẻ thì nói chuyện phiếm với những người bên cạnh, người thì đọc sách. Thỉnh thoảng lại

có một bệnh nhân lên cơn ho để sau đó phải lảo liên tìm khăn mùi soa.

Trước khi rời Asenden, cô y tá, với vẻ hoạt bát nghề nghiệp, quay lại phía người đàn ông đang nằm trên chiếc ghế liên đây và nói:

- Tôi muốn giới thiệu anh Asenden với ông. - Rồi cô quay về phía Asenden. - Đây là ông Mac Lêôt. Ông ấy và ông Camben ở đây lâu hơn bất cứ người nào khác đây.

Phía bên kia Asenden có một cô gái xinh xắn đang nằm, mái tóc màu hung và đôi mắt xanh sáng. Cô không trang điểm son phấn, nhưng môi cô đỏ tươi và đôi má cũng rất hồng hào. Điều đó càng tôn màu trắng đến mức sùng sờ của làn da cô. Ngay cả khi phát hiện ra rằng cái cơ thể kiều diễm ấy đang có bệnh, ta vẫn cứ thấy đáng yêu như thường.

Cô mặc áo khoác lông và đắp chăn kín nên không thể trông thấy thân hình một tí nào, nhưng khuôn mặt cô cực kỳ thanh mảnh, mảnh đến nỗi cái mũi quả thực không lấy gì làm to, cũng có phần khá nổi bật. Cô nhìn sang Asenden một cách thân tình, nhưng không nói.

Asenden khá rụt rè trước cả đám người lạ ấy, dành đợi người khác lên tiếng trước với mình.

- Lần đầu tiên người ta cho anh dậy, có phải không? - Mac Lêôt cất tiếng.

- Vâng.

- Phòng anh ở chỗ nào?

Asenden nói số phòng.

- Phòng ấy thì bé lắm. Tôi biết tất cả các phòng ở đây. Tôi ở đây đã mười bảy năm. Tôi đã chiếm được cái phòng tốt nhất, mà cũng xứng đáng đứt đuôi đi rồi. Lão Camben cứ lăm le tìm cách tống tôi ra để chiếm cứ lấy, nhưng đời nào tôi chịu nhúc nhích. Tôi có quyền ở đấy vì tôi tới đây sớm hơn lão ta những sáu tháng cơ.

MacLêôt đang nằm đó tạo cho người ta cảm giác là ông rất cao. Da bọc sát lấy xương, má và thái dương hõm vào, khiến ta có thể thấy hình thù xương sọ bên trong. Trên khuôn mặt võ vàng với cái mũi lớn xương xẩu ấy, đôi mắt trở nên to quá đổi.

- Mười bảy năm thì lâu thật, - Asenden chẳng còn biết nói gì khác, đành lên tiếng.

- Thời gian trôi nhanh quá. Tôi thấy thích ở đây. Dạo đầu sau một hai năm, vào mùa hạ, tôi có ra viện, có mỗi một bận ấy thôi. Bây giờ nơi đây đã thành nhà của tôi rồi. Tôi có một ông anh và hai cô gái, nhưng họ đã lập gia đình cả, nên chẳng muốn có thêm tôi làm gì nữa. Anh biết không khi đã ở đây ít năm rồi mà quay trở lại cuộc sống bình thường, cảm thấy nó cứ lạ lẫm thế nào ấy. Lũ bạn bè chúng nó đi đường chúng nó cả, chẳng còn gì chung với mình nữa. Mọi thứ có vẻ gấp gáp khủng khiếp. Chẳng có gì mà cứ rối lên, nói chính xác ra là thế. Nó âm ỉ, nó ngọt ngạt. Chẳng thà ở đây mà lại hóa hay hơn. Tôi sẽ ở lý tại đây đến khi nào người ta khiêng tôi vào quan tài.

Nhà chuyên khoa đã bảo anh rằng chỉ cần săn sóc đến bản thân một thời gian thích đáng là khỏe lên thôi, nên anh lấy làm lạ nhìn sang MacLêôt.

- Cả ngày dài ông làm những gì? - Anh hỏi.

- Làm gì à? Mang cái bệnh lao trong người đã là một việc choán hết cả thời gian rồi, anh ạ. Nào đo nhiệt độ, rồi lại còn cân xem mình thế nào nữa chứ. Tôi cũng chẳng vội vã mặc quần áo làm gì. Tôi ăn sáng, đọc báo rồi đi dạo. Sau đó tôi nghỉ, sau đó ăn tối. Chơi bài một lát nữa rồi lên giường đi ngủ. Ở đây người ta có cả một thư viện ra trò, toàn sách mới, nhưng tôi đâu có lười thì giờ để đọc. Tôi trò chuyện với mọi người. Thôi thì đủ loại, anh ạ. Bọn họ đến rồi lại đi. Có khi họ đi vì họ cứ tưởng đã chữa khỏi, nhưng phần nhiều lại phải quay lại, có khi họ đi vì họ chết. Tôi đã được chứng kiến nhiều người ra khỏi đây rồi, mà từ giờ cho đến lúc tôi đi chắc sẽ còn trông thấy nhiều nữa.

Cô gái ngồi phía bên kia Asenden bất chợt lên tiếng:

- Xin nói để anh hay, ít ai có tiếng cười thoải mái khi nhìn chiếc xe tang bằng ông MacLêôt.

MacLêôt cười hì hì.

- Tôi chẳng rõ thế nào, nhưng đã là con người ta thì ai lại không nghĩ trong bụng: Chà, mừng quá, kẻ nằm kia chứ không phải mình bị thiên hạ đem đi rong.

Cảm thấy Asenden chưa biết cô gái xinh đẹp, ông ta bèn giới thiệu:

- À này, chắc cô chưa biết anh Asenden, cô Bisốp nhỉ. - Rồi quay sang anh. - Cô ấy là người Anh, nhưng khá lắm đấy.

- Chị ở đây đã lâu chưa? - Asenden hỏi.

- Mới hai năm anh ạ. Đây là mùa đông cuối cùng. Bác sĩ Lennôcx nói rằng ít tháng nữa tôi sẽ bình phục, chẳng có lý gì tôi lại không về nhà cả.

- Ngốc ơi là ngốc, - Mac Lêôt nói. - Cô cứ ở nguyên cái nơi cô bình phục ấy, tôi bảo cô như vậy.

Đúng lúc ấy một người chống gậy chậm chạp đi dọc hàng hiên bước tới.

- Ô kìa, thiếu tá Templơtôn, - cô Bisốp nói, nụ cười làm rạng rỡ đôi mắt xanh của cô. Rồi khi người kia đã đến gần, cô nói tiếp: - Em rất mừng lại được trông thấy ông.

- Ô, có gì đâu. Chỉ cảm nhẹ ấy mà. Giờ tôi lại khỏe rồi.

Câu ấy vừa mới kịp bật khỏi miệng thì ông đã lên con ho. Ông tì mạnh lên cái gậy. Khi cơn ho đã qua, ông mới tươi tắn cười và nói tiếp:

- Không tài nào thoát được bệnh ho chết tiệt này. Hút thuốc nhiều quá mà. Bác sĩ Lennôcx bảo tôi nên bỏ thuốc, nhưng không được - tôi không thể bỏ thuốc được.

Ông người cao, diện mạo dễ ưa theo cái kiểu hơi

phường tuồng một tí: mặt màu xám xám, đôi mắt đen đẹp và bộ ria bánh đen tuyền. Ông mặc áo lông kiểu cổ Axtorakhan. Bề ngoài thanh nhã, có lẽ hơi pho phang một chút. Cô Bisóp giới thiệu Asenden với ông. Thiếu tá Temploton nói dăm lời lịch duyệt với thái độ thoải mái, chân tình, rồi rủ cô gái cùng đi bách bộ với mình. Ông được lệnh bác sĩ phải đi dạo bộ vào cánh rừng phía sau an dưỡng đường rồi quay lại.

Mac Lêôt nhìn theo họ đang nhún nhua bước đi. Ông ta nói:

- Tôi cứ băn khoăn không biết giữa hai người có gì không. Người ta bảo Temploton là tay bợm gái lắm, là nói cái hồi trước khi bị ốm ấy.

- Hiện giờ nom ông ấy chẳng có vẻ bợm gái gì cho lắm, - Asenden nói.

- Ai dám nói chắc. Tôi đã từng chứng kiến nhiều chuyện trăng gió ở đây. Có muốn kể cũng không hết chuyện.

- Rõ ràng ông đang muốn kể, vậy thì việc gì phải dửng?

Mac Lêôt toét miệng cười.

- Được, tôi sẽ kể cho anh một chuyện nhé. Ba bốn năm trước, ở đây có một chị chàng nặc nô lắm. Chồng chị ta cứ nửa tháng lại đến thăm một lần, ông ấy yêu chị ta mê mết, thường vẫn bay từ Luân Đôn đến. Nhưng bác sĩ Lenôcx cầm chắc là chị ta dạn díu với một người khác ở đây, tuy không tài nào phát

hiện được. Thế là một tối khi chúng tôi đã lên giường cả rồi, ông bác sĩ mới phết một lớp sơn ngay phía ngoài cửa buồng chị ta và hôm sau kiểm tra dép của từng người. Cừ thế chứ ily. Anh chàng dép dính sơn bị đuổi liền. Anh biết đấy, bác sĩ Lennôcx chặt chẽ là phải. Ông ấy không muốn nơi này bị mang tiếng.

- Temploton ở đây đã lâu chưa?

- Ba bốn tháng gì đó. Lão ta ở trên giường suốt.

- Cũng đáng lắm. Aivy Bisốp thật là ngu ngốc thượng hạng, cứ bám lấy lão. Cô ấy còn có cơ bình phục. Tôi đã quan sát nhiều người rồi nên tôi biết. Khi nhìn một người nào đó, tôi phác ngay trong óc là người đó sẽ bình phục hoặc không thể bình phục, nếu không thể bình phục thì tôi có thể đoán xem anh ta sống được mấy nổi nữa. Ít khi tôi nhầm lẫn. Tôi cho Temploton chỉ kéo dài được hai năm là cùng.

MacLêôt đưa cái nhìn dò xét sang Asenden. Biết ông ta đang nghĩ gì, tuy cố tỏ ra hài hước, Asenden không thể không cảm thấy lo âu. Trong mắt MacLêôt có ánh nhấp nháy. Ông ta thừa biết điều gì đang lướt qua óc Asenden.

- Anh sẽ khỏe thôi. Nếu không tin chắc như thế thì tôi đã không nói ra chuyện ấy. Tôi không muốn bác sĩ Lennôcx xạc tôi về việc gieo rắc sợ hãi cho đám bệnh nhân chết tiệt của ông ấy.

Rồi cô y tá trông nom Asenden đến dìu anh về giường. Mới chỉ ngồi có một tiếng đồng hồ, anh đã thấy mệt và sung sướng được ngả mình trong chăn

đêm. Buổi tối, bác sĩ Lennôcx đến thăm bệnh cho anh. Ông nhìn số đo nhiệt độ của anh rồi nói:

- Cũng không đến nỗi nào.

Bác sĩ Lenoôcx nhỏ người, lanh lợi và vui tính. Ông ta là một bác sĩ tay nghề khá, một người làm ăn giỏi và đồng thời là một nhà câu cá hăng hái. Khi mùa cá đến, ông chỉ chực trút bớt trách nhiệm chăm sóc bệnh nhân sang cho những người phụ tá. Bệnh nhân có cầu nhàu chút ít, nhưng tại khoan khoái được ăn cá hồi tươi ông mang về làm phong phú cho bữa ăn. Ông thích tán dóc; và lúc này đứng ở cuối giường Asenden, ông hỏi, đặc sệt thổ âm Xcốt, rằng anh đã bắt chuyện với bệnh nhân nào hồi chiều hay chưa. Asenden kể là cô y tá đã giới thiệu anh với MacLêôt. Ông bác sĩ cười.

- Một cư dân già đời nhất ở đây đấy. Ông ta biết về an dưỡng đường này và những bệnh nhân ở đây còn kỹ hơn cả tôi. Không hiểu ông ta moi tin ở đâu ra, nhưng không có chuyện gì trong đời tư của bất kỳ người nào dưới mái tòa nhà này mà ông ta không biết. Đến bà cô già cũng thua ông ta về khoản đánh hơi những chuyện người ta thường giấu. Ông ta đã kể về Camben cho anh nghe chưa?

- Ông ta có nhắc đến.

- Ông ta căm gét Camben, mà Camben cũng căm ghét ông ta. Cứ nghĩ đến hai con người ấy lại buồn cười thật, họ ở đây đã mười bảy năm và chỉ chực to tiếng với nhau. Trông thấy nhau là chỉ chực cà khịa.

Tôi đã phải từ chối, không thèm nghe những lời phàn nàn về nhau của mỗi người. Phòng của Camben ở ngay tầng dưới phòng của MacLêôt, Camben kéo vi-ô-lông làm MacLêôt phát rồ lên. Ông ta bảo mười lăm năm nay chỉ nghe thấy có mỗi một điệu, thế là Camben nói rằng MacLêôt mù tịt chẳng biết điệu nào với điệu nào cả. MacLêôt muốn tôi bắt Camben không được chơi đàn nữa, nhưng tôi không thể làm việc đó được. Camben hoàn toàn có quyền chơi miễn là không chơi vào những giờ yên tĩnh. Tôi đề nghị MacLêôt đổi phòng thì ông ta không chịu. Ông ta bảo Camben kéo đàn chỉ cốt để ông ta ra khỏi căn buồng ấy vì nó là căn buồng tốt nhất ở đây, nếu ông ta lại làm đúng như thế thì thà chết mẹ nó đi còn hơn. Anh bảo có kỳ không, hai con người đã đứng tuổi chỉ nghĩ đến chuyện biến cuộc đời của nhau thành địa ngục? Họ cũng không để cho nhau yên. Họ ăn cùng bàn, chơi brit-giơ với nhau, nhưng không ngày nào là không có chuyện om sòm. Thỉnh thoảng tôi phải đe là sẽ đuổi cả hai nếu họ không cư xử như những người biết điều. Thế là êm êm được một dạo. Cả hai đều không muốn đi. Họ ở đây đã lâu, họ chẳng còn ai muốn rước họ về nữa, mà họ thì không hòa mình được với thế giới bên ngoài. Mấy năm trước Camben có đi nghỉ, nói là độ một hai tháng. Một tuần sau ông ta quay lại bảo rằng không thể nào chịu nổi cảnh bon chen huyên náo; ngoài phố đông người quá, khiến ông ta e sợ.

Đây là một thế giới lạ lùng mà Asenden lọt vào

và với sức khỏe dần tăng, anh đã có thể hòa mình vào đám bệnh nhân. Một sáng, bác sĩ Lennôcx cho phép anh từ nay có thể ăn trưa ở nhà ăn. Đó là một căn phòng rộng và thấp, rất nhiều ô trống cửa sổ; lúc nào các cửa sổ cũng mở toang và vào những ngày đẹp trời ánh nắng tràn vào. Ở đây có ve rất nhiều người, phải mất một thời gian anh mới phân loại họ được. Thôi thì đủ hạng, già có, trẻ có, trung niên có. Một số người như MacLéôt và Camben đã ở an dưỡng đường nhiều năm, và đợi chết ở đây. Những người khác chỉ ở đây có vài tháng.

Có một bà đứng tuổi không chồng, gọi là cô Atkin, mùa đông nào cũng đến đây một thời gian lâu, đến hè lại đi về ở với bạn bè và họ hàng. Bà cũng chẳng bệnh lên tật xuống gì cả, có thể ra viện hẳn cũng được, nhưng bà thích cuộc sống nơi này. Do chỗ ra vào lâu nên bà có một vị trí nhất định, bà làm cán bộ thư viện danh dự và khăng khít với bà quản lý của an dưỡng đường lắm. Lúc nào bà cũng sẵn sàng chuyện phiếm với bạn, nhưng chẳng bao lâu, bạn phải dè chừng vì mọi điều bạn nói đều đến tai người khác cả.

Biết bệnh nhân của mình có hòa thuận với nhau và sung sướng không, xem họ có làm điều gì quá đáng hay là theo chỉ dẫn của mình là điều bổ ích đối với bác sĩ Lennôcx. Ít có điều gì lọt khỏi đôi mắt tinh của cô Atkin, rồi từ đó nó lan đến bà quản lý và đến tai bác sĩ Lennôcx. Vì đã là người kỳ cựu ở đây, nên

bà ngồi ăn cùng bàn với MacLêôt và Camben, cộng với một vị tướng già được xếp vào đây chỉ vì cấp bậc.

Cái bàn ấy cũng chẳng khác gì so với những cái bàn khác, cũng chẳng ở vị trí ưu thế hơn, nhưng bởi vì những bệnh nhân kỳ cựu nhất ngồi ở đây nên nó được xem như chỗ đáng khao khát để ngồi, thành thử có vài bà nom có vẻ đàn chị cay cú bức tức vì cô Atkin, mùa hè nào cũng ra viện bốn năm tháng, lại được chỗ ấy trong khi họ ở an dưỡng đường cả năm mà vẫn phải ngồi ở những bàn khác.

Còn có một viên chức già người Ấn Độ ở an dưỡng đường lâu chỉ thua MacLêôt và Camben, ông này đã từng có thời cai quản cả một tỉnh. Ông cau có đơì hoặc MacLêôt, hoặc Camben chết đi để có thể chuyển sang chiếc bàn hạng nhất ấy. Asenden đã làm quen với Camben. Ông này người ngẩng, xương to, đầu hói, thân mỏng đến nỗi bạn phải bắn khoăn không biết làm sao tứ chi lại gắn được với nhau. Khi ông ngồi co ro trong ghế bành thì bạn có cảm giác lạ lùng rằng đấy là người lùn trong buổi biểu diễn múa rối.

Ông cục cằn, bản tính và dễ động lòng. Điều đầu tiên ông hỏi Asenden là:

- Anh có thích âm nhạc không?

- Có.

- Ở đây chẳng có ai tri âm quái gì cả. Tôi chơi vi-ô-lông. Nếu anh thích, hôm nào lại chơi buồng tôi, tôi sẽ chơi cho anh nghe.

- Anh đừng đến. - MacLêôt nghe được, bèn lên tiếng. - Trò tra tấn đấy!

- Sao ông lại ăn nói sỗ thế? - Cô Atkin thốt lên. - Ông Camben chơi khá hay.

- Ở cái nơi hạ đẳng này chẳng có một ai biết nốt nào vào với nốt nào cả, - Camben nói.

Vừa cười nhạo, MacLêôt vừa bỏ đi. Cô Atkin cố xóa đi không khí nặng nề.

- Ông đừng chấp những lời MacLêôt nói.

- Tôi chấp làm gì. Tôi sẽ có dịp cho ông ta biết tay.

Chiều hôm ấy ông ta chơi đi chơi lại một điệu suốt cả buổi. MacLêôt gõ thỉnh thỉnh xuống sàn, nhưng Camben vẫn tiếp tục. MacLêôt bèn nhờ một cô hộ lý đưa giấy xuống nói rằng ông đau đầu và ông Camben làm ơn đừng có chơi nữa. Camben trả lời rằng ông hoàn toàn có quyền chơi, MacLêôt không thích thì cũng phải chịu. Lần sau họ gặp nhau là lời qua tiếng lại ầm ỹ.

Asenden được xếp ngồi một bàn với cô Bisốp xinh đẹp, với Templotơn và một anh kế toán người Luân Đôn tên là Henry Chextơ. Anh ta người chắc nịch, vai rộng, nhỏ nhắn, dẻo dai, khó có ai nghĩ rằng lại bị bệnh lao tấn công. Nó giáng xuống anh như một đòn đánh bất ngờ, trở tay không kịp.

Anh là người hoàn toàn bình thường, tuổi quăng giữa ba mươi và bốn mươi, có vợ và hai con. Anh sống ở một vùng ngoại ô đáng hoàng. Sáng sảng anh

vào khu Xiti⁽¹⁾ và đọc báo buổi sáng, tối tối anh từ khu Xiti về và đọc báo buổi tối. Anh không có mối quan tâm nào khác ngoài công việc gia đình.

Anh thích nghề nghiệp của mình, có đủ tiền để sống tiện nghi và để dành ra một khoản tiền hợp lý hàng năm, chơi gôn vào chiều thứ bảy và ngày chủ nhật, tháng tám năm nào cũng đi nghỉ ba tuần ở đúng một nơi tại bờ biển miền Đông.

Khi nào con cái đã lớn và lập gia đình, anh sẽ truyền việc lại cho con trai và về nghỉ hưu với vợ tại một căn nhà nông thôn xinh xắn, có thể sống nhàn nhạ cho đến khi thần chết đến gọi ở tuổi đầu bạc răng long. Anh không đòi hỏi gì hơn thế, đó là một cuộc sống mà ước vọng đồng bào của anh vẫn sống với vẻ mãn nguyện. Anh là một công dân trung bình.

Thế rồi bệnh nọ xảy ra. Anh bị cảm khi chơi gôn, nó lan xuống ngực, và anh đâm ra bị ho không tài nào dứt được. Xưa nay lúc nào cũng khỏe mạnh, anh vẫn không đếm xỉa gì đến các bác sĩ, nhưng cuối cùng, do sự thuyết phục của vợ mà anh đã bằng lòng đi khám. Đối với anh sự việc đó thật là choáng váng, sự choáng váng đáng sợ, khi biết rằng có vi trùng lao ở cả hai lá phổi của anh và phương kế cứu chữa duy nhất là vào ngay an dưỡng đường.

Bác sĩ khám anh đã bảo là anh có thể làm việc lại được sau một hai năm, nhưng đã hai năm trôi qua rồi

⁽¹⁾ Khu vực buôn bán, kinh doanh sầm uất của Luân Đôn.

mà bác sĩ Lennôcx khuyên anh đừng có nghĩ đến chuyện ấy ít ra là một năm nữa. Ông đã chỉ cho anh xem trực khuẩn trong nước bọt của anh và những ổ bệnh trong phim X-quang chụp phổi của anh.

Anh thấy nản lòng quá. Dường như số phận đã chơi anh một vở độc ác và không công bằng. Giả sử anh sống phóng đãng, giả sử anh rượu chè be bét, đập diu với đàn bà hoặc hay thức khuya thì đã đi một nhẽ. Thật là bất công khủng khiếp. Không có nghị lực, không ham thú sách vở, anh chẳng có việc gì làm ngoài việc nghĩ đến sức khỏe của mình. Nó đã trở thành một điều ám ảnh.

Anh lo lắng theo dõi những triệu chứng của mình. Người ta phải tước cái cặp sốt của anh đi vì một ngày anh đo nhiệt độ đến hơn chục lần. Anh có ý nghĩ trong đầu là các bác sĩ quá thờ ơ với tật bệnh của mình, thế là để thu hút sự chú ý của họ, anh đã nghĩ ra đủ mọi cách làm cho cái cặp sốt chỉ nhiệt độ của anh ở mức báo động. Khi mưu mẹo thất bại, anh đâm ra xưng xỉa mặt mày và hay càu nhàu. Nhưng bản tính anh vốn vui vẻ chí tình, nên những bạn anh quên bản thân đi thì anh nói cười sỏi lời, rồi bất chợt anh nhớ ra mình đang đau ốm thì bạn lại thấy ngay nỗi sợ chết trong mắt anh.

Cuối mỗi tháng, vợ anh lại đến thăm và ở một hai ngày tại nhà trọ gần đó. Bác sĩ Lennôcx không thích các cuộc thăm thú của thân quyến người bệnh cho lắm; nó làm bệnh nhân bồn chồn không ổn định.

Thật cảm động khi chúng kiến lòng mong mỏi vợ đến của Henry Chextơ; nhưng có điều lạ là khi chị vợ đã đến rồi thì dường như anh ta ít khoan khoái hơn người ta tưởng.

Chị Chextơ là một phụ nữ nhỏ nhắn, dễ chịu, hay nói hay cười, không xinh nhưng cân đối, cũng bình thường như chồng. Chỉ cần nhìn chị cũng có thể biết ngay chị là người vợ và người mẹ tốt, người nội trợ căn cơ, một phụ nữ khê khàng, gia giáo, làm tròn bổn phận của mình, không đụng chạm đến ai. Chị hoàn toàn cảm thấy hạnh phúc trong cuộc sống tẻ gia tẻ chán, cung cách ấy họ đã sống từ nhiều năm nay. Cái thú chơi bởi duy nhất của chị là việc mua sắm ở các cửa hàng to rộng của Luân Đôn. Ấy thế nhưng chưa bao giờ chị thấy cuộc sống ấy đơn điệu, nó hoàn toàn làm chị thỏa mãn.

Asenden thấy mến chị. Anh hứng thú lắng nghe chị bỏ lô ba la về con cái và ngôi nhà ngoại ô, về hàng xóm láng giềng và những bận tâm tâm thương của mình.

Một hôm anh gặp chị trên đường. Vì một lý do liên quan đến sự chữa chạy mà Chextơ phải ở lại trong an dưỡng đường nên lúc ấy chị chỉ đi có một mình. Asenden mời chị cùng đi dạo. Họ nói những chuyện bâng quơ một lát. Rồi bất chợt chị hỏi Asenden xem anh nghĩ thế nào về chồng chị.

- Chắc anh ấy rồi khỏe thôi.

- Em thấy lo lắng ghê lắm!

- Chị phải luôn tâm niệm rằng đây là một quá trình lâu dài, từ từ. Phải biết kiên trì mới được.

Đi được một quãng ngắn, anh thấy chị bật khóc, anh dịu dàng hỏi:

- Chắc chị cảm thấy bất hạnh về anh ấy.

- Ôi anh không biết đâu, em phải chịu đựng khổ tâm bao nhiêu, mỗi lần đến đây. Em biết đáng lẽ không nên nói ra, nhưng vẫn phải nói. Em có thể tin cậy anh được chứ?

- Tất nhiên!

- Em yêu chồng em. Em chung thủy với anh ấy. Em làm bất cứ điều gì trên đời vì anh ấy. Xưa nay chúng em chưa bao giờ cãi nhau, chưa có việc gì khác ý nhau cả. Thế mà gần đây, anh ấy bắt đầu ghét em, khiến em đau đớn trong lòng.

- Thế à, tôi không thể tin được chuyện ấy. Sao lại thế được nhỉ, khi không có chị ở đây anh ấy lúc nào cũng nhắc đến chị. Anh ấy nói những lời tốt đẹp nhất về chị. Anh ấy vẫn chung thủy với chị.

- Vâng, đây là khi không có em ở đây. Còn hể có em ở đây, khi anh ấy thấy em khỏe mạnh, là anh ấy sinh chuyện. Anh biết không, anh ấy khó chịu khủng khiếp về chuyện anh ấy ốm, còn em thì khỏe. Anh ấy sợ nay mai sẽ chết và bực tức với em vì em vẫn tiếp tục sống. Em phải luôn luôn dè chừng, hầu như chuyện gì em nói, dù là nói về con cái, dù là nói về tương lai, cũng làm anh ấy cáu bẳn, rồi anh ấy nói ra những câu chua chát, tím ruột tím gan. Khi em nói về việc gì đó

mà em đã phải làm trong nhà hay đưa đầy tớ em đã phải thay, thì anh ấy nổi khùng lên. Anh ấy kêu ca rằng em coi anh ấy chẳng ra gì nữa. Trước kia chúng em vẫn tâm đầu ý hợp, mà bây giờ em cảm thấy có bức tường cao thù địch ngăn giữa chúng em. Em biết là không nên trách anh ấy, đấy chỉ là tại bệnh tật của anh ấy, chứ thật ra anh ấy vẫn là người tốt bụng, thân thiết, quý hóa lắm, bình thường anh ấy dễ tính nhất trên đời; thế mà nay em chỉ thấy ngán sợ mỗi lần đến đây. Ra về em thấy nhẹ nhõm hẳn. Anh ấy sẽ khổ sở nhiều nếu em mắc bệnh lao, nhưng em biết trong thâm tâm anh ấy thì đó sẽ là sự khuây khỏa. Anh ấy có thể tha thứ cho em, anh ấy có thể tha thứ cho số phận, nếu em cũng sắp chết như anh ấy. Đôi lúc anh ấy căn vặn hành hạ em về chuyện em sẽ làm gì nếu anh ấy chết. Khi em nổi cơn điên máu ngộ lên em gào bảo chồng em im đi, thì anh ấy nói là em không cần phải ác nghiệt với anh ấy, chẳng mấy bữa nữa anh ấy sẽ chết, em sẽ sống hết năm này sang năm khác và tha hồ mà sung sướng. Chao ôi, cứ nghĩ đến tình yêu bấy nhiêu năm của chúng em sẽ chết dần theo cái cách khốn khổ, đầy dọa nạt thật khủng khiếp quá.

Chị Chextơ ngồi thụp xuống một phiến đá bên đường rồi thả mặc cho cơn khóc tê tái bùng ra. Asenden thương cảm nhìn chị, nhưng không thể tìm được câu gì an ủi. Những điều chị nói ra không hoàn toàn làm anh sủng sốt.

- Cho em xin điều thuốc lá, - cuối cùng chị lên

tiếng. - Em không được để mắt đỏ tấy lên, không thì Henry lại biết là em đã khóc rồi lại nghĩ là em đã để lộ chuyện lung củng với anh ấy ra. Cái chết có đáng sợ đến thế không hả anh? Có phải chúng ta ai cũng sợ chết như thế không?

- Tôi không rõ.

- Khi mẹ em hấp hối hình như cụ chẳng bận tâm gì lắm. Cụ biết nó đang đến mà còn nói đùa về nó. Nhưng mẹ em lúc ấy đã già.

Chị Chextơ lấy lại bình tĩnh và hai người lại đi tiếp. Trong chốc lát họ đi lặng lẽ.

- Anh không nghĩ xấu hơn về Henry sau khi em đã kể chuyện ấy cho anh chứ? - Cuối cùng chị Chextơ hỏi.

- Tất nhiên là không.

- Hồi nọ anh ấy là một người chồng tốt, một người cha tốt. Chưa bao giờ em thấy trên đời có người nào tốt hơn. Cho mãi đến cái đận bệnh tật này, em vẫn nghĩ là không có một ý nghĩ hẹp hòi, không tốt nào lại gợi lên trong đầu anh ấy được.

Cuộc nói chuyện làm Asenden suy nghĩ. Người ta thường bảo anh nghĩ thấp về bản chất con người. Đó là bởi vì không phải bao giờ anh cũng phán xét họ theo những tiêu chuẩn thông thường. Anh ghi nhận, với nụ cười, giọt nước mắt hoặc cái nhún vai, nhiều chuyện mà người khác cảm thấy hoang mang.

Quả thực con người ta không bao giờ ngờ rằng một anh chàng bình thường, tốt tính lại mắc vào những ý nghĩ day nghiêng không xứng đáng như vậy, vậy thì

ai dám chắc con người có thể rơi xuống vực sâu nào hoặc vươn lên những đỉnh cao nào?

Thiếu sót chính là ở sự nghèo nàn của những lý tưởng của anh ta. Henry Chextơ sinh ra đời và được nuôi nấng để sống một cuộc sống trung bình, để đón nhận những thăng trầm bình thường của cõi sinh, nên khi một tai họa không lường trước được đổ xuống đầu, anh ta không tìm ra phương cách ứng phó. Anh ta cũng giống như một viên gạch được làm ra để chiếm vị trí của nó giữa hàng triệu những viên gạch khác ở một nhà máy khổng lồ, nhưng ngẫu nhiên trong lòng nó lại có khuyết tật khiến nó không thích hợp với mục đích đặt ra. Ngay cả đến viên gạch, nếu nó không phải là vật vô tri, nó cũng có thể kêu lên: Tôi đã phạm điều gì để mà không thể thực hiện được cái đích khiếm tốn của tôi, để phải bị lôi khỏi quần thể những viên gạch kia và bị quẳng vào đống rác.

Không phải lỗi của Henry Chextơ nếu như anh ta không có nhận thức toàn diện giúp anh ta chịu đựng tai ương với sự nhẫn nại. Không phải ai cũng tìm được sự khuây khỏa trong nghệ thuật hoặc tư duy. Bị kịch của thời đại ngày nay là những tâm hồn nhỏ nhoi ấy đã mất lòng tin ở Chúa Trời, cội nguồn của hy vọng, để niềm tin về sự hóa kiếp có thể mang lại cho họ cái hạnh phúc mà họ đã bị chối bỏ trên thế gian này; và họ không tìm được cái gì để thay thế.

Có người bảo đau khổ làm người ta cao cả lên.

Điều đó không đúng. Lệ chung là nó làm con người trở nên nhỏ mọn, cúi kính và ích kỷ, nhưng ở an dưỡng đường này cũng chưa phải đã nhiều đau khổ lắm. Có những giai đoạn của bệnh lao, cơn sốt nhẹ kèm theo có kích thích những tâm trạng khác hơn là sự sâu não, khiến bệnh nhân hoạt bát tỉnh táo lên và, được hy vọng chấp cánh, họ đối mặt với tương lai một cách phấn chấn, nhưng dù như thế đi nữa, ý nghĩ về cái chết vẫn ám ảnh trong tiềm thức.

Đó là điệp ca chua chất của chủ đề chính chuyển qua bản ô-pê-ret-ta lạc quan. Chốc chốc đoạn nhạc a-ri-a vui nhộn, giai điệu nhịp nhàng lại lạ lùng sang cung bị xoáy mạnh vào thần kinh; hứng thú nhỏ nhất hàng ngày, ghen tuông vụn vặt và lo toan tầm thường không là cái gì cả; sự thương hại và nỗi khủng khiếp làm con tim đứng lạng bất thành linh và sự ghê gớm của cái chết bao trùm lên họ giống như sự yên lặng trước cơn bão bao trùm lên khu rừng rậm nhiệt đới.

Sau khi Asenden ở an dưỡng đường được ít lâu thì có một chàng trai hai mươi tuổi vào viện. Anh ta đã ở trong hải quân, là thiếu úy trên một chiếc tàu ngầm, anh mắc cái bệnh người ta gọi là lao tẩu mã. Anh ta là một thanh niên cao, đẹp trai có mái tóc nâu lượn sóng, cặp mắt xanh và nụ cười rất dịu dàng.

Asenden gặp anh ta hai ba lần đang năm ngoài hiên tắm nắng và trò chuyện cả ngày với anh ta. Vốn là một chàng trai vui tính, anh ta nói chuyện về các buổi biểu diễn âm nhạc và các ngôi sao điện ảnh, rồi

anh ta đọc báo theo dõi kết quả thi đấu bóng đá và tin tức về quyền Anh. Sau đó anh ta liệt giường và Asenden không gặp lại anh ta nữa.

Họ hàng thân quyến được mời đến và hai tháng sau anh ta chết. Anh ta chết không phàn nàn. Anh ta hiểu bệnh tình cũng sơ sài như loài muông thú. Trong vòng một hai ngày trong an dưỡng đường có bầu không khí u ám giống như trong nhà tù khi có người bị treo cổ. Rồi, dường như có sự thỏa thuận chung, vâng theo bản năng tự bảo toàn, hình ảnh chàng trai bị đưa ra khỏi trí óc mọi người: cuộc sống, với ba bữa ăn một ngày, trò chơi gônf trên sân đấu tí hon, thể dục điều dưỡng, nghỉ ngơi theo chế độ dưỡng bệnh, với những cuộc cãi cọ và ghen tuông, những lời gièm pha và những phật ý nhỏ nhỏ vẫn tiếp tục trôi đi như trước kia.

Camben, như khiêu khích MacLêôt, vẫn tiếp tục chơi vi-ô-lông bài ca được giải thưởng và bài "Anni Lon". MacLêôt vẫn tiếp tục ba hoa về tài đánh bài của mình và ngồi lê đôi mách những chuyện về sức khỏe và đạo đức của người khác. Cô Atkin vẫn nói vụng sau lưng người. Henry Chextơ vẫn tiếp tục kêu ca rằng các bác sĩ không chú ý thích đáng đến mình và than thân trách phận, bởi lẽ số phận đã chơi xỏ anh một cách tàn ác sau bấy nhiêu năm sống cuộc đời mầu mực. Asenden vẫn tiếp tục đọc sách và vừa bao dung vừa buồn cười quan sát tính nết thất thường của đồng bạn trong viện.

Anh trở nên gần gũi với thiếu tá Temploton. Có lẽ Temploton ngoài bốn mươi tuổi một tí. Ông đã phục vụ trong trung đoàn cận vệ Grênađơ, nhưng sau chiến tranh đã phục viên.

Là người có của cải dư dật, từ bấy trở đi ông hoàn toàn chuyên chú vào việc hưởng lạc. Mùa đua ngựa thì ông dự đua, mùa săn bắn ông đi săn bắn. Khi đã hết mùa thì ông đến Môngtê Caclô⁽¹⁾. Ông kể với Asenden về những món tiền lớn ông đã làm nên và bị thua bạc. Ông rất khoái đàn bà và nếu cứ tin ở những câu chuyện của ông thì đàn bà cũng rất khoái ông.

Ông thích ăn ngon, uống ngon. Ông biết tên tục của các bồi nhét ở tất cả các hiệu cao lâu có đồ ăn ngon ở Luân Đôn. Ông có chân trong nửa tá câu lạc bộ. Bao nhiêu năm, ông theo một cuộc sống vô bổ, ích kỷ, chẳng đáng giá gì, lối sống mà trong tương lai có lẽ không thể ai theo được nữa. Nhưng ông đã sống không thắc mắc và đã sung sướng với nó.

Có lần Asenden hỏi rằng nếu được bắt đầu lại cuộc đời, ông sẽ làm gì, thì ông trả lời rằng sẽ làm đúng những điều đã làm. Là người nói chuyện vui, tếu và châm biếm một cách dễ chịu, ông lướt phớt trên bề mặt của sự vật, mà ông cũng chỉ biết đến thế, với phong thái nhẹ nhàng thoải mái và tự tin.

Ông luôn có lời ăn tiếng nói ngọt ngào cho

⁽¹⁾ Thành phố nổi tiếng về sông bạc thuộc công quốc Mônacô, gần Nixơ (Pháp).

những bà cô không chống ăn mặc lối thời ở an dưỡng đường và một câu hóm hỉnh cho những ông già hay câu gắt. Ông kết hợp được phong thái hào hoa với lòng tốt tự nhiên. Ông thạo lối vào cái thế giới hình thức hời hợt của những người có nhiều tiền quá không biết làm gì cũng như ông thông thuộc khu Mâyfe⁽¹⁾. Ông là loại người luôn sẵn lòng đánh cược, sẵn lòng giúp bạn hoặc cho một thằng ma cà bông từ mười đôla. Nếu như ông không làm được nhiều điều tốt trên đời này thì ông cũng không làm nhiều điều hại. Ông chẳng là cái gì ghê gớm. Nhưng ông là người bạn đồng hành thú vị hơn nhiều kẻ có tầm giá trị cao hơn ông và có những phẩm chất đáng phục hơn ông.

Giờ ông đang ốm nặng. Ông sắp chết và ông biết điều đó. Với thái độ vui cười thản nhiên xưa nay, ông xem nó như xem mọi thứ khác ở trên đời. Ông đã sống một thời oanh liệt, chẳng phải hối hận điều gì.

Mắc bệnh lao quả là xúi quẩy kinh người, nhưng kệ mẹ nó, chẳng ai sống mãi được; ngẫm cho cùng thì ông có thể đã bị chết trận hoặc ngã gãy đời nó cái cổ trên đường đua rồi.

Nguyên tắc xuyên suốt cuộc đời ông là khi đã đánh cuộc thua rồi thì trả tiền và quên nó đi. Ông đã hưởng lạc thú theo cung cách tiền nào của ấy, giờ đã sẵn sàng mãn nguyện xuôi tay. Đời ông là một cuộc

⁽¹⁾ Mavfair: khu phố sang trọng ở Luân Đôn, có nhiều cửa hàng và khách sạn nổi tiếng.

liên hoan hay ho vô cùng khi còn đang tiếp diễn, nhưng cuộc liên hoan nào cũng phải đến hồi kết thúc, mà sang đến ngày hôm sau thì việc anh có đem phần về nhà hay bỏ dở cuộc vui lúc đang náo nhiệt nhất phỏng có ý nghĩa gì nhiều.

Trong số tất cả những người đang ở trong an dưỡng đường này, xét về khía cạnh đạo đức thì có lẽ ông là người kém giá trị nhất, nhưng ông lại là người duy nhất thực sự chấp nhận cái điều tất yếu không tránh khỏi với thái độ coi nhẹ nhất. Ông bất chấp cái chết, và bạn muốn gọi sự thông dong của ông là không đúng chỗ hay sự thư thái của ông là dửng dưng thì tùy bạn.

Điều cuối cùng có thể xảy đến với ông khi ông đến an dưỡng đường là ông say sưa đắm mình trong tình yêu hơn trước kia. Những mối tình của ông thì nhiều vô kể, nhưng thấy đều hời hợt; ông vốn vẫn bằng lòng với tình yêu lịch sự tính bằng tiền của các cô gái xướng ca hoặc những giao kết phù du với số đàn bà tính nết lẳng nhăng mà ông gặp ở các buổi liên hoan tại gia. Ông luôn cẩn thận tránh bất kỳ sự quyến rũ nào có thể phương hại đến tự do của mình.

Cái đích duy nhất trong đời ông là vui chơi thỏa thích càng nhiều càng tốt, mà hề liên quan đến tình dục thì ông tìm ra mọi ưu điểm, không thấy sự bất tiện nào trong tính chất muôn hình muôn vẻ bất tận của nó. Ông thích đàn bà. Ngay cả khi họ đã già rồi ông cũng không thể nói chuyện với họ mà thiếu sự

mơn trớn trong con mắt và sự âu yếm trong giọng nói. Ông lăm lăm làm bất cứ điều gì khiến họ vui lòng. Họ nhận biết được sự quan tâm của ông tới họ mà nở ruột gan. Hoàn toàn sai lầm, họ cứ tưởng rằng có thể tin cậy là ông không bao giờ bỏ họ.

Một hôm ông đã nói một câu mà Asenden nghĩ có thể soi tỏ nội tâm:

- Anh biết không, bất cứ người đàn ông nào cũng có thể chiếm được bất cứ người đàn bà nào anh ta muốn nếu anh ta có đủ nỗ lực, chuyện ấy chẳng có gì ghê gớm cả, nhưng một khi đã chiếm được rồi, chỉ có người đàn ông nào bao quát được cả thế giới đàn bà mới có thể dứt khỏi người đàn bà mà không xúc phạm đến cô ta.

Ban đầu chỉ do quen nết mà ông tán tỉnh Aivy Bisóp. Ở an dưỡng đường, cô là cô gái xinh nhất và trẻ nhất. Thực ra cô không còn trẻ như thoát đầu Asenden đã nghĩ, cô đã hai mươi chín tuổi, nhưng suốt tám năm qua, cô phiêu bạt hết an dưỡng đường này sang an dưỡng đường khác, ở Thụy Sĩ, Anh quốc, Xcốtlen, và cuộc sống cầm cung vì bệnh tật vẫn giữ cho cô bề ngoài trẻ trung, khiến người ngoài dễ tưởng nhầm là cô chỉ hai mươi tuổi. Mọi hiểu biết về thế giới cô đều học được trong các an dưỡng đường đại loại như thế này, nên cô kết hợp được sự hồn nhiên tốt bậc khá ngộ nghĩnh với sự thông thạo cũng tốt bậc.

Cô đã chứng kiến một số cuộc tình đi theo đúng

tiến trình của chúng. Khá nhiều đàn ông, thuộc nhiều dân tộc đã tỏ tình với cô. Cô đón nhận sự săn sóc của họ với thái độ tự chủ hài hước, nhưng mỗi khi họ toan đi quá xa thì cô đã có đủ sự cứng rắn cần thiết. Cô có sức mạnh khôn lường của loại tính cách rất sẵn trong những ai nom tựa đóa hoa, khi nào tình huống đi đến chỗ ngửa bài cô biết cách biểu thị ý mình bằng những lời thẳng thắn, lạnh lùng và cương quyết.

Cô hoàn toàn sẵn sàng bắt bồ với Gioócgiơ Temploton. Trò tình ái này cô am hiểu, và có phần hấp dẫn đối với Temploton. Sự nhẹ dạ như bỡn cợt của cô chứng tỏ rất rõ rằng cô đã hiểu rõ Temploton và cũng chẳng dành cho cuộc tình ấy những ý nghĩ nghiêm túc hơn so với Temploton.

Giống như Asenden, Temploton tối nào cũng lên giường vào lúc sáu giờ và ăn tối trong buồng riêng, nên ông chỉ có thể gặp Aivy vào ban ngày. Họ đi dạo với nhau, còn ngoài ra hiếm khi chỉ có hai người. Trong giờ ăn trưa, cuộc nói chuyện giữa bốn người, Aivy, Temploton, Henry Chextơ và Asenden là nói chuyện chung, tuy điều hiển nhiên là Temploton mất công nói chuyện giải trí chẳng phải để cho hai người đàn ông nghe.

Asenden cảm thấy hình như Temploton không còn tán tỉnh Aivy để giết thì giờ nữa, mà tình cảm của ông đối với cô đã trở nên sâu nặng và chân thành hơn; nhưng anh không dám chắc Aivy có nhận thấy

điều đó hoặc nó có ý nghĩa gì nhiều đối với cô hay không. Mỗi khi Temploton đánh bạo đưa ra một nhận xét thân mật hơn là hoàn cảnh cho phép thì cô đối đáp lại với vẻ mỉa mai, làm mọi người cùng cười. Nhưng tiếng cười của Temploton lại buồn bã.

Ông không còn bằng lòng để cho cô coi mình là bạn chơi bời nữa rồi. Càng biết nhiều về Aivy Bisốp bao nhiêu, Asenden càng mến cô bấy nhiêu. Có cái gì đó thương tâm trong sắc đẹp ốm yếu của cô, với làn da trắng nõn nà đáng yêu, khuôn mặt gầy trên đó đôi mắt to và xanh kiêu diễm đến thế; có cái gì đó thương tâm trong cảnh ngộ của cô, bởi lẽ giống như nhiều người... ở an dưỡng đường này, cô có vẻ cô đơn trên đời. Mẹ cô thì bận bịu với cuộc sống đời trần, chị em của cô đã đi lấy chồng, nên họ chỉ quan tâm chiếu lệ đến người phụ nữ trẻ đã xa cách họ tám năm nay. Họ có trao đổi thư từ, thỉnh thoảng có đến thăm, nhưng chẳng có gắn bó gì nhiều với nhau nữa. Cô chấp nhận hoàn cảnh không hề than vãn. Cô cởi mở với mọi người, luôn sẵn sàng lắng nghe và tỏ thiện cảm với những lời kêu ca và nỗi khổ ải của từng người một.

Cô chịu khó cư xử chu đáo với Henry Chextơ và làm mọi cách để cho anh ta vui lên.

- Đây nhé, anh Chextơ, - một hôm đang bữa ăn, cô nói với anh ta. - Cuối tháng rồi đấy, thế nào ngày mai chị ấy cũng sẽ đến. Có cái để mà mong đợi nhé.

- Không, tháng này cô ấy không tới đâu, - Chextơ thản nhiên nói, mắt vẫn nhìn xuống đĩa ăn.

- Ôi thế thì tiếc nhỉ. Sao chị ấy lại không đến. Con cái anh đều khỏe cả chứ?

- Bác sĩ Lennôcx cho rằng cô ấy không đến thì có lợi hơn cho tôi.

Tiếp theo là im lặng, Aivy nhìn anh ta bằng đôi mắt lo lắng.

- Thế thì xúi quẩy quá, ông bạn, - Temploton thân ái nói. - Sao ông không độp cho Lennôcx một mẻ?

- Ông chắc phải hiểu biết hơn ai hết, - Chextơ đáp.

Alvy liếc anh ta lần nữa rồi bắt đầu nói sang chuyện khác.

Ngẫm lại, Asenden hiểu ra là cô ấy đã đoán ngay ra sự thực. Ngày hôm sau anh lại có dịp nói chuyện với Chextơ. Anh nói:

- Thật ái ngại vô cùng, vợ anh thế là không đến được. Chắc anh nhớ chị ấy ghê gớm.

- Tôi nhớ thật ghê gớm.

Anh ta liếc sang phía Asenden. Asenden cảm thấy anh ta có điều gì muốn nói, nhưng chưa đủ sức nói ra. Anh ta nhún vai một cách giận dữ.

- Cô ấy không đến là lỗi tại tôi. Tôi đã yêu cầu Lennôcx viết thư bảo cô ấy đừng đến. Tôi không thể chịu đựng được nữa. Cả tháng tôi mong mỏi cô ấy đến, nhưng khi cô ấy đã ở đây rồi thì tôi lại thấy ghét cô ấy. Anh biết không, bị cái bệnh chó chết này thối chí lắm. Cô ấy mạnh khỏe, tràn đầy sức sống. Tôi phát quần lên khi trông thấy nổi đau trong đôi mắt cô ấy. Có thật cô ấy quan tâm đến ta không? Ta ốm

thì ai buồn ngó đến? Người ta chỉ giả vờ ngó đến, nhưng trong lòng vui sướng vì chính ta mắc bệnh chứ không phải họ. Tôi tôi tệ nhỉ, phải không anh?

Asenden lại nhớ đến hình ảnh chị Chextơ ngồi trên phiến đá bên đường khóc lóc.

- Anh có sợ rằng không cho cô ấy đến đây là anh chỉ càng làm khổ thêm cô ấy không?

- Cô ấy phải chịu đựng. Bản thân tôi đã quá khổ rồi, lo chi tới việc cô ấy khổ nữa.

Asenden không biết nói thế nào và hai người im lặng đi tiếp. Đột nhiên Chextơ cúi bản bật ra:

- Anh khách quan, anh vị tha thì dễ lắm, anh còn sống lâu mà lại. Tôi thì đang sắp chết, trời ơi là trời, tôi không muốn chết. Tại sao tôi phải chết hử trời? Không công bằng tí nào.

Ngày tháng trôi đi. Ở một nơi đầu óc nhàn rỗi như an dưỡng đường này, điều không tránh khỏi là chẳng bao lâu ai ai cũng biết Gioócgior Temploton phải lòng Aivy Bisốp. Khó mà đoán được tình cảm của cô ra sao. Rõ ràng là cô thích gặp mặt ông, nhưng không sẵn tìm, lại nữa, có vẻ như cô hết sức tránh gặp ông một mình.

Một vài bà đứng tuổi đã toan giảng bầy bắt cô phải thú tội, nhưng dù có chân thật như cô, cô cũng dễ dàng đối phó được với họ. Cô bỏ ngoài tai những lời bóng gió của họ và đón những câu hỏi thẳng của họ bằng tiếng cười khó tin. Cô thành công trong việc qua mặt họ.

- Nó không thể ngờ đến mức không biết lão kia chết mê chết mệt vì nó.

- Nó không có quyền đùa giỡn với ông ta như thế được.

- Tôi tin là nó cũng phải lòng lão kia như lão ta phải lòng nó.

Không ai nổi khùng hơn MacLêot.

- Kỳ quái thật. Xét cho cùng, chẳng thể thành được cái gì. Ông ta bị bệnh lao nó hành, mà cô ta thì cũng chẳng khá gì hơn.

Camben thì trái lại, ăn nói thô tục và chất chúa.

- Tôi tán thành hai anh chị cứ việc hú hí chừng nào còn sức. Tôi xin cuộc là thế nào cũng có ít nhiều lòng thông với nhau, nhưng tôi chẳng trách họ.

- Ông là đồ đều, - MacLêot nói.

- Thôi, im đi. Temphơtơn không phải là cái hạng người chơi bài brit-giơ vênh va vênh vang với một cô gái như thế nếu như lão không kiểm soát được gì ở đó. Cô ta thì cũng biết trò đời rồi chứ còn bé bỏng gì nữa.

Asenden là người hay gặp mặt họ nhất và biết họ rõ hơn bất kỳ ai khác. Cuối cùng Templotơn đã thổ lộ tâm sự riêng của mình với anh. Ông cũng tự thấy buồn cười về mình.

- Ngần này tuổi đầu rồi mà lại phải lòng một cô gái đúng đấy, đến là ngộ. Thật tôi không thể ngờ điều ấy lại xảy ra với bản thân. Dứt bỏ không xong, vương chặt vào đấy rồi. Giá tôi khỏe thì tôi đã hỏi cô

ấy làm vợ ngay ngày mai. Chưa bao giờ tôi thấy một cô gái tuyệt đến thế. Cứ ngỡ các cô gái, các cô gái đúng đắn ấy mà, là đồ chán ngắt. Nhưng cô ấy không phải là loại chán đâu, vừa thông minh, vừa giỏi chịu đựng. Lại xinh xẻo nữa. Trời ơi, da dẻ mới đẹp làm sao! Chưa kể mái tóc. Ai đời như tôi xưa nay mà đồ dúi đồ dụi. Anh có biết cái gì ám tôi đấy không? Cứ nghĩ đến mà nực cười hết chỗ nói: Một thằng già đời chơi bời như tôi! Phàm hạnh từ trước đến nay chỉ làm tôi cười vỡ bụng. Tôi chẳng bao giờ ham muốn một người đàn bà nào có phẩm hạnh cả, thế mà anh xem, đúng mười mười, chẳng trót đi đâu cô ấy tốt nết mà lại khiến tôi cảm thấy mình như đồ giun dế. Chắc anh ngạc nhiên lắm?

- Không đâu. Ông chẳng phải là kẻ ăn chơi đầu tiên bị sự hồn nhiên mê hoặc. Chẳng qua đây là tính đa cảm của tuổi trung niên.

- Khỉ thật. - Temploton cười.

- Cô ấy nói gì về chuyện ấy?

- Trời ạ, anh đừng ngỡ rằng tôi đã thổ lộ với cô ấy. Tôi chưa nói một lời nào với cô ấy, mà cũng chẳng nên nói chuyện ấy với bất kỳ ai khác. Có lẽ tôi chỉ còn sống được nửa năm nữa, vậy thì làm sao tôi dám ngỏ lời với một cô gái như vậy?

Bây giờ Asenden đã khá chắc chắn là Aivy Bisop cũng thiết tha yêu Temploton như ông thiết tha yêu cô. Anh đã trông thấy rắng hồng nhuộm lên đôi má cô mỗi bận Temploton vào nhà ăn. Anh đã nhận thấy

ánh mắt dịu dàng đôi lúc cô tặng cho Temploton khi ông không nhìn cô. Có sự ngọt ngào đặc biệt trong nụ cười của cô khi cô lắng nghe ông kể một chuyện nào đó trong đời ông.

Asenden có cảm tưởng rằng Alvy khoan khoái sưởi mình trong tình yêu của Temploton như bệnh nhân ngoài hiên, đối mặt với tuyết, vẫn sưởi ánh nắng ấm áp của mặt trời. Rất có khả năng là cô bằng lòng dừng lại ở mức ấy, và nói ra với Temploton điều này, điều mà cô không muốn cho ông biết, dĩ nhiên không phải việc của anh.

Rồi một biến cố xảy đến làm xáo động cuộc sống đơn điệu ở đây. Tuy MacLêôt và Camben mặt lưng mày vực với nhau, họ vẫn chơi bài với nhau bởi vì họ vẫn là đấu thủ giỏi nhất trong an dương đường cho mãi tới khi Temploton vào viện. Họ ráy rúc nhau liên tục, tàn cuộc rồi còn khích bác nhau không dứt, nhưng qua nhiều năm họ đã biết rõ lối chơi của nhau và khoái chí khi hạ được nhau.

Thường thì Temploton từ chối chơi với họ. Tuy là một đấu thủ cự phách, ông thích chơi với Aivy Bisóp hơn, cả MacLêôt lẫn Camben đều nhất trí rằng cô chỉ làm hỏng cuộc chơi. Cô thuộc loại đấu thủ sau khi đã phạm sai lầm để thua cuộc, chỉ cười mà nói: Thì có sao, nó chỉ đổi nước bài thắng đi một chút. Nhưng chiều hôm ấy, vì Aivy đau đầu nằm trong buồng, Temploton bằng lòng chơi với Camben và MacLêôt. Asenden là người thứ tư. Tuy tiết trời đã cuối tháng

ba, nhưng tuyết rơi nhiều trong mấy ngày liền, nên họ mặc áo lông, đội mũ, đi găng tay chơi bài ngoài hiên, ba bề không khí lạnh ủa tới.

Cược đặt quá ít đối với một tay đánh bạc như Templơtơn nên ông coi thường thắng bại và đánh bài hơi liều. Tuy vậy, ông chơi giỏi hơn ba người kia nhiều, nên nói chung ông đạt được như đã xướng hoặc rất gần được như thế. Nhưng rồi người ta cứ xướng cao lên mãi. Càng đánh càng hăng, bài ăn tới tấp, trận đấu đang hồi cao điểm, MacLêôt và Camben múa lưỡi công kích nhau.

Lúc năm rưỡi, ván cuối cùng bắt đầu, để đến sáu giờ chuông réo thì mọi người về nghỉ. Đây là ván quyết liệt hai phe đều dồn toàn lực ra, bởi vì MacLêôt và Camben ở hai phe đối lập, người này quyết không để người kia thắng.

Sáu giờ kém mười phút đã đến lượt bài cuối cùng. Templơtơn cùng phe với MacLêôt, Asenden vào phe Camben. MacLêôt xướng bài với hai quân nhép; Asenden không nói gì; Templơtơn tỏ ra bài vững, nên cuối cùng MacLêôt gọi ăn to. Camben xướng cao điểm lên, MacLêôt lại tăng điểm lên nữa.

Nghe thấy thế, đám bài bạc ở các bàn khác bỏ chơi để xúm xít lại. Cuộc chơi tiếp diễn trong cảnh im phăng phắc với một nhóm nhỏ người xem. Mặt MacLêôt trắng bệch vì hồi hộp, những giọt mồ hôi lấm tấm trên lông mày. Tay ông ta run run. Camben thì rất lỳ lợm.

Kết cục, MacLêôt ép được đối phương và giành thắng lợi cuối cùng. Tràng võ tay vang lên trong đám người xem. MacLêôt hống hách vì thắng lợi, chồm về phía kẻ kinh địch của mình và dứ dứ nắm đấm vào Camben.

Ông ta quát tháo:

- Có giỏi cứ chơi cái vi-ô-lông thổ tả ấy đi. Xướng điểm lên, xướng lên mãi. Cả đời tôi mong mỗi cho nó một trận biết tay, thế là đã đạt được. Ồi giỏi! Ồi giỏi! Rồi ông ta kêu ối một tiếng, loạng choạng dúm về phía trước và ngã vật xuống bàn. Một dòng máu ộc ra từ miệng. Người ta gọi bác sĩ. Những người phục vụ kéo đến.

Ông ta đã chết.

Ông được chôn hai hôm sau, vào lúc sáng sớm để những bệnh nhân khác khỏi bị tác động bởi cảnh đưa đám. Một người thân quyến mặc đồ đen từ Glaxgâu đến dự đám ma. Xưa nay không ai mến MacLêôt cả. Không ai thương tiếc ông ta. Cùng lắm là đến cuối tuần, ông đã bị quên hẳn.

Ông viên chức người Ấn Độ đã chiếm chỗ ở cái bàn chủ chốt, còn Camben thì chuyển lên căn buồng vẫn khát khao lâu nay.

- Giờ chúng ta có thể được yên ổn, - bác sĩ Lennôcx nói với Asenden. Ông thử tưởng tượng xem bấy nhiêu năm tôi phải chịu đựng những trận cãi nhau và những lời kêu ca của hai người... Tôi nói không ngoa đâu, phụ trách một an dưỡng đường là phải nhẫn nại

lắm. Cứ nghĩ mà xem, sau bao nhiêu rắc rối ông ta gây cho tôi, ông ta đã chết như thế, làm mọi người xung quanh phát sợ.

- Thế cũng hơi bị sốc đấy, - Asenden nói.

- Ông ta là cái đồ vô tích sự, ấy thế mà cũng có mấy bà buồn rầu. Cô Bisóp đáng thương thì khóc lóc sụt sùi! Tôi đồ rằng cô ấy là người duy nhất khóc ông ta chứ không khóc cho bản thân.

Nhưng dần dần có vẻ như có một người không thể nào quên được MacLêôt. Đó là Camben, ông đi lại như một con chó lạc. Ông chẳng buồn chơi bài. Ông chẳng buồn nói chuyện. Không còn nghi ngờ gì nữa, ông mặt nhăn mày nhó vì thiếu MacLêôt. Ông ở lý trong buồng mấy ngày liền, bữa ăn phải mang đến tận phòng cho ông. Rồi ông đến gặp bác sĩ Lennôcx nói rằng ông không thích căn phòng ấy bằng căn phòng cũ và muốn được chuyển về chỗ cũ. Bác sĩ Lennôcx kiên tiết lên, một điều ít gặp, và nói rằng Camben đã lè nhèo quấy ông hàng mấy năm trời. Đòi ở căn phòng ấy, thì nay hoặc là ông ta ở lại đấy, hoặc là ra khỏi viện. Camben quay về phòng ngồi thờ ra, mặt mày ủ rũ.

- Sao ông không chơi vi-ô-lông đi, - bà quản lý hỏi thăm ông. - Nửa tháng nay tôi chẳng nghe thấy ông kéo đàn gì cả.

- Tôi không kéo thật.

- Sao thế ông?

- Chẳng thấy hứng thú gì nữa. Trước kia tôi thích

chơi vì biết MacLêôt sẽ tức điên lên. Giờ thì có ai thèm để ý là tôi chơi hay không chơi đâu! Tôi sẽ chẳng bao giờ chơi đàn nữa.

Ông không chơi nữa thật, suốt thời gian Asenden còn ở an dưỡng đường. Kể cũng lạ, bây giờ khi MacLêôt chết đi rồi thì cuộc đời đối với ông như nhạt nhẽo hẳn đi. Chẳng có ai để cãi nhau, chẳng có ai để nổi xung, ông mất đi kích thích tố và rõ ràng là chẳng còn bao lâu nữa ông sẽ theo gót kẻ kinh địch của mình bước xuống mồ.

Đối với Temploton thì cái chết của MacLêôt lại có tác động khác, một tác động kéo theo nhiều hệ quả bất ngờ. Ông nói chuyện đó với Asenden theo phong cách vô tư, lạnh lùng của mình.

- Chúa thật, ra đi trong giây phút thắng lợi vinh quang như thế. Không hiểu tại sao mọi người lại có thái độ không ưa ông ta như vậy. Ông ta ở đây đã nhiều năm rồi có phải không?

- Tôi nhớ là mười tám năm.

- Tôi cứ thắc mắc có nên hành động như thế không. Tôi thắc mắc là cứ xả láng đón nhận hậu quả lại đâm ra hay.

- Tôi cho là nó còn tùy thuộc vào việc ông đánh giá cuộc đời như thế nào.

- Nhưng thế này mà là cuộc đời à?

Asenden không trả lời. Chỉ ít tháng nữa, anh sẽ trông đợi sức khỏe khá lên, còn Temploton thì chỉ cần nhìn mặt cũng biết rằng ông không thể hồi

phục được. Bóng dáng của cái chết đã phảng phất trên mặt.

- Ông có biết tôi đã làm gì không? - Temploton hỏi. - Tôi đã ngỏ lời với Aivy về việc lấy tôi.

Asenden sững sốt.

- Cô ấy nói sao?

- Cậu Chúa phù hộ cho tấm lòng cô ấy, cô ấy bảo rằng chưa bao giờ trong đời cô ấy bắt gặp một ý kiến ngộ như thế, rằng tôi nghĩ đến chuyện ấy thì có mà điên.

- Ông phải thừa nhận là cô ấy nói phải.

- Ất vậy rồi. Nhưng mà cô ấy vẫn sắp sửa lấy tôi đấy!

- Thế thì điên!

- Tôi cũng đồng ý là điên, nhưng dù thế nào thì thế, chúng tôi sẽ gặp Lennôcx hỏi xem ông ta có ý kiến gì về chuyện này.

Rốt cuộc mùa đông đã lui: tuyết vẫn còn trên các ngọn đồi, nhưng dưới thung lũng thì đã tan và trên những vạt đồi thấp bạch dương đã nhú chồi sẵn sàng để nở bung thành những chiếc lá xinh xinh. Sự ngây ngất của mùa xuân đã thoảng trên không trung.

Mặt trời nóng lên. Ai cũng cảm thấy sáng khoái, vài người còn cảm thấy hạnh phúc. Những người kỳ cựu vẫn đến ở đây cho qua mùa đông đang thu xếp để đi về phương Nam. Temploton và Aivy cùng đến gặp bác sĩ Lennôcx! Họ nói với ông điều vẫn áp ứ

trong lòng. Ông khám bệnh cho họ, chụp X-quang và làm nhiều xét nghiệm đối với họ. Ông hẹn ngày thông báo kết quả để từ đó mới bàn đến ý định của họ. Asenden đã gặp họ ngay trước lúc họ đến gặp bác sĩ theo hẹn. Tâm trạng họ hồi hộp, nhưng họ cố gắng đùa vui. Bác sĩ Lennôcx cho họ xem các kết quả kiểm tra và giải thích thẳng thắn tình trạng sức khỏe của họ. Nhưng Temploton đã nói:

- Tất cả những cái này hay lắm, bổ ích lắm, nhưng điều chúng tôi muốn biết là chúng tôi có thể lấy nhau được không?

- Thế thì quá khinh suất đấy.

- Chúng tôi biết thế rồi, nhưng có gì ảnh hưởng lắm không?

- Sẽ là có tội nếu hai người có con.

- Chúng tôi chưa nghĩ đến chuyện có con đâu - Aivy nói.

- Thế à, thế thì tôi sẽ nói vài lời vắn tắt về vấn đề này. Sau đó hai người phải tự quyết định lấy.

Temploton quay sang mỉm cười với Aivy và nắm tay cô. Ông bác sĩ tiếp tục:

- Tôi nghĩ cô Bisốp không đủ sức khỏe để thực hiện một cuộc sống bình thường, nhưng nếu cô vẫn tiếp tục sống như đã sống tám năm nay...

- Trong an dưỡng đường?

- Phải. Không có lý do gì để cô ấy không thể sống dễ chịu được, nếu không đến lúc đầu bạc răng long thì cũng đủ lâu như bất cứ người có suy xét nào

muốn sống. Bệnh tật vẫn ủ trong người. Nhưng nếu cô ấy lập gia đình, nếu cô ấy định sống một cuộc sống bình thường, thì ổ bệnh rất có thể lại phá ra, hậu quả thế nào không ai có thể nói trước được. Còn về phần ông thì tôi có thể nói còn gọn hơn. Chính ông đã xem phim chụp X-quang rồi. Phổi ông lúc nhúc những vi trùng lao đang hoành hành. Nếu ông lấy vợ, ông sẽ chết trong vòng sáu tháng.

- Nếu không lấy vợ thì tôi sống được bao lâu?

Ông bác sĩ ngập ngừng.

- Đừng ngại, ông cứ nói cho tôi biết sự thật.

- Hai hoặc ba năm.

- Cám ơn ông, chúng tôi cũng chỉ cần biết bấy nhiêu thôi.

Họ ra về cũng như lúc đến, tay nắm tay; Aivy khẽ sụt sùi khóc. Không ai biết họ đã nói với nhau những gì; nhưng đến lúc đi ăn trưa thì mặt họ rạng rỡ hẳn. Họ báo cho Asenden và Chextơ biết họ sẽ cưới nhau ngay khi nào xin được giấy đăng ký. Rồi Aivy quay sang Chextơ:

- Em thiết tha mong chị ấy sẽ đến dự lễ cưới của em. Anh bảo chị ấy có đến không?

- Cô định tổ chức ở đây à?

- Vâng. Hai họ chúng em thế nào cũng không tán thành, nên vợ chồng em không định báo với ai cho đến khi nào tổ chức xong xuôi. Chúng em sẽ xin bác sĩ Lennôcx cho em ra viện.

Cô dịu dàng nhìn Chextơ, đợi anh ta lên tiếng mà mãi không thấy anh trả lời. Hai người đàn ông cũng nhìn anh. Cuối cùng, giọng anh cất lên hơi run run:

- Các bạn mời cô ấy thì thật quý hóa quá. Tôi sẽ viết thư bảo vợ tôi đến.

Khi tin này lan đi trong đám bệnh nhân, tuy ai cũng chúc mừng hai người, nhưng đa số nói riêng với nhau rằng chuyện ấy thật là thiếu suy nghĩ. Khi biết chuyện chính bác sĩ Lennôcx đã nói cho Temploton hay rằng nếu lấy vợ, ông sẽ chết trong vòng sáu tháng (chẳng chóng thì chầy, chuyện gì xảy ra ở an dưỡng đường mà người ta không biết), thì mọi người đều e sợ im lặng. Ngay cả những kẻ chai lỳ nhất cũng cảm động khi nghĩ đến hai con người thiết tha yêu nhau tới mức sẵn sàng hi sinh đời mình vì nhau.

Một không khí thân thiện, hòa hợp tỏa xuống an dưỡng đường: những người chẳng thèm nói chuyện với nhau bao giờ lại nói chuyện với nhau; những người khác quên đi những nỗi buồn chôn riêng tư. Dường như ai cũng muốn chia sẻ hạnh phúc của cặp uyên ương. Không chỉ bởi mùa xuân đã gieo vào những con tim bệnh tật kia niềm hi vọng mới, mà tình yêu vĩ đại bao trùm người đàn ông và cô gái ấy như tỏa ánh hào quang lên tất cả những ai ở gần. Aivy lâng lâng hạnh phúc, tràn ngập xúc cảm, nom cô trẻ hơn và xinh ra. Temploton thì như bước trên mây. Ông cười, ông đùa như thể không mang một lo

âu nào trên đời. Bạn cứ tưởng như ông đang chờ đón những năm hạnh phúc dài lâu.

Nhưng một hôm ông đã tâm sự với Asenden:

- Nơi đây cũng không phải là chỗ dở, anh nhỉ. Aivy đã hứa với tôi là sau khi tôi tịch đi, cô ấy sẽ quay trở lại đây. Cô ấy quen biết mọi người nên cũng đỡ cô đơn.

- Các bác sĩ vẫn thường hay nhầm, - Asenden nói.
- Nếu ông sống điều độ thì tôi chẳng thấy vì lẽ gì mà ông không thể kéo dài tuổi thọ của mình.

- Tôi chỉ xin có ba tháng. Có được ngần ấy là cũng thỏa chí rồi.

Chị Chextơ đã đến viện hai hôm trước ngày cưới. Hai vợ chồng không gặp nhau đã vài tháng nay và họ còn e dè với nhau. Để đoán được là lúc chỉ có hai người với nhau, họ lúng túng và ngượng ngập như thế nào. Tuy vậy Chextơ cố gắng rũ bỏ sự sầu muộn đã thành thói quen và vào bữa ăn, anh tìm mọi cách tỏ ra vui vẻ, cởi mở như anh vốn thế trước khi ốm. Hôm trước ngày cưới Temploton và Bisốp, hai vợ chồng ngồi ăn với nhau có cả Temploton và Asenden dự. Mọi người uống sâm banh và ở lại mãi đến mười giờ đêm cười đùa, pha trò vui vẻ. Lễ cưới diễn ra sáng hôm sau ở nhà thờ. Asenden phù rể. Tất cả những ai trong an dưỡng đường nhắc chân được thì đều đi dự. Cặp vợ chồng mới sửa soạn lên ô tô rời viện ngay sau bữa ăn trưa. Bệnh nhân, bác sĩ, y tá, đều tiễn họ. Có ai đó buộc một chiếc giày cũ sau ô tô,

và khi Temploton cùng vợ bước ra khỏi an dưỡng đường, người ta đã rắc thóc vào họ theo đúng phong tục. Không khí sôi nổi rộn lên khi họ đã ra đi, ra đi nhắm hướng tình yêu và cái chết. Đám đông mãi mới tản về. Chextơ và vợ im lặng đi bên nhau. Khi đã đi được một đoạn đường ngắn, anh rút rìe nắm tay vợ. Tim anh như ngừng đập. Liếc sang anh, chị thấy mắt anh đầm lệ.

- Tha lỗi cho anh, em yêu, - anh nói. - anh thật không tốt với em.

- Em biết không phải anh chủ tâm, - chị nói lúng túng.

- Không, có chủ tâm đấy. Anh đã muốn em cũng đau khổ khi anh đang đau khổ. Nhưng từ rầy không thể nữa rồi. Tất cả mọi chuyện về Temploton và Aivy Bisop ấy, anh không biết nói thế nào nữa, nó làm anh nhìn mọi sự với thái độ khác, anh không lo nghĩ đến cái chết nữa. Anh nghĩ chết cũng không phải là cái gì quan trọng lắm, không quan trọng bằng tình yêu. Nay anh muốn em sống và được hạnh phúc. Anh không ngăn trở em điều gì nữa, anh cũng không bức tức điều gì nữa. Giờ đây anh sung sướng vì cái chết đã chọn anh, chứ không chọn em. Anh ước mong cho em mọi sự tốt lành trên đời. Anh yêu em.

Chuỗi hạt

May quá là may, tôi lại được ngồi cạnh ông, - Laura nói với tôi, khi chúng tôi ngồi vào bàn ăn.

- May cho tôi chứ lý, - tôi lịch sự đáp.

- Cái đó để còn xem. Tôi rất muốn có dịp chuyện trò với ông. Tôi có một câu chuyện muốn kể với ông.

Nghe đến đây tim tôi hơi thót lại. Tôi đáp:

- Thôi thì bà cứ kể về bản thân bà ấy. Hay là kể về tôi cũng được.

- Ấy không, tôi phải kể với ông chuyện này. Tôi nghĩ ông có thể dùng được nó.

- Nếu bà thấy nhất quyết phải kể thì phải kể thôi. Nhưng ta xem thực đơn cái đã nhé.

- Thế ông có muốn tôi kể không thì bảo nào? - Laura nói, có phần hơi phật ý. - Tôi cứ tưởng ông lấy làm mừng mới phải.

- Có chứ. Chắc bà mới viết được một vở kịch rồi muốn kể cho tôi nghe.

- Đây là chuyện xảy ra với mấy người bạn của tôi. Đúng sự thực hoàn toàn!

- Đây đâu đã phải là bảo đảm. Một câu chuyện có thật không bao giờ thật bằng một câu chuyện hư cấu.

- Thế nghĩa là thế nào?

- Cũng chẳng có nghĩa gì lắm, - tôi thú nhận. - Chẳng qua tôi thấy câu ấy nghe có vẻ cũng hay hay.

- Ông có định để tôi kể cho nghe đầu đuôi không đấy?

- Tôi hết sức chú ý nghe đây. Tôi không định ăn xúp đâu nhé. Lắm mỡ quá.

Laura nguyền tôi một cái rồi nhìn vào thực đơn. Bà thốt ra tiếng thở dài se se:

- Ông cứ nhịn mồm nhịn miệng thế được, chứ tôi thì không đời nào. Nói có ông trời, tôi không thể để phóng sinh cái thân hình của tôi được.

- Vậy có món xúp nào bổ béo hơn cái món xúp mà bà vừa bỏ một thìa kem sữa ngồn ngộn vào ấy không?

- Có món xúp borso⁽¹⁾, - Laura thở dài. - Có mỗi món ấy là tôi thực sự thích thôi.

- Đừng bận tâm làm gì nữa. Cứ kể cho tôi nghe câu chuyện của bà đi, ta sẽ quên chuyện đồ ăn thức uống cho đến khi nào người ta bùng cá đến.

- Này nhé, tôi có mặt đúng lúc xảy ra chuyện ấy.

⁽¹⁾ Xúp thịt bò với củ cải đỏ.

Tôi đến dự bữa ở gia đình Livinhxtơn. Ông có biết gia đình Livinhxtơn không nhỉ?

- Không, chắc tôi không biết.

- Thôi được rồi, ông có thể hỏi họ, họ sẽ xác nhận tất cả những lời tôi kể. Họ đã mời cả cô giáo trong nhà ngồi vào bàn tiệc vì có một bà không đến dự lúc đã sát giờ. Ông xem thiên hạ người ta cứ sai hẹn bữa ra như vậy đấy - phải có mười ba người cho đủ mâm. Cô gia sư của họ tên là Rôbinxon, một cô gái dễ chịu, tuổi còn trẻ, quãng hai mươi, hai mươi mốt, nom cũng khá xinh xắn. Phải tôi thì không đời nào tôi muốn một cô gia sư vừa trẻ lại vừa xinh. Ai mà lường hết mọi chuyện được.

- Nhưng ai chả mong cho sự việc tốt đẹp nhất.

Laura chẳng để ý gì đến nhận xét của tôi.

- Cái nguy là cô ta rồi sẽ tơ tưởng đến mấy thằng thanh niên, chẳng còn bụng dạ nào nghĩ đến trách nhiệm nữa, vả lại, khi cô ta đã quen với cung cách tại gia rồi thì lại muốn tốt đi lấy chồng. Nhưng cô Rôbinxon này lý lịch tử tế lắm, tôi phải thừa nhận cô ấy là người rất chín chắn, dễ chịu. Tôi tin rằng đúng cô ấy là con gái một ông mục sư thật.

Ở bữa tiệc có một người đàn ông mà chưa chắc ông đã nghe tên, nhưng cũng nổi tiếng trong cái phạm vi riêng của ông ta lắm. Ông ta là bá tước Boocxêli. Ông thạo các loại ngọc đá hơn bất kỳ ai trên đời này. Ông ấy ngồi cạnh Mary Lynghét, bà này thì

lúc nào cũng hãnh diện về chuỗi ngọc của mình. Trong lúc nói chuyện, bà ấy hỏi bá tước là ông ta nghĩ thế nào về chuỗi ngọc bà đang đeo. Ông bá tước bảo là chuỗi hạt nom rất xinh. Bà ấy không bằng lòng, mới bảo ông bá tước rằng chuỗi hạt đáng giá những tám nghìn bảng.

Ông bá tước trả lời: "Vâng, cũng đáng đến thế đấy".

Lúc ấy cô Rôbinxon ngồi đối diện với ông bá tước. Tối hôm ấy nom cô rất dễ thương. Tất nhiên tôi nhận ra ngay quần áo cô đang mặc là đồ cũ của Xôphi Livinxton, nhưng nếu không biết cô Rôbinxon là gia sư thì chịu, chẳng ai có thể ngờ.

Ông Boocxêli nói: "Tiểu thư đây cũng có một vòng hạt rất đẹp này".

Mary Lynghết đáp: "À, nhưng đây chỉ là gia sư của bà Livinhxton thôi".

"Biết làm sao được!", - ông kia nói. "Cô ấy đeo một chuỗi ngọc vào loại tuyệt diệu nhất mà tôi thấy trong đời. Chắc phải đến năm chục nghìn bảng".

"Vô lý!"

"Tôi xin cam đoan với bà là đến bấy nhiêu".

Mary Lynghết ngả người ra ghế. Giọng bà ấy hơi the thé:

"Cô Rôbinxon này, cô có biết bá tước Boocxêli vừa nói gì không? Ông ấy bảo rằng chuỗi ngọc cô đeo đáng giá năm chục nghìn bảng".

Đúng lúc ấy bữa tiệc đang lắng chuyện nên ai cũng nghe thấy. Chúng tôi quay hết cả lại và nhìn vào cô Rôbinxon. Cô hơi đỏ mặt lên rồi cười:

"Chà, thế thì em mặc cả được lợi quá, bởi vì em chỉ phải trả có mười lăm silinh⁽¹⁾ thôi".

"Tất nhiên là cô mặc cả được lợi rồi".

Ai nấy đều cười. Chuyện đó dĩ nhiên là phi lý. Chúng ta ai chả từng nghe chuyện các bà vợ đánh lừa chồng rằng chuỗi hạt của họ là giả trong khi đó là chuỗi hạt thật, đắt tiền. Kiểu chuyện ấy cũng có từ đời nào đời nào rồi.

- Cám ơn bà, - chợt nghĩ đến phần nói của mình, tôi bèn lên tiếng.

- Thế nhưng chuyện này mới kỳ quặc: một cô gia sư vẫn chịu làm phận gia sư trong khi có trong tay một chuỗi ngọc trị giá năm chục nghìn bảng. Rõ ràng là vị bá tước đã nói hớ một câu. Rồi một việc lạ lùng đã xảy ra. Cánh tay dài của sự trùng hợp ngẫu nhiên đã thò vào.

- Chả chắc đâu, - tôi vặn vẹo, - nó đã phải thò ra thò vào quá nhiều rồi. Bà đã xem cuốn sách hấp dẫn nhan đề là *Từ điển cách dùng tiếng Anh* chưa nhỉ?

- Tôi mong ông đừng có cắt ngang khi tôi đang kể tới đoạn hồi hộp.

⁽¹⁾ Một silinh : 1/20 bảng Anh.

Nhưng tôi lại phải cắt ngang lần nữa, vì đúng lúc ấy một con cá hồi nường đã được đưa chui qua cánh tay trái của tôi.

- Bà Livinhxton thết chúng ta một bữa ăn thịnh soạn đấy nhĩ! - Tôi nói.

- Cá hồi có béo không? - Laura hỏi.

- Béo lắm, - tôi vừa trả lời vừa làm một miếng to.

- Ông chỉ hươu thôi!

- Tiếp tục đi nào, - tôi nài nỉ. - Cánh tay dài của sự trùng hợp ngẫu nhiên đang sắp sửa cử động.

- À, đúng lúc ấy người quản gia cúi chào cô Rôbinxon rồi thì thào gì đó vào tai cô ta. Tôi cảm thấy cô ta hơi tái mặt đi. Không thoả phần hồng là một sai lầm, ai mà biết được ông trời sẽ giở trò ảo thuật gì trên mặt mình. Chắc chắn là nom cô Rôbinxon có vẻ thảng thốt.

Cô ấy rướn người về phía trước và nói:

"Thưa bà Livinhxton, Đăuxon nói là có hai người đàn ông ngoài kia có chuyện muốn nói ngay với em".

"Được cô cứ đi ra đi", - Xôphi Livinhxton nói.

Cô Rôbinxon đứng dậy đi ra khỏi phòng. Trong óc mọi người cùng lóe lên một ý nghĩ, nhưng tôi nói ra trước tiên. Tôi bảo Xôphi:

"Tôi hy vọng là người ta không đến để bắt cô ấy đi. Chứ không thì khủng khiếp cho chị quá, bà chị thân mến ạ".

Xôphi liền hỏi ông Boocxêli: "Ông Boocxêli này, ông có chắc chắn đây là vòng hạt đích thực không?"

"Hoàn toàn chắc chắn!".

Tôi bèn nói: "Khó có chuyện cô ấy dám cả gan đeo nó hôm nay nếu đó là của ăn cắp".

Mặt Xôphi Livinhxơn tái nhợt như người chết dưới lớp son phấn trang điểm.

Tôi thấy chị ấy đang băn khoăn không biết hòm châu ngọc nữ trang của mình có còn nguyên vẹn không. Tôi chỉ có mỗi dây chuyền kim cương nhỏ này, mà bất giác tôi cũng phải đưa tay lên cổ xem nó có còn ở đấy không.

"Thôi đừng nói chuyện vô lý nữa, - chị Xôphi Livinhxơn nói. - Cô Rôbinxơn moi đâu ra một chuỗi ngọc quý giá làm vậy được".

"Cô ta có thể chứa chấp đồ trộm cắp", - tôi đáp.

"Nhưng lý lịch cô ấy hoàn hảo thế cơ mà". - Xôphi liền bảo.

"Bọn họ lý lịch bao giờ chả tốt". - Tôi nói.

Tôi lại buộc lòng phải cắt ngang lời Laura một lần nữa. Tôi nhận xét:

- Hình như bà còn chưa nhất quán chọn một lập trường thực sự rõ ràng về chuyện này cho lắm.

- Thì nào tôi có gì để mà nghĩ xấu về cô Rôbinxơn đâu! Tôi có toàn những lý do để nghĩ cô ấy là một cô gái rất dễ thương. Thế cho nên nếu có phát hiện ra cô

ấy là loại trộm lỏi đời hoặc là hội viên có tiếng của một hội gồm toàn những kẻ lừa đảo cỡ quốc tế thì mới rùng mình chứ!

- Cứ như trong xi-nê ấy. Tôi thì xưa nay toàn ngỡ rằng chỉ trên phim mới có những sự việc giật gân như thế.

- Thế là chúng tôi nín thở chờ đợi. Trong phòng im phăng phắc không một tiếng động. Tôi tưởng như sắp có tiếng nhốn nháo ở phòng ngoài hoặc ít nhất là một tiếng rú thất thanh. Sự im lặng đáng ngại quá. Thế rồi cửa lại mở, cô Rôbinxon bước vào. Tôi nhận ra ngay là vòng hạt trên cổ cô ta biến mất. Có thể nhận thấy cô ta thất sắc và hồi hộp. Cô ta ngồi vào bàn, và vừa mỉm cười vừa ném ra trên đó...

- Trên cái gì?

- Trên bàn, ông ngốc ạ. Một chuỗi ngọc. - Rồi cô ta nói: "Vòng hạt của em đây", Bá tước Booxêli rướn người về phía trước: "Ồ, đây là vòng hạt giả". Cô Rôbinxon cười: "Thì em đã bảo là giả mà lại". Vị bá tước nói: "Đây không phải là cái chuỗi hạt cô đeo cách đây ít phút". Cô Rôbinxon lắc đầu rồi cười một cách bí hiểm. Chúng tôi ai nấy đều ngỡ ngác. Không rõ Xôphi Livinhxtơn có lấy làm mãn nguyện nhiều lắm về việc cô gia sư tự biến mình thành trung tâm của sự chú ý theo kiểu ấy hay không, nhưng theo tôi thái độ chị ấy có hơi khang khác khi chị ấy bắt cô Rôbinxon giải thích. Cô Rôbinxon kể rằng khi ra đến

phòng ngoài thì cô thấy hai người đàn ông nói rằng họ từ cửa hàng ông Jarót đến. Cô ấy đã mua chuỗi hạt ở đây với giá mười lăm silinh, nhưng đã đưa lại vì cái móc khóa bị hỏng, mãi chiều hôm ấy mới lấy lại. Hai người kia nói là đã đưa nhầm cho cô chuỗi hạt khác. Có người đã đem chuỗi ngọc thực đến để xâu lại, thành thử người phụ việc đã nhầm lẫn. Thật tôi chẳng hiểu người nào mà lại ngu ngốc đến mức đem chuỗi hạt thực sự quý giá đến cửa hàng lão Jarót: cái bọn ở đây có thạo những chuyện ấy đâu, bọn họ chẳng biết đâu là ngọc thật, đâu là ngọc giả cả. Nhưng ông xem, đàn bà cũng lắm người ngố lắm. Thế là chuỗi hạt ấy vào tay cô Rôbinxon, trị giá của nó là năm mươi nghìn bảng. Dĩ nhiên cô Rôbinxon đã trả chuỗi ngọc lại cho họ - cô ta chẳng thể làm gì khác được, tôi đoán vậy, dù trong lòng có tiếc ngán tiếc ngơ đi chăng nữa, còn hai người kia thì đưa cho cô Rôbinxon chuỗi hạt của chính cô. Rồi họ nói rằng tuy chẳng có điều khoản nào bắt buộc - ông biết cái lối ăn nói sĩ diện, hàm hồ của đàn ông khi họ cố tỏ ra thạo việc chứ? - Nhưng họ được lệnh biếu cô một tám ngàn phiếu ba trăm bảng, coi như là khuyến khích hay gọi là gì cũng được. Quả thực cô Rôbinxon có cho chúng tôi xem. Cô ấy sướng như mở cờ trong bụng.

- Thế cũng là số đỏ đấy chứ?

- Ông thì nghĩ thế, chứ hóa ra lại là hại cho cô ta.

- Chà, hại thế nào hở bà?

- Thế rồi đến cái kỳ cô ta được nghỉ, cô ta bảo với Xôphi Livinhxtơn là cô đã quyết định đi Đôvin một tháng để xài hết số tiền ba trăm bảng. Xôphi đã cố ngăn lại và khuyên cô ta hãy gửi tiền vào quỹ tiết kiệm, nhưng cô Rôbinxon chẳng chịu nghe. Cô ta bảo chưa bao giờ có được một cơ hội như thế này và cũng chẳng bao giờ có lại nữa, cho nên ít ra thì cô cũng định sống bốn tuần như một bậc vương giả đã. Xôphi không còn cách nào khác, đành chịu. Chị ấy bán cho cô Rôbinxon cả mớ quần áo chị ấy không thích mặc, vì đã mặc suốt cả mùa đến phát ớn lên rồi. Chị ấy bảo là cho cô Rôbinxon chỗ quần áo ấy, nhưng tôi không tin hẳn như thế - tôi dám nói là Xôphi bán rất rẻ. Thế là cô Rôbinxon một thân một mình lên đường đi Đôvin. Ông thử nghĩ xem chuyện gì sẽ xảy ra?

- Tôi cũng xin chịu, - tôi đáp. - Hi vọng rằng cô ấy được vui chơi thỏa chí.

- Đấy, còn một tuần nữa đến thời gian phải quay về thì cô ấy viết thư cho Xôphi nói rằng cô ấy đã thay đổi ý định và đã chuyển sang nghề khác, mong bà Livinhxtơn thứ lỗi cho nếu cô không trở về nữa. Tất nhiên Xôphi tội nghiệp cứ lộn ruột lên. Sự thực thì ở Đôvin cô Rôbinxon đã vớ được một anh chàng có của người Achentina rồi theo anh ta lên Pari. Từ bấy trở đi cô ta ở Pari. Tôi đã có lần trông thấy cô ta ở cửa hiệu Florăngxơ, đây xuyên lên đến tận khuỷu tay,

ngọc ngà quấn tăng tăng lớp lớp quanh cổ. Tất nhiên tôi coi cô ta như chết rồi. Nghe người ta đồn cô ta có ngôi nhà ở Boa đờ Bulônơ, còn tôi thì tôi biết cô ta có một chiếc ô tô hiệu Rôn-x. Trong vài tháng cô ta lại bỏ anh chàng người Achentina để bám lấy một gã Hy Lạp. Chẳng rõ bây giờ cô ta sống với thằng nào, nhưng tóm gọn lại một câu là chắc cái ngữ ấy là đưa trốn chúa lộn chồng nhất ở Pari.

- Khi bà nói cô ta bị làm hại tức là bà dùng từ ấy trong nghĩa thuần túy của bà, tôi xin kết luận như vậy.

- Tôi chẳng hiểu ông nói thế là ngụ ý gì, - Laura nói. - Nhưng ông xem ông có thể xây dựng thành một truyện ngắn được không?

- Không may là tôi đã viết một truyện ngắn về chuỗi ngọc đeo cổ rồi. Chả lẽ lại cứ viết mãi truyện về các chuỗi ngọc.

- Tôi đang phân vân tính viết nó đây. Có điều là nên thay đổi đoạn kết.

- Chà, bà sẽ kết truyện như thế nào?

- Tôi sẽ để cho cô ta đính hôn với một anh thầy ký nhà băng. Anh này đã phải thắng trăm trong chiến tranh, có mỗi một chân chẳng hạn, hoặc là nửa mặt bị bắn bay. Bọn họ sẽ nghèo khốn nghèo khổ, nhiều năm không có hi vọng gì cưới được nhau, anh ta phải chắt chiu dành dụm để mua một ngôi nhà nhỏ ở ngoại ô. Hai người hứa hẹn lấy nhau khi nào

anh ta tiết kiệm được đủ tiền. Thế rồi cô nàng kiếm được ba trăm bảng, họ ngỡ ngàng không dám tin đấy là sự thật, họ sung sướng quá, đến nỗi anh ta khóc trên vai cô nàng. Anh ta sụt sùi như một đứa trẻ. Rồi họ tậu ngôi nhà nhỏ ở ngoại ô và họ cưới nhau, lại có thêm bà mẹ già của anh ta ở cùng. Anh ta đi làm hàng ngày ở nhà băng, còn nếu cô nàng chưa muốn có con vội, cô ta vẫn có thể đi làm gia sư hàng ngày. Anh ta sẽ rất hay ốm - vì vết thương cũ ấy mà, - cô nàng sẽ săn sóc anh ta, thật hết sức cảm động, hết sức ngọt ngào, hết sức đáng yêu.

- Tôi thấy nó có vẻ buồn tẻ thì có, - tôi đánh bạo lên tiếng.

- Phải, nhưng hợp với đạo đức, - Laura trả lời.

Mưa

Lúc này đã gần đến giờ đi ngủ: chỉ sáng mai thôi lúc họ thức dậy là sẽ thấy đất liền. Bác sĩ Mácphâylo châm tẩu và tựa người trên lan can, ông đưa mắt lên trời tìm chòm sao Thập tự phương nam. Sau hai năm ngoài mặt trận với một vết thương phải điều trị lâu hơn bình thường, ông thấy sung sướng được ngụ cư êm ả ở Apia⁽¹⁾ ít nhất là mười hai tháng, và ông cảm thấy dễ chịu với chuyến đi. Bởi vì một số hành khách sẽ xuống tàu ở Pagô-Pagô⁽²⁾ ngày hôm sau, nên tối hôm ấy người ta nhả (chút ít) và trong tai ông còn văng vẳng những nốt nhạc rè rè của cây đàn pianô máy⁽³⁾. Boong tàu đã trở lại yên tĩnh. Xa một chút ông trông thấy bà vợ ngồi trên ghế dài nói chuyện với ông bà Đavítxon và ông

⁽¹⁾ Apia: hải cảng và trung tâm hành chính của Tây Xamoa, trên đảo Upôlu, Nam Thái Bình Dương.

⁽²⁾ Pagô-Pagô: trung tâm hành chính của Xamoa thuộc Mỹ, trên đảo Tutuila.

⁽³⁾ Đàn pianô máy: pianô được trang bị một cơ chế (phát minh ra năm 1850) nhằm thực hiện bản nhạc không cần nhấn phím.

chậm rãi đi về phía họ. Khi ông đã ngồi xuống dưới ánh đèn và bỏ mũ ra rồi, người ta thấy tóc ông đỏ sẫm, với một mảng hói trên đỉnh đầu, và một nước da đỏ, lốm đốm tàn nhang đi kèm lớp lông đỏ; ông trạc bốn mươi, người gầy, mặt hẹp, kỹ tính và khá là mô phạm; ông nói thổ âm Xcốt bằng một giọng nhỏ nhẹ rất thấp.

Giữa ông bà Mácphâyơ và ông bà Đavítxon, những người truyền giáo, đã nảy nở một niềm thân mật do sự gần gũi nhau hơn là do cùng chung sở thích. Cái mối nối chủ yếu giữa họ là việc họ không tán đồng những kẻ suốt ngày đêm tụ họp trong phòng hút thuốc chơi pôkê và britgiơ hay là uống rượu. Bà Mácphâyơ không kém phần khoan khoái trong bụng khi vợ chồng bà là những người duy nhất trên tàu mà ông bà Đavítxon sẵn lòng kết bạn, và ngay cả ông bác sĩ, rụt rè nhưng không ngốc nghếch, trong thâm tâm cũng thấy lời khen hợp lý. Chỉ bởi ông có một trí óc suy xét, nên tối ấy khi về phòng ông mới thả lòng xét nét.

- Bà Đavítxon bảo rằng không biết ông bà ấy chịu đựng sao cho nổi chuyến đi, nếu không có chúng mình. - Bà Mácphâyơ vừa chải cẩn thận bộ tóc giả vừa nói. - Bà ấy bảo chúng mình mới thực là những người duy nhất trên tàu họ có thể chuyện trò với họ.

- Anh thì không nghĩ là một người truyền giáo lại tai to mặt lớn đến mức có thể kênh kiệu như thế.

- Đầu phải kênh kiệu. Em rất hiểu ý bà ấy nói.

Ông bà Đavítxon mà phải giao thiệp với tất cả cái lũ thô bỉ trong phòng hút thuốc ấy thì chẳng dễ chịu tí nào.

- Ông tổ tôn giáo của họ đâu có đòi các thế. - Bác sĩ Mácphâylo cười khúc khích khi nói.

- Tôi đã nói đi nói lại với ông là đừng có đùa cợt với tôn giáo, - vợ ông đáp. - Ai ưa được cái tính như ông, Aléch. Ông chẳng bao giờ tìm thấy cái tốt trong con người ta.

Ông đưa cặp mắt xanh nhợt nhạt liếc bà nhưng không trả lời. Đã nhiều năm chung sống với nhau, ông nhận thức được rằng cứ để cho bà nói lời tối thượng thì dễ đi đến kết cục hòa bình hơn. Ông đã cởi quần áo ra sớm trước bà, rồi leo lên giường tầng trên yên vị nằm đọc sách trước khi ngủ.

Sáng hôm sau, khi ông bước lên boong thì đất liền đã ở gần. Ông nhìn nó với cặp mắt thêm khát. Đó là một dải bờ biển thanh mảnh lấp lánh ánh bạc vươn đột ngột lên những quả đồi phủ rau cỏ xanh um đến tận đỉnh. Những cây dừa xanh dày tiến sát gần mép nước, thấp thoáng trong đó người ta thấy những căn nhà lá của thổ dân Xamoa. Lác đác đây đó lóa sắc trắng, đáng một nhà thờ nho nhỏ. Bà Đavítxon đã ra đứng cạnh ông. Bà vận đồ đen, quanh cổ đeo một dây chuyền vàng, lưng lảng một cây thánh giá con con. Bà nhỏ người, bộ tóc màu nâu xỉn được chải chuốt rất cẩn thận và đôi mắt lồi màu xanh lơ đằng sau cặp kính kẹp mũi không có gọng. Mặt bà

dài như mặt cừu, nhưng không gây cho người ta cái cảm tưởng về sự ngu ngốc, mà đúng hơn là về sự lạnh lợi thái quá. Bà cử động nhanh như chim. Cái điều đáng chú ý nhất ở bà là giọng nói cao, vang như chuông, không có sự chuyển điệu, nó dội vào tai với một sự đơn điệu gay gắt, kích thích thần kinh như thứ tiếng rít không thương xót của cái khoan hơi.

- Thế này đối với bà cũng coi như về nhà rồi, - bác sĩ Mácphây-lơ nói, với nụ cười khó khăn yếu ớt.

- Chỗ đảo chúng tôi ở, ông biết đấy, nó thấp chứ đâu như thế kia. Ở đây là những đảo san hô. Còn đây là nham thạch núi lửa. Chúng tôi còn đi mười ngày nữa mới đến.

- Ở những xứ này, thế đã coi như cái phố cạnh nhà rồi, - bác sĩ Mácphây-lơ nói bông đùa.

- Kể ra nói như thế cũng hơi phóng đại, nhưng ở những vùng biển Nam này, người ta nhìn khoảng cách có khác thật. Cho nên ông nói phải.

Bác sĩ Mácphây-lơ thở dài nhẹ nhẹ.

- May mà chúng tôi không đóng đô ở đây, - bà nói tiếp - Người ta nói đây là cái chỗ khó làm việc ghê gớm. Tàu cứ ghé ra ghé vào làm con người không an tâm; lại còn cái bến hải quan nữa, thật không hay cho dân bản địa. Ở khu chúng tôi không có những khó khăn đại loại như thế. Đây chỉ có một hai dân buôn, mà chúng tôi luôn để mắt tới họ, nếu họ cư xử không đúng, chúng tôi sẽ ra tay buộc họ phải bỏ mà đi.

Sửa cái kính trên mũi, bà nhìn hòn đảo xanh bằng cái nhìn chòng chọc đầy căm ghét.

- Nhiệm vụ đối với những nhà truyền giáo ở đây thật gay go. Tôi lúc nào cũng đội ơn dày của Chúa là ít nhất chúng tôi cũng không phải ở đây.

Quận chỗ Đavítxon ở bao gồm một nhóm đảo nằm về phía bắc Xamoa; chúng cách nhau khá xa, và ông ta thường đi lại bằng xuồng. Những khi ấy vợ ông ở lại trụ sở điều hành công việc. Bác sĩ Mácphâyơ cũng thấy ngán ngẩm khi ông được biết cái hiệu quả tiến hành công việc của bà Đavítxon. Bà kể về sự hư đốn của dân bản xứ bằng cái giọng không gì kìm nén được, bao hàm vẻ ghê tởm quá là ngọt xót. Ý thức về sự tao nhã ở bà thật độc đáo. Lúc mới quen bà đã nói với ông:

- Ông này, tập tục cưới xin của họ khi chúng tôi mới đến ở đảo gớm ghiếc đến nỗi tôi không thể tả cho ông nghe được. Nhưng tôi sẽ kể với bà Mácphâyơ rồi bà ấy sẽ nói lại với ông.

Rồi ông thấy vợ mình và bà Đavítxon, hai cái ghế sát nhau, chuyện trò nghiêm túc khoảng hai tiếng đồng hồ. Khi ông đi qua đi lại ngang chỗ họ để luyện cơ thể, thì ông nghe thấy tiếng thì thầm sôi nổi của bà Đavítxon, giống như dòng lũ xa xa trên núi, và qua cái miệng há ra và bộ mặt bệch màu của vợ, ông hiểu là vợ ông đang kinh qua cơn khiếp hãi. Buổi tối, khi đã về phòng, bà kể lại với ông những điều đã nghe mà hơi thở như chừng lại.

- Đấy, tôi đã nói với ông mà! - Bà Đavítxon thốt lên đắc ý vào buổi sáng hôm sau. - Ông đã bao giờ nghe chuyện gì ghê gớm hơn chưa? Ông không thể tưởng tượng được tại sao tôi lại không kể thẳng với ông, phải không? Dù rằng ông là bác sĩ.

Bà Đavítxon quan sát mặt ông một cách chăm chú. Bà rất đổi hăm hở nhìn ngắm cái hiệu quả mong muốn mà bà đã đạt được.

- Ông có thể tưởng tượng được rằng chúng tôi chụng lòng lại ghê gớm khi mới đến không? Ông hẳn khó tin lời tôi, nếu tôi bảo với ông là không thể tìm đâu ra một cô gái tốt ở bất cứ làng nào.

Bà ta dùng chữ *tốt* trong cái nghĩa chuyên môn rất hẹp.

- Ông Đavítxon và tôi vẫn thường nói chuyện ấy với nhau, và chúng tôi đã quyết định việc đầu tiên là phải sớm dẹp cái trò nhẩy nhót lại. Dân bản xứ cứ cuồng lên vì nhẩy.

- Tôi cũng đâu có phản đối nó hồi tôi còn trẻ, - bác sĩ Mácphâylo nói.

- Tôi đã đoán ra khi thấy ông mời bà Mácphâylo nhẩy với ông một vòng tối qua. Tôi nghĩ thực ra cũng chẳng hại gì, nếu một người đàn ông nhẩy với vợ mình, nhưng tôi thấy thanh thản hơn, nếu người vợ không nhẩy. Có những hoàn cảnh tôi nghĩ tốt hơn cả là chúng ta nên tránh giao tiếp.

- Những hoàn cảnh nào thế?

Bà Đavítxon đưa mắt liếc nhanh ông qua cặp kính kẹp mũi, nhưng không trả lời vào câu hỏi của ông.

- Đối với những người da trắng thì nó không hẳn như vậy, - bà tiếp tục. - Nhưng phải nói rằng tôi đồng ý với ông Đavítxon nhà tôi, ông ấy bảo không thể hiểu nổi làm sao một anh chồng lại có thể đứng đấy mà nhìn vợ mình trong vòng tay một người đàn ông khác. Về phần tôi thì tôi chưa bao giờ nhảy lấy một bước kể từ khi lấy chồng. Cái điệu nhảy bản xứ lại còn hơn thế nữa. Nó không những trái đạo đức về bản chất, mà rõ ràng nó còn dẫn đến sự mất đạo đức. Cho nên tôi vẫn tạ ơn Chúa là chúng tôi đã dẹp nó đi, và tôi cho rằng tôi đúng khi nói là không một ai nhảy nhót gì nữa ở quận chúng tôi suốt tám năm nay.

Lúc này tàu đang đi vào cửa bến và bà Mácphâylo đến nhập với họ. Con tàu quay mạnh và từ từ tiến vào. Đây là một bến cảng đất liền bao quanh và đủ lớn để chứa cả một hạm đội tàu chiến; xung quanh nó có những ngọn đồi xanh nổi lên, cao và dốc. Gần cửa bến, đón làn gió nhẹ từ biển thổi vào là ngôi nhà thống đốc trong một căn vườn. Lá cờ Sao và Vạch uể oải dong đưa trên cột. Tàu họ chạy ngang qua hai ba ngôi nhà một tầng gọn gàng, một sân chơi tennít rồi tiến lại cái cầu tàu với những nhà kho. Bà Đavítxon chỉ chiếc tàu buồm bỏ neo cách bờ độ hai ba trăm yát, nó sẽ chở họ đến Apia. Trên bờ có một đám đông người bản xứ háo hức ồn ào, vui vẻ từ khắp nơi trên đảo kéo đến, một số thì vì tò mò, số khác đến để đổi

chác với du khách trên tuyến đường đi Xitnây⁽¹⁾: họ đem đến dừa và những nải chuối lớn, vải *tapa*⁽²⁾, chuối hạt đeo cổ bằng vỏ sò hay răng cá mập, bát loa *kava*⁽³⁾, và các hình mẫu thuyền chiến. Các thủy thủ Mỹ, gọn gàng chỉnh tề, mày râu cạo nhẵn và vẻ mặt bộc trực, đi lại ung dung trong đám đông, lại còn có một nhóm nhỏ các quan chức. Trong khi hành lý được chuyển lên bờ, ông bà Mácphâylo và bà Đavítxon ngắm đám đông. Bác sĩ Mácphâylo nhìn những mụn ghẻ cóc mà hình như đa số trẻ em và thiếu niên mắc phải, những vết lở loét dị dạng như những đám nhọt đã hơi xối, và cặp mắt chuyên môn của ông sáng lên khi ông lần đầu tiên trong nghề trông thấy các trường hợp của bệnh phù voi. Những người đàn ông đi đi lại lại với cánh tay nặng nề, to xù hay kéo lê cái chân khổng lồ bị định hình. Đàn ông, đàn bà đều mặc *lava-lava*⁽⁴⁾.

- Thật là một thứ quần áo khiếm nhã, - bà Đavítxon nói. - Ông Đavítxon nhà tôi vẫn cho là nó phải bị luật cấm. Làm sao ông có thể trông mong con người ta có đạo đức được khi họ chẳng mặc gì ngoài cái dải vải đỏ quanh hông?

- Nó khá thích hợp với khí hậu, - ông bác sĩ nói, tay lau mồ hôi trên mặt.

(1) Xitnây: thành phố cảng lớn ở bờ biển đông nam Ôxtơrâylia.

(2) Loại vải không dệt, làm bằng tapa (lớp vỏ mềm của một loại cây dâu) ở các đảo Thái Bình Dương.

(3) Kava: một loại đồ uống chế từ một thứ rễ cây tán nhỏ.

(4) Lava-lava: Một loại khố in hoa của người Xamoa.

Giờ họ đã đặt chân lên đất liền. Cái nóng, dù mới chỉ là sáng sớm, đã rất ngột ngột. Bị khép chặt bởi những quả đồi, không có lấy một hơi gió nào lọt vào Pagô-Pagô.

- Ở đảo chỗ chúng tôi, - bà Đavítxon lại tiếp tục bằng cái giọng cao vút của mình, - chúng tôi hầu như đã diệt trừ được cái khố *lava - lava*. Chỉ có một ít ông già là còn mặc nó mà thôi. Phụ nữ thì chuyển sang mặc kiểu áo *Mother Hubbard*⁽¹⁾, đàn ông thì mặc quần dài và mang áo lót. Ngay từ lúc mới đến, ông nhà tôi đã nói trong một báo cáo: cư dân những đảo này không bao giờ thành tín đồ Cơ đốc giáo hoàn hảo cho đến khi mỗi cậu bé trên mười tuổi được cho mặc quần tử tế.

Rồi bà Đavítxon đưa cái nhìn giống như chim lên những đám mây xám nặng nề đang trôi trên cửa bến cảng. Lác đác đã có vài hột mưa.

- Ta tìm chỗ trú thôi, - bà nói.

Họ lần lối đi qua đám đông đến một mái lán bằng tôn. Mưa đã bắt đầu chảy thành dòng. Họ đứng đấy được một lúc thì ông Đavítxon cũng tới nhập vào. Ông tỏ ra khá lịch thiệp đối với ông bà Mácphâyơ trong cả chuyến đi, nhưng không có được cái tính quảng giao của bà vợ, mà dùng nhiều thì giờ vào việc đọc sách.

Ông là một người ít nói, khá lầm lì, và người ta cảm thấy sự niềm nở của ông chẳng qua là cái nghĩa

⁽¹⁾ Một loại áo dài may rộng của phụ nữ.

vụ mà ông tự áp đặt lên bản thân theo kiểu Cơ đốc giáo; ông có bản chất kín đáo và thậm chí hơi ủ dột. Tướng mạo ông thật đặc biệt. Ông rất cao và gầy, tay chân thì dài được ghép nối một cách lỏng lẻo; má hóp và gò má cao lạ kỳ, ông có khí sắc nhợt nhạt đến nỗi làm người ta sửng sốt khi nhận ra đôi môi đầy đặn và đắm dục của ông. Ông để tóc rất dài. Cặp mắt sẫm màu của ông ở sâu trong hốc, to và bi thảm; tay ông có những ngón lớn, dài, khuôn hình đẹp; chúng tạo cho ông cái vẻ rất cường tráng. Nhưng điều gây ấn tượng nhất về ông là cái cảm giác ông tạo cho người ta về một ngọn lửa bị chế áp. Nó thật sâu sắc và có hơi gầy gợn lòng. Ông không phải là loại người dễ chấp nhận sự thân mật.

Ông đem lại một cái tin không hay. Trên đảo đã phát sinh dịch lên sởi, một thứ bệnh nghiêm trọng và thường là nguy hiểm, lan trong đám thổ dân Kanaka, và một trường hợp phát bệnh đã xảy ra trong đội thủy thủ chiếc tàu buồm có nhiệm vụ chở họ đi tiếp. Người bệnh được đưa lên bờ, vào nằm bệnh viện ở chỗ trạm kiểm dịch, nhưng điện đánh từ Apia đến nói chiếc tàu buồm sẽ không được phép vào bến, cho đến khi chắc chắn không có một nhân viên nào khác của tàu bị nhiễm bệnh.

- Thế có nghĩa là ta sẽ phải ở lại đây ít nhất mười ngày nữa.

- Nhưng tôi rất cần có mặt ở Apia, - bác sĩ Mácphâylo nói.

- Chẳng làm thế nào được. Nếu không có thêm trường hợp nhiễm bệnh nào nữa trên tàu thì chiếc tàu sẽ được phép chở hành khách da trắng lên đường, nhưng mọi sự đi lại của người bản xứ sẽ bị cấm trong ba tháng nữa.

- Ở đây có khách sạn không nhỉ? - bà Mácphâylo hỏi.

Đavítxon cười tủm tỉm:

- Không có đâu.

- Thế thì làm thế nào?

- Tôi đã chuyện trò với ông thống đốc. Một thương gia ở dọc phố biển có phòng cho thuê, ý tôi là khi nào mưa ngớt ta sẽ cùng đi đến đấy xem thế nào. Nhưng đừng có trông chờ tiện nghi. Có được cái giường để ngả lưng và cái mái che đầu là phúc đức lắm rồi.

Mưa vẫn không tỏ dấu hiệu gì muốn ngừng, rồi cuộc họ giường dù và khoác áo đi mưa rồi xuất phát. Nơi đây không phải là thành thị mà chỉ là một dãy tòa nhà công sở, một hay hai cửa hiệu, còn ở phía sau, trong đám cây dừa và mã đề, có dăm ba căn nhà của thổ dân. Ngôi nhà mà họ tìm ở cách bến tàu khoảng năm phút đi bộ. Đó là một cái nhà gỗ hai tầng có hàng hiên rộng ở cả hai tầng và mái bằng tôn. Chủ nhà là người lai tên gọi Hon, có chị vợ người bản xứ vây quanh bởi một đàn con nhỏ da ngăm nâu, ở tầng trệt anh ta có một cửa hiệu bán đồ hộp và vải bông. Những gian buồng anh ta chỉ cho họ xem gần như trống không đồ đạc. Trong phòng của ông bà

Mácphâylo chẳng có gì cả ngoài cái giường cũ kỹ thấm hại với cái màn rách bươm, một cái ghế khập khiễng và một cái giá rửa mặt. Họ nhìn quanh chán nản. Mưa vẫn đổ xuống không ngừng.

- Em sẽ không đỡ hết đồ đạc ra đâu, cần gì thì đỡ thứ ấy thôi, - bà Mácphâylo nói.

Bà Đavítxon vào phòng khi bà Mácphâylo đang mở va-li. Trông bà rất nhanh nhẩu và hoạt bát. Hoàn cảnh không lấy gì làm vui vẻ ở xung quanh không hề tác động đến bà.

- Nếu ông bà nghe lời khuyên của tôi thì nên lấy cái kim và miếng vải vá lại cái màn, - bà nói, - không thì đêm nay ông bà không chợp mắt được một phút nào đâu.

- Muỗi ở đây khiếp thế cơ à? - Ông Mácphâylo hỏi.

- Bây giờ đang mùa của chúng đấy. Nếu ông được mời đến dự cuộc vui ở Nhà Chính phủ ở Apia, ông sẽ thấy tất cả các bà đều được phát một cái áo gối để nhét cặp chân của họ vào.

- Giá mà mưa tạnh lấy một lúc nhỉ, - bà Mácphâylo nói. - Tôi sẽ hăng hái hơn khi bắt tay vào sửa soạn cho chỗ ở được tiện lợi, nếu trời nắng ráo.

- Ô, nếu bà đợi trời nắng thì còn đợi lâu đấy, Pagô-Pagô là cái nơi nhiều mưa nhất Thái Bình Dương. Kia kia, những ngọn đồi với cái vịnh kia, chúng thu hút hết nước mưa, dịp này trong năm thì thường thế nào cũng mưa.

Bà chuyển cái nhìn từ Mácphâyơ sang vợ ông, đang đứng với vẻ bất lực hết chỗ nọ đến chỗ kia trong phòng như mất hồn, và bà bậm môi. Bà thấy bà đến phải ra tay chỉ bảo cho họ mới được. Những con người đუნh đoảng như thế này làm bà sốt ruột, tay chân bà ngứa ngáy muốn thu xếp mọi thứ vào cái trật tự mà bà cho là hợp lý nhất.

- Nào, bà đưa tôi cái kim và miếng vải để tôi vá cái màn cho, còn bà thì cứ tiếp tục dở đồ đi. Ăn trưa vào lúc một giờ. Bác sĩ Mácphâyơ này, có lẽ ông nên ra bến tàu xem hành lý nặng của ông đã xếp được vào chỗ nào khô ráo chưa. Ông biết cái đám dân bản xứ này rồi đấy, bọn họ sẽ cứ để hành lý của ông ở cái chỗ mà mưa sẽ dội lên suốt lượt cho mà xem.

Ông bác sĩ lại khoác áo mưa lên mình và đi xuống cầu thang. Ở cửa, Hôn đang đứng nói chuyện với viên trưởng lái của con tàu đã chở họ và với một hành khách đi vé hạng hai mà bác sĩ Mácphâyơ đã trông thấy vài lần trên tàu. Viên trưởng lái, một con người nhỏ bé, quắt queo, hết sức bản, gật đầu chào ông đi ngang qua.

- Cái dịch lên sỏi này thật tồi tệ, bác sĩ nhỉ, - anh ta nói. - Bác sĩ đã ổn định đầu vào đấy cả rồi, nhanh thật.

Bác sĩ Mácphâyơ cho rằng anh ta hơi suồng sã, nhưng vốn tính dè dặt, ông cũng không lấy làm bực mình.

- Vâng, chúng tôi đã thu xếp được căn phòng ở trên gác.

- Cô Thôm xon đây cũng cùng đi tàu với ông đến Apia, nên tôi đã đưa cô đến đây.

Viên trưởng lái giờ ngón tay cái chỉ sang người phụ nữ đứng cạnh. Cô ta quăng hăm bảy, đấy đà, trông hay hay theo cái kiểu hơi thô. Cô ta mặc cái áo váy màu trắng và đội chiếc mũ to màu trắng. Bắp chân mập trong lớp tất vải trắng phình ra trên mép đôi ủng dài trắng bằng da dê bóng. Cô ta nở nụ cười sẵn đón với Mácphây lơ.

- Cái nhà ông này cứ đòi em một đô la rưỡi một ngày cho cái phòng bé tẹo thế kia.

- Giở này, tôi đã bảo anh, rằng cô ta là bạn của tôi, - viên trưởng lái nói: - Cô ấy không thể trả hơn một đô la được, anh rồi phải nhận cho cô ấy thôi.

Anh thương gia người béo, sỏi sỏi, mỉm cười.

- Được, nếu ông đã nói thế, ông Xoan ạ, thì tôi sẽ xem lại xem có thể thay đổi gì được không? Tôi sẽ nói lại với bà Hon nhà tôi, và nếu được, chúng tôi sẽ giảm.

- Đừng có giở cái ngón ấy ra với tôi, - cô Thôm xon nói. - Ta sẽ thu xếp ổn thỏa ngay bây giờ. Ông lấy một đô la một ngày và đừng hòng lấy thêm được một trinh nào nữa.

Bác sĩ Mácphây lơ mỉm cười. Ông phục cái vẻ dạn dĩ trong cách mặc cả của cô. Ông thuộc loại người bảo thế nào thì trả thế ấy. Thà bị thiệt một tí còn hơn cứ phải kỳ kèo. Anh chàng thương gia thở dài.

- Thôi được, nể ông Xoan đây, tôi nhận lời.

- Có thể chứ, - cô Thôm-xơn nói. - Ta vào nhà làm một hộp rượu đi. Em có ít rượu uýt-ky mạch đen chính cống trong cái túi kia, phiên ông Xoan xách hộ. Xin mời cả bác sĩ vào nữa.

- Ô, cảm ơn cô, tôi xin phép được kiếu, - ông trả lời. - Tôi đang phải ra xem chỗ hành lý có đâu vào đấy không.

Ông bước ra ngoài mưa. Mưa dăng thành hàng ở cửa bến và cửa hiệu phía đối diện trông nhòe không nhìn rõ gì. Ông đi ngang qua hai ba người thổ dân, hầu như trần truồng, ngoài cái khố *lava - lava*, và cái ô to trên đầu. Họ bước đi uyển chuyển, cử động khoan thai, cười và chào ông bằng tiếng lạ tai khi ngang qua.

Gần đến giờ ăn trưa ông mới trở về. Bữa ăn của họ đã được bày ra trong phòng khách nhà chủ. Đó là một căn buồng không dành để ở, mà để phô trương lấy tiếng, nó có cái không khí buồn bã ảm mốc. Một dãy ghế nhung có hạng đặt ngăn nắp cạnh tường, và ở giữa trần nhà, được che bởi tám giấy lụa vàng ngăn ruồi, là bộ đèn chùm mạ vàng. Davít-xơn không tới.

- Ông ấy lại chơi ông thống đốc, - bà Davít-xơn nói, - tôi đoán ông thống đốc đã giữ ông nhà tôi ở lại ăn cơm rồi.

Một cô gái thổ dân nhỏ nhắn bưng đĩa bít tết Rambơg đến, và một lát sau anh chủ nhà đến xem họ đã có đủ mọi thứ cần thiết chưa.

- Ta còn có thêm một người cùng trọ nữa thì phải, đúng không anh Hon, - bác sĩ Mácphâylo nói.

- Cô ấy chỉ thuê buồng trọ thôi, - anh thương gia trả lời - Cô ấy ăn cơm riêng.

Anh ta nhìn hai bà với cái vẻ khúm núm.

- Tôi cho cô ấy ở dưới nhà để khỏi trở ngại đến trên này. Cô ấy sẽ không gây phiền hà gì cho các vị.

- Có phải cái cô ở trên tàu ấy không? - Bà Mácphâylo hỏi.

- Vâng, thưa bà, cô ấy ở phòng hạng hai. Cô ấy cũng đi Apia. Có cái chân thú quý trọng dành cho cô ấy.

- À!

Khi anh thương gia đã ra ngoài, Mácphâylo nói:

- Tôi nghĩ chắc cô ấy không được vui vẻ cho lắm với cái bữa ăn trong phòng riêng.

- Nếu cô ta đã ở phòng hạng hai thì tôi cho là cũng vui vẻ được- bà Đavítxon trả lời. - Tôi chưa được biết mặt mũi cô ta ra làm sao.

- Tôi có mặt ở đây đúng lúc viên trưởng lái dẫn cô ta đến. Tên cô ta là Thômxơn.

- Có phải cái người đàn bà nhảy với viên trưởng lái tới qua không? - Bà Đavítxon hỏi.

- Chắc đúng vậy, - bà Mácphâylo nói. - Lúc ấy tôi đã băn khoăn cô ta là người thế nào. Trông cũng khá ăn chơi đấy chứ.

- Không phải loại tử tế chút nào, - bà Đavítxon nói.

Họ bắt đầu chuyển sang những chuyện khác, và

sau bữa ăn, đã mệt vì phải dậy sớm, họ chia tay nhau và đi ngủ. Khi họ tỉnh dậy, tuy trời vẫn còn xám màu và mây còn sà nặng trên đầu, mưa đã tạnh và họ cùng đi dạo trên con đường mà người Mỹ đã xây dọc theo bờ vịnh.

Khi quay về, họ thấy Đavítxon đã về.

- Chúng ta có khi còn ở đây đến nửa tháng ấy, - ông nói về bức dọc, - tôi đã nói hết lý lẽ với ông thống đốc và ông ấy vẫn bảo là chịu không thể làm gì hơn được.

- Ông Đavítxon lúc nào cũng chỉ mong về làm việc thôi, - vợ ông vừa nói, vừa nhìn ông một cách áy náy.

- Chúng tôi đi đã một năm rồi, - ông nói và đi đi lại lại dọc hàng hiên.

- Công việc giao cho các cha truyền giáo người địa phương cai quản, và tôi lo ngay ngáy không biết mọi việc có suôn sẻ không. Họ là những người tốt, tôi không có điều gì phải phàn nàn, họ sùng đạo, thành tâm, và là những tín đồ Cơ đốc giáo thực sự. Cái chất cơ đốc giáo của họ còn khiến cho nhiều kẻ được gọi là tín đồ Cơ đốc giáo ở chính quốc phải đỏ mặt tự xấu hổ, thế nhưng thật tiếc là họ quá thiếu năng lực. Họ có thể tự lập được một lần, họ có thể tự lập được hai lần, nhưng họ không thể tự lập mãi mãi được. Nếu anh giao cho một cha truyền giáo nào đó người địa phương trông coi công việc, thì dù ông ta có đáng tin đến mức nào đi nữa, rồi dần dần anh sẽ thấy ông ta cũng cứ để cho sự bê bối len lỏi vào.

Ông Đavítxon lặng đứng. Với khổ người cao ráo, gầy mảnh và đôi mắt to sáng lóe lên từ khuôn mặt nhợt nhạt, ông là một nhân vật gây ấn tượng sâu sắc. Sự chân thành của ông hiện rõ qua những cử chỉ bốc lửa và qua cái giọng trầm hùng mà rất vang của ông.

- Tôi còn có nhiều việc phải làm lắm. Tôi sẽ hành động và hành động tức khắc. Khi cái cây bị thối, nó phải được chặt bỏ và ném vào lửa⁽¹⁾.

Buổi tối, sau bữa trà ngọt, bữa cuối trong ngày của họ, lúc họ ngồi ở cái phòng khách kiểu cách kia, các bà thì đang lúi húi vào việc và bác sĩ Mácphâylo thì đang hút tẩu, nhà truyền giáo đã kể cho họ nghe về công việc của ông ở các đảo.

- Hồi chúng tôi mới đến, bọn họ không có ý thức gì về tội lỗi cả, - ông nói. - Họ phạm hết điều răn này đến điều răn khác mà không biết đấy là trái. Tôi nghĩ cái phần khó nhọc nhất trong công việc của tôi là đã làm dân chúng bản xứ thấm nhuần ý thức về tội lỗi.

Ông bà Mácphâylo biết là Đavítxon đã làm việc ở quần đảo Xôlômôn năm năm trước khi ông gặp vợ. Bà từng truyền giáo ở Trung Quốc, và họ quen nhau ở Bôxtơn khi cả hai dành một phần kỳ nghỉ để dự một hội nghị truyền giáo. Sau khi lấy nhau, họ được cử đến các đảo, nơi họ vẫn miệt mài với công việc từ bấy đến giờ.

Trong suốt cả cuộc nói chuyện với ông Đavítxon,

⁽¹⁾ Lấy ý từ một câu Kinh thánh (Matt., 3, 10): mỗi cái cây không kết được quả ngọt thì bị đốn xuống và ném vào lửa.

họ thấy toát ra một điều, đó là dũng khí can trường của ông. Ông là một nhà truyền giáo có kiến thức về y học, và bất cứ lúc nào cũng có thể với ông đến đảo này đảo kia trong địa phận ông. Ngay đến tàu đánh cá voi cũng không còn là phương tiện an toàn cho lắm vào mùa mưa ở Thái Bình Dương sóng gió này, ấy vậy mà ông thường được mời đến bằng xuồng thì sự nguy hiểm quả là lớn. Trong những trường hợp ốm đau hay bị tai nạn, ông không bao giờ do dự. Có đến hàng chục lần ông đi cả đêm chẳng xá kể gì bản thân và cũng đã hơn một lần bà Đavítxon tưởng ông mất tích.

- Tôi đôi lúc đã phải xin ông ấy đừng có đi, - bà nói, - hay ít ra thì cũng đợi cho thời tiết êm lặng hơn, nhưng ông ấy chẳng bao giờ chịu nghe. Ông ấy bướng bỉnh, đã quyết định rồi thì không gì lay chuyển được ông ấy.

- Làm sao tôi có thể dạy dân chúng địa phương đặt lòng tin vào Chúa, nếu bản thân tôi ngại làm những việc ấy? - Đavítxon thốt lên. - Không thể nào, không đời nào. Họ biết rằng nếu họ với tôi đến lúc hoạn nạn thì tôi sẽ đến, nếu cái đó nằm trong khả năng của con người. Có ai nghĩ rằng Đức Chúa lại bỏ rơi tôi khi tôi làm việc cho Người không? Mưa sa gió táp đều theo lệnh Người và sóng cả cuộn dâng đều theo lời Người.

Bác sĩ Mácphaylơ là một người đàn ông nhút nhát. Ông chưa bao giờ có thể quen với tiếng rít của

bom đạn ngoài chiến hào. Cái đạo ông làm phẫu thuật ở trạm cấp cứu tiền phương, mồ hôi túa ra trên trán và làm mờ mục kính khi ông cố gắng điều khiển cánh tay run run. Ông hơi rùng mình nhìn nhà truyền giáo.

- Tôi ước giá tôi có thể nói là tôi không bao giờ biết sợ hãi, - ông nói.

- Tôi ước giá ông có thể nói rằng ông tin vào Chúa trời, - ông kia đối đáp lại.

Nhưng vì một lý do nào đó mà buổi tối hôm ấy ý nghĩ của nhà truyền đạo lại quay trở về những ngày đầu hai vợ chồng ông mới lên đảo.

- Đôi lúc bà Đavítxon và tôi nhìn nhau mà nước mắt cứ tuôn dài trên má. Chúng tôi làm việc không ngơi, cả ngày lẫn đêm, mà hình như không thấy có tiến triển. Không biết lúc ấy không có nhà tôi thì tôi sẽ ra sao. Khi tôi thấy ngã lòng, khi tôi gần như tuyệt vọng, thì bà ấy lại truyền cho tôi lòng can đảm và hi vọng.

Bà Đavítxon cúi xuống công việc, và một sắc màu phơn phớt hiện lên trên đôi má gầy của bà. Tay bà hơi run run. Bà không nói nên lời.

- Chúng tôi chẳng có ai giúp cả. Chúng tôi chỉ có một mình, ở cách xa anh em đồng bào hàng ngàn dặm, bị bóng tối vây quanh. Những lúc lòng tôi tan nát và rã rời, bà ấy lại xếp công việc lại một bên, lấy quyển Kinh thánh và đọc cho tôi nghe đến tận lúc sự thư thái trở lại và ngự trị trong tôi như giấc ngủ đến

trên mi mắt trẻ thơ, rồi cuối cùng bà ấy gấp sách lại và nói: "Chúng mình sẽ cứu rồi cho họ, bắt chấp họ". Tôi lại vững lòng tin Chúa Trời và trả lời: "Phải, nhờ Chúa Trời, anh sẽ cứu rồi cho họ. Anh phải cứu rồi cho họ". - Ông tiến lại cái bàn và đứng trước nó như thể đấy là cái bực giảng đạo.

- Bọn họ tha hóa đến nỗi không còn có thể nhận ra sự đồi bại của chính họ. Chúng tôi đã phải làm cho họ hiểu tính chất tội lỗi của những hành động mà họ vẫn cho là tự nhiên. Chúng tôi đã phải cho họ hiểu rằng tội lỗi không chỉ ở chỗ ngoại tình, nói dối và ăn cắp, mà còn ở chỗ phò bày thân thể, nhẩy nhót và không đi nhà thờ. Tôi đã dạy rằng đối với một cô gái, tội lỗi là ở chỗ cứ phơi ngực ra, còn đối với một anh đàn ông là ở chỗ không chịu mặc quần.

- Sao? - Bác sĩ Mácphây lơ hỏi, không khỏi kinh ngạc.

- Tôi đã đặt ra hình phạt. Hiển nhiên, cái cách duy nhất làm họ nhận thức được một hành động tội lỗi là phạt họ nếu họ có hành động ấy. Tôi phạt họ nếu họ không đi nhà thờ. Tôi phạt họ nếu họ nhẩy nhót. Tôi phạt họ nếu họ ăn mặc thiếu nghiêm túc. Tôi có kê giá, mỗi tội đều bị phạt bằng tiền hay bằng lao công. Ít nhất thì tôi cũng đã làm cho họ hiểu.

- Thế có lúc nào họ không chịu nộp phạt không?

- Làm sao họ dám? - Nhà truyền giáo hỏi lại.

- Cũng phải táo gan lắm mới dám đối chọi lại ông Đavít xơn đấy, - vợ ông bậm môi nói.

Bác sĩ Mácphây lơ nhìn Đavít xơn với đôi mắt

băn khoăn. Những điều nghe thấy làm ông sửng sốt, nhưng ông ngập ngừng không dám bày tỏ sự bất đồng của mình.

- Ông nên nhớ rằng tôi có thể dùng đến biện pháp cuối cùng là rút phép thông công của họ.

- Họ có lo lắng đến cái điều ấy không?

Đavítxon khẽ cười và nhè nhẹ xoa tay.

- Họ sẽ không bán được cùi dừa khô. Khi đánh cá họ không được chia phần. Nó có nghĩa gần như chết đói. Đây họ lo lắng nhiều chứ.

- Ông hãy kể cho ông ấy nghe chuyện Phrét Onxon - bà Đavítxon nói.

Nhà truyền giáo hướng cặp mắt rực lửa vào bác sĩ Mácphâylo.

- Phret Onxon là một thương gia Đan Mạch sống ở đảo đã nhiều năm. So với cỡ một thương gia thì anh ta khá giàu. Anh ta không hài lòng lắm khi chúng tôi đến. Anh ta thích gì thì làm nấy. Anh ta tùy ý mua cùi dừa khô, trả cho dân bản xứ bằng cái gì anh ta thích, thế là anh ta trả bằng hàng hóa và rượu ụytki. Anh ta có một cô vợ người địa phương, nhưng vẫn lăng nhăng một cách trắng trợn. Anh ta còn hay say rượu. Tôi đã tạo điều kiện cho anh ta sửa chữa, vậy mà anh ta không chịu. Anh ta cười nhạo tôi.

Giọng Đavítxon trầm xuống khi ông nói những lời cuối cùng, rồi ông im lặng một hai phút. Sự im lặng đầy đe dọa.

- Chỉ trong hai năm anh ta đã lụn bại. Anh ta mất

hết mọi thứ anh ta đã sắm được trong một phần tư thế kỷ. Tôi đã bẻ gãy anh ta, cuối cùng anh ta buộc phải đến gặp tôi như một thằng ăn mày và van nài tôi cho phép anh ta về Xitnây.

- Giá mà ông được trông thấy cảnh anh ta đến gặp ông Davítxon nhà tôi nhỉ, - vợ nhà truyền giáo lên tiếng. - Anh ta từng là một kẻ có thể lực, tích nhiều mỡ trên người, lại có giọng nói to lớn oai phong, thế mà lúc ấy anh ta tóp lại bằng một nửa lúc trước, lúc nào cũng run sợ một phép. Trông anh ta già sọp đi.

Davítxon đắm chiêu nhìn vào màn đêm. Mưa lại đang rơi.

Bỗng từ phía dưới vọng tới tiếng ồn, Davítxon quay lại và nhìn vợ dò hỏi. Đó là âm phát ra từ chiếc máy gramôphôn⁽¹⁾ to và rè, khò khè cất lên một giọng điệu méo lệch.

- Cái gì thế? - Ông hỏi.

- Một hành khách hạng hai thuê phòng ở dưới nhà. Có lẽ âm từ đấy ra.

Họ yên lặng lắng nghe và bây giờ họ đã nghe thấy giai điệu nhảy. Rồi nhạc lại im bật, và họ nghe thấy tiếng mở nút chai lớp độp và tiếng chuyện trò sôi nổi.

- Tôi đoán cô ta tổ chức cuộc vui chia tay với bạn bè trên tàu đấy. - bác sĩ Mácphây lơ nói. - Tàu sẽ nhổ neo vào lúc mười hai giờ thì phải?

⁽¹⁾ Gramôphôn: Máy quay đĩa kiểu cũ.

Đavítxon không nhận xét gì mà chỉ nhìn đồng hồ.

- Bà đã xong chưa? - Ông hỏi vợ.

Bà vợ đứng dậy xếp việc lại:

- Vâng, có lẽ là xong, - bà đáp.

- Giờ này đi ngủ thì chắc hẳn còn sớm, - ông bác sĩ nói.

- Chúng tôi còn đọc nhiều nữa. - bà Đavítxon giải thích. - Dù có ở đâu, chúng tôi cũng đọc đủ một chương trong Kinh thánh mỗi tối trước khi đi ngủ, và chúng tôi nghiên cứu nó kèm cả lời dẫn giải, lại còn bàn luận kỹ lưỡng. Thật là một cách luyện trí óc bổ ích.

Hai cặp vợ chồng chúc nhau ngủ ngon. Trong phòng còn lại ông bà Mácphâylo. Họ không nói câu gì để đến hai ba phút.

- Hay là tôi đi kiểm cổ bài vậy, - cuối cùng ông bác sĩ lên tiếng.

Bà Mácphâylo nhìn chồng lưỡng lự. Cuộc chuyện trò với vợ chồng Đavítxon đã để lại trong bà chút ít cảm giác không thanh thản, nhưng bà không muốn nói ra ý nghĩ của bà là họ đừng chơi bài thì hơn, vì ông bà Đavítxon có thể lại vào đây bất cứ lúc nào. Bác sĩ Mácphâylo đã đem cổ bài về và bà ngắm ông, tuy có cảm giác mơ hồ là có lỗi, trong lúc ông chia bài chơi paxiê. Ở phía dưới cuộc chè chén ồn ào vẫn tiếp diễn.

Ngày hôm sau trời khá lên chút ít, ông bà Mácphâylo, bị buộc phải ăn không ngồi rồi nửa tháng ở Pagô-

Pagô, đã sửa soạn tìm cách thích nghi tốt nhất đối với hoàn cảnh. Họ ra bến cảng và lấy một số sách trong những hòm hành lý của họ. Ông bác sĩ còn ghé thăm bác sĩ phẫu thuật trưởng ở bệnh viện hải quân và cùng đi quanh các giường bệnh với ông ta. Rồi họ để lại danh thiếp ở chỗ ông thống đốc. Trên đường họ gặp cô Thômxơn. Ông bác sĩ ngả mũ, còn cô ta thì tặng ông cái câu "Chào bác sĩ" bằng cái giọng to, vui vẻ. Cô vẫn ăn mặc như ngày hôm trước, áo ngoài màu trắng, đôi ủng trắng bóng có gót cao, bắp chân mập phình ra phía trên ủng, trông thật ngộ trong cái quang cảnh ngoại lai kỳ thú kia.

- Phải nói là cô ta ăn mặc không hợp lắm nhỉ. - Bà Mácphâyơ nói. - Em thấy cô ta trông nhớ nhăng quá.

Khi họ về đến nhà, cô ta đang chơi đùa với một đứa con của chủ nhà ngoài hiên.

- Nói với cô ta đôi lời, - bác sĩ Mácphâyơ thì thào với vợ - Cô ta có một mình ở đây, lẽ cô ta đi kể cũng không hay lắm.

Bà Mácphâyơ vốn rụt rè, nhưng bà vẫn có thói quen làm theo ý chồng.

- Thế ra ta cùng trọ chung ở đây đấy nhỉ? - Bà hỏi khá ngộ nghĩnh.

- Bị nhốt chung như trong chuồng ngựa thế này khủng khiếp thật, phải không bà? - Cô Thômxơn trả lời. - Người ta bảo em có buồng mà ngủ là may đấy. Em không hình dung được là phải ở nhà dân địa

phương. Không hiểu sao lại không có lấy một cái khách sạn nhỉ?

Họ trao qua đổi lại vài câu nữa. Cô Thômxơn, cả tiếng và hay nói, rất muốn được chuyện phiếm thêm nữa, nhưng bà Mácphâyơ lại không sẵn cái kho chuyện vặt vãnh, nên bà nói:

- Thôi, có lẽ chúng tôi phải lên gác có việc.

Buổi tối, lúc mọi người đã ngồi vào bữa trà ngọt; ông Đavítxơn bước vào và nói.

- Tôi thấy cái chị đàn bà dưới kia có hai gã thủy thủ ngồi chơi. Không hiểu cô ta quen họ ra sao.

- Chị ta đâu có quá kén chọn, - bà Đavítxơn nói.

Mọi người đều đã mệt mỏi sau một ngày nhàn rỗi vô công rồi nghỉ.

- Nếu cứ thế này mà kéo ra nửa tháng thì rồi không biết chúng ta sẽ cảm thấy ra sao, - bác sĩ Mácphâyơ lên tiếng.

- Cái cách duy nhất là chia từng ngày ra cho các hoạt động khác nhau, - nhà truyền giáo trả lời. - Tôi sẽ để ra một số giờ nhất định để nghỉ ngơi và một số giờ để luyện tập, dù mưa hay nắng, mùa mưa thì đừng để ý đến làm gì cho mệt. Và cũng nên dành thì giờ nghỉ ngơi.

Bác sĩ Mácphâyơ nghi ngại nhìn sang người đối thoại với ông. Chương trình của Đavítxơn đề lên tâm trí ông. Họ lại vẫn ăn cái món bít tết Hambơơ lần nữa. Hình như đó là món ăn duy nhất mà người nấu

bếp biết làm. Rồi bên dưới, cái gramôphôn lại cất giọng. Đavítxơn trong lòng bức bối khi nghe thấy âm thanh kia, nhưng ông không nói gì. Những giọng đàn ông nổi lên. Khách của cô Thômxơn cùng hòa giọng vào một bài hát quen biết, nghe thấy cả tiếng cô ta, to và khàn. Khá nhiều tiếng cười nói ồn ào. Bốn người trên gác gác nói chuyện, nhưng bắt buộc dĩ vãng phải nghe tiếng chạm cốc và tiếng xô ghế. Hẳn là có thêm khách mới đến. Cô Thômxơn đứng ra tổ chức tiệc vui này.

- Không hiểu sao cô ta kéo lắm khách đến thế nhỉ
- bà Mácphâyơ bắt thần nói chen vào câu chuyện về y học giữa chồng bà và nhà truyền giáo.

Câu nói ấy để lộ ý nghĩ của bà đang lan man tận nơi nào. Khuôn mặt Đavítxơn bỗng giật giật, chứng tỏ rằng tuy đang nói chuyện khoa học, tâm trí ông cũng đang để ở hướng khác. Rất đột ngột, trong lúc ông bác sĩ đang dẫn kinh nghiệm thực hành ở mặt trận Phlândơ⁽¹⁾ chẳng lấy gì làm lý thú cho lắm, ông Đavítxơn đứng phắt dậy kêu lên một tiếng.

- Chuyện gì thế, anh Anphrét? - Bà Đavítxơn hỏi.

- Phải rồi! Thế mà tôi không nghĩ ra. Cô ta đi từ Aiuyli tới.

- Không thể như vậy được.

- Cô ta lên tàu ở Hônôlulu. Cái đó thì chắc chắn rồi. Cô ta sẽ làm cái nghề cũ ở đây. Ở đây.

⁽¹⁾ Phlândơ (Bỉ) là nơi giao tranh trong Đại chiến thế giới lần I.

Ông thốt ra lời cuối với một xúc cảm phần nộ.

- Aiuyli nó thế nào? - Bà Mácphâylo hỏi.

Ông quay đôi mắt sa sầm sang bà Mácphâylo và nói, giọng ông run lên vì ghê tởm:

- Cái nốt dịch trên mình Hônôlulu. Cúm nhà chứa. Thật là cái vết nhơ của nền văn minh chúng ta.

Aiuyli ở ven rìa của thành phố. Xuôi dọc phố ven bến tàu, trong cảnh tối om, qua cái cầu ọp ẹp tới khi sang đến một con đường vắng tanh, toàn những vết lún và ổ gà, bất thình lình bạn sẽ lộ mặt ra nơi có ánh đèn sáng. Đây là nhà để xe ở hai bên đường, là những quán rượu hào nhoáng, cái nào cũng âm ĩ tiếng đàn pianô máy, đây là những hiệu cắt tóc và quán bán thuốc lá. Không gian như bị khuấy động gây một cảm giác vui nhộn. Bạn có ngoặt xuống con đường hẹp, bên phải hay bên trái, vì con đường cắt Aiuyli ra làm đôi, thì vẫn sẽ thấy mình ở trong phạm vi của quận. Có hàng dãy những ngôi nhà một tầng nho nhỏ, gọn gàng chỉnh chệch trong màu sơn xanh lá cây, còn con đường đi ở giữa thì rộng và thẳng. Nó trải ra giống như một thành phố - vườn hoa. Qua cái vẻ quy củ đáng vì nề, qua trật tự và sự diêm dúa của mình, nó mang lại cái ấn tượng chua chát ghê ghê, bởi lẽ chưa bao giờ sự tìm kiếm tình yêu lại được hệ thống hóa và được sắp đặt đến như vậy. Đường phố có điện thấp thưa thớt và chúng vẫn chìm trong tối nếu không nhờ ánh sáng từ cửa sổ những ngôi nhà một tầng hắt ra. Đàn ông lượn lờ đi lại, ngó số đàn bà

ngồi trên cửa sổ đọc sách hay khâu vá, đa số không để ý đến khách qua đường, và cũng giống như số đàn bà kia, đám đàn ông thuộc đủ mọi chủng tộc. Người Mỹ có, đó là những thủy thủ từ các tàu đậu ngoài cảng, binh sĩ của các tàu chiến, lơ đãng say, lính tráng của các trung đoàn da trắng và da đen đóng trên đảo; người Nhật có, thường đi thành những tốp đôi tốp ba, người Haoai có; người Trung Quốc trong bộ áo dài có, và cả người Philippin đội những chiếc mũ lông bạch cũng có. Họ lặng thinh như thể tâm tư đang bị đè nén. Một vẻ thèm muốn buồn bã.

- Một sự kiện tai tiếng nhất Thái Bình Dương, - Davítxon thốt lên sôi nổi. - Các nhà truyền đạo đã hờ hào chống lại nó hàng mấy năm, cuối cùng báo chí địa phương nắm bắt lấy. Cảnh sát không chịu nhúc nhích. Ông biết cái lý của họ rồi. Họ nói rằng tệ nạn là không thể tránh khỏi, và do đó tốt nhất là khoanh vùng nó lại và kiểm soát nó. Sự thật là bọn họ ăn tiền. Bọn họ ăn tiền của các chủ quán, của bọn ma cô ăn hót gái điếm và của chính lũ đàn bà kia nữa. Cuối cùng bọn họ cũng buộc phải động đây.

- Tôi có đọc chuyện đó trên các báo mang lên tàu ở Hônôlulu. - Bác sĩ Mácphâyơ nói.

- Aiuyli, với tội lỗi và sự nhơ nhớp, đã không còn tồn tại vào cái ngày mà ta đến đây. Cả đám dân nơi đó được đưa ra trước công lý. Không biết tại sao tôi lại không hiểu ra ngay cái đứa đàn bà kia là kẻ thế nào?

- Nhân ông nói chuyện đây, - bà Mácphây lơ nói, - tôi mới nhớ ra cô ta xuống tàu trước khi tàu chạy có vài phút. Tôi còn nhớ lúc ấy tôi đã nghĩ chuyện tàu chạy đến nơi rồi cô ta mới mò lên.

- Thế mà nó dám đến đây! - Đavít xon phần nộ kêu lên. - Tôi không thể để như vậy được. - Ông sai bước ra phía cửa.

- Ông định làm gì - Mácphây lơ hỏi.

- Ông nghĩ tôi sẽ làm gì? Tôi định chấm dứt nó cho rồi. Tôi không thể để cái nhà này biến thành, biến thành...

Ông tìm từ ngữ để khỏi làm thương tổn đôi tai của các bà. Mắt ông rực lóe và khuôn mặt vốn nhợt nhạt của ông lại càng nhợt nhạt trong cơn xúc động.

- Hình như có đến ba bốn người đàn ông ở dưới ấy. - Ông bác sĩ nói, - ông có nghĩ xuống đấy lúc này là khá liều lĩnh không?

Nhà truyền giáo đưa cái nhìn khinh bỉ sang ông và không nói một lời, lao vụt ra khỏi phòng.

- Ông chưa hiểu rõ ông nhà tôi, nếu ông còn cho rằng ông ấy có thể chùn bước khi thực hiện bốn phận chỉ vì sợ nguy hiểm đến bản thân, - bà vợ Đavít xon nói.

Bà ngồi, tay bốn chôn nắm chặt, một đốm đỏ hiện lên trên gò má cao của bà. Bà đang lắng nghe xem chuyện gì sẽ xảy ra bên dưới. Mọi người đều lắng nghe. Họ nghe tiếng ông bước lộp cộp xuống

cầu thang gỗ và tiếng mở toang cửa phòng dưới ấy. Tiếng hát bật đi ngay lập tức, nhưng cái máy gramôphôn vẫn tiếp tục phun ra the thé thứ âm điệu thô thiển của nó. Họ nghe thấy tiếng Đavítxơn và sau đó tiếng âm của một vật gì nặng đổ xuống. Nhạc đã ngừng. Ông ấy đã quăng cái máy hát xuống sàn. Rồi họ lại nghe thấy Đavítxơn nói nhưng không thể phân biệt nổi lời, sau đó là tiếng cô Thômxơn, to nheo nheo, sau nữa tiếng la hét lộn xộn, như thể mấy người cùng ưỡn ngực kêu gào hết cỡ. Bà Đavítxơn hơi há miệng ra, và bà càng nắm chặt tay hơn. Bác sĩ Mácphâylo phân vân hết nhìn bà lại nhìn sang vợ mình. Ông không muốn xuống gác, nhưng ông băn khoăn không biết hai bà có muốn ông xuống không. Có tiếng gì như tiếng ầu ẩu. Âm thanh ấy lúc này đã rõ hơn. Chắc có lẽ Đavítxơn đã bị hất ra khỏi phòng. Cửa đóng sầm một tiếng. Yên ắng trong giây lát rồi họ nghe thấy tiếng Đavítxơn bước lên cầu thang. Ông ấy đi về phòng riêng.

- Tôi về phòng xem sao, - bà Đavítxơn nói.

Bà đứng dậy và đi ra.

- Nếu bà cần tôi, thì cứ gọi nhé. - Bà Mácphâylo nói, rồi khi bà kia đã đi ra: - Tôi mong ông ấy không bị sao cả.

- Sao ông ấy không lo cái việc của mình có hơn không? - Bác sĩ Mácphâylo nói.

Họ ngồi yên lặng được một hai phút rồi cả hai cùng giật mình, vì cái máy hát lại bắt đầu chơi nhạc

một cách thách thức, những giọng điệu cợt nhả lại khàn khàn gào lên lời một bài hát tục tĩu.

Ngày hôm sau, trông bà Đavítxon xanh xao và mệt mỏi. Bà than phiền bị đau đầu, bà già và khô quắt lại. Bà kể với bà Mácphâylo là ông nhà không ngủ tí nào, cả đêm ông ấy ở trong trạng thái kích thích đáng lo, vào lúc năm giờ ông trở dậy ra ngoài. Bọn kia đã ném một cốc bia vào ông, quần áo ông vấy bẩn và lên mùi. Nhưng một ánh lửa ảm đạm lóe lên trong mắt bà Đavítxon khi bà nói về cô Thômxon.

- Cô ta quá tệ, dám miệt thị ông Đavítxon nhà tôi, làm hỏng cả ngày vui, - bà nói. - Ông nhà tôi có tấm lòng bao dung, không ai trong cơn hoạn nạn đến gặp ông ấy mà lại không được vỗ về an ủi, nhưng ông ấy không dung thứ tội lỗi, một khi cơn thịnh nộ chính đáng đã nổi lên thì ông ấy dễ dữ lắm.

- Sao, ông ấy sẽ làm gì? - Bà Mácphâylo hỏi.

- Tôi không biết, nhưng lúc ấy đổ ai xui được tôi đứng trước mũi giày ông ấy.

Bà Mácphâylo rùng mình. Có điều gì đó chẳng lành trong cái cách quả quyết đắc ý của người đàn bà nhỏ bé này. Họ cùng đi ra ngoài, bước xuống cầu thang sát bên nhau. Cửa phòng cô Thômxon đang mở, họ thấy cô ta trong bộ áo khoác lấm láp, đang nấu nướng bên bếp.

- Xin chào, - cô ta nói với ra. - Ông Đavítxon sáng nay đã khá hơn chưa?

Họ đi ngang với vẻ mặt phớt tỉnh, không nói câu

gì, dường như không có cô ta trên đời này. Thế nhưng họ phải đỏ mặt khi cô ta phá lên tiếng cười to nhạo báng.

Bà Đavítxon đột nhiên quay sang cô ta.

- Đừng có mà nói năng cái kiểu ấy với tôi, - bà rít lên. - Nếu cô cứ hỗn với tôi, tôi sẽ bảo người ta tống cô ra khỏi đây, nghe chưa.

- Nay, tôi có mời ông Đavítxon quá bộ vào nhà tôi đâu?

- Đừng dây với cô ta, - bà Mácphâylo vợ vãi thì thào.

Họ bước đi cho đến khi không còn thấy tiếng gì vắng tới nữa.

- Nó trơ tráo, trơ tráo quá, - câu nói bật tung ra từ miệng bà Đavítxon.

Nổi tức giận gần như làm bà nghẹt thở.

Trên đường về họ gặp cô ta đang thơ thẩn đi ra phía bến tàu. Vẫn cái bộ trang phục diêm dúa trên người. Cái mũ rộng màu trắng hoa hoét lòe loẹt, thô thiển như trâu người. Cô ta vui vẻ, lớn tiếng gọi họ khi đi qua, có mấy tay thủy thủ người Mỹ đang đứng đấy cười nhạo nhở trong khi các bà giữ bộ mặt lạnh như tiền. Họ bước vào nhà đúng lúc mưa bắt đầu rơi.

- Tôi cho là cả cái đồng quần áo diêm dúa trên người cô ta thế là đi đứt, - bà Đavítxon chua chát cười nhạo báng.

Họ đã ăn gần được nửa bữa thì Đavítxon mới về.

Người ông ướt sạch sành sanh, nhưng ông vẫn không thay quần áo. Ông ngồi xuống, ủ dột và im lặng, gầy như không ăn, và ông nhìn đắm đắm vào làn mưa xiên xiên. Khi bà Đavítxon kể với ông về hai cuộc chạm trán với cô Thômxơn, ông không nói năng gì. Chỉ mỗi cái nhú mày sâu sắc là chứng tỏ rằng ông đang nghe.

- Ông thấy có nên bảo anh Hon tống cô ta ra khỏi đây không? - Bà Đavítxon hỏi. - Không thể để cô ta hỗn láo với chúng ta được.

- Hình như không còn chỗ nào khác cho cô ta ở? - Mácphâylo nói.

- Cô ta có thể ở với thổ dân.

- Với thời tiết thế này thì ở trong túp lều thổ dân chắc phải khổ sở lắm.

- Tôi đã sống thế hàng năm trời, - nhà truyền giáo nói.

Khi cô gái nhỏ nhắn người bản xứ bưng ra món chuối khô tráng miệng như mọi ngày, Đavítxon quay lại phía cô gái.

- Hỏi cô Thômxơn xem lúc nào tiện để tôi đến thăm, - ông nói.

Cô gái rút rè gật đầu rồi đi ra.

- Sao anh lại muốn gặp cô ta, anh Amphrét? - Vợ ông hỏi.

- Bốn phận của anh là phải gặp cô ta. Anh chỉ ra tay chừng nào đã mở hết mọi đường cho cô ta.

- Anh không biết cô ta là hạng người thế nào à? cô ta sẽ miệt thị anh.

- Cứ để cô ta miệt thị anh. Cứ để cô ta nhỏ vào anh. Linh hồn cô ta đâu có chết, anh phải làm hết sức mình để cứu nó.

Tai bà Đavítxon vẫn còn văng vẳng tiếng cười nhạo báng của cái con đàn điếm kia:

- Cô ta đã đi quá xa.

- Quá xa đối với sự bao dung của Chúa? - Mắt ông đột nhiên sáng lên và giọng ông hóa ngọt ngào và êm dịu - Không bao giờ! Kẻ có tội có thể ngập trong tội lỗi còn sâu hơn bề sâu của địa ngục, nhưng lòng bác ái của Đức Chúa Giêsu vẫn có thể vươn tới được.

Cô gái đem tờ phúc đáp lại.

"Cô Thômixon gửi lời thăm hỏi, và miễn là Đức cha Davítxon không đến vào những giờ làm việc, cô ấy sẽ rất hân hạnh được tiếp Đức cha bất cứ lúc nào".

Mọi người đón nhận bằng sự im lặng lạnh lùng, bác sĩ Mácphâylo xóa vội nụ cười đã nở lên môi. Ông biết vợ ông sẽ không bằng lòng với ông, nếu biết rằng sự hỗn láo của cô Thômixon làm ông buồn cười.

Họ kết thúc bữa ăn trong im lặng. Đoạn hai bà đứng dậy bắt tay vào việc của mình. Bà Mácphâylo lại đan một cái khăn len nữa như vô số cái mà bà đã chế tạo ra từ hồi chiến tranh. Ông bác sĩ thì hút tẩu. Nhưng Đavítxon vẫn ngồi yên trên ghế và bằng cặp

mắt nhắm chiêu, ông nhìn cái bàn. Cuối cùng ông đứng dậy và không nói một lời, ông đi ra ngoài. Họ nghe thấy ông bước xuống cầu thang và nghe thấy cái tiếng "mời vào" đầy thách thức của cô Thôm-xơn khi ông gõ cửa. Ông ở đó với cô ta chừng một giờ. Bác sĩ Mácphây-lơ ngồi ngắm mưa. Nó bắt đầu tác động lên thần kinh ông. Nó không giống cái mưa mềm dịu ở nước Anh chúng ta nhỏ hiền hòa xuống đất; nó tàn nhẫn và có phần khủng khiếp; bạn cảm thấy trong đó biểu hiện ác hiểm của sức mạnh hoảng sợ của tự nhiên. Nó không đổ xuống mà nó trút. Nó hết như cơn hồng thủy từ trên trời giáng xuống, và nó gõ đồm độp trên mái tôn với một sự bền bỉ dai dẳng làm ta phát điên lên được. Đường như nó cũng có cơn giận dữ của nó. Đôi lúc bạn thấy chắc đến phải gào lên nếu nó không dứt, và rồi xương tủy bạn bỗng nhiên cứ mềm nhũn ra, bạn thấy khổ sở và vô vọng.

Mácphây-lơ quay đầu lại khi nhà truyền giáo bước vào. Hai người phụ nữ ngược lên.

- Tôi đã mở mọi đường cho cô ta, tôi đã khuyên bảo cô ta nên ăn năn. Cô ta là loại đàn bà ma quỷ.

Ông ngừng lại. Bác sĩ Mácphây-lơ thấy mắt ông sầm lại và khuôn mặt nhợt nhạt của ông trở nên đanh và nghiêm khắc.

- Giờ thì tôi sẽ cầm lấy cái roi mà Đức Chúa Giê-xu đã dùng để đuổi bọn cho vay nặng lãi và bọn

đổi chác tiền nong ra khỏi Miếu đường của Đấng Chí tôn⁽¹⁾.

Ông đi đi lại lại trong phòng. Miệng ông mím chặt, cặp lông mày đen nhú lại:

- Dù cô ta có chạy cùng trời cuối đất ta cũng sẽ truy đuổi.

Bằng một động tác đột ngột ông quay vòng lại và bước ra ngoài. Họ lại nghe thấy tiếng ông đi xuống cầu thang.

- Ông ấy định làm gì thế? - Bà Mácphâylo hỏi.

- Tôi không rõ, - bà Đavítxon gỡ cặp kính ra và lau nó. - Khi ông ấy phụng sự Đức Chúa, tôi không bao giờ hỏi han điều gì. - Bà thở dài nhẹ nhẽ.

- Bà làm sao vậy?

- Ông ấy đến tàn rạc đi mất. Ông ấy không quý bản thân.

Bác sĩ Mácphâylo biết được những kết quả đầu tiên của hoạt động của nhà truyền giáo qua anh thương gia người lai nơi họ đang trọ. Anh ta gọi ông bác sĩ lại khi ông đi ngang qua cửa hiệu và ra cửa nói chuyện với ông. Khuôn mặt béo của anh ta có vẻ lo ngại.

- Đức cha Đavítxon đã gặp tôi về chuyện cho cô Thômxon thuê buồng, - anh ta nói, - nhưng tôi đâu có

⁽¹⁾ Nhắc đến một tình tiết trong Kinh thánh (St. John, 2.15): Sau khi thấy Miếu đường của Chúa đã biến thành nơi buôn bán đầy những lá buôn và bọn đổi chác tiền nong. Chúa Giêsu đã bện roi và đuổi hết bọn chúng ra khỏi miếu.

biết cô ta là người thế nào lúc cho thuê. Khi người ta đến hỏi thuê, điều mà tôi cần biết là họ có tiền để trả không. Cô ta đã trả tiền trước cho cả tuần rồi.

Bác sĩ Mácphâylo không muốn dính dáng vào chuyện ấy.

- Suy cho cùng thì đây là nhà của anh mà. Chúng tôi mang ơn anh rất nhiều vì đã nhận cho chúng tôi trọ.

Hon thắc mắc nhìn ông. Anh ta không dám chắc Mácphâylo đứng về phía nhà truyền giáo đến mức nào.

- Các cha truyền giáo ăn cánh với nhau lắm, - anh ta ngập ngừng nói. - Nếu họ không ưa một gã thương gia nào thì anh kia chỉ còn nước đóng cửa hiệu và xéo.

- Ông ấy muốn anh đuổi cô ta đi à?

- Không, ông ấy bảo nếu cô ta cư xử cho phải lẽ thì ông ấy sẽ không yêu cầu tôi làm việc ấy. Ông ấy nói cũng phải xét công bằng cho tôi. Tôi đã hứa là không để khách khứa nào ra vào nữa. Tôi cũng đã nói với cô ta điều ấy.

- Thế cô ta trả lời sao?

- Cô ta xỉ vả tôi như tát nước vào mặt.

Anh ta quắp người lại trong cái quần vải bông cũ. Anh ta đã phát hiện ra cô Thômxon là một khách hàng đảo để

- Ô, tôi bảo đảm là cô ta sẽ đi. Cô ta thiết gì ở lại đây nếu không có ai đến chơi.

- Cô ta chẳng còn chỗ nào mà đi cả, chỉ có cách vào nhà thổ dân, mà không một thổ dân nào dám

nhận cô ta lúc này nữa, không ai dám nhận lúc này. Các cha đã công kích cô ta kịch liệt rồi.

Bác sĩ Mácphâylo nhìn mưa rơi:

- Thôi nhé, chắc có đợt trời rạng cũng đến mất công thôi.

Buổi tối, lúc mọi người ngồi trong phòng khách, Đavítxon kể cho họ nghe về những năm tháng đầu đại học. Ông không đủ tiền và phải làm những việc linh tinh khi nghỉ hè để lập thân. Dưới gác yên ắng. Cô Thômxon đang ngồi trong căn phòng nhỏ một mình.

Thế rồi cái máy hát lại đột ngột vang lên tiếng nhạc rin⁽¹⁾. Cô ta mở một cách tự do, để giải nỗi cô đơn, nhưng không có ai để hát nên nó vẫn đượm vẻ buồn. Nó như một tiếng kêu cầu cứu. Đavítxon không thèm để ý đến. Ông đang giữa câu chuyện vui cười dài và tiếp tục, sắc mặt không hề thay đổi. Cái máy hát cứ nổi nhạc. Cô Thômxon cứ quay hết điệu này đến điệu khác. Dường như sự yên tĩnh của buổi đêm làm cô không chịu nổi. Không khí oi ả, lặng gió. Khi ông bà Mácphâylo lên giường, họ không tài nào ngủ được. Họ nằm bên nhau, mắt mở to, tai lắng nghe tiếng vo ve dữ tợn của đàn muỗi ngoài màn.

- Cái gì thế nhỉ? - Bà Mácphâylo thì thào.

Họ nghe thấy một giọng nói, giọng Đavítxon qua vách ngăn bằng gỗ. Nó tiếp diễn với một vẻ kiên trì

⁽¹⁾ Reel: một điệu vũ nhanh của xứ Xcốtlen nước Anh.

đến bên bí và đơn điệu. Ông đang cầu nguyện. Ông đang cầu nguyện cho phần hồn của cô Thômxơn.

Hai ba ngày trôi đi. Bảy giờ mỗi khi họ gặp cô Thômxơn ở giữa đường, cô không chào họ với nụ cười hay với vẻ thân ái nữa; cô đi ngang, mặt phớt tỉnh, cái nhìn sững sủa trên bộ mặt son phấn, cau có, như thể cô ta không trông thấy họ. Anh thương gia bảo với Mácphâyơ là cô ta đã cất công tìm một chỗ trọ khác, nhưng không được. Tối tối cô ta mở đủ các loại nhạc, nhưng sự vui vẻ giả tạo vẫn cứ lộ rõ ra. Nhạc ragtainer⁽¹⁾ thì có một nhịp điệu rạn vỡ, lâm ly như một thứ nhạc tuyệt vọng. Cho đến hôm chủ nhật khi cô ta mở nhạc thì Đavítxơn bảo Hon xuống đề nghị cô tắt ngay vì đó là ngày của chúa. Chiếc máy tắt lịm và căn nhà lại tĩnh lặng chỉ còn tiếng mưa rơi lộp độp, rả rích trên mái tôn.

- Tôi nghĩ cô ta có hơi cáu đấy, - hôm sau anh thương gia nói lại với Mácphâyơ - Cô ta không biết ông Đavítxơn định giữ chước gì ra nữa, nên cô ta sợ.

Sáng hôm ấy Mácphâyơ thoáng trông thấy cô ta và điều làm ông ngạc nhiên là cái vẻ ngạo mạn của cô ta đã biến mất. Trên khuôn mặt cô ta bây giờ là cái nhìn của kẻ bị săn đuổi. Anh người lai đưa mắt liếc nhìn ông.

- Chắc ông không biết ông Đavítxơn định làm gì đâu nhỉ? - Anh ta đánh bạo nói.

⁽¹⁾ Ragtime: một điệu nhạc Mỹ da đen.

- Ô, tôi không biết.

Hon hỏi ông câu ấy thật là khác thường, bởi vì chính ông cũng có ý nghĩ là nhà truyền giáo đang manh tâm một điều gì bí ẩn. Ông có cảm tưởng là ông ta đang chằng một cái lưới xung quanh cô kia, một cách cẩn thận, có hệ thống và bất ngờ, để khi mọi sự đã sẵn sàng sẽ giật dây, thít lại.

- Ông ấy bảo tôi nói lại với cô ta, - anh thương gia nói, - là bất cứ lúc nào nếu cô ta cần ông ấy, thì chỉ việc báo là ông ấy sẽ đến.

- Cô ta nói gì khi anh truyền lại điều ấy cho cô ta?

- Cô ta chẳng nói gì cả. Tôi cũng chẳng nán lại. Nói xong những điều ông ấy dặn, tôi tách ra luôn. Tôi đoán chắc cô ta phải đến phát khóc mất thôi.

- Tôi cảm chắc là sự cô đơn đang tác động lên thần kinh cô ta, - ông bác sĩ nói. - Lại còn mưa nữa, cứ một mình nó cũng đủ làm cho ai cũng phải phát khùng lên rồi, - ông câu kính nói tiếp, - nó có bao giờ dứt ở cái xứ chết tiệt này không nhỉ?

- Mùa mưa thì nó kéo dài khá dai dẳng. Ở đây những ba trăm inơ⁽¹⁾ nước một năm kia mà. Ông cứ để ý cái hình vịnh mà xem. Hình như nó hút hết mưa cả Thái Bình Dương vào đất.

- Mẹ cha cái vịnh, - ông bác sĩ nói.

Ông gãi gãi những nốt muỗi đốt. Ông thấy mình rất cáu kỉnh. Khi mưa tạnh và nắng lên, nó lại giống

⁽¹⁾ Một inơ (inch) bằng 2,54cm.

như cái nhà sậy đang sôi lên, ẩm thấp, ngột ngạt, và bạn có cảm giác là mọi thứ mọc lên với vẻ hung tợn hoang dã. Dân địa phương, vốn có tiếng vui nhộn như trẻ con, lúc ấy, với những hình xăm trên người và tóc nhuộm, dường như có cái gì đó nham hiểm trên vẻ mặt; và khi họ chân đất lẹp xẹp đi ngang qua gót bạn, bất giác bạn phải quay nhìn lại. Bạn cảm thấy như bất cứ lúc nào họ cũng có thể lẹ làng tiến lại sau lưng bạn và xĩa một nhát dao dài vào bả vai bạn. Bạn không thể nói chắc những ý nghĩ đen tối nào đang ẩn đằng sau những cặp mắt mở to của họ. Họ hơi có cái dáng hình của người Ai Cập cổ đại được vẽ trên tường các đền đài; và có vẻ ghê ghê của một cái gì đó quá ư là cổ lỗ trong con người họ.

Nhà truyền giáo tới rồi lại đi. Ông đang bận, nhưng ông bà Mácphâyơ không rõ ông bận việc gì. Hon bảo với ông bác sĩ là ngày nào ông ấy cũng gặp ông thống đốc, và có một lần Đavítxơn cũng nhắc đến viên thống đốc.

- Trông ông ta có vẻ đầy nhuệ khí lắm, - ông nói. - Ấy thế mà lúc đi vào vấn đề cụ thể thì ông ta cứ như người không xương sống ấy.

- Tôi cho như thế có nghĩa là ông ấy không làm đúng những gì ông muốn, - ông bác sĩ bông đùa.

Nhà truyền giáo không cười:

- Tôi muốn ông ấy làm điều phải. Lẽ ra không cần phải thuyết phục một con người làm điều phải mới phải.

- Nhưng cũng có thể có sự bất đồng ý kiến về việc cái gì là phải.

- Nếu một kẻ có cái chân bị hoại thư thì thử hỏi ông có kiên nhẫn được với người nào còn do dự không muốn cưa nó đi không?

- Bệnh hoại thư thì đúng là phải thế thật.

- Thế còn điều trái?

Việc làm của Đavítxơn chẳng bao lâu đã lộ ra. Cả bốn người chỉ vừa mới ăn xong bữa trưa, và họ chưa kịp chia tay nhau để lui về nghỉ trưa trong cái hơi nóng đang trút lên các bà và ông bác sĩ. Đavítxơn không ưa cái thói uể oải ấy. Bất thành linh cửa mở toang và cô Thômxơn bước vào. Cô ta nhìn khắp phòng và tiến lại chỗ Đavítxơn.

- Đồ đê tiện, mày đã nói gì về tao với ông thống đốc? Cô ta giận dữ đến mức nói không ra hơi. Một khoảnh khắc im lặng. Rồi nhà truyền giáo kéo ghế ra.

- Cô Thômxơn, xin mời cô vui lòng ngồi xuống. Tôi vẫn hy vọng có dịp nói chuyện với cô.

- Đồ súc sinh hạ đẳng. - Cô ta phun ra một tràng chửi rủa, tục tĩu và lão xược.

Đavítxơn vẫn giữ cặp mắt nghiêm nghị nhìn cô.

- Với tôi thì những lời lăng mạ có trút lên tôi chẳng ăn nhằm gì, cô Thômxơn ạ, - ông nói, - nhưng tôi lưu ý cô là còn có các bà ở đây.

Lúc này ở cô ta nước mắt đang ganh nhau với cơn giận dữ. Mặt cô ta đỏ bừng và căng phồng như thể cô ta bị nghẹt thở.

- Chuyện gì xảy ra thế? - Bác sĩ Mácphây lơ hỏi.

- Một thằng cha vừa mới đến đây bảo rằng tôi phải đi ngay chuyến tàu tới.

Một tia sáng lóe lên trong mắt nhà truyền giáo. Mặt ông vẫn thản nhiên.

- Cô khó mà trông mong ông thống đốc sẽ để cho cô ở lại đây trong hoàn cảnh như thế.

- Chính ông gây ra, - cô ta thét lên. - Ông đừng có phỉnh tôi. Chính ông gây ra.

- Tôi không muốn dối cô. Tôi đã thúc ông thống đốc làm một việc duy nhất đúng, phù hợp với bổn phận của ông ấy.

- Sao ông không để cho tôi yên? Tôi có làm gì hại đến ông đâu.

- Cô có thể tin chắc rằng nếu cô đã làm điều gì hại đến tôi, thì tôi sẽ là người cuối cùng phẫn uất vì chuyện ấy.

- Ông cứ nghĩ tôi muốn ở lại cái thị xã dở dờ ương ương này đây à? Trông tôi có đến nổi mọi rợ đâu nào?

- Nếu thế thì tôi không thấy việc gì cô phải kêu ca, - ông đáp.

Cô ta kêu lên một tiếng giận dữ không rõ lời rồi vụt chạy ra khỏi phòng. Tiếp đó là sự im lặng ngán ngùi.

- Thật nhẹ lòng khi biết ông thống đốc rốt cuộc đã hành động, - cuối cùng Đavítxơn nói. - Ông ta là

người yếu đuối và hay do dự. Ông ta nói cô kia chỉ ở đây có nửa tháng, và nếu cô đi Apia thì đã lại thuộc quyền tài phán của nước Anh rồi và chẳng còn dính dáng gì đến ông ta nữa. - Nhà truyền giáo đứng phắt dậy và bước dọc căn phòng. - Thật là quá quắt, có những người quyền lực trong tay lại cứ lẩn tránh trách nhiệm. Họ cứ làm như hễ điều tà khuất đi ngoài tầm mắt thì không còn là điều tà nữa. Bản thân cái sự tồn tại của người đàn bà ấy đã là tai tiếng, và không thể đẩy sang đảo khác là xong chuyện. Cuối cùng tôi đã phải đớp thẳng cho ông ta biết.

Lông mày Đavítxon hạ xuống và ông chìa cái cầm cương nghị ra. Trông ông dữ tợn và kiên quyết.

- Ông nói thế là ý thế nào?

- Sự mạng của chúng tôi không được trọn vẹn nếu thiếu ảnh hưởng của Oasinhton. Tôi đã chỉ cho ông thống đốc thấy là sẽ chẳng hay ho gì cho ông ta, nếu có lời phàn nàn về cái cách ông điều hành công việc ở đây.

- Khi nào cô ta phải đi? - Ông bác sĩ hỏi sau giây lát ngừng lời.

- Tàu Xan Franxicô sẽ từ Xítây tới đây thứ ba tới. Cô ta sẽ đi tàu ấy.

Đó là quãng thời gian năm ngày. Ngày hôm sau, sau khi đến bệnh viện với mong muốn có việc gì khá hơn để làm, lúc Mácphâylo ra về đã gần hết cả buổi sáng. Anh người lai gọi ông lại khi ông bước lên cầu thang.

- Xin lỗi bác sĩ Mácphây lơ, cô Thóm xơn đang ốm. Ông ghé vào thăm nom cô ta được chứ?

- Tất nhiên.

Hon dẫn ông vào phòng cô ta. Cô đang ngồi không trên ghế, chẳng đọc sách cũng không khâu vá, mắt nhìn chăm chăm ra phía trước. Cô mặc bộ đồ trắng và đội cái mũ rộng vành có vẽ hoa trên đó. Mácphây lơ nhận thấy da cô vàng bủng dưới lớp phấn, và mắt cô hùm hụp.

- Tôi rất tiếc khi nghe nói cô không được khỏe, - ông nói.

- Ấy không phải em ốm thật đâu. Em nói thế là vì muốn được gặp ông. Em sắp phải thu xếp lên tàu đi Xan Franxixcô rồi.

Cô nhìn ông và ông thấy đột nhiên mắt cô trở nên thảng thốt. Cô mở tay ra rồi lại áp tay lại như bị co giật. Anh thương gia đứng bên cửa lắng nghe.

- Tôi biết, - ông bác sĩ nói.

Cô hơi ghen ngào.

- Đi Xan Franxixcô lúc này thì không được thuận tiện cho em lắm. Trưa hôm qua em có đến ông thống đốc nhưng không tài nào gặp được ông ấy. Em gặp anh thư ký, anh ta bảo em sẽ phải lên tàu và tất cả chỉ có vậy mà thôi. Em phải gặp bằng được ông thống đốc, nên em đợi ngoài cửa nhà ông ấy sáng nay, khi ông ấy ra em trình bày với ông ấy. Ông ấy không muốn nói chuyện, em chắc vậy, nhưng em không để ông ấy bứt khỏi em, cuối cùng ông ấy nói ông ấy cũng chẳng phản

đổi gì chuyện em ở lại đây cho đến khi có tàu đi Xitnây, nếu Đức cha Đavítxon ưng thuận.

Cô dừng lời và lo lắng nhìn bác sĩ Mácphây lơ.

- Tôi không rõ có thể giúp gì được cho cô, - ông nói.

- Em nghĩ chắc ông vui lòng xin giùm em. Em thế có trời soi xét là em sẽ không làm điều gì nữa, nếu ông ấy cho em ở lại. Em sẽ không ra khỏi nhà nếu ông ấy muốn. Chỉ còn không quá nửa tháng nữa thôi.

- Tôi sẽ hỏi ông ấy.

- Ông ấy không ưng thuận đâu, - Hon nói. - Ông ấy sẽ bắt cô đi vào thứ ba, cho nên cô cứ trù liệu đi là vừa.

- Ông hãy nói là em có thể tìm được việc ở Xitnây, cũng dễ thôi. Em có cầu xin gì nhiều đâu.

- Tôi sẽ làm hết sức mình.

- Rồi ông nói cho em biết kết quả ngay nhé. Em chẳng yên tâm làm nổi việc gì chừng nào cụ thể chưa rõ.

Ông bác sĩ thường không thú cái chuyện xin xỏ này lắm, nên ông dùng cách gián tiếp. Ông kể với vợ chuyện cô Thômxơn và nhờ vợ nói với bà Đavítxon. Theo ông thái độ của nhà truyền giáo có vẻ quá nghiệt ngã, và nếu như cô kia có ở thêm nửa tháng nữa ở Pagô-Pagô thì cũng chẳng hại gì. Nhưng ông không trở tay kịp với cái kết quả ngoại giao của ông. Nhà truyền giáo gặp thẳng ông.

- Bà Đavítxon bảo với tôi là cô Thômxơn có nói chuyện với ông.

Bác sĩ Mácphây lơ bị chặn đón trực diện, có cái

vẻ phật ý của một người rụt rè bị buộc phải ngửa bài. Ông cảm thấy mình đang nổi nóng và ông bưng đở mặt.

- Tôi chẳng thấy có gì khác nhau nếu cô ấy muốn đi Xitnây chứ không đi Xan Franxixcô, với lại một khi cô ta đã hứa là sẽ cư xử phải đạo khi còn ở đây, mà ông còn định hành hạ cô ta thì thật quá quắt lắm.

Nhà truyền giáo đồn cái nhìn nghiêm nghị vào ông.

- Tại sao cô ta lại không muốn quay về Xan Franxixcô?

- Tôi không hỏi chuyện ấy, - ông bác sĩ trả lời, pha chút khó chịu. - Mà tôi nghĩ người nào người nấy lo việc mình thì tốt hơn.

Có lẽ đấy không phải là câu trả lời lịch sự cho lắm.

- Ông thống đốc đã ra lệnh trục xuất cô ta bằng con tàu nào rồi đảo trước tiên. Ông ấy làm đúng nhiệm vụ của mình và tôi sẽ không can thiệp vào đó. Sự có mặt của cô ta ở đây là một hiểm họa.

- Tôi nghĩ ông quá ác nghiệt và bạo ngược.

Hai bà ngược nhìn ông bác sĩ có phần lo ngại, nhưng họ chưa phải sợ đến một cuộc cãi lộn, vì nhà truyền giáo đã mỉm cười nhã nhặn.

- Tôi vô cùng tiếc là ông đã nghĩ thế về tôi, bác sĩ Mácphâylo ạ. Ông hãy tin vào tôi, trái tim tôi vẫn rõ máu vì người đàn bà bất hạnh ấy, nhưng tôi vẫn phải cố gắng làm tròn bổn phận của mình.

Ông bác sĩ không đáp. Ông lăm lăm nhìn ra ngoài cửa sổ. Cũng được một lần trời không mưa và bên

kia vịnh thấy rõ những túp lều của một làng bản xứ nép mình dưới bóng cây.

- Nhân lúc này tạnh mưa, có lẽ tôi ra ngoài một chút, - ông nói.

- Xin ông đừng cho tôi có ác tâm vì đã không thể thỏa mãn được ý muốn của ông, - Đavítxon nói với nụ cười buồn bã. - Tôi kính trọng ông rất nhiều, ông bác sĩ ạ, nên tôi sẽ rất lấy làm tiếc nếu ông nghĩ xấu về tôi.

- Tôi cảm chắc là ông có đủ quan điểm tốt về mình để chịu được quan điểm của tôi với sự điềm tĩnh như vậy, - ông bác sĩ bẻ lại.

- Thế thì xin chịu ông, - Đavítxon cười khùng khục.

Khi bác sĩ Mácphaylơ bực bội với chính mình vì đã sỗ sàng đến nỗi hỏng việc, bước xuống cầu thang, thì cô Thômxon đã mở toang cửa đợi ông.

- Thế nào, - cô nói, - ông đã nói với ông ấy rồi chứ ạ?

- Phải, tôi rất tiếc là ông ấy không chịu làm gì khác cả, ông trả lời, bộ dạng luống cuống và không dám nhìn cô.

Nhưng rồi ông đưa mắt nhìn nhanh cô ta, bởi lẽ tiếng sút sùi đã bật ra từ cô ta. Ông thấy mặt cô trắng bệch vì sợ. Ông như bị cơn sốc. Bất chợt một ý nghĩ lóe lên.

- Mà chưa hết hy vọng đâu, cô ạ. Người ta đối xử với cô thế quả là tệ, để tôi đi gặp ông thống đốc xem.

- Ngay bây giờ hả ông?

Ông gật đầu. Mặt cô rạng lên.

- Ông tốt bụng quá. Em chắc thế nào ông ấy cũng cho em nán lại, nếu có ông nói giúp. Em sẽ không làm điều gì sai phạm suốt thời gian ở đây nữa.

Bác sĩ Mácphâylo cũng khó lý giải tại sao ông đã quyết định đến xin ông thống đốc. Ông hoàn toàn đứng đưng với chuyện riêng của cô Thômxơn, nhưng nhà truyền giáo đã chọc tức ông, với tính khí như ông thì điều đó quả là khó chịu. Ông gặp ông thống đốc đang ở nhà. Ông ta người cao, đẹp mã, là một thủy thủ có bộ ria kiểu bàn chải đánh răng màu xám; ông mặc bộ đồng phục trắng tinh.

- Tôi đến gặp ông về chuyện cái cô trọ cùng nhà với chúng tôi, - ông nói. - Tên cô ấy là Thômxơn.

- Tôi đã nghe quá đủ về cô ta rồi, bác sĩ Mácphâylo ạ - ông thống đốc mỉm cười nói. - Tôi đã ký lệnh cho cô ta đi khỏi đây vào thứ ba tuần sau, và đấy là tất cả những gì tôi có thể làm.

- Tôi muốn hỏi ông không rõ ông có thể gia hạn cho cô ta ở lại đến khi chiếc tàu từ Xan Franxixcô đến đây, để cô ấy có thể đi Xítây được hay không. Tôi sẽ bảo đảm về hạnh kiểm cô ta.

Ông thống đốc vẫn mỉm cười, nhưng mắt ông thu lại nghiêm nghị.

- Giá giúp ông được thì hay biết mấy, bác sĩ Mácphâylo ạ, nhưng tôi đã ký lệnh mất rồi và nó phải được thi hành.

Ông bác sĩ cố trình bày mọi lý lẽ, nhưng đến lúc này thì ông thống đốc thôi cười hân. Ông làm lý lắng nghe, mắt nhìn ra chỗ khác. Mácphâylo hiểu là tất cả sẽ chẳng đi đến đâu.

- Tôi lấy làm tiếc là đã gây bất tiện cho một bà nào đó, nhưng dù sao bà ta cũng vẫn phải đi vào thứ ba và không còn cách nào khác được.

- Thế nhưng có gì khác nhau đâu?

- Xin lỗi bác sĩ, nhưng tôi không thấy cần phải giải thích những hành động chính thức của tôi với ai trừ những cấp có thẩm quyền.

Mácphâylo nhìn xuyên suốt ông ta. Ông nhớ lại lời nói bóng gió của Đavítxon là đã dùng đến sự răn đe, và trong thái độ của ông thống đốc ông đọc thấy sự hoang mang tội độ.

- Đavítxon là đồ khỉ gió chỉ thích chọc vào chuyện người khác, - ông nóng nảy nói.

- Nói riêng giữa ta với nhau, bác sĩ Mácphâylo ạ, thì tôi cũng có nhận xét không tốt đẹp lắm về ông Đavítxon, nhưng tôi buộc phải thừa nhận là ông ấy đã sử dụng đúng quyền hạn để chỉ cho tôi thấy tính chất nguy hiểm mà sự có mặt của một người đàn bà tính khí kiêu cô Thômixon mang lại cho xứ này, nơi có một số binh sĩ đóng quân trong dân chúng địa phương.

Ông ta đứng dậy và bác sĩ Mácphâylo cũng đành phải làm theo.

- Tôi phải xin ông thứ lỗi cho tôi. Tôi có mắc chút

công việc. Nhờ ông chuyển lời hỏi thăm của tôi tới bà Mácphâyơ.

Ông bác sĩ ỉu xiu chia tay ông thống đốc. Ông biết thế nào cô Thôm-xơn cũng đợi ông ở nhà, và không muốn nói với cô ta là ông đã thất bại. Ông đi lối cửa sau vào nhà và rón rén lên thang như thể có điều gì lén lút.

Vào bữa ăn ông im thin thít và không được thoải mái, còn nhà truyền giáo thì vui nhộn và sôi nổi. Bác sĩ Mácphâyơ thầm đoán rằng mắt ông kia đang chia vào ông với sự phấn khởi đặc thảng. Ông giật mình biết rằng Đavít-xơn đã tỏ tường việc ông đến thăm ông thống đốc và cái kết cục không đạt của chuyến đi.

Nhưng làm sao ông ta lại nghe được chuyện đó nhỉ? Có cái gì đó ma quái trong quyền năng của con người này. Sau bữa ăn ông thấy Hon ngoài hiên, và làm như thể sắp nói chuyện phiếm với anh ta, ông bước ra ngoài.

- Cô ấy muốn biết là ông đã gặp ông thống đốc chưa, - anh thương gia nói nhỏ.

- Tôi đã gặp rồi. Ông ấy không thể làm gì khác được nữa. Tôi vô cùng tiếc, nhưng tôi cũng không thể làm gì hơn được.

- Tôi cũng đoán biết sự thể sẽ như vậy. Họ không dám làm trái ý các cha truyền giáo đâu.

- Các vị đang nói chuyện gì thế? - Ông Đavít-xơn niềm nở bước ra nhập cuộc.

- Tôi đang bảo là các ông chẳng có hy vọng gì đi

Apina được, ít ra là một tuần nữa, - anh thương gia liền thoáng nói.

Anh ta bỏ đi, còn hai ông thì trở lại phòng khách.

Ông Đavítxon vẫn dành một tiếng sau bữa ăn để nghỉ ngơi. Bỗng có tiếng gõ cửa rụt rè.

- Xin mời vào, - bà Đavítxon cất giọng the thé.

Cửa vẫn không mở. Bà đứng dậy ra mở cửa. Mọi người trông thấy cô Thômxon đang đứng bên ngưỡng cửa. Sự thay đổi trong diện mạo cô ta quả là khác thường. Đâu còn cái dáng điệu chững chạc xác xược vẫn cười nhạo họ bên đường, trước mặt họ là một người đàn bà thiếu não, hốt hoảng. Mái tóc, xưa nay vốn được chải chuốt cẩn thận, xõa bù xù xuống cổ. Cô đi đôi dép lê, mặc váy và cái áo cánh. Quần áo đã cũ bẩn. Cô đứng ở cửa, nước mắt chảy dài trên mặt và không dám bước vào phòng.

- Cô muốn gì? - Bà Đavítxon hỏi xẵng.

- Em muốn nói chuyện với ông Đavítxon có được không? - Cô nói giọng nghẹn ngào.

Nhà truyền giáo đứng dậy và đi lại phía cô.

- Cô Thômxon, mời cô cứ việc vào. - Ông nói về thân ái. - Tôi có thể giúp gì được cho cô?

Cô ta vào phòng.

- Em xin lỗi ông vì những lời đã nói ngày hôm trước và vì... vì mọi cái khác nữa. Có lẽ em hơi nóng nảy. Em xin ông tha lỗi cho.

- Ô có hề gì đâu. Lưng tôi cũng đủ rộng để hứng chịu dăm câu nặng lời mà!

Cô ta bước lại phía ông bằng động tác cực kỳ khúm núm.

- Ông đã trị em đến nơi đến chốn rồi. Em chịu thua ông rồi. Ông đừng bắt em phải về Xan Franxixcô nữa nhé?

Phong thái ân cần của ông biến đi và giọng ông đột nhiên trở nên cứng rắn và nghiêm khắc.

- Tại sao cô lại không muốn quay về nơi ấy?

Cô ta co rúm người lại trước mặt ông.

- Chắc người thân kẻ thuộc của em còn ở đấy. Em không muốn họ trông thấy em như thế này. Em sẽ đi bất cứ nơi nào khác tùy ông định.

- Tại sao cô không muốn quay về Xan Franxixcô?

- Em đã nói với ông rồi.

Ông vươn người về phía trước nhìn chằm chằm vào cô ta, cặp mắt lớn và sáng của ông dường như muốn khoan vào nội tâm của cô. Bất thành linh ông há rộng miệng.

- Trại cải tạo!

Cô bỗng kêu to, rồi ngã xuống chân ông, tay ôm chặt lấy bắp chân ông.

- Đừng bắt em phải về đấy. Có Chúa Trời soi xét, em thề với ông em sẽ làm một người phụ nữ tốt. Em xin chừa từ nay.

Cô ta bật trào ra một tràng những lời nài xin thiếu mạch lạc, và nước mắt tuôn chảy trên đôi má đánh phấn. Ông cúi xuống cô ta, nâng mặt cô lên, buộc cô phải nhìn vào ông.

- Cô phải vào trại cải tạo phải không?

- Em phải trốn cho nhanh trước khi bọn chúng lần ra! - Cô ta thở hổn hển. - Nếu bọn cớm tóm được em thì phải ba năm tù mất thôi.

Ông thả tay đang giữ cô ta ra và cô ta rũ xuống thành một đồng trên sàn, sệt sùi, bi ai. Bác sĩ Mácphây lơ đứng dậy.

- Chuyện này làm thay đổi toàn bộ vấn đề, - ông nói. - Ông không thể bắt cô ấy quay về khi đã biết rõ chuyện. Hãy cho cô ấy một cơ hội hối cải nữa. Cô ấy muốn làm lại cuộc đời.

- Tôi đang có ý cho cô ấy một cơ hội tốt nhất mà cô ấy có được. Nếu cô ấy hối cải thì cứ để cô ấy chấp nhận hình phạt.

Cô Thôm-xơn hiểu lầm câu nói và ngược nhìn lên. Một tia hy vọng ánh lên trong đôi mắt mòng mòng của cô.

- Ông cho em ở lại?

- Không. Cô sẽ lên tàu về Xan Franxixcô vào thứ ba.

Cô ta rên lên khiếp hãi và òa thành thứ tiếng rên rĩ khản đặc khó có thể cho là tiếng người. Cô dí đầu thùm thụp xuống đất. Bác sĩ Mácphây lơ chạy bổ đến và nâng cô dậy.

- Thôi nào, cô chớ có làm thế. Cô nên đi về phòng và nằm nghỉ đi thì hơn. Tôi sẽ kiểm cái này cho cô.

Ông nâng cô đứng dậy và nửa kéo, nửa bế đưa cô

Cô ta bước lại phía ông bằng động tác cực kỳ khúm núm.

- Ông đã trị em đến nơi đến chốn rồi. Em chịu thua ông rồi. Ông đừng bắt em phải về Xan Franxixcô nữa nhé?

Phong thái ân cần của ông biến đi và giọng ông đột nhiên trở nên cứng rắn và nghiêm khắc.

- Tại sao cô lại không muốn quay về nơi ấy?

Cô ta co rúm người lại trước mặt ông.

- Chắc người thân kẻ thuộc của em còn ở đấy. Em không muốn họ trông thấy em như thế này. Em sẽ đi bất cứ nơi nào khác tùy ông định.

- Tại sao cô không muốn quay về Xan Franxixcô?

- Em đã nói với ông rồi.

Ông vươn người về phía trước nhìn chăm chăm vào cô ta, cặp mắt lớn và sáng của ông dường như muốn khoan vào nội tâm của cô. Bất thành linh ông há rộng miệng.

- Trại cải tạo!

Cô bỗng kêu to, rồi ngã xuống chân ông, tay ôm chặt lấy bắp chân ông.

- Đừng bắt em phải về đấy. Có Chúa Trời soi xét, em thề với ông em sẽ làm một người phụ nữ tốt. Em xin chừa từ nay.

Cô ta bật trào ra một tràng những lời nài xin thiếu mạch lạc, và nước mắt tuôn chảy trên đôi má đánh phấn. Ông cúi xuống cô ta, nâng mặt cô lên, buộc cô phải nhìn vào ông.

- Cô phải vào trại cải tạo phải không?

- Em phải trốn cho nhanh trước khi bọn chúng lần ra! - Cô ta thở hổn hển. - Nếu bọn cớm tóm được em thì phải ba năm tù mất thôi.

Ông thả tay đang giữ cô ta ra và cô ta rũ xuống thành một đống trên sàn, sệt sùi, bi ai. Bác sĩ Mácphây lơ đứng dậy.

- Chuyện này làm thay đổi toàn bộ vấn đề, - ông nói. - Ông không thể bắt cô ấy quay về khi đã biết rõ chuyện. Hãy cho cô ấy một cơ hội hối cải nữa. Cô ấy muốn làm lại cuộc đời.

- Tôi đang có ý cho cô ấy một cơ hội tốt nhất mà cô ấy có được. Nếu cô ấy hối cải thì cứ để cô ấy chấp nhận hình phạt.

Cô Thôm-xơn hiểu lầm câu nói và ngược nhìn lên. Một tia hy vọng ánh lên trong đôi mắt mòng mòng của cô.

- Ông cho em ở lại?

- Không. Cô sẽ lên tàu về Xan Franxixcô vào thứ ba.

Cô ta rên lên khiếp hãi và òa thành thứ tiếng rên rĩ khản đặc khó có thể cho là tiếng người. Cô dí đầu thùm thụp xuống đất. Bác sĩ Mácphây lơ chạy bỏ đến và nâng cô dậy.

- Thôi nào, cô chớ có làm thế. Cô nên đi về phòng và nằm nghỉ đi thì hơn. Tôi sẽ kiểm cái này cho cô.

Ông nâng cô đứng dậy và nửa kéo, nửa bế đưa cô

xuống cầu thang. Ông thấy điên tiết với bà Đavítxơn và vợ ông vì cả hai bà không ai chịu nhúc nhích đỡ một tay. Anh người lai đang đứng ở đầu cầu thang chạy lại giúp ông bế cô lên giường. Cô vẫn kêu khóc than vãn rên rĩ. Cô gần như mất hết tri giác. Ông tiêm một liều dưới da cho cô. Người ông nóng bừng và mặt đỏ khi ông bước lên cầu thang.

- Tôi đã đặt cô ấy nằm nghỉ.

Hai người đàn bà và Đavítxơn vẫn ở nguyên cái tư thế như lúc ông rời họ. Họ không động đậy cũng chẳng nói chẳng rằng từ khi ông ra ngoài đến giờ.

- Tôi đang đợi ông, - Đavítxơn nói bằng một giọng xa xăm, lạ tai. - Tôi muốn tất cả các vị cùng tôi cầu nguyện cho linh hồn của người chị em lầm lỗi của chúng ta.

Ông cầm lấy quyển Kinh thánh trên giá và ngồi xuống cái bàn mà họ đã ăn cơm. Nó chưa được dọn sạch. Ông đẩy ấm trà sang một bên dọn để lấy chỗ.

Bằng chất giọng khỏe, vang và sâu lắng, ông đọc lên cái chương mô tả việc Chúa Giêsu Crixto gặp người đàn bà bị bắt vì ngoại tình⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Khi người đàn bà ngoại tình được đưa đến trước Chúa Giêsu, mọi người hỏi Chúa xem có thi hành hình phạt ném đá như tập quán vẫn làm hay không. Chúa Giêsu đáp: Ai là kẻ không có tội trong đám các người thì hãy đứng ra trước tiên ném đá vào kẻ kia. Chúng sinh lần lượt thoái lui sau khi đã tự vấn lương tâm. Chúa mới quay lại bảo người đàn bà: Ta không kết án người, hãy đi đi và đừng mắc thêm tội nữa (St. John, 8.3.11).

- Bây giờ hãy quỳ xuống cùng với tôi và chúng ta sẽ cầu nguyện cho linh hồn người chị em thân thiết của chúng ta, Xađi Thômxơn.

Ông cất tràng cầu nguyện kéo dài và nhiệt thành, trong đó ông cầu xin Chúa Trời hãy rủ lòng thương người đàn bà tội lỗi. Bà Mácphâyơ và bà Đavítxơn quỳ xuống, mắt nhắm lại. Ông bác sĩ bị bất ngờ, đâm lúng túng khó xử, cũng quỳ xuống. Lời cầu nguyện của nhà truyền giáo có một vẻ hùng biện man dã. Ông ta xúc động khác thường. Khi ông tụng kinh, lệ chảy trên má ông. Bên ngoài, cơn mưa tàn nhẫn vẫn rơi, rơi dai dẳng, với một vẻ tai quái dữ dằn quá đời như của con người.

Cuối cùng ông ngừng lại. Ông nghỉ một lát rồi nói:

- Bây giờ chúng ta sẽ nhắc lại kinh lạy Đức Chúa.

Họ tụng kinh rồi sau đó, bắt chước ông, họ từ từ thế quỳ đứng dậy. Mặt bà Đavítxơn nhợt nhạt và thư thái. Bà thấy dễ chịu và tĩnh tại trong lòng, còn ông bà Mácphâyơ bỗng cảm thấy e dè. Họ không biết nhìn đi đâu nữa.

- Tôi xuống dưới nhà xem cô ấy ra sao, - bác sĩ Mácphâyơ nói.

Khi ông gõ cửa phòng cô ta thì Hon ra mở cửa. Cô Thômxơn đang ngồi trên ghế xích đu, khe khẽ sụt sùi.

- Cô đang làm gì thế kia? - Mácphâyơ thốt lên, - Tôi đã bảo cô đi nằm nghỉ cơ mà..

- Em không thể nằm nghỉ được. Em muốn gặp ông Davítxon.

- Có bé con tội nghiệp của tôi ơi, cô tưởng thế là đắc sách đấy hả? Cô không bao giờ lay chuyển được ông ta đâu.

- Ông ấy nói là ông ấy sẽ đến nếu em yêu cầu.

Mácphâyơ ra hiệu cho anh thương gia.

- Anh đi gọi ông ấy vào đây.

Ông cùng cô im lặng chờ đợi trong khi anh thương gia lên gác. Davítxon đi vào.

- Tha lỗi cho em đã cầu ông xuống đây, - cô ta nói, rầu rĩ nhìn Davítxon.

- Tôi đoán thế nào cô cũng cho gọi tôi. Tôi biết Đức Chúa sẽ đáp lại lời cầu nguyện của tôi.

Họ chăm chăm nhìn nhau trong chốc lát rồi cô Thômxon quay đi. Mắt cô luôn lảng tránh khi cô nói.

- Từ trước đến giờ em vẫn là người đàn bà hư. Em muốn ăn năn.

- Tạ ơn Chúa Trời! Tạ ơn Chúa Trời! Người đã thấy rõ lời cầu nguyện của ta.

Ông quay sang hai người đàn ông.

- Để tôi một mình với cô ấy. Bảo bà Davítxon là lời nguyện cầu của chúng ta đã được đáp lại rồi nhé.

Họ đi ra và khép cửa lại sau lưng.

- Ông ta cừ quá, - anh thương gia nói.

Đêm đó bác sĩ Mácphâyơ không tài nào ngủ được cho mãi đến khuya, và khi ông nghe tiếng chân

bước lên gác cửa nhà truyền giáo thì ông nhìn đồng hồ. Đã hai giờ đêm. Ấy thế mà ông ta vẫn chưa lên giường ngay, vì qua tấm vách gỗ ngăn hai phòng bác sĩ Mácphâylo còn nghe thấy ông ta đọc kinh thành tiếng, mãi đến khi chính bản thân ông, vì mệt lử ngủ thiếp đi.

Khi Mácphâylo gặp ông ta sáng hôm sau, ông phải sửng sốt vì diện mạo của nhà truyền giáo. Ông ta còn nhợt nhạt hơn trước, trông mệt mỏi, nhưng mắt ông ta sáng lên một ngọn lửa kỳ quái, như thể ông ta đang tràn trề một niềm vui không ghìm được.

- Tôi muốn ông xuống dưới ấy bây giờ mà xem cô Xadi, - ông ta nói. - Tôi không dám hi vọng là phần xác của cô ta tốt hơn, nhưng phần hồn của cô ta thì... thì biến đổi hẳn.

Ông bác sĩ cảm thấy bất hoải và nóng nảy.

- Đêm hôm qua ông ở dưới ấy với cô ta rất khuya, - ông nói.

- Phải, tôi mà rời cô ấy thì cô ấy không chịu đựng được.

- Trông ông vui sướng như hội ấy nhỉ, - ông bác sĩ cất giọng bưng bực.

Mắt Đavítxon sáng lên ngậy ngậy.

- Lượng cả bề trên đã ban xuống cho tôi. Đêm qua tôi được đặc ân đưa một linh hồn lầm lạc về với vòng tay bác ái của Chúa Giê-xu.

Cô Thômxon lại ngồi trên ghế xích đu. Cái giường vẫn chưa được thu xếp. Căn phòng bừa bộn.

Cô ta cũng chẳng buồn ăn bận gì hơn ngoài cái áo váy mặc ở nhà đã bẩn, tóc cô quăn thành một búi lồi thoi lếch thếch. Cô lau mặt qua quýt bằng khăn ướt, nó sưng mọng và nhăn nheo vì khóc nhiều. Trông cô thật nhếch nhác.

Cô ngược đôi mắt dờ dẩn lên khi ông bác sĩ bước vào. Cô đang sợ hãi và thiếu não.

- Ông Đavítxon đâu rồi, - cô hỏi.

- Nếu cô cần ông ấy, ông ấy sẽ đến ngay bây giờ, - Mácphâylo đáp lại một cách lạnh lùng. - Tôi vào đây xem cô ra sao.

- Ô, em cho là mình vẫn khỏe. Ông khỏi phải lo lắng chuyện ấy.

- Cô đã ăn uống gì chưa?

- Anh Hòn đã đem cho em ít cà phê.

Cô ta hồi hộp nhìn ra cửa.

- Ông tính, ông Đavítxon có xuống ngay không nhỉ? Em cảm thấy không đến nỗi khủng khiếp lắm khi có ông ấy bên cạnh.

- Cô vẫn sửa soạn đi vào thứ ba đấy à?

- Vâng, ông ấy bảo phải thế. Nhờ ông bảo ông ấy xuống đây ngay đi. Ông chẳng giúp ích gì cho em được cả. Chỉ có mình ông ấy là có thể giúp em lúc này được thôi.

- Được lắm, - bác sĩ Mácphâylo nói.

Trong ba ngày tiếp sau nhà truyền giáo dành gần như toàn bộ thời gian của ông cho cô Xađi Thômxon.

Ông chỉ nhập cuộc với mọi người vào bữa ăn. Bác sĩ Mácphâylo nhận thấy ông ta ăn uống một cách khó nhọc.

- Ông ấy dạo này trông rạc đi, - bà Đavítxon nói một cách thương cảm. - Ông ấy đến gục mất, nếu không biết giữ gìn, ấy thế mà ông ấy chẳng biết quý thân mình gì cả.

Còn chính bà thì trắng nhợt ra. Bà kể với bà Mácphâylo là bà không ngủ được. Mỗi khi nhà truyền giáo từ phòng cô Thômxon lên nhà, ông còn đọc kinh cho đến lúc mệt lử, ngay cả khi ấy ông cũng không ngủ lâu. Một hai tiếng sau ông lại đã dậy mặc quần áo và đi cuộc bộ dọc vịnh. Ông có những giấc mơ lạ lùng.

- Sáng nay ông ấy bảo tôi là đã mơ thấy núi non miền Nêbraxca⁽¹⁾. - Bà Đavítxon kể lại.

- Lạ nhỉ, - bác sĩ Mácphâylo nói.

Ông nhớ là đã trông thấy chúng qua cửa sổ xe lửa khi đi xuyên nước Mỹ. Chúng giống như những đụn đất khổng lồ chuột trũi đùn lên, tròn và nhẵn, và chúng mọc lên đột ngột giữa đất bằng. Bác sĩ Mácphâylo nhớ là nó đã gây cho ông ấn tượng như bộ ngực đàn bà.

Ngay cả đối với Đavítxon, việc ông không nghỉ ngơi tí nào như thế cũng quá sức chịu đựng. Nhưng ông đang nhớ bật tận gốc những dấu vết cuối cùng

⁽¹⁾ Nêbraxca: một bang miền trung nước Mỹ.

của tội lỗi còn ẩn náu nơi góc lòng người đàn bà đáng thương kia. Ông đọc kinh cùng với cô ta và cầu nguyện cùng với cô ta.

- Thật tuyệt vời, - một buổi kia ông nói với họ trong bữa ăn tối. - Một cuộc tái sinh thực sự. Linh hồn cô ta, trước đen như bóng đêm, giờ đã trong sạch và trắng như tuyết mới. Tôi cảm thấy hèn mọn và e ngại. Sự hối cải về mọi tội lỗi của cô ấy thật là đẹp. Tôi không xứng đáng động đến viên áo cô ấy.

- Ông còn lòng dạ nào đòi cô ta quay về Xan Franxi cô nữa không? - Ông bác sĩ nói. - Ba năm trong nhà tù Mỹ. Tôi thiết tưởng chắc ông phải cứu cô ta thoát cảnh ấy.

- Ô nhưng ông không thấy à? Điều đó là cần thiết. Ông cứ nghĩ là tim tôi không rõ máu vì cô ấy hay sao? Tôi yêu cô ấy như yêu vợ, yêu chị, yêu em tôi. Suốt quãng thời gian cô ấy ở tù tôi sẽ chịu mọi nỗi đau mà cô ấy phải chịu.

- Nói dốt, - ông bác sĩ không kìm được thốt lên.

- Ông không hiểu vì ông mù. Cô ấy lầm lỗi thì phải gánh chịu. Tôi hiểu cô ấy sẽ phải chịu đựng nhiều. Cô ấy sẽ bị bỏ đói, bị đánh đập và bị nhục mạ. Tôi muốn cô ấy chấp nhận hình phạt của người đời như một sự hy sinh dâng lên Chúa Trời. Tôi muốn cô ấy chấp nhận nó một cách vui vẻ. Cô ấy có được một cơ hội mà ít người trong chúng ta được phú cho. Đức Chúa Trời lòng lành và bao dung vô cùng!

Giọng Davitxơn run run vì xúc động. Khó khăn

lắm ông mới nhận được rành mạch những câu những lời đang xô nhau sôi nổi trên môi.

- Cả ngày tôi cầu nguyện với cô ấy, khi rời cô ấy rồi tôi lại cầu nguyện, tôi cầu nguyện bằng tất cả tinh thần và sức lực, dâng Chúa Giê-xu có thể ban lượng cả xuống cho cô ấy. Tôi muốn truyền vào lòng cô ấy một mong muốn nhiệt thành được chịu sự trừng phạt sao cho đến phút chót, cho dù tôi có cho cô ấy được tự do, cô ấy sẽ vẫn khước từ. Tôi muốn cô ấy cảm được rằng hình phạt tù đầy cay đắng là sự hậu tạ mà cô ấy đặt dưới chân Đức Chúa thiêng liêng, người đã bỏ mình cho cô ấy.

Ngày tháng trôi đi chậm chạp. Toàn bộ mọi người trong nhà, chú tâm vào người đàn bà khốn khổ đang bị dằn vặt dưới gác, đều sống như một nạn nhân sửa soạn chờ ngày làm cái lễ tế dã man suy tôn thần tượng đầm máu. Sự kinh khiếp làm cô đại hản đi. Cô không thể nào chịu đựng nổi sự vắng mặt của Đavít-xơn, chỉ có khi nào ông ở bên cạnh cô mới lấy được can đảm. Cô bám riết lấy ông với một sự quy phục nô lệ. Cô than khóc nhiều, cô đọc Kinh thánh, rồi cầu nguyện. Đôi lúc cô lả đi và thờ ơ. Lúc đó quả thực cô mong mỗi cơn thử thách đầy, bởi lẽ hình như nó mở ra một lối, trực tiếp và cụ thể, thoát khỏi nỗi thống khổ mà cô đang phải chịu đựng. Có không tài nào chống chọi được với những sự khủng khiếp mơ hồ đang tấn công. Cô gác sang một bên mọi sự phù hoa cá nhân và cô lê bước trong phòng, đầu

óc rồi bù, thân hình nhếch nhác trong bộ áo váy lòa loẹt. Cô không thay bộ đồ ngủ đã mặc bốn ngày nay, cũng không đi tắm. Phòng cô bừa bãi rác rưởi. Trong lúc ấy mưa rơi với sự dai dẳng tàn ác. Đáng lý trời phải cạn nước rồi mới phải, thế mà mưa vẫn trút xuống thẳng băng và nặng hạt, lập đi lập lại đến phát điên lên trên mái tôn. Mọi cái đều ẩm ướt và nhớp nhúa. Mốc trên tường và trên đôi ủng đặt dưới sàn. Suốt những đêm mất ngủ lũ muỗi vo ve điệu ca giận dữ của chúng.

- Giá tậnh mưa lấy một ngày thì không đến nỗi tồi tệ thế này, - bác sĩ Mácphâyơ nhận xét.

Mọi người đều mong ngóng cho đến thứ ba khi chiếc tàu đi Xan Franxicô từ Xitnay tới. Sự căng thẳng lên đến tột độ. Về phần bác sĩ Mácphâyơ, lòng thương hại và sự bức dọc của ông đều bị tiêu tan bởi niềm mong muốn thoát khỏi người đàn bà bất hạnh kia. Cái không tránh khỏi phải được chấp nhận. Ông cảm thấy sẽ dễ thở hơn khi con tàu nhỏ neo. Xadi Thômxon sẽ được một thầy ký trong công sở ông thống đốc đi kèm trên tàu. Người này đã lại nhà tối hôm thứ hai và bảo cô Thômxon sẵn sàng vào mười một giờ sáng hôm sau, Đavítxon cũng đang ở đấy với cô ta.

- Tôi sẽ lo để mọi thứ được xong xuôi. Tôi có ý muốn đích thân lên tàu với cô ấy.

Cô Thômxon không nói gì.

Khi bác sĩ Mácphâyơ thổi tắt ngọn nến và chui

vào màn một cách cẩn thận, ông thở dài một tiếng nhẹ nhõm.

- Chà, lạy trời mọi sự thế là xong. Bằng giờ này ngày mai cô ta đã đi rồi.

- Bà Đavítxon cũng sẽ vui mừng đấy nhé. Bà ấy nói ông chồng gây rắc rối như cái bóng, - bà Mácphâylo nói.

- Thế là thành ra một người đàn bà khác rồi.

- Ai cơ?

- Xađi. Có bao giờ em nghĩ là điều ấy có thể xảy ra được đâu. Nó làm người ta thấy mình nhỏ mọn đi.

Bác sĩ Mácphâylo không đáp, lúc này ông đã thiếp đi. Ông mệt rã người, nên ngủ say hơn bình thường.

Ông bị đánh thức dậy vào buổi sáng bởi một bàn tay đặt lên cánh tay ông. Mở mắt ra ông thấy Hon ở cạnh giường. Anh thương gia đặt ngón tay lên mồm để ngăn trước bất kỳ lời thốt ra nào của bác sĩ Mácphâylo và ra ý bảo ông ra ngoài. Thường ngày anh ta mặc cái quần vải thô đã sờn, nhưng lúc này anh đi chân đất và chỉ mặc độc mỗi cái khố *lava-lava* của thổ dân. Anh ta đột nhiên trông man dã hẳn lên. Bác sĩ Mácphâylo thấy người anh ta xám chằng chịt. Hon ra hiệu bảo ông đi ra ngoài hiên. Bác sĩ Mácphâylo đứng dậy khỏi giường và theo anh ta ra.

- Ông đừng gây tiếng động nhé, - anh ta nói thì

thào. - Người ta đang cần ông, ông mặc áo và đi giày vào đi. Nhanh lên.

Thoạt tiên bác sĩ Mácphâylo cứ nghĩ là có chuyện xảy ra với cô Thômxơn.

- Chuyện gì thế, tôi có phải mang đồ nghề đi không?

- Mau lên ông, mau lên mới được.

Bác sĩ Mácphâylo mò vào phòng ngủ, khoác tấm áo mưa ra ngoài bộ pygiama, và đi đôi giày đế cao su. Ông cùng anh thương gia rón rén xuống thang gác. Cửa ra đường đã mở và có khoảng nửa tá thổ dân đang đứng ở đấy.

- Chuyện gì thế? - Ông bác sĩ nhắc lại.

- Ông cứ đi với tôi, - Hon nói.

Anh ta bước ra ngoài cổng, ông bác sĩ theo sau. Dân địa phương đi đằng sau thành một cụm nhỏ. Họ sang đường và đi ra bãi biển. Ông bác sĩ thấy một nhóm thổ dân đứng xúm xít xung quanh một vật gì đó ở ngoài mép nước. Họ đi gấp, khoảng hai chục yát, và dân địa phương tản ra mở đường cho ông bác sĩ. Anh thương gia đẩy ông về phía trước. Thế là ông trông thấy: nằm nửa dưới nước và nửa trên cạn là một vật khủng khiếp - thi thể ông Đavítxơn. Bác sĩ Mácphâylo cúi xuống, ông không phải là người mất bình tĩnh trong những trường hợp khẩn cấp, - ông lật cái thi thể lại. Cổ họng bị khóa từ tai này đến tai kia, trong bàn tay phải vẫn còn lưỡi dao cạo, công cụ để làm cái việc kia.

- Người ông ấy đã lạnh rồi, - bác sĩ nói. - Chắc ông ấy chết đã lâu.

- Một thằng bé trông thấy ông ấy nằm đây lúc nó đang trên đường đi làm, vừa mới đây thôi, thế là nó đến báo tôi biết. Ông có nghĩ là chính ông ấy tự gây ra không?

- Vâng. Phải cho người đi gọi cảnh sát mới được.

Hon nói câu gì đó bằng tiếng địa phương, và hai thanh niên chạy đi.

- Ta phải để ông ấy ở đây cho đến khi cảnh sát đến, - ông bác sĩ nói.

- Họ không được đem ông ấy về nhà tôi. Tôi không cho để ông ấy ở trong nhà tôi được.

- Anh sẽ làm cái mà chính quyền ra lệnh, - ông bác sĩ đáp xẵng. - Thực ra tôi cho là họ sẽ đem ông ấy vào nhà xác.

Họ đứng đợi một chỗ. Anh thương gia lấy một điều thuốc từ khe nẹp trên khố *lava-lava* của mình và đưa một điều khác cho bác sĩ Mácphâylo. Họ vừa hít, vừa nhìn chăm chú vào cái xác. Bác sĩ Mácphâylo không tài nào hiểu được.

- Ông nghĩ tại sao ông ấy lại làm thế nhỉ? - Hon hỏi.

Ông bác sĩ nhún vai. Chỉ trong chốc lát cảnh sát địa phương đã đến, dưới sự chỉ huy của một lính thủy đánh bộ, với một cái cang, và ngay sau đó là hai sĩ quan hải quân và một bác sĩ hải quân. Họ điều hành mọi việc một cách tháo vát.

- Thế còn bà vợ thì sao nhỉ? - Một viên sĩ quan hỏi.

- Bây giờ các ông đã đến thì tôi sẽ quay lại nhà mặc thêm quần áo. Tôi thấy sự việc này quá choáng váng đối với bà ấy. Tốt hơn là đừng để bà ấy trông thấy cho đến khi nào ông ấy được xếp đặt ngay ngắn lại ít nhiều.

- Tôi cũng thấy nên thế, - ông bác sĩ hải quân nói.

Khi Mácphâyơ về tới nhà thì vợ ông đang sửa soạn mặc quần áo.

- Bà Đavítxon đang hoảng lên vì ông chồng, - bà nói ngay khi ông vừa hiện ra. - Ông ấy không về ngủ suốt cả đêm. Bà ấy nghe tiếng ông chồng ra khỏi phòng cô Thômxon lúc hai giờ đêm, nhưng ông ấy đi ra ngoài. Nếu ông ấy còn đi dạo từ ấy đến giờ thì chắc chắn là chết rồi.

Bác sĩ Mácphâyơ kể lại sự việc đã xảy ra và bảo đem tin vào cho bà Đavítxon.

- Nhưng sao ông ấy lại làm thế nhỉ? - Bà hỏi về mặt kinh hãi.

- Anh không biết.

- Nhưng em không làm nổi đâu. Em không đủ sức đâu.

- Em phải vào bảo.

Bà đưa mắt sợ hãi nhìn ông và đi ra. Ông nghe thấy tiếng bà vào phòng bà Đavítxon. Ông đợi một phút lấy lại sức và sau đó bắt tay vào cạo râu rửa mặt. Khi đã mặc quần áo chỉnh tề ông ngồi xuống giường đợi vợ. Cuối cùng bà đi vào.

- Bà ấy muốn được trông thấy chồng, - bà nói.

- Người ta đã đem ông ấy vào nhà xác. Chúng mình sẽ đi cùng với bà ấy vậy. Bà ấy phản ứng ra sao?

- Em nghĩ là bà ấy bàng hoàng cả người. Bà ấy không khóc nhưng run lên như tàu lá.

- Ta đi ngay thôi.

Sau khi họ gõ cửa, bà Đavítxon bước ra. Mặt bà nhợt nhạt, nhưng mắt vẫn khô. Đối với ông bác sĩ thì hình như bà ta điềm tĩnh một cách khác thường.

Không trao đổi lời nào, họ xuất phát, im lặng suốt dọc đường. Khi đến nhà xác, bà Đavítxon mới nói:

- Để mình tôi vào trông ông ấy.

Họ đứng sang một bên. Một người địa phương mở cửa cho bà ta và lại đóng lại sau lưng bà. Ông bà Mácphâyơ ngồi xuống đợi. Một hai người da trắng tới và khe khẽ giọng hỏi chuyện ông. Bác sĩ kể cho họ nghe những điều ông biết về sự việc bí thảm này. Sau cùng cửa lại khe khàng mở và bà Đavítxon đi ra. Im lặng trùm lên họ.

- Tôi sẵn sàng về nhà được rồi, - bà nói.

Giọng bà rắn đanh và đều đều. Bác sĩ Mácphâyơ không tài nào hiểu được cái nhìn ở mắt bà. Khuôn mặt nhợt nhạt của bà trông rất nghiêm. Họ chậm chậm đi về nhà, không nói lấy một lời, cuối cùng họ đi quanh khúc đường cong mà phía bên kia là tới nhà. Bà Đavítxon há hốc miệng và trong khoảnh khắc họ đứng sững lại. Một âm thanh khó tin ập vào tai

họ. Cái máy hát im tiếng dễ từ lâu lắm nay lại đang chơi điệu ragtaimơ to và khàn.

- Chuyện gì thế? - Bà Mácphây lơ kêu lên khủng khiếp.

- Ta cứ đi, - bà Đavítxơn nói.

Họ bước lên cầu thang và vào phòng khách. Cô Thômxơn đang đứng ở cửa buồng của cô, tán dóc với một anh thủy thủ. Một sự thay đổi đột ngột đã diễn ra ở cô. Cô ta không còn cái dáng điệu lao dịch khiếp sợ của những ngày vừa qua. Cô ta vận bộ trang phục diêm dúa, áo dài trắng, đôi ủng cao bóng nhoáng trên đó bấp chân mập của cô phình ra trong đôi tất vải, tóc cô được chải chuốt cẩn thận, và cô đội chiếc mũ to tướng hoa hoét lòe loẹt. Mặt cô được đánh phấn, lông mày đen sẫm rõ nét, đôi môi đỏ chót. Cô ta uốn thẳng người lên. Cô ta lại mang cái vóc dáng lẳng lơ trưng diện mà họ đã từng trông thấy hồi đầu. Khi họ đi vào, cô ta phá lên tiếng cười to cợt nhạo, và sau đó, khi bà Đavítxơn vô tình dừng lại, cô ta thu nước bọt trong mồm và nhổ toẹt ra. Bà Đavítxơn co người lại về phía sau, hai đốm đỏ đột ngột nổi lên trên má bà. Rồi, lấy tay che mặt, bà vùng người chạy nhanh lên thang gác.

Bác sĩ Mácphây lơ nổi giận. Ông ấn dúm cô ta vào buồng.

- Cô đang làm cái trò khỉ gì thế? - Ông quát lên. - Tắt ngay cái máy chết tiệt kia đi.

Ông tiến lại cái máy và giật mạnh cái đĩa ra. Cô ta quay lại phía ông.

- Này, bác sĩ, thôi ngay cái kiểu đâm dờ ấy đi. Ông làm cái mẹ gì trong phòng tôi thế?

- Cô nói cái gì vậy? - Ông quát lên, - cô nói cái gì vậy?

Cô ta đã dồn hết sức lực lại. Không lời nào diễn tả nổi biểu hiện khinh bỉ hay nổi căm giận pha lẫn sự coi thường mà cô ta trút vào câu đáp:

- Đồ đàn ông các ông? Các ông là lũ lợn bán thui, nhơ nhớp! Các ông cùng một giuộc thế cả, tất cả các ông. Lũ lợn! Lũ lợn!

Bác sĩ Mácphaylơ đờ người ra. Ông đã hiểu.

MỤC LỤC

* <i>Giễn</i>	5
* <i>Chàng Đỏ</i>	49
* <i>Chuyến du lịch mùa đông</i>	87
* <i>Kẻ hưởng lạc</i>	119
* <i>Một người có lương tâm</i>	147
* <i>Bất khuất</i>	183
* <i>Lốt sư tử</i>	230
* <i>Sự sa ngã của Etuôt Banot</i>	270
* <i>Người coi giáo đường</i>	329
* <i>An dưỡng đường</i>	342
* <i>Chuối hạt</i>	384
* <i>Mưa</i>	396

S. Maugham

MƯA

Người dịch: NGUYỄN VIỆT LONG



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du – Hà Nội

Tel & Fax: 8.222.135

E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn



Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Phan Hách

Chịu trách nhiệm bản thảo:

Phạm Sông Hồng

Biên tập: ***Phòng VHNN***

Trình bày bìa: ***STARBOOKS***

Sửa bản in: ***Kim Xuân***

In 700 cuốn (khổ 13 x 19 cm). Tại Công ty CP in Anh Việt.

Số đăng ký KHXB: 28 - 2007/ CXB/109 - 01/HNV.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2007.

S. MAUGHAM



Mưa



STAR BOOKS

GIÁ: 55.000Đ